

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

Giải Nghĩa KINH
THIÊN ĐẠO
VÀ THẾ ĐẠO

Hiên Tài
Nguyễn Văn Hồng

Chiếu Theo Ấn Bản Thứ Nhứt
(Tại Hoa Kỳ Năm 2000)

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của DAOCAODAL.INFO. Mọi góp ý, đề nghị thay đổi, sửa chữa những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi email vào địa chỉ: tamnguyen351@live.com

Thành thật tri ơn **HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG, BAN PHỤ TRÁCH KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAL.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, cùng lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 17/11/2011

Tâm Nguyên

Giải Nghĩa
KINH
THIÊN ĐẠO
VÀ THẾ ĐẠO

MỤC LỤC

Giới Thiệu	9
• Giới thiệu của CHÁNH CÔNG (Hữu Phan Quân LÊ VĂN THOẠI)	9
• Tri Ân của Hiến Tài NGUYỄN VĂN HỒNG	10
• Giới Thiệu của Giáo Hữu NGỌC PHỒ THANH	11
• Lời Cầu Nguyện của Hiến Tài NGUYỄN VĂN HỒNG.	12
THAY LỜI TỰA.	13
NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT	19
GIẢI NGHĨA	
KINH THIÊN ĐẠO	23
Kinh Cúng Tứ Thời	25
• NIỆM HƯƠNG	25
• KHAI KINH	36
• Kinh NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ	44
• PHẬT GIÁO	79
• TIÊN GIÁO	98
• NHO GIÁO	126
• DÂNG TAMBŨU: Hoa, Rượu, Trà	146
• BÀI DÂNG HOA	152
• BÀI DÂNG RƯỢU	155
• BÀI DÂNG TRÀ	157
• NGŨ NGUYỆN	160
• PHẬT MẪU CHƠN KINH	166
• TÁN TỤNG CÔNG ĐỨC DIÊU TRÌ KIM MẪU	215
• KINH GIẢI OAN	238
• KINH TÂM THÁNH.	258
Kinh Tận độ Vong linh	271
• KINH CẦU HÓN KHI HẤP HỒI	273

● KINH KHI ĐÃ CHẾT RỒI	283
● KINH TẤN LIỆM	289
● KINH CẦU SIÊU	294
● KINH ĐUẢ LINH CỬU	302
● KINH HẠ HUYỆT	308
● VÃNG SANH THẦN CHÚ	315
● KINH KHAI CỬU ĐẠI TUỒNG & TIỂU TUỒNG.	317
● Kinh Đệ Nhứt Cửu	324
● Kinh Đệ Nhị Cửu	331
● Kinh Đệ Tam Cửu	335
● Kinh Đệ Tứ Cửu	340
● Kinh Đệ Ngũ Cửu	344
● Kinh Đệ Lục Cửu	349
● Kinh Đệ Thất Cửu	353
● Kinh Đệ Bát Cửu	357
● Kinh Đệ Cửu Cửu	361
● KINH TIỂU TUỒNG	367
● KINH ĐẠI TUỒNG	372
● DI-LẠC CHƠN KINH	378
● KINH SÁM HỐI.	400
● Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối	454
● BÀI XUNG TỤNG CÔNG ĐỨC PHẬT TIÊN THÁNH THẦN	456
● GIỚI TÂM KINH	467

GIẢI NGHĨA

KINH THỂ ĐẠO	483
● Kinh Thuyết Pháp	485
● Kinh Nhập Hội	491
● Kinh Xuất Hội	499
● Kinh Đi Ra Đường	504

● Kinh Khi Về	508
● Kinh Khi Đi Ngủ	516
● Kinh Khi Thức Dậy	518
● Kinh Vào Học	521
● Kinh Vào Ăn Com.	531
● Kinh Khi Ăn Com Rối	533
● Kinh Hôn Phối.	535
● KINH TỤNG KHI VUA THĂNG HÀ	542
● KINH TỤNG KHI THẤY QUI VỊ	548
● KINH CẦU TỔ PHỤ ĐÃ QUI LIÊU	553
● KINH CỨU KHỔ	563
● KINH TỤNG CHA MẸ ĐÃ QUI LIÊU	570
● KINH CẦU BÀ CON THÂN BẰNG CỐ HỮU ĐÃ QUI LIÊU	579
● KINH TỤNG HUYNH ĐỆ MẪN PHẦN	587
● KINH TỤNG KHI CHÔNG QUI VỊ	593
● KINH TỤNG KHI VỢ QUI LIÊU	600
HƯỚNG DẪN Tìm nghĩa các chữ khó trong Kinh 610	

**Bản thảo để góp ý và sửa chữa.
Chờ Kiểm duyệt của Hội Thánh.
BẢN MỚI CÓ SỬA CHỮA THEO NHỮNG GÓP Ý.
Canh Thìn 2000**

Giới thiệu của CHÁNH CÔNG (Hữu Phan Quân LÊ VĂN THOẠI)

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
(Năm Đạo thứ 66)
TÒA THÁNH TÂY NINH

Tôi hân hạnh được đọc bản thảo «GIẢI NGHĨA KINH THIÊN ĐẠO & THẾ ĐẠO» của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng. Thật là một kỳ công tra cứu sưu tầm.

Lời Chí Tôn dạy: «Giáo hóa nhơn sanh cầu Triết lý» và Cổ nhơn có câu: «Đọc kinh cầu lý».

Thật vậy, khi giờ cúng tại Tòa Thánh hay tại Thánh Thất, tiếng kinh hòa cùng giọng đờn, nếu chúng ta biết nghĩa lý kinh, luồng tư tưởng phóng ra để dâng lên Đức Chí Tôn và Phật Mẫu cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, thì sự cúng mới thấy cảm ứng, đúng với câu của Thất Nương: «Lễ bái thường hành tâm Đạo khởi».

Đây là ít lời thô thiển của tôi, xin giới thiệu cùng Đạo đồng.

Tây Ninh, ngày 6 tháng 7 năm Tân Mùi.
(dl 15-8-1991)

CHÁNH CÔNG
(Hữu Phan Quân LÊ VĂN THOẠI)

TRI ÂN

Thành kính tri ân:

- **Quý Chức Sắc:** Cửu Trùng Đài,
Hiệp Thiên Đài và
Cơ Quan Phước Thiện,

• **Quý Huynh Tỷ và Quý Thân hữu,**
đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu để soạn giả bổ túc và sửa chữa,
tạm hoàn thành quyển sách “GIẢI NGHĨA KINH THIÊN
ĐẠO & THỂ ĐẠO” này.

Ước mong Quý Chức Sắc, Quý Huynh Tỷ tiếp tục chiêu
cổ, đóng góp thêm ý kiến để chỉnh đốn quyển sách này cho
được hoàn hảo, tạo thành một công trình chung, hầu sau
này hiến dâng bản quyền cho Hội Thánh xử dụng. Đó là tâm
nguyện của soạn giả.

Nay kính.

Hiền Tài **Nguyễn Văn Hồng**

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

(Lục thập lục niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

«*Tạo chúc cầu minh, đọc kinh cầu lý*».

Nhờ ánh sáng ngọn đuốc rọi đường dẫn bước đi vững
chắc. Đọc kinh sách cần rõ thấu lý nghĩa cao siêu thấm nhuần
trong tâm hồn thanh khiết diệu mầu, khi tụng đọc thể hiện
bên ngoài mới tạo được luồng tư tưởng kính tin hiệp hòa từng
tiếng kinh nhịp nhàng bên trong dâng lên khi châu lễ.

Được vậy là mình đã có biết và cảm, tức nhiên thấu đáo
“Chín tầng Trời Đất thông truyền chứng tri.”. Đương nhiên,
luồng tư tưởng và tâm ta mới tiếp nhận sự ứng của Ôn Trên
ban cho, bởi có CẢM mới có ỨNG, sự tu hành mới đoạt thành
quả vị, mới hưởng được Bí Pháp huyền vi.

Quyển «GIẢI NGHĨA KINH THIÊN ĐẠO & THỂ
ĐẠO» do Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng soạn thảo, rất dày
công sưu tầm vào những kinh sách Tam Giáo roi truyền, tra
cứu điển tịch và các bộ Từ điển, có thể giúp ích độc giả hiểu
biết thêm về ý nghĩa lời kinh trong khi tụng đọc, hầu chờ đợi
sau này, quý Chức Sắc Đại Thiên Phong, bậc đàn anh chị lớn
chúng ta bổ cứu, dạy bảo chúng ta thêm những yếu lý cao siêu
nhiệm mầu trong khi chúng ta còn quá nghèo nàn về vốn hiểu
biết trong Đạo học.

Đôi dòng thô thiển chân thành giới thiệu quyển “GIẢI
NGHĨA KINH THIÊN ĐẠO & THỂ ĐẠO” này cùng Quý
Huynh, Tỷ, Đệ, Muội, môn sinh của Đấng Cao Đài Thượng Đế.

Giáo Hữu **NGỌC PHỒ THANH**

Lời Cầu Nguyện

Thành tâm cầu nguyện

Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu,
Tam Tông Chơn Giáo, Tam Trấn Oai Nghiêm,
Đức Quyền Giáo Tông, Đức Phạm Hộ Pháp,
và Các Đấng Thiêng Liêng:

Con xin dâng lên Thân phụ và Thân mẫu của con phần công đức do con lập được trong việc biên soạn quyển “Giải nghĩa Kinh Thiên Đạo & Thế Đạo”, để cầu cho linh hồn Thân phụ và Thân mẫu con được siêu thăng, an nhàn nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Hiền Tài **Nguyễn Văn Hồng**
kính bái

THAY LỜI TỰA

Trình bày tổng quát

Đọc suốt các bài Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo của Đạo Cao Đài, chúng ta nhận thấy các Bài Kinh này có thể được phân làm 2 nhóm theo 2 khuynh hướng Triết lý khác nhau:

* Khuynh hướng Triết lý thứ nhất:

Đóng cửa Địa Ngục và mở cửa các tầng Trời.

Điển hình là 2 Bài Kinh: Phật Mẫu Chơn Kinh (PMCK) và Kinh Giải Oan (KGO), với các câu:

*Vô Địa Ngục, vô quỷ quan,
Chí Tôn đại xá nhứt trường qui nguyện.*

(PMCK)

*Đóng Địa Ngục, mở tầng Thiên,
Khai đường Cực Lạc, dẫn miền Tây phương.*

(KGO)

Khuynh hướng Triết lý này thể hiện rõ ĐĐTKPĐ là thời kỳ Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn trong buổi cuối Hạ Ngươn Tam Chuyển bước qua Thượng Ngươn Tứ Chuyển.

Đức Chí Tôn đã ra lệnh đóng cửa Địa Ngục, giải phóng tất cả các tội hồn để cho họ chuyển kiếp luân hồi, trả cho xong hết các oan khiên nghiệp chướng, đồng thời lo việc tu hành, để được Đức Chí Tôn cứu vớt, và Đức Chí Tôn cũng ra lệnh mở cửa Cực Lạc Thế Giới để rước những Chơn linh có đầy đủ công đức đắc đạo trở về.

* Khuynh hướng Triết lý thứ nhì:

Vẫn còn cảnh Địa Ngục và Thập Điện Diêm Vương với các hình phạt nặng nề trừng trị các tội hồn đã gây ra nhiều lỗi lầm trong kiếp sanh nơi cõi trần. Các hình phạt nặng nề nơi cõi Địa Ngục đó là: Nấu dầu, xay, cửa, đốt, giã, bào lạc, răn ăn thịt, mổ bụng moi tim, móc mắt, ...

Diễn hình là 2 Bài Kinh: Kinh Sám Hối (KSH) và Giới Tâm Kinh (GTK), với các câu:

*Con bất hiếu, xay, cưa, đốt, giã,
Mổ bụng ra phanh rã tìm gan.*

(KSH)

*Nơi Địa Ngục gông cùm sẵn đủ,
Để răn loài dâm phụ gian phu.*

(GTK)

Khuynh hướng Triết lý thứ nhì này thể hiện rõ Giáo lý của Phật giáo và của Thiên Chúa giáo thuộc thời Nhị Kỳ Phổ Độ, tức là thời kỳ trước khi mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (tức Đạo Cao Đài) vào năm Bính Dần (1926).

Nhóm này gồm 4 Bài Kinh:

- Kinh Cầu Siêu
- Kinh Sám Hối
- Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối
- Giới Tâm Kinh.

Bốn bài Kinh này do các Đấng Thiêng Liêng giảng cơ ban cho Chi Minh Lý và Minh Tân, là 2 Chi trong Ngũ Chi Minh Đạo của Việt Nam, rồi khi mở Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn dạy Hội Thánh đến 2 Chi Minh Lý và Minh Tân, thỉnh 4 bài Kinh ấy về làm Kinh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Mặt khác, từ trước đến nay, Hội Thánh chưa có ban hành sách vở hay tài liệu giải thích tất cả các bài Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, mà chỉ có một vài tài liệu giải thích tổng quát một số ít bài Kinh mà thôi, xin kể ra:

– Tứ Thời Nhật Tụng Kinh (có Chú giải) của 2 vị Đầu Sư: Thượng Trung Nhật và Ngọc Lịch Nguyệt, có biên chữ Hán kèm theo và có chú giải các bài Kinh Cúng Tứ Thời.

– Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giải nghĩa Bài Phật Mẫu Chơn Kinh.

Lúc đó, chúng tôi ao ước có đặng một quyển sách giải

nghĩa tất cả các bài Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, thì việc học Đạo bước đầu được dễ dàng biết mấy!

Và bắt đầu từ đó, chúng tôi có ý hướng sưu tầm tất cả tài liệu liên quan, rồi ra công nghiên cứu để thực hiện việc giải thích này.

Nhưng chúng tôi cảm thấy bản thân tài sơ trí thiếu, gia công học Đạo cũng chẳng bao lâu, lại đang ở trong hoàn cảnh khó khăn nhiều mặt, sợ không kham nổi công việc muôn vàn khó khăn này, nên đã hết sức cầu khẩn Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, Đức Lý Giáo Tông, Đức Phạm Hộ Pháp và các Đấng Thiêng liêng hộ trì cho được mãn huệ trí não, sáng suốt tinh thần, vượt qua các chướng ngại để hoàn thành ý nguyện.

Chúng tôi lại còn có một điều tin tưởng nữa là cứ mạnh dạn đem hết sức mình ra thực hiện ý định, để các bậc Chưc sắc tiền bối, các vị Đạo tâm thông hiểu Đạo lý, có một tập sách cụ thể để xem xét, phê phán những chỗ sai lầm, bỏ tước những chỗ thiếu sót, bỏ bớt những chỗ dư thừa, thì trong những lần ra mắt tiếp theo, quyển sách sẽ được mỗi lúc một tốt đẹp hơn.

Chúng tôi ước mong được như thế thì Tín hữu Cao Đài lần lần sẽ có được một tập sách hữu ích trong việc học Đạo.

Chúng tôi cũng tâm nguyện rằng, khi tập sách này được sửa chữa khá hoàn hảo thì chúng tôi sẽ hiến dâng cho Hội Thánh ấn hành.

Một khi đã theo Đạo, hiểu rõ tôn chỉ, mục đích của nền Đạo, thì người Tín đồ sẽ không bao giờ xa Đạo, bỏ Đạo, hay làm một điều gì trái với luật pháp của Đạo.

Do đó, chúng tôi đem hết sức mình ra để biên soạn quyển “GIẢI NGHĨA KINH THIÊN ĐẠO & THẾ ĐẠO” nhằm 2 mục đích sau đây:

–**Thứ nhất:** Lời xưa có nói: Đọc kinh cầu lý. Nếu tụng kinh mà không hiểu được nghĩa lý của lời kinh thì sự bỏ ích không nhiều, bởi vì có hiểu được ý kinh thì khi tụng niệm, tâm hồn ta mới phấn khởi, giữ trọn tâm hồn trong lời kinh

tiếng kệ, mới có sự cảm ứng với các Đấng Thiêng Liêng mà ta đang tưởng niệm đến.

– **Thứ nhì:** Chúng tôi sưu tập được 8 bốn kinh do Hội Thánh ấn hành vào 8 kỳ khác nhau, kể ra:

* KINH CÚNG TỬ THỜI, in năm 1928, bản quốc ngữ, nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn.

* TỬ THỜI NHỰT TỤNG KINH (có chú giải), in năm 1928, có viết kèm thêm chữ Hán, Chữ Nôm, của 2 vị Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt.

* ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ KINH, không để năm in, gồm chữ Hán và chữ Nôm, không có chữ quốc ngữ, của Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh.

* KINH THIÊN ĐẠO và THỂ ĐẠO, của Hội Thánh in năm 1936 (Bính Tý), nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn.

* KINH LỄ, in bên Pháp năm 1952, khổ nhỏ, nhà xuất bản M. Garnier.

* KINH THIÊN ĐẠO và THỂ ĐẠO, do Hội Thánh ấn hành vào các năm: 1968, 1974, 1975.

* Riêng các bài Kinh mà các Đấng giảng cơ ban cho Minh Lý (Minh Lý Đạo, Tam Tông Miếu) và Hội Thánh vâng lệnh Đức Chí Tôn thỉnh về làm Kinh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì chúng tôi sưu tầm được quyển “KINH NHỰT TỤNG - KINH SÁM HỐI” của Minh Lý Đạo Tam Tông Miếu ấn hành năm Quý Sửu (1973).

Khi so sánh các bản Kinh này, chúng tôi nhận thấy có một vài từ ngữ trong một số câu Kinh không đồng nhất với nhau. Do đó gây ra nhiều cuộc tranh luận giữa người này với người kia, là chữ này đúng, chữ kia sai, và họ đều đưa ra bản Kinh mà họ đang nắm giữ để làm bằng chứng. Nhưng tất cả các cuộc tranh luận ấy đều đi đến chỗ bế tắc, vì bản Kinh nào cũng đều do Hội Thánh ấn hành và đều có Ban Kiểm Duyệt của Hiệp Thiên Đài ấn ký. Chẳng lẽ những chữ khác biệt ấy đều đúng cả hay sao? Lỗi này do sự sắp chữ sai của nhà in hay

do ai sửa đổi? Còn bản Kinh gốc đúng nhất là bản nào? Không một ai biết được.

Để tạm thời giải tỏa vấn đề này, chúng tôi đưa ra phần “KHAO DỊ” liệt kê ra hết những chữ dị biệt giữa các câu kinh trong các bản Kinh, để rộng đường khảo luận của các học giả, và cũng để giúp tài liệu cho việc nghiên cứu sau này của Khảo Cứu Vụ của Hội Thánh, sẽ xác nhận chữ nào đúng nhất, để dùng thống nhất cho toàn đạo.

Để bổ cứu 2 mục tiêu trên, chúng tôi phụ đính thêm phần chữ Hán cho các bài Kinh Hán Việt sau đây:

- Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.
- Kinh Phật giáo.
- Kinh Tiên giáo.
- Kinh Nho giáo.
- Bài Dâng Rượu, Dâng Trà.
- Ngũ Nguyên.
- Phật Mẫu Chơn Kinh.

Phần viết chữ Hán kèm theo các bài Kinh Hán Việt kể trên, chúng tôi căn cứ phần chánh vào bản Kinh Hán văn in trong quyển “TỬ THỜI NHỰT TỤNG KINH” xuất bản năm 1928 của 2 vị Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt, có sự phối hợp đối chiếu bản Kinh Hán văn in trong quyển “ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ KINH” của Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh, có lẽ in vào năm 1928 hoặc 1929.

Khi biên soạn quyển “GIẢI NGHĨA KINH THIÊN ĐẠO & THỂ ĐẠO”, chúng tôi chỉ mong muốn giúp các Bạn học Đạo một phương tiện để tìm hiểu ý nghĩa của các câu Kinh căn cứ theo từ ngữ, trong cái học Hạ Thừa, còn phần ý nghĩa siêu việt của câu Kinh, vượt khỏi văn tự mà các Đấng muốn đặt vào đó, thuộc về phần học Thượng Thừa, chúng tôi chưa đủ trình độ đạt tới.

Chúng tôi mong mời được quý Chức sắc, các bậc Đạo tâm, chỉ giáo thêm cho chúng tôi, thì đó là một ơn huệ lớn lao

dành cho soạn giả vậy.

Kính.

Soạn giả:

Hiền Tài **Nguyễn văn Hồng**

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT (Sắp theo thứ tự A B C)

- B** BDH Bài Dâng Hoa.
BDR Bài Dâng Rượu.
BDT Bài Dâng Trà.
BĐNĐ Bát Đạo Nghị Định.
BKNKSH Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối.
BXTCĐPTTT Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần
BQĐ Bát Quái Đài
- C** CGPCT Chú Giải Pháp Chánh Truyền.
CKTG Càn Khôn Thế giới.
CKVT Càn Khôn Vũ Trụ.
CKVV Càn Khôn Vạn vật.
CLTG Cực Lạc Thế giới.
CTĐ Cửu Trùng Đài.
CQPT Cơ Quan Phước Thiện.
- D** DLCK Di Lạc Chơn Kinh.
DTC Điều Trì Cung.
- Đ** ĐĐTKPĐ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
ĐLMD Đạo Luật năm Mậu Dần (1938).
- G** GTK Giới Tâm Kinh.
- H** HTĐ Hiệp Thiên Đài.
- K** KCBCTBCHĐQL Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cổ Hữu Đã Qui Liễu.
KCHKHH Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối.
KCK Kinh Cửu Khổ.
KCS Kinh Cầu Siêu.
KCTPĐQL Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu.

KĐLC Kinh Đưa Linh Cữu.
 KĐ1C Kinh Đệ Nhất cửu.
 KĐ2C Kinh Đệ Nhị cửu.
 KĐ3C Kinh Đệ Tam cửu.
 KĐ4C Kinh Đệ Tứ cửu.
 KĐ5C Kinh Đệ Ngũ cửu.
 KĐ6C Kinh Đệ Lục cửu.
 KĐ7C Kinh Đệ Thất cửu.
 KĐ8C Kinh Đệ Bát cửu.
 KĐ9C Kinh Đệ Cửu cửu.
 KĐRĐ Kinh Đi Ra Đường.
 KĐT Kinh Đại Tường.
 KGO Kinh Giải Oan.
 KHH Kinh Hạ Huyệt.
 KHP Kinh Hôn Phối.
 KK Khai Kinh.
 KKĂCR Kinh Khi Ăn Cơm Rồi.
 KKCĐTTT Kinh Khai Cửu Đại Tường Tiểu
 Tường.
 KKĐCR Kinh Khi Đã Chết Rồi.
 KKĐN Kinh Khi Đi Ngủ.
 KKTD Kinh Khi Thức Dậy.
 KKV Kinh Khi Về.
 KNH Kinh Nhập Hội.
 KNHTĐ Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.
 KSH Kinh Sám Hối.
 KTCMĐQL Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu.
 KTĐTĐ Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo.
 KTHĐMP Kinh Tụng Huynh Đệ Mãn Phần.
 KTKCQV Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị.
 KTKTQV Kinh Tụng Khi Thấy Qui Vị.

KTKVQL Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu.
 KTKVTH Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà.
 KTL Kinh Tẩn Liệm.
 KTP Kinh Thuyết Pháp.
 KTT Kinh Tắm Thánh.
 KTTg Kinh Tiểu Tường.
 KVÁC Kinh Vào Ăn Cơm.
 KVH Kinh Vào Học.
 KXH Kinh Xuất Hội.
N NG Nho Giáo, Kinh Nho Giáo.
 NH Niệm Hương.
 NN Ngũ Nguyện.
P NTTP Nữ Trung Tòng Phận.
 PCT Pháp Chánh Truyền.
 PG Phật Giáo (Kinh Phật Giáo).
 PMCK Phật Mẫu Chơn Kinh.
T Td Thí dụ.
 TĐ.ĐPHP Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.
 TG Tiên Giáo, Kinh Tiên Giáo.
 TKPĐ Tam Kỳ Phổ Độ.
 TL Thiêng liêng.
 TLHS Thiêng Liêng Hằng Sống.
 TNHT Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
 TNHT.II.36 Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển II,
 trang 36.
 TTCĐDTKM Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim
 Mẫu.
V TTTN Tòa Thánh Tây Ninh.
 VSTC Vãng Sanh Thần Chú.

GIẢI NGHĨA
KINH THIÊN ĐẠO

KINH CÚNG TƯ THỜI

NIỆM HƯƠNG

(Giọng Nam ai)

1. Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp,
2. Lòng nương nhang khói tiếp truyền ra.
3. Mùi hương lữ ngọc bay xa,
4. Kính thành cầu nguyện Tiên Gia chứng lòng
5. Xin Thần Thánh ruổi dong cõi hạc,
6. Xuống phàm trần vội gác xe Tiên.
7. Ngày nay đệ tử khẩn nguyện,
8. Chín tầng Trời, Đất thông truyền chứng tri.
9. Lòng sở vọng gắng ghi đảo cáo,
10. Nhờ Ôn Trên bổ báo phước lành.

*(Lạy 3 lạy, mỗi lạy 4 gật, mỗi gật niệm Câu Chú của Thầy:
Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát)*

GIẢI NGHĨA

- Phần I: Giải nghĩa các từ ngữ tổng quát
- Phần II: Nguồn gốc bài Niệm Hương
- Phần III: Giải nghĩa Kinh Niệm Hương

Phần I: Giải nghĩa các từ ngữ tổng quát:

Kinh: Bài văn, bài thơ do các Đấng Phật, Tiên, Thánh viết ra để xứng tụng công đức, mô tả nhiệm vụ của các Đấng TL, hoặc để dạy đạo đức cho nhơn sanh và để cầu nguyện.

Tân Kinh: Kinh mới (Tân là mới), tức là Kinh thuộc Tam Kỳ Phổ Độ. Cũng như Tân Luật là Luật mới về tu hành của

TKPD. Còn Kinh và Luật của thời Nhị Kỳ Phổ Độ được gọi là Cựu Kinh, Cựu Luật. (Cựu là cũ, trái với Tân là mới).

Vậy, Tân Kinh là Kinh của ĐĐTKPD, tức là Kinh của Đạo Cao Đài. Kinh này gồm: Kinh Thiên Đạo và Kinh Thế Đạo.

Thiên Đạo: Đạo Trời, tức là con đường tu với mục đích cuối cùng là giải thoát khỏi luân hồi, để linh hồn trở về hiệp nhất với Trời, tức là hiệp với Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Con đường tu Thiên Đạo dành cho bậc Thượng thừa quyết chí tu hành, phước đời hành Đạo, nghiêm giữ giới luật tu hành, thực hành Tam Lập: Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn.

Trước khi bước vào Thiên Đạo, người tu phải trải qua bậc Hạ thừa tu phần Nhơn Đạo.

Nhơn Đạo là Đạo làm Người, là đường lối dạy con người phải làm tròn bốn phận của một người đối với gia đình, gồm cha mẹ, anh chị em, vợ chồng con cái; đối với thân tộc, bạn bè; và sau cùng là bốn phận đối với quốc gia xã hội.

Thế Đạo: Đạo ở đời (Thế là đời), tức là đường lối dạy con người bốn phận làm một người ở đời thế nào cho hợp với Đạo lý, lễ phải. Đó chính là Nhơn Đạo.

Thế Đạo, tức là Nhơn Đạo, ví như nền móng; Thiên Đạo ví như nhà lầu. Không đào móng đục nền cho vững chắc thì cất nhà lầu lên ắt sụp đổ. Cho nên, phải tu xong Nhơn Đạo thì mới có thể tiến lên tu Thiên Đạo được.

Cúng: Đốt nhang, dâng lễ vật, cầu nguyện và lạy để tỏ lòng thành kính.

Tứ Thời: 4 điểm thời gian trong một ngày vào các giờ: 0 giờ (tức 12 giờ khuya) thuộc giờ Tý, 6 giờ sáng thuộc giờ Mẹo, 12 giờ trưa thuộc giờ Ngọ, và 18 giờ (tức 6 giờ chiều) thuộc giờ Dậu.

Nghi lễ của Đạo Cao Đài dạy các tín đồ cúng Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng vào Tứ thời kể trên, bởi vì vào 4 thời điểm này, khí Dương và khí Âm trong CKVT có sự biến đổi tương đối đặc biệt:

- Lúc 0 giờ, thời Tý: Khí Âm cực thịnh, khí Dương khởi sanh.
- Lúc 6 giờ và 18 giờ, thời Mẹo và thời Dậu: Hai khí Dương và Âm giao hòa cân bằng nhau.
- Lúc 12 giờ trưa, thời Ngọ: Khí Dương cực thịnh, khí Âm khởi sanh.
- Thời Tý và thời Ngọ: Cúng Rượu (Rượu trắng).
- Thời Mẹo và thời Dậu: Cúng nước Âm Dương, tức là cúng nước trà và nước trắng thiên nhiên.

Kinh Cúng Tứ Thời: là các bài kinh để tụng cúng Đức Chí Tôn và 3 Đấng Giáo chủ Tam giáo vào 4 thời trong một ngày.

Kinh cúng Đức Chí Tôn vào Tứ thời tại Tòa Thánh hay tại Thánh Thất gồm 8 bài kinh kể ra sau đây:

1. Niệm Hương.
2. Khai Kinh.
3. Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.
4. Kinh Phật giáo.
5. Kinh Tiên giáo.
6. Kinh Nho giáo (Thánh giáo).
7. Bài Dâng Hoa, Dâng Rượu, Dâng Trà.
8. Ngũ Nguyện.

Kinh cúng Đức Phật Mẫu vào Tứ thời tại Báo Ân Từ hay tại Điện Thờ Phật Mẫu gồm 6 Bài Kinh, kể ra sau đây:

1. Niệm Hương.
2. Khai Kinh.
3. Phật Mẫu Chơn Kinh.
4. Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu.
5. Bài Dâng Rượu hoặc Dâng Trà.
6. Ngũ Nguyện.

Kinh Cúng Tứ Thời còn được gọi là Kinh Nhựt Tụng. (Nhựt là mỗi ngày). Kinh Nhựt Tụng là những bài kinh dùng để tụng mỗi ngày.

Những bài kinh thường được tụng theo 2 giọng: Nam xuân

và Nam ai. Chỉ có 3 Bài Dâng Tam Bửu là thài theo giọng Đáo Ngũ Cung.

Giọng Nam ai: là giọng ngâm theo điệu cổ nhạc Nam ai, có tính cách buồn bã bi ai, nên nhạc đi theo nhịp chậm rãi.

Giọng Nam xuân: giọng ngâm theo điệu cổ nhạc Nam xuân, có tính cách vui tươi, nên nhạc đi theo nhịp nhanh.

Niệm Hương: Niệm là tưởng nghĩ tới, hương là mùi thơm, chỉ cây nhang đang đốt cháy tỏa mùi thơm. Niệm Hương là đốt nhang và tưởng niệm các Đấng thiêng liêng.

Phần II: Nguồn gốc bài Niệm Hương:

Kinh Niệm Hương có nguồn gốc là bài Kinh chữ Hán “Phần Hương Chú” trích trong Kinh Cẩn Ứng của Tiên giáo.

Vào năm Ất Sửu (1925), Đức Nam Cực Chưởng Giáo giảng cơ tại Minh Lý (Tam Tông Miếu) dịch bài Phần Hương Chú ra chữ Nôm ban cho Chi này cho dễ hiểu.

Khi mới khai ĐĐTKPĐ, Đức Chí Tôn giảng dạy Ngũ Chi Minh Đạo (Minh Sư, Minh Lý, Minh Tân, Minh Thiện, Minh Đường) dâng Kinh cho ĐĐTKPĐ. Do đó, Hội Thánh cử phái đoàn đại diện gồm 4 vị: Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung, Thượng Giáo Sư Vương quan Kỳ, Đức Phạm Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm, đến Chi Minh Lý thỉnh 6 Bài Kinh: Niệm Hương, Khai Kinh, Kinh Sám Hối, Bài Khen Ngợi KSH, Kinh Cầu Siêu, Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần, về làm Kinh ĐĐTKPĐ.

Sau đây, xin chép lại bài Phần Hương Chú:

PHẦN HƯƠNG CHÚ

Đạo do tâm hiệp

Tâm giả hương truyền.

Hương phần ngọc lư

Tâm chú Tiên nguyện.

焚香咒

道由心合

心假香傳

香焚玉爐

心注仙願

Chơn linh hạ giáng.

Tiên bội lâm hiên.

Kim thần quan cáo

Kính đạt Cửu Thiên.

Sở khải sở nguyện

Hàm tứ như nghiên. (ngôn)

眞靈下降

仙珮鄰軒

今臣關告

逕達九天

所啟所願

咸賜如言

Dịch nghĩa:

Bài Cầu Nguyện đốt nhang.

- Đạo là do cái Tâm hợp lại,
- Cái Tâm mượn mùi thơm của nhang để truyền đi.
- Đốt nhang tỏa mùi thơm nơi cái lư quý báu,
- Cái Tâm hướng đến các vị Tiên để cầu nguyện.
- Chơn linh của các Đấng giáng xuống,
- Các vị Tiên ngồi trên xe đi đến.
- Ngày nay kẻ bề tôi cần tấu trình.
- Mau chóng thẳng đến Chơn tầng Trời.
- Điều quan trọng mà mình muốn tỏ bày và mong ước,
- Đều ban cho ơn huệ như lời cầu khẩn.

Bài Phần Hương Chú của Tiên giáo để cúng các vị Tiên, được Đức Nam Cực Chưởng Giáo diễn nôm một cách thoát ý tài tình, thành bài kinh cúng Ba Đấng Giáo chủ Tam giáo nơi Tam Tông Miếu của Minh Lý Đạo, và cuối cùng được thỉnh về làm kinh của Đạo Cao Đài cúng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và Ba Đấng Giáo chủ Tam giáo.

Do đó, ý nghĩa của bài kinh này được thăng hoa đến tột đỉnh vì được dùng để cúng Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Phần III: Giải nghĩa Kinh Niệm Hương

Câu 1: Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp.

Đạo: «Đạo là con đường để cho Thánh, Tiên, Phật đọa trần

do theo mà hồi cựu vị. Đạo là đường của các nhơn phẩm do theo mà lánh khỏi luân hồi. Nếu chẳng phải do theo Đạo thì các bậc ấy đều lạc bước mà mất hết ngôi phẩm. Đạo, nghĩa lý rất sâu xa, nhưng phải hiểu trước bao nhiêu đó rồi mới học các nghĩa huyền bí khác cho đích xác đặng.» (TNHT.II.3). Do đó, nghĩa thông thường của Đạo là tôn giáo.

Thành: Thành thật. **Tín:** Tin, tin có Thượng Đế, tin có Thân, Thánh, Tiên, Phật, tin mỗi người đều có linh hồn bất diệt, tin linh hồn là điểm Linh quang do Thượng Đế ban cho mỗi người để tạo nên sự sống và gìn giữ sự sống.

Tín chính là đức tin rất cần thiết cho người theo Đạo.

Hiệp: Hợp lại. **Lòng thành:** Cái tâm chơn thật.

C.1: Người theo đạo, cốt yếu phải có một tấm lòng thành thật và một đức tin mạnh mẽ, có đủ 2 yếu tố ấy hợp lại mới vững bước trên đường đạo.

Câu 2: Lòng nương nhang khói tiếp truyền ra.

Lòng: Cái tâm của con người. **Nương:** Dựa vào.

C.2: Tư tưởng nơi tâm nương theo khói nhang truyền lên Trời cao.

Câu 3: Mùi hương lư ngọc bay xa.

Mùi hương: Mùi thơm của khói nhang tỏa ra, ý nói những tư tưởng hay ý nghĩ trong sạch tốt đẹp của cái Tâm phát ra. **Lư:** Dụng cụ đặt trên bàn thờ dùng để đốt trầm hay để đốt nhang cắm vào; đốt trầm thì gọi là Lư trầm, đốt nhang thì gọi là Lư hương. **Ngọc:** Loài đá quý, chỉ sự quý báu. **Lư ngọc:** Cái lư bằng ngọc, chỉ cái Tâm quý báu của con người.

C.3: Tư tưởng, ý nghĩ trong sạch tốt đẹp phát ra từ cái Tâm quý báu bay lên truyền đến các cõi Trời xa.

Câu 4: Kính thành cầu nguyện Tiên Gia chứng lòng.

Kính: Kính trọng. **Thành:** Thành thật. **Cầu:** Xin. **Nguyện:**

Mong ước. Cầu nguyện là cầu xin các Đấng thiêng liêng ban cho điều mà mình mong ước.

Tiên Gia: Tiên là ông Tiên, Gia là Cha. Tiên Gia là Ông Cha Tiên, đó là Đại Từ Phụ, Đấng Cha chung thiêng liêng của toàn cả vạn linh sanh chúng trong CKVT, mà ta thường gọi là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

C.4: Tấm lòng tôn kính và thành thật cầu nguyện thì Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ sẽ chứng cho mình.

Câu 5-6: Xin Thần Thánh ruổi dong cối hạc,
Xướng phàm trần vọi gác xe Tiên.

Ruổi dong: Đi thẳng một mạch cho mau tới nơi.

Hạc: Giống chim lớn, chân cao, cổ dài, lông trắng, bay nhanh, đáng thanh nhã, sống đến ngàn năm, thường được các vị Tiên dùng để cỡi bay đi. **Phàm:** Tâm thường thấp kém. **Trần:** Bụi bặm. Phàm trần là chỉ cõi thế gian, cõi đời, cõi của nhơn loại đang sống, vì cõi này thấp kém có nhiều bụi bặm ô trược. **Gác:** Đặt ngang lên trên. **Xe Tiên:** Chiếc xe mẫu nhiệm nơi cõi thiêng liêng, cũng gọi là Xe Như Ý, dùng để chở các vị Tiên đi lại. Người ngồi trên xe muốn đi đến đâu thì chiếc xe Tiên hay xe Như Ý chở ngay đến đó tức khắc. **Gác xe Tiên:** Ngồi lên chiếc xe Tiên.

Câu 5-6: Xin các Đấng Thần Thánh cỡi hạc hoặc đi trên chiếc xe Tiên dong ruổi xuống cõi thế gian.

Câu 7: Ngày nay đệ tử khẩn nguyện.

Đệ tử: Học trò. Học trò đối với Thầy thì xưng mình là đệ tử. Đức Chí Tôn tự xưng là Thầy, và gọi các con đang học đạo là môn đệ hay đệ tử. **Khẩn:** Tha thiết. **Nguyện:** Mong mỏi cầu xin. **Khẩn nguyện:** Tha thiết cầu xin điều mình mong ước.

C.7: Ngày nay, chúng con là học trò của Thầy, xin tha thiết cầu nguyện.

Câu 8: Chín tầng Trời, Đất thông truyền chứng tri.

Chín tầng Trời: Chữ Hán gọi là Cửu Trùng Thiên. Chín tầng Trời này có tên theo đúng 9 bài Kinh Tuần Cửu, kể từ thấp dần lên cao là:

1. Tầng Trời thứ nhất có Vườn Ngạn Uyển.
2. Tầng Trời thứ nhì có Vườn Đào Tiên của Phật Mẫu.
3. Tầng Trời thứ ba gọi là Thanh Thiên.
4. Tầng Trời thứ tư gọi là Huỳnh Thiên.
5. Tầng Trời thứ năm gọi là Xích Thiên.
6. Tầng Trời thứ sáu gọi là Kim Thiên.
7. Tầng Trời thứ bảy gọi là Hạo Nhiên Thiên.
8. Tầng Trời thứ tám gọi là Phi Tường Thiên.
9. Tầng Trời thứ chín gọi là Tạo Hóa Thiên.

CHÚ Ý:

Có một số vị cho rằng: Vườn Ngạn Uyển và Vườn Đào Tiên không ở trên 2 tầng Trời thứ nhất và thứ nhì, mà tầng Trời thứ nhất là Thanh Thiên trong bài Kinh Đệ Tam Cửu; tầng Trời thứ hai là Huỳnh Thiên, v.v..., tầng Trời thứ 7 là Tạo Hóa Thiên, tầng Trời thứ 8 là Hư Vô Thiên, bỏ tầng Trời Hội Nguơn Thiên, và tầng Trời thứ 9 là Hồn Nguơn Thiên, và gọi đó là Cửu Trùng Thiên.

Điều này hoàn toàn không đúng, vì 3 lý do sau đây:

1. Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giải nghĩa bài Kinh Phật Mẫu tại Cửu Long Đài ngày 15-8-Đinh Hợi (1947) có nói rõ rằng: «Tầng Trời thứ 9 gọi là Cung Tạo Hóa Thiên, có vị cầm quyền tạo đoan gọi là Thiên Hậu.» (TĐ.ĐP.HP.QI. 64)
2. Bài Thái hiến lễ Đức Phật Mẫu trong Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung có 4 câu khoán thủ là: Cửu Thiên Huyền Nữ, nghĩa là: Cửu là thứ 9, Thiên là tầng Trời, Huyền là huyền diệu, Nữ là người phụ nữ. Cửu Thiên Huyền Nữ là người phụ nữ huyền diệu ở tầng Trời thứ 9. Đó là Đức Phật Mẫu. Điều này một lần nữa chứng tỏ Tạo Hóa Thiên là tầng Trời thứ 9.

3. Nghi thức Tang lễ trong Đạo Cao Đài đối với các Chức sắc Đại Thiên Phong hàng Tiên vị như Đầu Sư, Thập nhị Thời Quân đổ lên, khi dâng Tiên, thể xác được liệm vào liên đài. «Liên đài được quàn tại biệt điện của mỗi vị một đêm, Báo Ân Từ một đêm, Đền Thánh một đêm, và Cửu Trùng Thiên một đêm. Hội Thánh sẽ cử hành Lễ Tiểu Tường, Đại Tường, kỷ niệm hằng năm và xây bửu tháp. Không có làm Tuần Cửu và hành pháp độ thăng.» (Trích trong quyển Quan Hôn Tang Lễ năm 1976 của Hội Thánh).

Chúng ta lưu ý trong nghi thức tế lễ này, liên đài được đặt trên Cửu Trùng Thiên tại Đại Đồng Xá, không làm Tuần Cửu, chỉ làm Tiểu Tường, Đại Tường, không hành pháp Độ Thăng.

Điều đó cho chúng ta hiểu rằng: Chức sắc hàng Tiên vị đổ lên có đủ công đức để vượt lên khỏi Cửu Trùng Thiên (mới được ngồi trên Cửu Trùng Thiên) mà không cần nhờ làm Tuần Cửu hay Phép Độ thăng.

Hội Thánh chỉ làm lễ Tiểu Tường, mà bài Kinh Tiểu Tường là để đưa chơn hồn lên tầng Trời Hư Vô Thiên. Vậy Hư Vô Thiên phải ở bên trên Cửu Trùng Thiên, chớ không thể ở trong Cửu Trùng Thiên được, và đó chính là tầng Trời thứ 10.

Qua sự trình bày 3 lý do vừa kể trên, chúng ta đi đến kết luận là: Tạo Hóa Thiên là tầng Trời thứ 9 nằm trong Cửu Trùng Thiên, và Hư Vô Thiên là tầng Trời thứ 10 nằm bên trên Cửu Trùng Thiên. Theo đó thì Hội Nguơn Thiên là tầng Trời thứ 11, và Hồn Nguơn Thiên là tầng Trời thứ 12.

Ba tầng Trời bên trên (Hư Vô Thiên, Hội Nguơn Thiên, Hồn Nguơn Thiên) hợp với 9 tầng Trời (Cửu Trùng Thiên) bên dưới tạo thành 12 tầng Trời, gọi là Thập nhị Thiên.

Trở lại giải thích các từ ngữ trong Câu kinh 8:

Đất: Chỉ các quả Địa cầu, ý nói Thất thập nhị Địa (72 Địa cầu).

Thông: Suốt tới khắp nơi. **Thông truyền:** Truyền đi khắp nơi.

Chúng: Nhận thực. **Tri:** Biết. Chứng tri là nhận thực có biết rõ.

C.8: Lời khẩn nguyện của đệ tử sẽ được truyền đi suốt đến 9

từng Trời và đến các quả Địa cầu để các Đấng thiêng liêng chứng thực biết rõ.

Câu 9: Lòng sở vọng gắng ghi đảo cáo.

Sở: Điều quan trọng của mình. **Vọng:** Mong ước. Sở vọng là điều quan trọng của mình hằng mong ước. **Gắng ghi:** Cố gắng ghi nhớ. **Đảo:** Cúng tế cầu nguyện. **Cáo:** Tấu trình, báo cáo. Đảo cáo là cúng tế cầu nguyện và tấu trình các việc

C.9: Điều quan trọng mà lòng mình hằng mong ước, cố gắng ghi nhớ để cúng tế cầu nguyện và tấu trình lên các Đấng Thiêng liêng.

Câu 10: Nhờ Ôn Trên bổ báo phước lành.

Ôn Trên: Ôn huệ của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng thiêng liêng. **Bổ:** Giúp đỡ, thêm vô cho đủ. **Báo:** Đáp lại. Bổ báo là giúp đỡ báo đáp lại.

C.10: Nhờ ơn Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng thiêng liêng giúp đỡ báo đáp lại và ban cho phước lành.

Câu Chú của Thầy:

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Câu Chú: Câu niệm có tánh cách huyền bí của một Đấng TL đặt ra để hộ trì các môn đệ trên bước đường tu.

Thầy: Trong thời ĐĐTKPĐ, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế giảng cơ dạy đạo, xưng mình là Thầy, gọi các con đang học đạo là môn đệ. Đức Chí Tôn dạy đạo đức cho nhơn sanh như là Thầy dạy trò, gần gũi thân mật, biểu lộ lòng thương yêu của Chí Tôn đối với chúng sanh thật vô cùng tận.

Câu Chú của Thầy tức là của Đức Chí Tôn có 12 chữ:

Nam-mô Cao-Đài-Tiên-Ông-Đại-Bồ-Tát-Ma-Ha-Tát

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12

Nam-mô: do phiên âm từ tiếng Pali “Namô” hoặc từ tiếng Phạn “Namah”, dịch nghĩa là: Quy mệnh, kính lễ, cúi đầu làm lễ. Từ ngữ Nam-mô thường được dùng làm chữ khởi đầu

một câu cầu nguyện.

Cao Đài: Cái đài cao, dùng làm nơi ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế khi có Đại hội triều đình của Đức Chí Tôn tại Linh Tiêu Điện Ngọc Hư Cung.

Tiên Ông: Ông Tiên, vị Tiên.

Đại: Lớn. **Bồ-Tát:** Nói đầy đủ là Bồ-Đề-Tát-Đóa, tiếng Phạn là Bodhisattva, nghĩa là người đã tự giác được bản tánh và có nhiệm vụ phổ độ chúng sanh. **Ma-Ha-Tát:** Nói đầy đủ là Ma-Ha-Tát-Đóa, tiếng Phạn là Mahasattva, nghĩa là Đại chúng sanh, tức là người có đúng tâm muốn làm việc lớn.

Đại Bồ-Tát Ma-Ha-Tát là vị Bồ Tát lớn, ở phẩm bậc cao trọng, xứng đáng đứng hàng Phật vị, nhưng vì còn nhiệm vụ cứu độ chúng sanh nên còn mang danh Bồ Tát.

Câu Chú của Thầy đặc biệt có 12 chữ là vì «con số 12 là số riêng của Thầy».

Câu Chú này có ý nghĩa bao hàm Tam giáo:

- **CAO ĐÀI:** tượng trưng Nho giáo.
- **TIÊN ÔNG:** tượng trưng Tiên giáo (Đạo giáo).
- **ĐẠI BỒ-TÁT MA-HA-TÁT:** tượng trưng Phật giáo.

Do đó, Câu Chú của Thầy (Đức Chí Tôn) có ý nghĩa Tam giáo đồng tông, ngày nay qui nguyên Đại Đạo. Đại Đạo đó chính là ĐĐTKPĐ, tức là Đạo Cao Đài do Đức Chí Tôn sáng lập và làm Giáo Chủ.

KHAI KINH

(Giọng Nam ai)

1. Biển trần khổ vơi vơi trời nước,
2. Ánh thái dương gội trước phương đông.
3. Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông,
4. Ra tay dẫn độ dày công giúp đời.
5. Trong Tam Giáo có lời khuyến dạy,
6. Gốc bở lòng làm phải làm lành.
7. Trung Dung Khổng Thánh chỉ rành,
8. Từ bi Phật dạy lòng thành lòng nhơn.
9. Phép Tiên đạo tu chơn dưỡng tánh,
10. Một cội sanh ba nhánh in nhau.
11. Làm người rõ thấu lý sâu,
12. Sửa lòng trong sạch tụng cầu Thánh Kinh.

(Cúi đầu)

GIẢI NGHĨA

- Phần I: Nguồn gốc bài kinh
- Phần II: Giải nghĩa bài Khai Kinh

Phần I: Nguồn gốc bài kinh:

Bài Khai Kinh có nguồn gốc là bài Kinh chữ Hán, tựa là KHAI KINH KỆ trong quyển Kinh Huyền Môn Nhứt Tụng từ bên Tàu truyền sang nước ta.

Vào năm Ất Sửu (1925), Đức Lữ Tổ giảng cơ tại Chi Minh Lý, diễn nôm bài Khai Kinh Kệ nói trên, ban cho Chi này làm bài Khai Kinh để tụng trước khi tụng Kinh Sám Hối.

Đây là một trong 6 bài Kinh mà Hội Thánh vàng lệnh Đức Chí Tôn thỉnh từ Chi Minh Lý về làm Kinh ĐĐTKPĐ. (Xem trở lại Phần II: Nguồn gốc bài Niệm Hương trong phần Giải

Nghĩa bài Niệm Hương).

Sau đây, xin chép lại bài Khai Kinh Kệ:

KHAI KINH KỆ	開經偈
Trần hải mang mang thủy, nhật đông,	塵海茫茫 水日東
Vân hồi toàn trượng Chủ Nhơn Công.	挽回全仗 主人公
Yếu tri Tam giáo tâm nguyên hiệp,	要知三教 心源合
Trung thứ, Từ bi, Cảm ứng, đồng.	忠恕慈悲 感應同

DỊCH NGHĨA:

Bài kệ mở đầu các bài kinh.

- Biển trần bát ngát mênh mông nước, mặt trời ở phương Đông,
- Vân hồi được là hoàn toàn nhờ vào Đấng Thái Thượng Đạo Tổ.
- Những điều trọng yếu cần biết của Tam giáo là do cái Tâm làm gốc cho sự hòa hợp.
- Đức Khổng Tử dạy Trung Thứ, Đức Phật dạy Từ Bi, Đức Thái Thượng dạy Cảm Ứng, đều đồng như nhau.

Bài Khai Kinh Kệ gồm 4 câu thơ chữ Hán được Đức Lữ Tổ diễn nôm thoát ý một cách tuyệt diệu theo thể thơ song thất lục bát gồm 9 câu: Từ câu 1 đến câu 9. Đức Lữ Tổ viết thêm 3 câu chót, dường như có ý để về sau dùng bài này làm Khai Kinh cho ĐĐTKPĐ với tôn chỉ Tam giáo qui nguyên:

10. Một cội sanh ba nhánh in nhau,
11. Làm người rõ thấu lý sâu,
12. Sửa lòng trong sạch tụng cầu Thánh Kinh.

(Lữ Tổ là Lữ Đông Tân, đạo hiệu là Lữ Thuần Dương, một vị

Đại Tiên trong Bát Tiên, thường giáng cơ ban cho kinh điển).

Phần II: Giải nghĩa bài Khai Kinh

Khai Kinh: Bài Kinh để tụng mở đầu trước khi tụng các bài Kinh khác như: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế, Kinh Phật giáo, Kinh Tiên giáo, Kinh Nho giáo, Kinh Phật Mẫu.

Câu 1: Biển trần khổ với với trời nước.

Biển trần khổ: Những nỗi đau khổ của con người nơi cõi trần nhiều như biển. Đức Phật Thích Ca nói, con người có Tứ khổ: Sanh, Lão, Bệnh, Tử. Ngoài ra con người còn chịu biết bao khổ sở trong việc đua chen danh lợi, vật lộn với cuộc sống. Do đó, Đức Phật nói, nước mắt của chúng sanh nhiều hơn nước 4 biển. **Với với:** Bát ngát mênh mông.

C.1: Những nỗi đau khổ của con người nơi cõi trần thì nhiều như nước biển mênh mông, chỉ thấy trời và nước.

Câu 2: Ánh thái dương gội trước phương đông.

Thái dương: Mặt trời. **Ánh Thái dương:** Ánh sáng mặt trời, nguồn sống của nhơn loại và sinh vật. **Giội:** Chiếu, rọi.

C.2: Ánh sáng mặt trời chiếu ra từ phương Đông.

Từ phương Đông, mặt trời từ từ lộ dạng, phá tan màn đêm đen tối đang bao phủ địa cầu, vạn vật thức tỉnh, bừng lên sự sống. Ngụ ý là: ĐĐTKPĐ mở ra tại một nước ở phía đông, ý nói nước Việt Nam, để cứu vớt nhơn loại thoát qua biển khổ.

Câu 3: Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông.

Tổ Sư: Người sáng lập ra một tôn giáo và làm thầy trong tôn giáo đó. **Thái Thượng Đức Ông:** Đức Thái Thượng Đạo Quân, Giáo chủ Tiên giáo.

C.3: Đức Thái Thượng Đạo Quân sáng lập Đạo Tiên và làm Tổ Sư của Đạo Tiên.

Câu 4: Ra tay dẫn độ dày công giúp đời.

Ra tay: Đem sức ra làm việc. **Dẫn độ:** Dẫn dắt và cứu giúp.

Dày công: Có nhiều công lớn.

C.4: Rất dày công trong việc dẫn dắt và cứu giúp người đời.

Câu 5: Trong Tam giáo có lời khuyên dạy.

Tam giáo: 3 tôn giáo lớn ở Á Đông: Phật giáo (Thích giáo), Lão giáo (Đạo giáo), Nho giáo (Khổng giáo). Thường nói Tam giáo là: Phật, Lão, Nho; hay Nho, Thích, Đạo.

C.5: Trong giáo lý của Ba nền tôn giáo lớn ở Á Đông có nhiều lời khuyên răn dạy dõ.

Câu 6: Gốc bời lòng làm phải làm lành.

Gốc bời lòng: Cái căn bản là do Tâm của mỗi người. Ba nền tôn giáo lớn Nho Thích Đạo đều lấy TÂM làm gốc:

- Phật giáo dạy Minh Tâm kiến tánh,
- Tiên giáo dạy Tu Tâm luyện tánh,
- Nho giáo dạy Tồn Tâm dưỡng tánh.

Làm phải: Làm điều hợp với Luân thường Đạo lý.

Làm lành: Làm điều hợp với Đức háo sanh của Thượng Đế và hợp với sự Tiến hóa, tức là xả thân giúp đời giúp người.

C.6: Tam giáo dạy lấy Tâm làm gốc, dạy làm điều phải, tránh điều quấy, dạy làm điều thiện, tránh điều ác.

Câu 7: Trung Dung Khổng Thánh chỉ rành.

Trung Dung: Một học thuyết rất cao siêu của Nho giáo, do Ông Tử Tư (cháu nội của Đức Khổng Tử, học trò của Tăng Tử) gom góp các lời dạy của Đức Khổng Tử mà lập thành. Trung là không thiên lệch, là đường chánh trong thiên hạ; Dung là không thay đổi, là lẽ nhứt định trong thiên hạ.

Mọi việc ở đời đều có cái mức quân bình, đích đáng. Chưa đến cái mức ấy thì việc làm phải sai; quá cái mức ấy thì việc

làm cũng không đúng; mức quân bình ấy cũng gọi là Trung. Ở đời, việc nhỏ như ăn uống hằng ngày, việc lớn như kinh luân thiên hạ, đều có cái lý bình thường chi phối tất cả, lý ấy thiết thực, không quái lạ mà cũng thay đổi đi được, ấy cũng là Dung. Vậy, Trung Dung là cái mức quân bình thích đáng trong tất cả mọi sự vật và con người, cũng như trong tất cả tác động của Trời Đất.

Trong bài Khai Kinh Kệ (Hán văn) thì nói là Trung Thứ. Trung là hết lòng mình, Thứ là suy lòng mình ra lòng người. Sách Trung Dung có nói: Trung Thứ vi Đạo bất viễn, thi chư kỹ nhi bất nguyện, diệc vật thi ư nhân. Nghĩa là: Trung và Thứ thì cách Đạo không xa, hề điều gì làm cho mình mà mình không muốn thì cũng đừng làm cho người.

Khổng Thánh: Đức Thánh Khổng Tử, Giáo chủ Nho giáo.

C.7: Đức Thánh Khổng tử dạy về đạo Trung Dung rất rành rẽ.

Câu 8: Từ bi Phật dạy lòng thành lòng nhơn.

Từ bi: Từ là lòng thương yêu chúng sanh, bi là lòng trắc ẩn thương cảm các cảnh khổ não của chúng sanh và muốn giúp chúng sanh thoát khổ. Từ bi là hạnh đặc trưng của Phật. **Dặn:** Căn dặn, dặn dò. **Lòng thành:** Lòng thành thật. **Lòng nhơn:** Lòng thương người mến vật, thương khắp chúng sanh.

C.8: Đức Phật căn dặn phải có lòng từ bi, lòng thành thật, và lòng thương yêu khắp chúng sanh.

Câu 9: Phép Tiên đạo tu chơn dưỡng tánh.

Phép Tiên đạo: Phương pháp tu luyện của đạo Tiên, hay nói khác hơn là Tâm pháp tu luyện của Tiên giáo.

Tu chơn: Tu là sửa đổi cho được tốt đẹp hơn, chơn là thật. Tu chơn là lối tu quyết tâm sửa đổi con người của mình mỗi lúc một thêm tốt đẹp, thiện lương, chơn chánh, không cần ăn ngon mặc đẹp, chức tước quyền hành hay mào cao áo rộng, chỉ cốt đạt được mục đích quan trọng là giải thoát khỏi luân hồi. Đây

chính là con đường tu thứ ba của Đạo Cao Đài.

“Cách thứ ba là cách Tu chơn hay là cách Tĩnh luyện cũng thế. Những người đi trong Cửu phẩm Thần Tiên (nơi Cửu Trùng Đài) hay đi trong Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng (nơi CQPT), khi mình nhận thấy là đã Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn rồi, hay là đã thọ khổ và thăng khổ rồi mà còn sức nữa thì vào Nhà Tĩnh để được Tu chơn. Nơi đây, các vị đó sẽ học phương pháp luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, tức là Tinh Khí Thần hiệp nhất, là huờn Hư đó vậy.” (TĐ. ĐPHP về Con đường TLHS, trang 5).

Dưỡng tánh: Dưỡng là nuôi nấng, Tánh là bản thể của Tâm, bên trong là Tâm, thể hiện ra ngoài là Tánh. Cho nên, Tâm và Tánh, tuy 2 danh từ khác nhau, nhưng sự tác động vẫn một. Cái bốn Tánh của con người do Trời ban cho vốn lành

(Nhơn chi sơ, Tánh bốn thiện), nhưng vì thâm nhiễm mùi trần nên sanh lòng ham muốn, làm cho Tánh biến đổi, trở nên không lành. Con người cần nuôi dưỡng cái Tánh của mình cho được lành như thuở mới sanh ra, rèn luyện trau giồi cho càng ngày càng trở nên linh thiêng sáng suốt thì tự nhiên giao tiếp được với Trời, tức là Nhơn Tánh được hiệp cùng Thiên Tánh.

C.9: Cái Tâm pháp tu luyện của đạo Tiên dạy về Tu chơn và Dưỡng Tánh.

Câu 10: Một cội sanh ba nhánh in nhau.

Một cội: Một gốc, gốc đó là Thái Cực, tức là Đức Chí Tôn Thượng Đế. **Ba nhánh:** 3 tôn giáo lớn, tức là Tam giáo: Phật giáo, Lão giáo, Nho giáo. **In nhau:** Giống hệt nhau.

TNHT. I. 14: “Nhiên Đấng Cổ Phật thị Ngã, Thích Ca Mâu Ni thị Ngã, Thái Thượng Nguơn Thi thị Ngã, kim viết CAO ĐÀI.” (Nhiên Đấng Cổ Phật là Ta, Thích Ca Mâu Ni là Ta, Thái Thượng Nguơn Thi là Ta, nay gọi là Đấng Cao Đài.)

Qua lời Thánh giáo trên của Đức Chí Tôn, chúng ta nhận thấy rằng, mỗi khi Đức Chí Tôn thấy nhơn loại đi vào đường tà

mị hắc ám thì Ngài mở lòng Đại từ Đại bi, sai các Đấng Phật Tiên giáng trần mở Đạo giáo hóa nhơn sanh. Thời thái cổ (Nhứt Kỳ Phổ Độ), Đức Chí Tôn sai Đức Phật Nhiên Đăng mở Phật giáo; thời thượng cổ (Nhị Kỳ Phổ Độ), Đức Chí Tôn lại sai Đức Phật Thích Ca mở Đạo Phật ở Ấn Độ, Đức Thái Thượng mở Đạo Tiên ở Trung Hoa, Đức Khổng Tử mở Nho giáo cũng ở Trung Hoa, Đức Chúa Jésus mở Đạo Thánh ở Do Thái. Các Đấng ấy đều vâng lệnh Đức Chí Tôn giáng trần mở Đạo cứu đời. Như vậy, tuy các Đạo có giáo lý khác nhau vì nhơn sanh ở mỗi vùng có trình độ tiến hóa khác nhau, nhưng cùng giống nhau ở mục đích là dạy nhơn sanh tu hành, tiến hóa trên đường đạo đức chơn chánh, hầu đoạt vị cao trọng nơi cõi thiêng liêng, thoát khỏi luân hồi.

*Tam giáo từ xưa vốn một nhà,
Người sau lầm tưởng vọng chia ba. (Đức Khổng Tử)*

C.10: *Tam giáo đều có cùng một gốc mà ra, gốc đó là Đức Chí Tôn, mà ngày nay thời TKPD gọi là Đấng Cao Đài.*

Câu 11: Làm người rõ thấu lý sâu.

Thấu: Thông suốt. **Rõ thấu:** Biết rõ, biết một cách thông suốt.

Lý sâu: Cái lẽ sâu xa huyền diệu của Trời Đất. Đó là Chơn lý hằng hữu bất biến của CKVT.

Con người là loài Thượng đẳng chúng sanh, có Tánh linh hơn vạn vật, nên cần phải tìm tòi học hỏi trong các kinh sách để biết rõ các lẽ cao siêu huyền diệu của Trời Đất, thì mới biết tùng theo Thiên lý mà trở về cùng Đức Chí Tôn.

C.11: *Làm một con người nơi cõi trần cần phải tìm tòi học hỏi để biết rõ cái Chơn lý huyền diệu của Trời Đất.*

Câu 12: Sửa lòng trong sạch tụng cầu Thánh Kinh.

Sửa lòng: chữ Hán là Tu Tâm, nghĩa là sửa đổi cái Tâm cho chơn chánh tốt đẹp. **Trong sạch:** Trong thì được thanh nhẹ, sạch thì không ô trược. Tâm trong sạch thì làn sóng tư tưởng

mới thanh nhẹ, vượt lên khỏi lớp không khí, đến với các Đấng thiêng liêng. **Tụng cầu:** Tụng kinh và cầu nguyện. **Thánh Kinh:** Các bài kinh do các Đấng Phật Tiên Thánh giáng cơ ban cho.

C.12: *Cần phải sửa đổi cái Tâm cho trong sạch để tụng kinh và cầu nguyện thì mới được sự cảm ứng của các Đấng thiêng liêng.*

Kinh Cúng Tử Thời: KINH NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

- Nguồn gốc bài Kinh
- KINH NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ
- TÓM TẮT GIẢI NGHĨA KINH NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

KINH NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

經玉皇上帝

Nguồn gốc bài Kinh:

Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế, còn được gọi là Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo, hay vắn tắt là Ngọc Hoàng Bửu Cáo, do Đại Tiên Lữ đồng Tân, thường gọi là Lữ Tổ, tức hiệu Phu Hựu Đế Quân, một vị trong Bát Tiên, giáng cơ ban cho ở bên Trung Hoa, sau đó mới truyền sang VN.

Bài Ngọc Hoàng Bửu Cáo có in trong quyển Kinh: “Quan Thánh Đế Quân Cứu Kiếp Vĩnh Mạng Kinh”, và có cho biết xuất xứ của bài Kinh nầy như sau:

“Quang Tự Tân Mão, cửu ngoạt, sóc, Quan Đế thỉnh Phu Hựu Đế Quân giáng tác thữ cáo, phú tụng dĩ kính Thiên Đế”. Nghĩa là: Niên hiệu Quang Tự (nhà Thanh), năm Tân Mão, tháng 9, ngày mùng 1, Đức Quan Thánh thỉnh mời Đức Phu Hựu Đế Quân giáng cơ viết ra lời cáo nầy, để cho người tụng kinh biết mà tôn kính Đấng Thượng Đế.

Đối chiếu niên lịch, năm giáng cơ ban cho Kinh Ngọc Hoàng Bửu Cáo là năm thứ 17 đời vua Đức Tông nhà Thanh, niên hiệu Quang Tự, ngày 1-9-Tân Mão, tương ứng với dương lịch là ngày 3-10-1891.

Trong việc giải thích chi tiết bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế, có viết Hán văn kèm theo, soạn giả căn cứ phần chánh vào bản Kinh Hán văn in trong quyển «TỬ THỜI NHỰT TỤNG KINH» xuất bản năm 1928 của Nhị vị Đầu Sư Thượng

Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt, và có sự phối hợp đối chiếu với bản Hán văn in trong quyển 大道三期普度經 (ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ KINH) của Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh.

KINH NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

1. Đại La Thiên Đế,
2. Thái Cực Thánh Hoàng.

大羅天帝
太極聖皇

GIẢI NGHĨA

Câu Đại La Thiên Đế,

1-2: Thái Cực Thánh Hoàng.

Đại: Lớn. **La:** Tám lưới. Đại La là tám lưới lớn. **Thiên:** Trời. **Đế:** Vua. Thiên Đế là vua Trời. **Thái Cực:** Ngôi của Đấng Chí Tôn Thượng Đế. **Thánh:** Thiêng liêng mẫu nhiệm. **Hoàng:** Vua. Thánh Hoàng là vua Thánh.

TNHT. II. 62: “Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong CKTG thì Khí Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng, mới lập ra CKTG. Thầy lại phân Tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: Vật chất, Thảo mộc, Côn trùng, Thú cầm, gọi là chúng sanh.”

Bài Thánh ngôn trên của Đức Chí Tôn là nền tảng Triết lý về Vũ Trụ Quan của Đạo Cao Đài.

Trước khi tạo dựng CKVT thì trong khoảng không gian bao la, chỉ có một khí Hồng Mông Hỗn Độn mờ mờ mịt mịt gọi là Hư Vô chi Khí (Khí Hư Vô). Khi tới ngày giờ thì trong Khí ấy nổ ra một tiếng dữ dội, sanh ra một Đấng gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế mà ngôi của Ngài là Thái Cực.

Đấng ấy là Đấng Tuyệt đối, duy có một, huyền diệu vô cùng, trọn lành trọn tốt, toàn tri toàn năng. Đấng ấy phân Thái Cực ra Lương Nghi: Âm Quang và Dương Quang. Ngài làm chủ Dương Quang, rồi Ngài hóa thân ra Đức Phật Mẫu để làm chủ Âm Quang.

Khi đã có đủ Âm Dương rồi, Ngài cho Âm Dương chuyển động, biến hóa ra Tứ Tượng: Thái Dương, Thái Âm, Thiếu Dương, Thiếu Âm. Tứ Tượng biến hóa ra Bát Quái: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Bát Quái tiếp tục biến hóa tạo thành CKVT và vạn vật.

CKVT của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế về phần hữu hình gồm có: Tam thiên Thế giới (3000 Thế giới) và Thất thập nhị Địa (72 Địa cầu), cộng lại là 3072 ngôi sao. Mỗi ngôi sao có một vị Thiên Đế cai quản. (Thiên đế cũng là hóa thân của Thượng Đế). Các ngôi sao ấy được ví như những mắc lưới của một tấm lưới lớn (Đại La) bao trùm CKVT, nên Đấng chưởng quản toàn cả tấm lưới lớn ấy được gọi là **Đại La Thiên Đế**. Đấng ấy là vị vua thiêng liêng ngự tại ngôi Thái Cực, nên cũng gọi Đấng ấy là **Thái Cực Thánh Hoàng**.

Đấng ấy hóa sanh ra vạn vật và Nhơn loại, là CHA chung của chúng sanh, nên còn gọi Đấng ấy là **Đại Từ Phụ**.

Đấng ấy là Đấng duy nhất, được tôn kính nhất trong CKVT, nên gọi Đấng ấy là **Đại Thiên Tôn**.

(Đấng Thiên Đế cai quản Địa cầu 68 của Nhơn loại chúng ta được Phật giáo gọi là Phạm Thiên Vương hay Đế Thích).

Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế thường ngự trên một cái đài cao nơi Linh Tiêu Điện Ngọc Hư Cung để họp Thiên triều của Ngài, nên Ngài tự xưng là Đấng Cao Đài, và Ngài đặt ra Câu Chú riêng của Ngài trong thời ĐĐTKPĐ gồm 12 chữ là: “Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma ha Tát”.

ĐĐTKPĐ được gọi là Đạo Cao Đài là vì tôn giáo này do Đấng Cao Đài giảng cơ lập ra và làm Giáo chủ. Ngài giảng cơ dạy đạo, xưng mình là Thầy và gọi các tín đồ là Môn đệ.

Nhơn loại thường gọi Đấng Cao Đài là Đức Chí Tôn, đôi khi cũng gọi là Đấng Chí Linh, Đấng Chí Công.

Tóm lại, trong CKVT này, có một Đấng duy nhất tạo dựng ra CKVT và hóa sanh vạn vật. Đấng ấy được người đời gọi bằng nhiều danh từ khác nhau tùy theo trường hợp, kể ra:

- Đấng Đại La Thiên Đế.
- Đấng Thái Cực Thánh Hoàng.
- Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, hay vắn tắt là Đấng Thượng Đế.
- Đấng Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng.
- Đấng Đại Thiên Tôn.
- Đấng Đại Từ Phụ.
- Đấng Cao Đài.
- Đấng Chí Tôn, Đấng Chí Linh, Đấng Chí Công.
- Đấng ấy tự xưng là Thầy và gọi Tín đồ là Môn đệ.

C.1-2: Có một Đấng tạo dựng ra CKVT, hóa sanh vạn vật, được người đời gọi là Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế và nhiều danh hiệu khác nữa, trong đó có 2 danh hiệu là: Đại La Thiên Đế, Thái Cực Thánh Hoàng.

3. Hóa dục quần sanh,
4. Thống ngự vạn vật.

化育群生
統御萬物

GIẢI NGHĨA

Câu 3: Hóa dục quần sanh.

Hóa: Sanh ra. **Dục:** Nuôi dưỡng. **Quần:** Nhiều, tụ họp đồng đảo. **Sanh:** Sống. **Quần sanh:** đồng nghĩa với Chúng sanh, chỉ tất cả các loài có sự sống như: Thảo mộc, Côn trùng, Thú cầm và Nhơn loại.

C.3: *Đấng Thượng Đế hóa sanh và nuôi dưỡng các loài sanh vật.*

Câu 4: *Thống ngự vạn vật.*

Thống: Tóm lãnh hết cả. **Ngự:** Cai trị.

C.4: *Đấng Thượng Đế cai trị toàn cả vạn vật.*

5. Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết,

6. Nguy nguy Bạch Ngọc Kinh.

渺渺黃金闕
巍巍白玉京

GIẢI NGHĨA

Câu 5: *Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết.*

Diệu: Còn được đọc là Diêu, Diểu, Miểu, nghĩa là xa tít mù.

Diệu diệu: Ở mù mù rất xa.

Huỳnh: Màu vàng. **Kim:** Vàng, một thứ kim loại rất quý, là vua của các kim loại. Huỳnh Kim là vàng ròng. **Khuyết:** Cái cổng vào đền vua. **Huỳnh Kim Khuyết:** Cái cổng làm toàn bằng vàng ròng để đi vào Đền của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế. Phía trong Huỳnh Kim Khuyết là nơi họp Triều đình của Đức Thượng Đế.

C.5: *Cái cổng lớn Huỳnh Kim Khuyết ở mù mù rất xa.*

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo “Con đường Thiêng liêng Hằng sống” có nói như sau:

«Trên hết, chúng ta ngó thấy Đức Chí Tôn ngự với cái triều nghi của Ngài là Huỳnh Kim Khuyết. Nơi Huỳnh Kim Khuyết, trên đầu của Ngài nơi xa xa, chúng ta thấy vọi vọi, xa nữa chúng ta thấy 3 vị Phật mà hiện giờ ta thấy tượng hình nơi nóc BQĐ là: Brahma Phật, Civa Phật, và Christna Phật, ngự trên nữa, xa hơn nữa, coi vọi vọi xa xăm hơn nữa, chúng ta không thể gì tưởng tượng được, con mắt mình ngó thấy như một đạo hào quang chớp nhoáng mà không có hình ảnh gì hết, chiếu diệu trên cái triều nghi của Ngài là Huỳnh Kim Khuyết, mà dưới

Huỳnh Kim Khuyết là Cửu phẩm Thần Tiên đang ngự triều với Đức Chí Tôn, chúng ta không thể gì tưởng tượng được, oai nghiêm huyền bí làm sao!»

Câu 6: *Nguy nguy Bạch Ngọc Kinh.*

Nguy: Dáng núi cao lớn đồ sộ. **Nguy nguy:** Đồ sộ cao vòi vọi.

Bạch Ngọc: Loại đá quý màu trắng trong rất đẹp. **Kinh:** Tòa lầu đài to lớn dùng làm nơi đóng đô của vua.

Vàng là vua loài kim, Ngọc là vua loài đá, cho nên 2 thứ quý báu này được dùng làm các vật dụng của vua hay để trang trí trong đền vua.

Bạch Ngọc Kinh là tòa lầu đài đồ sộ làm toàn bằng ngọc trắng, làm nơi ngự của Đức Chí Tôn Thượng Đế.

C.6: *Đền Bạch Ngọc Kinh đồ sộ cao vòi vọi.*

Có bài thơ trong TNHT. I. 112 mô tả Bạch Ngọc Kinh:

Tân tả Bạch Ngọc Kinh

Một tòa Thiên các ngọc lầu lầu,
Liền bắc cầu qua nhấp nhóa sao.
Vạn trượng then gài ngăn Bắc Đẩu,
Muôn trùng nhiếp khâm hiệp Nam Tào.
Chư Thân chóa mắt màu thường đối,
Liệt Thánh kinh tâm phép vãn cao.
Dời đối chớp giăng doanh đờ nổi,
Vững bền muôn kiếp chẳng hề xao.

Bạch Ngọc Kinh là tòa lầu đài quý báu nhứt, đồ sộ đẹp đẽ nhứt, huyền diệu nhứt nơi cõi TL. Lầu đài nơi cõi trần còn bị hư sập hay bị hủy hoại theo thời gian, nhưng Bạch Ngọc Kinh thì tồn tại vĩnh viễn. Tất cả các Chơn linh, khi đã đắc đạo, đều phải đến Bạch Ngọc Kinh bái lễ Đức Chí Tôn.

Tòa Thánh Tây Ninh được Đức Phạm Hộ Pháp xây cất theo kiểu vở do Đức Lý Giáo Tông giáng cơ vẽ ra, căn cứ theo hình ảnh của Bạch Ngọc Kinh. Do đó, Tòa Thánh Tây Ninh được xem là Bạch Ngọc Kinh tại thế.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo về Con đường Thiêng liêng Hằng sống có mô tả Bạch Ngọc Kinh như sau:

«Lại gần tới, còn thấy một vật khác thường quái lạ, nhưng nó là một tòa Thiên các đẹp đẽ lắm, màu sắc thay đổi sáng rõ, mà cả Thoại khí bao quanh, làm như thể vận chuyển hình trạng của nó vậy. Lâu đài chón chỡ mà nó là con vật sống chớ không như gạch đá chúng ta làm đây, nó vận hành như con vật sống vậy, thay đổi màu sắc vô cùng vô biên.

Bí pháp ấy không thể gì tả đặng, ngó thấy đặc sắc lắm!

Nhà cửa ở thế gian nầy là con vật chết, Bạch Ngọc Kinh là con vật sống, biến hóa thay đổi như thể vận hành, xung quanh Thoại khí bao trùm, từ Nam chí Bắc, từ Đông qua Tây. Khối lửa ánh sáng ấy, chúng ta ngó thấy như mặt trời vậy, mà ánh sáng mặt trời thì nóng nực bức bối, còn ánh sáng nơi tòa Bạch Ngọc Kinh lại dịu dàng và huyền bí lắm, sung sướng khoái lạc lắm! Tại sao đài các là con tử vật mà nó sống? Sống là do nơi đâu? Nếu biết thì không lạ gì!

Bạch Ngọc Kinh là do Hỗn Nguơn Khí biến hình ra. Hỗn Nguơn Khí là Khí Sanh Quang của chúng ta đã thở, đã hô hấp, khí để nuôi cả sanh vật sống. Ta sống cũng do do nơi nó xuất hiện, mà biểu nó làm sao không sống?

Khi Bản đạo ngồi trên Pháp xa đến, thấy các Chơn linh hằng hà sa số, bao vây trước cửa la liệt không thể đếm. Pháp xa vừa ngừng, Bản đạo bước xuống thấy 3 cửa nơi Bạch Ngọc Kinh có 12 vị Thời Quân mặc khôi giáp, tay cầm Bửu pháp, đứng cản đường không cho thiên hạ vô. Bản đạo thấy 3 cửa ấy xa nhau, mỗi cửa có 4 người giữ. Bản đạo muốn nói chuyện thì 3 cửa ấy gom lại, 12 người hiệp lại đứng trước mặt Bản đạo. Bản đạo hỏi, vì có nào không cho người ta vô?

Vừa hỏi thì họ bỡ ngỡ nói người ta biểu đừng cho vô. Nói người ta biểu thì Bản đạo biết là Kim Quang Sứ biểu xúi đừng cho các Chơn linh vào Bạch Ngọc Kinh. Giận quá, day mặt ra ngoài biểu các Chơn linh vô. Họ tràn vô nghe một cái ào, dường

như nước bể bờ chảy vào Bạch Ngọc Kinh vậy. Tới chừng các Chơn linh vô hết, liền biểu 12 vị Thời Quân vô, rồi đứng dòm cùng hết thấy coi còn ai ở ngoài nữa không? Bản đạo cầm cây Giáng Ma Xử đi vô Bạch Ngọc Kinh sau hết.

Bạch Ngọc Kinh chia làm 3 căn, cửa chính giữa các vị Phật cao siêu, mình đứng day vô, phía bên tả là phái nữ, phía bên hữu là phái nam. Bản đạo nghe đi rần rần rộ rộ, bên kia thì thấy hình bóng chiếu qua vách mà thôi, tấm vách thật lạ lùng, trong trắng giống như sương sa vậy.

Buổi đầu, Bản đạo không để ý, đi tới nữa, thấy cả thầy đều có ngôi vị của họ sẵn. Bản đạo vô cửa thấy họ ngồi có chỗ hết, còn mình thì bơ thờ, cầm cây Giáng Ma Xử đi vô, không biết đi đâu. Nói sao người ta có chỗ ngồi, còn mình không có? Vừa nói rồi thì thấy có người đứng gần bên mình mà không hay, họ trả lời: Cái ngai của Ngài kia. Bản đạo dòm lên thấy cái ngai tốt lắm, thấy rồi mà trong bụng hồ nghi nói không biết họ có gạt mình không. Bản đạo sợ, vừa sợ thì có người nói: Chính cái ngai đó là của Ngài.

Từ thử đến giờ, dầu vận kiếp sanh chịu khổ để tạo vị nơi mặt thế gian nầy cũng không bằng ngôi được trên đó. Nơi đó sung sướng lắm, sung sướng làm sao đâu! ...»

7. Nhược thiệt nhược hư,
8. Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa.

若實若虛
不言而默宣大化

GIẢI NGHĨA

Câu 7: Nhược thiệt nhược hư.

Nhược: Nếu như, ví bằng. **Thiệt:** Thực, có hình ảnh cụ thể thấy được. **Hư:** Trống không, không thấy gì cả.

C.7: Như là có thật, nhìn thấy được; như là trống không, không

thấy gì cả.

Đó là Đạo Trời huyền diệu không lường, hư hư thực thực, biến hóa mầu nhiệm vô cùng, lúc có lúc không, không thể nào lấy trí phàm mà biết hết được.

Câu 8: Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa.

Bất: Không. **Ngôn:** Lời nói. **Bất ngôn:** Không lời nói. **Nhi:** Mà. **Mặc:** Yên lặng. **Tuyên:** Bày tỏ cho người khác biết. **Đại:** Lớn. **Hóa:** Biến đổi. **Đại hóa:** Cuộc biến hóa lớn.

C.8: Không nói ra mà cứ yên lặng tỏ bày cuộc biến đổi rộng lớn trong khắp CKVT.

Sách Luận Ngữ: Thiên hà ngôn tai! Tứ thời hành yên? Vạn vật sanh yên? Nghĩa là: Trời có nói gì đâu! Bốn mùa há không vạn chuyển sao? Muôn vật há không sanh hóa sao?

9. Thị không, thị sắc.

10. Vô vi nhi dịch sử quần linh.

是空是色
無為而役使群靈

GIẢI NGHĨA

Câu 9: Thị không, thị sắc.

Thị: Là, ấy là. **Không:** Trống rỗng, mắt phàm không thấy chi cả. **Sắc:** Những thứ có hình tướng, mắt phàm thấy rõ.

C.9: Là trống không, là có hình tướng.

SẮC thì có hình tướng nên thuộc vật chất hữu hình.

KHÔNG thuộc vô vi, không hình tướng, mắt phàm không thể thấy được. Nói như thế là đối với người phàm, với mắt phàm; nhưng đối với con mắt thiêng liêng thì không có gì là KHÔNG, không có gì là SẮC, tức là không còn phân biệt SẮC và KHÔNG.

Bát Nhã Tâm Kinh của Phật giáo có câu:

“SẮC tức thị KHÔNG, KHÔNG tức thị SẮC,
SẮC bất dị KHÔNG, KHÔNG bất dị SẮC.”

Nghĩa là:

SẮC tức là KHÔNG, KHÔNG tức là SẮC,
SẮC không khác với KHÔNG, KHÔNG không khác với SẮC.

Trong Đạo Đức Kinh, Đức Lão Tử cũng có nói: “Hữu xuất ư Vô”. Nghĩa là: Cái CÓ từ cái KHÔNG mà ra.

Thuở tạo dựng Trời Đất, Đức Chí Tôn dùng 2 Khí Dương quang và Âm quang, là 2 chất khí không hình ảnh (tức là KHÔNG) để phối hợp sanh ra CKVT và vạn vật có hình thể (tức là SẮC). Như vậy, Đức Chí Tôn đã lấy KHÔNG mà tạo thành SẮC. Khi đã có sắc tướng rồi thì phải chịu luật Thành Trụ Hoại Diệt, sắc tướng chỉ tồn tại một thời gian rồi phải bị tiêu diệt để trở về KHÔNG, tức là trở về nguồn cội Vô Vi.

Câu 10: Vô vi nhi dịch sử quần linh.

Vô: Không. **Vi:** Làm. **Nhi:** Mà. **Dịch:** Sai khiến làm việc. **Sử:** Sai khiến. **Quần linh:** Quân là nhiều, Linh là chơn linh, Linh hồn. Quân linh đồng nghĩa Vạn linh, chỉ tất cả chơn linh trong CKVT gồm đủ Bát phẩm chơn hồn: Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn.

Vô Vi: Nghĩa đen là không làm, nghĩa thường dùng là không hình ảnh, thuộc vô hình. Trái với Vô Vi là Hữu Vi, là có hình ảnh thấy được, thuộc hữu hình sắc tướng.

Đạo Đức Kinh viết rằng: “Đạo thường vô vi nhi vô bất vi”. Nghĩa là: Cái Đạo thường thì không làm gì nhưng không việc gì không làm được.

Đạo là Hư Vô chi Khí, mà Hư Vô chi Khí sanh ra Đức Chí Tôn, nên Đức Chí Tôn cũng chính là Đạo. Ngài không làm gì nhưng sai khiến được Vạn linh trong CKVT vì Ngài là Đạo.

C.10: Đức Chí Tôn ở trạng thái vô vi mà sai khiến toàn cả vạn

linh trong CKVT.

11. Thời thừa lục long,
du hành bất tức.

時乘六龍
遊行不息

GIẢI NGHĨA

Thời: Thường thường. **Thừa:** Cỡi. **Lục long:** Sáu con rồng. **Du hành:** Đi khắp nơi. **Bất tức:** Không ngừng nghỉ.

Lục long là 6 con rồng, tượng trưng 6 vạch liền của quẻ CÀN trong Kinh Dịch.

Vương Bật, thuộc phái Huyền học thời Nam Bắc Triều bên Tàu, chú giải tượng của quẻ Càn trong Kinh Dịch như sau:

“Thời thừa lục long dĩ ngự Thiên, Càn đạo biến hóa, các chánh tánh mạng.” Nghĩa là: Luôn luôn cỡi 6 rồng để ngự trị Trời, đạo Càn biến hóa, mỗi vật giữ ngay ngăn vận mạng của bản tánh. Càn tượng trưng Trời. Thời thừa lục long là chỉ cái sức mạnh mẽ của Đấng Thượng Đế bao trùm CKVT như 6 con rồng vùng vẫy trong không trung.

Du hành bất tức là chỉ sự vận chuyển và sự biến hóa luôn luôn, và vô cùng tận của Đấng Thượng Đế.

Nơi nóc Plafond dù ở cấp Cửu Trùng Đài của Tòa Thánh Tây Ninh, có tạc hình 6 con rồng doanh nhau theo 3 màu đạo: 2 rồng vàng, 2 rồng xanh, 2 rồng đỏ, để tượng trưng cho Câu kinh 11 ở trên.

C.11: Nghĩa đen là: Thường cỡi 6 rồng đi khắp nơi không ngừng nghỉ. Nghĩa bóng là: Cái sức mạnh to lớn và sự chuyển vận biến hóa vô cùng tận của Đấng Thượng Đế.

12. Khí phân Tứ Tượng.
13. Oát triển vô biên.

氣分四象
斡旋無邊

GIẢI NGHĨA

Câu 12: *Khí phân Tứ Tượng.*

Khí: Chất khí, ở đây chỉ khí Lương Nghi: Âm quang và Dương quang. **Phân:** Chia ra. **Tứ Tượng:** Bốn Tượng gồm: Thái Dương, Thái Âm, Thiếu Dương, Thiếu Âm.

Theo phần Giải nghĩa nơi Câu 1 và Câu 2 thì: Khí Hư Vô biến sanh Thái Cực, ngôi của Đức Chí Tôn và đó cũng là một Khối Đại Linh Quang của Đức Chí Tôn. Đức Chí Tôn phân Thái Cực ra Lương Nghi: Âm quang và Dương quang. Hai khí này xây chuyển và phối hợp với nhau để sanh ra Tứ Tượng. Rồi Tứ Tượng biến hóa tiếp tục để tạo ra Bát Quái. Bát Quái biến hóa vô cùng để tạo thành CKVT và vạn vật.

Như vậy, nguồn gốc phát khởi là Khí Hư Vô.

Thái Cực, Lương Nghi, Tứ Tượng đều là thể khí với nguồn năng lực là ánh sáng linh thiêng vô cùng tận. Tới khi Bát Quái biến hóa thì bắt đầu có Trời Đất và vạn vật hữu hình.

C.12: *Khí phân Tứ tượng là 2 khí Dương quang và Âm quang phối hợp để hóa sanh ra Tứ Tượng.*

Câu 13: *Oát triển vô biên.*

Oát: Chuyển xoay đi. **Triển:** Xoay trở lại. Oát triển là xoay chuyển qua lại. **Vô biên:** Không biên giới, không giới hạn.

CHÚ Ý: Chữ Hán 斡旋 phải phiên âm ra tiếng Việt là **OÁT TRIỂN** thì mới đúng chánh tả, theo Từ Điển Hán Việt của Đào Duy Anh quyển II, trang 87 và 490.

C.13: *Xoay chuyển qua lại, rộng ra không giới hạn.*

14. Càn kiện cao minh.
15. Vạn loại thiện ác tất kiến.

乾 健 高 明
萬 類 善 惡 悉 見

GIẢI NGHĨA

Câu 14: Càn kiện cao minh.

Càn: Quẻ đầu tiên trong Bát Quái, tượng trưng Trời. **Kiến:** Mạnh mẽ. **Cao:** Ở trên cao. **Minh:** Sáng tỏ.

C.14: *Ngôi Càn mạnh mẽ, cao vợi, sáng tỏ.*

Trong quyển “Châu Dịch Huyền Giải” của Minh Lý Đạo ấn tống, nói về sự mạnh mẽ của ngôi Càn như sau:

“Kiến (Càn) là cương kiện. Nói rõ hơn, Kiến là cương kiện bất khuất chi nghĩa. Thể của nó có 6 hào đều dương, tượng của nó là thuần dương (nên nói 6 rộng, rộng thuộc về Dương). Mạnh không chi bằng Trời, Trời là Đạo, một khí lưu hành, tuần hoàn không giáp mối, trải bao nhiêu thời gian, không gian, không ngăn mé (vô biên). Vạn vật không có một vật nào mà không đặng nó che chở, mà cũng không vật nào làm hại nó được.”

Câu 15: Vạn loại thiện ác tất kiến.

Vạn loại: Muôn loài sanh vật trong CKVT. **Thiện ác:** Lành và dữ. **Tất:** Đều, biết rõ. **Kiến:** Thấy, biết.

C.15: *Việc lành, việc dữ của muôn loài vật đều biết và thấy rõ.*

Do đó, trong Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn dạy thờ Thiên Nhân là thờ THẦY. Thầy là Trời, là Thượng Đế, mà theo lời nói thông thường là Trời cao có Mắt, cái gì cũng thấy rõ hết, dầu giấu giếm kín đáo đến đâu cũng không thể che được con Mắt thiêng liêng của Trời được.

16. Huyền phạm quang đại.

17. Nhứt toán họa phước lập phân.

玄 範 廣 大
一 算 禍 福 立 分

GIẢI NGHĨA

Câu 16: Huyền phạm quang đại.

Huyền: Sâu xa kín đáo, huyền diệu. **Phạm:** Khuôn mẫu để người ta bắt chước làm theo, phép tắc. **Quang:** Rộng lớn. **Đại:** Lớn. Quang đại là rộng lớn.

C.16: *Cải khuôn phép huyền diệu và rộng lớn.*

Phạm vi khuôn phép của Trời Đất rộng lớn mênh mông vô cùng, nhưng cũng rất huyền diệu, dầu một mũi kim nhỏ cũng không qua lọt, một mảy cũng không bỏ sót. Cho nên có câu: Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu. Nghĩa là: Lưới Trời lộng lộng, thưa mà không lọt.

Câu 17: Nhứt toán họa phước lập phân.

Nhứt: Một. **Toán:** Đếm số mà tính ra nhiều ít, làm toán, tính toán. **Họa:** Tai vạ lớn. **Phước:** Điều may mắn tốt lành. **Lập:** Tạo nên, lập thành. **Phân:** Chia ra.

C.17: *Chỉ một cái tính toán mà Đức Chí Tôn tạo lập và chia ra một cách rành rẽ cái nào là họa, cái nào là phước.*

Cái tính toán của Đức Chí Tôn thể hiện bằng Cây Cân Công Bình thiêng liêng, để cân họa phước, trong nháy mắt thì biết rõ kết quả: Phước nhiều thì thăng, tội nhiều thì đọa.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo về Con đường Thiêng liêng Hằng sống, có mô tả Đức Chí Tôn cầm Cây Cân Công Bình thiêng liêng như sau:

«Vừa nói rồi thì thấy Ông (Đức Chí Tôn) bước ra đứng ngay chính giữa, ngó ngay Bản đạo, dường như thể biểu con coi đây, ngó ngay lên Ông, thấy đạo hào quang chiếu diệu ra, tay cầm cây gậy coi đẹp lắm. Cây gậy của Ông quảy cái bầu, bên mình Ông mang một cái bị, mặc bộ đồ Ngọc Hoàng Thượng Đế, nắm ngang cây gậy trên tay thành cây đòn cân, Ông kéo cái bầu ra thành cái giá cân, Ông kéo cái bị ra thành trái cân. Ba món báu ấy hiệp lại thành Cây Cân Công Bình thiêng liêng mà chính mình đã thấy Ông nơi Linh Tiêu Điện.»

18. Thượng chương Tam thập lục Thiên,
Tam thiên Thế giới.

上掌三十六天
三千世界

GIẢI NGHĨA

Thượng: Ở trên, phần trên. **Chương:** Năm giữ, cai quản. **Tam thập lục:** 36. **Thiên:** Ở đây có nghĩa là từng Trời. Tam thập lục Thiên là 36 từng Trời.

Tam thiên: 3000. Thiên là một ngàn. **Thế giới:** Địa cầu. Khi nhìn lên bầu trời vào đêm, chúng ta thấy những vì sao lấp lánh sáng, đó là những Thế giới. Những Thế giới thanh nhẹ thì ở trên cao, những Thế giới ít thanh nhẹ hơn thì ở dưới thấp. Tam thiên Thế giới là 3000 Thế giới, tức 3000 Địa cầu.

C.18: Ở phần trên của Vũ trụ, Đức Chí Tôn chương quản 36 từng Trời và 3000 Thế giới.

Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ dạy Luật Tam Thế, có đoạn nói về Tam thiên Thế giới và Thất thập nhị Địa như sau:

«Mấy em thử phân lại Tam thiên Thế giới và Thất thập nhị Địa coi thử? Bạch: Tam thiên Thế giới là ở từng trên bao phủ mà Thất thập nhị Địa ví như bàn cờ ở dưới. Đức Cao Thượng Phẩm nói: Phải đó vậy. Tam thiên Thế giới là ngôi vị, còn Thất thập nhị Địa là Trường thi Công quả, hiểu chưa?»

Theo lời dạy của Đức Cao Thượng Phẩm thì bên trên của vũ trụ hữu hình là 3000 Thế giới, chỉ gồm có những ngôi vị của chư Thần Thánh Tiên Phật, còn bên dưới của vũ trụ là 72 Địa cầu có nhơn loại ở, nơi đó dùng làm Trường Thi Công Quả, tức là để cho nhơn loại tu hành, lập công bồi đức mà đắc đạo, đoạt được quả vị và được thăng lên ở trên 3000 Thế giới.

19. Hạ ốc Thất thập nhị Địa,
Tứ Đại Bộ Châu.

下握七十二地
四大部洲

GIẢI NGHĨA

Hạ: Ở dưới, ở phần dưới. **Ốc:** còn đọc là Ác, nghĩa là: Năm lấy, cầm giữ. **Thất thập nhị:** 72. **Địa:** Địa cầu. **Thất thập nhị Địa:** 72 quả Địa cầu. Các Địa cầu này được đánh số từ cao dần xuống thấp, tức là từ thanh khiết xuống trọng trược, và Địa cầu của nhơn loại chúng ta đang ở là Địa cầu số 68.

Tứ: 4. **Đại:** Lớn. **Bộ:** Ngành, môn. **Châu:** Vùng đất lớn có biển bao bọc chung quanh.

Tứ Đại Bộ Châu là 4 Bộ Châu lớn được phân chia theo 4 hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc, có tên là:

- Đông Thắng Thần Châu,
- Tây Ngưu Hóa Châu,
- Nam Thiệm Bộ Châu,
- Bắc Câu Lư Châu.

Thất thập nhị Địa (72 Địa cầu) được chia ra ở trong Tứ Đại Bộ Châu này. Địa cầu 68 của nhơn loại chúng ta thuộc Nam Thiệm Bộ Châu.

C.19: Ở phần dưới của vũ trụ, Đức Chí Tôn chương quản 72 Địa cầu và 4 Bộ Châu lớn.

Tóm tắt 2 Câu 18 & 19:

Phần trên của vũ trụ là Tam thập lục Thiên và Tam thiên Thế giới; phần dưới của vũ trụ là Tứ Đại Bộ Châu và Thất thập nhị Địa. Tất cả trên dưới đều do Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế tạo dựng và chương quản. Như vậy CKVT của Đức Chí Tôn gồm có 2 phần: Hữu hình và Vô hình.

- Phần Vô hình gồm: Tam thập lục Thiên và Tứ Đại Bộ Châu (36 từng Trời và 4 Bộ Châu lớn).
- Phần Hữu hình gồm: Tam thiên Thế giới và Thất thập nhị Địa (3000 Thế giới và 72 Địa cầu).

Đức Chí Tôn dạy Ông Phối Sư Thái Bính Thanh làm một Trái Càn Khôn tượng trưng CKVT thờ nơi BQĐ TTTN: TNHT. I. 45: «Bính! Thấy giao cho con lo một Trái Càn Khôn, con hiểu nghĩa gì không? Cười... Một trái như trái đất tròn quay, hiểu không? Bề kính tâm 3 thước 3 tấc, nghe con! Lớn quá, mà phải vậy mới đặng, vì là cơ mẫu nhiệm Tạo Hóa trong ấy, mà sơn màu xanh da trời, Cung Bắc Đẩu và Tinh tú vẽ lên Trái Càn Khôn ấy.

Thấy kể, Tam thập lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu, ở không không trên không khí, tức là không phải Tinh tú, còn lại Thất thập nhị Địa và Tam thiên Thế giới thì đều là Tinh tú. Tính lại 3072 ngôi sao. Con phải biểu vẽ lên đó cho đủ.

Con giở sách Thiên văn Tây ra coi mà bắt chước. Tại ngôi Bắc Đẩu, con phải vẽ 2 cái bánh lái cho đủ và sao Bắc Đẩu cho rõ ràng. Trên vì sao Bắc Đẩu, vẽ Con Mắt Thấy.

20. Tiên Thiên, Hậu Thiên,
Tịnh dục Đại Từ Phụ.

先天後天
並育大慈父

GIẢI NGHĨA

Tiên: Trước. **Hậu:** Sau. **Thiên:** Trời.

Tiên Thiên là trước khi tạo dựng Trời Đất. Thời kỳ Tiên Thiên nằm trong khoảng thời gian từ khi xuất hiện ngôi Thái Cực cho đến khi Thái Cực phân ra Lương Nghi Âm Dương. Dương nhẹ nổi lên thành Trời, Âm nặng chìm xuống thành Đất. Thời kỳ Tiên Thiên còn ở trạng thái Vô vi, vô hình.

Hậu Thiên là sau khi tạo dựng Trời Đất. Thời Hậu Thiên nằm trong khoảng thời gian sau khi xuất hiện Lương Nghi, tức là sau khi có được Trời Đất, tức CKVT và vạn vật. Thời kỳ này thuộc về Hữu hình sắc tướng.

Thái Cực Lương Nghi Trục thời gian

-----○-----X----->>

Hồng môn (Hỗn Độn) Tiên Thiên Hậu Thiên
Tịnh: Cùng, đều. **Dục:** Nuôi dưỡng. **Tịnh dục** là nuôi dưỡng đồng đều như nhau. **Đại:** Lớn. **Từ:** Lòng thương yêu chúng sanh. **Phụ:** Cha. Đại Từ Phụ là người Cha lớn hơn hết các người cha, có lòng lành thương yêu chúng sanh, vì chúng sanh đều là con cái của Ngài. Đấng ấy là Ngọc Hoàng Thượng Đế, nay gọi là Đấng Cao Đài.

C.20: Trước khi tạo dựng Trời Đất, sau khi tạo dựng Trời Đất, Đức Chí Tôn là Đại Từ Phụ của toàn cả chúng sanh, nuôi dưỡng chúng sanh đồng đều như nhau.

Đấng Thượng Đế nuôi sống chúng sanh bằng không khí để thở, bằng ánh sáng mặt trời để sưởi ấm, nước để uống và các loại thực phẩm. Không vì người đạo đức mà Thượng Đế ban cho nhiều hơn, hay không vì kẻ hung bạo gian tà mà ban cho nó ít hơn, không ban cho nó sống. Còn các vật, không vì loài hữu ích mà ban cho nó nhiều, không vì loài độc hại mà lấy bớt. Thượng Đế nuôi dưỡng chúng sanh mọi loài đều như nhau. Tình thương của Thượng Đế chan hòa đồng đều khắp cả.

Mặt khác, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế là Thầy mà cũng là Cha (Đại Từ Phụ). Đức Phạm Hộ Pháp thắc mắc điểm này nên có câu Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, hỏi:

– Phạm là Cha thì làm Cha, còn Thầy thì làm Thầy, chớ sao Đại Từ Phụ lại xưng là Thầy, rất nên khó hiểu?

Đức Nguyệt Tâm trả lời bằng bài thơ Pháp văn, dịch ra thơ song thất lục bát như sau: (Đức Phạm Hộ Pháp dịch)

Người cũng vẫn Cha Thầy luôn một,
Cả chơn linh, hài cốt, tay Người.
Nuôi mình dùng vật thanh tươi,
Tạo hỗn lấy phép tột vời Chí Linh.
Nơi Người vốn quang minh cách trí,
Tấn hóa hỗn phép quý không ngưng.

Vật hèn trước mắt thành trân,
Hồn hèn Người lại dành phần Phật Tiên.
Luật Thương yêu, quyền là ngay chánh,
Gân thiện căn, xa lánh phàm tâm.
Làm Cha nuôi sống âm thầm,
Làm Thầy lại nhượng phẩm Thần ngôi Tiên.

21. Kim ngưỡng, cổ ngưỡng.
22. Phổ tế Tổng Pháp tông.

今仰古仰
普濟總法宗

GIẢI NGHĨA

Câu 21: Kim ngưỡng, cổ ngưỡng.

Kim: Thời nay. **Cổ:** Thời xưa.

Ngưỡng: Ngửa mặt nhìn lên với lòng kính mến.

C.21: Thời nay cũng như thời xưa, đều được kính mến.

Câu 22: Phổ tế Tổng Pháp tông.

Phổ: Khắp nơi, rộng lớn. **Tế:** Giúp đỡ.

Tổng: Gom lại. **Pháp:** Pháp có nghĩa rất rộng, ở đây, Pháp có nghĩa là Giáo lý của một nền tôn giáo. **Tông:** còn đọc là Tôn: Tôn giáo. Pháp tông là giáo lý của một tôn giáo.

Tổng Pháp tông là gom tất cả Giáo lý của các nền tôn giáo lại thành một mối.

C.22: Giúp đỡ chúng sanh, gom tất cả Giáo lý của các nền tôn giáo có từ trước tới nay thống nhất thành một mối dưới sự chưởng quản của Đức Chí Tôn.

Xưa kia, Đức Chí Tôn cho khai mở riêng rẽ nhiều nền tôn giáo khác nhau nơi các vùng dân cư khác nhau trên mặt Địa cầu này, để giáo hóa và cứu giúp dân chúng vùng đó, vì thuở ấy, con người còn kém văn minh, việc đi lại và thông tin từ nơi

này đến nơi khác rất khó khăn. Các tôn giáo chỉ hành đạo nơi địa phương riêng của mình mà thôi. Bởi thế, nhơn loại bị phân chia đối nghịch nhau, cho đạo mình là chánh, đạo khác là tà. Ngày nay, nhơn loại tiến đến một nền văn minh rất cao, nhơn loại đã hiệp đồng, và cũng đúng vào thời kỳ Hạ nguơn Mặt kiếp, một cuộc Tận thế sắp xảy ra, để chuyển sang Thượng nguơn Thánh đức, nên Đức Chí Tôn mở lòng Đại từ Đại bi, khai sáng ĐĐTKPĐ để gom tất cả Giáo lý của các nền tôn giáo đã có từ trước tới nay, qui về một mối duy nhất là Đạo Cao Đài, không còn chia rẽ phân biệt nhau, cùng nhau có chung một tín ngưỡng, cùng thờ một Đấng Duy Nhất Tối Cao, Chúa Tế CKVT, và cũng là Đại Từ Phụ của nhơn loại. Đó chính là tôn chỉ của Đạo Cao Đài: Qui nguyên Tam giáo, Phục nhất Ngũ Chi.

Đây là thời kỳ mà Đức Chí Tôn làm một cuộc Tổng Pháp tông, thống hợp các tôn giáo, cứu độ toàn chúng sanh trong buổi đời Mặt kiếp của Hạ Nguơn Tam Chuyển này.

23. Nãi Nhựt, Nguyệt, Tinh, Thần chi quân,
24. Vi Thánh, Thần, Tiên, Phật chi chủ.

乃日月星辰之君
為聖神仙佛之主

GIẢI NGHĨA

Câu 23: Nãi Nhựt, Nguyệt, Tinh, Thần chi quân.

Nãi: Bèn, hóa ra là, ấy là. **Nhựt:** Mặt trời. **Nguyệt:** Mặt trăng. **Tinh:** Ngôi sao, tinh tú. **Thần:** Ngày giờ, chỉ về thời gian. **Chi:** Tiếng đệm. **Quân:** Vua.

Nhựt, Nguyệt, Tinh là Tam bửu trên bầu trời, chỉ về Không gian. Thần là ngày giờ, chỉ về Thời gian.

Câu 23: Ấy là vua của Mặt trời, Mặt trăng, Ngôi sao, và ngày giờ, tức là vua của Không gian và Thời gian.

Đức Chí Tôn có giảng cơ dạy rằng:

«Thập nhị Khai Thiên là Thầy, Chúa cả Càn Khôn Thế Giới, nắm trọn Thập nhị Thời Thần vào tay. Số 12 là số riêng của Thầy.» (TNHT. I.12)

Theo Bài Thánh ngôn này, Đức Chí Tôn là Chúa của Càn Khôn Thế Giới, tức là Chúa của Nhứt Nguyệt Tinh; và Đức Chí Tôn cũng là Chúa của Thập nhị Thời Thần, tức là Chúa của Thời gian.

Câu 24: Vi Thánh Thân Tiên Phật chi chủ.

Vi: Là. **Thánh, Thân, Tiên, Phật:** Bốn cấp phẩm vị thiêng liêng dành cho những người đạo đức tu hành đắc quả, tùy theo công đức nhiều ít mà được phẩm vị cao thấp tương xứng. Phẩm thấp nhất là Thân, cao hơn chút là phẩm Thánh, cao hơn nữa là phẩm Tiên, và cao nhất là phẩm Phật.

Chi: Tiếng đệm. **Chủ:** Người làm chủ, làm Chúa, tức là người làm ra sự vật và có toàn quyền quyết định số phận của sự vật ấy.

C.24: Là người chủ của chư Thân, Thánh, Tiên, Phật.

Người chủ đó là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Đức Chí Tôn, chẳng những là chủ của các Đấng ấy, mà còn là Cha sanh ra các Đấng ấy nữa.

TNHT. I. 52: “Khai Thiên Địa vốn Thầy, sanh Tiên, Phật cũng Thầy. Thầy nói một Chơn thân mà biến Càn Khôn Thế Giới và cả nhơn loại.

Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy.

Các con là chư Phật, chư Phật là các con.

Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thân, Thánh, Tiên, Phật.

Thầy khai Bát Quái mà tác thành Càn Khôn Thế Giới, nên mới gọi là Pháp. Pháp có mới sanh ra Càn Khôn Vạn vật, rồi mới có người, nên gọi là Tạng.

Thầy là Phật, chủ cả Pháp và Tạng, lập thành các Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy.”

Nhiều người mê chấp cho rằng, chỉ có Phật là lớn, còn Thượng Đế là Ông Trời thì nhỏ hơn Phật. Họ dẫn chứng bằng Truyện Tây Du, khi Tề Thiên Đại Thánh loạn Thiên Cung, Thượng Đế cũng phải thua chạy, phải cầu cứu Phật Tổ. Phật Tổ qua mới bắt được Tề Thiên, đem đày dưới Ngũ Hành Sơn.

Đầu truyện thì nói Tề Thiên tài giỏi như thế, song về sau thì Tề Thiên rất dở, đánh không lại nhiều con yêu, phải đi cầu cứu thầy của chúng xuống bắt về. Xét như thế để thấy rằng Truyện Tây Du trước sau không thống nhất, không đáng tin.

Mặt khác, chúng ta thử hỏi: Phật Tổ do đâu mà có? Trả lời: Do Thái tử Sĩ Đạt Ta đi tu thành Phật. Thái tử Sĩ Đạt Ta chỉ là một người nơi thế gian. Thế xác của Thái Tử do vua cha và hoàng hậu, mẹ của Thái tử sanh ra, nhưng Linh hồn và Chơn Thần của Thái tử do đâu mà có?

Chúng ta biết rằng, tất cả đều do Thượng Đế sanh ra. Đó là Đấng Đại Từ Phụ của toàn cả chúng sanh. Dù con người có tu thành Phật thì Phật đó cũng vẫn là con của Thượng Đế, mà con thì không thể lớn hơn cha.

Đây là một Chơn lý không thể chối cãi được. Nó có tính cách khoa học hợp lý, chớ không phải do mê tín đặt ra.

25. Trạm tịch chơn đạo.

26. Khôi mịch tôn nghiêm.

湛寂真道
恢漠尊嚴

GIẢI NGHĨA

Câu 25: Trạm tịch chơn đạo.

Trạm: Nước sâu, sâu dày. **Tịch:** Yên lặng. **Trạm tịch:** Sâu dày và yên lặng. **Chơn:** Thật, thường nói Chơn thật.

Đạo: Nguyên lý đầu tiên tạo thành CKVT và vạn vật.

(Xem giải nghĩa chi tiết chữ Đạo trong Kinh Tiên giáo). Ở đây,

chữ Đạo có nghĩa là nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn.

C.25: *Nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn chơn thật, sâu dày và yên lặng.*

Câu 26: *Khôi mịch tôn nghiêm.*

Khôi: To lớn. **Mịch:** còn đọc là Mạc, nghĩa là yên lặng. **Tôn:** Đáng kính. **Nghiêm:** Vẻ oai nghi đáng nể sợ.

C.26: *Nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn to lớn, lặng lẽ, đáng kính, oai nghiêm.*

Nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn mở ra bao gồm các Giáo lý của Tam giáo và Ngũ Chi, nên nó là một nền Đại Đạo chơn chánh, vĩ đại, sâu xa, cao quý, tôn nghiêm, và huyền diệu vô cùng. Có được như vậy mới độ được 92 ức nguyên nhân còn đang bị đọa lạc nơi cõi trần, đồng thời tận độ toàn cả chúng sanh, trong thời kỳ Mạt Kiếp Hạ Nguơn, để chuyển qua thời kỳ Thượng Nguơn Thánh đức.

27. Biến hóa vô cùng.

28. Lũ truyền bửu kinh dĩ giác thế.

變化無窮
屢傳寶經以覺世

GIẢI NGHĨA

Câu 27: *Biến hóa vô cùng.*

Biến hóa: Thay đổi thành cái khác, hay đổi sang trạng thái khác, hình thức khác. **Vô cùng:** Không có chỗ cuối cùng, không giới hạn.

C.27: *Biến hóa không cùng tận.*

Câu 28: *Lũ truyền bửu kinh dĩ giác thế.*

Lũ: Nhiều lần. **Lũ truyền:** Nhiều lần truyền ra khắp nơi. **Bửu:** còn đọc là Bảo, nghĩa là quý báu. **Kinh:** Kinh sách. **Bửu kinh:** Kinh sách quý báu. **Dĩ:** Để mà, dùng để.

Giác: Tỉnh ra mà biết rõ, trái với Mê. Giác và Mê, tỷ như người thức với kẻ ngủ, thức là Giác, ngủ là Mê. Giác là Phật, Mê là chúng sanh. **Thế:** Đời, người đời. **Giác thế:** Giác ngộ người đời, làm cho người đời tỉnh ra mà biết rõ, đâu là tạm bợ, đâu là vĩnh cửu, đâu là thật, đâu là giả, vv...

C.28: *Nhiều lần truyền bá kinh sách quý báu để giác ngộ người đời.*

Từ xưa đến nay, Đức Chí Tôn đã nhiều lần cho các Đấng Phật Tiên giảng trần mở Đạo cứu đời: Đức Phật Thích Ca mở Phật giáo ở Ấn Độ, Đức Chúa Jê-sus mở Thánh giáo ở nước Do Thái; Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử mở Tiên giáo và Nho giáo tại Trung Hoa, vv... Các Đấng Giáo chủ ấy đã thuyết giảng biết bao giáo lý cao siêu, ghi lại thành kinh sách quý báu, truyền bá trong dân chúng, hầu thức tỉnh người đời bỏ mê tìm giác, lo việc tu hành mà trở về ngôi xưa vị cũ.

29. Linh oai mạc trắc.

30. Thường thi Thần giáo dĩ lợi sanh.

靈威莫測
常施神教以利生

GIẢI NGHĨA

Câu 29: *Linh oai mạc trắc.*

Linh: Thiêng liêng. **Oai:** Cái vẻ trang nghiêm khiến người khác phải nể sợ. **Mạc:** Không. **Trắc:** Đo lường. Mạc trắc là không thể đo lường để biết được.

C.29: *Cái oai quyền thiêng liêng của Đức Chí Tôn không thể đo lường để biết hết được.*

Người thời nay, nơi các nước văn minh tối tân Âu Mỹ, Nhật, đã chế tạo được máy bay, tàu lặn, hỏa tiễn, phi thuyền, năng lượng nguyên tử, người máy, vv... tưởng như vậy là giỏi lắm, có thể cướp được quyền Tạo Hóa.

Chúng ta phải nói rằng, họ hoàn toàn sai lầm trong tư tưởng, vì họ chưa biết rõ cái oai quyền thiêng liêng của Thượng Đế. Họ không thể tạo ra được sự sống, họ chỉ tạo ra được sự chết mà thôi. Chẳng nào mà các nhà khoa học chế tạo được một người máy Nam và một người máy Nữ, cho phối hợp với nhau như vợ chồng, đẻ ra được một người máy con, thì họ mới gọi là cướp được quyền của Tạo Hóa.

Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế là Đấng duy nhất tạo ra được sự sống và làm chủ sự sống đó.

Ngài là chủ tể của 2 nguyên lý Âm Dương và Ngũ Hành (Kim, Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ). Đức Chí Tôn chỉ dùng cái oai linh của Ngài để xoay chuyển Ngũ Hành cho đảo lộn một chút thôi, thì chúng ta tưởng tượng sẽ xảy ra như thế nào?

- Súng đạn không có lửa nẹt ra đúng lúc để nổ.
- Tàu bè, xe cộ, không có xăng lửa (Thủy Hỏa) điều hòa thì máy móc làm sao chuyển động được.
- Điện tử, điện trường, từ trường bị xáo trộn, làm sao tạo ra được các phản ứng vật chất.
- Ngũ tạng, Lục phủ trong thân thể con người sẽ rối loạn, làm cho con người mê loạn và chết thảm.

Vậy thì, con người dù khôn ngoan đến đâu cũng không thể bằng Trời, mà cũng không thể chống lại Trời.

Người khôn ngoan là người biết nương theo các định luật của Tạo Hóa để mau tiến hóa.

Câu 30: Thường thi Thần giáo dĩ lợi sanh.

Thường: Luôn luôn, hằng có. **Thi:** Sắp đặt mà làm ra, thi hành.

Giáo: Dạy. **Dĩ:** Để mà, dùng để. **Lợi:** Có ích. **Sanh:** Sống, ý nói nhơn sanh, chúng sanh.

Thần: Có 2 nghĩa tùy theo trường hợp: Thần là thiêng liêng; Thần là một trong Tam Bửu Tinh, Khí, Thần, nên Thần là Chơn linh, Linh hồn.

Do đó, Câu kinh trên có thể được giải thích bằng 2 cách tùy

theo nghĩa của chữ Thần:

1. Thần là thiêng liêng: Thần giáo là lời giáo huấn thiêng liêng của chư Tiên, Phật. Thần giáo đồng nghĩa với Thánh giáo.

C.30: Thường đặt ra các lời giáo huấn thiêng liêng để làm ích lợi cho nhơn sanh.

2. Thần là Chơn linh. Thi Thần là sắp đặt cho các Chơn linh.

C.30: Thường sắp đặt cho các Chơn linh giáng trần mô đạo giáo hóa nhơn sanh để làm lợi ích cho nhơn sanh.

Cách giải thích này phù hợp với Câu kinh 28: Lữ truyền bửu kinh dĩ giác thế: Nhiều lần truyền bá kinh sách quý báu để giác ngộ người đời.

Đức Chí Tôn đã nhiều phen sắp đặt cho các Chơn linh cao trọng giáng trần lập Đạo, giáo hóa nhơn sanh tu hành, tức là làm lợi ích cho nhơn sanh. Nhưng, nhơn sanh u mê tâm tối, lại bị Quỷ Vương xúi giục, cám dỗ, nên lần lần các mối Đạo quý báu bị sửa cải Chơn truyền, qui phạm, mất hết giá trị.

31. Hồng oai, hồng từ.

32. Vô cực, vô thượng.

洪 威 洪 慈
無 極 無 上

GIẢI NGHĨA

Câu 31: Hồng oai, hồng từ.

Hồng: To lớn, rộng lớn. **Oai:** Vẻ trang nghiêm đáng nể sợ. Thường nói: Oai quyền. **Từ:** Lòng thương yêu của người trên đối với kẻ dưới, lòng thương yêu chúng sanh.

1) Hồng oai: Cái oai quyền to lớn do lòng thương yêu mà có, chứ không phải do sức mạnh vũ lực đè nén người, nhờ đó mà làm cho người ta phải tâm phục.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo có kể lại một câu chuyện để chúng ta hiểu cái Hồng Oai của Đức Chí Tôn:

«Bản đạo đã đọc sự tích đó hồi còn đi học. Có 2 anh em bạn học ở chung một trường với nhau. Tới kỳ thi Tú Tài thì người bạn thi rớt, về thất chí đến nước muốn hủy mình, mà may có một điều, người bạn tâm tình kia đem cả sự đau khổ tâm hồn mình tỏ cho bạn mình. Người bạn an ủi khuyên lơn chi cũng không được hết.

Hôm nọ, người thất chí đó nhứt định đi ra đón xe lửa đặng nhào đầu vô xe lửa chết, mà không dè là người bạn của mình đi theo bên gót, đi theo xa xa, giữ gìn mà không hay. Ông ta mới vừa đi lại gần xe lửa, người bạn chạy theo níu, năn nỉ giữ lại đó. Người kia vùng vẫy, đổ quạu lên nói: «Mấy tướng đầu mây thương tao mà mây kéo dài sự đau khổ của tao, chớ không phải mây thương tao.»

Bây giờ chẳng gì can gián được, nên phải dùng chiến lược khác, phát gáy lộn, nói: «Cái thân thể mây đã đỡ, mây ngu, mây thì rớt, rồi mây muốn hủy mình. Mây mà có chết đi nữa, linh hồn mây xuống Địa ngục là thẳng tù ngu, đâu có được Đức Chí Tôn tức nhiên Đức Chúa Trời ban cho mây thành Ông Thánh đi nữa, mây cũng là Ông Thánh ngu.»

Mắng, 2 đàng đánh lộn, ôm vật với nhau, đánh thẳng tay, mà cái Ông kia, mình làm mưu không nỡ đánh lăm, đánh sợ đau bạn. Còn Ông bạn kia đổ quạu thật, đánh thôi mình mảy sừng tùm lum tủa lua, rồi đem vô nhà thương nằm. Vô đó, người bạn đó mới nói: Mây ơi! Tao cốt yếu cố tâm đặng cứu mây, mây làm tao thân thể như thế này, thôi hết sức nói.

Tới chừng người kia nằm kế bên mới động lòng khóc mướt, rồi ôm người bạn khóc mướt đó vậy. Cứu được, từ đó anh ta theo mãi, tới thi đậu ra trường thôi.

Đó, Hồng Oai đó. Bây giờ mình mới nghĩ coi Hồng Oai mà làm được như vậy cũng nên làm chớ.”

Cái oai quyền của một người Cha đối với đàn con có được là do đâu? Có phải là do lòng thương yêu của Cha đối với Con, và của Con đối với Cha. Chính 2 sự thương yêu tương liên đó

tạo ra oai quyền của Cha đối với Con.

Còn Hồng Oai của Đức Chí Tôn là đối với toàn thể vạn linh trong CKVT, là con cái thương yêu của Ngài. Đức thương yêu của Đức Chí Tôn vô cùng tận thì Hồng Oai của Đức Chí Tôn cũng vô cùng tận.

2) Hồng từ: Lòng thương yêu to lớn, không vì lợi ích riêng cho mình mà vì lợi ích cho xã hội nhơn quần. Đó là lòng thương yêu cao cả, vượt trên ích kỷ nhỏ nhen để đem lại lợi ích chung. Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giảng về Hồng từ của Đức Chí Tôn như sau:

«Hồng từ, ta thử kiếm hiểu, phải có cái tinh thần Đại từ bi, Đại bác ái, nghĩa là mọi điều nó phải do nơi Luật Tương đối hiện tượng, bây giờ là cái tình đời thì ta phải khoan hồng dung thứ. Muốn làm cho không lăm, phải có tinh thần lịch lăm và khoan dung.

Nắm được tánh đức Hồng từ của Đức Chí Tôn, lịch lăm, ta phải biết mình biết người.

Một cái gương lịch lăm từ cổ chí kim, chưa hề có một lần thứ nhì nữa là Vua Nghiêu, có 9 người con: 7 trai, 2 gái, mà đi tìm Ông Thuấn đặng truyền ngôi vua lại. Còn mấy người con trai kia, ta thử nghĩ thế nào đã? Khi tìm đặng Ông Thuấn, đem 2 người con gái gả hết, Nga Hoàng và Nữ Anh (gả hết cho Ông Thuấn), mà ta thử nghĩ Ông Thuấn là gì? Một tên ít học, cày ruộng, cha là Cổ Tấu, em là Tượng ghét áo da, như là bà kế mẫu. Ngài (Ông Thuấn) bị hiếp bức. Ta thử nghĩ vì lẽ gì Vua Nghiêu chọn Ông Thuấn làm vua kế nghiệp cho Ngài (vua Nghiêu), chỉ vì Ông Thuấn là người hiếu mà thôi.

Với cái tánh lịch lăm, vua Nghiêu cho tánh đức hiếu nghĩa là đủ hết rồi. Hễ hiếu cùng cha mẹ, nghĩa cùng anh em, 2 tánh đức đó đủ cả tinh thần đặng trị thiên hạ. Ngài đoán rồi chọn Ông Thuấn. Ngài không lăm, quả nhiên Ông Thuấn đã thành một vị Hoàng Đế, từ cổ chí kim, chưa hề có một người thứ nhì nữa. Ấy là lịch lăm, nhờ cái tinh thần lịch lăm của vua Nghiêu, mà

cả sự hèn hạ của Ông Thuấn kia nó mất hết. Ông chỉ lấy có Hiếu với Nghĩa mà thôi. Ấy là cái gương lịch lãm khoan dung, mà cái cử chỉ của vua Nghiêu truyền ngôi cho Ông Thuấn là một cái Hồng Từ mà tự thử tới giờ, chưa có ai làm một lần thử nhì nữa.»

Qua lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, chúng ta thấy vua Nghiêu cũng thương con lắm, nhưng Ngài lại yêu dân hơn yêu con, vì Ngài thấy rõ, con của Ngài không thể làm cho dân hạnh phúc bằng Ông Thuấn, nên Ngài dẹp bỏ lòng thương yêu ích kỷ, truyền ngôi cho Ông Thuấn. Do đó, Đức Hộ Pháp mới cho vua Nghiêu có Hồng Từ vậy.

Chúng ta xét trong CKVT này, có ai oai quyền hơn Đức Chí Tôn không? Đó là cái oai quyền của một ông chủ sáng lập ra cái gia tài đồ sộ là CKVT và vạn vật. Đó là cái oai quyền của một ông vua đối với các bề tôi là chư Thần Thánh, Tiên, Phật. Đức Chí Tôn có sử dụng cái oai quyền to lớn ấy để trấn áp ai không? Đức Chí Tôn chỉ dùng tình thương yêu bao la mà ban phát cho tất cả con cái của Ngài, để mong cải hóa họ trở về nẻo chánh đường ngay; cả những đứa con hung bạo, ngỗ nghịch, phản Ngài mà Ngài cũng vẫn thương yêu, cố đem tình thương đến những đứa con này để mong chúng hồi tâm. Đấng nào muốn trừng phạt những đứa con phản nghịch ấy cũng đều bị Đức Chí Tôn ngăn cản đến phút chót, làm cho các Đấng ấy phải lên tiếng kêu nài.

Câu 32: Vô cực, vô thượng.

Vô: Không. **Cực:** Cái đầu cùng. **Thượng:** Trên.

Vô cực là không có gì ở ngoài cái đầu cùng, ý nói tội bực rồi. Vô thượng là không có gì ở trên hơn nữa, ý nói cao hơn hết, cao hơn tất cả.

C.32: *Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế là Đấng vô cực vô thượng. Nghĩa là: Trong CKVT này, không ai lớn hơn hay cao hơn Đức Chí Tôn.*

33. Đại Thánh, Đại Nguyên,
Đại Tạo, Đại Bi.

大聖大願
大造大悲

GIẢI NGHĨA

Câu 33: Đại Thánh, Đại Nguyên, Đại Tạo, Đại Bi.

Đại: Lớn. **Đại Thánh:** Đức Thánh lớn. **Nguyên:** Mong muốn và quyết tâm thực hiện. Nguyên cũng là lời thề hứa chắc đối với bản thân mình để mình cố gắng thực hiện cho kỳ được mới nghe, nên thường nói là Thệ nguyện.

Đại nguyện: Lời nguyện lớn của các Đấng từ Bồ Tát đổ lên, muốn cứu độ tất cả chúng sanh. Lời nguyện đó phổ cập đến toàn cả chúng sanh, nên gọi là Đại nguyện.

Tạo: Dựng nên, làm ra. **Đại tạo:** là Đấng Tạo Hóa lớn mà công trình của Ngài là toàn cả CKVT và vạn vật.

Bi: Lòng trắc ẩn thương cảm các cảnh khổ não của chúng sanh, lúc nào cũng muốn cứu vớt chúng sanh khỏi phiền não và tai họa. **Đại bi:** Đức bi lớn.

Lời nói của Đức Chí Tôn được gọi là Thánh ngôn, lời dạy của Đức Chí Tôn gọi là Thánh giáo, ý kiến của Đức Chí Tôn được gọi là Thánh ý. Đức Chí Tôn thường dùng chữ Thánh để chỉ về mình, biểu thị một tánh đức khiêm tốn tối đa, để làm gương cho nhơn sanh noi theo. Cho nên, từ ngữ Đại Thánh là chỉ Đức Chí Tôn.

Đức Chí Tôn là Đấng Đại Từ Bi, thấy trong buổi Hạ Ngươn Mạt kiếp, chúng sanh mê muội đi vào con đường hắc ám, tội lỗi chồng chất, nên Đức Chí Tôn mở ĐĐTKPĐ, ban cho nhơn loại một cuộc Đại Ân Xá cuối cùng, cứu vớt chúng sanh lần chót để chuyển qua Thượng Ngươn Thánh đức.

«Mỗi phen Thấy đến lập Đạo là phải cam đoan và lãnh các con, chẳng khác nào kẻ nghèo lãnh nợ. Các con làm tội lỗi bao

nhieu Thấy đều lãnh hết.» (TNHT. I. 108)

Lời nói đó được xem là Đại nguyện của Đức Chí Tôn khi lập ĐĐTKPĐ (tức Đạo Cao Đài).

34. Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng
35. Tích phước hựu tội,
36. Đại Thiên Tôn.

玄穹高上帝玉皇
錫福宥罪
大天尊

Lạy 3 lạy, mỗi lạy 4 gật, mỗi gật niệm Câu Chú của Thầy:
Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát

南無高臺仙翁大菩薩摩訶薩

GIẢI NGHĨA

Câu 34: Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng

Huyền: Sâu xa kín đáo, huyền diệu. **Khung:** To lớn cao rộng như vòm trời. **Cao:** Ở trên cao. **Thượng Đế Ngọc Hoàng:** tức là Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế.

C.34: Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế huyền diệu, to lớn, cao tột. Đấng ấy là Chúa tể CKVT, là vua của Nhật, Nguyệt, Tinh và Thời gian, là chủ của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, là Đại Từ Phụ của toàn cả chúng sanh, và hiện nay, trong thời ĐĐTKPĐ, Ngài được gọi là Đức Chí Tôn, Đấng Cao Đài.

Sách «Tứ Thời Nhật Tụng Kinh» của nhị vị Đâu Sư Thượng Trung Nhật và Ngọc Lịch Nguyệt, giải câu kinh này:

«Huyền Khung Cao Thượng Đế: chữ Huyền là sắc đen, màu huyền. Sách Thiên Tự Văn: Thiên huyền Địa huyền là Trời đen Đất vàng. Còn chữ Khung là cao. Có câu: Thiên hình khung long kỳ sắc thương thương, nên chữ Huyền Khung là xưng gọi

vị Thượng Thiên cao vọi sắc xanh đen.»

Câu 35: Tích phước hựu tội.

Tích: Cho, ban cho. Với nghĩa này còn đọc là Tú. **Phước:** Điều tốt lành. **Tích phước** là ban cho điều tốt lành.

Hựu: Rộng lòng tha thứ. **Tội:** Tội lỗi, việc làm trái với pháp luật và đạo đức. **Hựu tội:** Tha tội.

C.35: Đức Chí Tôn ban phước và tha tội cho chúng sanh (miễn là biết ăn năn sám hối tội tình, cải tà qui chánh).

Câu 36: Đại Thiên Tôn.

Đại: Lớn. **Thiên:** Trời, cõi Trời. **Tôn:** Kính trọng.

C.36: Đấng lớn nhất, đáng tôn kính nhất nơi cõi Trời gọi là Đại Thiên Tôn.

Chỉ có Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế mới được gọi là Đại Thiên Tôn; còn các Đấng khác đều nhỏ hơn Đức Chí Tôn nên chỉ được gọi là Thiên Tôn (không có chữ Đại phía trước). Thí dụ như:

- Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.
- Nhiên Đăng Cổ Phật Vô Vi Xiển Giáo Thiên Tôn.
- Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.

Câu Chú của Thầy: đã được giải chi tiết nơi phần cuối của bài Kinh Niệm Hương.

TÓM TẮT GIẢI NGHĨA KINH NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

KINH:

1. Đại La Thiên Đế.
2. Thái Cực Thánh Hoàng.
3. Hóa dục quần sanh.
4. Thống ngự vạn vật.

GIẢI NGHĨA:

Đấng Đại La Thiên Đế.
Đấng Thái Cực Thánh Hoàng.
Sanh ra và nuôi dưỡng các loài sanh vật.
Đấng Thượng Đế cai trị vạn vật.

5. Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết. *Cửa Huỳnh Kim Khuyết ở mù mù rất xa.*
6. Ngụy ngụy cao Bạch Ngọc Kinh. *Đền Bạch Ngọc Kinh đồ sộ vòi vọi.*
7. Nhược thiệt nhược hư. *Như là thật nhìn thấy được, như trống không, không thấy gì cả.*
8. Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa. *Không nói mà cứ yên lặng tỏ bày cuộc biến đổi rộng lớn.*
9. Thị không thị sắc. *Là trống không, là có hình tướng.*
10. Vô vi nhi dịch sử quần linh. *Ở trạng thái vô vi mà sai khiến vạn linh trong khắp CKVT.*
11. Thời thừa lục long du hành bất tức. *Thường cỡi 6 rồng đi khắp nơi không ngừng nghỉ.*
12. Khí phân Tứ Tượng. *Hai khí Dương quang và Âm quang phối hợp sanh ra Tứ Tượng.*
13. Oát triển vô biên. *Xoay chuyển qua lại, rộng ra không giới hạn.*
14. Càn kiện cao minh. *Ngôi Càn mạnh mẽ, cao vợi, sáng tỏ.*
15. Vạn loại thiện ác tất kiến. *Việc lành việc dữ của muôn loài đều biết và thấy rõ.*
16. Huyền phạm quảng đại. *Cái khuôn phép huyền diệu và rộng lớn.*
17. Nhứt toán họa phước lập phân. *Một cái tính toán, Đức Chí Tôn tạo lập, phân chia rành rẽ điều họa và điều phước.*

18. Thượng chương Tam thập lục Thiên, Tam thiên Thế giới. *Ở phần trên của vũ trụ, Đức Chí Tôn chương quân 36 tầng Trời và 3000 Thế giới.*
19. Hạ ốc Thất thập nhị Địa, Tứ Đại Bộ Châu. *Ở phần dưới của vũ trụ, Đức Chí Tôn chương quân 72 Địa cầu và 4 Bộ Châu lớn.*
20. Tiên Thiên, Hậu Thiên, Tịnh dục Đại Từ Phụ. *Trước khi tạo dựng Trời Đất, Sau khi tạo dựng Trời Đất, Đấng Đại Từ Phụ nuôi dưỡng chúng sanh đồng đều như nhau.*
21. Kim gương, cổ gương. *Thời nay cũng như thời xưa đều được kính mến.*
22. Phổ tế Tổng Pháp Tông. *Giúp đỡ chúng sanh, gom tất cả Giáo lý các tôn giáo qui về một mối.*
23. Nãi Nhựt, Nguyệt, Tinh, Thần chi quân. *Là vua của Mặt trời, Mặt trăng, Tinh tú và Thời gian.*
24. Vi Thánh, Thần, Tiên, Phật chi chủ. *Là người chủ của chư Thần, Thánh Tiên Phật.*
25. Trạm tịch chơn đạo, *Đạo chơn thật, sâu dày, yên lặng.*
26. Khôi mịch tôn nghiêm. *To lớn, lừng lẽ, tôn kính, oai nghiêm.*
27. Biến hóa vô cùng. *Biến hóa không cùng tận.*
28. Lũ truyền bửu kinh dĩ giác thế. *Nhiều lần truyền bá kinh sách quý báu để giác ngộ người đời.*

29. Linh oai mạc trắc. *Cái oai quyền thiêng liêng của Đức Chí Tôn không thể đo lường để biết rõ được.*
30. Thường thi Thần giáo dĩ lợi sanh. *Thường sắp đặt cho các Chơn linh giảng trần mở Đạo giáo hóa làm lợi ích cho nhơn sanh.*
31. Hồng oai, Hồng từ. *Oai quyền lớn do lòng thương yêu và đức thương yêu lớn.*
32. Vô cực vô thượng. *Cao hơn tất cả, trên tất cả.*
33. Đại Thánh, Đại nguyện, Đại Tạo, Đại Bi. *Đức Thánh lớn, Lời nguyện lớn, Đức tạo hóa lớn, Đức bi lớn.*
34. Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng, *Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế huyền diệu, to lớn, cao tột,*
35. Tích phước hựu tội. *Ban phước và tha tội.*
36. Đại Thiên Tôn. *Đấng lớn nhất, được tôn kính nhất trong CKVT.*

(Lạy 3 lạy, mỗi lạy 4 gật, mỗi gật niệm Câu Chú của Thầy:

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát)

Kinh Cúng Tứ Thời: Phật giáo

- Phần I: Nguồn gốc 3 bài Kinh Tam giáo
- Phần II: Ghi chú về việc Giải nghĩa
- Phần III: Giải nghĩa Kinh Phật giáo
- TÓM TẮT GIẢI NGHĨA KINH PHẬT GIÁO

PHẬT GIÁO

佛教

NHIÊN ĐĂNG CỔ PHẬT CHÍ TÂM QUI MẠNG LỄ.

燃燈古佛志心皈命禮

Phần I: Nguồn gốc 3 bài Kinh Tam giáo:

Ba bài kinh Tam giáo: Kinh Phật giáo, Kinh Tiên giáo, Kinh Nho giáo, do các Đấng Thiêng liêng giảng cơ ban cho ở chùa Hàn Sơn Tự, nơi Cô Tô Thành, bên Trung Hoa, rồi sau đó mới truyền qua Việt Nam.

Thời gian các Đấng TL ban cho Kinh Tam giáo, theo các bậc tiền bối kể lại, là trong thời Nhà Thanh, đời vua Thanh Nhơn Tông, niên hiệu Gia Khánh (1796 - 1820) và đời vua Thanh Tuyên Tông, niên hiệu Đạo Quang (1821 - 1851).

Như bài Kinh Tiên giáo, có in trong quyển sách: Huỳnh Đình Nội Cảnh Tường Chú, do Hàm Hư Tử bình chú năm 1847.

Phần II: Ghi chú về việc Giải nghĩa:

Trong phần Giải nghĩa 3 bài Kinh Tam giáo, có viết chữ Hán kèm theo, soạn giả căn cứ phần chánh vào Bản Kinh Hán văn in trong quyển “*Tứ Thời Nhứt Tụng Kinh*” xuất bản năm 1928, của Nhị vị Đầu Sư Thượng Trung Nhật và Ngọc Lịch Nguyệt, có sự phối hợp đối chiếu với Bản Kinh Hán văn in trong quyển “*Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Kinh*” của Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh, xuất bản năm 1929.

Phần III: Giải nghĩa Kinh Phật giáo:

Phật giáo: đồng nghĩa Phật đạo, chỉ những tôn giáo mà giáo lý dạy tín đồ tu thành Phật.

Thích giáo: Thích là chỉ Đức Phật Thích Ca. Thích giáo là tôn giáo do Đức Phật Thích Ca lập ra tại Ấn Độ và Đức Thích Ca làm Giáo chủ.

Từ ngữ Thích giáo tương ứng với các từ ngữ như: Lão giáo, Khổng giáo.

– Lão giáo là tôn giáo do Đức Lão Tử lập ra và Đức Lão Tử làm Giáo chủ.

– Khổng giáo là tôn giáo do Đức Khổng Tử lập ra và Đức Khổng Tử làm Giáo chủ.

Thích giáo dạy tín đồ tu thành Phật, nên Thích giáo cũng là Phật giáo, nhưng từ ngữ Phật giáo có nghĩa rộng hơn, vì Thích giáo là chỉ riêng về tôn giáo của Phật Thích Ca, còn Phật giáo là nói chung các tôn giáo mà giáo lý dạy tín đồ tu thành Phật.

Do đó, Bà La Môn giáo, Pythagore giáo, là thuộc về Phật giáo (hay Phật đạo), chứ không thuộc về Thích giáo.

Cho nên, bài Xưng Tụng Đức Nhiên Đăng Cổ Phật được gọi là bài Kinh Phật giáo thì sát nghĩa hơn.

Nhiên Đăng Cổ Phật: Nhiên là đốt cháy, Đăng là cây đèn, Cổ là xưa, Cổ Phật là vị Phật xưa.

Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, gọi theo tiếng Phạn là Dipankara, dịch ra Hán văn là: Nhiên Đăng Phật hay Đỉnh Quang Phật. (Đỉnh là cái chân đèn).

Kinh Trí Độ Luận viết: Như Nhiên Đăng Phật, khi sanh ra, chung quanh thân sáng như đèn, cho nên gọi là Nhiên Đăng Thái Tử. Khi tu thành Phật thì gọi là Nhiên Đăng Phật, xưa gọi là Đỉnh Quang Phật.

Đức Nhiên Đăng Cổ Phật giáng sanh nơi nước Ấn Độ và mở Phật giáo tại đây vào thời Nhứt Kỳ Phổ Độ.

TNHT. I. 31: «Như kẻ bên Phật giáo tặng Nhiên Đăng là

Chường giáo, Nhiên Đăng vốn sanh ra đời Hiền Viên Huỳnh Đế.

Người ta gọi Thích Ca Mâu Ni là Phật Tổ, Thích Ca vốn sanh đời nhà Châu.»

Theo Từ Điển Phật Học Việt Nam, Đức Phật Thích Ca có một tiền kiếp là Tỳ Kheo Nho Đồng. Nho Đồng từng gặp và cúng hoa cho Đức Phật Nhiên Đăng. Nho Đồng mua hoa ấy từ một cô gái với giá rất đắt. Cô gái hỏi vì sao Nho Đồng lại chịu mua hoa với giá đắt như thế. Nho Đồng trả lời là mua hoa để cúng Đức Phật Nhiên Đăng. Cô gái liền tặng không bó hoa với lời nguyện là Cô với Nho Đồng sẽ kết duyên vợ chồng trong các kiếp sau.

Sa môn Nho Đồng là tiền thân của Phật Thích Ca, cô gái bán hoa là tiền thân của Công Chúa Gia Du Đà La (Yasodhara).

Theo Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn thì: Đức Phật Nhiên Đăng có thọ ký cho Thiện Huệ Bồ Tát, phán rằng, về sau, Ngài Thiện Huệ Bồ Tát sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

Trong Vô Lượng Thọ Kinh, Phật phán với A Nan rằng: Về đời quá khứ, thuở xưa cách nay lâu xa vô lượng, chẳng có thể suy nghĩ bàn bạc được là bao nhiêu kiếp, Đức Đỉnh Quang Như Lai (Nhiên Đăng) xuất hiện ở thế, giáo hóa độ thoát vô lượng chúng sanh, đều đắc đạo, rồi Ngài mới diệt độ (nhập Niết Bàn).

Theo giáo lý của Đạo Cao Đài thì:

Đức Nhiên Đăng Cổ Phật là vị Phật xưa nhất, đầu tiên hơn hết trong hằng hà sa số Phật trong CKVT này. Ngài được sanh ra từ thời Hỗn Độn, sau khi ngôi Thái Cực xuất hiện và trước khi tạo dựng Trời Đất. Ngài giáng trần ở nước Ấn Độ, ứng vào thời vua Huỳnh Đế bên Tàu, mở ra PG thời Nhứt Kỳ Phổ Độ. Ngài là Chường giáo Sơ Hội Long Hoa Thanh Vương Đại Hội, điểm đạo các vị đắc quả trong Nhứt Kỳ Phổ Độ.

Đức Nhiên Đăng Cổ Phật hiện nay chường quản từng Trời Hư Vô Thiên, là từng Trời thứ 10, ở bên trên Cửu Trùng Thiên,

nơi đó có Ngọc Hư Cung để họp Triều đình của Đức Chí Tôn Thượng Đế, thiết lập Thiên Điều cai trị CKTG.

Nối tiếp Đức Nhiên Đăng Cổ Phật thì có Đức Phật Thích Ca giảng sanh nơi Ấn Độ, ứng vào thời nhà Châu bên Tàu, mở Phật giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

Chí tâm qui mạng lễ: Chí là ý chí, lòng mong muốn mạnh mẽ làm một việc gì, tâm là lòng, chí tâm là lòng phấn khởi đem hết tâm chí ra thực hiện. Qui là đem mình về, nương theo, mạng là mệnh lệnh, lễ là cúng lạy.

Chí tâm qui mạng lễ là cúng lạy với tất cả ý chí và tâm hồn, đem mình về vâng chịu nghe theo.

1. Hồn Độn Tôn Sư,
2. Càn Khôn Chủ Tế.

混沌尊師
乾坤主宰

GIẢI NGHĨA

Câu 1: Hồn Độn Tôn Sư.

Hồn Độn: Hồn là lộn xộn không rõ ràng, Độn là lộn lạo với nhau. Hồn Độn là thời kỳ mà các chất khí còn ở trạng thái lộn lạo với nhau, chưa phân thanh trước.

Tôn Sư: Vị thầy đáng kính. Tôn là kính trọng, Sư là thầy.

C.1: Đức Nhiên Đăng Cổ Phật là vị thầy đáng kính, được sanh ra vào thời Hồn Độn.

Thời Hồn Độn ở đây là thời kỳ sau khi đã xuất hiện ngôi Thái Cực rồi, đến khi Thái Cực phân ra Lưỡng Nghi Âm Dương. Đó cũng là thời Tiên Thiên, tức là thời kỳ trước khi tạo dựng Trời Đất. (Xem lại Câu 20 KNHTĐ)

Như vậy, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế (Ngôi Thái Cực) được Khí Hư Vô hóa sanh ra trước, sau đó mới hoá sanh ra Đức Nhiên Đăng Cổ Phật.

Câu 2: Càn Khôn Chủ Tế.

Càn Khôn: Hai quẻ trong Bát Quái, Càn chỉ Trời, Khôn chỉ Đất. Càn Khôn là Trời Đất, chỉ toàn thể vũ trụ bao la, nên thường nói là Càn Khôn Vũ Trụ.

Chủ Tế: Chủ là người đứng đầu cai quản và quyết định mọi việc trong phạm vi quyền hạn; Tế là đứng đầu. Chủ tế, còn đọc Chúa Tế là vị đứng đầu có quyền thống trị hết thảy.

C.2: Đức Nhiên Đăng Cổ Phật là Đấng Chúa Tế Càn Khôn Vũ Trụ.

Quyền hành này có được là do Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế giao phó cho Ngài. Ngài thay mặt Đấng Thượng Đế chưởng quản cả CKVT.

3. Qui Thế giới ư như khí chi trung.

歸世界於一氣之中

GIẢI NGHĨA

Qui: Gom vào một chỗ. **Thế giới:** Càn Khôn Vũ Trụ của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế gồm có Tam thiên Thế giới (3000 Thế giới) và Thất thập nhị Địa (72 Địa cầu). Chữ Thế giới trong câu kinh trên là chỉ 3000 Thế giới.

Ư: Ở tại. **Nhứt Khí:** Một chất khí nguyên thủy, đó là Hư Vô chi Khí. **Chi:** Tiếng đệm. **Trung:** Ở trong.

C.3: Gom 3000 Thế giới vào trong một Khí Hư Vô.

4. Ốc trần huồn ư song thủ chi nội.

握塵寰於雙手之內

GIẢI NGHĨA

Ốc: còn một âm nữa là Ấc, nghĩa là nắm giữ, cầm giữ. **Trần:** Bụi bặm. **Huồn:** hay Hoàn là vùng đất lớn. Trần huồn hay Trần hoàn là chỉ các cõi trần, đó là các quả Địa cầu có nhơn loại ở. Có tất cả 72 Địa cầu (Thất thập nhị Địa) mà Địa cầu

của hơn loại chúng ta đang ở là Địa cầu số 68. (Xem trở lại Câu 18 và 19 KNHTĐ)

U: Ở tại. **Song:** Hai. **Thủ:** Tay. Song thủ là hai tay, hai tay: mặt và trái, nên Song thủ có hàm ý nói về Âm Dương; Khí Âm và Khí Dương.

Chi: Tiếng đệm. **Nội:** Trong, ở trong.

C.4: *Nắm giữ 72 Địa cầu vào trong hai bàn tay.*

Tóm tắt 4 Câu kinh 1-2-3-4:

Đức Nhiên Đăng Cổ Phật là vị thầy đáng kính, được sanh ra vào thời Hỗn Độn, làm Chúa tể CKVT, tóm đầu 3000 Thế giới vào trong một Khí Hư Vô, nắm giữ 72 Địa cầu vào trong 2 bàn tay.

Chúng ta nhận thấy, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật được Đức Chí Tôn ban cho quyền hành thay mặt Đức Chí Tôn cai quản CKVT hữu hình gồm: Tam thiên Thế giới (3000 Thế giới) và Thất thập nhị Địa (72 Địa cầu).

5. Huệ đăng bất diệt,
chiếu Tam thập lục Thiên chi quang minh.

慧燈不滅
照三十六天之光明

GIẢI NGHĨA

Huệ: Trí não sáng suốt, thường nói là Trí huệ. **Đăng:** Cây đèn. Huệ đăng là cây đèn Trí Huệ, đốt lên để soi sáng, đẩy lui sự u mê vô minh. Huệ đăng là cây đèn Phật, đèn vô vi, đốt lên để soi sáng cái Tâm. **Bất:** Không. **Diệt:** Mất đi.

Bất diệt: Không mất, trường tồn mãi mãi.

Chiếu: Soi sáng. **Tam thập lục Thiên:** 36 tầng Trời.

Chi: Tiếng đệm. **Quang:** Sáng. **Minh:** Sáng.

Quang minh: Sáng tỏ.

C.5: *Cây đèn trí huệ cháy hoài không tắt, rọi sáng 36 tầng Trời.* Đức Nhiên Đăng Cổ Phật có cây đèn trí huệ cháy hoài không tắt, luôn luôn chiếu sáng 36 tầng Trời. Cũng vì lẽ đó mà Đức Phật ấy có hiệu là Nhiên Đăng.

6. Đạo pháp trường lưu.

7. Khai cứu thập nhị tào chi mê muội.

道法長流
開九十二曹之迷昧

GIẢI NGHĨA

Câu 6: *Đạo pháp trường lưu.*

Trường: Lâu dài. **Lưu:** Chảy, nước chảy. **Trường lưu:** Nước chảy hoài không dứt.

Đạo pháp: Chánh pháp của Đạo.

Về chữ ĐẠO, Đức Chí Tôn có giảng giải như sau: «Đạo, tức là con đường để cho Thánh, Tiên, Phật đạo trần do theo mà hồi cứu vị. Đạo là đường của các hơn phẩm do theo mà lánh khỏi luân hồi. Nếu chẳng phải do theo Đạo thì các bậc ấy đều lạc bước mà mất hết ngôi phẩm. Đạo, nghĩa lý rất sâu xa, nhưng phải hiểu trước bao nhiêu đó, rồi mới học các nghĩa huyền bí khác cho đích xác đặng.» (TNHT. II. 3)

(Xem thêm: Giải nghĩa chữ ĐẠO trong Kinh Tiên giáo).

Về chữ PHÁP, ý nghĩa rất rộng. Bất kỳ việc chi, dù nhỏ dù lớn, hữu hình hay vô hình, tốt hay xấu, chơn thật hay hư ảo, đều có thể gọi là Pháp. Những nguyên tắc, những luật lệ, những qui luật trong CKVT, cũng được gọi là Pháp.

Thông thường, Giáo lý của Phật được gọi là Phật Pháp; thuyết giảng giáo lý được gọi là Thuyết pháp.

Tóm lại, Đạo Pháp là Chánh Pháp của Đạo. Ai tu đúng theo đó thì nhứt định đắc quả, giải thoát khỏi luân hồi.

C.6: *Đạo pháp trường lưu là Chánh pháp của Đạo như dòng*

nước chảy hoài không dứt.

Bất cứ vào thời kỳ nào, xưa cũng như nay, Chánh pháp của các nền tôn giáo mở ra như dòng nước chảy, liên tục mãi mãi, để giúp chúng sanh gội sạch bợn trần, cuốn trôi phiền não, tẩy sạch nghiệp chướng, rửa trí não vô minh ra sáng suốt, mà lần vào nơi Cực Lạc an nhàn, để mình vào chốn thanh cao, thoát khỏi cửa Luân hồi ràng buộc.

Câu 7: Khai cứu thập nhị tào chi mê muội.

Khai: Mở ra. **Cứu thập nhị:** 92. **Tào:** Bợn, đám, nhóm người. **Cứu thập nhị tào:** Ý nói đám 92 ức Nguyên nhân đang còn trầm luân nơi cõi trần. **Chi:** Tiếng đệm. **Mê muội:** Mê là mơ hồ không rõ, muội là tối tăm. Mê muội là đầu óc tối tăm, không phân biệt chánh tà, thiệt giả, ...

Nguyên nhân: Những chơn linh được sanh ra từ lúc khai Thiên, được Đức Phật Mẫu cho đi đầu thai làm người nơi cõi trần để khai hóa cho Nhơn loại được tiến bộ văn minh.

Theo Triết lý Nhơn sinh của Đạo Cao Đài, với Luật Tiến Hóa của Bát Hồn, loài người đầu tiên xuất hiện trên mặt Địa cầu này là do loài động vật cao cấp khi vượt tiến hóa mà thành. Đó là những Hoá Nhơn, người khí, thủy tổ của loài người.

Do đó, người nguyên thủy có trí não còn rất ngu khờ, tánh tình còn hung ác, nếp sống còn dã man, ăn lông ở lỗ.

Lúc đó, Đức Phật Mẫu vâng lệnh Đức Chí Tôn cho 100 ức Nguyên nhân đầu thai xuống cõi trần, để khai hóa đám Hóa nhân đó, đồng thời cũng để kinh nghiệm và tiến hóa.

Nhưng các Nguyên Nhơn, khi đã mang xác phàm rồi, thì lại nhiễm trần, quên nguồn gốc và nhiệm vụ đã nhận lãnh lúc đi đầu thai, lại còn gây ra lắm tội lỗi nơi cõi trần, nên phải bị đọa luân hồi.

Đức Chí Tôn thấy vậy mới động mối từ tâm, mở ra Nhứt Kỳ Phổ Độ, để cứu giúp và dẫn dắt các Nguyên nhân trở về cực vị. Nhưng Nhứt Kỳ Phổ Độ chỉ độ được 6 ức Nguyên nhân. (Ức là 100 000 ; 6 Ức là 600 000 người).

Đức Chí Tôn lại mở Nhứt Kỳ Phổ Độ, gồm Tam giáo (Nho, Thích, Đạo) và Ngũ Chi Đại Đạo để giáo hóa Nhơn sanh tu hành, nhưng cuối cùng cũng chỉ độ được 2 ức Nguyên nhân trở về cực vị.

Như vậy, cả 2 thời kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn chỉ độ được 8 ức Nguyên nhân, còn lại 92 ức nguyên nhân vẫn đang chìm đắm nơi cõi trần.

Đức Chí Tôn lại mở lòng Đại từ Đại bi lần thứ ba và cũng là lần chót, trước khi xảy ra Đại cuộc Tận Thế và Hội Long Hoa, để chấm dứt Hạ Nguơn Tam Chuyển, bước vào Thượng Nguơn Tứ Chuyển, và lần này, chính mình Đức Chí Tôn đứng ra mở ĐĐTKPĐ và đồng thời cũng mở ra Đại Ân Xá Kỳ Ba, quyết độ cho hết 92 ức nguyên nhân trở về cực vị.

Do đó, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật được Đức Chí Tôn giao nhiệm vụ mở cuộc giáo hóa các nguyên nhân còn đang mê muội nơi cõi trần.

C.7: Đức Nhiên Đăng Cổ Phật khai hóa đám 92 ức Nguyên nhân đang còn mê muội nơi cõi trần.

8. Đạo cao vô cực.

9. Giáo xiển hư linh.

道高無極
教闡虛靈

GIẢI NGHĨA

Câu 8: Đạo cao vô cực.

Đạo: Đạo pháp. (Xem Câu 6: Đạo pháp trường lưu).

Cao: Ở trên cao. **Vô:** Không. **Cực:** Chỗ đầu cùng.

Vô cực: Không có cuối cùng, tức là không cùng tận.

C.8: Đạo pháp cao siêu không cùng tận.

Câu 9: Giáo xiển hư linh.

Giáo: Dạy. **Xiển:** Mở rộng ra, làm sáng tỏ thêm. **Hư:** Trống

không. **Linh:** Thiêng liêng mẫu nhiệm.

Giáo xiển là dạy rộng ra cho biết rõ thêm.

Hư linh: Cõi không không trên thượng tầng không khí, thấy trống không mà rất thiêng liêng mẫu nhiệm.

C.9: Dạy rộng ra cho biết rõ thêm về cõi Hư linh.

Khi mắt phàm ta không thấy gì cả, ta bảo đó là trống không. Nói như thế là tương đối, vì mắt phàm chỉ nhìn thấy một số ánh sáng hạn hẹp mà thôi, từ ánh sáng Tím đến ánh sáng Đỏ. Còn tia Tử ngoại (Cực tím) hay tia Hồng ngoại thì mắt ta không nhìn thấy được. Ngoài ra, mắt ta cũng không thể thấy được các vật quá bé nhỏ như con vi trùng, huống chi là thấy được các nguyên tử hay điện tử.

Khoa học ngày nay chứng minh cho biết nhiều cái hiện hữu có thật, hữu hình hữu thể mà mắt ta không thể thấy được.

Nói một cách tuyệt đối thì không có cái gì là trống không cả, chỉ có điều là mắt ta thấy hay không thấy mà thôi. Tuy nhiên, với cặp mắt thiêng liêng (Huệ nhãn hay Thiên nhãn) thì mọi vật đều rất rõ ràng.

10. Thổ khí thành hồng
nhi nhứt trụ xang Thiên.

吐氣成虹
而一柱撐天

GIẢI NGHĨA

Thổ: Phun ra, thổi ra. **Khí:** Chất khí. **Thành:** Làm nên. **Hồng:** Cái cầu vồng, cái móng trời. **Nhi:** Mà, tiếng dùng để chuyển ý. **Nhứt trụ:** Một cây cột.

Xang: còn một âm nữa là XANH, nghĩa là chống đỡ, chống vững. **Thiên:** Trời.

C.10: Thổi ra một chất khí biến thành cái móng, làm như một

cây cột chống vững bầu trời.

Câu kinh này ngụ ý nói về quyền pháp mẫu nhiệm và cao siêu của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật.

11. Hóa kiếm thành xích
nhi tam phân thác Địa.

化劍成尺
而三分托地

GIẢI NGHĨA

Hóa: Biến thành. **Kiểm:** Cây gươm, cây kiếm. **Thành:** Làm nên. **Xích:** Cây thước. **Nhi:** Mà, tiếng dùng để chuyển ý. **Tam phân:** 3 phần của cây thước.

Thác: Nâng, dùng 2 tay nâng một vật. **Địa:** Đất.

Thác Địa: là nâng đỡ giếng Đất.

C.11: Biến cây kiếm thành cây thước, mà 3 phần đủ đỡ vững giếng Đất.

Câu kinh này cũng nói lên cái quyền pháp vô biên của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật.

Nói về Phép Luyện Đạo, hai câu Kinh 10 và 11 có ý nghĩa luyện cho Hậu Thiên biến thành Tiên Thiên, tức là luyện cho hữu hình trở về vô hình, tức là Hườn Hư, đắc đạo.

* **Thổ khí thành hồng nhi nhứt trụ xang Thiên**, câu này có hàm ý nói quẻ LY của Hậu Thiên Bát Quái biến thành quẻ CÀN của Tiên Thiên Bát Quái, gọi là ĐIỂN LY:

Quẻ LY có một vạch đứt ở giữa, điền thêm vào chỗ trống của vạch đứt đó thì nó trở thành vạch liền, và quẻ LY biến thành quẻ CÀN, mà Càn tượng trưng cho Trời.

Hóa kiếm thành xích nhi tam phân thác Địa, có hàm ý nói quẻ KHẨM của Hậu Thiên Bát Quái biến thành quẻ KHÔN của Tiên Thiên Bát Quái, gọi là CHIẾT KHẨM:

Quẻ KHẨM có một vạch liền ở giữa, nếu chặt cho nó đứt ra

làm hai đoạn thì ta được quẻ KHÔN có 3 vạch đều đứt đoạn, mà Khôn tượng trưng cho Đất.

Khi đã CHIẾT KHẢM và ĐIỂN LY thì Hậu Thiên Bát Quái biến thành Tiên Thiên Bát Quái. Luyện được như vậy thì đắc đạo.

12. Công tham Thái Cực.

功參太極

GIẢI NGHĨA

Công: Nỗ lực vất vả khó nhọc làm nên việc. **Tham:** Góp mặt vào, tham dự. **Thái cực:** chỉ Đức Chí Tôn.

C.12: Đức Nhiên Đăng Cổ Phật góp công cùng Đức Chí Tôn.

Đức Chí Tôn nắm cơ Tạo Hóa, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật nắm cơ Giáo Hóa. Cái công Giáo hóa cũng bằng cái công sanh hóa. (TNHT: Cái công giáo hóa cũng đồng sanh.)

13. Phá nứt khiếu chi Huyền quan, Tánh hiệp vô vi.

破一竅之玄關 性合無為

GIẢI NGHĨA

Phá: Làm vỡ ra. **Nứt:** Một. **Khiếu:** Cái lỗ hổng. **Chi:** Tiếng đệm. **Huyền:** Sâu kín, huyền diệu. **Quan:** Cái cửa ải.

Nứt khiếu chi huyền quan: Một cái Khiếu Huyền quan, tức là một cái lỗ sâu kín làm cửa ải trong thân thể con người, nó ngăn lại, khó mở ra được, làm cho con người mê muội vô minh. Tu luyện là cốt để khai thông cái cửa ải này. Khiếu Huyền Quan này mà được mở hoá ra thì đắc đạo.

Trong Kinh Huyền Diệu Cảnh, tác giả Ly Trần Tử viết rằng: “Trong mấy khiếu duy có một cái Khiếu Huyền Quan là Chúa tể. Ví dụ Huyền Quan là vua một nước, Tam quan Tam điện

tỷ như Lục Bộ Thượng Thơ, 9 Khiếu kia phía trước phía sau ví như quan văn tướng võ, những cái lỗ nhỏ chơn lông ví như muôn dân. Nếu như chẳng có Khiếu Huyền Quan thì cũng như nước không vua, nhà không chủ, dân chúng phải điêu đứng khổ sở.

Thân con người mà không có Khiếu Huyền Quan thì cái thân không chủ, tức nhiên Thân phải mệt, Khí phải bị hại, ắt bị mê muội theo tửu điểm thanh lâu, thì làm sao sống lâu cho được, vì Tinh Khí Thần hao mòn lần lần.

Người tu luyện phải đem hết Chơn tâm Thực ý (Lòng ngay ý thiệt) mà luyện cho đến lúc hư cực. Được như vậy cũng như cái cây trăm thước mà mình đã leo đến mức chót, nhưng phải rón lên cao hơn nữa thì Huyền Quan Nứt Khiếu mới tự nhiên xuất hiện.

Huyền Quan màu như sương tuyết. Luyện Huyền Quan hóa ra Kim Đơn, hơi nó đỏ như màu châu sa, hơi nó sáng chói như màu thủy ngân. Nó không chân mà đi được, không hình mà động được, hễ tụ thì có, tán thì không còn, nên Huyền Quan Kim Đơn hiện ra hay ẩn ẩn, thiệt là mâu nhiệm, không thể tả hết được.

Cho nên có câu: Thiên đắc nứt dĩ thanh, Địa đắc nứt dĩ ninh, Nhơn đắc nứt dĩ Thánh.” (Trời được một thì trong, Đất được một thì yên, Người được một thì thành Thánh). Được một đó là được một Khiếu Huyền Quan, được món Kim Đơn.

Kinh Kim Cang: Nứt hiệp tướng bất khả thuyết. Nghĩa là: Âm Dương hiệp lại thành Kim đơn, khó tả khó nói cho rõ được. Sách Đại Học: Chí thiện chi Địa. Nghĩa là: Chỗ đất tốt hơn hết, không chi bì kịp.

Kinh Dịch nói: Huỳnh trung thông lý. Nghĩa là: Giữa Huỳnh Đình thì thông lẽ nhiệm mầu.

Đó là những tên đặt ra cho nhiều, kể chẳng hết, chớ chung cuộc cũng chỉ cái Huyền Quan Nứt Khiếu ấy mà thôi.”

Ngài Bảo Pháp Nguyễn trung Hậu, trong sách THIÊN ĐẠO

của Ngài, có giải về Huyền Quan Khiếu, trang 125-126, như sau: «Người tu hành, chùng nào luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần huồn Hư, luyện Hư huồn Vô, thì Huyền Quan Nhứt Khiếu ấy mở hoát ra.

Huyền Quan Nhứt Khiếu ấy là chi? Là Thiên Nhân vậy. Nó ở ngay Nê Hoàn Cung, gom trọn Chơn Dương chánh đạo. . .

Khi Tâm người đi đến chỗ Hư không rồi, thì Huyền Quan Nhứt Khiếu được mở hoát ra, tức là Thiên Nhân đó, ấy là ngôi Thái Cực. Chùng ấy, sự hiểu biết không lo nghĩ mà biết, không học tập mà hay. Cái biết đó vốn có sẵn từ mấy kiếp trước, nay nhờ tu tỉnh mà được xuất hiện ở kiếp này, nhà tôn giáo gọi là Phát Huệ.»

Tánh hiệp vô vi: Hiệp là hợp lại, Vô vi là không làm, nghĩa thường dùng là vô hình vô ảnh nhưng rất huyền diệu.

TÁNH: Theo Phật giáo, Tánh là cái bản thể chơn thật của mình vốn sáng suốt, an lạc, trong lặng. Tánh là cái nguyên lý chẳng dời đổi, chẳng tiêu mất như: Thiện tánh, Phật tánh.

Theo Thiên Tông thì cái Bốn lai Tự Tánh của ta tức cái Bốn lai Diệu giác Chơn tâm, cũng là cái Bốn lai Diện Mục.

Đức Lục Tổ Huệ Năng nói kệ về Tánh:

Nào dè Tánh mình vốn tự nhiên trong sạch,

Nào dè Tánh mình chứa đầy đủ muôn Pháp,

Nào dè Tánh mình vốn không lay động,

Nào dè Tánh mình có thể sanh ra muôn Pháp.

Nếu chẳng biết Bốn Tâm thì học Pháp vô ích, bằng biết Bốn Tâm và thấy Bốn Tánh mình, tức gọi là Phật.

Trong Đạo Cao Đài, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giảng về Tâm và Tánh:

«Nhà Nho nói: Tánh tự Tâm sanh. (Cái Tánh từ cái Tâm sanh ra). Đó là lý thuyết của Đạo Nho. Chỉ biết có một điều là ta quan sát có thể thấy hiện tượng mà tả trạng hình được, vì Đạo Nho chưa phải là một tôn giáo huyền bí.

Còn Đức Chí Tôn dạy ta biết rằng: Tánh là chơn tướng của Chơn Thần, còn Tâm là chơn tướng của Chơn linh.

Đức Chí Tôn dạy: Tánh của mỗi chúng ta là hình thể thứ nhì của ta. Hình thể thứ nhứt là Tâm, tức Chơn linh; thứ nhì là Tánh tức Chơn Thần; thứ ba là xác phàm thú chất nầy.

Đức Chí Tôn hỏi: Tại sao từ trước đến giờ, theo Triết lý Đạo Nho lấy nghĩa “Tánh tự Tâm sanh” mà tả ra? Bởi vì nó liên quan mật thiết cùng nhau. Trong Tâm mình như thế nào thì xuất Tánh ra y như vậy. Nhà Nho thấy hiện tượng mà đặt tên, còn Đức Chí Tôn chỉ rõ cho biết: Chơn thần cũng tấn bộ như Chơn linh. Mỗi cá nhân đều có 2 năng lực ấy, có đủ quyền năng đào tạo ra hình hài xác thịt ta. Một Chơn linh cao trọng tự nhiên có một Chơn thần cao trọng.”

Tánh hiệp vô vi là đem Tánh hiệp với Hư Vô, tức là huồn Hư. Nói cách khác, luyện Chơn thần huồn Hư (vì Tánh là Chơn thần), Tinh Khí Thần hiệp nhứt, đặc đạo.

C.13: Khai phá một Khiếu Huyền Quan cho thông suốt thì cái Tánh được huồn Hư, tức là Tinh Khí Thần hiệp nhứt, tạo được Chơn thần huyền diệu, đặc đạo.

14. Thống Tam Tài chi bí chi.

統三才之秘旨

GIẢI NGHĨA

Thống: Trông coi bao gồm tất cả. **Tam Tài:** 3 Tài là Thiên, Địa, Nhơn (Trời, Đất, Người). **Chi:** Tiếng đệm.

Bí: Kín đáo, bí mật. **Chi:** Ý định, ý chỉ, ý hướng.

Bí chi: Ý chỉ bí mật, ý chỉ nhiệm mầu.

C.14: Chương quản cả Tam Tài: Thiên, Địa, Nhơn, trong một ý chỉ nhiệm mầu.

Ý nói: Đức Nhiên Đăng Cổ Phật chỉ dùng tư tưởng mà thống quản cả CKVT và vạn vật.

15. Đa thi huệ trạch,
Vô lượng độ nhơn.

多施惠澤
無量度人

GIẢI NGHĨA

Đa: Nhiều. **Thi:** Làm, thi hành, sắp đặt làm ra. **Huệ:** Ôn huệ, cái ơn làm cho người khác. **Trạch:** Ôn huệ.

Đa thi huệ trạch: Nhiều lần ban bố ơn huệ.

Vô: Không. **Lượng:** Đo lường, số lượng. **Độ:** Cứu giúp. **Nhơn:** Người.

Vô lượng độ nhơn: Cứu giúp người đời nhiều không kể hết.

C.15: Nhiều lần ban bố ơn huệ cho nhơn sanh, cứu giúp người đời nhiều không kể hết.

16. Đại bi, Đại nguyện,
Đại Thánh, Đại từ.

大悲大願
大聖大慈

GIẢI NGHĨA

Đại: Lớn. **Bi:** Lòng trắc ẩn thương cảm các cảnh khổ não của chúng sanh, lúc nào cũng muốn cứu vớt chúng sanh ra khỏi phiền não và tai họa. **Đại bi** là Đức bi lớn.

Nguyện: Lời thề hứa chắc với bản thân mình để mình cố gắng thực hiện cho kỳ được mới nghe. **Đại nguyện** là lời nguyện lớn. Phật vì thương xót chúng sanh, nên mỗi vị đều có phát ra lời Đại nguyện:

- Đức Phật A-Di-Đà có phát ra 48 lời Đại nguyện.
- Đức Quan Âm Bồ Tát có phát ra 12 lời Đại nguyện.
- Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát có phát ra lời Đại nguyện là:

Cứu độ hết các chơn hỗn tội lỗi nơi cõi U Minh.

Đại Thánh: Đức Thánh lớn. **Từ:** Lòng thương yêu của người trên đối với kẻ dưới, lòng thương yêu của Phật đối với chúng sanh. **Đại từ** là Đức từ lớn.

Sách Dưỡng Tử có câu: «Phật ái chúng sanh như mẫu ái tử.» Nghĩa là: Phật thương chúng sanh như mẹ thương con.

17. Tiên Thiên Chánh Đạo,
Nhiên Đăng Cổ Phật.
18. Vô Vi Xiển Giáo, Thiên Tôn.

先天正道
燃燈古佛
無為闡教天尊

Lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật, mỗi gật niệm:
Nam mô Nhiên Đăng Cổ Phật Đại Bồ Tát Ma Ha Tát

南無燃燈古佛大菩薩摩訶薩

GIẢI NGHĨA

Câu 17: Tiên Thiên Chánh Đạo, Nhiên Đăng Cổ Phật

Tiên Thiên: Trước khi tạo dựng Trời Đất. (Xem giải nghĩa Câu 20 KNHTĐ). **Chánh Đạo:** Đạo chơn chánh.

Tiên Thiên Chánh Đạo: Cái Đạo chơn chánh có trước Trời Đất. (Xem giải thích chi tiết chữ Đạo trong phần Giải Nghĩa Kinh Tiên giáo).

C.17: Cái Đạo chơn chánh có trước Trời Đất, Ngài là Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, vị Phật xưa nhất.

Câu 18: Vô Vi Xiển Giáo, Thiên Tôn.

Vô Vi: Không hình ảnh, không sắc tướng. Trái với Vô Vi là Hữu hình. (Xem giải thích chi tiết trong phần Giải Nghĩa Kinh Tiên giáo). **Xiển:** Mở rộng ra, làm sáng tỏ thêm. **Giáo:**

Dạy. **Xiển Giáo:** Dạy cho sáng tỏ, hiểu biết rõ ràng.

Thiên Tôn: Nghĩa đen là được tôn kính nơi cõi Trời, nhưng ở đây là chỉ phẩm tước do Đức Chí Tôn phong thưởng. Đức Chí Tôn là Đại Thiên Tôn. Đức Chí Tôn phong thưởng cho các Đấng khác là Thiên Tôn.

C.18: Đức Nhiên Đăng Cổ Phật là một Đấng Thiên tôn, dạy cho sáng tỏ Đạo Vô Vi.

CHÚ Ý: Không nên lầm lộn chữ Xiển giáo trong bài Kinh Phật giáo nầy với chữ Xiển giáo trong Truyện Phong Thần.

Trong Truyện Phong Thần, Xiển giáo là Chánh đạo, đối nghịch với Triệt giáo là Tả đạo Bàng môn.

Xiển giáo do Đức Nguơn Thủy làm Giáo Chủ, còn Triệt giáo do Đức Thông Thiên làm Giáo Chủ. Cả hai vị đều là học trò của Đức Hồng Quân Lão Tổ.

TÓM TẮT GIẢI NGHĨA KINH PHẬT GIÁO

KINH:

GIẢI NGHĨA:

1. Hồn Độn Tôn Sư. *Đức Nhiên Đăng Cổ Phật là vị thầy đáng kính, được sanh ra vào thời Hồn Độn.*
2. Càn Khôn Chủ Tế. *Ngài làm Chúa Tế CKVT.*
3. Qui Thế giới ư nhứt khí chi trung. *Gom 3000 Thế giới vào trong một Khí Hư Vô.*
4. Ốc trần hườn ư song thủ chi nội. *Nắm giữ 72 Địa cầu vào trong hai bàn tay.*
5. Huệ đăng bất diệt chiếu Tam thập lục Thiên chi quang minh. *Đèn trí huệ cháy hoài không tắt, rọi 36 tầng Trời cho sáng tỏ.*
6. Đạo pháp trường lưu. *Đạo pháp như dòng nước chảy hoài không dứt.*

7. Khai cừu thập nhị tào chi mê muội. *Khai hóa 92 ức nguyên nhân còn đang mê muội nơi cõi trần.*
8. Đạo cao vô cực. *Đạo pháp cao siêu không cùng tận.*
9. Giáo xiển Hư linh. *Dạy cho biết rõ cõi Hư linh.*
10. Thổ khí thành hồng nhĩ nhứt trụ xang Thiên. *Thổi ra một chất khí biến thành cái móng trời, làm một cây cột, chống vững bầu trời.*
11. Hoá kiếm thành xích nhi tam phân thác Địa. *Biến cây kiếm thành cây thước mà 3 phân đổ vũng giếng Đất.*
12. Công tham Thái Cực. *Đức Nhiên Đăng Cổ Phật góp công cùng Đức Chí Tôn.*
13. Phá nhứt khiêu chi Huyền quan, Tánh hiệp vô vi. *Khai phá cho thông suốt một khiêu Huyền quan, để cho Chơn thần hườn Hư. (đắc đạo).*
14. Thống Tam Tài chi bí chỉ. *Chưởng quản Tam Tài: Thiên, Địa, Nhơn, trong ý chỉ nhiệm mầu.*
15. Đa thi huệ trạch, Vô lượng độ nhơn. *Nhiều lần ban bố ơn huệ, Cứu giúp người đời nhiều không kể hết.*
16. Đại bi, Đại nguyện, Đại Thánh, Đại từ. *Đức bi lớn, Lòng nguyện lớn, Đức Thánh lớn, Đức từ lớn.*
17. Tiên Thiên Chánh Đạo, Nhiên Đăng Cổ Phật. *Đạo chánh có trước Trời Đất. Ngài là Đức Nhiên Đăng Cổ Phật.*
18. Vô Vi Xiển Giáo, Thiên Tôn. *Dạy dỗ cho sáng tỏ Đạo Vô Vi, Ngài là Đấng Thiên Tôn.*

(Lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gât, mỗi gât niệm:

Nam mô Nhiên Đăng Cổ Phật Đại Bồ Tát MaHa Tát)

Kinh Cúng Tứ Thời: Tiên giáo

- Giải nghĩa Kinh Tiên giáo
- TÓM TẮT GIẢI NGHĨA KINH THIÊN GIÁO

TIÊN GIÁO

仙教

THÁI THƯỢNG CHÍ TÂM QUI MẠNG LỄ

太上志心皈命禮

Giải nghĩa Kinh Tiên giáo:

Tiên giáo: Đạo Tiên, là một tôn giáo dạy người tu luyện thành Tiên.

Thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, Đức Thái Thượng Đạo Quân làm Giáo chủ Tiên giáo.

Qua thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Thái Thượng Đạo Quân giáng sanh xuống trần là Lão Tử để xiển dương Tiên giáo, Ngài viết ra quyển sách “Đạo Đức Kinh” để làm giáo lý căn bản cho Tiên giáo. Do đó, Tiên giáo cũng được gọi là Lão giáo vì do Đức Lão Tử làm Giáo chủ; và Tiên giáo cũng còn được gọi là Đạo giáo, vì Tiên giáo dạy về chữ ĐẠO rất cao siêu. Cho nên trong danh hiệu của Đức Thái Thượng có chữ Đạo: Thái Thượng Đạo Quân.

Ngài giáng sanh xuống trần làm Lão Tử, nên người ta cũng gọi Ngài là: Thái Thượng Lão Quân.

Giải nghĩa chữ ĐẠO theo Tiên giáo:

1. Trước hết, giải nghĩa chữ ĐẠO [道] bằng cách chiết tự theo chữ Nho:

Viết chữ Đạo, bắt đầu 2 phết [丩] tượng trưng Âm Dương, gạch dưới một gạch [++] là chữ Nhứt, tượng trưng Âm Dương hiệp nhứt, là cơ sanh hóa, kể dưới là chữ Tự [自] nghĩa là chính mình, tự tri, tự giác, tự giải thoát, chớ không ai làm giùm mình. Trên dưới ráp lại thành chữ Thủ [首] nghĩa là đứng đầu, trên

hết, là nguồn gốc của CKVT và vạn vật. Bên hông thêm chữ Tẩu [辵] là chạy, tức là vận chuyển biến hóa.

Vậy trong chữ ĐẠO có hàm ý Âm Dương, động tịnh, động thì sanh hoá, tịnh thì vô hình vô ảnh.

2. Đức Lão Tử giải về chữ ĐẠO rất kỹ trong sách Đạo Đức Kinh, tóm tắt như sau:

ĐẠO là cái nguyên lý hoàn toàn huyền diệu, không thể bàn được, không thể định danh được, không thể dùng lý trí mà hiểu được. Muốn hiểu ĐẠO, phải dùng Tâm mà thôi.

Vậy ĐẠO là cái nguyên lý vô danh. Đức Lão Tử tả cái Vô Danh ấy như sau:

«Có một cái tự nó sanh ra nó. Cái ấy có trước Trời Đất, yên lặng trống không, đứng riêng một mình mà không nghiêng không lệch, lưu hành khắp nơi mà không mòn mỏi. Cái ấy khá gọi là nguồn sanh hóa thiên hạ. Ta chẳng biết tên gì, mượn chữ gọi là ĐẠO.»

Vậy ĐẠO, chẳng những không tên mà còn vô hình, vô sắc, vô thính, vô xúc (không mùi) nữa.

Nói như thế thì ĐẠO là cái KHÔNG. Nhưng Đức Lão Tử sợ người ta hiểu lầm ĐẠO là trống rỗng, Ngài nói thêm:

«ĐẠO dường như không mà cũng dường như có, và ĐẠO có 3 trạng thái: Di, Hi, Vi.

- Di là xem mà chẳng thấy,
- Hi là lắng mà chẳng nghe,
- Vi là bắt mà không nắm được.»

Tóm lại, ĐẠO là cái vô danh, vô hình, vô sắc, vô thính, dường như có, dường như không. Ấy là cái lẽ huyền nhiệm định vị Tạo Doan, định vị Trời Đất, hóa sanh vạn vật.

Theo Đạo Cao Đài, ĐẠO ấy chính là Hư Vô chi Khí, hoá sanh ra Đức Chí Tôn, và Đức Chí Tôn dùng Khí ấy biến thành 2 khí Âm Dương, rồi hoá sanh CKVT và vạn vật.

Do đó, từ ngữ Đạo giáo được định nghĩa là:

Đạo giáo là tôn giáo dạy về Đạo, tức là dạy người ta biết cái nguyên lý của Đạo và sự biến hoá của Đạo. Cứu cánh của Đạo giáo là dạy và luyện Tâm Tánh con người để trở thành một vị Tiên.

Cho nên Đạo giáo cũng là Tiên giáo, và lại do Đức Lão Tử truyền bá rộng rãi nên cũng gọi là Lão giáo.

Chí tâm qui mạng lễ nghĩa là cúng lạy với tất cả ý chí và tâm hồn, đem mình về vâng chịu nghe theo. (Xem giải nghĩa chi tiết nơi phần đầu bài Kinh Phật giáo).

1. Tiên Thiên khí hóa,
Thái Thượng Đạo Quân.

先天氣化
太上道君

GIẢI NGHĨA

Tiên Thiên: Trước khi tạo dựng Trời Đất. **Khí:** Chất khí. **Hóa:** Hóa sanh.

Khí Tiên Thiên: Chất khí có trước khi tạo dựng Trời Đất. Sau khi Hư Vô chi Khí hóa sanh Đức Chí Tôn thì khí Hư Vô được gọi là khí Tiên Thiên. Chính khí Tiên Thiên này hóa sanh ra Đức Thái Thượng Đạo Quân.

Đức Thái Thượng Đạo Quân là vị Tiên đầu tiên trong CKVT, làm chủ Tiên đạo, và làm đầu các vị Tiên.

Theo sách Tam Hoàng Thiên Kinh, Đức Thái Thượng Đạo Quân hiện xuống cõi trần rất nhiều lần.

* Vào thời Thái cổ:

- Đời vua Thiên Hoàng, Ngài là Bàn Cổ.
- Đời vua Địa Hoàng, Ngài là Vạn Pháp Thiên Sư.
- Đời vua Nhơn Hoàng, Ngài là Đại Thanh Tử.

* Vào thời Thượng cổ:

- Đời vua Phục Hy, Ngài là Huất Hoa Tử.

- Đời vua Thần Nông, Ngài là Xích Tòng Tử.
- Đời vua Huỳnh Đế, Ngài là Quảng Thành Tử.

Đức Thái Thượng Đạo Quân, do khí Tiên Thiên hóa sanh, nên Ngài có pháp lực vô biên, biến hóa vô cùng, khi hiện xuống cõi trần để giáo hóa nhơn sanh, khi trở về cõi Thượng Thiên, nhưng không đâu thai xuống trần.

Mãi đến đời nhà Thương bên Tàu, Ngài mới đầu thai xuống trần. Việc đầu thai của Ngài cũng rất kỳ diệu.

Đời vua Bàn Canh nhà Thương (1401 trước Tây lịch), có một nàng con gái gọi là Ngọc Nữ, mới vừa 8 tuổi (theo sách Đông Du Bát Tiên), con của một gia đình đạo đức, ra chơi sau vườn, thấy cây Lý có một trái to chín đỏ, cô liền hái ăn. Ăn xong, nàng cảm thấy mỗi mệt và có thai.

Người cha thấy sự lạ, bèn toán quẻ Âm Dương, biết là có một vị Đại Tiên giáng sanh, nên không phiền hà gì cả và nuôi con gái rất kỹ. Nhưng nàng chịu mang thai như vậy cho đến già. Đến năm nàng được 80 tuổi, trở thành bà già, tức là nàng đã mang thai ngót 72 năm, lúc đó là đời vua Võ Đinh (1324 trước Tây lịch) nhà Thương, bà Ngọc Nữ thấy trăng tỏ, bèn đi dạo sau vườn. Khi đi ngang qua cây Lý khi xưa thì đứa con từ trong bụng mẹ theo nách mẹ nhảy ra ngoài. Bà Ngọc Nữ kinh hãi, coi thấy nách mình liền lại như thường, không đau đớn chi cả.

Đứa con nhảy ra, đã ở trong bụng mẹ 72 năm nên đầu đã bạc trắng, do đó mới gọi là Lão Tử (con già). Lúc đó là giờ Sửu, ngày Rằm tháng 2 năm Canh Thìn, đời vua Võ Đinh. Lão Tử chỉ cây Lý bảo rằng đó là họ của Ngài, lại xưng hiệu là Lão Đàm, tự là Bá Dương, lại mỗi tai có 3 lỗ ở bên trong nên còn gọi là Lý Nhĩ.

Cội Lý, nơi giáng sanh của Lão Tử, ở tại xóm Khúc Nhơn, làng Lại, huyện Khổ, nước Sở.

Ngài có miệng rộng, răng thưa, thiên đình cao, râu tốt, mắt vẫn, tai dài, sống mũi cao như chẻ hai, trên trán có chỉ như 3 chữ Tam Thiên.

2. Thánh bất khả tri,
3. Công bất khả nghị.

聖不可知
功不可議

GIẢI NGHĨA

Câu 2: Thánh bất khả tri.

Thánh: Thiêng liêng mẫu nhiệm. **Bất khả:** Không thể. **Tri:** Biết, hiểu biết.

C.2: Không thể biết rõ hết sự thiêng liêng mẫu nhiệm của Đức Thái Thượng Đạo Quân.

Đức Thái Thượng Đạo Quân do khí Tiên Thiên hóa sanh, là vị Tiên lớn nhất đứng đầu các vị Tiên, nên quyền pháp của Ngài cao siêu vô cùng, thiên biến vạn hóa, không ai có thể biết rõ được.

Câu 3: Công bất khả nghị.

Công: Nỗ vất vả khó nhọc làm việc. **Bất khả:** Không thể. **Nghị:** Luận bàn.

C.3: Công đức của Đức Thái Thượng Đạo Quân to lớn không thể nào luận bàn cho hết được.

Từ khi có loài người xuất hiện trên cõi trần đến nay, không có thời nào mà Đức Thái Thượng Đạo Quân không hiện xuống cõi trần để giáo hóa và cứu độ nhơn sanh. Công đức của Ngài từ đó đến nay nhiều vô lượng, không thể nào kể cho hết hay luận bàn được.

4. Vô Vi cư Thái Cực chi tiên.

無為居太極之前

GIẢI NGHĨA

Vô Vi: là một đạo lý mà Đức Lão Tử đặc biệt đề cao.

Cư: Ở, nơi ở. **Thái Cực:** Ngôi của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. **Chi:** Tiếng đệm. **Tiên:** Trước.

C.4: Đạo Vô Vi ở trước ngôi Thái Cực.

Đối với Đức Lão Tử, Vô Vi là một đạo lý. Ngài cho rằng, bản chất của «ĐẠO» là Vô Vi. Đạo thường vô vi nhi vô bất vi. Nghĩa là: Đạo thường là không làm, mà không gì là không làm được.

«Không làm» vì theo quy luật tự nhiên, trơ tru không vướng mắc, mọi thứ đều tỏ sức sống cường kiện, như trăm hoa gặp khí Dương của mùa Xuân, tự nhiên đúng kỳ hoa nở.

Đạo Trời Vô Vi, chỉ đem lợi cho muôn vật: Đạo Trời lợi mà không hại, đạo Thánh nhân làm mà không tranh, tức là không hề chú ý đến quyền lợi cá nhân, chỉ mong có sự đóng góp tạo sự chuyển hóa cho vạn vật.

Vô Vi là một chủ trương được Đức Lão Tử đề cao trong sách Đạo Đức Kinh. Ngài muốn đem chủ nghĩa Vô Vi áp dụng vào công việc Tu thân và cả đến việc Chánh trị nữa.

– Về Tu thân, Vô Vi không phải là sống nhàn cư vô sự, ăn bám xã hội, mà chính là sống cuộc đời cao siêu, huyền hóa với Trời. Liệt Tử định nghĩa Vô Vi là hoạt động siêu việt.

Trang Tử định nghĩa Vô Vi là hoạt động của Trời Đất.

Vô Vi là để trở về khế hợp với bốn căn bốn tánh, hiệp nhập vào Thượng Đế. Vô Vi là nhập Đại Định, là giai đoạn chót của khoa Tịnh luyện để đắc đạo.

Cho nên cõi Vô Vi là cõi Trời, cõi thiêng liêng tuyệt đối vô hình. Cõi Vô Vi chính là Niết Bàn của Phật.

Trái với Vô Vi là Hữu Vi, là cõi Hữu hình sắc tướng.

Muốn đạt tới Vô Vi thì phải bắt đầu từ Hữu Vi. Không có con đường tắt. Từ Hữu hình sắc tướng mới đi riết tới, lần lần giữ sạch những cái Hữu vi thì sẽ đạt đến Vô Vi, tức là Niết Bàn vậy.

Ngài Tiếp Pháp Trương văn Trảng, trong quyển Giáo Lý, giải thích về Vô Vi như sau:

«Vô Vi nghĩa là không hành động theo ngoại giới, mà chỉ hồi hướng về nội giới tâm linh, siêu tâm giác ngộ lẽ huyền nhiệm của Tâm lý và Sinh lý.

Cho nên Đạo Đức Kinh chương 28 nói rằng: Vi Đạo nhứt tổn, tổn chi hựu tổn, dĩ chí ư vô vi. Nghĩa là: Học Đạo thì mỗi ngày mỗi giảm bớt, và giảm bớt nữa cho đến chỗ Vô Vi.

Không làm nhưng chẳng phải khô khan như cây khô hay cục đá, mà thật là phải giữ một tâm trạng hỗn nhiên, như đứa trẻ chưa biết cười (anh nhi chi vị hài), cho nên nói rằng: Đạo thường vô vi nhi vô bất vi, nghĩa là: Đạo thường là Vô Vi, nhưng chẳng có việc gì không làm. Tại sao? Bởi lẽ kẻ học Đạo phải làm những việc chưa đến, phải lo những việc chưa xảy ra (Vi vô vi, sự vô sự).»

5. Hữu thi siêu quần chơn chi thượng.

有始超群真之上

GIẢI NGHĨA

Hữu: Có. **Thi:** hay Thủy là bắt đầu. **Siêu:** Vượt lên trên. **Quần:** Nhiều người tụ họp đông đảo. **Chơn:** hay Chân là thực, có thật. Trong Tiên giáo, Chơn là những vị tu hành đắc quả thành Tiên, và được gọi là Chơn Nhơn (Người Chơn). **Chi:** Tiếng đệm. **Thượng:** Ở trên.

Hữu thi: Có bắt đầu, tức là có nguồn gốc. Khi Trời Đất đã an ngôi rồi thì bắt đầu từ đó trở về sau được gọi là thời Hữu Thi, vì Trời Đất là Âm Dương, như cha mẹ, hóa sanh ra muôn loài vạn vật. Như vậy, Âm Dương là cái bắt đầu của vạn vật.

Trước thời Hữu thi là thời Hỗn Mang, chỉ có Hư Vô chi Khí, mà không ai biết được nguồn gốc của nó do đâu mà có, nên thời này được gọi là thời Vô thi, nghĩa là không có nguồn gốc phát sanh.

C.5: Trong thời Hữu thi, Đức Thái Thượng đứng trên hết các vị Tiên.

6. Đạo cao nhứt khí diệu hóa Tam Thanh.

道高一氣
妙化三清

GIẢI NGHĨA

Đạo cao: Đạo pháp cao siêu. **Nhứt khí:** Một chất khí. Đó là chất khí Tiên Thiên, cũng gọi là Nguơn khí hay Nguyên khí (chất khí đầu tiên), khí này biến hóa rất huyền diệu.

Diệu: Khéo léo, huyền diệu. **Hóa:** Biến đổi. **Diệu hóa:** Biến hóa rất huyền diệu.

Tam: 3. **Thanh:** Cao quý. **Tam Thanh:** 3 Thanh, gồm: Thái Thanh, Thượng Thanh và Ngọc Thanh. Tam Thanh ấy tượng trưng Tam Bửu (Tinh Khí Thần) của con người: Ngọc Thanh là Tinh, Thượng Thanh là Khí, Thái Thanh là Thần. Một biến thành Ba, Ba hiệp lại thành Một.

C.6: Đạo pháp của Đức Thái Thượng rất cao siêu. Ngài có thể lấy một Nguơn khí của Ngài biến hóa thành 3 người khác rất huyền diệu, gọi là Tam Thanh.

Theo Truyện Phong Thần, Đức Lão Tử giúp cho Khương Thượng Tử Nha (học trò của Đức Nguơn Thi) phá trận Tru Tiên, do Thông Thiên Giáo chủ Triệt giáo lập ra để đánh các Tiên Xiển giáo. Trong trận này, Thông Thiên Giáo chủ bố trí phép thuật rất ác liệt, hung dữ và cao cường đến nỗi các vị Tiên cấp dưới không thể phá được.

Đức Lão Tử một mình đi vào trận ở cửa Tây. Ngài xuất Tam Hoa che phủ trên đầu, lại còn hóa Linh Lung Tháp, hào quang chiếu diệu, đánh phép cùng các Địa Tiên trong trận. Thấy thế trận chưa núng, vì chỉ đánh vào một cửa, Đức Lão Tử liền dùng một Nguyên Khí huyền diệu của Ngài hóa ra Tam Thanh, tức là hóa ra 3 người nữa để xông vào đánh 3 cửa trận còn lại.

* Xây đầu có một vị Đại Tiên, đội mào Đạo, mặc áo hồng bào,

xưng là Ngọc Thanh Đạo Nhơn, đánh vào cửa trận phía Nam, vừa đánh vừa ca bài kệ:

*Trời Đất sanh thành đã có Ta,
Theo Thầy học đạo kẻ hàng bà.
Thấy điều nghịch lý ra tay giúp,
Cho rõ hai bên lẽ Chánh tà.*

* Xây nghe bên Đông có một vị Đại Tiên nữa, đầu đội mào vàng, mặc áo Bát Quái, xưng là Thượng Thanh Đạo Nhơn, đánh vào trận ở cửa Đông, vừa ca bài kệ:

*Hồng Quân Lão Tổ dạy vương tròn,
Bổ hóa Côn Lôn rõ mực son.
Trời Đất tuy già, Ta chẳng thác,
Nước non dầu đổi, tánh hằng còn.*

* Rồi bên phía Bắc, cũng có một vị Đại Tiên, xưng là Thái Thanh Đạo Nhơn, đánh vào cửa trận phía Bắc, vừa ca:

*Từ thuở sanh Ta lúc Hồn Mang,
Tính năm kể tháng biết muôn ngàn.
Một bầu Tạo hóa dầu ngang dọc,
Những kẻ Bàng môn khá tỏ tàng.*

Như thế, Đức Lão Tử đã dùng Nguyên Khí huyền diệu của Ngài hóa ra 3 vị Đại Tiên gọi là Tam Thanh, để hợp với Ngài nữa là 4, cùng xông vào đánh 4 cửa của trận Tru Tiên.

Khi ấy, 4 vị vây Thông Thiên Giáo chủ đánh vùi một trận. Thông Thiên Giáo chủ đánh không lại, chỉ lo đỡ gạt thôi.

Ba vị Tam Thanh vừa tiếp sức với Đức Lão Tử đánh Thông Thiên Giáo chủ, là do Đức Lão Tử làm phép dùng Nguyên Khí biến hóa ra, chỉ trong một giờ là tan mất. Đức Lão Tử chỉ muốn làm cho Thông Thiên Giáo chủ rối trí và cảm thấy yếu thế để sau này dễ đánh mà thôi.

Thấy phép gân mẫn, Đức Lão Tử ngâm bài kệ:

*Hồng Quân truyền phép đạo đa thành,
Làm chủ Thần Tiên, độ chúng sanh.
Biến thử ba hình, ai dễ biết,*

Cho hay Nguyên Khí hóa Tam Thanh.

Lão Tử ngâm kệ vừa dứt, nghe tiếng chuông inh ỏi, 3 vị Tam Thanh đồng biến mất, chỉ còn lại một mình Lão Tử. Thông Thiên Giáo chủ thất kinh nhìn sững, bị Lão Tử đập cho một gậy đổ hào quang, hoảng sợ, đặng vùn bay mất.

Đó là sự tích chép ra từ Truyện Phong Thần để hiểu về ý nghĩa của câu Kinh: “Đạo cao nhưt khí, diệu hóa Tam Thanh.”

7. Đức hoán Hư linh,
8. Pháp siêu quần Thánh.

德 煥 靈 虛
法 超 群 聖

GIẢI NGHĨA

Câu 7: Đức hoán Hư linh.

Đức: Những việc làm hợp lòng người, thuận đạo Trời.

Hoán: Sáng rực rỡ. **Hư linh:** Cõi Hư Vô thiêng liêng. Đó là cõi không không tuyệt mù trên thượng tầng không khí mà thường gọi là cõi Thiêng liêng Hằng sống.

C.7: *Cái Thánh đức của Đức Thái Thượng Đạo Quân sáng rực nơi cõi Hư linh.*

Câu 8: Pháp siêu quần Thánh.

Pháp: Đạo pháp. Cái quyền pháp của đạo. **Siêu:** Vượt lên trên. **Quần:** Nhiều người. **Thánh:** Bực Thánh, chỉ chung các Đấng Tiên, Thánh.

C.8: *Đạo pháp của Ngài vượt lên trên các bực Tiên, Thánh.*

9. Nhị ngoạt thập ngũ,
phân tánh giáng sanh.

二月十五
分性降生

GIẢI NGHĨA

Nhị ngoạt: Tháng hai âm lịch. Chữ Ngoạt còn đọc là Nguyệt, có 2 nghĩa: Một nghĩa là Mặt trăng, một nghĩa là tháng âm lịch, vì âm lịch tính theo sự di chuyển của Mặt trăng. **Thập ngũ:** Ngày 15 tức là ngày Rằm.

Phân: Chia ra, chiết ra. **Tánh:** Đối với con người, Tâm và Tánh có chỗ khác nhau, Tâm thì ở bên trong, Tánh thì thể hiện bên ngoài. Nhưng đối với các Đấng Tiên, Phật thì Tâm và Tánh hiệp làm một, hiệp nhưt với Chơn linh, hòa vào khối Đại Linh Quang của Thượng Đế. (Xem trở lại phần giải nghĩa Câu 13 Kinh Phật Giáo).

Giáng: Đi xuống. **Sanh:** Sanh ra. **Giáng sanh:** Đi xuống cõi trần, đầu thai vào bụng mẹ để được sanh ra làm người nơi cõi trần.

Câu 9: Ngày rằm tháng hai, Đức Thái Thượng chiết chơn linh giáng sanh xuống cõi trần là Đức Lão Tử.

Như phần trước, chúng ta nói là Đức Lão Tử giáng sanh vào đời vua Võ Đinh nhà Thương bên Tàu. Vua Võ Đinh lên ngôi năm 1324 trước Tây lịch, và truyền ngôi lại cho Tổ Canh năm 1265 trước Tây lịch.

Điều này rất phù hợp với 4 câu thơ của Đức Lão Tử giáng cơ khoán thủ tự giới thiệu:

LÝ ĐÀO MẮM TỰC TƯỢNG LONG LÂN,
LÃO LUYỆN ĐƠN THÀNH NHỊ XÁC THÂN.
TỬ PHỦ NGÔI TU LO NẤU THUỐC,
GIÁNG SANH THƯƠNG, ĐỢI VÕ ĐÌNH QUÂN.

(Thương là nhà Thương, Võ Đình quân là vua Võ Đinh)

Nhưng theo Sử Ký của Tư Mã Thiên, câu chuyện Đức Khổng Tử đến hỏi Đức Lão Tử về Lễ, thì người ta cho rằng Đức Lão Tử cùng thời với Đức Khổng Tử, và lớn hơn Đức Khổng Tử

chừng 30 tuổi, và như vậy, Đức Lão Tử cũng phải sanh vào thời Đông Châu Liệt Quốc.

Nếu theo Truyện Đông Du Bát Tiên và Bài thi giáng cơ của Đức Lão Tử, chúng ta tạm lấy năm sanh của Đức Lão Tử là năm vua Võ Đinh lên ngôi: năm 1324 trước Tây lịch, thì Đức Lão Tử giáng sanh trước Đức Khổng Tử là:

1324 - 551 = 773 năm

Như vậy, chẳng lẽ Đức Lão Tử đã sống hơn 800 năm cho đến khi gặp Đức Khổng Tử hay sao?

Điều này, đối với các nhà Khoa học thực nghiệm thì không bao giờ xảy ra. Nhưng, đứng về mặt tín ngưỡng tôn giáo và Thần Linh Học, Đức Lão Tử có pháp thuật vô cùng huyền diệu cao siêu, khi thì Ngài trở về cõi Thượng Thiên, khi thì Ngài trở xuống cõi trần, tùy duyên hóa độ, thì việc Ngài thị hiện xuống cõi trần để gặp Đức Khổng Tử là một trường hợp tùy duyên hóa độ của Ngài mà thôi.

10. Nhứt thân ức vạn,
diệu huyền thần biến.

一身億萬
妙玄神變

GIẢI NGHĨA

Nhứt thân: Một cái thân, một người. **Ức:** 100 000.

Vạn: 10 000. **Ức vạn** là chỉ một số thật lớn.

Diệu huyền: Huyền là sâu xa kín đáo, diệu là khéo léo. Diệu huyền hay Huyền diệu là sâu xa kín đáo khéo léo đến độ không thể thấy và biết rõ được.

Thần: Thiêng liêng mầu nhiệm. **Biến:** Thay đổi, biến hóa. Thần biến là biến hóa vô cùng mầu nhiệm.

C.10: Một thân mà có thể biến hóa thành hằng vạn người khác, sự biến hóa vô cùng huyền diệu.

Đức Thái Thượng Đạo Quân có pháp thuật rất cao thâm huyền diệu, một mình Ngài ở một chỗ mà có thể hóa ra thành muôn ức người khác, hiển ứng khắp nơi, động nẩy núi nọ rừng kia. Các môn đệ thành tâm cầu khẩn Ngài, thì dù ở xa xôi cách mấy đi nữa, Ngài cũng hiện đến ẩn chứng liền.

Theo sách Tam Hoàng Thiên Kinh, Đức Thái Thượng Đạo Quân hiện xuống cõi trần rất nhiều lần để cứu độ nhơn sanh. (Xem lại Câu 1)

Nay theo sách “Thực Văn Hiến Thông Khảo”, Ông Các Trữ Xương có nói rằng: Đức Lão Tử không có đời nào là không hiện xuống cõi trần, bằng nhiều hình dáng khác nhau, tên họ khác nhau:

- Đời vua Huỳnh Đế, hiệu là Quảng Thành Tử.
- Đời vua Văn Vương, hiệu rằng Nhiếp Ấp Tử, làm quan Thủ Tân Sĩ.
- Đời vua Võ Vương, hiệu là Dục Thành Tử, làm quan Trụ Hạ Sĩ.
- Đời vua Khương Vương, hiệu là Quách Thúc Tử.
- Đầu nhà Hán, hiệu là Huỳnh Thạch Công.
- Đời vua Hán Vũ Đế, hiệu rằng Hà Thượng Công.
- Đời nhà Đường, Đức Thái Thượng truyền kinh tại núi Dương Giác. Đường Cao Tổ họ Lý nhận Ngài là Ông Tổ của dòng họ Lý, nên phong tặng Ngài là Huyền Nguơn Hoàng Đế.
- Đời nhà Tống, vua Tống Nhân Tôn tặng hiệu Ngài là: Thái Thượng Lão Quân Hồn Nguơn Chí Đức Hoàng Đế.

11. Tử khí đông lai,
Quảng truyền Đạo Đức.
12. Lưu sa tây độ,
Pháp hóa tướng tông.

紫氣東來
廣傳道德
流沙西度
法化相宗

GIẢI NGHĨA

Câu 11: Tử khí đông lai, Quảng truyền Đạo Đức.

Tử khí: Tử là màu tím, khí là chất khí. Tử khí là chất khí màu tím, trông như một vùng mây tím hiện ra trên bầu trời.

Đông: Hướng Đông. **Lai:** Đến, tới.

Tử khí đông lai: Một đám mây màu tím từ hướng Đông bay tới.

Quảng: Rộng lớn. **Truyền:** Trao lại cho người khác. **Đạo Đức:** Sách Đạo Đức Kinh của Đức Lão Tử là quyển sách căn bản về giáo lý của Tiên giáo.

Quảng truyền Đạo Đức: Truyền bá rộng rãi sách Đạo Đức Kinh.

Câu 12: Lưu sa tây độ, pháp hóa tướng tông.

Lưu: Chảy, nước chảy. **Sa:** Cát. **Lưu sa:** Dòng cát chảy, chỉ vùng sa mạc ở phía Tây nước Tàu, nơi đó có gió thổi mạnh, cuốn cát bay theo, tạo thành một dòng cát chảy như nước. **Tây:** Hướng Tây. **Độ:** Cứu giúp.

Lưu sa tây độ: Qua vùng sa mạc ở hướng Tây để cứu giúp người đời.

Pháp: Giáo lý của một tôn giáo. **Hóa:** Biến thành. **Tướng:** Có hình thể. **Tông:** Thường đọc là Tôn, Tôn giáo.

Pháp hóa tướng tông: Cái giáo lý biến thành hình thể của một nền tôn giáo. Cái giáo lý ấy được trình bày rõ ràng trong sách Đạo Đức Kinh của Đức Lão Tử. Kể từ khi Đức Lão Tử truyền sách Đạo Đức Kinh cho Ông Doãn Hỷ thì Tiên giáo mới bắt đầu có hình tướng, và sau đó nhờ sách ấy, Đạo Tiên được truyền bá rộng rãi khắp nơi.

C.12: Khi Đức Lão Tử đi qua vùng sa mạc ở hướng Tây để cứu

giúp người đời, Đức Lão Tử truyền Kinh Đạo Đức cho Ông Doãn Hỷ, kể từ đó Tiên giáo mới thành hình tướng.

Hai câu kinh 11 và 12: Nhắc lại sự tích Đức Lão Tử đi từ phía Đông qua phía Tây, đến ải Hàm Cốc, dạy Đạo cho quan giữ ải Doãn Hỷ, rồi truyền sách Đạo Đức Kinh cho Doãn Hỷ tu thành Tiên. Sau đó Ngài đi về hướng Tây, qua vùng sa mạc để tiếp tục cứu độ người đời.

Vào thời nhà Châu, quan Doãn giữ ải Hàm Cốc, một cửa ải quan trọng ở biên giới phía Tây nước Tàu, có tên là Hỷ, một bữa kia thấy trên Trời có một đám mây màu tím toả hào quang bay đến từ phía Đông. Ông Doãn Hỷ toán quẻ đoán biết có một vị Thánh nhơn đến và đi qua ải. Ông bèn sai lính quét dọn cửa ải sạch sẽ, trang hoàng nghiêm chỉnh, rồi mặc triều phục chờ đợi. Xảy thấy Đức Lão Tử ngồi trên xe trắng có trâu xanh kéo đi và Từ Giáp đánh xe, Doãn Hỷ biết đây là Thánh nhơn, liền đi ra nghinh tiếp, gọi Đức Lão Tử là Thánh nhơn, và thành khẩn rước Đức Lão Tử vào ải xin học Đạo. Đức Lão Tử nhận thấy Doãn Hỷ có lòng thành nên bằng lòng lưu lại ải dạy Doãn Hỷ học Đạo, xong truyền cho Doãn Hỷ một quyển Kinh báu do Đức Lão Tử viết ra gọi là Đạo Đức Kinh, dạy Doãn Hỷ tiếp tục tu luyện theo đó thì ắt thành Tiên.

Ông Doãn Hỷ tu luyện theo Đạo Đức Kinh được 1000 ngày thì đắc đạo, được Đức Lão Tử cho phục chức cũ là Nguơn Thị Chương Giáo, cai trị 8 vạn Thân Tiên nơi cõi thiêng liêng. Như vậy, chúng ta thấy rõ ràng, Đạo Đức Kinh là quyển sách căn bản của đạo Tiên, và nhờ nó mà đạo Tiên được truyền bá rộng rãi đến ngày nay.

13. Sản Tắt Viên, Phương Sóc chi bối.

產漆園方朔之輩

GIẢI NGHĨA

Sản: Sản ra, sản xuất. **Chi:** Tiếng đẽm. **Bối:** Bọn. **Tắt Viên:**

Tắt là cây sơn, nhựa của nó dùng làm sơn mài, Viên là cái vườn. Tắt Viên là cái vườn cây sơn. Từ ngữ này sau đó biến thành địa danh của vùng đất có Vườn sơn, cũng như ở Châu Thành Thánh Địa có địa danh Vườn điều.

Ông Trang Tử được bổ làm một chức quan nhỏ tại Cổ Thành Tắt Viên, thuộc ấp Mông nước Tống; người ta gọi Ông là Tắt Viên Lại, vì thế Ông lấy chữ Tắt Viên làm hiệu.

Vậy, Tắt Viên là tên hiệu của Ông Trang Tử.

Phương Sóc: Ông Đông Phương Sóc, một vị Tiên thời vua Hán Võ Đế bên Tàu.

C.13: Sản xuất ra các Ông Trang Tử và Đông Phương Sóc.

Hai vị này học theo giáo lý của Đức Lão Tử mà tu luyện thành Tiên.

Sau đây là sơ lược Tiểu sử của Trang Tử và Đông Phương Sóc: **TRANG TỬ:** tên là Trang Châu (Chu), tự là Tử Hưu, người ở ấp Mông nước Tống. Năm sanh của Ông ước lượng vào năm thứ 7 đời vua Châu Liệt Vương (369 trước Tây lịch) và năm mất lối năm thứ 29 đời vua Châu Noãn Vương (288 trước Tây lịch), Trang Tử thọ 82 tuổi.

Theo sách Kim Cổ Kỳ Quan của Bảo Ung: Trang Tử thường ngủ ngày, mơ thấy hóa thành bướm, bay nhõn nhõ trong vườn hoa thơm cỏ lạ, lòng rất vui thích, khi tỉnh dậy vẫn còn thấy như ở vai có 2 cánh chuyển động. Trang sinh lấy làm lạ, và lâu lâu thì lại nằm mơ như thế.

Một hôm, Trang sinh đang ngồi trong phòng học nghe Đức Lão Tử giảng Kinh Dịch. Khi giảng kinh xong, Trang sinh bèn đem giấc mơ hỏi Thầy là Lão Tử. Đức Lão Tử là vị Đại Thánh, biết được lai lịch tiền kiếp, nói cho Trang sinh biết: Trang sinh vốn là một con bướm trắng trong khi Hỗn Độn mới phân. Trời sanh nước, nước sanh cây, cây tươi hoa thạnh, con bướm trắng hút tinh chất của trăm hoa, đoạt được tứ chất của trăng sao, nên được trường sanh bất tử, cánh lớn như bánh xe, sau bay qua Cung Diệu Trì, hút trộm nhụy hoa Bàn Đào, bị con chim

Thanh loan giữ Vườn Đào của Tây Vương Mẫu mổ chết. Hồn bướm thác sanh xuống trần là Trang Châu.

Vì Trang Châu có căn trí khác phàm, đạo tâm kiên cố, thờ Đức Lão Tử làm thầy, học theo Đạo Tiên, nay được thầy chỉ rõ tiên căn, như mộng mới tỉnh, tự thấy 2 nách sanh gió, mườn tượng như bướm vỗ cánh bay, nên coi sự được mất, nhục vinh ở cõi đời nấy như nước chảy mây trôi, không quan tâm đến nữa.

Đức Lão Tử biết Trang sinh đã giác ngộ, nên đem bí quyết của Đạo Đức Kinh truyền cho. Trang sinh chuyên cần tu tập, bèn được phép phân thân ẩn mình, xuất thần biến hóa.

Từ đó, Trang Châu phế bỏ việc đời, từ biệt Đức Lão Tử, đi chu du sơn thủy, xưng là Trang Tử.

Sau, Trang Tử đi ẩn cư tại núi Nam Hoa, viết ra sách để là Nam Hoa Kinh, cũng gọi là sách Trang Tử, xiển dương Đạo Lão. Bộ sách này rất hay, được truyền lại đến ngày nay.

ĐÔNG PHƯƠNG SÓC: Sanh vào đời vua Hán Võ Đế, tu theo Đạo Tiên. Việc tu Tiên của Ông Đông Phương Sóc, có sách chép như sau: Ông Đông Phương Sóc muốn đi tu, xây gặp một vị Tiên xưng là Huỳnh My Lão Tổ. Sóc hỏi:

– Chẳng hay Đại Tiên được bao nhiêu tuổi?

Ông Tiên đáp:

– Mỗi 3000 năm ta phân cốt rửa mỡ một lần, 3000 năm ta thay da một lần, 3000 năm ta thay xương một lần. Cộng chung ta đã hợp khí trời được 9000 năm.

Sóc nghe vậy liền xin thọ giáo đi tu và sau đó đắc đạo thành Tiên.

Ông Đông Phương Sóc có luyện được một lá Bàn Đào dùng làm phép ẩn thân hay lắm. Ông có viết một quyển sách đặt tên là Thần Di Kinh, thuật lại những việc lạ thường ở ngoài Địa Cầu 68 của chúng ta và những chuyện lạ ở Bắc Cầu Lư Châu.

Ông là Tổ Sư Tán Tiên, có giảng cơ cho nhiều bài thi rất thú vị, nên được tặng danh hiệu là Thần linh trào phúng.

14. Đơn tích vi mang.

丹析微芒

GIẢI NGHĨA

Đơn: Còn đọc Đan, nghĩa là thuốc quý, thuốc Tiên. Luyện Đơn hay Luyện Kim Đơn là từ ngữ đặc biệt dùng trong Đạo Tiên để chỉ việc luyện đạo, luyện Tam Bửu: Tinh, Khí, Thần hiệp nhất, đắc đạo. **Tích:** Nói tách bạch ra, phân tích, giải thích ra cho rõ ràng. **Vi:** Rất nhỏ. **Mang:** Cái mũi nhọn.

Đơn tích: Phân tách rõ ra về việc luyện Kim Đơn.

Vi mang: Chỉ cái gì nhỏ khéo cực điểm, không thể nhìn thấy; ý nói tế vi mâu nhiệm hay vi diệu huyền bí.

C.14: Việc luyện Kim Đơn (của Đạo Tiên) phân tích nói cho rõ ra thì thật là huyền vi mâu nhiệm.

CHÚ Ý: Chữ Hán [微芒] phiên âm ra viết là: VI MANG, thì mới đúng chánh tả, theo Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh quyển II trang 546, và quyển I trang 545.

15. Khai Thiên Địa Nhơn Vật chi tiên.

開天地人物之先

GIẢI NGHĨA

Khai: Mở ra. **Thiên Địa:** Trời và Đất. **Nhơn vật:** Người và loài vật. **Chi:** Tiếng đệm. **Tiên:** Trước.

C.15: Khi mở ra Trời Đất, Đức Thái Thượng Đạo Quân là Đấng có trước loài người và loài vật.

Câu kinh này nói về sự tích của Ông Bàn Cổ, một hóa thân của Đức Thái Thượng Đạo Quân.

Theo sách Tam Hoàng Thiên Kinh, sự tích của Bàn Cổ như sau: Tại núi Côn Lôn, có một cục đá tròn và lớn, đã thọ khí Âm Dương rất lâu đời, nên đã thấu được các tánh linh thông của vũ trụ mà tạo thành thai người. Sau 10 tháng 16 ngày, đứng

giờ Dần một tiếng nổ vang, khối đá linh ấy nứt ra, sản xuất một vị Linh Chơn hy hữu, một người đầu tiên của thế gian, được gọi là Bàn Cổ.

Vừa được sanh ra thì vị ấy tập đi, tập chạy, tập nhảy, hợp gió nuốt sương, ăn hoa quả lần lần lớn lên, mình cao trăm thước (thước Tàu), đầu như rồng, có lông đầy mình, sức mạnh vô cùng. Một ngày kia, Bàn Cổ chạy qua hướng Tây, bắt gặp một cái búa và một cái dùi, ước nặng ngàn cân. Bàn Cổ, tay phải cầm búa, tay trái cầm dùi, ra sức mở mang cõi trần. Ngài ước ao Trời Đất sáng tỏ thì người và vật mới hóa sanh được. Ngài ao ước vừa dứt tiếng thì tiếng sấm nổ vang, Trời trong Đất yên, vạn vật liền sanh ra đủ cả. Ngài chỉ Trời là Cha, Đất là Mẹ, muôn dân là con.

Ngài chính là tôn chủ sáng lập thế gian, nên gọi Ngài là Thái Thượng Đạo Quân. Ngài tự xưng là Thiên tử (con của Trời) cai trị muôn dân. Ngài là vị vua đầu tiên của thế gian nên gọi là Thiên Hoàng.

Bàn Cổ là Thiên Hoàng, sanh nơi Dân Hội, thọ được 18000 tuổi rồi mới qui Thiên.

Tiếp theo Thiên Hoàng là Địa Hoàng, rồi Nhơn Hoàng, gọi chung là Tam Hoàng.

Sự tích này cũng có chép trong Truyện Thần Thoại Trung Quốc, rất hoang đường, nhưng cũng cho biết được rằng, Tam Hoàng gồm Thiên Hoàng, Địa Hoàng và Nhơn Hoàng là 3 vị vua đầu tiên của nước Tàu, và Đức Thái Thượng Đạo Quân chính là Bàn Cổ, là Thiên Hoàng và cũng là thủy tổ của loài người (người Tàu).

16. Đạo kinh hạo kiếp.

17. Càn Khôn oát vận.

道經浩劫
乾坤幹運

GIẢI NGHĨA

Câu 16: Đạo kinh hạo kiếp.

Đạo: Cái nguyên lý đầu tiên tạo thành CKVT và vạn vật. (Xem Giải nghĩa chữ ĐẠO chi tiết nơi phần đầu). **Kinh:** Trải qua.

Hạo: Nhiều. **Kiếp:** Khoảng thời gian từ lúc sanh ra cho tới lúc bị tiêu diệt. Kiếp người là một đời người.

C.16: Đạo trải qua nhiều kiếp lâu đời.

Câu 17: Càn Khôn oát vận.

Càn Khôn: 2 quẻ trong Bát Quái, quẻ Càn tượng trưng Trời, quẻ Khôn tượng trưng Đất. Càn Khôn là Trời Đất.

Oát: Chuyển xoay đi. **Vận:** Xoay vẫn chuyển động.

C.17: Trời Đất xoay chuyển vận hành.

CHÚ Ý: Chữ Hán [幹運] phiên âm ra viết là: OÁT VẬN, thì mới đúng chánh tả, theo Hán Việt Từ Điển của Đào duy Anh, quyển II trang 87. Chỗ này cũng giống như Câu 13 KNHTĐ: Oát triển vô biên.

18. Nhựt nguyệt chi quang.

19. Đạo pháp bao la.

日 月 之 光
道 法 包 羅

GIẢI NGHĨA

Câu 18: Nhựt nguyệt chi quang.

Nhựt: Mặt trời. **Nguyệt:** Mặt trăng. **Chi:** Tiếng đệm. **Quang:** Sáng, ánh sáng.

C.18: Đạo như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, soi sáng khắp nơi.

Câu 19: Đạo pháp bao la.

Đạo Pháp: Từ ngữ này có ý nghĩa rất sâu xa, rộng rãi, nên phải tùy trường hợp mà giải thích cho sát với ý nghĩa của câu kinh.

Từ ngữ Đạo Pháp đã có giải thích nơi Câu 6 Kinh Phật giáo: Đạo Pháp trường lưu.

Sau đây xin ghi lại tóm tắt nghĩa của 2 chữ Đạo Pháp:

I. ĐẠO:

1. Theo Thánh giáo của Đức Chí Tôn (TNHT.II.3), Đạo có nghĩa thông thường là con đường tu, tức Đạo là tôn giáo.
2. Theo cách chiết tự chữ Đạo Hán văn, Đạo là nguyên lý đầu tiên tạo thành CKVT vạn vật. Đạo có hàm ý Âm Dương hiệp nhứt, có tịnh có động, tịnh thì vô hình, động thì sanh hóa.
3. Theo Đạo Đức Kinh, Đức Lão Tử giải về Đạo: Đạo là nguồn sanh hóa CKVT vạn vật. Nó vô hình vô sắc, vô thình vô xú. Đạo dường như có dường như không và có 3 trạng thái: Di, Hi, Vi. Di là xem mà chẳng thấy, Hi là lóng mà chẳng nghe, Vi là bắt mà chẳng nắm được.

Như vậy, Đạo chính là Hư Vô chi Khí, mà Hư Vô chi Khí sanh ra Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Khi đã có Đức Chí Tôn rồi thì Ngài tạo ra 2 nguyên lý Âm Dương, rồi phối hợp Âm Dương tạo CKVT và vạn vật. Vậy Đạo cũng chính là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

TNHT. I. 32: “Khí Hư Vô sanh có một Thầy. Còn mấy Đấng Thầy kể đó, ai sanh? Ấy là ĐẠO. Các con nên biết. Nếu không có Thầy thì không có chi trong CKVT này, mà nếu không có Hư Vô chi Khí thì không có Thầy.”

II. PHÁP:

Pháp, được dịch từ tiếng Phạn Dharma. Từ ngữ này xuất phát từ động từ Dhri, nghĩa là mang, giữ lại.

1. Nghĩa thông thường, Pháp là pháp luật, các luật pháp đặt ra để quản lý việc Đời hay việc Đạo.
2. Pháp là giáo lý, giáo thuyết của một tôn giáo, cho nên nói: Thuyết pháp là thuyết giảng giáo lý của tôn giáo.
3. Pháp là Pháp thuật, Phép vẽ bùa bắt ấn, niệm chú. Thí

dụ như: Phép Tắm Thánh, Phép Giải Oan, ...

4. Pháp là một trong Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng.

TNHT. I. 52: “Thầy khai Bát Quái mà tác thành CKTG nên mới gọi là Pháp, Pháp có mới sanh ra CKVV rồi mới có người, nên gọi là Tăng. Thầy là Phật, chủ cả Pháp và Tăng, lập thành các Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy.”

5. Nghĩa tổng quát của Pháp: Tất cả sự, việc, hiện tượng, nhỏ hay lớn, thấy được hay không thấy được, tốt hay xấu, chơn thật hay hư vọng, đơn giản hay phức tạp, đều được gọi là Pháp.

III. ĐẠO PHÁP:

Đạo Pháp là các Pháp của Đạo. Pháp là hiện tượng của Đạo. Pháp là cách mô tả, diễn đạt chơn thực cái Đạo. Người ta do theo Pháp mà thấu suốt được Đạo, tức là do theo Pháp mà thấy và biết được Thượng Đế.

Thượng Đế thì vô hình vô ảnh, không thể lấy mắt thường mà nhìn thấy được, cũng không thể sờ mó được, cũng không thể dùng máy móc tối tân mà đo lường được.

Muốn biết, muốn nghe, muốn giao tiếp được với Thượng Đế, thì duy có cách là dò theo và nương theo Pháp.

Pháp không phải là Thượng Đế, nhưng biết quan sát các Pháp thì thấu suốt Thượng Đế tức là thấu suốt được Đạo.

Bao: Bọc lại, trùm lên. **La:** Tắm lưới. **Bao la:** Tắm lưới bao trùm lên, ý nói rộng lớn bao gồm tất cả.

C.19: Đạo Pháp bao la, nghĩa là Đạo Pháp rộng lớn mênh mông như tấm lưới lớn bao trùm lên tất cả.

20. Cửu Hoàng Tỹ Tổ.

九皇鼻祖

GIẢI NGHĨA

Cửu Hoàng: 9 vị vua. Hoàng là ông vua. Chín vị vua này thuộc thời thái cổ và thượng cổ nước Tàu, nối tiếp làm vua để khai

hóa cho dân chúng thuở đó.

Khởi đầu là Tam Hoàng: Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Nhơn Hoàng.

Kế tiếp là Tam Vương: Ngũ Long, Hữu Sào, Toại Nhân.

Tiếp theo là Tam Đế: Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế.

Công đức của 9 vị vua này đối với nhơn loại rất lớn, đưa con người thoát khỏi tình trạng ăn lông ở lỗ, tiến hoá lên một mức cao, biết làm quần áo, biết trật tự lễ nghĩa, biết cất nhà, dùng lửa nấu chín thức ăn, biết cấy cày, biết trị bệnh, ...

Theo sách Tam Hoàng Thiên Kinh, vị vua đầu tiên Thiên Hoàng là Bàn Cổ, một hóa thân của Đức Thái Thượng Đạo Quân. Đó là vị vua đầu tiên của nhơn loại và là thủy tổ của nhơn loại. Các vị vua kế tiếp đều là dòng dõi của Bàn Cổ.

Tỷ Tổ: còn đọc là Tỵ Tổ, là Ông Tổ đầu tiên sanh ra một dòng họ và đứng đầu dòng họ đó. Người ta cũng gọi ông ấy là Thủy Tổ. Như Ông Bàn Cổ là Tỷ Tổ hay Thủy Tổ của nhơn loại.

C.20: Cửu Hoàng Tỷ Tổ là Đức Thái Thượng Đạo Quân là Thủy tổ của 9 vị vua đầu tiên khai hóa nhơn loại, và cũng là Thủy tổ của nhơn loại.

21. Đại thiên Thế giới,
dương tụng từ ân.

大千世界
陽頌慈恩

GIẢI NGHĨA

Đại: Lớn. **Thiên:** Ngàn (1000). **Thế giới:** Những quả địa cầu trong CKVT. Theo Vũ Trụ quan của Đạo Cao Đài, Vũ trụ của Đức Chí Tôn gồm Tam thiên Thế giới (3000 Thế giới) và Thất thập nhị Địa (72 Địa cầu).

Đại thiên Thế giới, nghĩa đen là một ngàn lớn Thế giới, ý nói 3000 Thế giới trong Vũ trụ của Đức Chí Tôn.

Dương: Đưa lên cao cho mọi người thấy và biết. **Tụng:** Khen ngợi, ca ngợi. **Từ:** Lòng thương yêu của người trên đối với kẻ dưới, lòng thương yêu chúng sanh. **Ân:** Ôn huệ.

C.21: Cả ba ngàn Thế giới, mọi người đều ca tụng để cao lòng từ bi và ơn đức của Đức Thái Thượng Đạo Quân.

22. Vĩnh kiếp quần sanh,
ngưỡng kỳ huệ đức.

永劫群生
仰其惠德

GIẢI NGHĨA

Vĩnh: Lâu dài, vĩnh viễn. **Kiếp:** Khoảng thời gian từ lúc sanh ra cho đến lúc mất đi. Một kiếp sống là một đời người. **Vĩnh kiếp:** Lâu đời nhiều kiếp, chỉ thời gian lâu dài lắm. **Quần:** Nhiều người đồng đạo.

Quần sanh đồng nghĩa với chúng sanh, chỉ tất cả các loài sanh vật trong CKVT, gồm: Thảo mộc, Thú cầm, Nhơn loại. Với nghĩa hẹp, Chúng sanh hay Quần sanh là nhơn loại.

Ngưỡng: Ngửa mặt trông lên với lòng kính trọng và yêu mến. **Kỳ:** Trợ ngữ. **Huệ:** Ôn huệ. **Đức:** Điều tốt lành hạp lòng người, thuận đạo Trời.

C.22: Chúng sanh vĩnh viễn đời đời ngưỡng nhờ ơn đức của Ngài.

23. Đại Thân, Đại Thánh,
Chí Cực, Chí Tôn.

大神大聖
至極至尊

GIẢI NGHĨA

Đại: Lớn. **Thần:** Bực Thần. **Thánh:** Bực Thánh.

Chí: Rất. **Cực:** Cái đầu cùng. **Tôn:** Kính trọng.

Đại Thân: Bực Thân lớn. **Đại Thánh:** Bực Thánh lớn. **Chi cực:** Rất cao, cao tột. **Chi tôn:** Rất được tôn kính.

C.23: Bực Thân lớn, bực Thánh lớn, cao tột, rất được tôn kính.

24. Tiên Thiên Chánh nhất,
Thái Thượng Đạo Quân,
Chưởng Giáo, Thiên Tôn.

先天正一
太上道君
掌教天尊

Lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật, mỗi gật niệm:

**Nam mô Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa
Thiên Tôn**

南無太上道祖三清應化天尊

GIẢI NGHĨA

Câu 24: Tiên Thiên Chánh nhất, Thái Thượng Đạo Quân, Chưởng Giáo, Thiên Tôn.

Tiên Thiên: Trước khi tạo dựng Trời Đất. (Xem Câu 20 KNHTĐ). **Chánh:** Đứng đầu. **Nhất:** Một, số 1.

Tiên Thiên Chánh nhất: Vào thời Tiên Thiên, Ngài là người số 1, đứng đầu. Đức Thái Thượng Đạo Quân là vị Tiên lớn nhất, được sanh ra trước nhất, đứng đầu Đạo Tiên.

Chưởng giáo: Chưởng quản Đạo Tiên, tức là Giáo chủ Đạo Tiên.

Thiên Tôn: Nghĩa đen là được kính trong nơi cõi Trời. Đây là phẩm tước do Đức Chí Tôn phong thưởng. Đức Chí Tôn là Đại Thiên Tôn, còn các Đấng Phật, Tiên, Thánh, đều là Thiên Tôn.

C.24: Vào thời Tiên Thiên, Đức Thái Thượng Đạo Quân là Đấng thứ nhất đứng đầu Đạo Tiên, và Ngài là Giáo chủ Đạo Tiên. Ngài là Đấng Thiên Tôn.

Câu niệm: Nam mô Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.

Đạo Tổ: Tổ sư Đạo giáo, tức là Giáo chủ Tiên giáo. (Đạo giáo đồng nghĩa với Tiên giáo) (Xem lại phần đầu).

Tam Thanh: 3 Thanh gồm: Ngọc Thanh, Thượng Thanh và Thái Thanh.

Ứng Hóa: Ứng là đáp lại, Hóa là biến hóa. Ứng Hóa là biến hoá để đáp ứng lại. (Xem phần giải nghĩa Câu 6: Đạo cao nhưất khí, diệu hóa Tam Thanh).

TÓM TẮT GIẢI NGHĨA KINH THIÊN GIÁO

KINH:

GIẢI NGHĨA:

1. Tiên Thiên Khí hoá, Thái Thượng Đạo Quân. *Khí Tiên Thiên hóa sanh Đức Thái Thượng Đạo Quân.*
2. Thánh bất khả tri. *Không thể biết rõ sự thiêng liêng mẫu nhiệm của Đức Thái Thượng.*
3. Công bất khả nghị. *Công đức của Ngài to lớn đến nỗi không bàn luận cho hết được.*
4. Vô vi cư Thái Cực chi tiền. *Đạo Vô Vi ở trước ngôi Thái Cực.*
5. Hữu thi siêu quần chơn chi thượng. *Trong thời Hữu thi, Đức Thái Thượng đứng trên hết các vị Tiên.*
6. Đạo cao nhưất khí, diệu hóa Tam Thanh. *Đạo pháp cao siêu, dùng một Nguyên khí biến hóa huyền diệu tạo ra 3 người khác gọi là Tam Thanh: Ngọc Thanh, Thượng Thanh và Thái Thanh.*

7. Đức hoán Hư linh. *Thánh đức sáng rực nơi cõi Hư linh.*
8. Pháp siêu quần Thánh. *Đạo pháp vượt trên các bậc Tiên Thánh.*
9. Nhị ngoạt thập ngũ, phân tánh giáng sanh. *Ngày rằm tháng hai âm lịch, chiết chơn linh giáng sanh xuống cõi trần là Đức Lão Tử.*
10. Nhứt thân ức vạn, diệu huyền thân biến. *Một thân mình biến hóa thành muôn ức người khác, phép biến hóa vô cùng huyền diệu.*
11. Tử khí đông lai, quảng truyền Đạo Đức. *Đám mây màu tím từ hướng Đông bay tới, Rộng truyền sách Đạo Đức Kinh.*
12. Lưu sa tây độ, pháp hóa tướng tống. *Qua vùng sa mạc hướng Tây để cứu giúp người đời, Giáo lý của Ngài nhờ Đạo Đức Kinh mà thành hình tướng.*
13. Sản Tất Viên, Phương Sóc chi bối. *Sản xuất ra các Ông Trang Tử và Đông Phương Sóc.*
14. Đơn tích vi mang. *Việc luyện Kim Đơn phân tích rõ ra rất huyền vi mầu nhiệm.*
15. Khai Thiên Địa, nhơn vật chi tiên. *Khi mở ra Trời Đất, Ngài là Đấng có trước loài người và vật.*
16. Đạo kinh hạo kiếp. *Đạo trải qua nhiều kiếp lâu đời.*
17. Càn Khôn oát vận. *Trời Đất xoay chuyển vận hành.*
18. Nhựt nguyệt chi quang. *Đạo như ánh sáng mặt trời, mặt trăng soi sáng khắp nơi.*

19. Đạo pháp bao la. *Đạo pháp rộng lớn mênh mông như tấm lưới lớn bao trùm tất cả.*
20. Cửu Hoàng Tỹ Tổ. *Ngài là Thủy tổ của 9 vị vua khai hóa nhơn loại, và cũng là Thủy tổ của nhơn loại.*
21. Đại thiên Thế giới, dương tụng từ ân. *Mọi người trong 3000 Thế giới đều lớn tiếng ca tụng lòng từ bi và ơn đức của Ngài.*
22. Vĩnh kiếp quần sanh, Ngưỡng kỳ huệ đức. *Chúng sanh vĩnh viễn đời đời ngưỡng nhờ ơn đức của Ngài.*
23. Đại Thân, Đại Thánh, Chí cực, Chí tôn. *Bậc Thần lớn, bậc Thánh lớn, Cao tột, rất được tôn kính.*
24. Tiên Thiên Chánh Nhứt, Thái Thượng Đạo Quân, Chưởng Giáo, Thiên Tôn. *Vào thời Tiên Thiên, Đức Thái Thượng Đạo Quân là vị số 1 đứng đầu các vị Tiên, làm Giáo Chủ Đạo Tiên, và là một Đấng Thiên Tôn.*

(Lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật, mỗi gật niệm:

**Nam mô Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hoá
Thiên Tôn)**

Kinh Cúng Tứ Thời: Nho giáo

- Giải nghĩa Kinh Nho giáo
- TÓM TẮT GIẢI NGHĨA KINH NHO GIÁO

NHO GIÁO

儒教

KHỔNG THÁNH CHÍ TÂM QUI MẠNG LỄ

孔聖志心皈命禮

Giải nghĩa Kinh Nho giáo:***Định nghĩa Nho giáo:***

Nho giáo là tôn giáo dạy về Nhon Đạo, có nguồn gốc từ các vị vua thời thượng cổ là Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế, được Đức Khổng Tử phục hưng, sắp xếp lại có hệ thống, xiển dương rộng thêm, tạo thành một học thuyết có giá trị cao siêu, đứng ngang hàng với Phật giáo và Lão giáo.

Do đó, Nho giáo còn được gọi là Khổng giáo, đạo của Đức Khổng Tử.

Chiết tự chữ NHO: Theo Hán văn, chữ Nho [儒] gồm 2 chữ hiệp lại: một bên chữ Nhon [亠] và một bên chữ Nhu [需]

– Nhon là người.

– Nhu là cần dùng, nhu cầu, cũng có nghĩa là chờ đợi.

Vậy theo cách chiết tự trên, NHO là hạng người lúc nào cũng được cần dùng đến để giúp cho nhơn quần xã hội biết cách ăn ở và hành động cho thuận lòng người, hợp lẽ Trời. Hạng người nầy cũng là hạng người có tài năng, học thức, luôn luôn ở thế đợi chờ, khi có người cần đến thì sẵn sàng đem tài năng ra giúp.

Những người Nho học thường chuyên về mặt thực tế hơn lý tưởng, có khuynh hướng nhập thế hơn là yếm thế, nhập thế để làm lợi ích cho nhơn quần xã hội, không yếm thế trốn lánh việc đời mà tìm lấy sự an vui cho riêng mình.

Đức Khổng Tử đã có thời đi chu du thiên hạ, mưu cầu ra làm

quan để đem cái học của Ngài áp dụng, tạo lập một xã hội thanh bình, an lạc và thịnh vượng.

Các môn đệ của Ngài và các nhà Nho đời sau đều noi theo đường lối nhập thế đó của Đức Khổng Tử.

Nho giáo bắt nguồn từ thời thượng cổ với vua Phục Hy chế ra Tiên Thiên Bát Quái, chế ra Lễ Nhạc, quần áo. Các vị vua tiếp theo như vua Thần Nông, Huỳnh Đế, chế ra lịch, chữ viết, dạy dân họp chợ, cày cấy, dùng thảo mộc trị các thứ bệnh, vv... Đến thời vua Văn Vương nhà Châu, nhà vua lại chế ra Hậu Thiên Bát Quái, diễn giải Kinh Dịch.

Đức Khổng Tử gom góp tất cả sách vở thời xưa, sắp xếp và san định lại, giải thích thêm cho sáng tỏ, tạo thành Ngũ Kinh: Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, và sau đó Ngài trước tác sách Xuân Thu để bày tỏ cái Đạo của Ngài.

Đức Khổng Tử không phải là người sáng lập Nho giáo. Ngài chỉ phục Hưng Nho giáo, và nhờ Đức Khổng Tử mà Nho giáo trở thành một học thuyết có hệ thống, gồm cả 2 phần: Hình Nhi Thượng học và Hình Nhi Hạ học, áp dụng rất hiệu quả trong công cuộc trị nước an dân. Do đó, Đức Khổng Tử được xưng tụng là: Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn.

Như vậy, Đức Khổng Tử là Giáo chủ Nho giáo của thời Nhị Kỳ Phổ Độ. Còn thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, chúng ta có thể xem 3 vị vua Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế là 3 vị Tổ Sư của Nho giáo.

Trong tập «Phổ Cáo Chúng Sanh», trang 5: Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn ngày 25-2-1926:

«Trọng Ni (Khổng Phu Tử) là Văn Xương Tiên hạ trần đặng thừa mạng Thầy làm Chương giáo Nhon đạo, lo xong phận sự thì Thầy đến độ hồi cựu vị.»

TÓM TẮT TIỂU SỬ của ĐỨC KHỔNG TỬ:

Đức Khổng Tử sanh ngày 27 tháng 8 năm Canh Tuất (551 trước Tây lịch), năm thứ 21 đời vua Châu Linh Vương, ở sông Thù,

ấp Tu, làng Xương Bình, huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông, nước Lỗ.

Các sách xưa không thống nhất nhau về ngày sanh của Đức Khổng Tử. Xin nêu ra 3 tài liệu:

– Nho giáo của Trần trọng Kim, Ngài sanh vào mùa Đông tháng 10 năm Canh Tuất.

– Khổng Môn Liệt Truyện của Tổng Hội Khổng Học VN: Ngài sanh ngày mùng 1 tháng 11 năm Canh Tuất.

– Tự Điển Thành Ngữ Điển Tích của Diên Hương: Ngài sanh nhằm ngày 27 tháng 8 năm Canh Tuất.

Đại Lễ Vía Đức Khổng Tử trong Đạo Cao Đài là ngày 27 tháng 8 âm lịch hằng năm. Đó là ngày Lễ Kỷ Niệm Thánh đàn của Đức Khổng Tử, đúng theo Tử Điển của Diên Hương.

Thân phụ của Ngài là Thúc Lương Ngột, mẹ là Trưng Tại, họ Nhan. Hai Ông Bà lên núi Ni Khâu cầu tự, nên chửa sanh Ngài thì lấy tên núi mà đặt tên là Khâu, tự là Trọng Ni.

Theo truyền thuyết, trước khi sanh Ngài, Bà Nhan thị nằm mơ thấy có người dắt con Kỳ Lân đến cho và nói rằng: «Thủy Tinh chi tử, kế suy Châu vi Tổ vương.» Nghĩa là: Con của Thủy Tinh, nối nhà Châu suy, mà làm vua không ngôi. Bà sờ vào con Kỳ Lân thì nó hét lên làm bà giật mình tỉnh dậy, kể chuyện bụng và sanh ra Ngài.

Lúc sanh Ngài, Bà Nhan thị vào ở trong hang đá Không Tang, núi Nam Sơn, nghe trên Trời có âm nhạc và tiếng nói: Trời cảm lòng cầu nguyện cho sanh con Thánh. Khi gần sanh Ngài, hang đá nứt, một dòng suối chảy ra. Bà Nhan thị lấy nước suối ấy tắm cho Ngài, tắm xong, suối liền khô.

Ngài cao lớn và có nhiều tướng lạ: Môi trâu, tay cọp, vai uyên, lưng rùa, miệng rộng, mắt lồi, tai to, răng lộ, trán gồ, mình cao 9 thước 6 tấc (thước Tàu), đi nhanh.

Ngài học rộng, biết nhiều, thấy xa. Vua nước Lỗ dùng Ngài làm quan Tư Khẩu, song chẳng bao lâu, vua đắm mê Nữ nhạc, bỏ việc triều chánh. Ngài can ngăn không được, liền từ chức, đi

chu du các nước chư Hầu như: Tề, Vệ, Trần, Sở, Tống, thuyết phục các vua chư Hầu, mong đem cái Đạo của Ngài ra giúp đời. Nhưng đến đâu, các vua chư Hầu đều chuộng Bá đạo, nên không dùng Vương đạo của Ngài.

Tuy nhiên các vua chư Hầu rất kính trọng Ngài, xem Ngài là thượng khách. Mãi đến khi Đức Khổng Tử được 68 tuổi, Ngài mới quay trở về nước Lỗ, mở trường dạy học ở Hạnh Đàn, san định Ngũ Kinh và trước tác sách Xuân Thu.

Học trò của Đức Khổng Tử có tới 3000 người (Tam thiên đồ đệ), trong đó có 72 người được liệt vào bực Hiên (Thất thập nhị Hiên) mà Nhan Hối đứng đầu, là bực Đại Hiên.

Ngày mất của Đức Khổng Tử ghi trong các sách cũng không thống nhất nhau, nhưng năm mất đều ghi là năm Nhâm Tuất (479 trước Tây lịch), Đức Khổng Tử hưởng thọ 73 tuổi.

– Sách Nho giáo của Trần trọng Kim ghi: Ngài mất nhằm tháng 4.

– Sách Khổng Môn Liệt Truyện ghi: Ngài mất nhằm ngày Kỷ Sửu tháng 4.

– Tử Điển Thành Ngữ Điển Tích của Diên Hương: Ngài mất ngày 18 tháng 2 năm Nhâm Tuất.

Chí tâm qui mạng lễ nghĩa là cúng lạy với tất cả ý chí và tâm hồn, đem mình về vâng chịu nghe theo.

1. **Quế Hương nội điện,
Văn Thị thượng cung.**

桂香内殿
文始上官

GIẢI NGHĨA

Quế Hương: Mùi thơm của cây quế. Quế là một loại cây quý, vỏ cây có mùi rất thơm, vị ngọt và cay nồng, tính ấm, dùng làm thuốc trị bệnh. Ở đây, Quế Hương là tên riêng của một Điện nơi cõi thiêng liêng.

Nội: Ở trong. **Điện:** Toà nhà lớn. **Quế Hương nội điện:** Trong điện Quế Hương nơi cõi thiêng liêng.

Văn Thi: Văn là văn chương, Thi còn viết là Thủy, là bắt đầu, nguồn gốc. Văn Thi là khởi đầu về văn chương. Ở đây, Văn Thi là tên riêng của một Cung nơi cõi thiêng liêng.

Thượng: Trên, ở trên. **Cung:** Toà nhà. Cung nhỏ hơn Điện. Trong một Điện có nhiều Cung. **Văn Thi thượng cung:** Cung Văn Thi ở phía bên trên.

C.1: Ở cõi thiêng liêng có một tòa nhà lớn gọi là Điện Quế Hương, trong đó một Cung ở trên hết gọi là Cung Văn Thi. Đó là nơi thường ngự của Đức Khổng Tử, Giáo chủ Nho giáo.

2. Cửu thập ngũ hồi,
Chưởng thiện quả ư thi thơ chi phố.

九 十 五 回
種 善 果 於 詩 書 之 圃

GIẢI NGHĨA

Cửu thập ngũ: Chín mươi lăm (95). **Hồi:** Trở về, ý nói giáng sanh xuống trần rồi trở về cõi thiêng liêng, tức là Luân hồi.

Cửu thập ngũ hồi: 95 lần luân hồi.

Chưởng: còn đọc là Chủng, nghĩa là gieo, thí dụ như gieo lúa hay gieo đậu. **Thiện:** Lành, tốt. **Quả:** Cái trái. **Thiện quả:** Trái lành. **Chưởng thiện quả:** Gieo trái lành thì sẽ mọc lên cây lành. **Ư:** Nơi, ở tại.

Thi: Thơ văn, bài văn có vần điệu. **Thơ:** tức là Thư, nghĩa là kinh sách. **Chi:** Tiếng đệm. **Phố:** Vườn trồng cây và hoa kiểng. **Thi thơ chi phố:** Vườn thơ văn kinh sách.

C.2: Đức Khổng Tử luân hồi 95 lần để gieo trái lành nơi vườn thơ văn kinh sách.

Đức Khổng Tử dùng văn chương thi phú, viết thành kinh sách để dạy dỗ như sanh điều lành, điều đạo đức nhưn nghĩa, hiểu để trung tín, mà ăn ở cho phải đạo, hầu tạo ra một nhân lành

thì sẽ hưởng được quả lành.

Đó là Luật Nhân Quả: Chưởng qua đắc qua, chưởng đậu đắc đậu. Nghĩa là: Gieo dưa thì được dưa, gieo đậu thì hái được đậu.

Lấy kinh sách làm vườn, lấy điều lành làm giống, vun phân tưới nước thì sẽ mọc lên cây lành và sẽ sanh trái lành.

3. Bá thiên vạn hóa,
Bồi quế thụ ư Âm chất chi điền.

百 千 萬 化
培 桂 樹 於 陰 鷺 之 田

GIẢI NGHĨA

Bá: Trăm (100). **Thiên:** Ngàn (1000). **Vạn:** Muôn, mười ngàn (10 000). **Hóa:** Biến đổi.

Bá thiên vạn hóa: Trăm ngàn muôn lần biến hóa. Ý nói: Biến hóa rất nhiều lần, không kể hết được.

Bồi: Vun đất vào gốc cây để nuôi cây tươi tốt. **Quế:** Cây quế.

Thụ: còn đọc là Thụy, nghĩa là cây cối, thí dụ như: Cổ thụ: Cây lớn và già, sống lâu. **Quế thụ:** Cây quế.

Bồi quế thụ: Vun bồi cây quế. **Ư:** Nơi, ở tại.

Âm chất: Việc làm lành cốt yếu tạo phước đức nơi cõi thiêng liêng, có Thân, Thánh chứng biết, không phô trương ra cho người đời biết. **Chi:** Tiếng đệm. **Điền:** Ruộng.

Âm chất chi điền: Ruộng phước đức.

C.3: Trăm ngàn muôn lần biến hóa, vun bồi cây quế nơi ruộng phước đức.

“Ruộng đây là tỷ với Tâm. Tâm không ai giới trau. Đạo nơi Tâm, thì Tâm ví như Điền, có Điền mà chẳng có cây bừa cấy đem hạt lúa gieo vào cho cấy trở bông đem hạt, thì ruộng tất bỏ hoang, bỏ hoang thì sâu bọ rần rít vào ẩn trú. Người mà có Tâm như vậy, ra thế nào?

Ruộng sẵn, giống sẵn, cây bừa sẵn, duy có công làm cho đất phì

nhiều đặn cho buổi gặt hưởng nhờ, mà không chịu làm, thế thì phải bị diệt tận chơn linh.” (TNHT. II. 53)

Cây quế, trong văn chương, được dùng để chỉ người có học thức tài giỏi đỗ đạt, có đức hạnh, có địa vị cao và tiếng tăm lớn.

Điển tích: Ông Đậu Vô đời nhà Tống, người đất Yên Sơn, tánh tình ngay thẳng, lại ham làm phước, đến 30 tuổi mà vợ chưa sanh được con. Vợ chồng đi lễ chùa Diên Thọ để cầu tự, giữa đường gặp vàng bỏ rơi, ông liền giữ lấy rồi tìm người mất vàng trả lại. Lòng ngay chánh cảm lòng Trời, nên Trời cho sống thêm 2 kỷ nữa và cho sanh 5 người con trai, lớn lên đều học giỏi và thi đậu Tiến Sĩ, làm quan hiển đạt, nổi danh là «Yên Sơn Ngũ Quế» (5 cây quế ở đất Yên Sơn).

Trung Quốc Sử có chép rằng: «Tống Đậu quân, hữu tế nhưn âm công, sanh ngũ tử câu chiết quế.» Nghĩa là: Đời Tống, Ông họ Đậu, có lòng cứu giúp người, tạo được âm chất công đức, nên sanh được 5 người con trai đều bề càn quế.

Câu Kinh: Bồi quế thọ ư âm chất chi điền, có ý nói: Đức Khổng Tử khuyên người đời ráng làm việc phước thiện đặn lập âm chất cho con cháu hưởng lâu dài về sau. Cái âm chất ấy ví như miếng ruộng tốt, còn con cháu ví như cây quế cây hòe, hễ trồng lên miếng ruộng âm chất đó thì chắc chắn sẽ lớn lên tươi tốt sum suê, sanh trái lành quả ngọt, hưởng được lâu dài. Còn thoảng như không lo làm âm chất, mà lo chạy theo bạc tiền danh vọng, dù sấm được bao nhiêu ruộng vườn nhà cửa đi nữa, thì khi chết cũng không mang theo được, để lại cho con cháu, chúng sẽ ỷ lại, tiêu xài phung phí, ăn không ngồi rồi, chẳng bao lâu cũng bán sạch, sự nghiệp tiêu tan.

4. Tự lôi trữ binh, linh ư phụng lân.

字雷貯炳靈於鳳嶺

GIẢI NGHĨA

Tự: Từ lúc. **Lôi:** Sấm, tiếng sấm. **Trữ:** Cất chứa. **Binh:** Ngọn lửa cháy sáng. (Còn một âm nữa là Bình).

Linh: Thiêng liêng, thường nói là Linh thiêng. **Ư:** Ở tại. **Phụng:** Con chim phụng, hay chim phượng, một con vật linh trong hang Tứ Linh: Long, Lân, Qui, Phụng. **Lân:** Núi.

Tự lôi trữ binh: Từ lúc tiếng sấm nổ vang nháng sáng.

Câu này ý nói lúc chế thành chữ viết bên Tàu. Sử Ký chép rằng: Ông Thương Hiệt, đời vua Huỳnh Đế, trên xem hình sao, dưới dựa theo hình sự vật mà chế ra chữ viết (chữ Nho), nên gọi là văn tự tượng hình.

Thí dụ như chữ Khẩu [口] là miệng, phải để trống ở giữa; chữ Mã [馬] là ngựa, thì phải có 4 cái chấm bên dưới để tượng hình 4 cái chân; chữ Môn [門] là cửa, phải có hình 2 cánh cửa ghép lại.

Khi văn tự được chế thành thì Trời sanh mưa, sấm chớp nổ vang, người người kinh sợ.

Linh ư phụng lân: Linh thiêng như con chim phụng trên núi. Chim phụng có tánh linh, khi thời loạn lạc thì ẩn mình trong hang núi, khi sắp thái bình thì bay ra cất tiếng gáy báo hiệu có vua Thánh ra đời.

– Lúc vua Nghiêu xuất thế, có chim phụng hoàng bay đến đậu nơi sân.

– Đời vua Trụ nhà Thương, có chim phụng gáy tại núi Kỳ Sơn ở xứ Tây Kỳ, ứng điềm Thánh Chúa Văn Vương, Võ Vương thống nhất nước Tàu, mở ra nhà Châu, đem lại thái bình an lạc.

Câu 4: Tự lôi trữ binh, linh ư phụng lân:

Nghĩa là: Từ lúc văn tự được chế thành thì Trời sanh sấm nổ nháng sáng, nhờ có văn tự mới ghi chép những lời giáo huấn của Thánh Hiền; nhờ đó, con người học hỏi, mở sáng trí khôn ngoan. Như vậy, văn tự linh thiêng như chim phụng trên núi, vì nhờ văn tự mà con người có thể học hỏi và tiến hóa để trở thành Thánh nhân.

Nhờ các bậc Thánh Hiền của Đạo Nho mà người Trung Hoa có được một thứ chữ viết tượng hình có ý nghĩa rất cao siêu.

Khi cắt nghĩa bằng cách chiết tự thì mới thấy rõ ý nghĩa sâu xa của Thánh Hiền dụng tâm đặt vào trong chữ viết đó.

Do đó người xưa rất coi trọng chữ viết, vì cho đó là chữ của Thánh Hiền, nên khuyên người đời khi thấy giấy có viết chữ Nho rớt rời, không nên chà đạp mà nên lượm lấy rồi đem đốt đi.

Kinh Sám Hối có câu:

*Thấy giấy chữ rớt rời lượm lấy,
Đốt ra tro bỏ chảy dòng sông.
Thủy triều vận tải biển đông,
Lòng hằng đường ấy, phước đồng ăn chay.*

5. Chí như ý từ, tường ư ngao trụ.

至如意慈祥於鼇柱

GIẢI NGHĨA

Chí: Đến, tới. **Như:** Giống như. **Ý:** Ý nghĩ, tư tưởng, ý tưởng. **Từ:** Lòng thương yêu chúng sanh. **Tường:** Tốt đẹp, may mắn. **Ư:** Ở tại.

Ngao: là con Cự Ngao. **Trụ:** là hòn núi. Đây là từ ngữ mà khi xưa đọc là Trụ, nhưng ngày nay đọc là Tự. Ngao trụ là hòn núi dùng làm chỗ ở cho các vị Tiên có những con Cự Ngao đỡ vững, theo điển tích sau đây:

Trong sách Thần Dị Kinh của Ông Đông Phương Sóc, Tổ Sư Tán Tiên, Ông có chép như sau: Tại Bắc Câu Lư Châu có một ngọn núi cao, chư Tiên thường đến đó ở. Núi có từ thời tạo thế, song cái đặc biệt là núi ấy không chún, trôi nổi trên mặt biển, nhỏ lên hay thụt xuống tùy theo thủy triều. Chư Tiên lo sợ để lâu núi ấy sẽ trôi qua chỗ khác nên tâu với Thượng Đế xin giữ núi ấy cho chắc. Đức Thượng Đế sai 15 con Cự Ngao, to lớn hơn sáu voi thập bội, đến đỡ núi ấy cho vững, không cho trôi đi nữa. Số 15 con Cự Ngao được chia làm 2 phiên, mỗi phiên là 6 muôn năm, cứ luân phiên nhau mà giữ núi ấy.

Vậy Ngao trụ là ngọn núi Tiên nổi trên mặt biển có các con

Cự Ngao đỡ vững.

C.5: Đến như cái ý tường thương yêu chúng sanh, tốt lành như ở núi Ngao Trụ.

6. Khai nhơn tâm tất bản
ư đốc thân chi hiếu.

開人心必本
於篤親之孝

GIẢI NGHĨA

Khai: Mở ra. **Nhơn tâm:** Cái Tâm của con người. Bản chất của Tâm vốn lành, nên gọi là Lương Tâm. Người làm ác là vì cái Tâm bị vật dục che phủ nên không còn điều khiển được hành động của mình. **Tất:** Ất hẳn. **Bản:** Cái gốc. **Ư:** Ở tại. **Đốc:** Rất, lắm. **Thân:** Gần gũi thương yêu, chỉ cha mẹ. **Chi:** Tiếng đệm. **Hiếu:** Hết lòng phụng dưỡng cha mẹ.

Câu 6: Dịch nghĩa câu Kinh từng chữ: Sự khai mở cái Tâm của con người, ắt hẳn, gốc ở tại, rất, hiếu thảo với cha mẹ.

Ý nói: Đạo của Đức Khổng Tử chủ trương lấy việc khai mở cái Tâm của con người làm gốc, bởi vì cái Tâm do Trời ban cho vốn lành và sáng suốt, thường khiến con người làm điều hay sự phải, giục con người mến đạo đức, chuộng tinh thần, biết thuận tòng Thiên lý.

Muốn khai mở cái Tâm, Đức Khổng Tử lấy sự Hiếu thảo với cha mẹ làm căn bản, bởi vì trong trăm hạnh thì hiếu đứng đầu. Người bất hiếu là vì để cái Tâm bị Lục dục Thất tình che lấp trở nên mờ ám.

Đây là điểm đồng nhất và cũng là căn bản của Tam giáo: Nho, Lão, Thích. Tam giáo đều dạy lấy Tâm làm gốc:

- Nho giáo dạy: Tồn Tâm dưỡng Tánh,
- Lão giáo dạy: Tu Tâm luyện Tánh,
- Thích giáo dạy: Minh Tâm kiến Tánh.

Trong Đạo Cao Đài, Đức Phật Mẫu giảng cơ dạy về chữ TÂM như sau:

*Gắng sức trau dồi một chữ Tâm,
Đạo đời muôn việc khỏi sai lầm.
Tâm thành ắt đạt đường tu vững,
Tâm chánh mới mong mỗi Đạo cam.
Tâm ái nhơn sanh an bốn biển,
Tâm hòa thiên hạ trị muôn năm.
Đường Tâm của Thánh dấu chứa ven,
Có buổi hoài công bước Đạo tâm.*

7. Thọ quốc mạch tất tiên
ư trí chúa chi trung.

壽國脈必先
於致主之忠

GIẢI NGHĨA

Thọ: Sống lâu, lâu dài. **Quốc:** Nước, quốc gia. **Mạch:** Cái ống dẫn máu để cho máu lưu thông đem dưỡng khí và chất bổ đến nuôi sống các tế bào trong cơ thể. **Quốc mạch:** Chỉ chung tất cả sinh hoạt của dân chúng trong một quốc gia. Mỗi người dân trong nước ví như một tế bào trong cơ thể. Tế bào nhờ mạch máu nuôi dưỡng mới hoạt động được, thì người dân cũng nhờ các hoạt động của các cơ quan, các ngành nghề trong nước mà có đời sống an ninh và đầy đủ.

Thọ quốc mạch: là lâu dài các sinh hoạt của dân chúng trong nước: Ý nói sự trường tồn của quốc gia.

Tất: Ất hẳn. **Tiên:** Trước. **Ư:** Ở tại. **Trí:** Rất, hết lòng. **Chúa:** cũng đọc là Chủ, người làm Chúa, làm vua một nước.

Chi: Tiếng đệm. **Trung:** Lòng trung thành.

Vua là người đứng đầu một nước, nên vua tượng trưng cho nước. Quan niệm trung với vua là trung với nước, chớ không phải trung thành với một cá nhân ông vua hay với dòng họ

của ông vua.

Câu 7: Dịch nghĩa câu kinh từng chữ: *Sự lâu dài của quốc gia, ắt hẳn, trước tiên, ở tại, hết lòng trung thành với nước.*

Ý nói: Muốn cho quốc gia được vững bền thì trước tiên, người dân phải hết lòng trung thành với nước.

Hai câu Kinh 6 & 7 nói lên tôn chỉ của Đạo Nho là khai mở cái Tâm của con người cho được sáng tỏ, bằng cách dạy con người 2 điều căn bản là: Hiếu và Trung.

Trời ban cho con người một cái Tâm thiện lương chơn chánh để điều khiển xác thân đi theo đường đạo đức, nhưng vì lục dục thất tình che lấp cái Tâm, làm cho con người trở nên u mê tăm tối, đi vào ngõ cụt. Nay cần phải vệt ra để cho cái Tâm được sáng tỏ.

Trong mục đích đó, Nho giáo chủ trương:

- Trong gia đình thì phải hết lòng Hiếu với cha mẹ.
- Đối với quốc gia dân tộc thì phải hết lòng Trung.

Đây là một chủ trương rất tích cực và thực tế, để khai mở Tâm Tánh con người cho được sáng tỏ tốt đẹp. Hiếu và Trung là 2 đức tánh căn bản của con người, vì các đức tánh khác đều bắt nguồn từ Trung và Hiếu cả.

8. Ứng mộng bảo sanh, thù từ mẫn khổ.

應夢保生垂慈憫苦

GIẢI NGHĨA

Ứng: Đáp lại. **Mộng:** Chiêm bao. **Ứng mộng:** Hiện ra một điềm chiêm bao để đáp lại sự cầu nguyện. **Bảo:** Giữ gìn, bảo vệ. **Sanh:** Sự sống. **Bảo sanh:** Bảo vệ sự sống.

Ứng mộng bảo sanh: Ứng cho một điềm chiêm bao do lòng đạo đức mong muốn, để chỉ vẽ cách thức bảo vệ sự sống cho nhơn sanh.

Đối với những vị mà nguyên căn là những Chơn linh cao trọng lãnh lĩnh giảng trần giáo hoá và làm lợi ích cho nhơn sanh, các

Đấng Thiêng liêng thường đến trong giấc chiêm bao để mách bảo những điều sắp xảy ra và những phương cách giải quyết để bảo tồn sự sống cho nhơn sanh. Những sự mách bảo này thường dưới dạng ngụ ý, tượng trưng, cần phải suy nghĩ kỹ mới thấu rõ được.

Chúng ta đọc tiểu sử của Đức Phạm Hộ Pháp, chúng ta thấy lúc Ngài còn trẻ tuổi, Ngài bị mê đi nhiều lần, và lần đáng nhớ nhất là năm 17 tuổi. Ngài chiêm bao thấy Ngài về Bạch Ngọc Kinh gặp Đức Chí Tôn, được Đức Chí Tôn cho ăn bánh và uống nước, trong đó Đức Chí Tôn ngụ ý cho biết về những việc sau này của Ngài.

Đức Khổng Tử lãnh lệnh Đức Chí Tôn giáng sanh xuống trần để phục hưng Nho giáo, nên Ngài thường được các Đấng Thiêng liêng đến trong giấc chiêm bao mách bảo nhiều việc quan trọng. Tương truyền, Đức Khổng Tử thường nằm chiêm bao thấy Ông Châu Công Đán dạy cho nhiều điều để làm lợi ích cho nhơn sanh.

Thùy: Rủ xương, rủ lòng nghĩ tới. **Từ:** Lòng thương yêu chúng sanh. **Mãn:** Lo lắng xót thương.

Thùy từ mẫn khổ: Rủ lòng nhơn từ thương người khổ nạn.

Biết bao cảnh khổ não của nhơn sanh nơi cõi trần, mỗi người gặp khổ não một cách. Nói như vậy không phải là cõi trần không có cái vui, cái hạnh phúc, nhưng cái vui và cái hạnh phúc ấy chỉ xảy ra rất ít và cũng không tồn tại lâu dài, còn cái buồn và cái khổ thì kéo đến liên tiếp. Làm một cuộc tổng kết thì cái vui sướng chỉ có một mà cái buồn khổ nhiều gấp 10 lần hay hơn nữa.

Đức Khổng Tử đứng hàng Phật vị, có cái Tâm từ bi của Phật, thấy các cảnh khổ não của chúng sanh thì đem lòng thương xót, như là trong thời đại của Ngài là thời Xuân Thu Chiến Quốc, loạn lạc khắp nơi, đầu đầu cũng đầy dẫy cảnh khốn khổ chết chóc, giết hại lẫn nhau, mạnh được yếu thua, khôn còn dạy mất, đạo đức suy đồi. Ngài muốn cứu vớt nhơn sanh bằng

cách đem học thuyết của Ngài dạy cho các tầng lớp dân chúng và các hàng vua quan phải biết tôn trọng sự công bằng và mạng sống của con người, mỗi người phải làm đúng theo chức năng của mình, để cùng nhau tạo lập một cuộc sống thanh bình, an lạc, ấm no như thời của 2 vua Nghiêu Thuấn.

C.8: Đức Khổng Tử có lòng nhơn từ thương người khổ nạn, nên Ngài thường nằm chiêm bao thấy Ông Châu Công Đán dạy cho nhiều điều để bảo tồn sự sống của nhơn sanh.

9. Đại nhơn, Đại hiếu,
Đại Thánh, Đại từ.

大仁大孝
大聖大慈

GIẢI NGHĨA

Đại: Lớn. **Nhơn:** Lòng thương người mền vật, thương khắp chúng sanh. **Hiếu:** Hết lòng phụng dưỡng cha mẹ. **Thánh:** Bực Thánh. **Từ:** Lòng thương yêu chúng sanh.

C.9: Lòng nhân lớn, lòng hiếu thảo lớn, bực Thánh lớn, đức từ bi lớn.

10. Thần văn, Thánh võ,
Hiếu Đức Trung Nhơn.

神文聖武
孝德忠仁

GIẢI NGHĨA

Thần: Tài giỏi như Thần. **Văn:** Việc văn chương, nghĩa tổng quát là chỉ những việc thuộc về văn hóa, chánh trị, giáo dục. **Võ:** Việc võ bị quân sự, giữ gìn an ninh trật tự và bảo vệ tổ quốc. **Thánh:** Tài giỏi như Thánh.

Đức: Những việc làm hợp lòng người, thuận lẽ Trời, tạo được phước đức. **Trung:** Lòng trung thành.

C.10: Văn võ song toàn, tài giỏi tốt bụng như Thần như Thánh, gồm đủ 4 đức tốt: Hiếu, Đức, Trung, Nhơn.

11. Vương tân sách phụ.
12. Nho tông khai hóa.

王賓策輔
儒宗開化

GIẢI NGHĨA

Câu 11: Vương tân sách phụ:

Vương: Vua. **Tân:** Khách. **Sách:** Kế hoạch, kế sách, sách lược.

Phụ: Giúp đỡ.

Vương tân: Khách của vua. Khi đi chu du qua các nước chư Hầu, Đức Khổng Tử được các vua chư Hầu đối đãi vào bực thượng khách, kính trọng là bực tôn sư để nghe Ngài giảng giải về phép trị nước an dân, làm cho dân giàu nước mạnh.

Sách phụ: Giúp cho kế hoạch trị nước an dân.

Hễ vua chư Hầu nào có lòng yêu mến dân chúng, biết tôn trọng đạo đức thì Đức Khổng Tử ở lại đó giúp vua kế hoạch cải cách việc chánh trị, văn hóa và kinh tế; còn vị vua nào vô đạo, ham mê tử sắc thì Ngài bỏ đi qua nước khác. Sự đi hay ở của Ngài tùy thuộc vào cái Đạo của Ngài có được thực hiện hay không mà thôi.

C.11: Đức Khổng Tử là bực thượng khách của các vị vua chư Hầu, thường giúp bày kế hoạch trị nước an dân.

Câu 12: Nho tông khai hóa.

Nho: Đạo Nho (Xem giải nghĩa chi tiết nơi phần đầu bài này).

Tông: Cũng đọc là Tôn, nghĩa là tôn giáo. Nho tông là Nho giáo. **Khai:** Mở ra. **Hóa:** Thay đổi, dạy cho người ta thay đổi từ xấu ra tốt, từ dở thành hay.

C.12: Đạo Nho mở ra để giáo hóa nhơn sanh.

13. Văn Tuyên tư lộc,
Hoàng nhơn Đế Quân.

文宣司祿
弘仁帝君

GIẢI NGHĨA

Văn Tuyên: Tên thụy của Đức Khổng Tử do các vua đời sau truy tặng cho Ngài, với tấm lòng ngưỡng mộ, kể ra:

- Khi Hớn Lưu Bang dẹp xong Hạng Vũ, vua đi ngang nước Lỗ, đến làng Nguyệt Lý, nơi sanh ra Đức Khổng Tử, vào miếu bái lễ Ngài và truy phong là: Khổng Thánh Tiên Sư.
- Vua Đường Huyền Tông truy tặng: Văn Tuyên Vương.
- Vua Tống Chơn Tông truy phong là: Chí Thánh Văn Tuyên Vương.
- Vua Thái Tổ nhà Nguyên truy phong Ngài là: Đại Thánh Chí Thánh Văn Tuyên Vương.
- Vua Gia Tĩnh nhà Minh tặng là: Chí Thánh Tiên Sư.
- Vua Thanh Trị nhà Thanh truy tặng là: Chí Thánh Tiên Sư Văn Tuyên Vương Khổng Tử.

Nếu gom tất cả các danh hiệu mà các vị vua đã truy tặng Đức Khổng Tử, ta được danh hiệu:

“Đại Thánh Chí Thánh Tiên Sư Văn Tuyên Vương Khổng Tử”.

Ngày nay thời TKPD, Đức Khổng Tử có tước hiệu là: Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thanh Thế Thiên Tôn.

Tư lộc: Tư là lo việc, quản lý; lộc là phước lộc. Tư lộc là lo việc ban phước lộc cho thế gian về thi cử văn chương và ban cho phẩm tước nơi chốn quan trường.

Văn Tuyên tư lộc: Đức Khổng Tử có nhiệm vụ coi việc ban phước lộc cho thế gian về văn chương thi cử và phẩm tước nơi quan trường.

Hoàng: Rộng lớn. **Nhơn:** Lòng thương người mến vật, thương

khắp chúng sanh. **Đế Quân:** Phẩm tước rất cao trọng nơi cõi thiêng liêng do Đức Chí Tôn phong thưởng.

Hoàng nơn Đế Quân: Đức Khổng Tử là một vị Đế Quân nơn đức rộng lớn.

C.13: Đức Khổng Tử coi về việc ban phước lộc cho thế gian, Ngài là vị Đế Quân nơn đức rộng lớn.

14. Trường Chơn Chánh Quang,
Bửu Quang Từ Tế.
Thiên Tôn.

澄 眞 正 光
寶 光 慈 濟
天 尊

Lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật, mỗi gật niệm:

**Nam mô Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế
Thiên Tôn**

南 無 孔 聖 先 師 興 儒 盛 世 天 尊

GIẢI NGHĨA

Trường: Trong sạch. **Chơn:** Thật, chơn thật. **Chánh:** Ngay thẳng, không tà vạy. **Quang:** Sáng.

Bửu: Quý báu. **Từ:** Lòng thương yêu chúng sanh. **Tế:** Cứu giúp.

Thiên Tôn: Phẩm tước nơi cõi thiêng liêng do Đức Chí Tôn phong thưởng.

C.14: Đức Khổng Tử có những đức tánh: Trong sạch, chơn thật, ngay thẳng, sáng tỏ, báu sáng, từ bi hay cứu giúp, là một Đấng Thiên Tôn.

Câu niệm: Nam mô Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho
Thạnh Thế Thiên Tôn.

Khổng Thánh: Đức Thánh họ Khổng, tức là Đức Thánh Khổng Tử. **Tiên Sư:** Danh từ để học trò gọi Thầy dạy học

khi Thầy đã chết. Các nhà Nho thường gọi Đức Khổng Tử là Khổng Thánh Tiên Sư.

Hưng Nho: Phục hưng Đạo Nho, làm cho Đạo Nho hưng thịnh. **Thạnh Thế:** Đời thịnh vượng.

Nhờ Đức Khổng Tử phục hưng Đạo Nho, làm cho học thuyết Nho giáo có hệ thống, đưa lên ngang hàng với Tiên giáo và Phật giáo. Nước Tàu nhờ Nho giáo mà được thịnh vượng và hùng cường trong một thời gian dài.

Đức Khổng Tử là Giáo chủ Nho giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ. Ngài là một vị Đế Quân, cũng là một vị Thiên Tôn. Địa vị của Ngài nơi cõi thiêng liêng rất cao trọng, vào hàng Phật vị, đứng ngang hàng với Đức Phật Thích Ca và Đức Lão Tử.

Thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Quan Thánh Đế Quân, đại diện Đức Khổng Tử cầm quyền Nho giáo, làm Đệ Tam Trấn Oai Nghiêm ĐĐTKPĐ.

Tinh hoa của Giáo lý Nho giáo được Đạo Cao Đài áp dụng để chấn hưng nền phong hóa và luân lý của dân tộc VN, tạo nên một khuôn mẫu cho toàn thế giới noi theo, đúng với câu Thánh ngôn của Đức Chí Tôn: «Nam phong thử nhật biến Nơn phong.» (Phong hóa của người VN ngày ấy biến thành phong hóa của nơn loại).

Đó chính là chủ trương NHO TÔNG CHUYỂN THỂ của Đạo Cao Đài.

TÓM TẮT GIẢI NGHĨA KINH NHO GIÁO

KINH:

1. Quế Hương nội điện,
Văn Thi thượng cung.

GIẢI NGHĨA:

Ở trong Điện Quế Hương,
Phía trên hết là Cung Văn Thi,
nơi thường ngự của Đức Khổng Tử.

2. Cửu thập ngũ hồi,
Chưởng thiện quả ư
thi thơ chi phổ. *95 lần giáng sanh xuống cõi trần
rồi trở về, Gieo trái lành nơi vườn
thơ văn kinh sách.*
3. Bá thiên vạn hóa, Bồi
quế thọ ư Âm chất chi
điền. *Trăm ngàn muôn lần biến hóa,
Vun bồi cây quế nơi ruộng phước
đức.*
4. Tự lôi trừ bính, linh ư
phụng lãnh. *Văn tự chế thành thì có sấm nổ,
văn tự như có chứa ngọn lửa để soi
sáng và ghi chép kiến thức, kinh
nghiệm của người xưa, nên linh
như chim phụng trên núi.*
5. Chí như ý từ, tường ư
ngao trụ. *Đến như cái ý tường thương yêu
chúng sanh, tốt lành như ở núi
Ngao trụ.*
6. Khai nhơn tâm tất bổn
ư đốc thân chi hiếu. *Sự khai mở cái Tâm của con người
ắt hẳn gốc ở tại sự hết lòng hiếu
thảo với cha mẹ.*
7. Thọ quốc mạch tất tiên
ư trí chúa chi trung. *Sự vững bền của quốc gia ắt hẳn
trước tiên ở tại sự hết lòng trung
thành với nước.*
8. Ứng mộng bảo sanh,
thùy từ mãn khổ. *Đức Khổng Tử có lòng nhơn từ
thương người khổ nạn nên thường
chiêm bao thấy Ông Châu Công
Đán dạy nhiều điều bảo tồn sự
sống cho nhơn sanh.*
9. Đại nhơn, Đại hiếu,
Đại Thánh, Đại từ. *Lòng nhơn lớn, lòng hiếu lớn,
Bực Thánh lớn, đức từ bi lớn.*
10. Thần văn, Thánh
võ, Hiếu Đức Trung
Nhơn. *Văn võ song toàn tài giỏi tột bực,
Có đủ 4 đức: Hiếu, Đức, Trung,
Nhơn.*

11. Vương tân sách phụ. *Thượng khách của vua, thường
bày kế hoạch giúp vua.*
12. Nho tông khai hóa. *Đạo Nho mở ra giáo hóa nhơn
sanh.*
13. Văn Tuyên tư lộc,
Hoảng nhơn Đế Quân. *Đức Khổng Tử lo việc ban phước
lộc cho thế gian, là vị Đế Quân
nhơn đức rộng lớn.*
14. Trừng chơn chánh
quang, Bửu quang từ
tế. Thiên Tôn. *Trong sạch, ngay thật, sáng tỏ, báu
sáng, nhơn từ, cứu giúp. Thiên
Tôn. Là một Đấng*
(Lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật, mỗi gật niệm:
**Nam mô Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế
Thiên Tôn**)

DÂNG TAM BỮU: Hoa, Rượu, Trà

- Tam Bửu là 3 món quý báu.
- Nguồn gốc 3 bài Dâng Tam Bửu
- Cách cầu nguyện khi Dâng Tam Bửu
- **BÍ PHÁP DÂNG TAM BỮU**

DÂNG TAM BỮU: HOA, RƯỢU, TRÀ

Tam Bửu là 3 món quý báu.

Tam Bửu của con người là: Tinh, Khí, Thần, tức là Thể xác, Chơn thần và Linh hồn.

- **TINH** là Thể xác, tức là hình hài xác thịt của con người, được tượng trưng bằng Hoa (Bông), vì Đức Chí Tôn muốn cho hình thể con cái của Ngài tốt đẹp như cái hoa.
- **KHÍ** là Chơn thần, tức là xác thân thiêng liêng, được tượng trưng bằng Rượu vì Đức Chí Tôn muốn cho Chơn thần các con cái của Ngài cường liệt như rượu mạnh vậy.
- **THẦN** là Chơn linh hay Linh hồn, là điểm Linh quang của Đức Chí Tôn ban cho mỗi người, được tượng trưng bằng Trà, vì Đức Chí Tôn muốn cho Chơn linh con cái của Ngài điều hòa thơm tho như hương vị của Trà vậy.

Mỗi khi cúng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng liêng, chúng ta phải dâng Tam Bửu lên Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, dâng Bửu nào thì thài bài Kinh của Bửu ấy theo giọng Đảo Ngũ Cung và câu nguyện cũng theo Bửu đó.

* Đầu tiên, dâng Hoa thì thài bài Dâng Hoa, rồi cầu nguyện dâng Thể xác.

* Kế đó, dâng Rượu thì thài bài Dâng Rượu, rồi cầu nguyện dâng Chơn thần.

* Sau cùng là dâng Trà thì thài bài Dâng Trà, rồi cầu nguyện dâng Linh hồn.

I. Nguồn gốc 3 bài Dâng Tam Bửu:

Đầu năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn dạy 3 vị: Lê văn

Trung, Phạm công Tắc và Cao quỳnh Cư đến nhà của Quan Phủ Ngô văn Chiêu ở gần chợ Sài gòn để Quan Phủ chỉ cho vẽ Thiên Nhân thờ Đức Chí Tôn và cách thờ phượng. (Quan Phủ Ngô văn Chiêu là môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn, thấy hình Thiên Nhân 3 lần do Đức Chí Tôn dùng huyền diệu cho hiện ra ở tại đảo Phú Quốc, để Quan Phủ vẽ Thiên Nhân theo hình đã thấy mà thờ Đức Chí Tôn).

Quan Phủ chỉ cho 3 vị thấy cách thờ Thiên Nhân, rồi trao cho 3 vị 3 bài Kinh: Dâng Hoa, Dâng Rượu, Dâng Trà, để cúng Đức Chí Tôn, và bài Kinh Cầu Cơ «Trời còn».

Ba bài Kinh Dâng Tam Bửu này có in trong quyển «Tứ Thời Nhựt Tụng Kinh» xuất bản năm 1928 của nhị vị Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt, trang 38, 39, 40, xin chép ra sau đây:

*** BÀI DÂNG TIÊN HOA:**

*Hoa tươi năm sắc thiên nhiên,
Đầu cúi xin dâng lễ kính thiêng.
Cầm đức Cao Đài lòng doái tưởng,
Từ bi cứu thế giáng đàn tiên.*

*** BÀI DÂNG TIÊN RƯỢU:**

*Từ vị hương hể từ vị hương,
Khẩu đầu cung hiến chúc hồ tương.
Cao Đài hứng cảnh nhân hoan nhã,
Đệ tử cung trần mỹ vị hương.*

*** BÀI DÂNG TIÊN TRÀ:**

*Đông độ thanh trà mỹ vị hương,
Khẩu đầu cung hiến chúc hồ trường.
Cao Đài hứng cảnh nhân hoan nhã,
Đệ tử cung trần mỹ vị hương.*

Sau đó được vài tháng, đến ngày 14-3-Bính Dần (dl 24-4-1926), Quan Phủ Ngô văn Chiêu tách riêng ra để tu đơn, không cộng tác với nhóm của Ngài Lê văn Trung nữa, nhưng 3 bài Dâng

Tam Bửu của Quan Phủ đưa qua vẫn được dùng để dâng cúng Đức Chí Tôn.

Đến đầu năm Kỷ Tỵ (1929), Đức Phạm Hộ Pháp có xin với Bát Nương ban cho 3 bài Kinh Dâng Tam Bửu mới để thế cho 3 bài cũ của Ngài Ngô văn Chiêu, nhưng Đức Phạm Hộ Pháp được trả lời là nên để cho Hội Thánh đặt ra để Dâng Tam Bửu lên Đức Chí Tôn thì mới hợp lẽ.

Do đó, Đức Phạm Hộ Pháp chỉ định Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu (tức Cao Mỹ Ngọc) đặt ra 3 bài này, rồi cầu Bát Nương chính văn lại, xong dâng lên Đức Chí Tôn duyệt, rồi chuyển qua cho Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung bên Cửu Trùng Đài ban hành ra cho toàn đạo.

Ngày 17-6-Canh Ngọ (dl 12-7-1930), Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung (lúc đó còn là Đầu Sư Thượng Trung Nhật) ban hành quyển «NGHI TIẾT ĐẠI ĐÀN TIỂU ĐÀN TẠI TOÀ THÁNH VÀ THÁNH THẤT CÁC NƠI», trong đó có ban hành 3 bài Dâng Tam Bửu mới mà chúng ta đang sử dụng.

II. Cách cầu nguyện khi Dâng Tam Bửu:

Về cách thức và lời cầu nguyện khi Dâng Tam Bửu, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo dạy như sau:

– Hễ đưa Bông lên là dâng cái Hình thể của chúng ta đó, ta cúi đầu cầu nguyện Chí Tôn:

“Con xin dâng mảnh hình hài của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.”

– Khi dâng Rượu thì cầu nguyện:

“Con xin dâng cả trí thức tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.”

(Trí thức Tinh thần của con người là thuộc về Chơn thân).

– Khi dâng Trà cầu nguyện:

“Con xin dâng cả Linh hồn của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.”

+ Câu chót, chúng ta nên nguyện gồm chung lại như vậy:

“Cả Linh hồn, cả Trí não, cả Hình hài con, Thấy đào tạo, đó là của Thầy thì do nơi quyền hành độc đoán của Thầy định.”

Khi dâng Tam Bửu lên Đức Chí Tôn, hễ dâng Bửu nào thì cầu nguyện theo Bửu nấy, dâng xong một Bửu thì lạy 1 lạy 4 gập, mỗi gập niệm Câu Chú của Thầy: Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Dâng Tam Bửu cúng Đức Phật Mẫu thì cầu nguyện với Đức Phật Mẫu, dâng Bửu nào thì cầu nguyện theo Bửu nấy, lời cầu nguyện thì giống y như lời cầu nguyện đối với Đức Chí Tôn, nhưng thay chữ Chí Tôn bằng chữ Phật Mẫu, xong mỗi Bửu thì lạy Phật Mẫu 3 lạy, mỗi lạy 3 gập, mỗi gập niệm: Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

III. BÍ PHÁP DÂNG TAM BỬU:

Tại sao Đức Chí Tôn buộc tín đồ dâng Tam Bửu?

Tại sao trong mỗi thời cúng, Đức Chí Tôn buộc các Tín đồ Nam Nữ đều phải dâng Tam Bửu lên Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu? Điều này có phải vì lợi ích cho Chí Tôn hay cho Phật Mẫu không?

Trả lời: Không, mà trái lại là hoàn toàn vì lợi ích cho Tín đồ, bởi vì đây là Bí Pháp giải thoát cho mỗi Tín đồ.

Bí Pháp thì phải bí mật, nhưng ĐĐTKPĐ nầy, Đức Chí Tôn ban cho ơn huệ là Đại Ân Xá, nên Đức Chí Tôn không giấu giếm Bí Pháp nữa, Đức Chí Tôn bày ra trước mắt nhơn sanh, để nhơn sanh thấy rõ mà thực hành. Và Đức Chí Tôn nhấn mạnh: “Gặp Tam Kỳ Phổ Độ nầy mà không tu thì không còn trông mong siêu rỗi được.”

Bí Pháp đó là: Đức Chí Tôn biểu chúng ta dâng Tam Bửu của chúng ta (Thể xác, Chơn thân, Linh hồn) lên cho Đức Chí Tôn để Đức Chí Tôn lấy đó làm phương tiện PHỤNG SỰ VẠN LINH.

Tại sao gọi đó là Bí Pháp?

Bởi vì chính nó là phương cách giải thoát chúng ta khỏi vòng Luân hồi để Linh hồn sau khi thoát xác, trở về hiệp nhứt cùng

Đức Chí Tôn nơi cõi thiêng liêng, tức là đấng đạo vậy.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giải thích như sau:

«Ấy vậy, mỗi ngày, từ mơi tới trưa, đến chiều, từ chiều đến khuya, từ khuya đến sáng, mình vô Đền Thánh kêu Đức Chí Tôn, kêu Tam Giáo và các Đấng Thiêng liêng mà phân chứng trước: Thân tôi không còn là của tôi nữa, tôi đã hiến cho Đức Chí Tôn, làm tôi tớ cho vạn linh, thay thế cho Đức Chí Tôn. Giờ phút đó, chúng ta không biết tội nào chúng ta đã làm, dẫu có tội mà chúng ta không làm điều gì thêm nữa thì quả kiếp ấy tiêu diệt, cơ quan giải thoát chúng ta đoạt, không thể gì định tội được. Đức Chí Tôn biểu chúng ta không phải là chúng ta, mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta, tức nhiên ta đã đoạt cơ giải thoát.»

Như vậy, mỗi ngày chúng ta cúng Đức Chí Tôn, chúng ta đều cầu nguyện dâng Tam Bửu (Thế xác, Chơn thân, Linh hồn, tượng trưng bằng Bông, Rượu, Trà) là dâng toàn thể con người chúng ta cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng, tức là chúng ta hoàn toàn tùy thuộc vào Chí Tôn sai khiến định liệu trong công cuộc Phụng Sự Vạn Linh. Chúng ta không còn điều gì để lo lắng ngoài sự lo lắng làm thế nào thực hiện cho hoàn tất mệnh lệnh của Đức Chí Tôn ban bố.

Bí Pháp Giải thoát ấy, Đức Chí Tôn để hiển hiện ngay trước mắt như sanh mà ít ai để ý suy nghĩ.

Nhưng việc thực hiện Bí Pháp này một cách trọn vẹn thì cũng khó khăn vô cùng. Nhưng càng khó khăn thì càng có giá trị xứng đáng. Đâu có dễ gì đâu? Nhưng không phải là quá khó khăn để không thể thực hiện được.

Nếu chúng ta có một Đức Tin mạnh mẽ nơi Đức Chí Tôn và có một tấm lòng hy sinh, quên mình, thì mọi việc đều trở nên dễ dàng.

Như thế, cái tấm thân của ta đây, cả Chơn thân và Linh hồn nữa, chúng ta đã giao hết cho Chí Tôn, giao thật sự với đầy đủ ý nghĩa của nó, thì ta không còn gì là của ta nữa, đừng nói

chỉ là của cha mẹ ta hay vợ con ta. Như vậy, cái TA tức là cái NGÃ không còn nữa, thì đâu còn gì để CHẤP NGÃ. Đây là một phương pháp PHÁ CHẤP triệt để.

Sự Dâng hiến này là để Phụng Sự Vạn linh, nếu chúng ta thi hành một cách chí thành thì đủ đem chúng ta trở về cùng Đức Chí Tôn, mà không cần làm thêm một điều gì khác nữa.

Trong TNHT, Đức Chí Tôn có dạy rằng:

«Trong các con có nhiều đứa lấm tường, hễ vào Đạo thì phải phê hết nhưn sự, nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng có một điều rất thấp thỏi là vào một chỗ u nhân mà ẩn thân luyện đạo. Thấy nói cho các con biết, nếu công quả chưa đủ, nhân sự chưa xong, thì không thể nào các con luyện thành đặng đầu mà mong. Vậy muốn đắc quả, thì chỉ có một điều Phổ độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này thì tìm cách khác mà làm âm chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao.» (TNHT. II. 101)

Trong Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn cấm hẳn lối tu «Độc thiện kỳ thân», một lối tu ích kỷ, chỉ biết lo cho riêng mình.

Thế pháp và Bí pháp của Đạo Cao Đài đều đặt việc PHỤNG SỰ VẠN LINH là trên hết. Do đó, Bí pháp Luyện đạo trong Tịnh Thất chỉ là phần đặc biệt dành cho những Tín đồ đã đầy đủ công quả Phụng Sự Vạn Linh mà còn sức khỏe.

Tóm lại, Đức Chí Tôn buộc chúng ta dâng Tam Bửu cho Ngài là vì Ngài muốn chúng ta thay thế Ngài mà lo «Hoàng khai Đại Đạo, Phổ Độ chúng sanh», tức là lo Phụng Sự Vạn Linh, bởi vì đó là Bí pháp đấng đạo để chúng ta trở về hội hiệp cùng Đức Chí Tôn và Phật Mẫu.

Kinh Cúng Tứ Thời: Bài Dâng Hoa**BÀI DÂNG HOA***(Thài theo giọng Đào Ngũ Cung)*

1. Từ bi giá ngự rạng môn thiên,
2. Đệ tử mừng nay hữu huệ duyên.
3. Năm sắc hoa tươi xin kính lễ,
4. Cúi mong Thượng Đế rưới ân Thiên.

*(Lạy 1 lạy 4 gât, mỗi gât niệm Câu Chú của Thầy).***GIẢI NGHĨA**

Thài: là ngâm từng chữ của bài Kinh với giọng ngân thật dài theo giọng của điệu Cổ nhạc Đào Ngũ Cung.

Khi cúng Đại đàn Đức Chí Tôn tại Thánh Thất hay khi cúng Đại đàn Đức Phật Mẫu tại Điện Thờ, đồng nhi thài 3 bài Dâng Tam Bửu, thì Lễ sĩ lần lượt điện dâng lễ phẩm, bước đi theo hình chữ Tâm [卍] từ Ngoại nghi vào Nội nghi: Lần thứ nhất: dâng Hoa và Quả; lần thứ nhì: dâng Rượu và Bình rượu; lần thứ ba: dâng Trà và Bình trà.

Đào Ngũ Cung: là điệu nhạc cổ, nhịp đi rất chậm, để đồng nhi cất giọng thài theo.

Câu 1: Từ Bi giá ngự rạng môn thiên.

Từ Bi: Từ là lòng thương tưởng lo lắng giúp ích cho chúng sanh, làm cho họ được an ổn vui vẻ. Bi là lòng trắc ẩn thương cảm các cảnh khổ não của chúng sanh, lúc nào cũng muốn cứu vớt họ ra khỏi phiền não và tai họa.

Từ bi là lòng thương yêu bao la, thương khắp chúng sanh, muốn giúp chúng sanh thoát khổ.

Từ bi là hạnh của Phật.

Trong Câu Kinh 1, Từ Bi là chỉ Đức Chí Tôn.

Giá ngự: Giá là xe của vua đi, ngự là tiếng chỉ về vật dụng hay

hành động của vua. Giá ngự là xe của vua đi. Ở đây, ý nói là Đức Chí Tôn dùng xe đi xuống cõi phàm trần.

Môn thiên: Môn là cửa, Thiên là là yên lặng suy tưởng. Môn thiên hay Thiên môn, dịch là cửa Thiên, chỉ cái cửa thờ Phật làm nơi tu hành. Ở đây, môn thiên là chỉ Thánh Thất để thờ cúng Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng. Rạng: Làm cho sáng.

C.1: Đức Chí Tôn đi xe xuống, tỏa hào quang chiếu sáng Thánh Thất.

Câu 2: Đệ tử mừng nay hữu huệ duyên.

Đệ tử: Học trò. Trong Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn xưng mình là Thầy, gọi các tín đồ là môn đệ, và các tín đồ xưng là Đệ tử.

Hữu: Có. **Huệ duyên:** Huệ là ơn, duyên là mối dây ràng buộc đã được định sẵn. Huệ duyên là cái duyên được hưởng ơn huệ.

C.2: Chúng con là học trò của Thầy, ngày nay vui mừng có được cái duyên hưởng ơn huệ của Thầy ban cho.

Câu 3: Năm sắc hoa tươi xin kính lễ.

Kính lễ: Dâng phẩm vật lên để tỏ lòng kính trọng.

Năm sắc hoa tươi: tượng trưng cho Ngũ Tạng và Ngũ Quan của thân thể con người, tương ứng với Ngũ Hành kể ra như sau đây:

NGŨ TẠNG:	NGŨ QUAN:	NGŨ HÀNH:
Tâm (tim)	Lưỡi	Hỏa: màu đỏ.
Can (gan)	Mắt	Mộc: màu xanh.
Tỳ (lá lách)	Miệng	Thổ: màu vàng.
Phế (phổi)	Mũi	Kim: màu trắng.
Thận (thận)	Tai	Thủy: màu đen.

Khi dâng Năm sắc Hoa tươi lên cúng Đức Chí Tôn, cũng nên chọn 5 màu hoa tương ứng với Ngũ Hành. Các hoa màu Vàng, Xanh, Đỏ, Trắng thì dễ tìm, còn hoa màu đen thì không có,

nên có thể chọn hoa màu tím sậm hay đỏ sậm.

Năm sắc Hoa tươi này tượng trưng cho Ngũ quan Ngũ tạng của con người tức là tượng trưng Xác thân con người.

C.3: *Kính dâng lên Năm sắc Hoa tươi để tỏ lòng kính trọng.*

Câu 4: *Cúi mong Thượng Đế rưới ân T
hiên.*

Thượng Đế: Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, ngày nay gọi là Đấng Cao Đài. **Ân Thiên:** Ông Trời.

C.4: *Cúi lạy Đức Chí Tôn, mong Đức Chí Tôn chan rưới ơn lành.*

CHÚ Ý: Khi cúng Đức Phật Mẫu, thài tới câu kinh này thì đổi chữ “Thượng Đế” thành chữ “Phật Mẫu”: *Cúi mong Phật Mẫu rưới ân Thiên.*

Dùng Hoa tượng trưng cho TINH là Thể xác, trùng hợp với sự tích Na Tra nhập xác bông sen tức là Thân thể của Na Tra được tạo bằng bông sen trong Truyện Phong Thần.

Để cứu cha mẹ khỏi bị Ngao Quảng bắt trói hành tội, Na Tra phải tự chặt tay, lóc thịt, mổ bụng chết trước mặt Ngao Quảng Long Vương, đền cho cái tội giết chết Ngao Bính và Lý Lương lúc nọ.

Hồn Na Tra đêm ấy báo mộng cho mẹ, xin mẹ lập cho một cái miếu tại núi Túy Bình để nhờ hương khói của bá tánh cúng cho linh hồn được mau cứng cáp. Bà mẹ liền lén chồng (cha của Na Tra là Lý Tịnh) lên cốt lập miếu cho Na Tra tại núi Túy Bình, đúng theo lời cầu xin. Được nửa năm, một hôm tình cờ Lý Tịnh kéo quân qua đó, thấy thiên hạ đến miếu dâng hương rất đông, vì Ông Thần thờ nơi miếu rất linh, ai cầu chi được nấy. Lý Tịnh liền vào xem thử, thấy cốt tượng trên bàn thờ là Na Tra, thì nổi giận, cho rằng Na Tra đã chết rồi mà còn muốn khuấy phá dân chúng, nên Ông đập tượng cho gãy nát và nổi lửa đốt miếu cháy tiêu.

Hồn Na Tra không còn nơi nương tựa, nên bay về Động Thái Ất để kêu oan với Thầy. Ông Thái Ất bèn gọi Kim Hà đồng

tử đi hái 2 cái bông sen và 3 lá sen còn nguyên cọng. Thái Ất liền bẻ 360 khúc cọng sen làm xương, lấy các cánh bông sen đập lên làm thịt, đắp phủ bên ngoài 3 lá sen làm da, để một hột linh đơn vào giữa, rồi họa phù niệm chú, bắt vía trâu hỗn Na Tra, xô nhập vào hình sen rồi hét lớn: Na Tra chưa sống lại còn đợi chừng nào?

Xây nghe một tiếng ư, một người hiện ra từ hình sen trở dậy, mặt như đôi phấn, môi tợ thoa son, con mắt có ngôi, cao lớn đẹp đẽ, ấy là Na Tra nhập xác bông sen đó.

Nhắc lại câu cầu nguyện khi Dâng Hoa: “Con xin dâng mảnh hình hài của con cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.”

Kinh Cúng Tứ Thời: Bài Dâng Rượu

BÀI DÂNG RƯỢU

(Thài theo giọng Đảo Ngũ Cung)

1. Thiên ân huệ chiếu giáng thiên minh,
2. Thành kính Trường Xuân chúc tửu qỳnh.
3. Lạc hứng khẩu cung giai miễn lễ,
4. Thoát tai bá tánh nguỡng ân sinh.

(Lạy 1 lạy 4 gật, mỗi gật niệm Câu Chú của Thầy).

天 恩 惠 照 降 禪 明
誠 敬 長 春 酌 酒 瓊
樂 興 叩 恭 皆 勉 禮
脫 災 百 姓 仰 恩 生

GIẢI NGHĨA

Câu 1: *Thiên ân huệ chiếu giáng thiên minh.*

Thiên ân: Ông Trời, chỉ Đức Chí Tôn. **Huệ:** Ông, làm ơn.

Chiếu: Soi sáng, ban bố. **Huệ chiếu:** Đức Chí Tôn ban bố ơn huệ. **Giáng:** Đi xuống. **Thiên:** Yên lặng suy nghĩ, thường nói

Thiên môn, chỉ ngôi chùa. **Minh:** Sáng. Thiên minh là yên lặng suy nghĩ cho trí não mở mang sáng suốt. Ở đây, Thiên minh là chỉ Thánh Thất thờ Đức Chí Tôn.

C.1: *Xin Đức Chí Tôn ban bố ơn huệ, giảng xuống Thánh Thất.*

Câu 2: *Thành kính Trường Xuân chước tửu quỳnh.*

Thành kính: Thành thật kính trọng.

Trường Xuân: Mùa Xuân lâu dài, mùa Xuân trường cửu. Đối với dân chúng thì chúc nhau: Sống lâu trăm tuổi. Đối với hàng Đại quan thì chúc nhau Thiên tuế (Ngàn năm), Đối với vua thì chúc là Vạn tuế (Muôn năm). Cho nên đối với Đức Chí Tôn thì dùng chữ Trường Xuân. Vậy Trường Xuân là chỉ Đức Chí Tôn.

Chước tửu: Rót rượu. **Quỳnh:** Một thứ ngọc màu đỏ, thường được các vua chúa cho thợ đẽo gọt làm thành cái chung nhỏ để uống rượu, làm tăng thêm mùi vị thơm ngon của rượu.

C.2: *Thành thật kính trọng Đức Chí Tôn, xin rót chung rượu quý dâng lên.*

Cúng Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng, chúng ta thường dùng Rượu trắng (Bạch tửu), nên chọn loại rượu tốt, có màu trong suốt, thơm ngon.

Câu 3: *Lạc hứng khấu cung giai miễn lễ.*

Lạc: Vui vẻ. **Hứng:** Cảm thấy phấn chấn trong lòng.

Khấu: Lạy, cúi đầu sát xuống đất. **Cung:** Thân mình.

Khấu cung: Cúi mình lạy xuống.

Giai: Đều, cùng. **Miên:** Gắng sức, cố gắng.

Lễ: Làm lễ, lạy xuống để tỏ lòng kính trọng.

C.3: *Vui vẻ hân hoan cung kính cúi đầu lạy xuống, đều gắng sức làm lễ.*

Câu 4: *Thoát tai bá tánh ngưỡng ân sinh:*

Thoát: Tránh khỏi. **Tai:** Điều hại lớn, tai họa.

Bá tánh: còn đọc là Bách tính, bá là trăm (100), tánh là họ.

Bá tánh là trăm họ, chỉ số đông dân chúng, cũng chỉ toàn thể Nhơn sanh.

Ngưỡng: Ngửa mặt trông lên với lòng kính trọng và yêu mến.

Ân sinh: Ôn để được sống, hưởng ơn huệ để được sống còn.

C.4: *Cầu xin cho Nhơn sanh thoát khỏi tai họa và hưởng được ơn huệ sống còn.*

Dùng Rượu tượng trưng cho KHÍ là Chơn thần, rất có ý nghĩa về phương diện khoa học.

Chơn thần ở thể Khí, tức thể Hơi, do Thể xác bốc ra và lấy hình ảnh của Thể xác y như khuôn in rập.

Còn Rượu là do sự chưng cất, hơi rượu bay lên gặp lạnh đông lại mà thành. Muốn có rượu trắng, người ta dùng gạo hay nếp, ủ cho lên men rượu, nấu cho rượu bốc hơi, rồi dùng nước lạnh ngưng tụ hơi rượu lại thì được rượu. Do đó, Rượu rất dễ bay hơi, dễ biến thành chất khí.

Như thế, Rượu và Chơn thần có một sự tương đồng về thể, nên việc dùng Rượu trắng tượng trưng Chơn thần là một điều rất hợp khoa học.

Khi thái xong Bài Dâng Rượu, chúng ta nhớ chấp 2 tay đưa lên trán cầu nguyện: “Con xin dâng Chơn thần của con lên cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

Kinh Cúng Tứ Thời: Bài Dâng Trà

BÀI DÂNG TRÀ

(Thái theo giọng Đảo Ngũ Cung)

1. Mai xuân nguyệt cúc vị trà hương,
2. Kính lễ thành tâm hiến bửu tương.
3. Ngưỡng vọng Từ Bi gia tế phước,
4. Khai minh Đại Đạo hộ thanh bường.

(Lạy 1 lạy 4 gát, mỗi gát niệm Câu Chú của Thầy).

梅 春 月 菊 味 茶 香
 敬 禮 成 心 獻 寶 漿
 仰 望 慈 悲 加 濟 福
 開 明 大 道 護 清 平

GIẢI NGHĨA

Câu 1: Mai xuân nguyệt cúc vị trà hương.

Mai xuân: Hoa mai vào mùa Xuân. **Nguyệt cúc:** Hoa cúc vào mùa Thu. Do chữ: Cúc nguyệt, là tháng 8 âm lịch, thuộc mùa Thu, vì vào tháng 8 này, hoa cúc tới mùa nở rộ.

Nói về Hoa thì mỗi mùa trong năm có một thứ hoa đặc trưng. Mùa Xuân thì có hoa mai, mùa Hạ thì có hoa sen, mùa Thu thì có hoa cúc, mùa Đông thì có hoa đào.

Vị: Cái cảm giác do lưỡi khi nếm cho biết. **Hương:** Mùi thơm. Vị trà hương: Mùi vị thơm ngon của trà.

C.4: *Mùi vị thơm ngon của trà như hoa mai mùa Xuân, hoa cúc mùa Thu.*

Câu 2: Kính lễ thành tâm hiến bửu tương.

Kính lễ: Dâng phẩm vật lên để tỏ lòng kính trọng.

Thành tâm: Lòng thành thật. **Hiến:** Dâng lên. **Bửu:** Quý báu.

Tương: Chất nước để uống. **Bửu tương:** Nước trà quý.

C.2: *Lòng thành thật kính dâng lễ vật là chung trà quý.*

Câu 3: Ngưỡng vọng Từ Bi gia tế phúc.

Ngưỡng: Ngửa mặt trông lên với lòng kính trọng và yêu mến.

Vọng: Trông mong. **Ngưỡng vọng:** Trông chờ, mong mỏi một cách thành kính.

Từ Bi: chỉ Đức Chí Tôn. (Xem lại Câu 1 BDH). **Gia:** Thêm.

Tế: Cứu giúp. **Phúc:** Điều may mắn tốt lành.

C.3: *Thành kính trông mong Đức Chí Tôn cứu giúp và ban thêm phúc lành.*

Câu 4: Khai minh Đại Đạo hộ thanh bường.

Khai: Mở ra. **Minh:** Sáng. **Khai minh:** Mở ra cho sáng. **Đại Đạo:** Nền Đạo lớn, đó là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là Đạo Cao Đài. **Hộ:** Giữ gìn, che chở.

Thanh bường: do chữ Thanh bình nói trại ra cho đúng vận thơ. Thanh bình là cảnh dân chúng sống bình yên an lạc.

C.4: *Khai minh nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ của Đức Chí Tôn để gìn giữ thái bình và an lạc cho nhơn sanh.*

Đạo Cao Đài là Đại Đạo và xứng đáng là một nền Đại Đạo, vì 3 yếu tố chánh sau đây:

– Thứ nhất, Giáo chủ Đạo Cao Đài là Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, là Đấng lớn nhất, được tôn kính nhất, quyền pháp nhất trong CKVT này. Đấng ấy là vua của Nhứt Nguyệt Tinh, là chủ của chư Thần Thánh Tiên Phật, là Đại Từ Phụ của toàn cả chúng sanh.

– Thứ nhì, Giáo lý của Đạo Cao Đài là nguyên căn Giáo lý của các tôn giáo, nên nó dung hợp được các Giáo lý của Tam giáo và Ngũ Chi. Cho nên Đạo Cao Đài sẽ thành công trong việc qui nguyên Tam giáo và hiệp nhứt Ngũ Chi.

– Thứ ba, Đạo Cao Đài có nhiệm vụ tận độ 92 ức Nguyên nhân và phổ độ chúng sanh trong thời gian Thất ức niên (700 000 năm), một thời gian rất dài nơi cõi trần, mà không có một tôn giáo nào trước đây có thời gian phổ độ lâu dài như thế.

Trà tượng trưng THẦN, tức Chơn linh hay Linh hồn.

Khi thái xong Bài Dâng Trà, chúng ta nhớ câu nguyện: “*Con xin dâng Linh hồn của con cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.*”

Dâng Trà là dâng Bửu thứ 3 rồi chấm hết, chúng ta nên câu nguyện dâng luôn cả Thể xác, Chơn thần và Linh hồn của con cho Đức Chí Tôn tùy phương sử dụng.”

Kinh Cúng Tứ Thời: Ngũ Nguyên**NGŨ NGUYỆN***(Giọng Nam xuân)**Nam mô:***Nhứt nguyện:** Đại Đạo hoàng khai,**Nhì nguyện:** Phổ Độ chúng sanh,**Tam nguyện:** Xá tội đệ tử,**Tứ nguyện:** Thiên hạ thái bình,**Ngũ nguyện:** Thánh Thất an ninh.*(Lạy 3 lạy, mỗi lạy 4 gát, mỗi gát niệm Câu Chú của Thầy).*

五 願
南 無
一 願 大 道 弘 開
二 願 普 度 眾 生
三 願 赦 罪 弟 子
四 願 天 下 太 平
五 願 聖 室 安 寧

GIẢI NGHĨA**Ngũ Nguyên:** Ngũ là 5, cũng có nghĩa là thứ 5. Cho nên từ ngữ Ngũ Nguyên có 2 nghĩa:

- Ngũ Nguyên là 5 câu cầu nguyện, 5 điều nguyện.
- Ngũ Nguyên là câu nguyện thứ 5, điều nguyện thứ 5.
- Chúng ta nên lưu ý rằng:
- **2 câu Nguyện đầu**, chữ Nguyên có nghĩa là: Mong muốn và quyết tâm thực hiện.
- **3 câu Nguyện sau**, chữ Nguyên có nghĩa là: Cầu nguyện, cầu xin Đức Chí Tôn ban cho.

Nam mô: do tiếng Phạn là Namah phiên âm ra, có nghĩa là: Qui y, qui mạng, chí tâm hướng, tức là quyết chí vâng theo lời Phật dạy, nguyện hiến trọn đời mình cho Đạo pháp. Về sau, từ ngữ Nam mô thường dùng làm tiếng khởi đầu cho câu cầu nguyện.

Câu 1-2: **Nhứt nguyện Đại Đạo hoàng khai.**
Nhì nguyện Phổ Độ chúng sanh.

Nhứt nguyện: Điều nguyện thứ nhứt, tức là Điều thứ nhứt mà con mong muốn và quyết tâm thực hiện là: ...**Đại Đạo:** Nền Đạo lớn, đó là ĐĐTKPĐ tức là Đạo Cao Đài.**Hoàng:** Rộng lớn. **Hoàng khai:** Mở rộng ra.**Nhì nguyện:** Nhì nguyện, Điều nguyện thứ hai, tức là Điều thứ nhì mà con mong muốn và quyết tâm thực hiện là...**Phổ Độ:** Phổ là bày ra khắp nơi, độ là cứu giúp. Phổ Độ là cứu giúp chúng sanh khắp nơi. **Chúng sanh:** Tất cả các loài sanh vật gồm: Thảo mộc, Thú cầm và Nhơn loại.

Trong nghĩa hẹp, chúng sanh là nhơn loại.

Câu nguyện thứ nhứt, chúng ta phải hiểu theo lối đảo ngữ thì mới phù hợp với câu nguyện thứ 2:

– Nhứt Nguyên: Hoàng khai Đại Đạo,

– Nhì Nguyên: Phổ độ chúng sanh.

Điều Nguyện thứ nhứt: Con mong muốn và quyết tâm hoàng khai nền Đại Đạo.**Điều Nguyện thứ hai:** Con mong muốn và quyết tâm phổ độ chúng sanh.

“Đức Khổng Tử có nói rằng: “Nhân năng hoàng Đạo, phi Đạo hoàng nhân.” Nghĩa là: Người có thể mở rộng Đạo, Đạo không mở rộng người.

Người thì có cái biết mà Đạo thì vô vi. Nhờ cái biết mà người mới làm cho Đạo rộng lớn ra, chớ Đạo tự nó không làm cho người rộng lớn ra được. Bởi vì Đạo lập thành cái cùng cực của người, mà người là cái khí cụ của Đạo, cho nên Đạo và người không lìa bỏ nhau được. Người phải dụng lực làm cho cái Đạo

sáng rõ ra. Nếu người không dụng lực, cứ muốn để cho cái Đạo tự nhiên làm cho người ta lên đến chỗ cao minh quảng đại thì không có bao giờ.” (Theo Nho giáo của Trần trọng Kim)

▪ Muốn hoàng khai nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn, chúng ta phải làm sao?

Thiền nghĩ, chúng ta phải thuyết đạo, viết sách báo truyền bá và xiển dương Giáo lý, Triết lý của Đại Đạo, rồi dùng các phương tiện truyền thông đại chúng phổ biến rộng ra như: Báo chí, Truyền thanh, Truyền hình, Băng từ, để cho mọi người đều biết nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn, rồi truyền bá từ trong nước ra khắp các nước ngoại quốc, đủ các sắc dân.

▪ Muốn Phổ Độ chúng sanh, phải làm sao?

Sự cứu độ phải có 2 mặt: Cứu độ phần xác và cứu độ phần hồn.

– **Cứu độ phần xác** là khi thấy người ta đói thì phải giúp ngay lương thực để cứu đói; khi thấy người ta bệnh hoạn thì phải giúp thuốc men để cứu bệnh; khi thấy người ta rách rưới nghèo nàn thì phải giúp áo quần, mền chiếu; khi thấy người ta thất vọng đau khổ thì phải đến an ủi khuyên lơn, vv.

– **Cứu độ phần hồn** là phải gieo vào lòng họ một tín ngưỡng chơn chánh, tin tưởng có Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu là 2 Đấng Cha Mẹ chung thiêng liêng của toàn chúng sanh, tin tưởng mỗi người đều có một Linh hồn bất diệt do Đức Chí Tôn ban cho, tin tưởng có Luân hồi quả báo để lo làm lành lánh dữ, tu thân, lập đức bồi công, giải quả tiền khiên, tiêu trừ nghiệp chướng, để sau khi chết, Linh hồn nhẹ nhàng siêu thăng lên cõi Thiêng liêng Hằng sống. Ngoài ra còn phải lo làm Đám tang cho người chết, giúp đỡ tang gia trong công việc tảo liệm, tế lễ và an táng, lo cầu siêu, tụng kinh cầu nguyện cho linh hồn người chết được siêu thăng.

Câu 3: Tam nguyên xá tội đệ tử.

Tam nguyên: Điều cầu nguyện thứ 3, tức là điều thứ 3 mà con mong muốn cầu xin là: **Xá tội:** Tha tội, không trách phạt nữa.

Đệ tử: Học trò. Đức Chí Tôn giảng cơ dạy Đạo, xưng mình là

Thầy, gọi các tín đồ là môn đệ, và các tín đồ xưng mình là Đệ tử.

C.3: Điều nguyện thứ 3, con cầu xin Đức Chí Tôn tha tội cho con.

Làm người nơi cõi trần, mang nặng xác thịt với Thất tình Lục dục, nên không thể tránh được những lầm lỗi trong kiếp sống. Điều quan trọng là phải biết suy nghĩ, và luôn luôn tự xét mình, nhận thấy có lỗi thì ăn năn hối cải, quyết không tái phạm nữa. Lúc đó, Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng sẵn sàng tha thứ các tội đã qua của mình.

Câu 4: Tứ nguyên thiên hạ thái bình.

Tứ nguyên: Điều cầu nguyện thứ 4, tức là điều thứ 4 mà con mong muốn cầu xin là... **Thiên hạ:** Dưới Trời, chỉ Nhơn loại. Thiên thượng là Ông Trời ở bên trên, Thiên hạ là Nhơn loại ở bên dưới. Con người đứng giữa Trời và Đất, thuộc hàng Tam Tài, được gọi là Tiểu Thiên Địa, cho nên nếu con người biết lo tu hành thì sẽ tấn hóa lên hàng Tiên Phật.

Thái bình: Thái là rất, bình là yên ổn. Thái bình là rất yên ổn, không có loạn lạc hay giặc giã xảy ra.

C.4: Điều nguyện thứ 4, con cầu xin cho tất cả mọi người trên cõi trần được sống yên ổn hòa bình.

Câu 5: Ngũ nguyện Thánh Thất an ninh.

Ngũ nguyện: Điều cầu nguyện thứ 5. **An ninh:** Yên ổn và trật tự, các sinh hoạt đều hòa hợp tốt đẹp.

Thánh Thất: Nghĩa thông thường, Thánh Thất là cái nhà thờ Đức Chí Tôn và các Đấng Thần Thánh Tiên Phật.

Nếu chúng ta hiểu nghĩa chữ “Thánh Thất” vồn vẹn như trên thì điều cầu nguyện thứ 5 của chúng ta có phần hẹp hòi ích kỷ. Và lại khi cúng Đức Phật Mẫu nơi Điện Thờ Phật Mẫu, chúng ta vẫn đọc câu Ngũ nguyện nầy là: “Ngũ nguyện Thánh Thất an ninh.”, chớ Hội Thánh đâu có sửa lại là: “Ngũ nguyện Điện Thờ an ninh.”!

Điều đó chứng tỏ rằng, chúng ta cần phải hiểu nghĩa chữ “Thánh Thất” một cách rộng rãi bao quát hơn nữa.

Bởi vì Thánh Thất gồm 3 Đài: Bát Quái Đài, Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài, trong đó bao gồm toàn cả Càn Khôn Vũ Trụ và Vạn linh. Do đó, chúng ta phải hiểu Thánh Thất là toàn cả, từ cái thật nhỏ cho đến cái thật lớn, cái nhỏ là bản thân con người, cái lớn là toàn thể vũ trụ, bao gồm Thượng Đế và Vạn linh.

Bản thân của mỗi người chúng ta cần phải an ninh. Chúng ta đang tiến bước trên đường tu, chúng ta hằng hoài vọng an ninh hơn ai hết. Nếu chúng ta sa vào tửu nhục thì lục phủ ngũ tạng đều mất an ninh, nếu mê đắm vào sắc dục thì thân thể mất an ninh.

Càn Khôn Vũ Trụ cần phải được an ninh để vận chuyển điều hòa trật tự.

Đức Chí Tôn nắm quyền pháp để vận chuyển các quả Địa cầu, Nhật, Nguyệt, Tinh, quay vòng tròn, lên xuống qua lại nhịp nhàng ăn khớp nhau, không bao giờ va chạm. Nếu Vũ Trụ mất an ninh thì sẽ có một cuộc sụp đổ vĩ đại, một cuộc đại tận thế sẽ xảy đến cho CKVT.

Vạn linh cũng cần được an ninh để tiến hóa điều hòa tốt đẹp trên con đường đi đến tận thiện tận mỹ, trở về hiệp nhập vào Khối Đại Linh quang của Chí Tôn Thượng Đế.

Hội Thánh cũng cần được an ninh, điều hòa trật tự thì mới có thể phát triển nền Đạo, thực hiện nhiệm vụ cao quý tận độ chúng sanh, chuyển đời Hạ Nguơn điêu tàn sang đời Thượng Nguơn Thánh đức.

Như vậy, an ninh là nhu cầu thiết yếu cho mọi người, mọi giới, mọi lãnh vực.

C.5: *Điều nguyện thứ 5, con cầu xin cho tất cả, từ CKVT đến con người, cầu xin cho Hội Thánh, đều được an ninh, điều hòa trật tự, tiến hóa tốt đẹp.*

Chúng ta cũng cần tìm hiểu, Tại sao Đức Chí Tôn ban cho chúng ta 5 Câu Nguyện, mà không phải là 4 Câu hay 6 Câu Nguyện?

Bởi vì với 5 Câu Nguyện này, Đức Chí Tôn có ý dạy chúng ta

thực hành trọn vẹn Tam Lập: Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn. Trong Lập Công có: Công phu, Công quả, Công trình.

▪ **Nhứt nguyện Đại Đạo hoàng khai:** Muốn hoàng khai nền Đại Đạo thì phải thuyết giảng giáo lý, viết kinh sách, báo chí, truyền bá cho mọi người biết nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn để nhơn sanh giác ngộ tu hành. Đó là Lập Ngôn.

▪ **Nhì nguyện Phổ Độ chúng sanh:** Đó là Công quả.

▪ **Tam nguyện Xá tội đệ tử:** Muốn được Đức Chí Tôn xá tội thì chúng ta phải lập hạnh giữ gìn giới luật tu hành một cách nghiêm chỉnh để chúng ta không gây thêm ra tội lỗi mới. Đó là Công trình.

▪ **Tứ nguyện Thiên hạ thái bình:** Chúng ta phải cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng liêng ban ơn huệ cho thế giới được hòa bình, nhơn sanh an lạc. Đó là Công phu.

▪ **Ngũ nguyện Thánh Thất an ninh:** Muốn được an ninh, chúng ta phải hành động thế nào cho hợp lòng người, thuận Đạo Trời, để nương theo đó mà đồng tiến hóa cùng Vạn linh trong CKVT. Đó là Lập Đức.

Mỗi ngày, chúng ta cúng Đức Chí Tôn, chúng ta đều đọc 5 lời nguyện, là để chúng ta luôn luôn ghi nhớ mà thực hành hằng ngày, để linh hồn chúng ta càng lúc càng tiến hóa, chớ không phải đọc suông, xong thời cúng thì quên hết, như thế chẳng hữu ích gì cho một thời cúng của chúng ta.

PHẬT MẪU CHƠN KINH

- Nguồn gốc bài Phật Mẫu Chơn Kinh.
- Điện Thờ Phật Mẫu thờ Ngôi Âm.
- Giải nghĩa Phật Mẫu Chơn Kinh
- Giải nghĩa chi tiết PHẬT MẪU CHƠN KINH
- TÓM TẮT GIẢI NGHĨA PHẬT MẪU CHƠN KINH

PHẬT MẪU CHƠN KINH**佛母真經****I. Nguồn gốc bài Phật Mẫu Chơn Kinh.**

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo, thích nghĩa và nói rõ nguồn gốc bài Phật Mẫu Chơn Kinh tại Cửu Long Đài trước Báo Ân Từ lúc 4 giờ chiều ngày 15-8-Đinh Hợi (1947), có in trong quyển Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, Quyển 1 trang 64, xin trích ra sau đây:

«Ngày nay là ngày Đại lễ Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Bản đạo tưởng cả thầy toàn Đạo nên biết quyền hành của Phật Mẫu như thế nào? Và tại sao chúng ta thờ Người?»

Muốn biết quyền hành ấy, Bản đạo phải thuyết minh và giải nghĩa bài Kinh Đức Phật Mẫu mà chúng ta thường tụng niệm hằng ngày đó.

Trước khi giải nghĩa, Bản đạo cũng nên nói rõ ai đến cho bài Kinh ấy? Cho hỏi nào? Và tại nơi đâu?

Kinh Đức Phật Mẫu cho tại Kim Biên Tông Đạo (Cao Miên quốc), nơi Báo Ân Đường của hai vợ chồng Thừa Sứ Huỳnh hữu Lợi.

Lúc trước chưa có Kinh Phật Mẫu, chúng ta chỉ biết Phật Mẫu đến Hiệp Thiên Đài khai Đạo Cao Đài, nhờ thi phú văn tự của Cửu Vị Tiên Nương cho biết nguyên do đến Khai Đạo, chớ chúng ta chưa biết quyền hành của Người.

Nơi Kim Biên, cả Chức sắc Hội Thánh Ngoại Giáo đều cầu kinh, khiến khi đó Bản đạo đến nhằm lúc cúng Vía Phật Mẫu.

(tức là ngày 15 tháng 8 năm.....?)

Bát Nương đến cầm cơ viết, chính mình Bản đạo phò loan nơi Đại Điện. Có nhiều người làm chứng, có chư Đạo hữu và một người không biết Đạo là gì là Ông Hiếu (kêu Bản đạo bằng Chú) ngồi trước sân chơi, thấy tứ phía đều có hào quang giáng hạ, xẹt xuống rất ngay Báo Ân Đường. Tới chừng cho trọn bài Kinh rồi, cả thầy đều nói lại, không biết cái gì xẹt khi nãy như sao xẹt qua xẹt lại vậy, không dè trong nhà đương phò loan. Có cháu của Bản đạo và nhiều Đạo hữu ở ngoài đều làm chứng quả quyết như vậy.»

II. Điện Thờ Phật Mẫu thờ Ngôi Âm.

Từ trước đến nay, các nền tôn giáo mở ra trên thế giới đều chỉ biết thờ Ngôi Dương: Như Phật giáo thờ Đức Phật Thích Ca, Tiên giáo thờ Đức Thái Thượng Lão Quân, Nho giáo thờ Đức Khổng Tử, Thiên Chúa giáo và Đạo Tin Lành thờ Đức Chúa Jesus Christ.

Không có một tôn giáo nào biết thờ Ngôi Âm. Chỉ có Thiên Chúa giáo có thờ Đức Mẹ Maria, Mẹ của Đức Chúa Jesus, nhưng chưa phải là thờ Ngôi Âm.

Chúng ta đã biết, trong CKVT này, không phải chỉ có Ngôi Dương, mà luôn luôn phải có Ngôi Âm đi kèm theo, thì mới có đủ 2 yếu tố Âm Dương để tạo thành cơ sanh hóa. Một Dương không thể sanh, một Âm cũng không sanh, phải có đủ cả Âm Dương mới sanh hóa được.

Theo Thánh giáo của Đức Chí Tôn, khởi thủy của CKVT là Hư Vô chi Khí (tức là ĐẠO). Khí Hư Vô mới sanh ra một Đấng duy nhất là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, và ngôi của Ngài là Thái Cực (tức là khối Đại Linh Quang). Đức Chí Tôn mới phân Thái Cực ra Lương Nghi: Dương quang và Âm quang. Đức Chí Tôn chưởng quản Dương quang. Đức Chí Tôn hóa thân ra làm một Đấng khác gọi là Phật Mẫu để chưởng quản khí Âm quang.

Như vậy, nguồn gốc của Phật Mẫu là Đức Chí Tôn, và Đức

Phật Mẫu chỉ là một hóa thân của Đức Chí Tôn.

Sau đó, Đức Phật Mẫu thân lần Sanh quang của ngôi Thái Cực, rồi đem Dương quang phối hợp với Âm quang để tạo thành CKVT và vạn vật. Do đó, Đức Phật Mẫu mới thực sự là Đấng Tạo Hóa. Nhiệm vụ này có được là do Đức Chí Tôn ban cho.

“Theo Bí pháp chơn truyền của Cơ Sanh hóa, phải có đủ Âm Dương. Trong Sanh quang, chúng ta có điện quang Positif (dương) và Négatif (âm), cũng như vạn vật có trống mái. Nên tôn giáo nào có đủ Âm Dương thì mới vĩnh cửu.

Như Đức Chúa Jésus ngày trước bị đóng đinh trên cây Thánh giá, đầu thuận lên trên gọi là đật Dương. Ông Thánh Pierre là đệ nhứt tông đồ bị đóng đinh trở ngược xuống, gọi là phần Âm. Âm Dương tương hiệp đúng theo Bí pháp, nên Đạo Thánh lưu truyền 2000 năm, không ai dùng quyền gì tiêu diệt đặng. Thời kỳ này, Đức Phật Mẫu đã xuất nguyên linh của Người đến đây dạy dỗ chúng ta thì tưởng điều ấy trọng yếu hơn hết. Khi mở Đạo Cao Đài, Chí Tôn định cho Phật Mẫu đến giáo đạo cho chúng ta, bảo trọng nuôi nấng, dạy dỗ chúng ta, thì không có ân đức nào bằng, vì không ai biết thương con hơn MẸ. Phật Mẫu đến cầm quyền lập Đạo xong, rồi giao lại cho Đức Chí Tôn.

Phật Mẫu là Chủ Âm quang, Chí Tôn là Chủ Dương quang. Âm Dương tương hiệp, Đạo Cao Đài nương theo năng lực của hai khối Âm Dương đó. Đối với năng lực tạo đoan Càn Khôn Thế Giới thế nào thì Đạo Cao Đài ngày kia sẽ có năng lực như thế đó.” (Trích Thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, Quyển 1 trang 70).

Việc Đạo Cao Đài thờ Hai Ngôi: Ngôi Dương là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế và Ngôi Âm là Đức Điều Trì Kim Mẫu, với đầy đủ kinh kệ và nghi tiết, là một hình thức vô cùng mới mẻ về phương diện Giáo lý và Triết lý mà các nền tôn giáo trước đây chưa từng có.

Do đó, Đạo Cao Đài xứng đáng là một nền Tân Tôn giáo và

là một nền Đại Đạo.

- Tòa Thánh và các Thánh Thất dùng để thờ Ngôi Dương là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.
- Điện Thờ Phật Mẫu dùng để thờ Ngôi Âm là Đức Phật Mẫu hay Đức Điều Trì Kim Mẫu.

Hai ngày lễ vía Hai Đấng ấy hằng năm là 2 ngày Đại Lễ chánh thức lớn nhứt của Đạo Cao Đài. Đó là:

- Ngày 9 tháng Giêng âm: Vía Đức Chí Tôn.
- Ngày 15 tháng 8 âm: Vía Đức Phật Mẫu.

Quyền hành và nhiệm vụ của Đức Phật Mẫu được Bát Nương cho biết rõ trong bài Phật Mẫu Chơn Kinh.

III. Giải nghĩa Phật Mẫu Chơn Kinh:

Đức Phạm Hộ Pháp có giải nghĩa bài PMCK một cách tổng quát khi Ngài thuyết đạo tại Cửu Long Đài trước Báo Ân Từ nhân ngày Đại Lễ Vía Đức Phật Mẫu vào lúc 4 giờ chiều ngày 15-8-Đinh Hợi (1947). Bài thích nghĩa này có in trong quyển Thuyết Đạo Đức Hộ Pháp, quyển 1 trang 64.

(Soạn giả căn cứ vào bài giải nghĩa này của Đức Phạm Hộ Pháp để giải rộng thêm chi tiết từng chữ và từng câu kinh cho dễ hiểu. Ngoài ra, soạn giả có viết thêm phần chữ Hán để xác định từ ngữ. Đây là bản phiên dịch Hán văn đầu tiên, chắc không tránh khỏi sai sót, kính mong quý vị góp ý sửa chữa).

IV. Giải Nghĩa chi tiết PHẬT MẪU CHƠN KINH

PHẬT MẪU CHƠN KINH

(Giọng Nam xuân)

1. Tạo Hóa Thiên huyền vi Thiên Hậu,
2. Chưởng Kim Bàn Phật Mẫu Điều Trì.
3. Sanh quang dưỡng dục quần nhi,
4. Chơn linh phối nhứt thân vi Thánh hình.

造化天玄微天后
掌金盤佛母瑤池
生光養育群兒
眞靈配一身為聖形

GIẢI NGHĨA

***PHẬT MẪU:** Đức Phật Mẫu là Bà Mẹ thiêng liêng chung cho cả Vạn linh trong CKVT, tức là Bà Mẹ thiêng liêng chung cho cả chúng sanh nơi cõi trần.

Theo Luật Tam Thể Xác Thân, chúng ta biết rằng, mỗi con người nơi cõi phàm trần đều có 3 thể:

- **Đệ nhứt xác thân** là xác thân phàm, do tinh huyết của cha mẹ phàm trần tạo nên và được nuôi dưỡng bằng vật chất phàm trần.
- **Đệ nhị xác thân** là Chơn thân, tức là xác thân thiêng liêng do Đức Phật Mẫu dùng 2 nguyên khí Âm quang và Dương quang chứa trong Kim Bàn nơi Điều Trì Cung tạo thành, cho nên mới gọi Đức Phật Mẫu là Đại Từ Mẫu.
- **Thể thứ ba** là Chơn linh, hay Linh hồn, là điểm Linh quang của Đức Chí Tôn ban cho, nên mới gọi Đức Chí Tôn là Đại Từ Phụ.

Đức Phật Mẫu được nơn loại gọi bằng nhiều danh từ khác nhau, tùy theo tôn giáo và địa phương.

Ở Trung Hoa và Việt Nam, Đức Phật Mẫu được gọi bằng các danh từ, kể ra sau đây:

- Điều Trì Kim Mẫu - Thiên Hậu
- Kim Bàn Phật Mẫu - Mẫu Hậu
- Phật Mẫu Điều Trì - Địa Mẫu
- Cửu Thiên Huyền Nữ - Đức Mẹ Thiêng liêng
- Cửu Thiên Nương Nương - Mẫu Nghi
- Tây Vương Mẫu - Mẹ Sanh.

Hiện nay, tại Tòa Thánh Tây Ninh, Hội Thánh chưa xây dựng Điện thờ Phật Mẫu chánh thức ở Trung Ương, còn thờ tạm Đức Phật Mẫu nơi Báo Ân Từ.

Trong Báo Ân Từ, Đức Phạm Hộ Pháp dạy đắp tượng Đức Phật Mẫu lấy theo sự tích Hồn Vô Để cung nghinh Đức Phật Mẫu như sau:

1. Trên hết là chơn dung của Phật Mẫu cõi Thanh loan. (Thanh loan là con chim loan màu xanh đặc biệt của Đức Phật Mẫu)
2. Kế đó đắp 9 pho tượng của Cửu vị Tiên Nương.
3. Đắp thêm 4 pho tượng của 4 Tiên đồng Nữ nhạc cầm quạt và phướn theo hầu Đức Phật Mẫu. Tên của 4 vị này là: Đồng Song Thành, Hứa Phi Yến, An Phát Trinh, Vương Tử Pháp.
4. Pho tượng Ông Tiên Đông Phương Sóc, đứng bên hữu và phía dưới Đức Phật Mẫu, 2 tay bưng một cái đĩa nâng lên khỏi đầu để rước 4 quả Đào Tiên do Đức Phật Mẫu ban tặng cho Hồn Vô Để.
5. Pho tượng Đức Cao Thượng Phẩm quì trước sân Hoa Điện để cung nghinh Đức Phật Mẫu.

Trong khuôn tượng, đắp lên một cảnh chùa cổ, kiểu xưa, đẹp, gọi là Hoa Điện.

Đáng lẽ phải tạo hình Hồn Vô Để, nhưng vì đời Hồn (Hán) đến nay quá xa xăm, lại nữa nguyên căn của Hồn Vô Để là Chơn linh Hồn Chung Ly trong Bát Tiên giáng sanh. Nay là thời TKPD, Bát Tiên lãnh lệnh giáng trần làm Tướng soái cho Đức Chí Tôn khai Đạo, Đức Cao Thượng Phẩm chính là Chơn linh Hồn Chung Ly giáng phàm kỳ này, nên tạo hình Đức Cao Thượng Phẩm thay vào chỗ Hồn Vô Để thì thuận hơn. (**Xem sự tích: Hồn rước Điều Trì, nơi Câu 6, Kinh Khi Vẽ**).

***CHƠN KINH:** Chơn là thật, Kinh là bài Kinh do các Đấng Tiên Phật giáng cơ viết ra ban cho để tụng đọc. Chơn Kinh là bài Kinh chơn thật, đúng chơn lý.

***PHẬT MẪU CHƠN KINH** là bài Kinh chơn thật, đúng chơn lý, nói về quyền pháp của Đức Phật Mẫu nơi cõi Thiêng liêng.

Câu 1: Tạo Hoá Thiên huyền vi Thiên Hậu.

Tạo Hoá Thiên: Tạo hóa là làm ra và làm thay đổi được; Thiên là từng Trời. Tạo Hoá Thiên là từng Trời có nhiệm vụ tạo hóa CKVT và vạn vật. Đó là từng Trời thứ 9 trong Cửu Trùng Thiên, do Đức Phật Mẫu chưởng quản, có Cửu vị Tiên Nương và các vị Tiên Phật khác phụ giúp.

Huyền vi: Mầu nhiệm huyền diệu. Huyền là sâu kín, Vi là rất nhỏ. **Thiên Hậu:** Một danh hiệu của Phật Mẫu.

C.1: Nơi từng Trời Tạo Hóa Thiên có Đức Phật Mẫu huyền vi mầu nhiệm.

Câu 2: Chương Kim Bàn Phật Mẫu Điều Trì.

Chương: Năm giữ, cai quản. **Kim Bàn:** Kim là vàng; Bàn, còn đọc là Bồn, là cái chậu. **Kim Bàn** hay Kim Bồn là cái chậu bằng vàng nơi Điều Trì Cung mà Đức Phật Mẫu dùng để chứa các nguyên chất (nguyên chất) tạo nên Chơn thân cho Vạn linh. Kinh Đệ Cửu cửu có câu:

*Nơi Kim Bồn vàn vàn nguyên chất,
Tạo hình hài các bậc nguyên nhân.*

Điều Trì: Điều, còn đọc là Dao, là loại ngọc quý do chất hơi kết tụ mà thành; Trì là cái ao. Điều trì hay Dao trì là cái ao làm bằng ngọc Điều. Trong Cung của Đức Phật Mẫu nơi từng Trời Tạo Hóa Thiên, có một cái ao làm bằng ngọc Điều, nên Cung đó được gọi là Điều Trì Cung. Đức Phật Mẫu chưởng quản Cung đó, nên gọi là Phật Mẫu Điều Trì.

C.2: Đức Phật Mẫu chưởng quản Kim Bàn nơi DTC.

Đức Hộ Pháp giải nghĩa 2 câu kinh 1 & 2 như sau:

«*Từng Trời thứ 9 gọi là Cung Tạo Hóa Thiên, có vị cầm quyền năng tạo đoan gọi là Thiên Hậu, nắm cả Kim Bàn, tức là nắm đẳng cấp Thiêng liêng điều khiển Chơn linh, gọi là Phật Mẫu Điều Trì*»

Câu 3: Sanh quang dưỡng dục quần nhi.

Sanh quang: Sanh là sống; Quang là ánh sáng, ở đây có nghĩa

là chất có chứa nhiều năng lượng giống như ánh sáng, và năng lượng đó gọi là Quang năng. Sanh quang là năng lượng giống như ánh sáng để nuôi dưỡng sự sống.

Đối với con người và các loài sanh vật nơi cõi trần, Sanh quang là khí Oxy (Oxygène hay Dưỡng khí) và ánh sáng mặt trời. Nếu không có 2 chất này, vạn vật sẽ chết hết.

Nơi cõi Thiêng liêng, Sanh quang là khí Thái Cực, phát ra từ ngôi Thái Cực, để nuôi sống Chơn thân của Vạn linh. Đức Phật Mẫu trụ khí Sanh quang này lại, biến thành những quả Đào Tiên, có đủ sự sống vĩnh cửu, để ban thưởng cho những Chơn thân đắc đạo trở về.

Dưỡng dục: Dưỡng là nuôi nấng, dục là nuôi lớn. Dưỡng dục là nuôi nấng cho khôn lớn. **Quần:** Nhiều người tụ họp đồng đảo. **Nhi:** Con trẻ. **Quần nhi** là chỉ toàn thể con cái của Đức Phật Mẫu.

C.3: Đức Phật Mẫu lấy khí Sanh quang từ ngôi Thái Cực để nuôi dưỡng toàn thể con cái của Ngài.

Đức Phạm Hộ Pháp giải nghĩa Câu kinh số 3: “*Lấy khí Sanh quang (Fluide de Vitalité) nuôi nấng con cái của Người.*”

Câu 4: Chơn linh phối nhứt thân vi Thánh hình.

Chơn linh: Linh hồn, là điểm Linh quang do Đức Chí Tôn chiết ra từ khối Đại Linh quang của Ngài ban cho mỗi người để tạo ra mạng sống, giữ gìn mạng sống đó và làm chủ điều khiển xác thân. **Phối nhứt:** Phối là sắp xếp cho thỏa đáng, nhứt là một. Phối nhứt là phối hợp làm một.

Thân: Xác thân. **Vi:** Làm. **Thánh:** Thiêng liêng. **Hình:** Hình thể. **Thánh hình:** Hình thể Thiêng liêng, đó là Chơn thân.

C.4: Chơn linh phối hiệp làm một với Chơn thân để tạo thành một người nơi cõi Thiêng liêng.

Đức Phật Mẫu thu điểm Linh quang từ ngôi Thái Cực để làm Chơn linh, rồi dùng 2 Khí Dương quang và Âm quang trong Kim Bàn nơi Điều Trì Cung để tạo thành xác thân thiêng liêng (Chơn thân), bao bọc Chơn linh, phối hiệp Chơn linh

và Chơn thần làm một, để tạo thành một con người nơi cõi Thiêng liêng. Đó là một Nguyên nhân nơi cõi thiêng liêng.

Khi Nguyên nhân đầu kiếp xuống cõi phàm trần thì Chơn linh và Chơn thần sẽ nhập vào một hài nhi vừa mới lọt lòng bà mẹ phàm trần. Chơn linh tạo nên sự sống và gìn giữ sự sống cho hài nhi, Chơn thần làm khuôn viên hình ảnh cho thể xác phàm của hài nhi. Lúc đó, Chơn linh, Chơn thần và thể xác phàm của hài nhi phối hiệp làm một để tạo thành một con người mới nơi cõi phàm trần.

5. Thiên cung xuất vạn linh từng pháp,
6. Hiệp âm dương hữu hạp biến sanh.
7. Càn Khôn sản xuất hữu hình,
8. Bát hồn vạn chuyển hóa thành chúng sanh.

天宮出萬靈從法
協陰陽有合變生
乾坤產出有形
八魂運轉化成眾生

GIẢI NGHĨA

Câu 5: Thiên cung xuất vạn linh từng pháp.

Thiên cung: Cung điện của Ông Trời, cung điện của Đức Chí Tôn. **Xuất:** Đi ra. **Vạn linh:** Vạn là muôn, chỉ một số thật lớn; Linh là Chơn linh, linh hồn. Vạn linh là tất cả các Chơn linh trong CKVT, gồm đủ 8 đẳng cấp Linh hồn: Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn.

Từng: Theo. **Pháp:** Quyển pháp của Đức Chí Tôn.

Đức Chí Tôn giảng giải chữ Pháp nầy như sau:

TNHT. I. 52: «Thấy khai Bát Quái mà tác thành Càn Khôn Thế giới nên mới gọi là PHÁP, PHÁP có mới sanh ra Càn Khôn Vạn vật, rồi mới có người nên gọi là TĂNG. Thấy là

Phật, chủ cả Pháp và Tăng, lập thành các Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy,»

Đức Chí Tôn dùng Pháp tạo ra CKVT và Vạn linh, cho nên Vạn linh phải tùng theo Pháp của Đức Chí Tôn.

C.5: Đức Chí Tôn ở Thiên cung sản xuất ra Vạn linh, nên Vạn linh phải tùng theo Pháp của Đức Chí Tôn.

Câu 6: Hiệp âm dương hữu hạp biến sanh.

Hiệp: Hòa hợp. **Âm Dương:** Hai khí Âm quang và Dương quang do Thái Cực biến hóa phân ra. **Hiệp âm dương:** Đức Phật Mẫu đem hai chất khí Âm Dương nầy hòa hợp để tạo ra CKVT và vạn vật. **Hữu:** Có. **Hạp:** Hợp; hợp lại, kết hợp lại với nhau. **Hữu hạp:** Có sự kết hợp lại với nhau. **Biến sanh:** Biến hóa sanh ra.

C.6: Hòa hợp hai khí Âm quang và Dương quang lại với nhau để biến hóa sanh ra (CKVT và vạn vật).

Câu 7: Càn Khôn sản xuất hữu hình.

Càn Khôn: Hai quẻ trong Bát Quái, Càn chỉ Trời, Khôn chỉ Đất. Càn Khôn là Trời Đất, thường nói Càn Khôn Vũ Trụ (CKVT). **Sản xuất:** Chế tạo làm ra. **Hữu hình:** Có hình thể hiện ra mà mắt phàm thấy được. Trái với Hữu hình là Vô hình, mắt phàm không thấy được.

C. 7: (Nối tiếp ý nghĩa của Câu 6) Sản xuất ra Càn Khôn Vũ trụ và vạn vật có hình thể.

Hai chất khí Dương quang và Âm quang không có hình thể sắc tướng. Đức Phật Mẫu cho hai chất khí nầy phối hợp với nhau để biến hóa sanh ra CKVT và vạn vật có hình thể mà mắt phàm trông thấy được. Như thế, Đức Phật Mẫu đã dùng cái KHÔNG vô hình vô ảnh biến hoá thành cái SẮC có hình tướng, thấy được bằng mắt phàm.

Câu 8: Bát hồn vạn chuyển hóa thành chúng sanh.

Bát hồn: Tám phẩm chơn hồn, tám đẳng cấp tiến hóa của Linh hồn. Bát hồn gồm: Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú

cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn. **Vận chuyển:** Dem đi từ chỗ này đến chỗ khác.

Chúng sanh: Tất cả các loài có sự sống nơi cõi trần. Chúng sanh gồm: Kim thạch, Thảo mộc, Thú cầm, Nhơn loại.

C.8: Đức Phật Mẫu vận chuyển 8 phẩm Chơn hồn đem đầu kiếp xuống cõi trần để tạo thành chúng sanh.

Do nơi đây, điều quan trọng mà chúng ta cần nhớ là: Trong chúng sanh, có Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn đầu kiếp trong đó. Đức Chí Tôn buộc người tu phải ăn chay trường là vì lẽ đó.

Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ giảng về Bát Hồn:

«Đêm nay, Bản đạo khởi giảng về Bát Hồn là gì?

Trong CKVT có 8 đẳng Chơn hồn là: Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn.

Từ lúc Hồn Độn sơ khai, Âm Dương biến hóa, trong Khí Hư Vô đã có sẵn các tế bào. Sau tiếng nổ, Âm Dương phân tách: Khí Dương quang nhẹ nhàng bay lên trên, khí Âm quang là khí chất chứa các tế bào nên lóng xuống dưới.

Sau một Chuyển, các chất khí trên liên đới tế bào mà tụ lại biến thành vạn vật.

Khi chưa thành hình thể hữu vi, thì chất khí vẫn là một cục lửa do khí Dương quang đốt cháy, sau đó Điều Trì Cung đầu Thập nhị Địa Chi mà biến khí Dương quang và chất khí làm Ngũ Hành. Vậy cho nên, Đất, Nước, Sắt, Đá và Lửa được nẩy sanh trước hết. Đó là Kim thạch hồn.

Sau một Chuyển nữa, Nước, Đất, Đá, Lửa, và Sắt mới tiêu ra một chất khí và liên đới với các tế bào mà tạo nên Cây cỏ. Đó là Thảo mộc hồn.

Sau một Chuyển nữa, Cây cỏ chia tế bào mà liên đới với Ngũ Hành tạo nên Bách thú, trong đó có phần ở khô gọi là Điều thú, còn phần ở nước gọi là Ngư thú. Đó là Thú cầm hồn. Cầm thú đều là Bách thú.

Sau một Chuyển nữa, Ngũ Hành hiệp với Thảo mộc mà nuôi thú cầm. Trong Thú cầm, chơn hồn đã bước vào cơ tấn hóa, do đó tạo nên Thi Tổ loài người là La Hầu, tức là người Khi đó. La Hầu lần lần sanh hóa, và nhờ điểm Linh quang của Chí Tôn mà lần đến loài người như hiện giờ, đó là Nhơn hồn.

Trong Nhơn hồn, từ buổi Tam Chuyển được tấn hóa thêm 4 phẩm nữa là: Thần, Thánh, Tiên, Phật hồn.

Nhơn hồn nào đã được trọn trung, ấy đã vào Thần vị.

Biết được nghĩa chánh, bồi bổ đạo Nhơn luân, tức là vào Thánh vị. Đến Thánh hồn thì lẽ tự nhiên phải thông suốt phần Thế đạo đó vậy.

Trong phần Thế đạo, mà tạo được Bí pháp đặng bước qua mặt Thế pháp Thiên Đạo, tức là Tiên vị.

Đã lập được Thế pháp Thiên đạo mà tâm nên Bí pháp Thiên đạo, tức là đắc Pháp, ấy là Phật vị.” (Trích Luật Tam Thế của Đức Cao Thượng Phẩm).

9. Cộng vật loại huyền linh đồ nghiệp,
10. Lập Tam Tài định kiếp hòa căn.
11. Chuyển luân định phẩm cao thăng,
12. Hư Vô Bát Quái trị Thần qui nguyên.

共物類玄靈圖業
立三才定劫和根
轉輪定品高升
虛無八卦治神歸元

GIẢI NGHĨA

Câu 9: Cộng vật loại huyền linh đồ nghiệp.

Cộng: Hợp chung lại. **Vật loại:** Các loài vật, ý nói chúng sanh. **Huyền:** Sâu kín. **Linh:** Linh hồn, Chơn linh. **Huyền linh:** Linh hồn huyền diệu. **Đồ:** Mưu tính lo liệu. **Nghiệp:** Sự nghiệp. **Đồ nghiệp:** Mưu tính tạo lập sự nghiệp.

C.9: Hiệp tất cả các chơn linh của chúng sanh để mưu tính làm sự nghiệp cho mình.

Câu 10: Lập Tam Tài định kiếp hòa căn.

Tam Tài: Ba Tài là: Thiên, Địa, Nhơn, tức là Trời, Đất, Người.

Lập Tam Tài: Lập ra Trời, Đất và Người, tức là lập thành CKVT và nhơn loại. **Định:** Sắp đặt, định ra.

Kiếp: Một đời sống, từ lúc sanh ra cho đến lúc chết.

Hòa: Cùng, với, pha trộn vào nhau.

Căn: Gốc rễ. Những việc làm thiện ác trong kiếp sống trước là cái gốc rễ tạo thành cái Nghiệp, ảnh hưởng lên kiếp sống hiện tại, làm cho kiếp sống hiện tại giàu sang hay nghèo hèn, hạnh phúc hay đau khổ. Do đó, thường nói là Căn quả, tức là cái kết quả do cái gốc rễ lúc trước tạo nên. **Kiếp hòa căn:** Cái kiếp sống hiện tại và cái căn quả của nó.

C.10: Lập ra Tam Tài (Thiên, Địa, Nhơn), và sắp đặt cái kiếp sống và cái căn quả của mỗi người.

Câu 11: Chuyển luân định phẩm cao thấp.

Chuyển luân: Chuyển là xoay vần, Luân là cái bánh xe. Chuyển luân hay Luân chuyển là sự xoay vần như cái bánh xe, tức là chỉ sự Luân hồi Chuyển kiếp. Các Chơn linh từ cõi thiêng liêng đầu kiếp xuống cõi trần, sống và tạo Nghiệp, rồi chết, linh hồn trở về cõi thiêng liêng để được định phân ngôi vị. Nếu cái Nghiệp còn, chưa giải quyết xong, thì theo Luật Công Bình thiêng liêng, linh hồn đó phải tái kiếp xuống cõi trần để trả cho xong cái Nghiệp cũ ấy, nhưng linh hồn cũng đồng thời tạo ra Nghiệp mới. Linh hồn thoát xác trở về, rồi phải trở xuống để trả cái Nghiệp vừa qua, cứ thế, lên lên xuống xuống, hết kiếp nọ đến kiếp kia, như một cái bánh xe xoay vòng, nên gọi là sự Luân hồi chuyển kiếp.

Chừng nào Nghiệp cũ đã trả hết mà không gây ra Nghiệp mới, lại lập được nhiều công quả, thì Linh hồn mới được trở về ở hẳn nơi cõi Thiêng liêng Hằng sống, đạt được phẩm vị cao

trọng mà an hưởng hạnh phúc.

Nhờ sự chuyển luân trả vay nghiệp quả, Linh hồn học hỏi và chứng nghiệm được nhiều điều quý báu làm cho Linh hồn mỗi kiếp mỗi tiến hóa, và cuối cùng thì đạt được phẩm vị cao trọng nơi cõi thiêng liêng.

Định: Sắp đặt. **Phẩm:** Ngôi thứ cao thấp. **Thăng:** Bay lên, tiến lên. **Cao thăng:** Lên ngôi vị cao hơn.

C.11: Nhờ luân hồi chuyển kiếp, các Chơn linh tiến hóa được định cho thăng lên phẩm vị cao trọng hơn.

Câu 12: Hư Vô Bát quái trị Thần qui nguyên.

Hư Vô: Hư là trống không, Vô là không. Hư vô là trống không, thấy không có gì cả, nhưng rất mầu nhiệm, vì từ cái KHÔNG ấy mà sinh ra trước cái CÓ, tức là sanh ra tất cả các pháp. Bát quái: 8 quẻ: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Theo Vũ Trụ Quan của Đạo Cao Đài, khởi thủy của CKVT là Khí Hư Vô. Khí Hư Vô hóa sanh Thái Cực, là ngôi của Đức Chí Tôn Thượng Đế. Đức Chí Tôn phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi Âm Dương. Lưỡng Nghi biến ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái mà tác thành CKVT và vạn vật. Hư vô Bát Quái là Bát quái trong cõi Hư vô, là gốc của vạn vật. **Trị:** Sắp đặt. **Thần:** Chơn linh. **Qui:** Trở về. **Nguyên:** Cái gốc. **Qui nguyên:** Trở về cái gốc đã sanh ra nó.

C. 12: Đức Phật Mẫu sắp đặt đem các Chơn linh trở về cái gốc là Hư Vô Bát Quái, tức là trở về cùng Đức Chí Tôn.

Chúng ta lưu ý rằng, Đức Phật Mẫu không định phẩm vị cho các con cái của Ngài, mà chỉ đem con cái trở về, rồi giao lại cho Đức Chí Tôn định phẩm vị. Cho nên, khi cúng Đức Phật Mẫu, chúng ta chỉ mặc đạo phục toàn trắng thường, chớ không mặc đạo phục Chức sắc hay Chức việc.

13. Diệt tục kiếp trần duyên oan trái,
14. Chưởng Đào Tiên thủ giải trường tồn.

15. Nghiệp hồng vận tử hồi môn,
16. Chí Công định vị vĩnh tồn Thiên cung.

滅俗劫塵緣冤債
掌桃仙守解長存
業洪運子回門
至公定位永存天宮

GIẢI NGHĨA

Câu 13: Diệt tục kiếp trần duyên oan trái.

Diệt: Làm cho mất đi. **Tục:** Tâm thường thấp kém, chỉ cõi trần. **Tục kiếp:** Kiếp sống của con người nơi cõi trần.

Trần: Bụi bặm. Cõi trần là cõi có nhiều bụi bặm. **Duyên:** Mỗi dây ràng buộc. **Trần duyên:** Những mối dây ràng buộc con người vào cõi trần, tức là những mối dây ràng buộc con người vào vòng luân hồi. **Oan:** Thù giận. **Trái:** Món nợ. **Oan trái:** Món nợ oan nghiệt. Mình làm cho người khác thù giận mình, tức là mình đã tạo ra một món nợ oan nghiệt mà sau này mình phải đền trả.

C.13: Tiêu diệt hết những mối dây ràng buộc con người vào cõi trần và tiêu diệt hết các món nợ oan nghiệt mà mình đã tạo ra trong các kiếp sống nơi cõi trần.

Câu 14: Chương Đào Tiên thủ giải trường tồn.

Chương: Năm giữ, cai quản. **Đào Tiên:** Trái đào nơi cõi Tiên, còn gọi là trái Bàn đào.

Theo sự tích Hồn Võ Đế cầu Phật Mẫu, Đức Phật Mẫu giáng xuống Hoa Điện, ban tặng cho Hồn Võ Đế 4 trái Đào Tiên. Hồn Võ Đế ăn hết 2 trái, lấy hột bảo Thái Giám đem ương để trồng. Đức Phật Mẫu cười rằng: Trái Bàn đào này, không phải như trái cây của trần gian, 3000 năm mới ra hoa, 3000 năm mới kết trái, 3000 năm mới chín, đất thế gian mỏng lắm, không trồng được.

Theo lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, nơi Diêu Trì Cung, Đức Phật Mẫu trụ Sanh quang lại làm thành một khối gọi là quả Đào Tiên, có đủ sự sống vĩnh cửu nơi cõi Hư Linh. Người được ban thưởng ăn trái Đào Tiên này thì sẽ được sống lâu, sức khỏe cường tráng và hình dáng tốt đẹp.

Thủ: Giữ giữ. **Giải:** Vật treo lên để làm phần thưởng, gọi là giải thưởng. **Trường:** Lâu dài. **Tồn:** Còn. **Trường tồn:** Tồn tại lâu dài, tức là hằng sống.

C.14: Đức Phật Mẫu chương quản vườn Đào Tiên nơi cõi thiêng liêng, dùng các trái Đào Tiên làm phần thưởng cho các Chơn linh đắc đạo trở về ăn vào để được hằng sống.

Câu 15: Nghiệp hồng vận tử hồi môn.

Nghiệp: Sự nghiệp, công nghiệp. **Hồng:** To lớn.

Vận: Vận chuyển. **Tử:** Con. **Hồi môn:** Trở về nhà.

C.15: Công nghiệp to lớn của Đức Phật Mẫu là đem con cái của Người trở về ngôi nhà cũ nơi cõi thiêng liêng.

KHẢO DỊ:

* Kinh Lễ in bên Pháp năm 1952:

- Nghiệp hồng dẫn tử ...

* Kinh TĐ-TĐ năm 1968, 1974, 1975:

- Nghiệp hồng vận tử ...

Dẫn: Diu dắt, dẫn dắt. **Vận:** Vận chuyển, chở đi.

Câu 16: Chí Công định vị vĩnh tồn Thiên cung.

Chí Công: Rất ngay thẳng công bình, chỉ Đức Chí Tôn. **Định vị:** Sắp đặt phẩm trật ngôi vị. **Vĩnh tồn:** Tồn tại vĩnh viễn. tức là trường tồn. **Thiên cung:** Chỉ cõi Trời, cõi TLHS.

C.16: Đức Chí Tôn sắp đặt ngôi thứ phẩm vị cho các Chơn linh tùy theo công quả lập được nơi cõi trần. Chơn linh nào được định vị rồi thì mãi mãi ở nơi cõi TLHS.

Đức Phật Mẫu có nhiệm vụ độ rỗi để đem các Chơn linh là

con cái của Người trở về, rồi giao cho Đức Chí Tôn định phẩm vị theo đẳng cấp thiêng liêng.

17. Chủ Âm quang thường tùng Thiên mạng,
18. Độ Chơn thần nhứt vãng nhứt lai.
19. Siêu thăng phụng liễn qui khai,
20. Tiên cung Phật xứ, Cao Đài xướng danh.

主陰光常從天命
度真神一往一來
超升鳳輦歸開
仙宮佛處高臺唱名

GIẢI NGHĨA

Câu 17: Chủ Âm quang thường tùng Thiên mạng.

Chủ Âm quang: Đức Phật Mẫu làm chủ Khí Âm quang. Đức Chí Tôn làm chủ Khí Dương quang. Đức Phật Mẫu đem Khí Âm quang phối hiệp với Khí Dương quang để tạo hóa. **Thường:** Luôn luôn. **Tùng:** Theo, tùng theo. **Thiên mạng:** Mệnh lệnh của Trời, tức là mệnh lệnh của Đức Chí Tôn.

C.17: Đức Phật Mẫu làm chủ Khí Âm quang, luôn luôn tùng theo mạng lệnh của Đức Chí Tôn.

Câu 18: Độ Chơn thần nhứt vãng nhứt lai.

Độ: Cứu giúp. **Vãng:** Đi qua. **Lai:** Đi tới.

Nhứt vãng nhứt lai: Mỗi khi đi mỗi khi về.

CHƠN THẦN: Đệ nhị xác thân, Xác thân thiêng liêng của con người. Con người sống nơi cõi phàm trần thì có xác thân phàm, gọi là Đệ nhứt xác thân. Khi trở về ở nơi cõi thiêng liêng thì phải có xác thân thiêng liêng.

Xác thân phàm trần bằng xương bằng thịt do cha mẹ phàm trần sanh ra và được nuôi dưỡng bằng các vật thực nơi cõi trần. Còn xác thân thiêng liêng do Đức Phật Mẫu dùng nguyên khí

trong Kim Bàn DTC tạo nên. Do đó, xác thân thiêng liêng rất huyền diệu, bất tiêu bất diệt, không bao giờ chết được. Xác thân phàm trần cấu tạo bằng vật chất phàm trần, nên phải già rồi chết, nó sẽ thú rã biến trở lại thành đất.

Đức Chí Tôn giảng dạy về Chơn thần như sau:

«Chơn thần là gì? Là Nhị xác thân, là xác thân thiêng liêng. Khi còn nơi xác phàm thì nó khó xuất riêng ra đặng, bị xác phàm kéo níu.

Cái Chơn thần ấy của các Thánh, Tiên, Phật thì huyền diệu vô cùng, bất tiêu bất diệt. Bậc chơn tu khi còn xác phàm nơi mình, như đắc đạo, có thể xuất ra trước buổi chết mà vân du Thiên ngoại. Cái Chơn thần ấy mới đặng phép đến trước mặt Thấy.» (TNHT. I. 6)

«Mỗi kẻ dưới thế này đều có 2 xác thân: Một phàm gọi là Corporel, còn một thiêng liêng gọi là Spirituel. Mà cái thiêng liêng do nơi cái phàm mà ra nên gọi nó là Bán hữu hình, vì có thể thấy đặng mà cũng có thể không thấy đặng.

Cái xác vô hình huyền diệu thiêng liêng ấy do nơi Tinh Khí Thần mà luyện thành. Nó nhẹ nhàng hơn không khí. Khi nơi xác phàm xuất ra thì lấy hình ảnh của xác phàm như khuôn in rập. Còn khi đắc đạo mà có Tinh, Khí, không có Thần thì không thể nhập mà hằng sống đặng. Còn có Thần, không có Tinh, Khí thì khó hườn đặng Nhị xác thân. Vậy 3 món báu ấy phải hiệp mới đặng.

Nó vẫn là chất tức hiệp với không khí Tiên Thiên, mà trong Khí Tiên Thiên hằng có điển quang. Cái Chơn thần buộc phải tinh tấn, trong sạch, mới nhẹ hơn không khí, ra khỏi ngoài Càn Khôn đặng.

Nó phải có bốn nguyên chí Thánh, chí Tiên, Chí Phật mới xuất Thánh, Tiên, Phật đặng. Phải có một thân phàm tinh khiết mới xuất Chơn thần tinh khiết.» (TNHT. I. 30)

C.18: Độ Chơn thần nhứt vãng nhứt lai, nghĩa là: Cứu giúp Chơn thần của chúng ta mỗi khi đến mỗi khi về, tức là mỗi khi

Chơn thân đi đâu kiếp xuống trần hay mỗi khi Chơn thân mãn kiếp trở về cõi thiêng liêng, đều do Đức Phật Mẫu điều độ.

Câu 19: *Siêu thăng phụng liễn qui khai.*

Siêu thăng: Siêu là vượt lên trên, thăng là bay lên. Siêu thăng là bay bổng lên Trời. Trong tôn giáo, siêu thăng là linh hồn được giải thoát khỏi các cõi đọa để bay trở về cõi thiêng liêng. (Cõi đọa là cõi Âm quang hoặc cõi trần).

Phụng: Con chim phụng. **Liễn:** Chiếc xe. **Phụng liễn:** Chiếc xe trên đó có gắn hình chim phụng. Ở thế gian, Phụng liễn là chiếc xe dành riêng cho Nữ Vương, Nữ Hoàng hay Hoàng Hậu. Ở cõi thiêng liêng, Phụng liễn là chiếc xe Tiên để rước các chơn hồn trở về cõi thiêng liêng.

Qui: Trở về. **Khai:** Mở ra.

C.19: *Khi linh hồn được siêu thăng thì có chiếc xe Tiên mở cửa rước trở về.*

Câu 20: *Tiên cung, Phật xứ, Cao Đài xướng danh.*

Tiên cung: Cung điện của các vị Tiên, chỉ cõi Tiên.

Phật xứ: Cõi của chư Phật, tức là cõi Cực Lạc Thế Giới, cõi Niết Bàn. Cõi của chư Tiên và cõi của chư Phật được gọi chung là cõi Thiêng liêng Hằng sống.

CAO ĐÀI: Cái Đài Cao tại Linh Tiêu Điện Ngọc Hư Cung, là chỗ ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế mỗi khi có Đại Hội Triều đình của Đức Chí Tôn.

Bài thi sau đây giải thích 2 chữ Cao Đài.

*Linh Tiêu nhất tháp thị Cao Đài,
Đại hội quán Tiên thủ ngọc giai.
Vạn tượng hào quang từng thủ xuất,
Cổ danh bửu cảnh Lạc Thiên Thai.*

(Trích bài giảng cơ của Đức Chí Tôn tại Căn Thơ năm 1927)

Nghĩa là:

Nơi Linh Tiêu Điện có một cái tháp gọi là Cao Đài,

Các vị Tiên họp Đại Hội tại bệ ngọc ấy.

Ánh hào quang từ đó chiếu ra xa đến muôn trượng, Tên xưa cảnh quí báu đó là Lạc Thiên Thai.

Trong thời ĐĐTKPĐ, Đức Chí Tôn lấy tên đài ngự của Ngài làm danh hiệu. Cho nên, khi nói Đấng Cao Đài là Đức Chí Tôn vậy.

Xướng: Hồ to lên. **Danh:** Tên. **Xướng danh:** Hồ to lên tên họ của những người thi đậu để cho mọi người đều nghe biết. Đó là cái vinh dự cho người thi đậu. Thời TKPĐ, Đức Chí Tôn lập tại cõi trần nầy một Trường thi Công quả. Ai thi đậu, thì rất vinh hạnh được Đức Chí Tôn xướng danh.

C.20: *Đức Chí Tôn gọi tên lên để ban thưởng cho về Cung Tiên, Xứ Phật.*

21. Hội Ngươn hữu Chí Linh huấn chúng,
22. Đại Long Hoa nhơn chủng hòa ki. (cơ)
23. Tam kỳ khai hiệp Thiên thi,
24. Khoa môn Tiên vị ngộ kỳ Phật duyên.

會元有至靈訓眾
大龍花人種和機
三期開合天書
科門仙位遇期佛緣

GIẢI NGHĨA

Câu 21: *Hội Ngươn hữu Chí Linh huấn chúng.*

Hội Ngươn: Hội là tụ lại, Ngươn là một khoảng thời gian dài. Một Chuyển được phân ra làm 3 Ngươn: Thượng Ngươn, Trung Ngươn và Hạ Ngươn. Quả Địa cầu 68 của chúng ta hiện nay đang ở vào thời kỳ cuối Hạ ngươn của Đệ Tam Chuyển, sắp bước qua Thượng ngươn của Đệ Tứ Chuyển. Do đó thời kỳ nầy gọi là Hội Ngươn, vì là giao thừa giữa Hạ ngươn Tam Chuyển và Thượng ngươn Tứ Chuyển.

Chí: Rất. **Linh:** Thiêng liêng. **Chí Linh:** Rất thiêng liêng, chỉ Đức Chí Tôn. **Huấn:** Dạy dỗ. **Chúng:** Nhiều người.

C.21: Trong thời kỳ cuối Hạ nguyên Tam Chuyển bước qua Thượng nguyên Tứ Chuyển, có Đức Chí Tôn đến dạy dỗ Nhơn sanh.

Câu 22: Đại Long Hoa Nhơn chủng hoà ki (cơ).

Đại Long Hoa: Đại Hội Long Hoa. Long là rồng, hoa là cái bông. Long Hoa là cái cây hình con rồng có trổ bông. Đức Phật Di-Lạc sẽ đắc đạo tại cội cây Long Hoa này, cũng như Đức Phật Thích Ca đắc đạo dưới cội cây Bồ Đề.

Đại Hội Long Hoa là một Hội lớn do Đức Phật Di-Lạc làm chủ tọa, nhóm dưới cội cây Long Hoa để tuyển lựa người hiền đức. (KĐT: Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị).

Đại Hội Long Hoa là hội thi chung kết, sau một giai đoạn tiến hóa dài của Nhơn loại, để tuyển lựa những bậc hiền lương đạo đức, loại ra những kẻ gian tà hung bạo, thực hiện sự công bình thiêng liêng trong suốt một chặng đường tiến hóa của Vạn linh. Những người hiền lương đạo đức có nhiều công quả giúp đời được thưởng bằng những phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Trái lại, những người hung bạo gian tà sẽ bị chết thảm, linh hồn phải chờ đợi một thời gian dài để loài cầm thú tiến hoá lên làm người, rồi nhập vào mà bắt đầu học hỏi tiến hóa trong một vận hội mới và chuẩn bị cuộc thi mới.

Nhơn chủng: Các chủng tộc của Nhơn loại. **Hòa:** Hòa hợp với nhau. **Ki:** Thường đọc là Cơ; cái máy, cơ quan.

C.22: Đại Hội Long Hoa là một cơ quan làm cho các chủng tộc loài người hòa hợp với nhau. (tức là thực hiện Đại Đồng trên toàn thế giới).

Câu 23: Tam kỳ khai hiệp Thiên thi.

Tam kỳ: Lần thứ ba, chỉ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức là Đạo Cao Đài. **Khai:** Mở ra. **Hiệp:** Hợp với. **Thiên thi:** tức là Thiên thơ hay Thiên thư, là quyển sách của Trời, ghi chép Thiên điều, tức là ghi chép các luật pháp điều hành sự vận chuyển của

CKVT, và sự tiến hóa của vạn vật.

C.23: Đạo Cao Đài mở ra phù hợp với Thiên thơ tiên định.

«Đạo Cao Đài chiếu theo luật Thiên đình, hội Tam giáo, mở rộng mối Đạo Trời, ấy cốt để dịu dặt Nhơn sanh bước lên con đường Cực Lạc, tránh khỏi đọa luân hồi...» (TNHT.I. 18)

Câu 24: Khoa môn Tiên vị ngộ kỳ Phật duyên.

Khoa môn: Trường khoa cử, trường thi để tuyển chọn người tài giỏi. **Tiên vị:** Phẩm vị Tiên.

Ngộ: Gặp. **Kỳ:** Thời kỳ, thời hạn định trước.

Phật duyên: Có mối dây ràng buộc với Phật, có duyên với Phật, tức là có duyên với việc tu hành.

C.24: Trường thi lên phẩm vị Tiên dành cho những người có duyên với Phật gặp được thời kỳ mở Đạo của Đức Chí Tôn.

Trong kiếp sanh của chúng ta hiện nay, chúng ta may mắn gặp gỡ thời kỳ Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài, lập một Trường thi Công quả trong sự Đại Ân Xá, chúng ta cố gắng học tập và lập công quả thế nào để đạt được điểm thật tốt trong Trường thi này. Đây là một dịp may mắn hiếm có, ngàn năm một thuở!

“Ta nói cho chúng sanh biết rằng: Gặp TKPD này mà không tu thì không còn trông mong siêu rỗi.” (TNHT. I. 20)

25. Trung khổ hải độ thuyền Bát Nhã,
26. Phước từ bi giải quả trừ căn.
27. Huân hồn chuyển đọa vi thăng,
28. Cửu Tiên hồi phục Kim Bàn chuông Âm.

中苦海度船般若
福慈悲解果除根
還魂轉墮為升
九仙回復金盤掌陰

GIẢI NGHĨA

Câu 25: Trung khổ hải độ thuyền Bát Nhã.

Trung: Ở giữa, ở trong. **Khổ hải:** Biển khổ. Đức Phật ví cõi trần là biển khổ. Chúng sanh sống trong cõi trần như là đang ngập lặn trong biển khổ đó. Đạo được ví như một chiếc thuyền để cứu vớt chúng sanh thoát qua biển khổ. Chiếc thuyền Đạo đó là chiếc thuyền Bát Nhã. **Độ:** Cứu giúp.

Thuyền Bát Nhã: Bát Nhã, do chữ Phạn là Prajnā, phiên âm ra, nghĩa là Trí Huệ. Trí huệ là sự giác ngộ hiểu biết hoàn toàn sáng suốt về Đạo lý. Nhờ Trí huệ, con người thoát khỏi Vô minh, mê muội và phiền não. Người tu mà đạt được Trí huệ thì đã đến gần ngôi vị Tiên Phật.

Do đó, cái Trí huệ được ví như một con thuyền, gọi là Thuyền Bát Nhã, để đưa người giác ngộ đi qua biển khổ, thoát khỏi Luân hồi, đến cõi Phật. Muốn có Trí huệ thì phải Tu.

TNHT. I. 122: Tả Thuyền Bát Nhã.

*Khuôn thuyền Bát Nhã chẳng hề chìm,
Nổi quá như bông, nặng quá kim.
Có Đạo, trong muôn ngôi cũng đủ,
Không duyên, một đũa cũng là chìm.*

Thuyền Bát Nhã do Đức Phật Tổ lấy một cánh sen nơi cõi Cực Lạc Thế Giới, rồi dùng lửa Tam Muội làm cho biến hóa mà thành.

Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Di-Lạc Vương Phật, vâng lệnh Đức Chí Tôn làm chủ Thuyền Bát Nhã, khai Đại Hội Long Hoa, rước các Chơn hồn đầy đủ công đức vượt qua biển khổ, trở về cõi TLHS.

C.25: Đức Phật Mẫu đem Thuyền Bát Nhã vào trong biển khổ để cứu giúp nhơn sanh.

Câu kinh này có ý nói rằng: Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương, vâng lệnh Đức Chí Tôn giáng điển xuống trần, dẫn dắt các vị nguyên căn, mở ra Đạo Cao Đài, để cứu giúp chúng sanh tu hành đắc đạo, vượt qua biển khổ, thoát khỏi luân hồi,

giống như Đức Phật Mẫu đem chiếc Thuyền Bát Nhã đến chở chúng sanh vượt qua biển khổ.

Câu 26: Phước từ bi giải quả trừ căn.

Phước: Điều may mắn tốt lành. **Từ bi:** Lòng thương yêu bao la, thương khắp chúng sanh và luôn luôn muốn cứu giúp chúng sanh thoát khổ. **Giải:** Cởi bỏ đi. **Quả:** Cái kết quả. **Trừ:** Làm cho mất đi. **Căn:** Cái gốc rễ, chỉ tất cả những việc làm không lương thiện trong kiếp trước tạo thành cái Nghiệp ác gây ảnh hưởng xấu lên kiếp sống hiện tại.

Giải quả trừ căn: Giải trừ căn quả, giải trừ là cởi bỏ làm cho mất đi, căn quả là cái kết quả hiện tại do cái gốc ở kiếp trước, tức là cái hạnh phúc hay phiền não hiện nay là kết quả của việc làm thiện hay ác ở kiếp trước báo ứng lại.

C.26: Đức Phật Mẫu ban phước, và do lòng từ bi, Đức Phật Mẫu giải trừ căn quả xấu của chúng sanh đã gây ra từ kiếp trước.

Câu 27: Hườn hồn chuyển đọa vi thăng.

Hườn: do chữ Hoàn nói trại ra. Hườn là trả lại. **Hồn:** Linh hồn. **Chuyển:** Dời đổi. **Đọa:** Bị trừng phạt xuống cõi thấp kém khổ sở. **Vi:** Làm. **Thăng:** Siêu thăng.

Hườn hồn: Trong thời kỳ Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn, những người mà trước đây phạm tội nặng với Thiên điều, bị Ngũ Lôi tru diệt, nay được Đức Phật Mẫu cho hườn trở lại Linh hồn và Chơn thân để sống trở lại.

Chuyển đọa vi thăng: Đức Phật Mẫu có quyền ân xá tội tình cho những linh hồn bị đọa, nay được siêu thăng.

C.27: Những người trước đây bị Ngũ Lôi tru diệt, nay được Đức Phật Mẫu cho hườn trở lại Linh hồn và Chơn thân để sống trở lại vì Đức Chí Tôn đại khai Ân Xá, và Phật Mẫu cũng ân xá những Linh hồn bị đọa lạc nay được siêu thăng.

Câu 28: Cửu Tiên hồi phục Kim Bàn chuông Âm.

Cửu Tiên: 9 vị Nữ Tiên nơi Diêu Trì Cung, thường gọi là Cửu vị Tiên Nương. **Hồi:** Trở về. **Phục:** Quay lại. **Hồi phục:** Quay

trở về. **Chương Âm:** Chương quản khí Âm quang.

C.28: Cửu vị Tiên Nương quay trở về Kim Bàn nơi DTC để giúp Đức Phật Mẫu chương quản khí Âm quang.

29. Thập Thiên can bao hàm vạn tượng,
30. Tàng Địa chi hóa trường Càn Khôn.
31. Trùng huồn phục vị Thiên môn,
32. Nguơn linh hóa chủng quỷ hồn nhứt thăng.

十天干包含萬象
從地支化長乾坤
重還復位天門
元靈化種鬼魂一升

GIẢI NGHĨA

Câu 29- Thập Thiên can bao hàm vạn tượng,
30: Tàng Địa chi hóa trường Càn Khôn.

Thập Thiên can: Mười Can Trời gồm: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

Thập nhị Địa chi: Mười hai Chi Đất gồm: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

CAN và CHI, theo chữ gốc là Cán và Chi. Cán là thân cây, Chi là cành cây. Thân cây và cành cây liên kết nhau mới thành một cái cây. Tương truyền, vào thời vua Hiên Viên Huỳnh Đế, có ông Đại Nhiêu sáng tạo ra Thập Thiên Can và Thập nhị Địa Chi dùng để tính thời gian và làm lịch.

Bao hàm: Gồm chứa, chứa đựng bên trong. **Tượng:** Hình dáng bên ngoài. **Vạn tượng:** Muôn hình trạng.

Tàng: Theo. **Hóa:** Biến đổi. **Trường:** Lớn lên. **Càn Khôn:** Trời Đất, chỉ CKVT.

Hai Câu 29 & 30: Thập Thiên Can bao gồm ngàn hình muôn trạng. Thập Thiên Can tàng theo Thập nhị Địa Chi làm biến

đổi và lớn rộng thêm Càn Khôn Vũ Trụ.

Khi sáng tạo ra CKVT, người và vạn vật, Đức Chí Tôn dùng Thập nhị Địa Chi đặt tên cho các khoảng thời gian sáng tạo: “Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sanh ư Dần.” Nghĩa là: Trời khai ở Hội Tý, Đất mở ra ở Hội Sửu, Người sanh ra ở Hội Dần. (Hội là một khoảng thời gian rất dài, lớn hơn một Chuyển. Một Hội có nhiều Chuyển, một Chuyển có 3 Nguơn: Thượng Nguơn, Trung Nguơn, Hạ Nguơn).

Câu 31: Trùng huồn phục vị Thiên môn.

Trùng: Lập lại nhiều lần giống nhau. **Huồn:** Hoàn trả lại. **Phục vị:** Phục là trở lại, vị là ngôi vị. Phục vị là trở lại ngôi vị cũ. **Thiên môn:** Cửa Trời, cõi Trời, tức là cõi TLHS.

C.31: Nhiều lần cho trở lại ngôi vị cũ nơi cõi TLHS.

Câu 32: Nguơn linh hoá chủng quỷ hồn nhứt thăng.

Nguơn linh: Nguyên linh. Nguyên là khởi đầu, cái chỗ bắt đầu. Linh là linh hồn. Nguơn linh là những linh hồn được sanh ra từ lúc Khai Thiên, đầu thai xuống trần, được gọi là Nguyên nhân. **Hóa:** Biến đổi. **Chủng:** Loài, loại.

Quỷ hồn: Linh hồn của Quỷ, tức là những Linh hồn thuộc về Quỷ vị. Khi Quỷ hồn đầu kiếp nơi cõi trần để làm người thì được gọi là Quỷ nhân.

Nơi cõi trần có 3 hạng người phân chia theo phẩm chất của Linh hồn: Nguyên nhân, Hóa nhân, Quỷ nhân.

Nguyên nhân là những chơn linh được sanh ra từ lúc Khai Thiên, nay đầu kiếp xuống trần.

Hóa nhân là những người do sự tiến hóa của loài Thú cầm mà sanh ra.

Quỷ nhân là những quỷ hồn đầu thai lên. Nguyên nhân và Hóa nhân, nếu gây ra nhiều tội lỗi nặng nề, phạm Thiên điều thì linh hồn bị đọa vào Quỷ vị, biến thành Quỷ hồn.

Nhứt: Bao gồm tất cả. **Thăng:** Siêu thăng.

C.32: Các Nguyên hồn đã được sanh ra từ lúc Khai Thiên, nay

biến thành các loại Quỷ hồn, đều được độ rồi để tất cả đều được siêu thăng.

Dù là Nguyên nhân, Hóa nhân hay Quỷ nhân, tất cả cũng đều là con cái của Chí Tôn và Phật Mẫu. ĐĐTKPD là Đại Ân Xá Kỳ Ba, tận độ chúng sanh, nên Phật Mẫu từ bi cứu giúp toàn cả con cái của Ngài để tất cả đều được siêu thăng.

TNHT. II. 85: “Bản đạo chẳng kể là Nguyên nhân, Hóa nhân hay Quỷ nhân, ví biết lập công thì thành đạo.”

33. Vô siêu đọa quả căn hữu pháp,
34. Vô khổ hình nhơn kiếp lưu oan.
35. Vô Địa ngục, vô quỷ quan,
36. Chí Tôn Đại Xá nhứt trường qui nguyên.

無 超 墮 果 根 有 法
無 苦 刑 人 劫 留 冤
無 地 獄 無 鬼 關
至 尊 大 赦 一 場 歸 元

GIẢI NGHĨA

Câu 33: Vô siêu đọa quả căn hữu pháp.

Vô: Không. **Siêu đọa:** Siêu thăng và đày đọa. **Vô siêu đọa:** Vô siêu vô đọa, không siêu thăng mà cũng không đày đọa. **Quả căn:** Căn là gốc rễ, Quả là cái kết quả. Quả căn hay Căn quả là cái kết quả tốt hay xấu của kiếp sống hiện tại là do gốc rễ là những việc làm thiện hay ác trong kiếp trước. Nếu trong kiếp sống hiện tại gặp nhiều hoạn nạn là bởi căn xưa không lành. **Hữu:** Có. **Pháp:** Pháp luật.

C.33: Không siêu thăng, không đọa đày, căn quả của mỗi người đều có luật pháp định rõ.

[Vô siêu đọa cũng có thể được giải thích là: Không đày đọa quá mức. Siêu là quá mức. C.33: Không đày đọa quá mức, căn quả của mỗi người đều có luật pháp định rõ. Bởi vì trong Câu

kinh 32, tất cả đều được siêu thăng, dẫu Quỷ hồn cũng vậy.]

Câu 34: Vô khổ hình nhơn kiếp lưu oan.

Khổ hình: Hình phạt khổ sở. **Vô khổ hình:** Không có các hình phạt khổ sở. **Nhơn kiếp:** Kiếp sống của con người. **Lưu:** Để lại. **Oan:** Thù giận. **Lưu oan:** Lưu lại các oan nghiệt. **Nhơn kiếp lưu oan:** Những mối oan nghiệt của các kiếp sống trước còn lưu lại.

C.34: Không có những hình phạt khổ sở do các oan nghiệt của các kiếp sống trước còn lưu lại. (vì các oan nghiệt ấy đã được Đức Phật Mẫu tiêu diệt hết do lệnh Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn).

Câu 35: Vô Địa ngục, Vô quỷ quan.

Địa ngục: Cõi tối tăm để giam giữ và trừng phạt các linh hồn tội lỗi. Có tất cả 10 cửa Địa ngục do Thập Điện Diêm Vương cai quản, dưới quyền của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Quỷ quan: Cửa quỷ, nơi giam giữ loài quỷ. Quan là cái cửa.

C.35: Không còn Địa ngục, không còn cửa quỷ.

Ý nói: Địa ngục và cửa quỷ đã bị đóng cửa hoàn toàn, không còn được dùng làm nơi giam giữ, đày đọa và trừng phạt các tội hồn.

Câu 36: Chí Tôn đại xá nhứt trường qui nguyên.

Đại xá: Xá là tha tội. Đại xá là tha tội cho tất cả những người phạm tội, không giới hạn. Thường nói là Đại Ân Xá. Khi Đức Chí Tôn khai ĐĐTKPD thì Đức Chí Tôn cũng mở ra một cuộc Đại Ân Xá cho các đảng chơn hồn trong khắp CKVT. (Xem chi tiết ngay ở phần sau). **Trường:** Nơi tụ họp nhiều người.

Nhứt trường: Một trường. **Qui nguyên:** Trở về gốc. Cái gốc ấy là nơi xuất phát ra mình, đó là Thái Cực, tức là Đấng Chí Tôn Thượng Đế.

C.36: Đức Chí Tôn Đại khai Ân Xá, tha thứ tội tình cho chúng sanh để đem con cái của Ngài trở về hiệp vào một chỗ cùng Ngài.

Đại Ân Xá Kỳ Ba

Kể từ ngày khai Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn mở ra một thời kỳ

Đại Ân Xá cho toàn thể chúng sanh và cho các đẳng linh hồn. Muốn hưởng được sự ân xá này, mỗi người phải biết thành tâm hối lỗi, ăn năn sám hối tội tình, cải tà qui chánh, nguyện thể từ bỏ các lỗi lầm để chuyên tâm lo việc tu hành, lập công bồi đức.

«Mỗi lần Khai Đạo là Đức Chí Tôn Đại Ân Xá, tức là ban cho những người biết hối đầu hướng thiện và lo việc tu hành, một ân huệ lớn lao, nghĩa là những tội lỗi của họ đã chống chất từ mấy kiếp trước được Ôn trên bồi xóa và cho họ làm một Tân dân (người dân mới) trong cửa Đạo với một Tư Pháp Lý Lịch còn trinh bạch. Nhờ vậy, người nhập môn hành đạo mới rảnh nợ tiền khiên, chỉ lo trau dồi Đạo hạnh và lập công bồi đức, là đặc đạo trong một kiếp tu.

Hạ nguơn này, Đức Chí Tôn lập Đạo Kỳ Ba, nên mới có Đại Ân Xá Kỳ Ba. Phép Giải Oan, Phép Cát Dây Oan Nghiệt, Phép Độ Thăng và các phép Bí tích khác của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được đem áp dụng trong sự thi hành luật Đại Ân Xá đó vậy.» (Trích Giáo lý Bài 18, Khóa Huấn Luyện Giáo Hữu, tại TTTN).

Ngày chánh thức Khai Đạo là 15-10 Âm lịch, tức là Rằm Hạ nguơn năm Bính Dần (1926) là ngày khởi đầu thời kỳ Đại Ân Xá Kỳ Ba, Đức Chí Tôn ban cho nhơn loại những ơn huệ đặc biệt sau đây:

- 1) Tha thứ tội lỗi ở các kiếp trước của những người biết hối đầu hướng thiện, nhập môn cầu Đạo, lập Minh Thế cùng các Đấng Thiêng liêng, nhứt tâm lo việc tu hành.

May dạng gặp hồng ân chan rưới,

Giải trái oan sạch tội tiền khiên. (KGO)

Chí Tôn xá tội giải oan,

Thánh Thần Tiên Phật cứu nần độ căn.

Ôn Tạo Hóa tha tiền khiên trước,

Đưa linh phan tiếp rước nguyên nhân.

(KCBCTBCHĐQL)

- 2) Đức Chí Tôn đặc ân cho các tín đồ Cao Đài, khi chết,

linh hồn được Cửu vị Tiên Nương hướng dẫn đi qua các tầng Trời của Cửu Trùng Thiên, mỗi nơi đều được quan sát các cảnh Trời đẹp đẽ mà dưới thế gian này không bao giờ có, đến bái kiến các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật, đến Minh Cảnh Đài để xem xét trở lại các hành vi thiện ác của mình trong suốt kiếp sống nơi cõi trần, đến Diêu Trì Cung bái kiến Đức Phật Mẫu, đến Ngọc Hư Cung bái kiến Đức Chí Tôn để cây Cân Công Bình thiêng liêng cân tội phước. Phước nhiều thì được phong thưởng bằng những phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật tương xứng. Nếu tội nhiều thì bị đưa về cõi Âm Quang, vô Tịnh Tâm Xá mà định tâm tịnh trí, ăn năn sám hối tội tình, cầu nguyện Đức Chí Tôn độ rỗi. Tại cõi Âm Quang có Thất Nương DTC giáo hóa các Nữ tội hồn, và Địa Tạng Vương Bồ Tát giáo hóa các Nam tội hồn.

- 3) Đức Chí Tôn cho đóng cửa Địa Ngục. Các tội hồn không còn bị giam giữ và bị hành hình trong Địa ngục nữa, mà được đưa đến cõi Âm Quang để học Đạo, cầu khẩn Đức Chí Tôn độ rỗi, chờ ngày trở lại cõi trần đặng tái kiếp mà trả cho xong căn quả.

- 4) Đức Chí Tôn cho mở cửa Cực Lạc Thế Giới để đón rước người đặc đạo. Nếu người nào quyết chí tu hành, chỉ trong một kiếp tu cũng đủ đặc đạo. «Nên Thầy cho một quyền rộng rãi cho cả nhơn loại trong Càn Khôn Thế Giới, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng.» (TNHT. I. 76).

Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên,

Khai đường Cực Lạc, dẫn miền Tây phương. (KGO)

- 5) Những người bị tội Tận đọa Tam đồ bất năng thoát tục, hay bị Ngũ Lôi tru diệt, cũng nhờ Đại Ân Xá này mà được Đức Phật Mẫu cho hườn lại Chơn linh và Chơn thần đặng tái kiếp lập công chuộc tội.

Thời kỳ Đại Ân Xá không phải kéo dài mãi mãi đến thất ức niên (700 000 năm) mà chỉ được giới hạn trong giai đoạn đầu

của thời kỳ Khai Đạo. Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng không tiết lộ cho biết Đại Ân Xá kéo dài trong bao nhiêu năm, nhưng theo sự khảo cứu tổng hợp các tài liệu, thì thời kỳ Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn bắt đầu kể từ ngày Khai Đạo 15 tháng 10 năm Bính Dần (1926), cho đến khi Đức Phật Di-Lạc khai Đại Hội Long Hoa, là chấm dứt, vì đã bước qua một chu trình tiến hóa mới của Nhơn loại.

Chúng ta hôm nay gặp Đạo Cao Đài là một duyên may ngàn năm một thuở, nếu không mau tiến bước trên đường tu hành, cứ để ngày tháng lẩn lữa trôi qua, thì có mong chi đắc quả, trở về ngôi vị cũ.

37. Chiếu như lệnh Từ Huyền thọ sắc,
38. Độ anh nhi Nam, Bắc, Đông, Tây.
39. Kỳ khai tạo nhứt linh đài,
40. Diệt hình tà pháp cường khai đại đồng.

照乳令慈萱受敕
度嬰兒南北東西
期開造一靈臺
滅形法強開大同

GIẢI NGHĨA

Câu 37: Chiếu như lệnh Từ Huyền thọ sắc.

Chiếu: Căn cứ vào, noi theo. **Nbũ:** Sữa, cái vú mẹ, chỉ bà mẹ.

Nbũ lệnh: Lệnh của Mẹ. Ở đây ý nói: Lệnh của Đức Phật Mẫu.

Từ: Lòng thương yêu của người trên đối với kẻ dưới.

Huyền: Cỏ huyền, chỉ người mẹ.

Huyền là loại cỏ sống lâu năm, người xưa cho rằng ăn cỏ huyền thì khỏi buồn phiền, nên cỏ huyền còn có tên là Vong Ưu thảo. Trong Kinh Thi có câu: “An đắc huyền thảo, ngôn thụ chi bồi.” (Làm sao có được cỏ huyền trồng ở chái nhà phía Bắc). Đồi xưa, chái nhà phía Bắc là chỗ ở của mẹ. Trồng cỏ huyền

nơi chỗ ở của mẹ là có ý muốn cho mẹ khỏi buồn phiền. Do đó, trong văn học cổ, người ta dùng chữ Huyền đường (Nhà huyền) là để chỉ người mẹ.

Từ Huyền: Người mẹ hiền thương yêu con cái, chỉ Đức Phật Mẫu. **Thọ:** còn đọc Thụ, nghĩa là nhận lãnh. **Sắc:** Tờ giấy viết lệnh của vua, ý nói tờ giấy viết lệnh của Đức Chí Tôn.

C.37: Chiếu theo lệnh của Đức Phật Mẫu, mà Đức Phật Mẫu đã nhận lãnh Sắc lệnh của Đức Chí Tôn.

Câu 38: Độ anh nhi Nam, Bắc, Đông, Tây.

Độ: Cứu giúp. **Anh nhi:** Anh là đứa trẻ mới lọt lòng mẹ, nhi là con trẻ. Anh nhi là chỉ chung con cái của Đức Phật Mẫu, tức là toàn thể Nhơn loại, vì Đức Phật Mẫu xem Nhơn loại là con cái nhỏ dại của Người. Nam, Bắc, Đông, Tây: 4 hướng, ý nói khắp nơi trên cõi trần.

C.38: Đức Phật Mẫu cứu giúp toàn thể con cái khắp nơi trên cõi trần.

Câu 39: Kỳ khai tạo nhứt linh đài.

Kỳ: Thời kỳ. **Khai:** Mở ra. **Kỳ khai:** Mở ra một thời kỳ, tức là mở ra ĐĐTKPĐ. **Tạo:** Làm ra. **Nhứt:** Một. **Linh:** Thiêng liêng. **Linh đài:** Cái đài thiêng liêng, chỉ cái Tâm của con người. Trang Tử có nói: “Bất khả nội ư linh đài”, nghĩa là: Không thể ở trong cái Tâm của người ta được. Ý nói không thể biết rõ lòng dạ của người ta được.

Thơ của Bùi Độ nhà Đường có câu: «Nhứt điểm linh đài đan thanh mạc trạng.», nghĩa là: Một điểm linh đài, đỏ xanh không vẽ nên hình trạng được.

Như vậy thì cái Tâm của con người không có hình sắc, mẫu nhiệm thiêng liêng. Chúng ta không thể nhìn thấy cái Tâm được, nhưng có thể nhận biết nó, vì cái Tâm có bản chất lành, nên gọi là Lương Tâm, thường khiến con người làm điều hay sự phải, giục con người mến đạo đức chuộng tinh thần, biết thuận tòng Thiên lý. Người làm điều không phải thì bị Lương

Tâm cần rút. Kẻ làm ác là vì cái Tâm bị vật dục che lấp nên không còn điều khiển hành vi theo đường chơn thiện. Tâm sáng thì gần Tiên Phật, Tâm u tối thì gần Quỷ ma.

Linh đài cũng là cái Tâm của Vũ trụ. Đó chính là Thiên nhân (Nhân thị chủ Tâm), tượng trưng cho khối đức tin của Nhơn loại. Đức tin đó là nhận 2 Đấng Chí Tôn và Phật Mẫu là Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu của Nhơn loại. Có Đức tin vững chắc như thế thì Nhơn loại mới nhìn nhau là anh em một nhà, mới thương yêu giúp đỡ nhau. Đó là yếu tố then chốt tiến đến Đại Đồng Nhơn loại.

C.39: *Mở ra ĐĐTKPD là để tạo một khối đức tin lớn cho toàn Nhơn loại.*

Câu 40: *Diệt hình tà pháp, cường khai Đại Đồng.*

Diệt: Làm cho mất đi. **Hình:** Cái hiện ra trước mắt, hình thức.

Tà pháp: Tất cả những việc không ngay thẳng, không chơn thật, có mục đích không tốt đẹp.

Cường khai: Mở ra một cách mạnh mẽ.

Đại Đồng: Cùng chung một qui mô lớn lao. Xã hội Đại Đồng là một xã hội trong đó, khắp mọi nơi đều hòa bình vui vẻ, mọi người đều bình đẳng, không còn phân biệt giai cấp, chủng tộc, xem nhau như anh em một nhà. Đó là một xã hội thái bình an lạc lý tưởng, là đời Thượng ngươn Thánh đức.

C.40: *Tiêu diệt tất cả các hình thức của tà quái để mở ra một cách mạnh mẽ xã hội Đại Đồng cho toàn Nhơn loại.*

41. Hiệp vạn chủng nhứt môn đồng mạch,
42. Qui Thiên lương quyết sách vận trù.
43. Xuân Thu, Phất Chủ, Bát Vu,
44. Hiệp qui Tam giáo hữu cầu chí chơn.

協萬種一門同脈
歸天良決策運籌
春秋拂塵鉢盂
協歸三教有求至真

GIẢI NGHĨA

Câu 41: *Hiệp vạn chủng nhứt môn đồng mạch.*

Hiệp: Hợp lại, gom lại. **Vạn chủng:** Muôn loài, chỉ toàn thể Nhơn loại gồm nhiều chủng tộc. **Nhứt môn:** Một cửa, ý nói một nhà. **Đồng mạch:** Đồng là cùng, mạch là đường nước chảy. Đồng mạch là cùng một đường nước chảy, ý nói cùng chung một tín ngưỡng.

C.41: *Hợp các chủng tộc của Nhơn loại thành một nhà, trong một tín ngưỡng chung, cùng tôn thờ hai Đấng Cha Mẹ chung thiêng liêng là Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.*

Câu 42: *Qui Thiên lương quyết sách vận trù.*

Qui: Trở về, đem trở về. **Thiên:** Trời. **Lương:** Tốt đẹp. **Thiên lương** là cái tốt đẹp do Trời ban cho mỗi người. Đó chính là cái Tâm chơn chánh và lành, nên gọi là Lương Tâm. Lương Tâm chỉ là sự thể hiện của Chơn linh, mà Chơn linh là điểm Linh quang của Đức Chí Tôn ban cho mỗi người.

Quyết: Liệt định. **Sách:** Kế hoạch. **Vận trù:** Vận động và trù liệu toan tính công việc.

C.42: *Đức Phật Mẫu liệt định kế hoạch, vận động và toan tính đem cái Thiên lương (Tâm) trở lại làm chủ con người.*

Bấy lâu nay, cái Tâm của con người bị lục dục thất tình che lấp, không làm chủ con người, nên lần lần con người đi vào đường vật chất, gây ra lắm tội tình. Nếu kềm chế được thất tình và lục dục thì Thiên lương sẽ được sáng tỏ trở lại, làm chủ con người, khiến con người đi vào đường đạo đức.

Câu 43: *Xuân Thu, Phất Chủ, Bát Vu.*

Xuân Thu: là quyển Kinh Xuân Thu do Đức Khổng Tử viết ra để bày tỏ cái Đạo của Ngài. Mới nhìn thì Xuân Thu là một quyển sách lịch sử của nước Lỗ, nhưng Đức Khổng Tử đã vận dụng văn tự, và bút pháp để khen chê, phân biệt tà chánh rất minh bạch và đanh thép, nên người đời sau phải công nhận đó là những búa rìu trong Kinh Xuân Thu. “Khổng Tử tác Xuân Thu nhi loạn thần tặc tử cụ.” nghĩa là: Đức Khổng Tử làm Kinh Xuân Thu mà bọn loạn thần gian tặc sợ.

Như thế, Kinh Xuân Thu là sách để Tâm truyền đại nghĩa Danh và Phận về đường luân lý và chánh trị. Đức Khổng Tử nói: «Tri Ngã giả kỳ duy Xuân Thu hồ, tội Ngã giả kỳ duy Xuân Thu hồ.» Nghĩa là: Người biết Ta cũng chỉ ở Kinh Xuân Thu, người trách tội Ta cũng chỉ ở Kinh Xuân Thu.

Kinh Xuân Thu là biểu tượng của Khổng Tử, Đạo Cao Đài chọn Kinh Xuân Thu làm Cổ pháp tượng trưng Nho giáo.

Phất Chủ: Phất là quét, Chủ là con chủ, một giống thú thuộc loài nai, hình dáng như con hươu mà lớn hơn. Thường thì con chủ đi trước, đàn hươu đi theo sau, đuôi con chủ phẩy sạch bụi, nên ngày xưa thường dùng đuôi con chủ làm cây phất trần, tức là cây chổi quét bụi; vì thế cây Phất trần còn được gọi là Chủ vĩ (đuôi con chủ). Trong truyện Tam quốc, sau khi Quan Công bị chém đầu, hồn bay phưởng phất trên đỉnh núi Ngọc Tuyền đòi trả đầu lại, Phổ Tịnh Thiên Sư lấy “Đuôi chủ” gõ vào cửa để gọi hồn Quan Công. Quan Công liền đáp xuống ra mắt Thiên Sư. Thiên Sư giải rõ về Nhơn Quả, Quan Công liền tỉnh ngộ và hiển Thánh.

Vậy, Phất chủ là cây chổi làm bằng đuôi con chủ, để các vị Tiên quét bụi. Đây là cây chổi Tiên để quét sạch bụi trần bám vào che lấp cái Tâm, để cái Tâm trở nên trong sạch và sáng tỏ.

Theo Bí pháp Tiên gia, Phất chủ kết tụ điển khí của Thất bửu Diêu Trì Cung, dùng sửa trau Chơn thần cho tinh khiết. Nguồn gốc của cây Phất chủ là của Đức Thái Thượng Đạo Quân, một bảo vật của Tiên gia có phép thuật rất huyền diệu. Các vị Tiên thường cầm Phất chủ.

Do đó, Đạo Cao Đài chọn Phật chủ làm Cổ Pháp tượng trưng Tiên giáo.

Bát Vu: Bát là cái chén đựng đồ ăn, Vu là cái bầu đựng đồ ăn và nước. Bát Vu là cái bình đựng đồ ăn và nước của các vị Tăng Ni Phật giáo phái Khất sĩ, dùng đi khất thực.

Mỗi vị Sư, khi thọ giới cụ túc thì được vị Hòa Thượng nhơn danh Giáo Hội truyền cho một cái Bát, hoặc khi cái Bát bị hư bể thì cũng được Giáo Hội phát cho cái khác.

Bình Bát vu (Bát) và áo Cà sa (Y), gọi tắt là Y Bát, của Đức Phật Thích Ca là 2 tín vật quý báu để truyền ngôi Tổ Sư Phật giáo. Khi Đức Phật Thích Ca tịch, Ngài truyền Y Bát này lại cho Ma Ha Ca Diếp làm tín vật để kế thừa Ngài, giữ ngôi Nhứt Tổ Phật giáo Ấn Độ, điều hành toàn bộ Giáo hội Phật giáo. Y Bát này truyền dẫn xuống đến đời Tổ Sư 28 là Đạt Ma Tổ Sư, thì Y bát theo Đạt Ma Tổ Sư chuyển qua nước Trung Hoa để mở mang Phật giáo tại đây. Đạt Ma Tổ Sư trở thành Sơ Tổ của Phật giáo Trung Hoa. Tại đây, Đạt Ma Tổ Sư truyền Y Bát qua 4 đời Tổ nữa, thì đến Lục Tổ Huệ Năng, sau đời Lục Tổ Huệ Năng thì không còn lệ truyền Y Bát nữa, vì theo lời dặn dò của Đạt Ma Tổ Sư, sau 200 năm kể từ ngày Ngài nhận Y Bát làm Tổ thì không được truyền kế nữa. Lục Tổ Huệ Năng là vị Tổ Sư cuối cùng có Y Bát. Chắc chắn các Tổ Sư biết rằng, sau đời Lục Tổ Huệ Năng thì Phật giáo bắt đầu thất Chơn truyền, bước vào thời kỳ Mạt Pháp.

Đạo Cao Đài chọn Bình Bát vu làm Cổ Pháp tượng trưng Phật giáo.

Như vậy, Tam giáo: Nho, Thích, Lão, được tượng trưng bằng 3 Cổ Pháp:

- **Bình Bát vu**, tượng trưng Phật giáo.
- **Cây Phất chủ**, tượng trưng Tiên giáo.
- **Kinh Xuân Thu**, tượng trưng Nho giáo.

Ghép chung 3 Cổ Pháp này lại để nói lên ý nghĩa là: Tam giáo

qui nguyên, tức là đem 3 nền Tôn giáo này cùng trở về một gốc, gốc đó là nguồn cội của CKVT, là Thái Cực, là Thượng Đế vậy.

Câu 44: *Hiệp qui Tam giáo hữu cầu chí chơn.*

Hiệp: Hòa hợp. **Qui:** Trở về. **Hiệp qui:** Trở về và hòa hợp với nhau. **Tam giáo:** Ba nền tôn giáo lớn ở Á Đông, gồm: Phật giáo, Tiên giáo, Nho giáo. **Hữu:** Có. **Cầu:** Tìm kiếm, mong mỏi. **Chí:** Rất. **Chí chơn:** Rất chơn thật.

C.44: *Đem Tam giáo trở về hòa hợp với nhau thành một khối để mong tạo thành một nền Đại Đạo rất chơn thật.*

45. Phục nguyên như hườn tôn Phật tánh,
46. Giáo hóa hôn hữu hạnh hữu duyên.
47. Trụ căn qui khí Cửu tuyền,
48. Quảng khai Thiên thượng tạo quyền chí công.

復元人還存佛性
教化魂有幸有緣
住根鬼氣九泉
廣開天上造權至公

GIẢI NGHĨA

Câu 45: *Phục nguyên như hườn tôn Phật tánh.*

Phục: Đem trở về. **Nguyên như:** Người mà linh hồn được sanh ra từ lúc khai Thiên. (Xem trở lại Câu 7 PG) **Hườn:** Hoàn, trả lại. **Tôn:** Còn.

Phật tánh: Tánh Phật, tức là cái tánh giác ngộ. Đó là cái tánh tốt đẹp và lành mà Trời ban cho mỗi người. Phật tánh còn được gọi là: Giác tánh, Như Lai tánh.

Con người ai ai cũng đều có Phật tánh, cho nên nếu biết lo tu hành thì đều thành Phật. Dầu cho kẻ thiện hay người ác đều có Phật tánh như nhau, nhưng kẻ ác thì Phật tánh bị vật dục che lấp hoàn toàn, còn người thiện thì Phật tánh tỏ rạng.

Câu nói nổi tiếng của Lục Tổ Huệ Năng khi trả lời câu hỏi của Ngũ Tổ Hoàng Nhãn: «Người đàn ông có Nam Bắc, tánh Phật há vậy sao?»

Chỉ có Phật thì Phật tánh hoàn toàn sáng suốt.

Theo Niết Bàn Kinh, Phật tánh có 7 tính chất: Hằng có, Trong sạch, Thực, Lành, Đương kiến, Chơn chánh, Khả chứng.

Vậy, Phật tánh là cái bản tánh trong sạch thiện lương mà Trời ban cho mỗi người. Cho nên cũng gọi là Thiên tánh.

C.45: *Đem các nguyên nhân trở về bằng cách hoàn trả và bảo tồn cái bản tánh thiện lương chơn chánh mà Trời đã ban cho mỗi người.*

Các Nguyên nhân đầu kiếp xuống trần thì bị nhiễm trược trần, bị vật dục che lấp Phật tánh, làm cho Phật tánh dường như mất đi. Nay, Đức Phật Mẫu đến giúp họ giác ngộ, cởi bỏ bức màn vô minh, thì Phật tánh tỏ rạng, giống như là đã đem Phật tánh hoàn trả cho họ.

Câu 46: *Giáo hóa hôn hữu hạnh hữu duyên.*

Giáo hóa: Dạy dỗ cho biến đổi từ xấu ra tốt, từ dốt thành ra biết chữ nghĩa. **Hôn:** Linh hồn, Chơn linh.

Hữu: Có. **Hạnh:** May mắn. **Duyên:** Mỗi dây ràng buộc được định sẵn từ trước.

Hữu hạnh: Có may mắn gặp được mỗi Đạo. **Hữu duyên:** Có duyên với Phật, tức là có duyên với việc tu hành.

C.46: *Giáo hóa các linh hồn có may mắn (gặp Đạo) và các linh hồn có duyên (với việc tu hành).*

Câu 47: *Trụ căn qui khí Cửu tuyền.*

Trụ: Giữ yên một chỗ, thường nói: An trụ.

Căn: Cái gốc rễ. **Khí:** Cái phần vô hình.

Qui khí: Qui hồn, tức là những linh hồn thuộc Qui vị.

Cửu tuyền: Cửu là 9, Tuyền là suối. Cửu tuyền là Chín suối, chỉ cõi Âm phủ. Tương truyền, nơi Âm phủ có 9 dòng suối. Theo

Thế Thuyết, sau khi Ân Trọng Kham chết, Hoàn Huyền hỏi Ân Trọng Văn: Cha ngươi là Trọng Kham là người thế nào? Trọng Văn đáp: Tuy không thể làm sáng tỏ một đời, cũng đủ soi rọi khắp Chín tuổi.

C.47: *Cái gốc của các Quỷ hồn là ở cõi Âm phủ, nên Đức Phật Mẫu giữ yên các Quỷ hồn tại nơi đó.*

Câu 48: *Quảng khai Thiên thượng tạo quyền chi công.*

Quảng: Rộng rãi. **Khai:** Mở ra. **Quảng khai:** Mở rộng ra. **Thiên thượng:** Trên Trời, chỉ cõi Trời, tức cõi TLHS. **Quảng khai Thiên thượng:** Mở rộng cõi Trời để rước những người đắc đạo trở về. **Tạo:** Làm ra. **Quyền:** Quyền hành.

Chi công: Rất công bình. Cái Công bình nơi cõi thiêng liêng được tượng trưng bằng Cây Cân Công Bình của Đức Chí Tôn. Cái công bình đó mới là tuyệt đối, vì không có chi có thể khuất lấp được, còn cái công bình nơi phàm trần chỉ là cái công bình tương đối, vì sự phán xét của con người có giới hạn, và luật pháp do con người đặt ra có tánh cách tương đối. Vì thế, người ta gọi Thượng Đế là Đấng Chí Công.

C.48: *Đức Phật Mẫu mở rộng cõi Trời để thi hành cái quyền công bình thiêng liêng tuyệt đối của Trời. (Ai có công thì được thưởng, ai có tội thì bị đọa đày).*

49. Lĩnh Mẫu Hậu khai tông định Đạo,
50. Ân dưỡng sanh đảm bảo hồn hài.
51. Càn Khôn tạo hóa sánh tài,
52. Nhứt triều nhứt tịch kính bài mộ kang.

令 母 后 開 宗 定 道
恩 養 生 擔 保 魂 骸
乾 坤 造 化 暹 才
一 朝 一 夕 敬 排 暮 康

GIẢI NGHĨA

Câu 49: *Lĩnh Mẫu Hậu khai tông định Đạo.*

Lĩnh: Mệnh lệnh. **Mẫu Hậu:** Một danh hiệu của Đức Phật Mẫu. **Lĩnh Mẫu Hậu:** Mệnh lệnh của Đức Phật Mẫu.

Khai: Mở ra. **Tông:** Cũng đọc là Tôn, tôn giáo. **Khai tông:** Mở ra một nền tôn giáo. **Định:** Sắp đặt. **Đạo:** Tôn giáo. **Định Đạo:** Sắp đặt một nền tôn giáo.

C.49: *Đức Phật Mẫu ra lệnh mở ra một nền tôn giáo và sắp đặt các việc trong nền tôn giáo ấy.*

Trong Đạo Sử của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, Quyển I trang 28-29, có ghi lại sự tích Đức Phật Mẫu giảng dạy 3 vị Phò loan Vọng Thiên Cầu Đạo. Ba vị Phò loan là: Phạm công Tắc, Cao quỳnh Cư, và Cao Hoài Sang.

«Ngày 27-10-Ất Sửu (dl 12-12-1925), Bà Cửu Thiên Huyền Nữ giảng mách bảo rằng: Mừng 1 nầy, tam vị đạo hữu Vọng Thiên Cầu Đạo.

Bà thẳng rồi, ba ông hợp nhau bàn giải không hiểu Cầu Đạo là gì mà Bà dạy, để câu hỏi mấy Em.

Ngày sau, ba ông cầu Thất Nương hỏi: Thất Nương dạy giùm Cầu Đạo là gì? Thất Nương nói: Không phải phận sự của Em, xin hỏi Ông A Ẫ Ẫ.

Ngày sau nữa, có các Đấng giảng về, ba ông cũng hỏi thì các Đấng cũng nói: Không phải phận sự của tôi, xin hỏi Ông A Ẫ Ẫ.

Ngày 30-10-Ất Sửu (dl 15-12-1925), Ông A Ẫ Ẫ giảng dạy rằng: «Ngày mừng 1 tháng 11 nầy (dl 16-12-1925), tam vị phải Vọng Thiên Cầu Đạo. Tắm gội cho tinh khiết, ra quì giữa Trời, cắm 9 cây nhang mà vái rằng: Ba tôi là Cao quỳnh Cư, Phạm công Tắc, Cao Hoài Sang, vọng bái Cao Đài Thượng Đế, ban ơn đủ phước lành cho 3 tôi cái tà qui chánh.»

Nhớ lời Ông A Ẫ Ẫ dạy, ba ông quì ngoài sân, sắp đặt có một cái bàn nhỏ, quì chống tay trên bàn, mỗi người cắm 9 cây nhang vái y như lời Đấng A Ẫ Ẫ dạy bảo.

Ba ông cứ tịnh tâm mặc niệm vái như lời Ông AẤẤ dạy, không nhớ tới cái vụ quì ngoài đường, có kẻ qua người lại dập đầu, lớp thì xe cộ họ đi chơi, đi coi hát về, họ dừng chân lại coi ba ông nầy cúng vái ai mà quì ngoài sân cỏ như vậy. Ai coi mặc ai, ba ông cứ quì đó cầu khẩn van vái cho tàn hết 9 cây nhang.»

Qua đoạn Đạo Sử trên, chúng ta nhận thấy Đức Phật Mẫu ra lệnh Vọng Thiên Cầu Đạo, tức là bắt đầu Khai Tông Định Đạo, nhưng mọi việc sắp đặt đều do Đức Chí Tôn.

Câu 50: *Ân dưỡng sanh đảm bảo hôn hài.*

Ân dưỡng sanh: Cái công ơn sanh ra và nuôi dưỡng cho khôn lớn. **Đảm bảo:** Bảo đảm, quyết định gìn giữ với trách nhiệm cao. **Hôn hài:** Linh hôn và hình hài. Hình hài ở đây là chỉ hình hài thiêng liêng, tức là Chơn thân.

C.50: Công ơn của Đức Phật Mẫu là sanh ra, rồi nuôi dưỡng cho khôn lớn, lại còn gìn giữ Linh hôn và Chơn thân được toàn vẹn.

Câu 51: *Càn Khôn tạo hóa sánh tài.*

Càn Khôn: Trời Đất, tức là Càn Khôn Vũ trụ.

Tạo hóa: Tạo là làm ra, hóa là biến đổi. Tạo hóa là làm ra và biến đổi. Đấng Tạo Hóa: Theo ngôn ngữ thông thường, Đấng Tạo Hóa là Ông Trời, tức là Đấng Thượng Đế, là Đức Chí Tôn, nhưng thật ra, theo Triết lý của Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn giao nhiệm vụ tạo hóa cho Đức Phật Mẫu, nên từng Trời của Đức Phật Mẫu nự gọi là Tạo Hóa Thiên.

Đức Phật Mẫu chưởng quản Khí Âm quang, thâu lãn Sanh quang của Ngôi Thái Cực, rồi bắt lấy Khí Dương quang của Đức Chí Tôn, cho phối hợp với Âm quang của Phật Mẫu, tạo hóa ra CKVT và vạn vật.

Cho nên Đấng Tạo Hóa thực sự là Đức Phật Mẫu ở từng Trời Tạo Hóa Thiên. Nhưng vì Đức Phật Mẫu là một hóa thân của Đức Chí Tôn, và nhiệm vụ Tạo Hóa là do Đức Chí Tôn ban cho, nên nói Đấng Tạo Hóa là Đức Chí Tôn thì cũng đúng.

Sánh: do chữ SÍNH đọc trại ra. Sinh là mặc sức làm.

Sánh tài hay Sinh tài: Mặc sức trở tài làm việc.

C.51: *Càn Khôn tạo hóa sánh tài, nghĩa là Đức Phật Mẫu mặc sức trở tài tạo hóa ra CKVT và vạn vật.*

Câu 52: *Nhứt triều nhứt tịch kinh bài mộ khang.*

Nhứt: Mỗi một. **Triều:** Sáng sớm. **Tịch:** Chiều tối.

Nhứt triều: Mỗi buổi sáng. **Nhứt tịch:** Mỗi buổi chiều tối.

Kinh: Kính trọng. **Bài:** Sắp đặt. **Mộ:** Buổi chiều. **Khang:** An ổn vui vẻ.

C.52: *Mỗi buổi sáng, mỗi buổi chiều, mỗi buổi tối, chúng ta phải sắp đặt để đến viếng an Đức Mẹ.*

Ý nói: Chúng ta phải cúng lạy Đức Phật Mẫu cho thường, cúng sáng, cúng trưa, cúng tối, điều đó giống y như là chúng ta đến săn sóc và viếng an Đức Mẹ vậy.

53. Nam mô Điều Trì Kim Mẫu
Tạo Hóa Huyền Thiên cảm bái.
54. Nam mô Đại Từ Bi Năng Hộ Xả
Thiên Hậu Chí Tôn Đại Bi Đại Ái.

南無瑤池金母
造化玄天感拜
南無大慈悲能喜捨
天后至尊大悲大愛

Lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật, mỗi gật niệm:
Nam mô Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

南無瑤池金母無極天尊

GIẢI NGHĨA

Câu 53: *Nam mô Điều Trì Kim Mẫu Tạo Hóa Huyền Thiên cảm bái.*

Nam mô: Quyết chí vâng theo một cách cung kính. Đây là 2

tiếng mở đầu cho một câu cầu nguyện. (Xem chi tiết nơi Câu 1 Ngũ Nguyện). **Huyền Thiên:** Huyền là huyền diệu, Thiên là từng Trời. Huyền Thiên là từng Trời huyền diệu.

Tạo Hóa Huyền Thiên: Từng Trời Tạo Hóa huyền diệu. Đây là Từng Trời thứ 9 trong Cửu Trùng Thiên do Đức Phật Mẫu chưởng quản. **Cảm:** Mối rung động trong lòng. **Bái:** Lạy. **Cảm bái:** Kính lạy với sự xúc cảm trong lòng.

C.53: Chúng con cầu nguyện và kính lạy Đức Phật Mẫu ở từng Trời Tạo Hóa Thiên huyền diệu với tất cả sự cảm xúc trong lòng.

Câu 54: Nam mô Đại Từ Bi Năng Hộ Xả Thiên Hậu Chí Tôn Đại Bi Đại Ái.

Đại: Lớn. **Từ Bi:** Lòng thương yêu bao la thương khắp chúng sanh, luôn luôn muốn giúp chúng sanh thoát khổ.

Năng: Khả năng, sự tài giỏi làm nên việc. **Hộ:** Mừng rỡ, vui vẻ. **Xả:** Tha thứ, bỏ qua. **Hộ xả:** Vui vẻ tha thứ cho người xúc phạm đến mình hay có lỗi với mình.

Thiên Hậu: Một danh hiệu của Đức Phật Mẫu.

Chí Tôn: Rất được kính trọng, tôn kính tột bậc.

Đại ái: Lòng thương yêu to lớn. Đó là lòng thương yêu bao la của Đức Phật Mẫu đối với chúng sanh vì chúng sanh nơi cõi trần đều là con cái của Phật Mẫu.

C.54: Chúng con cầu nguyện với Đức Phật Mẫu có đức từ bi lớn, đức hộ xả lớn, đức bác ái lớn, với tấm lòng tôn kính tột bậc của chúng con.

V. TÓM TẮT GIẢI NGHĨA PHẬT MẪU CHƠN KINH

KINH:

1. Tạo Hóa Thiên Huyền vi Thiên Hậu,

GIẢI NGHĨA:

Ở từng Trời Tạo Hóa Thiên có Đấng Phật Mẫu huyền vi mẫu nhiệm,

2. Chương Kim Bàn Phật Mẫu Diệu Trì. *Đức Phật Mẫu chưởng quản Kim Bàn nơi Diệu Trì Cung.*
3. Sanh quang dưỡng dục quần nhi. *Dùng Khí Sanh quang để nuôi nấng cho khôn lớn toàn thể con cái của Ngài.*
4. Chơn linh phối nhưt thân vi Thánh hình. *Chơn linh phối hiệp làm một với Chơn thần để tạo thành một người nơi cõi thiêng liêng.*
5. Thiên cung xuất vạn linh vạn linh tùng pháp. *Đức Chí Tôn sản xuất ra vạn linh nên vạn linh phải tùng theo Pháp của Đức Chí Tôn.*
6. Hiệp Âm dương hữu hạp biến sanh. *Hòa hợp 2 khí Âm và Dương quang để biến hóa sanh ra.*
7. Càn Khôn sản xuất hữu hình. *Sản xuất ra CKVT và vạn vật có hình thể.*
8. Bát hôn vận chuyển hóa thành chúng sanh. *Vận chuyển Bát hôn đầu kiếp xuống trần hóa thành chúng sanh.*
9. Cộng vật loại huyền linh đồ nghiệp. *Hiệp tất cả chơn linh của chúng sanh để mưu tính làm sự nghiệp cho mình.*
10. Lập Tam tài định kiếp hòa căn. *Lập ra Tam tài (Thiên, Địa, Nhơn) sắp đặt cái kiếp sống và cái căn quả của mỗi người.*
11. Chuyển luân định phẩm cao thăng. *Nhờ luân hồi chuyển kiếp mà các Chơn linh tiến hóa, được định cho phẩm vị cao trọng hơn.*
12. Hư Vô Bát Quái trị thần qui nguyên. *Đức Phật Mẫu sắp đặt đem các chơn linh trở về gốc là Hư Vô Bát Quái, tức là trở về cùng Đức Chí Tôn.*

13. Diệt tục kiếp trần duyên oan trái. *Tiêu diệt hết các mối dây ràng buộc con người vào cõi trần và những oan trái đã gây ra.*
14. Chưởng Đào Tiên thủ giải trường tồn. *Đức Phật Mẫu chưởng quản các trái Đào Tiên để làm phần thưởng cho các chơn linh đắc đạo trở về ăn vào được hằng sống.*
15. Nghiệp hồng vận tử hồi môn, *Công nghiệp to lớn của Phật Mẫu là đem con cái trở về ngôi nhà cũ nơi cõi thiêng liêng.*
16. Chí Công định vị vĩnh tồn Thiên cung. *Đức Chí Tôn sắp đặt phẩm vị cho các Chơn linh để được hằng sống nơi cõi thiêng liêng.*
17. Chủ Âm quang thường tủng Thiên mạng. *Đức Phật Mẫu làm chủ Khí Âm quang, luôn luôn tủng mạng linh của Đức Chí Tôn.*
18. Độ Chơn thân nhưt vãng nhưt lai. *Cứu giúp các Chơn thân mỗi khi đi xuống trần đầu thai hay mỗi khi mãn kiếp trở về.*
19. Siêu thăng phụng liễn qui khai. *Khi linh hồn được siêu thăng thì có chiếc xe Tiên mở cửa rước về.*
20. Tiên cung, Phật xứ, Cao Đài xưng danh. *Đức Chí Tôn gọi tên lên để ban thưởng cho về Cung Tiên Xứ Phật.*
21. Hội ngươn hữu Chí Linh huấn chúng. *Cuối Hạ ngươn Tam Chuyển bước qua Thượng ngươn Tứ Chuyển, có Đức Chí Tôn đến dạy dỗ nhưn sanh.*
22. Đại Long Hoa nhưn chủng hòa ki. *Đại Hội Long Hoa là cơ quan đem các chủng tộc loài người hòa hợp cùng nhau.*

23. Tam Kỳ khai hiệp Thiên Thi. *ĐĐTKPD mở ra phù hợp với Thiên thơ tiền định.*
24. Khoa môn Tiên vị ngộ kỳ Phật duyên. *Trường thi lên phẩm vị Tiên dành cho người may mắn gặp Đạo và có duyên với Phật.*
25. Trung khổ hải độ thuyền Bát Nhã. *Đức Phật Mẫu đem thuyền Bát vào trong biển khổ để cứu vớt nhưn sanh.*
26. Phước từ bi giải quả trừ căn. *Đức Phật Mẫu ban phước và do lòng từ bi giải trừ căn quả cho nhưn sanh.*
27. Hườn hồn chuyển đọa vi thăng. *Người bị Ngũ Lôi tru diệt cho hườn linh hồn và chơn thân sống lại và ân xá các hồn bị đọa nay được siêu thăng.*
28. Cửu Tiên hồi phục Kim Bàn chưởng Âm. *Cửu vị Tiên Nương quay trở lại Kim Bàn DTC để giúp Đức Phật Mẫu chưởng quản khí Âm quang.*
29. Thập Thiên can bao hàm vạn tượng. *Mười Thiên can bao gồm muôn hình vạn trạng,*
30. Tủng Địa chi hóa trưởng Càn Khôn. *Thập Thiên can tủng theo Thập nhị Địa chi làm biến đổi và lớn rộng thêm CKVT.*
31. Trùng hườn phục vị Thiên môn. *Nhiều lần cho trở lại ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng.*
32. Ngươn linh hóa chủng Quỷ hồn nhưt thăng. *Các Nguyên hồn nay hóa thành các loại Quỷ hồn đều được độ rồi siêu thăng.*

33. Vô siêu đọa quả căn hữu pháp. *Không siêu thăng, không đọa dày, căn quả của mỗi người đều có luật pháp định rõ.*
34. Vô khổ hình nhơn kiếp lưu oan. *Không có những hình phạt khổ sở do các oan nghiệp của kiếp trước lưu lại (vì Phật Mẫu tiêu diệt hết)*
35. Vô Địa ngục, Vô Qui quan. *Không còn Địa ngục, không còn cửa quỷ.*
36. Chí Tôn đại xá nhưt trường qui nguyên. *Đức Chí Tôn đại khai ân xá để đem tất cả con cái trở về hội hiệp vào một chỗ cùng Ngai.*
37. Chiếu nhũ lệnh Từ Huyền thọ sắc, *Chiếu theo lệnh của Đức Phật Mẫu, mà Phật Mẫu nhận lãnh sắc lệnh của Đức Chí Tôn,*
38. Độ anh nhi Nam Bắc Đông Tây. *Cứu giúp toàn thể con cái của Phật Mẫu khắp nơi trên cõi trần.*
39. Kỳ khai tạo nhưt Linh đài, *Mở ra ĐĐTKPD là để tạo một khối đức tin lớn,*
40. Diệt hình tà pháp cường khai đại đồng. *Tiêu diệt tất cả hình thức của tà quái để mở ra một cách mạnh mẽ xã hội đại đồng cho nhơn loại.*
41. Hiệp vạn chủng nhưt môn đồng mạch. *Hiệp các chủng tộc nhơn loại thành một nhà có cùng chung một tín ngưỡng.*
42. Qui Thiên lương quyết sách vận trù. *Phật Mẫu liệu định kế hoạch, vận động toan tính đem cái Thiên lương trở lại làm chủ con người.*

43. Xuân Thu, Phát chủ, Bát Vu, *Ba Cổ pháp tượng trưng Tam giáo là: Kinh Xuân Thu (Nho giáo), Cây Phát chủ (Tiên giáo), Bình Bát vu (Phật giáo).*
44. Hiệp qui Tam giáo hữu cầu chí chơn. *Đem Tam giáo trở về hiệp thành một khối mong tạo thành một nền Đại Đạo chơn thật.*
45. Phục nguyên nhơn hườn tổn Phật tánh. *Đem các Nguyên nhơn trở về bằng cách hoàn trả và bảo tồn cái bốn tánh thiện lương chơn chánh mà Trời đã ban cho mỗi người.*
46. Giáo hóa hỗn hữu hạnh hữu duyên. *Giáo hóa các linh hồn có may mắn (gặp Đạo) và có duyên (với việc tu hành).*
47. Trụ căn qui khí Cửu tuyền. *Đức Phật Mẫu giữ yên các Qui hồn tại cái gốc của nó là cõi Âm phủ.*
48. Quảng khai Thiên thượng tạo quyền chí công. *Đức Phật Mẫu mở rộng cõi Trời để thi hành cái quyền Công bình thiêng liêng tuyệt đối của Trời.*
49. Lệnh Mẫu Hậu khai tông định Đạo. *Đức Phật Mẫu ra lệnh mở ra một nền tôn giáo và sắp đặt các việc trong nền tôn giáo ấy.*
50. Ân dưỡng sanh đảm bảo hỗn hài. sanh *Công ơn của Đức Phật Mẫu là ra và nuôi dưỡng cho khôn lớn, lại còn gìn giữ linh hồn và chơn thần được toàn vẹn.*
51. Càn Khôn tạo hóa sánh tài. *Đức Phật Mẫu mặc sức trở tài tạo hóa ra CKVT và vạn vật.*

52. Nhứt triều nhứt tịch *Mỗi buổi sáng, mỗi buổi chiều,*
kinh bài mộ khang. *mỗi buổi tối, chúng ta phải sắp*
đặt để đến viếng an Đức Mẹ.
53. Nam mô Diêu Trì Kim *Chúng con cầu nguyện kính lạy*
Mẫu Tạo Hóa Thiên *Đức Phật Mẫu ở tầng Trời Tạo*
cảm bái. *Hóa Huyền Thiên huyền diệu với*
tất cả lòng cảm xúc.
54. Nam mô Đại Từ Bi *Chúng con cầu nguyện với Đức*
Năng Hỷ Xả Thiên Hậu *Phật Mẫu có đức từ bi lớn, đức*
Chí Tôn Đại Bi Đại Ái. *hỷ xả lớn, đức bác ái lớn, với lòng*
tôn kính tốt bậc.

Lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật, mỗi gật niệm:

Nam mô DIÊU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC THIÊN TÔN.

Kinh Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu

- Kinh Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu
- Nguồn gốc Bài Kinh
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu

**TÁN TỤNG CÔNG ĐỨC
ĐIÊU TRÌ KIM MẪU
(Giọng Nam ai)**

1. Kể từ Hỗn Độn sơ khai,
2. Chí Tôn hạ chỉ trước Đài Linh Tiêu.
3. Lưỡng Nghi phân khí Hư Vô,
4. Diêu Trì Kim Mẫu nung lò hóa sanh.
5. Âm Dương biến tạo Chơn thân,
6. Lo cho nhơn vật về phần hữu vi.
7. Mớm cơm vú sữa cũng tay,
8. Dưỡng sanh đùm bọc với tài chí công.
9. Xét vì nhơn vật lẽ đồng,
10. Chắt chiu hằng để trọn lòng chung thương.
11. Chí mong hòa hảo Âm Dương,
12. Thuận căn theo lối bước đường vẹn chơn.
13. Mẫu Nghi hằng giữ lòng đơn,
14. Mảng lo cho trẻ đặng toàn mảnh thân.
15. Riêng thương Kim Mẫu khóc thầm,
16. Biển trần thấy trẻ lạc lăm bấy lâu.
17. Đòi phen MẸ luống ưu sầu,
18. Cũng vì Tà mị dẫn đường con thương.
19. Đỉnh chung là miếng treo gương,

20. Khiến nên trẻ dại lạc đường quên ngôi.
 21. Ngọt ngon trẻ nhiễm mển mùi,
 22. Trẻ nào có biết khúc nôi đoạn trường.
 23. Ngồi trông con đặng phi thường,
 24. MẸ đem con đến tận đường hằng sanh.
 25. Xưa con không thấu cội nhành,
 26. Vì đường Đạo bế biệt cành hoa rơi.
 27. Từ con cách MẸ phương Trời,
 28. Trăm luân khổ hải chơi với sóng trần.
 29. Dầu thương nhắm mắt đưa chơn,
 30. Giờ nay gặp lối nghiệt trần giảm tiêu.
 31. Ngọc Hư định phép cũng nhiều,
 32. Phái Vàng MẸ lãnh dắt dìu trẻ thơ.
 33. Trước kia trẻ vẫn mịt mờ,
 34. Từ đây mới hẳn ơn nhờ Mẫu Nghi.
 35. Đắc truyền khai mới Tam Kỳ,
 36. Dưới tay cây có Điều Trì Cửu Nương.
 37. Chín Cô đã sẵn lòng thương,
 38. Mê tân độ chúng bướm tương thoát vòng.
 39. Lục Nương phát phước Truy hồn,
 40. Tang thương nay lúc bảo tồn chúng sanh.
 41. Bát Nương thật đáng chí linh,
 42. Cùng chung giáo hóa ân cần lo âu.
 43. Thất Nương khêu đốc Đạo đầu,
 44. Nhờ người gọi ánh nhiệm mẫu huyền vi.
 45. Môn sanh thiện niệm hằng ngày,
 46. Cúi xin Kim Mẫu muôn loài cứu ương.

47. Đê đầu khấu bái Nương Nương,
 48. Nén hương đạm bạc xin thương chứng lòng.
 – Nam mô TẠO HÓA HUYỀN THIÊN ĐIỀU TRÌ KIM MẪU.
 – Nam mô TẠO HÓA HUYỀN THIÊN CỬU VỊ NỮ PHẬT.

I. Nguồn gốc Bài Kinh:

Kinh “Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim Mẫu” do Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao quỳnh Diêu đặt ra, viết xong tại Thảo Xá Hiên Cung ngày 18-5-Nhâm Thân (dl 21-6-1932), theo sự chỉ định của Đức Phạm Hộ Pháp, có dâng lên Bát Nương giáng cơ chính văn lại.

Nội dung bài Kinh này là để xưng tụng Công Đức của Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương.

Ngài Bảo Văn Pháp Quân viết bài Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim Mẫu lấy ý từ bài Thi văn của Đức Phật Mẫu giáng cơ dạy đạo tại Thảo Xá Hiên Cung ngày 15-11-Tân Mùi (dl 23-12-1931), Phò loan: Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài Bảo Văn Pháp Quân.

Bài Thi văn này, Ngài Bảo Văn Pháp Quân có đăng trong tập sách nhỏ của Ngài nhan đề “MẠCH ĐẠO” nơi trang 17 và 18, xuất bản năm Nhâm Thân (1932), xin chép nguyên văn ra dưới đây:

*“Từ Hồn Độn Chí Tôn hạ chí,
 Cho Thiếp quyền quản Khí Hư Vô.
 Lấy Âm quang tạo phách tăng đồ,
 Muốn vật cả lo cho sanh hóa.
 Nuôi năng lấy xác thân hòa hòa,
 Thuận Âm Dương căn quả hữu vi.
 Chưa ai vào đến cõi trần này,
 Chẳng thọ lấy Chơn thần tay Thiếp.
 Sanh dưỡng đã biết bao căn kiếp,
 Rồi dắt dìu cho hiệp với CHA,
 Kia móm cơm vú sữa cũng là,
 Sanh một kiếp người ta đáng mấy.*”

Dầu hài cốt trăm năm cũng vậy,
 Khổ tình thương chẳng lấy chi nhiều,
 Huống tạo Thiên *đùm bọc chất chiu*,
 Sanh một đứa liễu ngàn thế kỷ.
 Chịu mất trẻ *cũng vì tà mị*,
 Cướp *con thương*, bỏ vị quên ngôi.
 Ôi! Thương *đời phen* phải chịu ngậm ngùi.
 Thấy thân trẻ *nổi trôi biển khổ*.
 Trân trọng lấy hình hài dơ ố,
 Còn thiêng liêng vô số tiếc thương,
 Hằng *trông mong con đặng phi thường*,
Đem vào đặng con đường hằng sống.
 Kể từ trước Thiếp là hình bóng,
 Biết thương con chẳng mộng con thương,
 Đạo diu Đời bởi Thiếp lo lường,
 Trên mới thuận khoáng trường phổ tế.
 Kể từ trước *Đạo còn bị bế*,
 Mẹ thương con chẳng thể dặt dìu.
 Nay *côi trần nghiệt chường giảm tiêu*,
Ngọc Hư định đã nhiều phép cứu.
 Thiếp từ đặng *Phái Vàng* chí bửu,
 Lịnh Chí Tôn khai mỗi *Tam Kỳ*,
 Hằng ngày lo cho đám Nữ nhi,

KIM MẪU NƯƠNG NƯƠNG

Chúng ta nhận thấy bài Kinh “Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu” có nhiều câu rất giống với bài Thi của Đức Phật Mẫu giảng cơ ban cho, hay là có ý nghĩa tương tự. (Những chỗ làm dấu in chữ xiên).

II. Giải nghĩa chi tiết:

¹. Kể từ Hồn Độn sơ khai,

2. Chí Tôn hạ chỉ trước Đài Linh Tiêu.
3. Lương Nghi phân khí Hư Vô,
4. Diêu Trì Kim Mẫu nung lò hóa sanh.

GIẢI NGHĨA

Tán tụng: Tán là khen ngợi, Tụng là chúc mừng, khen ngợi. Tán tụng là chúc mừng và khen ngợi.

Công đức: Công là ra sức làm điều lành, đức là những việc làm hợp lòng người, thuận đạo Trời. Công đức là công nghiệp và đức độ giúp người giúp đời.

Công đức của Đức Diêu Trì Kim Mẫu đối với chúng sanh, cao sâu và rộng lớn vô cùng, không thể nào lường hết được. Đối với thế gian, công sanh thành dưỡng dục, giáo hóa của một bà mẹ đối với một đứa con còn không lấy chi đo lường được, huống chi là công đức của Bà MẸ thiêng liêng đối với toàn cả chúng sanh là con cái thương yêu của Người.

*Câu 1-2: Kể từ Hồn Độn sơ khai,
 Chí Tôn hạ chỉ trước Đài Linh Tiêu.*

Hồn Độn: Lộn lạo không phân biệt được các thành phần. Thời Hồn Độn là thời Tiên Thiên, tức là trước khi tạo dựng Trời Đất, các chất khí còn lẫn lộn vào nhau, chưa phân thanh lóng trước. **Sơ khai:** Sơ là lúc đầu, Khai là mở ra. Sơ khai là mới mở ra lúc đầu.

Hạ chỉ: Hạ là truyền xuống, Chỉ là mệnh lệnh của vua. Hạ chỉ là vua truyền lệnh xuống cho bề tôi thi hành. Ở đây là Đức Chí Tôn truyền lệnh xuống.

Đài Linh Tiêu: Cái Đài Cao nơi Linh Tiêu Điện Ngọc Hư Cung. Đây là nơi họp Thiên triều của Đức Chí Tôn.

*«Linh Tiêu nhất tháp thị Cao Đài,
 Đại hội quần Tiên thử ngọc giai.
 Vạn trượng hào quang từng thử xuất,
 Cổ danh bửu cảnh Lạc Thiên Thai.»*

(Trích Bài giảng cơ của Đức Chí Tôn tại Cần Thơ năm 1927)

Nghĩa là:

Nơi Điện Linh Tiêu có một cái tháp gọi là Cao Đài,
Các vị Tiên họp Đại hội tại bệ ngọc ấy.
Ánh hào quang từ nơi đó chiếu ra xa đến muôn trượng,
Tên xưa, cảnh quý báu đó là Lạc Thiên Thai.

C.1-2: Kể từ lúc Hồn Độn sơ khai, Khí Hư Vô sanh ra Đức Chí Tôn, rồi Đức Chí Tôn ngự trên cái Đài Cao nơi Điện Linh Tiêu truyền lệnh xuống.

Câu 3-4: *Lưỡng Nghi phân khí Hư Vô,
Điều Trì Kim Mẫu nung lò hóa sanh.*

Lưỡng Nghi: Hai Nghi: Âm quang và Dương quang, do Thái Cực biến hóa tạo ra. **Khí Hư Vô:** tức Hư Vô chi Khí, là chất khí nguyên thủy của CKVT. Khí Hư Vô sanh ra Đức Chí Tôn và ngôi của Đức Chí Tôn là Thái Cực.

Nung lò: Người thợ đốt nóng cái lò để hãm các vật bằng đất sét cho thành đồ gốm. **Nung lò hóa sanh:** Ý nói: Đức Phật Mẫu dùng Kim Bàn nơi DTC như là một cái lò sản xuất để tạo ra vạn vật.

C.3-4: Khí Hư Vô sanh ra Đức Chí Tôn và ngôi của Ngài là Thái Cực. Đức Chí Tôn phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi: Âm quang và Dương quang. Đức Phật Mẫu dùng Kim Bàn nơi DTC làm như một cái lò sản xuất để cho Lưỡng Nghi phối hợp tạo thành CKVT và vạn vật.

Bốn câu thơ 1,2,3,4: đã thi vị hóa Triết lý về Vũ Trụ Quan của Đạo Cao Đài, tóm tắt như sau:

Thuở nguyên thủy chưa có CKVT thì trong khoảng không gian bao la chỉ có một khí Hồng Mông còn hỗn độn, mờ mờ mịt mịt, gọi là Khí Hư Vô hay Hư Vô chi Khí.

Khí Hư Vô ấy lần lần ngưng kết, nổ ra một tiếng lớn, tạo thành một khối Đại Linh quang, hào quang chiếu diệu rực rỡ, gọi là

Thái Cực, hay là Đại hỗn của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế (mà chúng ta thường gọi là Đức Chí Tôn).

Đấng ấy được sanh ra đầu tiên hơn hết, trọn lành trọn tốt, toàn năng toàn tri, biến hoá vô cùng.

Đấng ấy bắt đầu phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi: Dương quang và Âm quang. Đức Chí Tôn chưởng quản khí Dương quang. Còn khí Âm quang chưa có ai chưởng quản, nên Đức Chí Tôn hoá thân ra làm Phật Mẫu để chưởng quản khí Âm quang. Sau đó Đức Chí Tôn giao quyền cho Đức Phật Mẫu dùng 2 khí Dương quang và Âm quang phối hợp, tạo hóa ra CKVT và vạn vật.

5. Âm Dương biến tạo Chơn thân,
6. Lo cho nhơn vật về phần hữu vi.
7. Mớm cơm vú sữa cũng tay,
8. Dưỡng sanh đùm bọc với tài chí công.

GIẢI NGHĨA

Câu 5: *Âm Dương biến tạo Chơn thân.*

Âm Dương: Hai khí Âm quang và Dương quang.

Biến tạo: Biến hóa tạo nên. **Chơn thân:** Xác thân thiêng liêng của con người.

C.5: Đức Phật Mẫu dùng hai khí Dương quang và Âm quang để tạo nên Chơn thân (Xác thân thiêng liêng) cho con người.

Một người sống nơi cõi TL thì phải có xác thân thiêng liêng do Đức Phật Mẫu, Bà Mẹ thiêng liêng tạo nên. Khi người đó đầu thai xuống cõi phàm trần và sống nơi cõi phàm trần thì phải có thêm một xác thân phàm trần, do cha mẹ phàm trần tạo ra.

Câu 6: *Lo cho nhơn vật về phần hữu vi.*

Nhơn vật: Người và vật. **Hữu vi:** Tất cả những gì có hình thể, sắc tướng, thấy được, sờ được. Đồng nghĩa với Hữu vi là Hữu

hình. Trái với Hữu vi là Vô vi, Vô hình.

C.6: Đức Phật Mẫu lo lắng cho người và vật về phần vật chất hữu hình.

*Câu 7-8: Mớm cơm vú sữa cũng tay,
Dưỡng sanh đùm bọc với tài chí công.*

Mớm cơm vú sữa: Mớm cơm cho ăn và cho bú sữa, chỉ việc mẹ nuôi con lúc sơ sanh. **Dưỡng sanh:** Nuôi dưỡng cho lớn lên và sống khỏe mạnh. **Đùm bọc:** Giúp đỡ, che chở với tất cả tình thương. **Chí công:** Rất công bình, công bình tuyệt đối. Chỉ có Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu mới có được sự công bình tuyệt đối, bởi vì không có sự chi dối trá qua mặt được hai Đấng ấy.

C.7-8: Một tay Đức Phật Mẫu lo nuôi dưỡng con cái từ lúc sơ sanh cho đến lúc lớn khôn, đùm bọc với tài năng rất công bình của Đấng Đại Từ Mẫu.

9. Xét vì nhơn vật lẽ đồng,
10. Chắt chiu hằng để trọn lòng chung thương.
11. Chí mong hòa hảo Âm Dương,
12. Thuận căn theo lối bước đường vẹn chơn.

GIẢI NGHĨA

Câu 9: Xét vì nhơn vật lẽ đồng.

Nhơn vật: Người và vật. **Lẽ đồng:** Cùng một lý lẽ như nhau, nghĩa là cùng được Đức Phật Mẫu tạo ra bằng 2 chất khí Dương quang và Âm quang, chỉ có khác nhau ở trình độ tiến hoá mà thôi.

C.9: Xét kỹ thì người và vật đều có cùng một lẽ như nhau là do Đức Phật Mẫu tạo ra.

Câu 10: Chắt chiu hằng để trọn lòng chung thương.

Chắt chiu: Quý trọng và nâng niu chăm sóc.

Hằng: Luôn luôn, thường thường.

C.10: Đức Phật Mẫu luôn luôn nâng niu chăm sóc con cái với tất cả lòng thương yêu.

*Câu 11- 12: Chí mong hòa hảo Âm Dương,
12: Thuận căn theo lối bước đường vẹn chơn.*

Chí: Ý chí, cái ý muốn to lớn mạnh mẽ.

Hòa hảo: Hòa là êm thuận với nhau, Hảo là tốt đẹp. Hòa hảo là thuận hòa tốt đẹp với nhau. **Âm Dương:** Âm quang và Dương quang. **Thuận:** Xuôi theo, thuận theo.

Căn: Gốc rễ. Cái gốc rễ của con người và muôn vật là hai khí Âm Dương, tức là Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu. **Vẹn chơn:** Hoàn toàn chơn thật.

C.11-12: Cái ý chí mong muốn của Phật Mẫu là 2 khí Âm Dương hoà hợp tốt đẹp với nhau, để chúng sanh thuận theo đó mà bước tới trên con đường tiến hóa hoàn toàn chơn thật.

Trong CKVT, hai khí Âm Dương có điều hòa tốt đẹp thì Càn Khôn mới an tịnh, sự vận chuyển các Địa cầu mới nhịp nhàng trật tự. Trong thân thể con người, Âm Dương có điều hòa thì con người mới khỏe mạnh. Trong vạn vật, Âm Dương có điều hòa thì mới sanh hoá và phát triển tốt đẹp.

Vậy sự hòa hảo Âm Dương là điều kiện tối cần thiết để toàn thể CKVT và vạn vật tiến hóa tốt đẹp.

13. Mẫu Nghi hằng giữ lòng đơn,
14. Mảng lo cho trẻ đặng toàn mảnh thân.
15. Riêng thương Kim Mẫu khóc thâm,
16. Biển trần thấy trẻ lạc lăm bấy lâu.

GIẢI NGHĨA

Câu 13- Mẫu Nghi hằng giữ lòng đơn,

14: Mảng lo cho trẻ đặng toàn mảnh thân.

Mẫu Nghi: Mẫu là mẹ, Nghi là khuôn mẫu, hình thức tốt đẹp đúng theo phép tắc. Ở cõi trần, Mẫu Nghi là Bà Hoàng Hậu của một nước, tức là Bà mẹ gương mẫu cho các bà mẹ khác trong dân chúng. Ở cõi thiêng liêng, Mẫu Nghi là Đức Phật Mẫu, Bà mẹ thiêng liêng của toàn chúng sanh.

Lòng đơn: chữ Hán là Đơn tâm (Đan tâm). Đơn là màu đỏ như son, nên dịch chữ Đơn tâm là Lòng son, nghĩa là tấm lòng ngay thẳng tốt đẹp không phai như màu đỏ của son.

Mảng: Đặt hết tâm trí vào làm một công việc. **Trẻ:** Chỉ toàn cả con cái của Phật Mẫu. **Mảnh thân:** Tấm thân.

C.13-14: Đức Phật Mẫu luôn luôn giữ lòng ngay thẳng tốt đẹp, luôn luôn lo lắng cho toàn thể các con có được tấm thân toàn vẹn.

*Câu 15-16: Riêng thương, Kim Mẫu khóc thầm,
Biển trần thấy trẻ lạc lấm bấy lâu.*

Riêng thương: Thương yêu một cách đặc biệt.

Kim Mẫu: Một danh hiệu của Đức Phật Mẫu.

Khóc thầm: Khóc mà không để cho người khác biết.

Biển trần: Cõi trần được ví như một biển khổ, con người sống trong cõi trần là đang ngụp lặn trong biển khổ ấy. (Xem: Câu 1 bài Khai Kinh).

Lạc lấm: Lấm lạc, gây ra điều sai trái vì mê muội không nhận ra lẽ phải.

C.15-16: Đức Phật Mẫu đặc biệt thương yêu con cái của Người, thường khóc thầm vì thấy con cái bị lấm đường lạc lối trong bấy lâu nay nên phải chịu nhiều khổ sở nơi cõi trần.

17. Đòi phen MẸ luống ưu sầu,
18. Cũng vì Tà mị dẫn đường con thương.
19. Đỉnh chung là miếng treo gương,
20. Khiến nên trẻ dại lạc đường quên ngôi.

GIẢI NGHĨA

Câu 17- Đòi phen MẸ luống ưu sầu,

18: Cũng vì Tà mị dẫn đường con thương.

Đòi phen: Đòi là nhiều, phen là lần. Đòi phen là nhiều lần.

MẸ: Đức Phật Mẫu. **Luống:** Mức độ nhiều lần.

Ưu sầu: Lo lắng buồn rầu. **Tà mị:** Tà là cong vạy, mị là phỉnh nịnh để lừa dối. Tà mị là những kẻ có lòng dạ không ngay thẳng, hay nịnh hót để lừa gạt người.

C.17-18: Đã nhiều lần, Đức Phật Mẫu lo lắng buồn rầu, vì đám Tà mị dụ dỗ con cái thương yêu của Người để dẫn vào con đường bất chánh.

Câu 19- Đỉnh chung là miếng treo gương,

20: Khiến nên trẻ dại lạc đường quên ngôi.

Đỉnh chung: Đỉnh là cái vạc lớn, chung là cái chuông báo hiệu.

Điển tích: Mạnh Thường Quân làm quan Tướng Quốc nước Tề, nổi tiếng chiêu hiền đãi sĩ. Trong nhà luôn luôn có cả ngàn tân khách, đều là người tài giỏi để lo bàn việc nước. Nhà bếp phải dùng nhiều vạc lớn để nấu cơm, và khi tới giờ ăn cơm, phải đánh chuông báo hiệu, mọi người mới nghe biết được. Do điển tích này, từ ngữ Đỉnh chung hay Chung đỉnh là để chỉ sự giàu có sang trọng.

Miếng: Một cái, một món. Tiếng dùng có ý khinh bỉ.

Treo gương: Treo lên cao để làm gương cho mọi người. **Ngôi:** Phẩm vị nơi cõi thiêng liêng, thường nói là: Ngôi vị.

C.19-20: Miếng mời giàu sang danh lợi hấp dẫn những con cái dại dột của Phật Mẫu đi vào con đường lấm lạc, quên mất ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng. Đó là một tấm gương treo lên cho mọi người biết.

21. Ngọt ngon trẻ nhiễm mển mùi,
22. Trẻ nào có biết khúc nôi đoạn trường.

23. Ngồi trông con dạng phi thường,
24. MẸ đem con đến tận đường hằng sanh.

GIẢI NGHĨA

Câu 21: Ngọt ngon trẻ nhiễm mền mùi.

Ngọt ngon: Chỉ chung những thứ hấp dẫn làm thỏa mãn các giác quan của thể xác. **Trẻ:** Tiếng mà Đức Phật Mẫu dùng gọi con cái. **Nhiễm:** Thấm sâu vào. **Mền:** Ưa chuộng.

C.21: Con cái của Đức Phật Mẫu tiêm nhiễm, ưa chuộng các mùi vị ngon ngọt của vật chất nơi cõi trần.

Câu 22: Trẻ nào có biết khúc nói đoạn trường.

Khúc nói: Nỗi niềm tâm sự thâm kín khó nói ra.

Đoạn trường: Đoạn là cắt đứt ra từng khúc, trường là ruột. Đoạn trường là đứt ruột, ý nói sự đau đớn dữ dội như ruột bị cắt đứt từng đoạn.

C.22: Con cái đâu có biết nỗi niềm thâm kín đoạn trường của Đức MẸ.

*Câu 23- Ngồi trông con dạng phi thường,
24: MẸ đem con đến tận đường hằng sanh.*

Ngồi trông: Cử chỉ của Bà MẸ ngồi thắc thỏm trông mong con cái trở về.

Phi thường: Phi là chẳng phải, thường là bình thường. Phi thường là chẳng phải bình thường, tức là vượt lên trên sự bình thường. Bình thường là ham thích lợi danh, say mê tửu sắc, ưa chuộng vật chất; Phi thường là xa lánh lợi danh, khinh thường vật chất, xem trọng đạo đức tinh thần, phát tâm tu hành, mong ngày sau đắc quả, linh hồn được trở về ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng. **Hằng sanh:** Hằng sống. Con đường hằng sanh là con đường TLHS. **Tận:** Cuối. **Tận đường hằng sanh:** Chỗ cuối của con đường TLHS, mà Đạo Phật gọi là Niết Bàn.

C.23-24: Đức Phật Mẫu ngồi trông mong con cái trở nên những

bực phi thường để Người rước đem về cõi Niết Bàn.

25. Xưa con không thấu cội nhánh,
26. Vì đường Đạo bế biệt cành hoa rơi.
27. Từ con cách MẸ phương Trời,
28. Trầm luân khổ hải chơi vơi sóng trần.

GIẢI NGHĨA

*Câu 25- Xưa con không thấu cội nhánh,
26: Vì đường Đạo bế biệt cành hoa rơi.*

Thấu: Biết rõ. **Cội nhánh:** Cội cây và nhánh cây, ý nói đầu đuôi gốc ngọn.

Đường Đạo bế: Con đường Đạo bị đóng lại, bế tắc.

Đạo là con đường để cho các bậc Thánh Tiên bị đọa trần do theo mà trở về cứu vớt. Đạo cũng là con đường để cho các phẩm chơn hỗn do theo mà tiến hóa để đoạt phẩm vị cao trọng hơn. Như vậy, Đạo luôn luôn có (hằng hữu), không bao giờ mất đi hay bị tiêu diệt, chỉ có trường hợp Đạo bị bế hay Đạo được khai ra mà thôi.

Việc Bế Đạo hay Khai Đạo, tỉ như một dòng suối, phát khởi từ hồi Khai Thiên Lập Địa, nước cứ chảy mãi, không bao giờ dứt. Trải qua nhiều thời gian, cỏ rác lẫn lộn phủ lấp dòng suối, đến một lúc nào đó thì mặt nước dòng suối bị phủ kín hoàn toàn, không ai còn nhìn thấy dòng suối ấy nữa. Cỏ rác dần dần thu hẹp dòng suối, đó là thời kỳ Chơn truyền của Đạo bị người phàm sửa cải nên sai lạc một phần. Đến khi dòng suối bị cỏ rác phủ kín hoàn toàn thì Chơn truyền của Đạo đã bị sửa đổi hoàn toàn đến sai lạc hẳn. Đó là thời kỳ Đạo bị bế. Người tu bị lầm lạc, tu không đúng Chơn truyền nên công đức có nhiều mà đắc quả thì không, tức tu nhiều mà thành thì rất ít.

Sau đó, có một vị thông minh sáng suốt phi thường, biết rõ nơi đây có dòng suối mát đã bị phủ kín, liền đến đó, dùng dao xén phát cỏ chặt cây, dọn hết rác rến cho quang đặng sạch sẽ,

dòng suối mát liền lộ ra và nhưn loại được hưởng nước suối mát đó. Đó là thời kỳ Đạo khai, và vị khai quang đó là một Đấng Giáo chủ mở ra một Chơn truyền mới cho nhưn sanh tu hành đắc đạo.

Đạo bế hay Đạo khai cứ luân chuyển nhau mãi, Đạo khai ra rồi lại bế, bế một thời gian rồi lại được khai ra. Nhưng Đạo vẫn là Đạo, Đạo vẫn như nhiên, luôn luôn tồn tại và lưu hành mãi mãi trong CKVT.

«Vốn từ Lục Tổ, Phật giáo đã bị bế lại, cho nên tu hữu công mà thành thì bất thành; Chánh pháp bị nơi Thần Tú làm cho ra mất Chánh giáo, lập riêng pháp luật buộc mỗi Đạo Thiên. ... Lắm kẻ đã chịu khổ hạnh hành Đạo. ... Ôi! Thương thay! Công có công mà thưởng chưa hề có thưởng, vì vậy mà TA rất đau lòng.» (TNHT. I. 22)

C.25-26: Từ xưa, các con không biết rõ ngọn nguồn, và cũng vì Đạo bị bế lại mà các con như cánh hoa rơi, phải cách biệt MỆ.

**Câu 27- Từ con cách MỆ phương trời,
28: Trăm luân khổ hải chơi với sóng trần.**

Trăm luân: Trăm là chìm, luân là chìm đắm. Trăm luân là chìm đắm. **Khổ hải:** Biển khổ, bể thảm. Con người sống trong cõi trần như là đang ngụp lặn trong biển khổ. (Xem Câu 1 Bài Khai Kinh: Biển trần khổ với với trời nước).

Chơi với: Trơ trọi giữa biển khơi mênh mông, không biết bám víu vào đâu. **Sóng trần:** Những làn sóng trên biển khổ vùi dập con người đang ngụp lặn trong biển khổ ấy.

Thi sĩ Đoàn như Khuê cảm tác bài thơ Bể thảm, trích 4 câu đầu:

*Bể thảm mênh mông sóng lụt trời,
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi.
Thuyền ai ngược gió, ai xuôi gió,
Coi lại cùng trong bể thảm thôi.*

C.27-28: Từ ngày các con cách biệt MỆ tới cả một phương trời, các con phải chịu chơi với nơi cõi trần, chìm đắm và bị vùi dập

trong vòng khổ não.

29. Dầu thương nhắm mắt đưa chơn,
30. Giờ nay gặp lối nghiệt trần giảm tiêu.
31. Ngọc Hư định phép cũng nhiều,
32. Phái Vàng MỆ lãnh dắt dìu trẻ thơ.

GIẢI NGHĨA

**Câu 29- Dầu thương nhắm mắt đưa chơn,
30: Giờ nay gặp lối nghiệt trần giảm tiêu.**

Nhắm mắt đưa chơn: Nhắm mắt bước tới, không cần biết phía trước có gì xảy ra. Ý nói: Buông xuôi theo số mạng, đưa đẩy tới đâu thì tới, không cần nghĩ ngợi hay tranh đấu.

Lối: Con đường đi, ý nói: Con đường Đạo.

Nghiệt trần: Các nghiệp ác nơi cõi trần. Nghiệt là nghiệp ác; trần là cõi trần. **Giảm tiêu:** Giảm bớt và tiêu mất.

C.29-30: Dầu thương các con, nhưng MỆ đành để số phận đưa đẩy các con. Ngày nay, các con gặp được con đường Đạo thì cái nghiệp ác nơi cõi trần của các con sẽ được giảm tiêu (vì nhờ sự Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn).

Câu 31: Ngọc Hư định phép cũng nhiều.

Ngọc Hư: Ngọc Hư Cung, ở tầng Trời Hư Vô Thiên. Đây là cơ quan Pháp luật của Thiên đình, gìn giữ Thiên Điều, điều hành toàn bộ sự vận chuyển và sự tiến hóa trong CKVT.

Định: Sắp đặt. **Định phép:** Lập ra pháp luật.

C.31: Các Đấng nơi Ngọc Hư Cung lập ra nhiều pháp luật.

Câu 32: Phái Vàng MỆ lãnh dắt dìu trẻ thơ.

Phái Vàng: Do chữ Huỳnh Đạo dịch ra: Phái Vàng hay Đạo Vàng, là chỉ Đạo Cao Đài của Đức Chí Tôn, căn cứ vào đời liền nơi Hiệp Thiên Đài:

- Hiệp nhập Cao Đài, bá tánh thập phương qui Chánh quả,

GIẢI NGHĨA KINH THIÊN ĐẠO

• *Thiên khai Huýnh Đạo, Ngũ chi Tam giáo hội Long Hoa.*
Nghĩa là:

- Hiệp vào Đạo Cao Đài, trăm họ trong mười phương đều đắc đạo trở về ngôi chánh quả,
- Trời mở Đạo Vàng, các Đấng Giáo chủ của Ngũ Chi Đại Đạo và Tam giáo tham dự Đại Hội Long Hoa.

C.32: Trong Đạo Cao Đài, Đức Phật Mẫu lãnh nhiệm vụ dắt con cái tu hành.

- 33. Trước kia trẻ vẫn mịt mờ,
- 34. Từ đây mới hẳn ơn nhờ Mẫu Nghi.
- 35. Đắc truyền khai mối Tam Kỳ,
- 36. Dưới tay cây có Điều Trì Cửu Nương.

GIẢI NGHĨA

Câu 33- Trước kia trẻ vẫn mịt mờ,

34: Từ đây mới hẳn ơn nhờ Mẫu Nghi.

Hàn: Hẳn, khẳng định như vậy, không có gì phải nghi ngờ.

Mẫu Nghi: Đức Phật Mẫu. (Xem trở lại Câu 13).

C.33-34: Trước kia con cái của Phật Mẫu vẫn còn mờ hồ, chưa biết Đức Phật Mẫu là Bà MẸ thiêng liêng của mình.

Từ đây mới biết, hẳn là phải nhờ ơn của Đức Phật Mẫu.

Câu 35- Đắc truyền khai mối Tam Kỳ,

36: Dưới tay cây có Điều Trì Cửu Nương.

Đắc truyền: Được lệnh của Đức Chí Tôn truyền xuống.

Khai: Mở ra. **Mối Tam Kỳ:** Mối Đạo Kỳ Ba, đó là ĐĐTKPD.

Cây: Nhờ vào. **Điều Trì:** Điều Trì Cung.

Cửu Nương: 9 vị Nữ Tiên nơi Điều Trì Cung, thường gọi là Cửu vị Tiên Nương.

“Dưới quyền của Đức Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về Cơ Giáo hóa cho vạn linh, còn ngoài ra có hằng hà

TÁN TỤNG CÔNG ĐỨC ĐIỀU TRÌ KIM MẪU

sa số Phật trông nom về Cơ Phổ độ mà Quan Âm Bồ Tát là Đấng cầm đầu. Quan Âm Bồ Tát ngự tại Cung Nam Hải, ở An Nhân Động; còn Điều Trì Cung thì ở tại Tạo Hóa Thiên.” (Trích Luật Tam Thể của Đức Cao Thượng Phẩm và Bát Nương).

C.35-36: Đức Phật Mẫu được lệnh truyền của Đức Chí Tôn, mở ra Đạo Cao Đài, và dưới tay nhờ có Cửu vị Tiên Nương DTC trông nom về Cơ Giáo hóa.

- 37. Chín Cô đã sẵn lòng thương,
- 38. Mê tân độ chúng bướm trương thoát vòng.
- 39. Lục Nương phát phước Truy hồn,
- 40. Tang thương nay lúc bảo tồn chúng sanh.

GIẢI NGHĨA

Câu 37- Chín Cô đã sẵn lòng thương,

38: Mê tân độ chúng bướm trương thoát vòng.

Chín Cô: Đây là Cửu vị Tiên Nương nơi DTC.

Mê tân: Mê là không tỉnh, tân là cái bến sông. Mê tân là bến mê. Con người sống trong cõi trần, vì vô minh nên mê lầm và phải chịu nhiều nỗi đau khổ phiền não. Đức Phật ví cõi trần là Sông mê bể khổ. Sông mê thì có Bến mê. Qua khỏi Bến mê thì tới Bờ giác (Giác ngộ). Bến mê là cõi trần, Bờ giác là cõi giải thoát của người đắc đạo, tức là cõi TLHS.

Độ: Cứu giúp. **Chúng:** Nhiều người, chúng sanh.

Bướm trương: Căng rộng chiếc bướm trên thuyền lên cho bọc gió, để sức gió đẩy thuyền đi. **Thoát:** Ra khỏi.

Vòng: Chỉ cái bánh xe, ý nói sự Luân hồi.

C.37-38: Cửu vị Tiên Nương đã sẵn lòng thương yêu chúng sanh, trương cánh bướm của chiếc Thuyền Bát Nhã, chờ nơi Bến mê để cứu vớt chúng sanh đưa sang Bờ giác, thoát vòng Luân hồi.

*Câu 39- Lục Nương phát phướn Truy hồn,
40: Tang thương nay lúc bảo tồn chúng sanh.*

Lục Nương: Vị Nữ Tiên thứ 6 trong Cửu vị Tiên Nương DTC.

Phất: Đưa lên cao và cho chuyển động qua lại.

Phướn: Chữ Hán gọi là Phan. Phướn giống như lá cờ nhưng bề ngang hẹp, lại khá dài, đuôi phướn hình bằng ngang, nhọn, hay hình đuôi cá. Có nhiều loại phướn với công dụng khác nhau: Phướn Phật Mẫu, Phướn Thượng Phẩm, Phướn Thượng Sanh, Phướn Truy hồn hay Phướn Tiêu Diêu, Phướn Tiếp Dẫn.

Phướn Truy hồn: Cây phướn hướng dẫn các chơn hồn đi đến các nơi trên cõi thiêng liêng. Truy là đuổi theo.

Tang thương: Tang là cây dâu, thương là màu xanh. Tang thương là nói tắt thành ngữ: Tang điền thương hải, nghĩa là ruộng dâu biến thành biển xanh.

Diễn tích: Theo Thần Tiên Truyện, Tiên Nữ Ma Cô nói với Vương phương Bình rằng: Từ khi được hầu tiếp ông đến nay đã từng thấy 3 lần ruộng dâu biến thành biển xanh.

Do đó, thành ngữ: Tang điền thương hải, dùng để chỉ cuộc đời luôn luôn biến đổi (vô thường), nay vậy mai khác, không có gì tồn tại mãi mãi.

Bảo tồn: Bảo là gìn giữ, tồn là còn. Bảo tồn là gìn giữ cho còn.

Chúng sanh: Nghĩa hẹp là Nhơn loại.

C.39-40: *Lục Nương cầm phướn Truy hồn phất lên để hướng dẫn các chơn hồn đi lên cõi thiêng liêng. Lục Nương còn có nhiệm vụ bảo tồn chúng sanh trong cuộc đời luôn luôn biến đổi.*

41. Bát Nương thật đáng chí linh,
42. Cùng chung giáo hóa ân cần lo âu.
43. Thất Nương khêu đuốc Đạo đầu,
44. Nhờ người gọi ánh nhiệm mầu huyền vi.

GIẢI NGHĨA

*Câu 41- Bát Nương thật đáng chí linh,
42: Cùng chung giáo hóa ân cần lo âu.*

Bát Nương: Vị Nữ Tiên đứng hàng thứ 8 trong Cửu vị Tiên Nương DTC. Chính Bát Nương giảng cơ cho bài Phật Mẫu Chơn Kinh. **Chí linh:** Chí là rất, linh là thiêng liêng. Chí linh là rất thiêng liêng. **Giáo hóa:** Dạy cho biến đổi từ xấu ra tốt, từ dốt ra biết chữ nghĩa. **Ân cần:** Quan tâm săn sóc chu đáo với lòng thương mến.

C.41-42: *Bát Nương là Đấng Nữ Tiên rất thiêng liêng, có nhiệm vụ giáo hóa và ân cần lo lắng giúp đỡ chúng sanh.*

CHÚ Ý: Câu kinh 42 thuở xưa đọc là: «*Cùng chung giáo hóa chung cùng lo âu.*» Câu này có điệp ngữ là: Cùng và Cùng. Theo bài ghi chép của Ông Truyền Trạng Phạm ngọc Trấn ngày 12-1-Đinh Hợi (dl 2-2-1947), Đức Phạm Hộ Pháp dạy các Cô Giáo nhi tụng câu kinh đó sửa lại là: «*Cùng chung giáo hóa ân cần lo âu.*»

Câu 43: Thất Nương khêu đuốc Đạo đầu.

Thất Nương: Vị Nữ Tiên đứng hàng thứ 7 trong Cửu vị Tiên Nương DTC. **Khêu đuốc:** Khơi lên ngọn lửa của cây đuốc cho cháy bùng lên toả ánh sáng đẩy lùi đêm tối. Đạo ví như ánh sáng của ngọn đuốc, dẫn đường cho nhơn sanh đi vào chánh đạo thoát khỏi luân hồi. Đầu: Trước tiên.

C.43: *Thất Nương là người đầu tiên khơi lên ánh sáng của một mới Đạo.*

Theo Đạo Sử, lúc còn xây bàn, Thất Nương là Đấng Nữ Tiên đầu tiên đến với nhóm 4 vị Phò loan là Cao quỳnh Cư, Phạm công Tắc, Cao hoài Sang và Cao quỳnh Diêu, dùng văn chương thi phú dẫn dắt 4 Ông vào đường đạo đức, rồi giao 4 Ông cho Đức Chí Tôn thân làm môn đệ, đặt làm tướng soái cho Đức Chí Tôn mở Đạo. Thất Nương cũng chỉ dạy cho quý Ông dùng Ngọc cơ thay việc xây bàn để cầu các Đấng giảng dạy cho được

mau lẹ và dễ dàng hơn.

Câu 44: Nhờ người gọi ánh nhiệm mầu huyền vi.

Nhờ người: Nhờ Thất Nương.

Gọi: Làm nảy sinh ra, khơi lên, thường nói kêu gọi. **Ánh**

nhiệm mầu: Ánh sáng mầu nhiệm. Mầu nhiệm là rất huyền diệu, như có phép lạ, không thể giải thích được bằng lý lẽ thông thường. **Huyền vi:** đồng nghĩa Huyền diệu.

C.44: Nhờ Thất Nương gọi lên cho nhơn sanh thấy được ánh sáng huyền vi mầu nhiệm của đạo đức.

KHẢO DỊ:

* Kinh Lễ năm 1952:

- Trang 28: Nhờ người gọi ánh ...
- Trang 105: Nhờ người gọi ánh ...

* Kinh TĐ-TĐ năm 1968:

- Nhờ người gọi ánh ...

* Kinh TĐ-TĐ năm 1974, 1975:

- Nhờ người gọi ánh ...

45. Môn sanh thiện niệm hằng ngày,
46. Cúi xin Kim Mầu muôn loài cứu ương.
47. Đê đầu khấu bái Nương Nương,
48. Nén hương đạm bạc xin thương chứng lòng.

– Nam mô Tạo Hóa Huyền Thiên Diêu Trì Kim Mầu.

– Nam mô Tạo Hóa Huyền Thiên Cửu vị Nữ Phật.

GIẢI NGHĨA

Câu 45: Môn sanh thiện niệm hằng ngày.

Môn sanh: Môn sinh, môn là cửa, sinh là học trò. Môn sanh hay Môn sinh là học trò trong cửa Đạo, tức là những Tín đồ trong Đạo. **Thiện niệm:** Thiện là lành, niệm là tưởng nghĩ tới.

Thiện niệm là tưởng nghĩ tới điều lành.

C.45: Chúng con là Tín đồ của Đạo Cao Đài hằng ngày tưởng nghĩ đến điều lành.

Câu 46: Cúi xin Kim Mầu muôn loài cứu ương.

Cứu ương: Cứu thoát khỏi các tai ương.

C.46: Cúi xin Đức Phật Mầu cứu giúp muôn loài sanh vật thoát khỏi tai ương.

Câu 47: Đê đầu khấu bái Nương Nương.

Đê đầu: Đê là cúi xuống, Đê đầu là cúi đầu xuống.

Khấu bái: Khấu là cúi rạp mình xuống, bái là lạy. Khấu bái là cúi rạp mình xuống để lạy.

Nương Nương: Tiếng gọi Bà Hoàng Hậu ở thế gian, ở đây là Đức Phật Mầu.

C.47: Cúi đầu rạp mình xuống kính lạy Đức Phật Mầu.

Câu 48: Nén hương đạm bạc xin thương chứng lòng.

Nén hương: Nén hương là một thẻ gồm nhiều cây nhang đốt cháy tỏa mùi thơm. **Đạm bạc:** Đạm là lạt lẽo, bạc là mỏng. Đạm bạc là đơn sơ nghèo nàn.

C.48: Trong cảnh đơn sơ nghèo nàn, xin đốt nén hương kính dâng lên Đức Phật Mầu thương xót chứng cho lòng thành.

Hai Câu cuối: là 2 câu niệm cầu nguyện Đức Phật Mầu và Cửu vị Tiên Nương, tức Cửu vị Nữ Phật, ở tầng Trời Tạo Hóa Thiên.

Cửu vị Tiên Nương DTC lập được nhiều công quả trong thời kỳ khai mở Đạo Cao Đài, nên đã được đặc phong vào hàng Phật vị, nên gọi là Cửu vị Nữ Phật.

(Đây là cách hiểu thông thường theo 5 nấc thang tiến hóa của Vạn linh do Ngũ Chi Đại Đạo lập thành: Đạt được Tiên vị rồi mới tu tiến hóa lên hàng Phật vị.)

ĐỨC PHẬT MẪU & Cửu vị Tiên Nương

Khi Báo Ân Từ được Đức Phạm Hộ Pháp tạm dùng làm Đền thờ Đức Phật Mẫu, Đức Phạm Hộ Pháp dạy đắp tượng Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương theo sự tích: Hồn rước Diêu Trì. (Xem sự tích này nơi Câu 6, Kinh Khi Về).

Hình chụp nơi trang kế sau chỉ là phần bên trên của toàn thể bức tượng thờ nơi Báo Ân Từ. (Xem lại các trang: PMCK 195, 196, 197)

Chúng ta thấy, ngự trên mình chim Thanh loan:

- Ở chính giữa, tượng lớn hơn hết là tượng của Đức Phật Mẫu.
- Ở hai bên, phía tay mặt và phía tay trái của Đức Phật Mẫu là 9 pho tượng của Cửu vị Tiên Nương, mỗi vị đều có cầm Bửu pháp, kể ra như sau:
 1. **Nhứt Nương**, tên là HOA, mặc áo màu xanh, tay ôm Bửu pháp là Đàn Tỳ Bà, ngồi dưới thấp, bên trái của Đức Phật Mẫu.
 2. **Nhị Nương**, tên là CẨM, cũng mặc áo màu xanh, tay cầm Bửu pháp là Lư Hương, ngồi kế bên phía trái của Đức Phật Mẫu.
 3. **Tam Nương**, tên là TUYẾN, cũng mặc áo màu xanh, tay cầm Bửu pháp là Long Tu Phiến (Quạt Long Tu), ngồi dưới thấp, bên phía mặt của Đức Phật Mẫu.
 4. **Tứ Nương**, tên là GẦM, mặc áo màu đỏ, tay cầm Bửu pháp là Kim Bảng, ngồi bên mặt Đức Phật Mẫu, kế bên Tam Nương.
 5. **Ngũ Nương**, tên là LIỄU, mặc áo màu đỏ, tay cầm Bửu pháp là Cây Như Ý, ngồi bên trái của Đức Phật Mẫu, kế Nhị Nương.
 6. **Lục Nương**, tên là HUỆ, mặc áo màu đỏ, tay cầm Bửu pháp là Phướn Tiêu Diêu, cũng gọi là Phướn Truy

hồn, ngồi kế bên mặt của Đức Phật Mẫu.

7. **Thất Nương**, tên là VƯƠNG THỊ LỄ, mặc áo màu vàng, tay cầm Bửu pháp là Bông sen, ngồi phía trái của Đức Phật Mẫu, kế bên Nhứt Nương.
8. **Bát Nương**, tên là HỒN LIÊN BẠCH, mặc áo màu vàng, tay cầm Bửu pháp là Giỏ Hoa Lam, ngồi nơi phía mặt của Đức Phật Mẫu, kế bên Tam Nương.
9. **Cửu Nương**, tên là CAO THỊ KHIẾT, mặc áo màu xanh, tay cầm Bửu pháp là Ống Tiêu, ngồi nơi phía mặt của Đức Phật Mẫu, kế Lục Nương.

Phía sau Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương là 4 Tiên đồng Nữ nhạc đứng hầu, kể ra:

- Vương Tử Phá, mặc áo màu xanh, đứng hầu bên phía trái của Đức Phật Mẫu, tay cầm cây Phướn.
- Đồng Song Thành, mặc áo màu xanh, đứng hầu bên phía mặt của Đức Phật Mẫu, tay cũng cầm cây Phướn giống y như Vương Tử Phá.
- An Phát Trinh, mặc áo màu vàng, đứng hầu bên phía trái của Đức Phật Mẫu, kế bên trái Vương Tử Phá, tay cầm quạt lông cán dài.
- Hứa Phi Yến, mặc áo màu vàng, đứng hầu bên phía mặt Đức Phật Mẫu, kế bên mặt Đồng Song Thành, tay cũng cầm quạt lông cán dài giống y như An Phát Trinh.

Kinh Giải Oan

- Kinh Giải Oan
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Giải Oan

KINH GIẢI OAN*(Giọng Nam xuân)*

1. Vòng xoay chuyển vong hồn tấn hóa.
2. Nương xác thân hiệp ngã Càn khôn.
3. Bước đường sanh tử đã chôn.
4. Oan oan nghiệt nghiệt dập dồn trái căn.
5. Luật Nhơn quả để răn Thánh đức.
6. Cửa Luân hồi nhắc bực cao siêu.
7. Dầu chẳng phải mực Thiên điều.
8. Cũng quyền tự chủ dặt dìu Thiên lương.
9. Dòng khổ hải hễ thường chìm đắm,
10. Mùi đau thương đã thấm Chơn linh.
11. Dây oan xe chặt buộc mình.
12. Nhớ nhơ lục đục thất tình nhiễm thân.
13. Chịu ô trước Chơn thần nặng trĩu.
14. Mảnh hình hài biếng hiếu lương tâm.
15. Phong trần quen thú cung âm.
16. Cảnh thẳng ngơ ngẩn lạc lằm Phong độ.
17. Khối trái chủ nhặng lo vay trả.
18. Mới gây nên nhân quả nợ đời.
19. Rảnh mình đâuặng thành thơi.
20. Thiên cung lối lối chơi vui cõi trần.
21. May đặng gặp hồng ân chan rưới,

22. Giải trái oan sạch tội tiền khiên.
23. Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên.
24. Khai đường Cực Lạc, dẫn miền Tây phương.
25. Nhập Thánh thể dò đường cứu vị.
26. Noi chơn truyền khử quỷ trừ ma.
27. Huệ quang chiếu thấu chánh tà.
28. Chèo thuyền Bát Nhã Ngân hà độ sanh.
29. Cứ nương bóng Chí Linh soi bước.
30. Gọi mê đồ tắm nước Ma-Ha.
31. Liên đài may nở thêm hoa.
32. Lão Đàm cũng biết, Thích Già cũng quen.

*(Niệm 3 lần Câu Chú của Thầy).***GIẢI NGHĨA**

Kinh Giải Oan do Đức Phạm Hộ Pháp đặt ra, có câu Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ chính văn lại.

Theo lời Sĩ Tải Huỳnh văn Hưởng thì 4 câu kinh cuối của bài Kinh Giải Oan bài do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ viết tiếp cho trọn ý nghĩa của bài.

Kinh Giải Oan để đồng ni tụng trước khi vị Chức sắc hành Pháp Giải Oan cho một tín đồ. Mục đích của Phép Giải Oan nằm trong ý nghĩa của bài kinh này và trong một số câu kinh của các bài kinh khác, xin trích ra sau đây:

*Dầu trọn kiếp sống không nên đạo,
Dầu oan gia tội báo buộc ràng.
Chí Tôn xá tội Giải Oan,
Thánh Thần Tiên Phật cứu nàn độ vong. (KCHKHH)
Phép Giải Oan độ hồn khỏi tội. (KHH)
Chí Tôn xá tội Giải Oan,
Thánh Thần Tiên Phật cứu nàn độ căn. (KCBCTBCHĐQL)*

Giải Oan: Giải là cởi bỏ ra, Oan là thù giận. Giải oan là cởi bỏ tất cả oán thù đã gây ra trong nhiều kiếp trước, tức là cởi bỏ những oan nghiệt tiền khiên. Đó là những nghiệp chướng nặng nề, nếu không cởi bỏ thì nó sẽ báo ứng gây ra nhiều trở ngại và tai họa đau khổ cho kiếp sống hiện tại.

Câu 1: Vòng xây chuyển vong hồn tấn hóa.

Vòng xây chuyển: Chỉ bánh xe luân hồi, tức là sự luân hồi chuyển kiếp của con người nơi cõi trần. **Vong hồn:** Vong là chết, hồn là linh hồn. Vong hồn là linh hồn của người chết.

Tấn hóa: Tiến hóa, thay đổi mỗi lúc một tốt đẹp và cao siêu hơn. Luật Tiến hóa chi phối khắp CKVT. Vạn vật luôn luôn tiến hóa, nên Càn Khôn cũng luôn luôn tiến hóa.

Sự tiến hóa của Vật chất, Kim thạch, Thảo mộc, Thú cầm là sự tiến hóa tự nhiên do các Đấng Thiêng liêng thúc đẩy; còn sự tiến hóa của con người là do học hỏi và tu luyện, bởi vì con người có hiểu biết và suy nghĩ.

Linh hồn con người đầu kiếp xuống trần là để học hỏi và tiến hóa. Đầu tiên con người học làm ác, để được quả báo mà chiêm nghiệm việc ác; học ác xong đến chán rồi thì bắt qua học thiện, làm việc thiện để nhận được quả báo mà chiêm nghiệm việc thiện, rồi thấy việc thiện rất có lợi cho linh hồn nên tiếp tục làm thiện mãi, nhờ thế mới tiến hóa lên các phẩm Thần Thánh Tiên Phật.

C.1: Nhờ luân hồi chuyển kiếp, linh hồn con người mỗi lúc một tiến hóa tốt đẹp hơn, cao siêu hơn.

Câu 2: Nương xác thân hiệp ngã Càn khôn.

Nương: Dựa vào. **Xác thân:** Thể xác phàm. **Hiệp:** Hợp vào. **Ngã:** Lối đi, đường đi. **Càn khôn:** Hai quẻ trong Bát Quái tượng trưng Âm Dương, mà nguyên lý Âm Dương là Đạo. **Hiệp ngã Càn khôn:** Ý nói hợp vào con đường Đạo, tức là theo Đạo lo việc tu hành.

C.2: Linh hồn phải nương dựa vào xác thân phàm để đi vào con đường Đạo, lo việc tu hành.

Linh hồn nơi cõi thiêng liêng, muốn được cao thăng phẩm vị, thì phải đầu kiếp xuống trần, để có xác thân phàm, mới có được TINH. Nhờ có xác thân phàm mới lập được công quả và phước đức, sau đó được truyền cho phép luyện đạo, để luyện TINH, KHÍ, THẦN hiệp nhưt, đắc đạo tại thế, linh hồn được cao thăng phẩm vị, trở thành Tiên, Phật.

Câu 3: Bước đường sanh tử đã chôn.

Đường sanh tử: Con đường luân hồi, hết sanh rồi tới tử, tử rồi lại chuyển kiếp để được sanh ra, ... cứ thế tiếp diễn như bánh xe quay tròn. **Chôn:** Mối, chán (mối gối chôn chân)

C.3: Bước đi trên con đường luân hồi, qua nhiều lần sanh tử, nên đã mỏi mòn chán nản.

Câu 4: Oan oan nghiệt nghiệt dập dồn trái căn.

Oan: Thù giận. **Oan oan:** Nhiều thù giận nối tiếp.

Nghiệt: Cái nghiệp ác, cái mầm ác gây ra tai họa. Việc làm ác gây ra nghiệp ác để chờ cơ hội thì báo ứng về sau. **Nghiệt nghiệt:** Nhiều nghiệp ác cứ nối tiếp nhau.

Dập dồn: Dồn dập, kéo đến liên tiếp. **Trái:** Món nợ. **Căn:** Gốc rễ. **Trái căn:** Những món nợ có gốc rễ từ kiếp trước, nay kiếp này phải đền trả.

C.4: Nhiều thù oan nghiệt của kiếp trước dồn dập kéo tới là những món nợ đòi hỏi kiếp này mình phải đền trả.

Câu 5: Luật nhơn quả để răn Thánh đức.

Luật nhơn quả: Nhơn hay Nhân là cái nguyên nhân, ví như cái hạt; quả là cái trái, kết quả. Nhơn quả là hạt và trái. Một cái hạt, ương lên thành một cái cây, cây lớn lên sanh trái, trong trái có hạt mới, đem ương hạt mới thì có cây mới, ... Nhân quả, quả nhân, cứ thế nối tiếp nhau mãi.

Như vậy, NHÂN là cái năng lực phát động, QUẢ là sự hình thành của cái năng lực phát động đó. Nhân và Quả là 2 trạng thái nối tiếp nhau, nương tựa vào nhau. Nếu không Nhân thì không có Quả, nếu không Quả thì ắt không Nhân.

Đức Chí Tôn là Đấng chí công vô tư, không vì thương mà thưởng, không vì ghét mà phạt. Đấng ấy chỉ lập ra Luật Nhân Quả để thực hiện sự Công Bình thiêng liêng mà điều hành sự Tiến hóa trong CKVT.

Hễ Nhân nào thì Quả nấy, trồng dưa thì được dưa, trồng đậu thì được đậu, gieo gió thì gặt bão, nhứt định không bao giờ sai chạy. Nhân và Quả cứ tiếp tục báo ứng nhau mãi, từ kiếp nọ sang kiếp kia, mãi mãi trói buộc con người vào vòng oan nghiệt nơi cõi trần.

Răn: Ngăn cấm, hãm he để dạy bảo.

Thánh đức: Cái đức tốt của bậc Thánh. Người có Thánh đức là người có tâm lành, cam thọ khổ để giúp nhơn sanh hết khổ, suốt đời đi trọn vẹn trên con đường đạo đức.

C.5: Đức Chí Tôn lập ra Luật Nhân quả để răn dạy nhơn sanh phải biết tuân theo mà đi trọn con đường Thánh đức.

Câu 6: Cửa Luân hồi nhắc bậc cao siêu.

Luân hồi: Luân là cái bánh xe, hồi là quay trở lại. Luân hồi, nghĩa đen là cái bánh xe quay đi rồi trở lại. Đức Phật ví kiếp sống của con người với sự sinh tử như là cái bánh xe quay tròn, tiếp diễn mãi mãi. Như thế, Luân hồi chỉ là sự diễn biến liên tục của Nhân và Quả, nhưng tính theo đơn vị thời gian là một kiếp sống con người. Kiếp trước là Nhân, kiếp sống hiện tại là Quả, và cũng là Nhân cho kiếp sau, cứ thế tiếp diễn mãi. Khi còn ở trong vòng Luân hồi thì phải chịu trong vòng Tứ Khổ: Sanh, Lão, Bệnh, Tử. Hễ thoát khỏi Luân hồi thì hết Khổ, được trở về Cực Lạc Niết Bàn. Đó là mục đích của người tu.

Bực cao siêu: Hạng người tài giỏi.

NHẮC: có 2 nghĩa: – Nghĩa thứ nhứt là: Nhắc nhở cho nhớ.

- Nghĩa thứ hai là: Nâng lên (người miền Bắc thường nói là: Nhắc). Do đó Câu kinh 6 được giải thích theo 2 cách:

1) Cửa vào vòng Luân Hồi nhắc nhở các bậc tài giỏi ghi nhớ rắng làm sao cho thoát khỏi.

2) Cửa vào vòng Luân hồi là để con người học hỏi tiến hóa, nâng mình lên phẩm vị cao siêu.

Câu 7: Dầu chẳng phải mực Thiên điều.

Dầu chẳng: Dầu thế nào đi chẳng nữa. **Mực:** Cái lằn mực giới hạn. **Thiên điều:** Các điều khoản Luật pháp của Trời, được các Đấng Thần Thánh Tiên Phật họp Đại hội tại Ngọc Hư Cung lập ra để điều hành sự vận chuyển và sự Tiến hóa của CKVT. Thiên điều được chép vào một quyển sách gọi là Thiên Thơ (Thiên Thi, hay Thiên Thư).

C.7: Dầu thế nào đi chẳng nữa, phải tuân Thiên điều, không được vượt qua mức giới hạn qui định trong Thiên điều.

Câu 8: Cũng quyền tự chủ dặt dui Thiên lương.

Tự chủ: Tự mình làm chủ lấy mình. **Quyền tự chủ:** Cái quyền riêng của mình tự định đoạt lấy cuộc đời mình. **Thiên lương:** Thiên là Trời, lương là tốt đẹp. Thiên lương là cái tốt đẹp mà Trời ban cho mỗi người. Đó là cái Lương tâm, nó vốn lành, nên nó luôn luôn hướng dẫn con người làm điều lương thiện đạo đức, và răn phạt con người khi làm điều gian ác hung bạo.

C.8: Mỗi người, ai cũng có cái quyền tự chủ, định đoạt cuộc đời mình theo sự dặt dui của Lương tâm.

Lương tâm, hay nói vắn tắt là Tâm, là cái thể hiện của Chơn linh. Nếu Chơn linh không trau luyện cái Tâm, để cho nó lờ lờ yếu đuối, thì Lục đục Thất tình dấy lên làm chủ thể xác, xúi bẩy thể xác làm điều sai quấy, thì Chơn linh phải lãnh lấy tội tình và phải chịu đọa đày theo Luật Nhân quả.

Câu 9-10: Dòng khổ hải hằng thường chìm đắm,
Mùi đau thương đã thấm Chơn linh.

Dòng khổ hải: Dòng nước trong biển khổ, chỉ nỗi khổ của con người nơi cõi trần. **Chìm đắm:** Chìm sâu trong nước. **Thấm:** Ngấm vào, nhiễm vào. **Chơn linh:** Linh hồn.

C.9-10: Khi con người bị chìm sâu trong biển khổ thì Chơn linh phải chịu nhiều nỗi đau thương.

Ý nói: Khi con người mãi mãi luân chuyển chìm đắm trong cõi trần thì những nỗi đau thương sẽ thấm sâu vào Chơn linh, làm Chơn linh rất đau khổ.

Câu 11: Dây oan xe chặt buộc mình.

Dây oan: Sợi dây oan nghiệt. Những việc làm không lương thiện của mình tạo thành những sợi dây oan nghiệt vô hình buộc chặt Chơn thần của mình vào vòng Luân hồi để chịu Luật Nhơn quả thể hiện. (Xem: Bảy dây oan nghiệt, Câu 3 Kinh Đệ Nhứt Cửu). **Xe chặt:** Làm cho sợi dây xoắn chặt lại.

C.11: Những oan nghiệt gây ra tạo thành những sợi dây oan nghiệt vô hình buộc chặt Chơn thần mình vào cõi trần.

Câu 12: Nhớp như lục dục thất tình nhiễm thân.

Nhớp nhơ: Dơ bẩn. **Nhiễm:** Thấm vào. **Thân:** Xác thân. **Nhiễm thân:** Thấm vào xác thân.

Lục dục: 6 điều ham muốn gồm:

- Sắc dục là ham muốn nhìn thấy sắc đẹp.
- Thính dục là ham muốn nghe âm thanh êm tai.
- Hương dục là ham muốn ngửi mùi thơm tho.
- Vị dục là ham muốn ăn món ngon vật lạ.
- Xúc dục là ham muốn da thịt được mát mẻ để chịu.
- Ý dục là ham muốn được thỏa mãn ý nghĩ.

Thất tình: 7 thứ tình cảm gồm:

- Hỷ là mừng rỡ.
- Nộ là giận hờn.
- Ái là thương yêu.
- Ố là ghen ghét.
- Ai là buồn phiền.
- Lạc là vui vẻ.
- Dục là ham muốn.

C.12: Nhớp như lục dục thất tình nhiễm thân, là Lục dục và Thất tình xúi giục, xô đẩy con người vào vòng vật chất thấp hèn làm cho các thứ nhớp bẩn thấm vào xác thân.

Câu 13: Chịu ô trược Chơn thần nặng trĩu.

Ô trược: Ô là bẩn thỉu, dơ bẩn, Trược hay Trọc là dơ dáy, hôi hám. Ô trược là bẩn thỉu dơ dáy. Trái với Ô trược là Thanh khiết. **Chơn thần:** Xác thân thiêng liêng. (Xem: C.18 PMCK). **Nặng trĩu:** Nặng như bị đè hẳn xuống.

Nơi cõi phàm trần, tức là nơi quả Địa cầu 68 này, thanh khí thì ít, mà trược khí thì nhiều, lại nữa con người dùng thịt các loài cầm thú làm thức ăn nuôi xác thân, mà các thứ thịt ấy chứa rất nhiều chất trược, do đó:

C.13: Chơn thần phải chịu ô trược nặng nề, nên khi Chơn thần xuất ra khỏi thể xác thì nó nặng trĩu, không thể bay bổng lên được.

Câu 14: Mảnh hình hài biếng hiếu lương tâm.

Hình hài: Thể xác phàm. **Biếng hiếu:** Làm biếng hiếu biết, ý nói không chịu nghe lời dạy bảo. **Lương tâm:** Cái tấm lòng lành, đó là cái thể hiện của Chơn linh.

«Thầy đã nói nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một Chơn linh gìn giữ cái chơn mạng sanh tồn. Thầy tưởng chẳng cần nói, các con cũng hiểu rõ rằng: Đấng Chơn linh ấy vốn vô tư, mà lại đặng phép giao thông cùng cả chư Thần Thánh Tiên Phật và các Đấng Trọn lành nơi Ngọc Hư Cung, nhứt nhứt điều lành việc dữ đều ghi chép không sai, đặng đặng

vào Tòa Phán xét. Bởi vậy nên một mây không qua, dư lành đều có trả; lại nữa, các Chơn linh ấy, tánh Thánh nơi mình, đã chẳng phải giữ gìn các con mà thôi, mà còn dạy dỗ các con, thường nghe đời gọi lộn Lương tâm là đó.» (TNHT. II. 66).

C.14: *Thế xác làm lơ trước những điều dạy bảo của lương tâm.*

Lương tâm của mỗi người thường dạy bảo xác thân làm điều hay sự phải, nên khi xác thân làm điều sai quấy thì bị Lương tâm cắn rứt. Nhưng xác thân bị Lục dục Thất tình cám dỗ, xúi giục, làm điều hèn hạ, thoả mãn lòng ham muốn vật chất. Đối với những người mà ý chí không mạnh mẽ thì Lục dục Thất tình mạnh hơn và lấn lướt Lương tâm, khiến xác thân làm lơ trước những điều dạy bảo của Lương tâm.

Câu 15: Phong trần quen thú cung âm.

Phong trần: Phong là gió, trần là bụi. Phong trần là gió bụi, chỉ sự từng trải ở đời hay sự gian nan vất vả ở đời.

Quen thú: Quen thuộc các thú vui. **Cung âm:** Cung bậc của âm nhạc, chỉ cảnh đờn ca xướng hát trong các ca lâu kỹ viện, chỗ ăn chơi trác táng.

C.15: *Đã từng trải và quen thuộc các thú vui chơi đàn hát nơi chốn ca lâu kỹ viện.*

Câu 16: Cảnh thẳng ngơ ngẩn lằm lằm Phong đô.

Cảnh thẳng: Cảnh của những linh hồn siêu thẳng tới ở, tức là cảnh Thiêng liêng Hằng sống. **Ngơ ngẩn:** Ở trạng thái mà tâm trí như ở đầu đầu. **Lằm lằm:** Lằm đường lằm lối.

Phong đô: Tên của một vùng đất thời xưa bên Tàu mà người ta tin rằng đó là Âm phủ.

Theo Phật giáo, Phong đô là cõi Địa ngục, để giam giữ và trừng trị những linh hồn tội lỗi. Khi bị giam vào đó rồi thì không thể nào trốn thoát được.

Theo Đạo Cao Đài với Đại Ân Xá kỳ ba, Đức Chí Tôn ra lệnh đóng cửa Địa ngục, nên không còn cõi Địa ngục nữa. Các linh

hồn tội lỗi được đưa đến cõi Âm quang, là nơi để tịnh tâm định trí, tự xét lại những lỗi lầm đã qua mà ăn năn sám hối, cầu xin Đức Chí Tôn cứu vớt. Tại cõi Âm quang có Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát giáo hóa các Nam tội hôn, và Thất Nương DTC giáo hóa các Nữ tội hôn.

C.16: *Trong kiếp sanh đã làm nhiều điều lằm lằm sai trái, nên khi chết đi, Chơn thân xuất ra, nhìn con đường đi về cõi TLHS mà lòng ngẩn ngơ vì không thể lên đó được, bị đưa về cõi Âm Quang để tự xét mình và ăn năn sám hối tội tình.*

Câu 17- Khỏi trái chủ nhăng lo vay trả.

18: Mới gây nên nhân quả nợ đời.

Khỏi: Chỉ một đám người. **Trái chủ:** Trái là món nợ, chủ là người làm chủ. Trái chủ là người chủ nợ, người cho vay. **Khỏi trái chủ:** Chỉ chung đám chủ nợ và đám con nợ.

Nhăng: Những, nghĩa là: chỉ có, chỉ là.

Nhân quả: (đã giải thích nơi câu 5). **Nợ đời:** Những món nợ ở đời tạo thành cái nghiệp mà mình phải đền trả.

C.17-18: *Đám chủ nợ và đám con nợ, kẻ chỉ lo việc cho vay và đòi nợ, kẻ thì chỉ lo việc trả nợ, mới tạo nên việc nhân quả và cái nghiệp nơi cõi đời.*

Vì bị lằm quẩn trong vòng nhân quả liên tục như thế, nên con người không thể thoát ra khỏi luân hồi. Muốn thoát khỏi luân hồi thì chỉ lo trả cho hết nợ mà không gây ra nợ mới, nghiệp mới hay gây ra nhân mới, đồng thời lo lập công bồi đức, tùng theo Chơn pháp tu hành.

KHẢO DỊ:

* Kinh TĐ-TĐ 1936, Kinh Lễ 1952:

- Mới gây nên ...

* Kinh TĐ-TĐ năm 1968, 1974, 1975:

- Mới gây nên ...

Hai từ ngữ: *Gây nên* và *Gây nên*, đồng nghĩa.

Câu 19: Rảnh mình đâuặng thánh thời.

Rảnh: Không vướng bận việc gì hết.

Thánh thời: Nhân hạ, thông thả.

C.19: Thân mình đâu có được rảnh rang (vì còn ở trong vòng vay trả) để đặng thông dong nhân hạ.

Câu 20: Thiên cung lỗ chơi voi cỡi trần.

Thiên cung: Chỉ cỡi Trời, tức cỡi TLHS.

Lỗ lối: Lỗ đường; đi được một phần đường, chưa tới nơi tới chốn thì phải dừng lại. **Chơi voi:** Trơ trọi giữa khoảng rộng, không biết bám víu vào đâu.

C.20: Lỗ đường về cỡi TLHS, đành chịu trơ trọi bơ vơ nơi cỡi trần.

**Câu 21- 22: May đặng gặp hồng ân chan rưới,
22: Giải trái oan sạch tội tiền khiên.**

Hồng ân: Hồng là to lớn. Hồng ân là ơn huệ to lớn của Đức Chí Tôn ban cho. **Chan rưới:** Ban bố đầy dẫy.

Giải: Cởi bỏ ra. **Trái:** Món nợ. **Oan:** Thù giận. **Giải trái oan:** Cởi bỏ hết những món nợ thù giận đã gây ra trong kiếp trước.

Sạch tội: Hết tội. **Tiền khiên:** Tiền là trước, Khiên là tội lỗi. Tiền khiên là tội lỗi đã gây ra trong các kiếp trước.

C.21-22: May mắn gặp được ơn huệ to lớn của Đức Chí Tôn ban cho đầy dẫy, để cởi bỏ hết những món nợ oan nghiệt và rửa sạch tiền khiên.

Đó là hiệu quả của Phép Giải Oan mà Đức Chí Tôn đã ban cho Đạo Cao Đài trong kỳ Đại Ân Xá này.

Câu 23: Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên.

Địa ngục: Cõi tối tăm thấp kém nhất dùng để giam giữ, đày đọa và trừng phạt các linh hồn mà trong kiếp sanh nơi cõi trần đã làm nhiều điều tội lỗi nặng nề.

Tầng Thiên: Các Tầng Trời, chỉ cõi Trời vì cõi Trời có nhiều

tầng Trời, đó là cõi của những linh hồn đắc đạo siêu thăng, cõi của chư Thần Thánh Tiên Phật.

C.23: Đức Chí Tôn cho đóng cửa Địa ngục để phóng thích các tội hồn, và mở rộng cửa các tầng Trời để đón tiếp những linh hồn đắc đạo.

Đây là thể hiện thời kỳ Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn.

Câu 24: Khai đường Cực Lạc, dẫn miền Tây phương.

Khai đường: Mở đường, dẹp các chướng ngại trên đường, làm cho thông thoáng để đi.

Cực Lạc: Cực Lạc Thế giới, ở về phía Tây, nên cũng gọi là Tây phương Cực Lạc, là cõi của chư Phật, hoàn toàn an vui sung sướng. Phật gọi đó là cõi Cực Lạc Niết Bàn.

Theo Kinh A-Di-Đà, cõi CLTG có lầu đài nhà cửa, đường sá đều làm bằng 7 thứ châu báu (Thất bảo), có hoa Tiên rất xuống như mưa rất đẹp, có chim linh múa hát, có các bực La Hán, Bồ Tát, Phật và những người như đức tu hành, ăn uống khỏi cần nấu nướng, tự nhiên có sẵn, áo quần làm bằng châu báu luôn luôn sạch sẽ và thơm tho, muốn đi đâu tùy ý, không cần xe cộ hay máy bay, chỉ cất bước là bay tới rất nhanh đúng theo ý muốn.

Trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ, cõi CLTG đặt dưới quyền chưởng quản của Đức Phật A-Di-Đà.

Bây giờ bước qua thời Tam Kỳ Phổ Độ, theo lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, Đức Phật A-Di-Đà, vâng lệnh Đức Chí Tôn, giao quyền chưởng quản CLTG cho Đức Di-Lạc Vương Phật, Đức Phật A-Di-Đà vào ngự nơi Lôi Âm Tự.

Miền Tây Phương: Ý nói cõi Tây Phương Cực Lạc, hay cõi CLTG, vì cõi này ở về hướng Tây.

C.24: Đức Chí Tôn ra lệnh khai thông con đường dẫn tới cõi CLTG ở về phía Tây, để những linh hồn đắc đạo đến được nơi đó mà an hưởng ngôi vị.

Tại sao phải khai thông con đường đó? Bởi vì trước đây, con

đường đó đã bị bế lại.

Nguyên từ buổi Bế Đạo, con đường đi từ Ngọc Hư Cung qua CLTG bị Quý Vương là Kim Quang Sứ bít ngõ, không cho các Chơn linh đặc đạo nhập vào CLTG.

Đức Chí Tôn ra lệnh cho Đức Quyển Giáo Tông Lê văn Trung (Chơn linh là Lý Ngưng Dương hay Lý Thiết Quả, một vị Đại Tiên đứng đầu Bát Tiên) đánh đuổi Kim Quang Sứ, khai thông con đường đi vào CLTG để các chơn linh đặc đạo đến được Cực Lạc Thế Giới. Rồi Đức Chí Tôn ra lệnh cho Đức Hộ Pháp qua mở cửa CLTG cho các Chơn linh nhập vào.

Con đường TLHS, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo: «Bên đạo của ta là Đức Lý Ngưng Dương đã diệt được bên Kim Quang Sứ, tới chừng rốt cuộc chỉ còn Đức Lý Ngưng Dương đánh với Kim Quang Sứ mà thôi. Đánh nhau một hồi, Đức Lý Ngưng Dương đập Kim Quang Sứ một gậy thì Kim Quang Sứ hóa hào quang đàng vân bay mất. Đi qua CLTG phải chặng vì lẽ ấy trong đạo giáo nói Đạo bị bế.

Khi tới gần cửa CLTG môn ngoại, thấy có 2 cái chong chóng. Hai cái chong chóng ấy quay tròn luôn. Nếu chúng ta lấy trí tưởng tượng chong chóng quay thì từ mặt dưới lên tới mặt trên ít nữa cũng năm mười ngàn thước, đặng ngăn CLTG môn ngoại như Vạn lý Trường thành, không có một người nào qua lọt. Hai cửa ấy, một cửa hóa hào quang trắng, một cửa hóa hào quang đỏ hồng hồng. Mới ngó thấy 2 cửa ấy, Bản đạo không biết gì hết. Tới chừng Bản đạo dùng cây Giáng Ma Xử trong thân, Bản đạo định thân, chỉ ngay bảo ngừng thì nó liền ngừng lại, coi kỹ vòng tròn trắng ấy là Chữ VẠN. Bản đạo vừa biểu ngừng thì mấy người ở Cực Lạc môn ngoại chạy ùa vào, chừng vô được một mớ, Bản đạo chỉ bên kia biểu ngừng, cũng chạy được vô một mớ nữa. Vô rồi thấy có một vị Phật đứng ở trên, hai tay bắt ấn liệng xuống chữ VẠN thì chữ VẠN quay nữa, thành thử họ vô được một mớ.

Khi Bản đạo bắt đứng 2 chữ VẠN lại, phải chặng vì nơi Cực Lạc môn ngoại có các đặng chơn hồn đã đoạt vị mà bị Pháp giới

đã bế, khiến cho Bản đạo đến đó đặng bắt 2 chữ VẠN ngừng lại cho họ vào, tới chừng vị Phật kia cho 2 chữ VẠN quay lại, Bản đạo dám chắc các đặng chơn hồn đã vô cửa CLTG đã hết. Đó là Thánh ý của Đức Chí Tôn, chớ không phải theo con mắt của chúng ta tưởng đó là sự tình cờ.

Ấy vậy, Đức Chí Tôn sai qua mở cửa CLTG:

1. Vì đường từ Linh Tiêu Điện Ngọc Hư Cung qua CLTG buổi nọ bị Kim Quang Sứ đốn đường.
2. Các vị Tăng đồ từ trước có tu mà không thành, vì bị thất pháp bửu nên bị đổ lưu nơi Cực Lạc môn ngoại.

Đức Chí Tôn biểu qua đó dẫn các chơn hồn dành để cho có ngôi vị nơi CLTG.”

Câu 25: Nhập Thánh thể dò đường cứu vị.

Nhập: Đi vào. **Thánh thể:** Những vị Chức sắc Cửu Trùng Đài đứng vào hàng Thánh đồ lên. **Dò đường:** Tìm đường. **Cứu vị:** Ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng.

Đức Chí Tôn mở Đạo gồm 3 Đài:

- Bát Quái Đài là Linh hồn của Đạo: tức là THẦN, vô hình.
- Hiệp Thiên Đài là Chơn thân của Đạo: KHÍ, bán hữu hình.
- Cửu Trùng Đài là Thể xác của Đạo: TINH, hữu hình.

Những vị Chức sắc Cửu Trùng Đài đứng vào hàng Thánh đồ lên (tức là từ phẩm Giáo Hữu đồ lên) được gọi là Thánh thể của Đạo hay Thánh thể của Đức Chí Tôn.

Nhập Thánh thể: Đi vào làm Chức sắc đứng hàng Thánh thể của Đức Chí Tôn. Muốn vậy, phải nhập môn vào Đạo, lập công bồi đức, tùng theo Luật pháp Chơn truyền, trọn đời hiến thân hành Đạo, phụng sự nhơn sanh, đi từ phẩm cấp Chức việc Bàn Trị Sự, rồi cầu phong lên phẩm Lễ Sanh, sau đó đủ công nghiệp thì cầu thăng lên hàng Giáo Hữu. Tới đây thì được gọi là Nhập vào Thánh thể của Đức Chí Tôn.

C.25: Nhập Thánh thể dò đường cứu vị, nghĩa là: Đi vào làm

Thánh thể của Đức Chí Tôn thì mới dò tìm được con đường trở về ngôi vị cũ.

Câu 26: Noi chơn truyền khử quỷ trừ ma.

Noi: Học tập và làm theo. **Chơn truyền:** Chơn là thật, truyền là trao lại. Chơn truyền là giáo lý chơn thật do vị Giáo chủ truyền lại, người tu đúng theo đó thì nhứt định đắc đạo.

Khử quỷ trừ ma: Khử trừ ma quỷ. Khử trừ là loại bỏ.

Quỷ ma là những linh hồn mà trong kiếp sanh đã làm nhiều điều quá ác độc, phạm Thiên điều, bị đọa làm Ma Quỷ. Con người, hễ khi làm mất hết chơn dương thì phải thuần âm, tất phải chết, mà chết như vậy thì trở thành Ma Quỷ, làm tội tở cho Quỷ Vương. Lũ Quỷ ma ấy rất ghen ghét người tu, chúng luôn luôn tìm cách phá phách hay thử thách, hoặc dụ dỗ người tu hành đi vào đường xấu xa như bọn chúng. Phải có một cái Tâm chơn chánh, một ý chí mạnh mẽ sáng suốt, mới có thể vượt qua các cạm bẫy thử thách của bọn chúng, mới thắng được chúng, mới có thể đắc đạo.

C.26: Học tập và làm đúng theo giáo lý Chơn truyền thì khử trừ được bọn ma quỷ phá phách.

Câu 27: Huệ quang chiếu thấu chánh tà.

Huệ quang: Ánh sáng của trí huệ. Trí huệ là sự thông suốt hiểu rõ đạo lý. Trí huệ có được là do công phu tu luyện lâu dài.

Chiếu: Soi rọi. **Thấu:** Biết rất rõ.

Chánh Tà: Chánh là ngay thẳng, đúng đắn, hợp với đạo lý; Tà là cong vẹo, không hợp với đạo lý. Chánh Tà luôn luôn đối chọi nhau, tranh giành nhau, nhưng cuối cùng thì Chánh luôn luôn thắng Tà để bảo tồn Chơn lý.

TNHT. II. 96: “Tà Chánh, cười ... Bản đạo nói thiệt, cũng chưa dám định đoạt. Trong cái rủi thường có cái may, trong cái may vẫn khép cạm sự rủi, khó lường được. Điều cần là nên làm mà thôi. Nếu luận Tà Chánh thì chưa một ai dám, còn mang

xác phạm, xưng tụng mình là Chánh. Cái Tà vì Thiên thơ xử dụng, Tà vì cơ thử thách của Tam Giáo Tòa, Tà vì những quỷ xác ma hồn lẫn lộn của Quỷ Vương để làm cho công phu lỡ dở. Mỗi cái Tà có duyên cố ấy, ngày sau đều có sự biến đổi thiêng liêng, hoặc có một kết quả.”

C.27: Dùng ánh sáng Trí Huệ soi rọi thì mới rõ thấu được lẽ Chánh và lẽ Tà.

Câu 28: Chèo thuyền Bát Nhã Ngân hà độ sanh.

Thuyền Bát Nhã: Chiếc thuyền Trí Huệ đưa người đầy đủ phước đức từ bến mê, vượt qua biển khổ, đến cõi TLHS. **Độ sanh:** Cứu giúp đưa vào cõi Hằng sống. **Ngân hà:** Sông Ngân. Ngân hà thuộc biển khổ nơi cõi thiêng liêng.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo Con đường TLHS, có đoạn nói về sông Ngân hà có chiếc thuyền Bát Nhã như sau:

«Khi dòm lại thế gian phía sau lưng hiện ra như một con sông đại hải, thấy bờ bên này người ta đứng nhiều lắm, người nào cũng có hào quang chiếu diệu đẹp đẽ vô cùng, còn ở mé bờ bên kia sông, cũng đông người lắm, nhưng hình thể họ khô khan, đầu thâm, tiểu tụy. Họ ước ao làm sao qua được con sông ấy. Sông đó là sông Ngân hà. Trên sông có một chiếc Thuyền Bát Nhã do Đức Quan Âm Bồ Tát, vâng lệnh Đức Phật Di-Lạc đi độ sanh, chèo thuyền qua lại để rước những người đầy đủ phước đức.»

C.28: Chèo Thuyền Bát Nhã Ngân hà độ sanh, nghĩa là: Đức Quan Âm Bồ Tát chèo chiếc Thuyền Bát Nhã đi qua đi lại trên sông Ngân hà thuộc biển khổ để cứu giúp những người đầy đủ phước đức đưa qua bờ giác đi vào cõi TLHS.

Câu 29: Cứ nương bóng Chí Linh soi bước.

Nương: Dựa vào. **Bóng:** Ánh sáng. **Chí Linh:** Đức Chí Tôn. **Soi bước:** Rọi sáng để thấy đường bước tới.

C.29: Cứ dựa theo ánh sáng của Đức Chí Tôn soi rọi mà bước tới.

KHẢO DỊ:

* **Kinh Lễ in bên Pháp năm 1952 và Kinh TĐ-TĐ năm 1936, 1968, 1974:**

- Cừ nươg bóng ...

* **Kinh TĐ-TĐ năm 1975:**

- Cừ noi bóng ...

Câu 30: Gội mê đồ tắm nước Ma-Ha.

Gội: Xối nước lên đầu để rửa sạch chất bẩn dính trên đầu. Thường nói là: Tắm gội. **Mê đồ:** Mê là mờ hồ, sai lầm; đồ là con đường đi. Mê đồ là con đường lầm lạc. Con người vô minh, lầm lạc là do Lục dục Thất tình che khuất Lương tâm. Hễ kềm giữ và điều khiển được Lục dục Thất tình thì vén được bức màn vô minh, cái Tâm được tỏ rạng. **Gội mê đồ:** Gội rửa cho sạch hết các u mê lầm lạc.

Nước Ma-Ha: Đó là Ma-Ha thủy. Ma Ha, tiếng phạn nghĩa là lớn, nước Ma Ha là nước của con sông lớn bên xứ Ấn Độ, mà thuở xưa, Đức Thích Ca xuống tắm sông ấy để tẩy trần, đắc đạo thành Phật. Đó là sông Gange, dịch là Hằng hà.

C.30: *Gội mê đồ tắm nước Ma-Ha, là: Gội rửa cho sạch hết những cái u mê lầm lạc và tắm bằng nước sông Hằng để rửa sạch những oan nghiệt tội tình của kiếp sống.*

Theo lời giảng giải của Ngài Đầu Sư Thượng Sáng Thanh, trong quyển “Bí Truyền Chơn Pháp”:

“Khi Thái Tử Sĩ Đạt Ta xuống núi đến rừng Bồ Đề vừa chí thì mệt mỏi quá chừng, thân hình rú riệt, thần kinh lơ mờ, sa vào một cội Bồ Đề mà chết giấc. Nhờ chết giấc ấy mới xuất Thần đặng hội diện cùng chư Phật, thấy rõ trước mắt Địa ngục, Niết Bàn. Ấy là giờ của Người đạt Pháp. Duy có lạ một điều là cả cảnh tượng ấy mịt mịt mờ mờ, Người không gần đặng. Thoạt thấy một vị Bồ Tát dặn rằng: Thầy phạm xác tục của Người và Chơn thân của Người đã chịu gánh nhiều quả

kiếp, cho nên ô trược nhuốc nhơ, khi tái nhập thể trần, phải đến sông Ma-Ha tẩy trược.

Trong cơn ấy, có người đàn bà bưng bình bát sữa vừa đến rừng Bồ Đề, tìm chẳng thấy ai khác hơn là một thầy tu nằm dựa gốc cây mà chết, chỉ rờ nơi ngực còn nghe hơi ấm của trái tim, vội vàng biểu tỳ nhi và mình ra tay hô hấp. Phật vừa tỉnh dậy thì nàng dâng bình bát sữa cho Người. Phật uống đặng bình bát sữa ấy, rồi trụ Thần, định Khí, mạnh lại như xưa. Ấy là cơ hiệp nhưt Tam Bửu (Tinh, Khí, Thần). Tinh là hình hài, Khí là Chơn thân, Thần là Chơn linh.

Nhờ Tam Bửu phối tể, Người định giác lần lần, thấy đặng cội Hư linh và cội phàm xa nhau không đầy một sợi tóc. Thăng thì đến cội Hư linh, đọa thì sa vào phàm tục.

Khi đã định Tâm đạt pháp rồi, Phật liền nhớ lời dặn của Bồ Tát, nên lần hồi tới bãi sông Gange (Hằng hà), nhưng có điều lạ là Chơn thân và xác thịt của Ngài chưa trọn tương liên hòa hiệp, nên Ngài mới mờ hồ, chưa biết chắc mình đã quả nhiên đạt pháp. Xuống tắm sông Gange rồi lên bờ, cầm bình Bát vu nơi tay mà vái rằng: “Nếu quả nhiên tôi đã đặng đạt pháp, xin chư Phật cho cái bình Bát vu này trôi ngược dòng nước.” Nói đoạn, Ngài liệng bình Bát vu giữa dòng thì Bình Bát vu từ từ trôi ngược dòng nước. Đức Phật mừng quá, ngoắt nó vô bờ, cầm bình Bát vu mà nói rằng: “Nước sông Gange nó sẽ rửa sạch oan nghiệt tội chướng chi đọa.”

Kể từ ngày tắm nước sông Gange rồi, mỗi phen trì định xuất Thần, Phật mới đến đặng gần chư Phật, nhập vào Tây phương Cực Lạc. Ấy là nhờ Phép Giải Oan mà đạt vị.”

Khi Chúc sắc hành Phép Giải Oan thì phải luyện Ma Ha Thủy trước. Cách luyện Ma Ha Thủy như sau:

Múc một tô nước để tại Thiên Bàn. Người hành pháp đứng trước, định Thần ngó ngay lên Thiên Nhân, vẽ bằng con mắt chữ (.) trong con người của Thiên Nhân, rồi co chân trái vẽ chữ (.), đạp lên chữ (.) ấy, rút chân mặt ký chữ (.) gọi là đạp Đinh

Giáp. Khi hành pháp như vậy rồi thì tay trái bắt ấn Hộ Pháp để ngay ngực, tay mặt cũng bắt ấn Hộ Pháp để trên tờ nước buồng ấn ra, co ngón tay giữa vẽ bùa (.), đoạn ngay ngón tay ra truyền thần xuống nước, niệm Câu Chú: “*Ma Ha Thủy năng hủy oan nghiệt tội chướng chi đọa.*”

Nhắm mắt định Thần, đợi thấy Thiên Nhân giáng trên mặt nước thì xả ấn. Ma Ha Thủy đã luyện thành.

Hành Pháp Giải Oan:

Cắm tờ nước nơi tay mặt, đến trước mặt người được giải oan, biểu cúi đầu xuống, lấy con mắt vẽ chữ (.) ngay Nê Hườn Cung. Hẽ vẽ vừa xong liền chụp 5 ngón tay trái lên mỏ ác gọi là ấn Ngũ Hành Sơn, vừa chụp vừa niệm Câu Chú này:

“Úm Ma Ni Bát Rị Hồng.”

Đoạn cắm tờ nước đổ ngay xuống mỏ ác 1 giọt niệm: “Nam mô Phật”, rồi giọt thứ 2 niệm: “Nam mô Pháp”, rồi trút hết tờ nước niệm: “Nam mô Tăng, Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.”

Phép Giải Oan đã làm xong.

Người được giải oan lạy Đức Chí Tôn 3 lạy 12 gập, rồi đứng dậy lui ra.

Câu 31: Liên đài may nở thêm hoa.

Liên đài: Tòa sen, chỉ ngôi vị Phật hay Bồ Tát. Phật dùng hoa sen làm tòa ngự vì hoa sen có những đặc tánh quý báu là sen mọc trong bùn dơ mà không nhiễm mùi dơ của bùn, lại trở ra hoa sen thơm ngát; cũng giống như Phật, xuống cõi trần đây ô trược mà không nhiễm một chút trược trần.

C.31: *Tòa sen may mắn nở thêm một cái hoa, ý nói: Rất may mắn có thêm một vị Phật mới đắc đạo, cho nên Tòa sen nở thêm một cái hoa để làm tòa ngự cho Ngài.*

Câu 32: Lão Đàm cũng biết, Thích Già cũng quen.

Lão Đàm: Một biệt hiệu của Đức Lão Tử. Ngài là chơn linh

của Đức Thái Thượng Đạo Tổ giáng phàm. Đức Lão Tử là Giáo chủ Tiên giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

Thích Già [釋 迦] Chữ Hán này có 2 cách đọc: Thích Ca hay Thích Già, tùy theo trường hợp trong thơ văn, sao cho có nhạc điệu, vì chữ Ca thuộc Bình thượng, chữ Già thuộc Bình hạ. Thích Già là Đức Phật Thích Ca, Giáo chủ Phật giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

C.32: *Khi đắc đạo rồi thì lên bài kiến Đức Lão Tử, tức là Đức Thái Thượng Lão Quân, và bài kiến Đức Phật Thích Ca.*

Kinh Tắm Thánh

- Kinh Tắm Thánh
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Tắm Thánh

KINH TẮM THÁNH*(Giọng Nam xuân)*

1. Những vạn vật Âm Dương tạo hóa,
2. Dầu cỏ cây hoa quả biến sanh.
3. Con người đứng phẩm tối linh.
4. Nửa người nửa Phật nơi mình anh nhi.
5. Đại Từ Phụ từ bi tạo hóa,
6. Tượng mảnh thân giống cả Càn Khôn.
7. Vẹn toàn đủ xác đủ hồn.
8. Xây cơ chuyển thể bảo tồn vạn linh.
9. Xin gìn giữ Thánh hình thanh bạch.
10. Xin xá ân rửa sạch tiền khiên.
11. Căn xưa ví dữ cũng hiền.
12. Dầu ra cửa tội đủ quyền cao siêu.
13. Công nuôi dưỡng nâng niu khổ nhọc.
14. Phép thương yêu cũng học nơi Thầy.
15. Sanh nơi đây, ở nơi đây,
16. Trăm năm là tuổi đủ đầy mạng căn.
17. Chốn hồng trần quen lẫn gió bụi.
18. Cảnh phù ba may rủi cũng duyên.
19. Đã gan dốc kiếm diệp huyền.
20. Sanh sanh là phận, hiền hiền là công.
21. Đừng thối chí ngã lòng trở gót,

22. Để cho đời chua xót tình thương.
23. Trăm năm thọ khảo vĩnh trường.
24. Thuận căn thuận mạng, đời đường cao thẳng.

*(Niệm 3 lần Câu Chú của Thầy).***GIẢI NGHĨA**

Kinh Tắm Thánh do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ ban cho. Đồng nhi tụng bài kinh này trước khi vị Chức sắc hành pháp Tắm Thánh cho các trẻ em trong Đạo.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo cho biết, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn là một vị Thánh của Bạch Vân Động nơi cõi thiêng liêng. Ngài có chiết chơn linh giáng trần một kiếp tại Việt Nam là Thi hào Nguyễn Du, sau đó Ngài chiết chơn linh giáng sanh bên Pháp là Văn hào Victor Hugo.

Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Ngài thọ lệnh Đức Chí Tôn cầm quyền Chương Đạo Hội Thánh Ngoại Giáo của Đạo Cao Đài. Ngài thường giáng cơ giáo hóa các Chức sắc của Hội Thánh Ngoại Giáo.

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn có giáng cơ ban cho 6 bài Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, kể ra:

- Kinh Tắm Thánh.
- Kinh Tẩn Liệm.
- Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối.
- Kinh Đưa Linh Cửu.
- Kinh Khi Đã Chết Rồi.
- Kinh Hôn Phối.

Tắm Thánh: Xối nước Thánh lên đầu đứa bé. Nước Thánh đó là Ma Ha Thủy. Cách luyện Ma Ha Thủy đã giải rõ nơi phần cuối bài Kinh Giải Oan.

Theo Tân Luật của Đạo Cao Đài, phần Thế Luật, điều thứ 22: “Đứa con nít khi được 1 tháng sắp lên, phải đem đến Thánh Thất sở tại mà xin làm Lễ Tắm Thánh và gột vào Bộ Sanh của

bốn đạo.”

Mục đích của Phép Tắm Thánh là:

- Trình với Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, cùng các Đấng Thiêng liêng để công nhận đứa bé này là con của nhà Đạo Cao Đài, tức là con cái của Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu trong Đạo Cao Đài.

Tẩy trước Chơn thân đứa bé để nó được thông minh sáng láng, lớn lên học hành mau hiểu biết.

Câu 1-2: Những vạn vật Âm Dương tạo hóa,
Đầu cỏ cây hoa quả biến sanh.

Vạn vật: Tất cả các loài vật hiện hữu, từ Vật chất, Kim thạch, Thảo mộc, Thú cầm đến Nhơn loại.

Âm Dương: Hai chất khí Dương quang và Âm quang do Thái Cực biến hóa phân ra. Đức Chí Tôn làm chủ Dương quang, Đức Phật Mẫu làm chủ Âm quang. Đức Phật Mẫu thuần lần Sanh quang của ngôi Thái Cực, rồi đem Âm quang phối hợp với Dương quang để tạo thành CKVT và vạn vật.

Tạo hóa: Tạo là làm ra, hoá là biến đổi. Tạo hóa là biến đổi để làm ra cái mới. **Biến sanh:** Biến hóa sanh ra.

Hoa quả: Hoa là cái bông, Quả là cái trái. Các loài thảo mộc thường có bông, trong bông có nhụy đực và nhụy cái. Nhụy đực rơi vào nhụy cái để kết thành trái. Trong trái có hạt, lấy hạt gieo xuống đất thì hạt nảy mầm sanh ra một cây mới. Và cứ thế, loài thảo mộc sanh sản càng ngày càng nhiều.

C.1-2: Vạn vật đều do 2 Khí Âm quang và Dương quang phối hợp tạo thành; đầu cho là thảo mộc có bông có trái, cũng do 2 Khí Âm Dương biến hóa sanh ra.

Vật chất thì do các nguyên tử có Dương điện và có Âm điện kết hợp tạo thành; Thảo mộc thì có nhụy đực nhụy cái, Thú cầm thì có con trống con mái, Nhơn loại thì có Nam Nữ, hai nguyên lý Âm Dương ấy kết hợp mới sanh hoá được.

Câu 3: Con người đứng phẩm tối linh.

Phẩm: Thứ bậc cao thấp. **Tối linh:** Tối là rất, Linh là thiêng liêng. Tối linh là rất thiêng liêng.

C.3: Con người đứng vào bậc rất thiêng liêng hơn hết trong chúng sanh.

Tại sao con người đứng phẩm tối linh?

Bởi vì theo Luật Tiến hóa, loài Kim thạch tiến hóa lên thành Thảo mộc, Thảo mộc tiến hóa lên Thú cầm, Thú cầm tiến hóa lên Nhơn loại. Nhơn loại là bậc cao hơn hết trong chúng sanh, nên được gọi là Thượng đẳng chúng sanh.

Con người lại có đủ Tam hồn. Từ Kim thạch vô tri giác, tiến hóa lên Thảo mộc có sự sống rõ rệt, nên Thảo mộc có được một phần hồn, gọi là Sanh hồn. Thảo mộc tiến hóa lên Thú cầm, nó có thêm một phần hồn nữa gọi là Giác hồn, để có sự cảm giác và hiểu biết. Thú cầm tiến hóa lên Nhơn loại thì có thêm một phần hồn nữa là Linh hồn.

Vì vậy, con người linh hơn vạn vật nhờ có đủ Tam hồn: Sanh hồn, Giác hồn, Linh hồn. Nhờ đó, con người có được sự sống, sự cảm giác hiểu biết, sự suy nghĩ và có tánh linh hơn vạn vật. Nhờ có Linh hồn nên con người có thể tu thành Thần Thánh Tiên Phật được.

Câu 4: Nửa người nửa Phật nơi mình anh nhi.

Anh nhi: Anh là đứa trẻ mới sanh, nhi là trẻ con. Anh nhi là chỉ đứa bé nhỏ tuổi.

Nửa người nửa Phật: Ý nói con người vừa có Phàm tánh, vừa có Phật tánh, hay nói một cách mạnh mẽ hơn là: Con người vừa có Thú tánh, vừa có Phật tánh, tức là vừa có tánh ác, vừa có tánh thiện.

“Chúng ta ngộ thấy trong mình chúng ta có Thần và Thú. Vì cơ cho nên Triết lý Thất tình định duy chủ, muốn làm Phật thì làm, muốn làm Thú thì làm, bởi nó định theo tình dục

của nó. Bây giờ, trong thân thể của chúng ta, trong nguyên bốn của chúng ta vẫn thường chiến đấu: Phật chiến đấu với Thú, Thú chiến đấu với Phật. Hai hình trạng của Đời và của Đạo, Đạo xu hướng theo Phật, Đời xu hướng theo Thú, hai tương quan phản khắc nhau. Vì cơ cho nên, Thuyết Duy Tâm và Duy Vật hay tương đối với nhau.” (Thuyết đạo về Bí Pháp của Đức Phạm Hộ Pháp).

Như thế, con người vừa có tánh ác của Thú, vừa có tánh thiện của Phật. Có tánh ác của Thú vì con người là do loài Thú tiến hóa mà thành; có tánh Phật vì con người được Đức Chí Tôn ban cho một Điểm Linh quang làm Linh hồn. Vì vậy mà con người có thể tiến hóa đi lên, mà cũng có thể thoái hóa đi xuống. Nếu con người chịu khổ hạnh tu hành, chắc chắn sẽ tiến hóa thành Tiên, Phật. Trái lại, nếu không chịu tu hành, con người lại buông xuôi theo Vật dục, làm nhiều điều gian ác thì sẽ bị thoái hóa xuống Cầm Thú. Còn nếu con người cứ sống tự nhiên, không thiện lắm mà cũng không ác lắm, con người vẫn cứ mãi mãi là con người sống trong vòng luân hồi sanh tử, thì rất uống cho cái điểm Linh quang mà Đức Chí Tôn đã ban cho, biết chừng nào trở thành Tiên Phật, hưởng an vui đời đời nơi Cực Lạc Niết Bàn.

C.4: *Nửa người nửa Phật nơi mình anh nhi, là trong mình đứa trẻ vừa có Phạm tánh, vừa có Phật tánh.*

Giữa người và Phật chỉ cách nhau có một tấm màn mỏng là Vô minh. Nếu còn Vô minh, tức là còn mê lầm thì con người mãi mãi là con người nơi cõi thế gian, nếu qua khỏi Vô minh tức là Giác ngộ thì con người trở thành Tiên, Phật.

Câu 5-6: **Đại Từ Phụ** từ bi tạo hóa,
Tượng mảnh thân giống cả **Càn Khôn**.

Đại Từ Phụ: Đấng Cha lành thiêng liêng của toàn cả chúng sanh, đó là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Từ bi: Lòng thương yêu bao la, thương khắp chúng sanh và

luôn luôn muốn cứu giúp chúng sanh thoát khổ.

Tượng: Nắn đúc nên hình dáng. **Mảnh thân:** Tấm thân. **Càn Khôn:** Trời Đất, CKVT.

C.5-6: *Đấng Đại Từ Phụ mở lòng từ bi tạo hóa ra con người, nắn đúc ra thân thể có cấu tạo giống như Trời Đất.*

Hễ Trời Đất có gì thì con người có nấy, nên con người được gọi là Tiểu Thiên Địa, Trời Đất là Đại Thiên Địa.

- Trời có Tam Bửu là Nhật, Nguyệt, Tinh; Đất có Tam Bửu là Thủy, Hỏa, Phong; thì con người có Tam Bửu là: Tinh, Khí, Thần.
- Trời có Ngũ Khí; Đất có Ngũ Hành: Kim, Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ; người có Ngũ Tạng: Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận.
- Trời có Tứ Tượng; Đất có Tứ phương; người có Tứ Chi: 2 tay, 2 chân.
- Trời có Thập Thiên Can; Đất có Thập nhị Địa Chi; người thì nắm đủ trong 2 bàn tay.

Câu 7: **Vẹn toàn** đủ xác đủ hồn.

Vẹn toàn: Đầy đủ hoàn toàn. **Xác:** Thể xác. **Hồn:** Linh hồn.

C.7: *Con người có đầy đủ Linh hồn và Thể xác.*

Thể xác ở đây, nếu chúng ta hiểu rộng ra thì có 2 trường hợp: Nơi cõi trần thì thể xác phàm; nơi cõi thiêng liêng thì xác thân thiêng liêng.

- Khi con người còn ở trên cõi thiêng liêng thì con người có xác thân thiêng liêng, còn gọi là Chơn thân, Nhị xác thân, bao bọc lấy Chơn linh.
- Khi con người đầu thai xuống cõi phàm trần thì con người mang thêm xác thân phàm trần bằng xương bằng thịt, gọi là Đệ Nhứt xác thân. Còn xác thân thiêng liêng lúc đó ẩn trong xác thân phàm, làm khuôn viên cho xác thân phàm.

Khi xác thân phàm chết, xác thân thiêng liêng xuất ra, lấy y hình ảnh của xác thân phàm như khuôn in rập. Xác thân thiêng liêng bao bọc linh hồn bay trở về cõi thiêng liêng.

Câu 8: Xây cơ chuyển thể bảo tồn vạn linh.

Cơ: Cái máy, cơ quan. **Xây cơ:** Xây dựng cơ quan.

Chuyển thể: Chuyển là dời đổi, Thể là đời. Chuyển thể là làm cho đời thay đổi để tiến hóa cho tốt đẹp hơn. Sự đổi thay này không ngoài khuôn luật tuần hoàn.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo nói về Cơ quan Chuyển thể của Đức Chí Tôn như sau:

«Bản đạo nhớ buổi Chí Tôn mới đến tỏ danh hiệu Ngài, Ngài hứa với các môn đệ của Ngài buổi đầu tiên về Cơ quan Chuyển thể, làm phân vân biết bao nhà trí thức, tìm hiểu 2 chữ Chuyển thể là gì?

Theo Triết Lý Học, định nghĩa 2 chữ Chuyển thể là thay đổi thời đại hiển nhiên ra thời đại khác, hoặc không phù hợp, hoặc quá khuôn khổ nề nếp, nên quyết đoán thay đổi lập trường thiêng liêng vì thời đại này đã định. Chuyển nghĩa là sửa cũ ra mới.

Lấy nghĩa lý đã định hẳn ra, tức nhiên chúng ta nhận thấy các khuôn luật đạo đức từ trước đến giờ để lại đều bị biếm trách cả, bởi vì đời quá hung tàn bạo ngược, vô ơn luân, tinh thần đạo đức không qui định tâm lý loài người không tương quan cùng nhau, mất cả luật đồng sanh làm căn bản của loài người, luật đồng sanh gần như bị hủy bỏ...

Bản đạo tìm hiểu định nghĩa 2 chữ Chuyển thể, là thay đổi thời thế. Dem kinh luật ra quan sát thấy mỗi thế kỷ, mỗi nguơn, từ trước đến giờ, nhiều giai đoạn giống nhau một cách lạ lùng, những tấn tuồng này giống tấn tuồng trước, không ngoài khuôn viên ấy....»

Bảo tồn: Gìn giữ cho còn. **Vạn linh:** Toàn thể các Chơn linh trong CKVT, gồm đủ Bát hồn. Vạn linh đầu kiếp xuống trần làm chúng sanh. Do đó, trong nhiều trường hợp, chúng ta hiểu

Vạn linh là chúng sanh.

C.8: *Xây cơ chuyển thể bảo tồn Vạn linh, nghĩa là: Xây dựng cơ quan Chuyển thể để bảo tồn chúng sanh.*

Cơ quan Chuyển thể mà Đức Chí Tôn xây dựng là ĐĐTKPĐ, tức là Đạo Cao Đài. Đức Chí Tôn sẽ dùng tinh hoa của Giáo lý Nho giáo làm nòng cốt cho công cuộc Chuyển thể.

Câu 9: Xin gìn giữ Thánh hình thanh bạch.

Thánh hình: Thánh là thiêng liêng, Hình là hình thể. Thánh hình là hình thể thiêng liêng của con người. Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu tạo ra hình thể của con người rất thiêng liêng huyền diệu, bởi vì hình thể này “giống cả Càn Khôn”, nên con người mới được gọi là Tiểu Thiên Địa.

Thanh bạch: Hoàn toàn trong sạch.

C.9: *Xin Đức Chí Tôn gìn giữ mảnh hình hài này cho được hoàn toàn trong sạch.*

Câu 10: Xin xá ân rửa sạch tiền khiên.

Xá ân: Ân xá, tha cho kẻ có tội để làm ơn.

Tiền khiên: Tiền là trước, Khiên là tội lỗi. Tiền khiên là tội lỗi đã gây ra trong các kiếp sống trước.

C.10: *Xin Đức Chí Tôn ban ơn tha tội cho nó và rửa sạch những tội lỗi trong các kiếp sống trước của nó.*

(Nó: Ý nói đứa bé được đem đi Tắm Thánh).

Câu 11: Cẩn xưa ví dữ cũng hiền.

Cẩn xưa: Cái gốc rễ của thuở xưa, tức là nơi kiếp trước. **Ví:** Nếu như. **Dữ:** Hung dữ. **Hiền:** Lành.

Cẩn xưa ví dữ: Nếu như kiếp trước là người hung dữ.

C.11: *Nếu như kiếp trước nó là người hung dữ, xin Đức Chí Tôn cho nó trong kiếp này là người hiền lành.*

Câu 12: Dấu ra cửa tội đủ quyền cao siêu.

Cửa tội: Nơi tội lỗi, ý nói cửa Địa ngục hay cửa Âm phủ. **Dấu ra cửa tội:** Mặc dấu mới ra khỏi nơi tội lỗi.

Đủ quyền cao siêu: Có đầy đủ quyền tự chủ để lập ngôi vị của mình cho được cao siêu.

C.12: *Mặc dấu Chơn linh đưa bé mới ra khỏi nơi tội lỗi, nay chuyển kiếp làm người (do Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn) thì cũng xin Đức Chí Tôn ban cho nó đầy đủ quyền tự chủ để lập vị cao siêu.*

TNHT. II. 85: Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ: “Bản đạo chẳng kể là Nguyên nhân, Hóa nhân hay là Quỷ nhân, ví biết lập công thì thành Đạo. Bản đạo để cho mỗi người tự do định phận, lại tùy thể khó khăn mà gây thành công quả,”

Qua bài Thánh ngôn trên, chúng ta thấy rằng: Dấu cho các Chơn linh **Quy** vị (tức là ở nơi cửa tội), nay được Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn, cho chuyển kiếp đầu thai làm người, gọi là **Quy** nhân, nếu biết tu hành, lập công bồi đức thì cũng đắc đạo như các Nguyên nhân hay Hóa nhân.

Câu 13: Công nuôi dưỡng nung niu khổ nhọc.

Công nuôi dưỡng: Công lao khó nhọc của cha mẹ nuôi dưỡng, dạy dỗ đứa bé từ lúc nhỏ cho đến lúc lớn khôn.

Nung niu: Yêu mến chăm sóc giữ gìn cẩn thận.

Khổ nhọc: Khổ cực và nhọc nhằn.

C.13: *Công lao nuôi dưỡng và nung niu chăm sóc đứa bé thật là khổ cực và nhọc nhằn.*

KHẢO DỊ:

* Kinh Lễ năm 1952:

- khó nhọc.

* Kinh TĐ-TĐ năm 1936, 1968, 1974, 1975:

- khổ nhọc.

Khó nhọc: Khó khăn vất vả.

Câu 14: Phép thương yêu cũng học nơi Thầy.

Phép: Pháp luật. **Thương yêu:** Bản chất của Đức Chí Tôn. Kỳ Khai Đạo này, Đức Chí Tôn giao ước với Nhơn loại có 4 chữ: Bác ái - Công bình, tức là: Thương yêu và Công chánh, nên mới nói rằng: Luật Thương yêu và Quyền Công chánh. Phép thương yêu: Luật thương yêu.

Đức Chí Tôn giảng cơ dạy rằng: “Thầy chỉ một lòng mơ ước cho các con biết thương yêu nhau trong Thánh đức của Thầy. Sự thương yêu là chìa khóa mở Tam thập lục Thiên, CLTG và Bạch Ngọc Kinh. Kẻ nào ghét sự thương yêu thì chẳng hề qua khỏi cửa Luân hồi.”

«Sự thương yêu là giếng bảo sanh trong CKTG. Có thương yêu, nhơn loại mới hòa bình, Càn Khôn mới an tịnh. Đặng an tịnh mới không thù nghịch nhau, mới giữ bền cơ Sanh hóa.» (TNHT. II. 43-69)

Thầy: Đức Chí Tôn tự xưng mình là Thầy để dạy Đạo cho các Tín đồ, và gọi các Tín đồ là môn đệ.

C.14: *Phải học nơi Đức Chí Tôn về Luật thương yêu, bởi vì lòng thương yêu của Đức Chí Tôn thì vô cùng vô tận.*

Câu 15-16: Sanh nơi đây, ở nơi đây,
Trăm năm là tuổi đủ đầy mạng căn.

Trăm năm là tuổi: Do câu thành ngữ chữ Hán: Nhân sinh bách tuế vi kỳ, nghĩa là: Người ta sống một trăm năm là kỳ hạn. Người mà sống trên 100 tuổi thì rất hiếm.

Mạng căn: Mạng là cái mạng sống của con người, căn là gốc rễ. Mạng sống có được là do Đức Chí Tôn ban cho Chơn linh ngự trong xác thân; còn cái gốc rễ của con người là do nơi các việc làm trong tiền kiếp, tạo thành cái nghiệp, quyết định số phận kiếp sống hiện tại. Do đó mạng căn là cái mạng sống và số phận của nó.

C.15-16: Đây là 2 câu kinh căn dặn và nhắc nhở tâm thức của đứa bé đang thọ phép Tắm Thánh: Được sanh ra ở nơi đây, sống ở nơi đây, hạn định của kiếp sống thường là 100 tuổi, với đầy đủ mạng sống và số phận.

Câu 17: Chốn hồng trần quen lẫn gió bụi.

Hồng trần: Bụi đỏ, chỉ cõi trần. Hồng là đỏ, trần là bụi. **Gió bụi:** Phong trần, chỉ sự gian nan vất vả ở đời.

C.17: Nơi cõi trần, con người phải chịu đựng cho quen nhiều nơi gian nan vất vả.

Câu 18: Cảnh phù ba may rủi cũng duyên.

Phù ba: Phù là nổi, ba là làn sóng. Phù ba là làn sóng nổi, tức là làn sóng nổi lên rồi liền hạ xuống. **Cảnh phù ba:** Cảnh đời luôn luôn thay đổi mau chóng như làn sóng. **Duyên:** Cái mối dây ràng buộc được định sẵn từ trước.

C.18: Cảnh đời luôn luôn thay đổi mau chóng, hết may tới rủi, hết rủi tới may, cũng do nơi những mối dây ràng buộc từ trước (không ra ngoài khuôn Luật Nhân quả).

Câu 19: Đã gan đốc kiếm diệp huyền.

Gan: Can đảm, dám đương đầu với khó khăn nguy hiểm. **Dúc kiếm:** Tước kiếm ra khỏi vỏ sẵn sàng chiến đấu.

Kiểm diệp huyền: Cây gươm huyền diệu, ý nói cây gươm trí huệ. Người tu cần phải dùng cái trí huệ của mình để trừ diệt vô minh và phiền não. Nói tỷ dụ, cái trí huệ như cây kiếm huyền diệu, phiền não và vô minh như những tên giặc cướp, phải dùng cây kiếm trí huệ mới diệt trừ được chúng.

C.19: Đã có can đảm quyết chí tu hành để đạt được trí huệ, thì phải dùng cái trí huệ này như một cây kiếm huyền diệu để diệt trừ vô minh và phiền não.

Hai câu 18 và 19 cũng để nói với đứa bé đang chịu Phép Tắm Thánh rằng, khi lớn lên sẽ phải chịu nhiều nỗi vất vả nơi cõi

trần, nhưng phải rán lo tu hành cho đạt được trí huệ thì mới dứt được phiền não.

Câu 20: Sanh sanh là phận, hiền hiền là công.

Sanh sanh: Sống và sinh sản thêm ra. **Phận:** Bốn phận. **Hiền hiền:** Lành và tài giỏi. **Công:** Công lao.

C.20: Sống và sinh sản thêm ra là bốn phận, dùng sự hiền lành và tài giỏi để lập công với đời.

Câu 21- Dừng thối chí ngã lòng trở gót,

22: Để cho đời chua xót tình thương.

Thối chí: Nản chí, không còn muốn đeo đuổi việc đang làm vì gặp khó khăn trở ngại. **Ngã lòng:** Không còn giữ được quyết tâm trước thử thách khó khăn. **Trở gót:** Lui bước.

Chua xót: Đau đớn xót xa một cách thấm thía.

C.21-22: Hai câu kinh này cũng để căn dặn đứa bé Tắm Thánh: Dừng thối chí ngã lòng có nhiều khổ đau phiền não mà thối chí ngã lòng lui bước trở lại cõi TL (ý nói chết), để cho cha mẹ và những người thân phải đau đớn xót xa vì thương tiếc.

Câu 23: Trăm năm thọ khảo vĩnh trường.

Thọ khảo: Thọ là sống lâu, khảo là già cả sống lâu.

Vĩnh trường: Vĩnh là lâu dài, mãi mãi; trường là lâu dài. Vĩnh trường là lâu dài mãi mãi.

C.23: Đây là câu cầu chúc đứa bé sống lâu: Đời người sống được trăm tuổi là trường thọ.

Câu 24: Thuận căn thuận mạng, đôi đường cao thẳng.

Thuận căn: Căn là cái gốc rễ, tức là những việc làm trong kiếp trước tạo thành cái nghiệp quyết định số phận của mình. Thuận căn là thuận theo số phận của mình để trả cho dứt nghiệp.

Thuận mạng: Thuận theo cái mạng sống của mình do Đức Chí Tôn ban cho, tức là thuận theo đức hạo sanh của Đức Chí

Tôn. **Cao thăng**: Phẩm vị được đưa lên cao hơn.

C.24: Phải thuận theo số phận của mình để trả dứt nghiệp (mà không tạo ra nghiệp mới), hoặc phải thuận theo đức báo sanh của Đức Chí Tôn, cả hai đường đều giúp cho Chơn linh được cao thăng phẩm vị nơi cõi thiêng liêng.

KINH TẬN ĐỘ VONG LINH

- Kinh Tận độ
- Nguồn gốc các Bài Kinh Tận độ

I. Kinh Tận độ:

Kinh Tận độ Vong linh là những bài kinh tụng để cứu độ linh hồn người chết, không phân biệt Nam hay Nữ, già hay trẻ, có phẩm tước lớn nhỏ hay không phẩm tước.

Các bài kinh này do các Đấng Tiên, Phật giảng cơ tại Tòa Thánh Tây Ninh ban cho Đạo Cao Đài tức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, cho nên được gọi là Tân Kinh.

Kinh Tận độ Vong linh gồm các bài kinh sau đây:

1. Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối (KCHKHH).
2. Kinh Khi Đã Chết Rồi (KKĐCR),
3. Kinh Tẩn Liệm (KTL).
4. Kinh Cầu Siêu (KCS) (thỉnh bên Minh Lý)
5. Kinh Đưa Linh Cữu (KĐLC).
6. Kinh Hạ Huyệt (KHH).
7. Vãng Sanh Thân Chú (VSTC) (thỉnh bên PG)
8. Kinh Khai Cữu, Đại Tường, Tiểu Tường.
9. 9 bài Kinh Tuần Cữu từ Nhứt Cữu đến 9 Cữu.
10. Kinh Tiểu Tường (KTTg).
11. Kinh Đại Tường (KĐT).
12. Di-Lạc Chơn Kinh (DLCK).

II. Nguồn gốc các Bài Kinh Tận độ.

Nguồn gốc các Bài Kinh Tận độ được Hội Thánh nói rõ trong Lời Tựa quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, xin chép nguyên văn ra sau đây:

“Từ khi mở Đạo, Chí Tôn duy giảng cơ truyền cho: Phật giáo, Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý dạy dâng Kinh cho ĐĐTKPĐ, song Kinh Tận độ Vong linh chưa hề giảng cơ

cho nơi nào tất cả.

Đức Quyền Giáo Tông (khi còn tại thế) và Đức Hộ Pháp, trót mười năm trường, nghĩa là từ ngày mở Đạo, đã nhiều phen dâng sớ cho Đại Từ Phụ và các Đấng Thiêng liêng đặng xin Kinh Tận độ, nhưng mà Chí Tôn cùng chư Thần Thánh Tiên Phật vẫn chưa định ban ân cho toàn sanh chúng.

Mãi đến ngày 23 tháng 7 tới mùng 4 tháng 8 năm Ất Hợi (dl 21 đến 31-8-1935) mới giáng cho Tân Kinh. Ấy là một giọt nước Cam lộ của Đức Từ Bi rưới chan cho các đấng linh hồn của toàn thế giới.

Chúng ta thâm xét thì đủ hiểu rằng: Đã trải qua 10 năm, Chí Tôn mới mở Cơ Tận Độ. Cơ Tận Độ như sanh duy kể từ ngày ban Tân Kinh này mà thôi.

Thương cho những kẻ vô phần chịu phạt thiệt thòi qui liễu trước ngày Tân Kinh chuyển pháp. Ấy cũng là quả kiếp của nhưn sanh do Thiên Thơ tiền định. Nếu chúng ta thương tưởng thì duy có một phương độ rồi là trì tụng Di-Lạc Chơn Kinh, hầu các đấng linh hồn đặng siêu thăng tịnh độ.

Ấy vậy, bốn kinh này nguyên của chư Phật, chư Tiên đã giáng cơ truyền thế trong kỳ Trung nguơn Ất Hợi. Khi tụng phải thành tâm và phải để nơi tinh khiết.»

Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối

- Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối

KINH CẦU HỒN KHI HẤP HỐI

(Giọng Nam ai)

1. Rắp nhập cảnh Thiêng liêng Hằng sống.
2. Chốn quê xưa giải mộng trần gian.
3. Dìu đường thoát tục năm phan.
4. Trông Kinh Bạch Ngọc định thần giải căn.
5. Điều Trì Cung sai nàng Tiên Nữ,
6. Phép Lục Nương gìn giữ chơn hồn.
7. Tây phương Tiếp Dẫn Đạo Nhơn,
8. Phương linh khai mở nẻo đường Lô Âm.
9. Ở *(Tên họ kẻ qui vị)* thành tâm cầu nguyện,
10. Nguyễn Chí Tôn linh hiển độ sanh.
11. Ăn năn sám hối tội tình,
12. Xét câu Minh Thệ, gởi mình coi thẳng.
13. Dầu nghiệt chướng số căn quả báo.
14. Đùng hái kinh, câu đảo Chí Tôn.
15. Cửa Địa ngục khá lánh chơn.
16. Ngọc Hư Cực Lạc đôn đường ruổi dong.
17. Dầu trọn kiếp sống không nên đạo,
18. Dầu oan gia tội báo buộc ràng.
19. Chí Tôn xá tội giải oan.
20. Thánh Thần Tiên Phật cứu nàn độ vong.
21. Kỳ chiếu diệu bóng hồng Bắc Đẩu,

GIẢI NGHĨA KINH THIÊN ĐẠO

22. Kìa im đim phúc hậu Nam Tào.
23. Cảnh thẳng trời gót cho mau,
24. Xa vòng tục lệ đặng châu Chí Linh.

(*Niệm 3 lần Câu Chú của Thầy*).

GIẢI NGHĨA

Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ ban cho, để tụng lúc một vị Tín đồ đang hấp hối hay vừa mới dứt hơi.

Hấp hối: Sắp chết. Dứt hơi: Hơi thở chấm dứt, chết.

Câu 1: Rắp nhập cảnh Thiêng liêng Hằng sống.

Ráp: Định, toan, sắp sửa. **Nhập:** Đi vào.

Cảnh Thiêng liêng Hằng sống: Cõi của những người đắc đạo. Con đường TLHS: là con đường dành cho các chơn hồn, khi thoát xác, từ bỏ cõi trần, trở về với Đức Chí Tôn nơi cõi Thiêng liêng để được định vị thẳng hay đọa.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo Con đường TLHS:

«Con đường về với Đức Chí Tôn không phải dễ, mà cũng không phải tới liền. Muốn về với Đức Chí Tôn, ta phải qua nhiều Cung, nhiều Điện (Y theo 9 bài Kinh Tuần Cửu, Tiểu Tường và Đại Tường). Mỗi Cung, chúng ta gặp một sự lạ, mỗi Điện chúng ta gặp một huyền vi khác nhau. Phải đi từ Cung nầy đến Điện nọ, nên gọi là Dục tấn trên Con đường Thiêng liêng Hằng Sống. Về được với Đức Chí Tôn không còn hạnh phúc nào bằng.»

C.1: *Sắp sửa bước vào cõi Thiêng liêng Hằng sống.*

Câu 2: Chốn quê xưa giải mộng trần gian.

Chốn quê xưa: Nơi mình đã được sanh ra và sống ở đó nhiều năm.

Theo Giáo lý của Đạo Cao Đài, các Nguyên nhân là những

người được Đức Chí Tôn sanh ra từ lúc Khai Thiên nơi cõi TLHS. Sau đó, Đức Phật Mẫu cho các Nguyên nhân đầu thai xuống cõi trần, để khai hóa cho các Hóa nhân và cũng để kinh nghiệm học hỏi tiến hóa. Khi xong nhiệm vụ thì phải trở về cõi TLHS là nơi quê cũ.

Như vậy, cõi trần là cõi tạm, nơi mà Đức Phật Mẫu sai xuống công tác một thời gian, khi xong việc thì phải trở về. Cái sống nơi cõi trần là sống tạm, cái sống nơi cõi TLHS mới là cái sống vĩnh cửu.

Giải: Cởi bỏ ra. **Mộng trần gian:** Giác mộng trần. Cuộc sống của con người nơi cõi trần và các hoạt động ở nơi đó được các Đấng Thiêng liêng xem như là một giấc mộng, bởi vì nó ngắn ngủi và không bền, tan mất theo thời gian. Do đó, các Đấng thường dùng các thành ngữ: Giác Huỳnh lương, Giác Nam Kha, Giác mộng xuân, Giác mộng trần để chỉ về đời sống của con người nơi cõi trần.

(TNHT: Huỳnh lương một giấc cuộc đời in.)

Giải mộng trần gian: Cởi bỏ giấc mộng trần, tức là cởi bỏ cuộc sống nơi cõi trần. Ý nói: Đã chết.

C.2: *Cái chết nơi cõi trần là để linh hồn trở về nơi quê cũ.*

Câu 3: Diu đường thoát tục nắm phan.

Diu: Dẫn dắt. **Thoát tục:** Linh hồn thoát ra khỏi cõi trần.

Phan: Cây phướn dùng để dẫn đường.

C.3: *Khi linh hồn thoát ra khỏi cõi trần thì phải đi theo cây phướn dẫn đường.*

Câu 4: Trông Kinh Bạch Ngọc định thân giải căn.

Trông: Nhìn, trông thấy. **Kinh Bạch Ngọc:** Bạch Ngọc Kinh, tòa lâu đài bằng ngọc trắng là nơi ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. (Xem chi tiết nơi: C.6 KNHTĐ)

Định thân: Làm cho tinh thần ổn định, bình tĩnh trở lại. **Giải căn:** Cởi bỏ cái gốc rễ, tức là cởi bỏ hết tất cả các việc làm dù

thiện dù ác trong lúc còn sống nơi cõi trần.

C.4: Nhìn lên Bạch Ngọc Kinh đặng định tinh tinh thần và cõi bỏ hết các việc làm trong lúc còn sống nơi cõi trần.

Câu 5-6: Điều Trì Cung sai nàng Tiên Nữ,
Phép Lục Nương gìn giữ chơn hồn.

Lục Nương: Vị Nữ Tiên đứng hàng thứ 6 trong Cửu vị Tiên Nương ở DTC nơi cõi thiêng liêng. Lục Nương có Bửu pháp là Cây Phướn Truy Hồn hay Phướn Tiêu Diêu để gìn giữ và dẫn dắt các Chơn hồn đi vào Cửu Trùng Thiên.

CHƠN HỒN: Nghĩa thông thường là Chơn linh, Linh hồn. Nhưng trong tất cả các bài kinh do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ, Ngài đều dùng từ ngữ Chơn hồn để chỉ Chơn thân của con người, tức là Xác thân TL, hay Nhị xác thân.

C.5-6: Đức Phật Mẫu nơi DTC sai Tiên Nữ Lục Nương cầm Phướn Truy hồn đến gìn giữ Chơn thân người mới chết.

Câu 7-8: Tây phương Tiếp Dẫn Đạo Nhơn,
Phướn linh khai mở nẻo đường Lôi Âm.

Tây phương: Chỉ cõi Tây Phương Cực Lạc, hay Cực Lạc Thế Giới, vì cõi này ở về hướng Tây, so với Ngọc Hư Cung. Tây Phương Cực Lạc có chùa Lôi Âm (Lôi Âm Tự).

Thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Phật A-Di-Đà làm Chương giáo CLTG. Sang thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Phật A-Di-Đà trao chức vụ này lại cho Đức Di-Lạc Vương Phật, Giáo Chủ Hội Long Hoa, và Đức A-Di-Đà vào ngự nơi Lôi Âm Tự.

Tiếp Dẫn Đạo Nhơn: là vị Phật có nhiệm vụ tiếp rước và dẫn dắt các Chơn hồn đến CLTG. Tiếp Dẫn Đạo Nhơn cầm Cây Phướn Tiếp Dẫn, có giảng cơ cho bài thi:

*Tang điền thương hải chẳng bao xa,
Khuyến trẻ lo tu kịp tuổi già.
Danh lợi đường đời như cụm khói,
Công thành cửa Phật tợ Liên hoa.*

*Lăng xăng mặt đất lo không của,
Thanh tịnh vườn Tiên khoe vạn nhà.
Nhớ tới Long Hoa gần sắp đặt,
Bản Tăng vội vã dắt thuyền qua.*

(Trích trong Văn Thi Hiệp Tuyển của Phối Sư Thái Đến Thanh)

C.7-8: Nơi cõi CLTG ở về hướng Tây, Đức Phật Tiếp Dẫn Đạo Nhơn cầm cây Phướn linh là cây Phướn Tiếp Dẫn, đi khai mở con đường đi đến Lôi Âm Tự.

Câu 9-10: Ở (Tên họ kẻ qui vị) thành tâm cầu nguyện,
Nguyện Chí Tôn linh hiển độ sanh.

Ở: Cất tiếng gọi tên họ của người đang hấp hối hay vừa mới dứt hơi. **Thành tâm:** Tắm lòng thành thật.

Cầu nguyện: Cầu là xin, nguyện là mong ước. Cầu nguyện là cầu xin Đức Chí Tôn ban cho mình điều mà mình mong ước.

Linh hiển: Linh là thiêng liêng, hiển là hiện ra rõ ràng. Linh hiển là hiện rõ ra một cách TL huyền diệu.

Độ sanh: Độ là cứu giúp, sanh là sống. Độ sanh là cứu giúp thoát qua biển khổ để được sống nơi cõi TLHS.

C.9-10: Kêu gọi Chơn hồn người chết hãy thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, xin Đức Chí Tôn linh hiển cứu giúp thoát qua biển khổ để được đi lên sống nơi cõi TLHS.

Câu 11-12: Ăn năn sám hối tội tình,
Xét câu Minh Thệ, gọi mình cõi thăng.

Ăn năn: Cảm thấy ray rứt đau xót trong lòng về lỗi lầm của mình đã gây ra. **Sám hối:** Ân hận những lỗi lầm của mình và thật lòng muốn sửa đổi, không để cho tái phạm nữa.

Tội tình: Tội lỗi đáng bị trừng phạt. **Cõi thăng:** Cõi của các linh hồn được siêu thăng, tức là cõi TLHS.

Minh Thệ: Minh là thể ước, Thệ là thể nguyện. Minh Thệ là lời thề hứa chắc phải thực hiện đúng điều đã nguyện.

Khi một người muốn nhập môn vào Đạo Cao Đài, người đó

phải lập Minh Thệ trước Thiên bàn thờ Đức Chí Tôn, có vị Chánh Trị Sự hay của Chức sắc sở tại chứng kiến.

Lời Minh Thệ do Đức Chí Tôn đặt ra, có in trong TNHT. I. 17, gồm 36 chữ, chép ra như sau:

Tôi tên tuổi

“Thề rằng: Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
đổi	dạ	đổi	lòng,	hiệp	đồng	chư	môn	đệ,	gìn	luật	lệ
13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Cao	Đài,	như	sau	có	lòng	hai	thì	Thiên	tru	Địa	lục.”
25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36

Xét câu Minh Thệ: Hồi tưởng xem xét lại trong suốt kiếp sanh của mình nơi cõi trần, mình có giữ đúng Lời Minh Thệ của mình không? Tức là:

- Có đổi dạ đổi lòng không?
- Có hiệp đồng cùng chư môn đệ không?
- Có gìn luật lệ Cao Đài không?

Nếu có điều nào mình làm không đúng Lời Minh Thệ thì phải ăn năn sám hối và cầu khẩn Đức Chí Tôn tha thứ.

C.11-12: *Hãy nhớ rõ Lời Minh Thệ khi nhập môn vào Đạo để tự xét mình mà ăn năn sám hối tội tình, cầu khẩn Đức Chí Tôn tha thứ và cứu rỗi để được siêu thăng lên cõi TLHS.*

Câu 13: Dấu nghiệp chướng số căn quả báo.

Nghiệp chướng: Nghiệp là cái mầm ác tạo nghiệp ác, Chướng là trở ngại. Nghiệp chướng là sự ngăn trở do nghiệp ác gây ra. Kiếp trước mình làm nhiều việc gian ác, nó sẽ trở thành Nghiệp ác, ảnh hưởng lên kiếp sống nầy, làm cho kiếp nầy phải bị nhiều chướng ngại như: Bệnh tật, tai ương. Sự báo ứng đó hoàn toàn theo đúng Luật Nhân quả.

Số căn: Cái số phận của mình được định bởi cái nghiệp do các việc làm thiện ác của mình đã gây ra trong các kiếp sống trước.

Quả báo: Cái kết quả báo đáp lại những việc làm thuở trước. Làm lành thì được báo đáp bằng những điều may mắn tốt đẹp; làm ác thì được báo đáp bằng những tai họa và phiền não.

C.13: *Dù cho số phận mình bị nghiệt chướng nên gặp phải hoạn nạn tai ương báo đáp lại.*

KHẢO DỊ:

* **Kinh Lễ in bên Pháp năm 1952:**

- Dấu nghiệp chướng ...

* **Kinh TĐ-TĐ năm 1936, 1968, 1974, 1975:**

- Dấu nghiệp chướng ...

Nghiệp chướng: Nghiệp là con đường đi từ Nhân tới Quả. Nghiệp được tạo ra bởi các việc làm lành hay dữ trong kiếp trước, tuy nó vô hình nhưng nó ảnh hưởng lên kiếp sống hiện tại, bằng sự may và sự rủi, để làm cho kiếp sống hiện tại được hạnh phúc hay đau khổ. Việc làm lành sẽ tạo nên Nghiệp lành (Thiện nghiệp), cái Nghiệp lành nầy nó theo ủng hộ mình, nâng đỡ mình (mà mình gọi đó là dịp may). Còn việc làm ác sẽ tạo ra Nghiệp ác (Bất thiện nghiệp), cái Nghiệp ác nầy nó theo báo hại mình (mà mình gọi đó là xui xẻo, rủi ro) khiến mình bị hoạn nạn tai ương và phiền não.

Vậy, Nghiệp chướng là những ngăn trở khó khăn trong kiếp sống hiện tại do Nghiệp ác tạo ra.

Hai từ ngữ: Nghiệp chướng và Nghiệp chướng, *xem như đồng nghĩa, nhưng Nghiệp chướng có ý nghĩa rõ rệt hơn.*

Câu 14: Đứng hải kinh, cầu đảo Chí Tôn.

Hải kinh: Hải là sợ, kinh là sợ sệt lắm. Hải kinh hay Kinh hải là rất sợ sệt. **Cầu đảo:** Cầu là xin; đảo là cúng tế cầu xin. Cầu đảo là cúng tế cầu xin.

C.14: *Đừng quá sợ sệt, hãy cúng tế và cầu khẩn Chí Tôn.*

Câu 15-16: Cửa Địa ngục khá lạnh chơn.
Ngọc Hư Cực Lạc đôn đường ruổi dong.

Địa ngục: Cõi tối tăm thấp kém nhất, dùng để giam giữ và trừng trị các linh hồn tội lỗi. **Khá:** Nên.

Lánh chơn: Bước đi lánh ra chỗ khác.

Ngọc Hư: Ngọc Hư Cung, ở tầng Trời thứ 10 Hư Vô Thiên, là cơ quan cầm quyền chánh trị CKTG. Không có một ngôi sao nào, một Mặt Trời nào hay một Địa cầu nào đứng trong CKVT mà không chịu dưới quyền của Ngọc Hư Cung.

Cực Lạc: Cực Lạc Thế giới hay Tây phương Cực Lạc, là cõi của chư Phật, hoàn toàn an vui sung sướng.

Đôn đường: Hỏi thăm dò cho biết đường đi.

Ruổi dong: Đi thẳng một mạch cho mau tới nơi.

C.15-16: Hãy bước đi lánh xa cõi Địa ngục, hỏi thăm đường để đi thẳng một mạch tới Ngọc Hư Cung và CLTG.

Câu 17- 18: Dầu trọn kiếp sống không nên đạo,
18: Dầu oan gia tội báo buộc ràng.

Sống không nên đạo: Sống mà không làm được việc gì có tánh cách đạo đức, sống mà không làm được việc gì hữu ích cho Đạo. Ý nói: Người không thực tâm tu hành, theo Đạo đặng dựa hơi cầu lợi, không thành tâm tín ngưỡng.

Oan gia: Oan là thù giận, gia là người. Oan gia là người có mối thù hận với mình. **Tội báo:** Báo đáp lại cái tội lỗi đã gây ra lúc trước. **Buộc ràng:** Ràng buộc, dùng dây buộc lại, không cho sút ra.

C.17-18: Dầu cho trọn kiếp sống mà không làm được việc gì đạo đức, dầu cho kẻ oan gia đến bắt buộc phải đền trả cái tội lỗi đã gây ra lúc trước.

Câu 19: Chí Tôn xá tội giải oan.

Xá tội: Tha thứ tội lỗi. **Giải oan:** Cởi bỏ hết các thù giận, tức

là cởi bỏ hết các mối dây oan nghiệt.

C.19: Cầu xin Đức Chí Tôn xá tội và giải oan.

Trong thời kỳ Khai Đạo, Đức Chí Tôn đại khai ân xá, ban cho Phép Giải Oan để cởi bỏ hết các oan nghiệt đã gây ra trong kiếp sống, đồng thời cũng ban cho: Phép Xác để tẩy rửa Chơn thần cho trong sạch. Phép Đoạn căn để cắt đứt 7 Dây Oan nghiệt, cho Vong hồn được siêu thăng. Đây là thời kỳ mà Nhơn loại được hưởng nhiều ơn huệ nhất của Chí Tôn.

Câu 20: Thánh Thần Tiên Phật cứu nàn độ vong.

Cứu nàn: Cứu giúp tai nạn. Chữ Nàn là do chữ Nạn đọc trại ra. **Độ vong:** Cứu độ vong hồn (linh hồn người chết).

C.20: Các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật, cứu giúp các tai nạn và độ rỗi linh hồn người chết.

Câu 21- 22: Kia chiếu diệu bóng hồng Bắc Đẩu,
22: Kia im ìm phúc hậu Nam Tào.

Chiếu diệu: Chiếu là rọi sáng, diệu là rực rỡ. Chiếu diệu là chiếu sáng rực rỡ. **Bóng hồng:** Ánh sáng màu hồng.

Bắc đẩu: Ngôi sao sáng ở hướng Bắc, nằm đúng trên trục quay của Địa cầu, nên còn được gọi là sao Bắc Cực. Sao Bắc đẩu là một định tinh, các ngôi sao khác thì chuyển động quanh sao Bắc đẩu. Cho nên sao Bắc đẩu là trung tâm của CKVT. Do đó, Đức Chí Tôn bảo vẽ Thiên Nhân ngay trên ngôi sao Bắc đẩu. Sao Bắc đẩu nằm trong chòm sao Thất Tinh, gồm 7 ngôi sao, mà Thiên văn học gọi là Tiểu Hùng Tinh. Chòm sao Thất tinh có hình cái bánh lái tàu, sao Bắc đẩu là ngôi sao ở đầu cán bánh lái.

Nam Tào: Ngôi sao ở hướng Nam. Sao Nam Tào cũng được gọi là sao Nam Cực, vì nó xác định gần đúng hướng Nam của Địa cầu. Rất khó nhìn thấy sao Nam Tào, vì nó ở rất thấp, nằm gần chơn trời. Muốn tìm sao Nam Tào, chúng ta tìm chòm sao chữ Thập (La Croix du Sud), kéo một đường thẳng tưởng

tượng nổi dài nét số dài của chữ Thập xuống phía chơn trời, chúng ta gặp một ngôi sao hơi lu, đó là Nam Tào.

Hai vị Tiên cai quản 2 ngôi sao Nam Tào và Bắc Đẩu là: Nam Cực Tinh Quân và Bắc Đẩu Tinh Quân. Tương truyền hai vị Tinh Quân này coi Bộ Sanh và Bộ Tử của nhơn loại.

Im đim: Yên lặng hoàn toàn. **Phúc hậu:** Phúc hay Phước là điều may mắn tốt lành, Hậu là dày dặn. Phúc hậu là phước đức dày dặn, hay làm điều lành cho người khác.

C.21-22: *Kìa là ngôi Bắc đẩu chiếu ra rực rỡ ánh sáng màu hồng; kìa là ngôi Nam Tào lặng yên và phúc hậu.*

Câu 23- Cảnh thẳng trời gót cho mau,
24: Xa vòng tục lự đặng châu Chí Linh.

Cảnh thẳng: Cảnh mà các linh hồn siêu thăng đến ở, đó là cõi TLHS. **Trời gót:** Cát bước lên đường. Trời là cát lên, gót là cái gót chân.

Tục lự: Tục là tầm thường thấp kém, chỉ cõi trần; Lự là lo lắng. Tục lự là những nỗi lo lắng của con người sống nơi cõi trần.

Châu: Hầu vua để chờ nghe mệnh lệnh.

Chí Linh: Rất thiêng liêng, chỉ Đức Chí Tôn.

C.22-23: *Hãy cất bước đi mau lên cõi TLHS, lánh xa khỏi vòng tục lự, đặng lên châu Đức Chí Tôn.*

KHẢO DỊ:

* Kinh Lễ in bên Pháp năm 1952:

- tục lự...

* Kinh TĐ-TĐ năm 1936, 1968, 1974, 1975:

- tục lự ...

Tục lự: Lự là buồn rầu, phiền não;

Tục lự là những nỗi phiền não nơi cõi trần.

Kinh Khi Đã Chết Rồi

- Kinh Khi Đã Chết Rồi
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Khi Đã Chết Rồi

KINH KHI ĐÃ CHẾT RỒI

(Giọng Nam ai)

1. Ba mươi sáu cõi Thiên tào,
2. Nhập trong Bát Quái mới vào Ngọc Hư.
3. Quê xưa trở, cõi đọa từ.
4. Đoạt cơ thoát tục, bấy chừ tuyệt luân.
5. Dưới Chín lớp Liên thần đưa bước.
6. Trên hồng quang phủ phước tiêu diêu.
7. Linh Tiêu Điện bảng danh nêu,
8. Nguyên căn đẹp vẻ mỹ miều cao thẳng.
9. Kinh Bạch Ngọc muôn lần điển chiếu.
10. Kêu Chơn hỗn vịn nú Chơn linh.
11. Năng lai năng khứ khinh khinh,
12. Mau như điển chiếu, nhẹ thành bóng mây.
13. Cửa Tây phương khá bay đến chốn.
14. Diệt trần tình vui hưởng tiêu diêu.
15. Tiên phong Phật cốt mỹ miều.
16. Vào Kinh Bạch Ngọc lễ triều Chí Linh.

(Niệm 3 lần Câu Chú của Thầy).

GIẢI NGHĨA

Kinh Khi Đã Chết Rồi do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ ban cho, dùng để tụng cho những Tín đồ khi đã chết rồi, tụng kèm với Kinh Cầu Siêu.

Câu 1-2: Ba mươi sáu cỏi Thiên tào,
Nhập trong Bát Quái mới vào Ngọc Hư.

Tào: Cơ quan có nhiệm vụ chuyên môn trong Triều đình.
Thiên Tào: Cơ quan có nhiệm vụ chuyên môn trong Triều đình của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Mỗi Thiên Tào là một tầng Trời.

Ba mươi sáu cỏi Thiên Tào là 36 tầng Trời, gọi là Tam thập lục Thiên. (Xem: C.18 KNHTĐ). **Nhập:** Đi vào. **Bát Quái:** BQĐ nơi cỏi thiêng liêng. **Ngọc Hư:** Ngọc Hư Cung.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo Con đường TLHS mô tả Bát Quái Đài và Ngọc Hư Cung, xin chép ra sau đây:

«Đài ấy có 8 góc, kêu là Bát Quái Đài, không thể gì chúng ta tả ra với lời nói đặng, bởi Đài ấy huyền bí, biến hóa vô cùng, nó có 8 cửa, trong 8 cửa, chúng ta ngó thấy cả Vạn linh và vật loại, các hình thể vạn linh đều xuất hiện, hình ảnh sáng suốt hiện ra hào quang chiếu diệu. Trong 8 góc có 8 cái cầu. Lạ thay! Cầu ấy không phải bằng cây ván mà nó là 8 đạo hào quang. Cầu ấy bắc ngang bờ. Dưới cầu ấy, chúng ta ngó thấy dường như một Bích Hải, nước xao sóng dợn như biển sôi nổi đó vậy. Trong 8 góc, chúng ta thấy đó, chắc cả thầy đều để ý nơi góc ta đến, thấy nhơn loại đi tới đi lui nhiều hơn hết. Lạ thay! Cầu ấy rất huyền diệu, ai đứng lên đó được, mới biết mình nhập vô BQĐ.

Lúc để bước lên cầu, cầu ấy chuyển đi, làm cho chúng ta phải yếu, đi không đặng, chúng ta muốn thối bộ. Khi chơn vừa bước tới, chính mình ta ngó thấy như mình yếu đi, nhưng người nào bước tới cũng đặng. Đi được nửa chừng, nếu không đủ Thiên vị, hay vì tội tình oan gia nghiệt chướng chi mà chúng ta đã đào tạo nơi mặt thế này, chúng ta tới nữa cầu sẽ bị lọt xuống Bích Hải. Lọt xuống đó rồi, ta thấy hồi lúc đi, còn ở trên cầu, chúng ta thấy hình ảnh còn đẹp để tốt tươi, hễ lọt xuống Bích Hải rồi, chúng ta thấy hình thù đen thui dị hợm lắm, ta không thể tưởng tượng, còn hơn loài mọi kia, tối đen như vậy.» (Bích Hải cũng còn được gọi là Ao Ô Trì.)

«Vậy kiểm hiểu coi BQĐ ấy là gì? Phải chăng là Tòa Tam Giáo của Đức Chí Tôn do Thánh Ngồn để lại. ...

Nếu chúng ta xin phép Đức Chí Tôn vô Đài ấy, chúng ta biết trước là Tòa Tam Giáo Ngọc Hư Cung. ...

Chí Tôn có BQĐ, chúng ta ở ngoài thấy mênh mông, hào quang chiếu diệu một Tòa nhà 8 cửa. Khi chúng ta vô rồi, Đài ấy biến mất, chỉ còn CKVT chung quanh. Đài ấy vẫn xây, xây mãi, mà ta biết rằng Đài ấy là Tòa Tam Giáo, chúng ta không thấy cái trạng thái hình thể nó ra sao. Khi chúng ta đến, hào quang chiếu diệu xông lên như ngọn lửa vậy.»

C.1-2: Phía trên là Tam thập lục Thiên. Vào trong BQĐ rồi mới vào được Ngọc Hư Cung.

Câu 3: Quê xưa trở, cỏi đọa từ.

Quê xưa: Nơi mình đã được sanh ra, lớn lên và sống ở đó nhiều năm. Quê xưa thật sự của mình là cỏi TLHS.

Trở: Trở lại, trở về. **Từ:** Từ bỏ, từ giã.

Cỏi đọa: Cỏi trần. “Trần là cỏi khổ để đọa bậc Thánh Tiên có lầm lỗi. Ấy là cảnh sâu để trả xong quả, hoặc về ngôi cũ, hoặc trả không xong quả, phải mất cả Chơn linh là Luân hồi, nên kẻ bị đọa trần gọi là Khách trần.” (TNHT. II. 3)

C.3: Trở lại cỏi TLHS, từ bỏ cỏi trần vì nó là cỏi đọa.

Câu 4: Đoạt cơ thoát tục, bầy chừ tuyệt luân.

Đoạt cơ thoát tục: Đoạt đặng cơ quan giải thoát khỏi cỏi trần. Tục là tầm thường thấp kém, chỉ cỏi trần.

Bầy chừ: Bầy giờ. **Tuyệt:** Dứt hẳn. **Luân:** Luân hồi.

Tuyệt luân: Dứt hẳn luân hồi, tức là đắc đạo.

C.4: Đoạt đặng cơ quan giải thoát khỏi cỏi trần, tức nhiên lúc bấy giờ dứt hẳn sự luân hồi: Đắc đạo.

Câu 5: Dưới Chín lớp Liên thân đưa bước.

Chín lớp: Chín tầng Trời, tức là Cửu Trùng Thiên. (Xem:

C.8 NH). **Liên:** Bông sen. **Thần:** Thiêng liêng mẫu nhiệm. Liên thần là cái bông sen mẫu nhiệm, mà khi Chơn hỗn bước lên đứng trên đó thì bông sen bay lên, đưa chơn hỗn đi lên các tầng Trời. **Đưa bước:** Đưa đi.

C.5: *Phía dưới Chín tầng Trời, có một bông sen mẫu nhiệm gọi là Liên thần, đưa chơn hỗn bay lên các tầng Trời.*

KHẢO DỊ:

* **Kinh Lễ 1952, Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968, 1974:**

- đưa bước.

* **Kinh TĐ-TĐ năm 1975:**

- đưa rước.

Câu 6: Trên hồng quang phủ phước tiêu diêu.

Hồng quang: Ánh sáng màu hồng. **Phủ:** Bao trùm xuống, bao phủ. **Phước:** Điều may mắn tốt lành.

Tiêu diêu: Tiêu là lượn trên cao, diêu hay dao là xa xôi. Tiêu diêu là đi chơi đó đây một cách thảnh thơi nhàn hạ.

C.6: *Trên thì có ánh sáng màu hồng bao phủ ban phước cho được thảnh thơi nhàn hạ đạo chơi đây đó.*

Câu 7-8: Linh Tiêu Điện bảng danh nêu,
Nguyên căn đẹp vẻ mỹ miều cao thẳng.

Linh Tiêu Điện: Nơi Đức Chí Tôn họp Thiên triều. (Xem: C.2 TTCĐDTKM). **Bảng danh:** Tấm bảng để tên những người thi đậu (tức là đắc đạo). **Bảng danh nêu:** Nêu tên họ lên bảng cho biết đó là những người đắc đạo trở về.

Nguyên căn: Nguyên là buổi đầu, căn là gốc rễ. Nguyên căn là những người được sanh ra từ buổi đầu tiên, lúc khai Thiên, được gọi là Nguyên nhân. **Mỹ miều:** Xinh đẹp. **Caio thẳng:** Bay lên cao, tức là được siêu thăng lên cõi TLHS.

C.7-8: *Nơi Linh Tiêu Điện, tên họ được nêu lên bảng, đó là những nguyên nhân đắc đạo, hình dáng xinh đẹp, cao thẳng*

lên cõi TLHS.

Câu 9: Kinh Bạch Ngọc muôn lần điển chiếu.

Kinh Bạch Ngọc: Bạch Ngọc Kinh, nơi thường ngự của Đức Chí Tôn. **Lần điển:** Lần sóng điện. **Chiếu:** Phát ra và rọi sáng. Muôn lần điển chiếu là chỉ ánh hào quang phát ra vì nó giống như các lần sóng điện. Ngày nay, khoa học cho chúng ta biết rằng, ánh sáng truyền đi theo dạng sóng, giống y như các lần sóng điện truyền thanh hay truyền hình.

C.9: *Bạch Ngọc Kinh phát ra muôn ánh hào quang chiếu sáng chung quanh, giống như các lần sóng điện.*

Câu 10: Kêu Chơn hỗn vịn nú Chơn linh.

Chơn hỗn: Chơn thần. Chúng ta lưu ý rằng, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn luôn luôn dùng chữ Chơn hỗn để chỉ Chơn thần.

Vịn: Đặt bàn tay tựa vào để có thể vững. **Nú:** Nắm chặt. **Vịn nú:** Dùng tay nắm chặt. **Chơn linh:** Linh hồn.

C.10: *Kêu gọi Chơn thần hãy giữ chặt Chơn linh.*

Câu 11-12: Năng lai năng khứ khinh khinh,
Mau như điển chiếu, nhẹ thành bóng mây.

Năng: Chữ Hán, Năng là có khả năng làm được việc.

Lai: Tới, đến. **Khứ:** Đi. **Năng lai:** Có khả năng đi đến.

Khinh: Nhẹ. **Khinh khinh:** Nhẹ nhàng. **Mau như điển chiếu:** Đi nhanh như làn sóng điện truyền đi.

C.11-12: *(Chơn hỗn) có khả năng đến và đi một cách nhẹ nhàng, nhanh như làn sóng điện, nhẹ như đám mây bay.*

Câu 13: Cửa Tây phương khá bay đến chốn.

Cửa Tây phương: Cửa đi vào CLTG ở hướng Tây.

C.13: *Nên bay đến cửa đi vào cõi CLTG ở hướng Tây.*

Câu 14: Diệt trần tình vui hưởng tiêu diêu.

Trần: Bụi bặm, chỉ cõi trần. **Trần tình:** Những tình cảm của con người nơi cõi trần, thường có ý chỉ các tình cảm xấu: Nộ (Giận), Ố (Ghét), Ai (Buồn), Dục (Muốn). Những tình cảm xấu này thường làm mất công đức và gây chướng ngại trên đường tu tiến, nên cần phải diệt nó bằng cách chuyển hóa nó vào nẻo cao thượng. **Tiêu diêu:** (Xem C. 6).

C.14: *Tiêu diệt những tình cảm xấu để hưởng được sự vui vẻ thanh thoi đi chơi đây đó.*

Câu 15: Tiên phong Phật cốt mỹ miều.

Tiên phong: Dáng dấp đẹp như Tiên. Phong là dáng dấp. **Phật cốt:** Cốt cách như Phật. **Mỹ miều:** Xinh đẹp.

C.15: *Vóc dáng như Tiên, cốt cách như Phật, thật là xinh đẹp.*

Câu 16: Vào Kinh Bạch Ngọc lễ triều Chí Linh.

Lễ triều: Lễ là lạy, triều là châu vua. Lễ triều là châu lạy Đức Chí Tôn. **Chí Linh:** chỉ Đức Chí Tôn.

C.16: *Vào Bạch Ngọc Kinh để châu lạy Đức Chí Tôn.*

Kinh Tấn Liệm

- Kinh Tấn Liệm
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Tấn Liệm

KINH TẤN LIỆM

(Giọng Nam ai)

1. Dây oan nghiệt đứt rời trái chủ.
2. Nương huyền linh sạch giữ thất tình.
3. Càn Khôn bước Thánh thượng trình.
4. Giải xong xác tục mượn hình Chí Tôn.
5. Khối vật chất vô hồn viết tử.
6. Đất biến hình tự thử qui căn.
7. Dừng gìn thân ái nghĩa nhân.
8. Xôn xao thoát khổ xa lần bến mê.
9. Hồn Trời hóa trở về Thiên cảnh.
10. Xác Đất sanh đến lịnh phục hồi.
11. Từ từ Cực Lạc an vui.
12. Lánh nơi trược khí hưởng mùi siêu thăng.

(Niệm 3 lần Câu Chú của Thầy).

GIẢI NGHĨA

Kinh Tấn Liệm do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ ban cho để đồng nhi tụng trước khi liệm thi hài người chết vào trong quan tài.

Tấn liệm: Tấn là đặt xác người chết vào trong áo quan rồi đập nắp đóng lại cho thật kín, Liệm là bọc xác người chết cho thật kín bằng những lớp vải, và đặt vào áo quan.

Câu 1: Dây oan nghiệt đứt rời trái chủ.

Oan: Thù giận. **Nghiệt:** Nghiệp ác. **Dây oan nghiệt:** Những

sự thù giận (Oan) và những nghiệp ác (Nghiệt) mà con người đã gây ra trong suốt kiếp sống, tạo thành những sợi dây oan nghiệt vô hình ràng buộc Chơn thần, không cho Chơn thần xuất ra khỏi thể xác, mặc dầu thể xác đã chết rồi.

Trái chủ: Trái là món nợ, Chủ là người làm chủ. Trái chủ là người chủ nợ. Nợ đây là nợ oan nghiệt. Đó là những người mà trước đây họ thù giận mình vì mình đã hãm hại họ, họ trở thành chủ nợ oan nghiệt, còn mình là con nợ oan nghiệt, họ chờ dịp để đòi mình phải trả món nợ oan nghiệt đó.

C.1: *Những sợi dây oan nghiệt được cắt đứt rồi thì Chơn thần mới đứt rời các chủ nợ mà bay lên được.*

Trong thời kỳ Đại Ân Xá, Đức Chí Tôn ban cho Phép Đoạn Căn để Chức sắc hành pháp cắt đứt các sợi dây oan nghiệt vô hình này, giúp cho Chơn thần người chết xuất ra khỏi xác mà bay trở về cõi TL. (Xem: C.3 Kinh Đệ Nhứt Cửu).

Câu 2: Nương huyền linh sạch giữ thất tình.

Nương: Dựa vào. **Huyền:** Sâu kín, huyền diệu. **Linh:** Thiêng liêng. **Nương huyền linh:** Dựa vào phép huyền diệu thiêng liêng. **Giữ:** Lắc mạnh cho rớt ra các bụi đất hay chất dơ. **Thất tình:** Bảy tình cảm của con người gồm: Hỷ (mừng), Nộ (giận), Ái (thương), Ố (ghét), Ai (buồn), Lạc (vui), Dục (muốn). **Sạch giữ:** Làm cho sạch sẽ bằng cách giữ mạnh cho rớt ra hết các chất bẩn.

C.2: *Dựa vào phép huyền diệu TL để giữ sạch thất tình.*

KHẢO DỊ:

* Kinh Lễ in bên Pháp năm 1952:

- sạch đủ thất tình.

* Kinh TĐ-TĐ năm 1936, 1968, 1974, 1975:

- sạch giữ thất tình.

Câu 3: Càn Khôn bước Thánh thượng trình.

Càn Khôn: CKVT. **Thánh:** Thiêng liêng mẫu nhiệm.

Thượng: Bước lên. **Trình:** Đường đi. **Thượng trình:** Lên đường, đồng nghĩa với Thượng lộ.

C.3: *Bước chơn mẫu nhiệm lên đường đi vào CKVT.*

Câu 4: Giải xong xác tục mượn hình Chí Tôn.

Giải: Cởi bỏ ra. **Xác tục:** Thể xác phàm bằng xương bằng thịt của con người nơi cõi trần. Khi thể xác này chết thì nó sẽ thúı rã biến thành đất. **Hình Chí Tôn:** Hình ảnh của Đức Chí Tôn. Mượn hình Chí Tôn là chỉ Chơn thần con người, bởi vì khi Đức Phật Mẫu tạo hóa ra Chơn thần của con người thì lấy theo hình ảnh của Đức Chí Tôn.

C.4: *Cởi bỏ xong xác phàm thì Chơn thần liền xuất ra.*

Câu 5: Khối vật chất vô hồn viết tử.

Khối vật chất: Thể xác phàm của con người, vì nó chỉ là một khối vật chất, được nuôi dưỡng và lớn lên bằng vật chất, và khi chết thì thúı rã biến trở thành vật chất lẫn vào đất.

Vô hồn: Không có linh hồn ngự trong thể xác.

Viết tử: Nói rằng chết. Viết là nói rằng, Tử là chết.

C.5: *Thể xác của con người không có linh hồn ngự trị thì gọi là chết.* Đức Chí Tôn ban cho mỗi người một Điểm Linh quang làm Linh hồn để tạo sự sống cho thể xác, gìn giữ sự sống ấy và điều khiển các hoạt động của thể xác. Khi Linh hồn ấy xuất ra khỏi thể xác thì thể xác hết hoạt động và chết.

Câu 6: Đất biến hình tự thử qui căn.

Đất biến hình: Đất biến ra hình thể của con người, bởi vì thể xác con người được nuôi dưỡng và lớn lên bằng những thực phẩm do Đất sản xuất ra. **Tự thử:** Từ đó, từ lúc ấy. **Qui căn:** Trở về gốc, gốc ấy là Đất. Qui là trở về, căn là gốc rễ.

C.6: *Thể xác con người do Đất biến hoá ra thì khi chết, thể xác này từ đó biến hóa trở lại thành Đất.*

Câu 7: ĐỪNG GÌN THÂN ÁI NGHĨA NHÂN.

Đừng gìn: Không nên gìn giữ, tức là phải cõi bỏ ra hết. **Thân ái:** Gần gũi thương yêu. **Nghĩa:** Cách cư xử theo lẽ phải, hợp đạo lý. **Nhân:** Lòng thương người mẫn vật.

C.7: Nên cõi bỏ ra hết các thứ tình cảm thân ái và các điều nhân nghĩa (để Chơn thần dứt khoát ra đi).

KHÁO DỊ:

* Kinh TĐ-TĐ 1936, Kinh Lễ 1952:

- Đừng gìn.

* Kinh TĐ-TĐ năm 1968, 1974, 1975:

- Đừng vì.

Câu 8: XÔN XAO THOÁT KHỔ XA LẦN BẾN MÊ.

Xôn xao: Rộn rịp ồn ào. **Thoát khổ:** Thoát ra khỏi các cảnh khổ não, hết khổ. **Xa lần:** Lẩn lẩn đi xa.

Bến mê: Chỉ cõi trần. (Xem: C.38 TTCĐDTKM).

C.8: Rộn rịp thoát khỏi nơi đau khổ nầy và đi xa dần cho khỏi cõi trần.

Câu 9: HỒN TRỜI HÓA TRỞ VỀ THIÊN CẢNH.

Hóa: Sanh ra. **Hồn Trời hóa:** Linh hồn của con người do Trời sanh ra. Đó là Điểm Linh quang được Đức Chí Tôn chiết ra từ Khối Đại Linh quang của Đức Chí Tôn ban cho mỗi người. **Thiên cảnh:** Cõi Trời.

C.9: Linh hồn của con người do Trời sanh ra thì nay trở về cõi Trời.

Câu 10: XÁC ĐẤT SANH ĐẾN LỊNH PHỤC HỒI.

Xác Đất sanh: Thể xác con người do các thực phẩm sanh ra từ Đất nuôi dưỡng và lớn lên, nên có thể xem như do Đất tạo ra. **Phục hồi:** Trở về. Phục là trở lại, hồi là về.

C.10: Thể xác do Đất tạo nên nay được lệnh trở về Đất.

Con người có Thể xác, Chơn thân và Linh hồn. Khi đến kỳ qui định (tới số), thể xác chết tan rã trở lại thành Đất; còn Linh hồn và Chơn thân thì xuất ra đi trở về Trời.

Hai câu kinh 9 và 10 có ý nghĩa tương tự như đôi liên nơi Thuyền Bát Nhã:

- Vạn sự viết vô, nhục thể Thổ sanh hườn tại Thổ,
- Thiên niên tự hữu, linh hồn Thiên tứ phần hồi Thiên.

Nghĩa là:

- Muôn vật đều không, xác thịt Đất sanh hườn lại Đất,
- Ngàn năm tự có, linh hồn Trời ban trở về Trời.

Câu 11: TỪ TỪ CỰC LẠC AN VUI.

Từ từ: Thông thả. **Cực Lạc:** CLTG. **An vui:** An ổn vui vẻ.

C.11: Thông thả đi đến cõi CLTG hưởng sự an vui.

Câu 12: LÁNH NƠI TRƯỚC KHÍ HƯỞNG MÙI SIÊU THĂNG.

Trước khí: Chất khí dơ bẩn. **Nơi trước khí:** Chỉ cõi trần, vì nơi cõi trần có nhiều trước khí, trước khí chiếm tới 2 phần, thanh khí chỉ có 1 phần. (Thanh khí là khí trong sạch).

Siêu thăng: Bay vượt lên cao, bay lên cõi TLHS.

C.12: Linh hồn bay lên lánh xa mùi trước khí của cõi trần, hưởng được siêu thăng nơi cõi TLHS.

Kinh Cầu Siêu

- Kinh Cầu Siêu
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Cầu Siêu

KINH CẦU SIÊU*(Giọng Nam ai)*

1. Đâu vọng bái Tây Phương Phật Tổ,
2. A-Di-Đà Phật độ chúng dân.
3. Quan Thế Âm lân mẫn ân cần,
4. Vớt lē thứ khổ trần đọa lạc.
5. Đại Thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát,
6. Bồ từ bi tế bạt vong hồn.
7. Cứu khổ nàn Thái Ất Thiên Tôn,
8. Miễn Âm cảnh ngục môn khai giải.
9. Ôn Đông Nhạc Đế Quân quảng đại,
10. Độ kẻ lành chế cái tai ương.
11. Chốn Dạ đài Thập Điện Từ Vương,
12. Thấy hình khổ lòng thương thâm thiết.
13. Giảm hình phạt, bớt đường luy tiết.
14. Xá linh quang tiêu diệt tiền khiên.
15. Đặng nhẹ nhàng thẳng đến Cung Tiên,
16. Nơi phước địa ở yên tu luyến.
17. Xin Trời Phật chứng lòng sở nguyện,
18. Hộ thương sanh u hiển khương ninh.

*(Niệm 3 lần Câu Chú của Thầy).***GIẢI NGHĨA**

Kinh Cầu Siêu do Đức Chuẩn Đề Bồ Tát giảng cơ ban cho Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu). Thuở mới Khai Đạo Cao

Đài, Đức Chí Tôn dạy Ngũ Chi Minh Đạo dâng kinh cho ĐĐTKPĐ, nên Hội Thánh đến thỉnh bài kinh này về làm Kinh ĐĐTKPĐ. Bên Minh Lý gọi bài Kinh này là SÁM CẦU SIÊU.

Câu siêu: Cầu là xin, siêu là vượt lên cao, siêu thẳng.

Cầu siêu là cầu xin các Đấng thiêng liêng cứu giúp linh hồn người chết cho được siêu thẳng.

Kinh Cầu siêu: là bài Kinh tụng cầu xin Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng Phật Tiên Thánh Thần ân xá tội tình và cứu giúp linh hồn người chết được siêu thẳng.

Hội Thánh có ghi chú dặn rằng: «Khi tụng hết bài Kinh Cầu siêu thì tụng tiếp bài Kinh Khi Đã Chết Rồi (Ba mươi sáu cõi Thiên Tào,...) vì sợ e cho vong hồn hoặc là người không tu mà Hội Thánh mới độ hồn, hoặc là đạo hữu phạm tệ mà đi xuống cõi Phong đô, nên trước phải tụng bài Kinh Cầu siêu (Đầu vọng bái Tây phương Phật Tổ,...) hầu cho vong hồn hồi dương đặng rồi thì tụng tiếp bài Kinh Khi Đã Chết Rồi (Ba mươi sáu cõi Thiên Tào,...) đặng vong hồn hưởng phép siêu thẳng tịnh độ. Phải tụng xen kẽ như vậy cho đủ 3 lần. Khi dứt, niệm Câu Chú của Thầy 3 lần.»

Câu 1-2: Đâu vọng bái Tây Phương Phật Tổ,
A-Di-Đà Phật độ chúng dân.

Đầu vọng bái: Đâu là cái đầu, vọng là trông ngóng, bái là lạy. Đầu vọng bái là cúi đầu cầu khẩn lạy xuống.

Tây Phương: Hướng Tây, chỉ cõi CLTG ở về hướng Tây. **Phật Tổ:** Đức Phật Thích Ca sáng lập Phật giáo và làm Tổ Sư Phật giáo, nên gọi Đức Thích Ca là Phật Tổ.

A-Di-Đà Phật: Phiên âm từ tiếng Phạn: AMITABHA, dịch là Vô Lượng Quang Phật hay Vô Lượng Thọ Phật. Trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Phật A-Di-Đà làm Chưởng giáo CLTG. Nay là thời TKPĐ, Ngài giao quyền lại cho Đức Di-Lạc Vương Phật làm Chưởng giáo CLTG, và Đức A-Di-Đà vào ngự nơi Lôi Âm Tự. **Độ:** Cứu giúp. **Chúng dân:** Dân chúng, chỉ chung

nhơn sanh hay nhơn loại.

C.1-2: *Cúi đầu cầu khẩn lay Đức Phật Tổ và Đức Phật A-Di-Đà ở cõi CLTG, xin cứu giúp nhơn sanh.*

Câu 3-4: Quan Thế Âm lân mẫn ân cần,
Vớt lê thứ khổ trần đọa lạc.

Quan Thế Âm: Quan Thế Âm Bồ Tát, còn gọi là Phật Bà Quan Âm, Quan Âm Như Lai, Quán Thế Âm Phật.

Đối với Phật giáo Tây Tạng, Quán Thế Âm Phật là một vị Phật Nam, hộ trợ xứ Tây Tạng. Dân chúng Tây Tạng đều tin rằng, Ngài chuyển hóa vào thân Đức Vua Đạt Lai Lạt Ma, cai trị xứ Tây Tạng, nên họ xem Đức Đạt Lai Lạt Ma là vị Phật Sống của họ. Đức Quan Thế Âm có một hiện thân gồm 11 cái mặt, 1000 cánh tay, 1000 con mắt và có 108 hồng danh.

Ở nước Trung Hoa và Việt Nam, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là vị Phật Nữ, do 2 truyện tích: Quan Âm Thị Kính và Công Chúa Diệu Thiện.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát đã đắc quả Phật, nhưng Ngài đại nguyện xuống cõi Ta Bà cứu khổ cứu nạn chúng sanh, nên Ngài vẫn mang danh Bồ Tát. Bất cứ hạng nào trong chúng sanh, khi bị quá sức đau khổ, hay bị lâm nguy tánh mạng, như gặp phải nạn lửa cháy, chìm tàu, oan ức tù đày, ..., nếu thành tâm niệm danh hiệu cầu cứu Ngài, hoặc tụng bài Kinh Cứu Khổ, thì Ngài liền hiện thân tới cứu giúp.

Trong ĐĐTKPĐ, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát vâng lệnh Đức Chí Tôn làm Đệ nhị Trấn Oai Nghiêm, cầm quyền Phật giáo, nêu cao gương từ bi bác ái tế độ của Phật.

Lân mẫn: Lân là thương xót, mẫn là lo lắng. Lân mẫn là thương xót và lo lắng giúp đỡ. **Ân cần:** Sẵn sóc đầy đủ với lòng thương mến.

Vớt: Cứu vớt. **Lê thứ:** Dân đen, dân chúng nghèo khổ. Lê là màu đen, thứ là nhiều. **Khổ trần:** Những nỗi đau khổ nơi cõi trần. **Đọa lạc:** Phật rơi xuống chỗ thấp kém, tối tăm, khổ sở.

Đọa là bị phạt xuống chỗ tối tăm khổ sở, lạc là rơi rụng.

C.3-4: *Cúi đầu cầu khẩn lay Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, xin thương xót, lo lắng ân cần cứu vớt dân chúng nghèo khổ đang bị đày đọa khổ sở nơi cõi trần.*

Câu 5-6: Đại Thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát,
Bồ từ bi tế bạt vong hồn.

Đại Thánh: Bực Thánh lớn. **Địa Tạng Vương Bồ Tát:** Phật hiệu này có ý nghĩa như sau: Địa là đất, Tạng là chứa, đất chứa và chở muôn vật, vì Ngài có lập nguyện độ vô số chúng sanh ở hằng hà sa số thế giới, không một chúng sanh nào ra khỏi tự tâm của Ngài. Ngài lại còn Đại nguyện: Địa ngục mà còn chúng sanh thì Ngài chưa chịu thành Phật.

Do lời Đại nguyện này, Đức Chí Tôn phong Ngài làm U Minh Giáo chủ (hay Phong Đô Đại Đế), cai quản cõi U Minh Địa phủ (cũng gọi là cõi Phong Đô). Thời TKPĐ, Đức Chí Tôn đại khai ân xá, giải tán Địa ngục, phóng thích các tội hồn, cho đi đầu thai trả quả. Đức Chí Tôn lập ra một cõi mới là cõi Âm Quang để các linh hồn tội lỗi đến đó xét mình và học Đạo, nhận biết lỗi lầm của mình mà ăn năn sám hối, cầu khẩn Đức Chí Tôn cứu rỗi. Do đó, Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát trở thành Giáo chủ cõi Âm Quang, giáo hóa các Nam tội hồn; còn các Nữ tội hồn thì có Thất Nương DTC đến giáo hóa.

Bồ: Bày ra, cho. **Từ bi:** Lòng thương yêu chúng sanh và lúc nào cũng muốn giúp chúng sanh thoát khổ. **Tế:** Giúp đỡ. **Bạt:** Nhảy qua, vượt qua. **Vong hồn:** Linh hồn người chết.

C.5-6: *Đức Đại Thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát mở lòng từ bi cứu giúp các vong hồn vượt qua biển khổ.*

Câu 7-8: Cứu khổ nạn Thái Ất Thiên Tôn,
Miễn Âm cảnh ngục môn khai giải.

Khổ nạn: Khổ nạn, tai nạn khổ sở. **Miễn Âm cảnh:** Cõi Âm phủ, cõi Địa ngục. **Ngục môn:** Cửa ngục. **Giải:** Cởi bỏ.

C.7-8: Xin Đức Thái Ất Thiên Tôn cứu giúp các tai nạn khổ sở, xin khai mở và bỏ đi các cửa ngục nơi cõi Âm phủ.

Câu 9-10: Ôn Đông Nhạc Đế Quân quảng đại,
Độ kẻ lành chế cái tai ương.

Đông Nhạc Đế Quân: Vị Thần làm đầu Ngũ Nhạc, cai trị phần hồn của nhơn loại. Tương truyền, ai mới thác xuống, linh hồn phải đến cho Thần Đông Nhạc tra xét tội phước, rồi đến lúc đi đầu thai, cũng phải đến cho Thần Đông Nhạc liệu định đường luân hồi.

Theo truyện Phong Thần, 5 vị Thần Ngũ Nhạc chia ra ở trên 5 hòn núi theo 4 hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc và ở Trung ương, kể ra:

- **Hoàng Phi Hổ:** Đông Nhạc Thái Sơn, Tể Thiên Nhân Thánh Đại Đế, làm đầu Ngũ Nhạc.
- **Sùng Hắc Hổ:** Nam Nhạc Hành Sơn, Tư Thiên Chiếu Thánh Đại Đế.
- **Thôi Anh:** Bắc Nhạc Hằng Sơn, An Thiên Huyền Thánh Đại Đế.
- **Tưởng Hùng:** Tây Nhạc Hoa Sơn, Kim Thiên Thư Thánh Đại Đế.
- **Văn Sính:** Trung Nhạc Tung Sơn, Trung Thiên Sùng Thánh Đại Đế.

Năm vị Thần Ngũ Nhạc có bốn phận xem xét họa phước cho dân.

Quảng đại: Lòng dạ bao la rộng rãi.

Độ: Cứu giúp. **Chế cái:** Sửa đổi cái cũ để làm ra cái mới. **Tai ương:** Điều hại lớn. Tai là điều hại lớn, ương là xấu.

C.9-10: Đông Nhạc Đế Quân có lòng rộng rãi, ban ơn cứu giúp người lành và sửa đổi cho bớt tai ương.

KHẢO DỊ:

* Kinh Lễ 1952, Kinh TĐ-TĐ 1936, 68, 74, 75:

- quảng đại.
- Độ kẻ lành

* Kinh Nhật Tụng Minh Lý Đạo 1973:

- khoan đại.
- Hộ kẻ lành

Khoan đại đồng nghĩa **Quảng đại**.

Độ là cứu giúp. **Hộ** là che chở, giữ gìn.

Xét trên ý nghĩa của câu kinh 10, dùng chữ: «Hộ kẻ lành» thì đúng hơn là «Độ kẻ lành», bởi vì người lành rồi thì không cần độ nữa, mà chỉ cần hộ trì cho họ được lành mãi. Còn độ là độ kẻ chưa lành, độ kẻ tội lỗi, cho họ trở nên lành.

Đức Chí Tôn có nói rằng: “Thầy lại nói, buổi lập Thánh đạo, Thầy đến để độ rồi kẻ có tội lỗi. Nếu đời không tội lỗi, đâu đến nhọc công Thầy.” (TNHT. I. 44)

Câu 11-12: Chấn Dạ đài Thập Điện Từ Vương,
Thấy hình khổ lòng thương thảm thiết.

Dạ đài: Lầu đài ban đêm, tức là lầu đài cung điện nơi cõi Âm phủ. Dạ là đêm thuộc về Âm, đài là lầu đài.

Thập Điện Từ Vương: 10 vị vua nhơn từ cai quản 10 cửa ngục nơi cõi Âm phủ, thường gọi là Thập Điện Diêm Vương, dưới quyền của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Thập Điện Diêm Vương gồm 10 vị, kể ra sau đây:

1. **Nhứt Điện:** Tần Quảng Vương cầm sổ sống chết.
2. **Nhị Điện:** Sở Giang Vương coi Đẳng Huột Đại Địa ngục.
3. **Tam Điện:** Tống Đế Vương coi Hắc Thẳng Đại Địa ngục.
4. **Tứ Điện:** Ngũ Quan Vương coi Chúng Hiệp Đại

Địa ngục.

5. **Ngũ Điện:** Diêm La Vương coi Kiểu Hoán Đại Địa ngục.
6. **Lục Điện:** Biện Thành Vương coi Đại Kiểu Hoán Đại Địa ngục.
7. **Thất Điện:** Thái Sơn Vương coi Nhiệt Nảo Đại Địa ngục.
8. **Bát Điện:** Bình Đẳng Vương coi Đại Nhiệt Nảo Đại Địa ngục.
9. **Cửu Điện:** Đô thị Vương coi A-Tỳ Đại Địa ngục.
10. **Thập Điện:** Chuyển Luân Vương coi việc cho đi đầu thai.

C.11-12: Nơi cõi Âm phủ, Thập Điện Diêm Vương hơn từ, thấy tội hơn bị hình phạt khổ sở thì đem lòng thương xót thăm thiết.

Câu 13: Giảm hình phạt, bớt đường luy tiết.

Luy tiết: Luy là sợi dây dùng để trói kẻ có tội; tiết là sợi dây dùng để trói. Luy tiết là trói buộc kẻ có tội, ý nói cảnh giam cầm tù tội.

C.13: Làm cho giảm bớt những hình phạt và giảm bớt việc giam cầm tù tội.

KHẢO DỊ:

* Kinh Lễ 1952, Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968, 74, 75:

- ... ly tiết.

* Kinh Nhật Tụng Minh Lý Đạo năm 1973:

- ... luy tiết.

Từ ngữ “ly tiết” không có nghĩa nào thích hợp với câu kinh này. Vả lại, người bình dân đọc 2 chữ LY và LUY như cùng một âm. Do đó, câu kinh này phải viết là LUY TIẾT mới đúng.

Câu 14: Xả linh quang tiêu diệt tiền khiên.

Xả: Tha cho, xả tội. **Linh quang:** Điểm Linh quang do Đức Chí Tôn ban cho mỗi người để làm linh hồn. **Xả linh quang:**

Tha thứ tội lỗi cho các linh hồn. **Tiêu diệt:** Làm cho mất hẳn đi. **Tiền khiên:** Những lỗi lầm đã gây ra trong kiếp sống trước. Khiên là lỗi lầm, tiền là trước.

C.14: Tha thứ tội lỗi cho các linh hồn và tiêu diệt hết các lỗi lầm đã gây ra trong kiếp trước.

Câu 15-16: Đặt nhẹ nhàng thẳng đến Cung Tiên, Nơi phước địa ở yên tu luyện.

Cung Tiên: Chỉ cõi Tiên, cõi TLHS. **Phước địa:** Đất phước, vùng đất lành và an vui. **Tu luyện:** Tu là sửa đổi đức tánh cho hoàn toàn, bỏ nhờn đục tìm đường Thiên lý; luyện là rèn, trau dồi cho sáng suốt. Tu mà không luyện thì chẳng khác chỉ một cục sắt, không rèn giũa thì làm sao trở thành món đồ dùng hữu ích.

C.15-16: Linh hồn được nhẹ nhàng bay thẳng lên cõi TLHS, và ở yên nơi đất phước để lo tu luyện.

Câu 17- Xin Trời Phật chứng lòng sở nguyện,
18: Hộ thương sanh u hiển khương ninh.

Sở nguyện: Điều quan trọng mà mình mong mỏi trong lòng. **Hộ:** Che chở giữ gìn. **Thương sanh:** Những người sống thấp kém nghèo khổ, chỉ chung hơn sanh. Thương là màu xanh, sanh là sống.

U hiển: U là tối tăm, chỉ cõi Âm phủ; Hiển là hiện ra rõ ràng, chỉ cõi Dương gian. U hiển là chỉ cõi Âm phủ của người chết và cõi Dương gian của người sống. **Khương ninh:** Mạnh khỏe an ổn. Khương là mạnh khỏe, ninh là an ổn.

C.17-18: Xin Đức Chí Tôn và chư Phật chứng điều sở nguyện và xin gìn giữ che chở hơn sanh ở cõi Âm cũng như ở cõi Dương được mạnh khỏe và an ổn.

Kinh Đưa Linh Cữu

- Kinh Đưa Linh Cữu
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Đưa Linh Cữu

KINH ĐƯA LINH CỬU*(Giọng Nam ai)*

1. Cầu các Trấn Thần linh trợ lĩnh,
2. Giữ Chơn hồn xa lánh xác trần.
3. Nam mô Địa Tạng thi ân,
4. Đưa đường Thiên cảnh, lánh gần Phong đồ.
5. Nam mô Tam Trấn Hư Vô,
6. Oai Nghiêm độ rỗi Cao đồ qui nguyên.
7. Nam mô Tam giáo diệu huyền,
8. Tuyệt luân Bát Nhã đưa thuyền độ vong.
9. Nam mô Bạch Ngọc Công Đồng,
10. Thần Tiên Thánh Phật mở vòng trái oan.
11. Nam mô Thượng Đế Ngọc Hoàng,
12. Mở cơ tận độ nhẹ nhàng chơn linh.
13. Cửa Cực Lạc thình thình rộng mở,
14. Rước vong hồn lui trở ngôi xưa.
15. Tòa sen báu vật xin đưa,
16. Chơn linh an ngự cho vừa quả duyên.

*(Niệm 3 lần Câu Chú của Thầy).***GIẢI NGHĨA**

Kinh Đưa Linh Cữu do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ ban cho để đồng nhi tụng trong suốt thời gian đưa linh cữu từ nơi phát hành đến nơi chôn cất.

Linh cữu: Linh là linh hồn người chết, cữu là cái áo quan.

Linh cữu là cái áo quan trong đó đã có liệt thi hài của một linh hồn vừa bỏ xác.

Theo cách gọi thông thường, khi đưa đi chôn thì gọi là Linh cữu, khi còn đặt trong nhà để tế lễ thì gọi là Quan tài.

Câu 1-2: Cầu các Trấn Thần linh trợ lĩnh,
Giữ Chơn hồn xa lánh xác trần.

Thần linh: Các vị Thần thiêng liêng. **Các Trấn Thần linh:** Các vị Thần thiêng liêng trấn nhậm ở các địa phương như: Thần Hoàng Bốn Cảnh, Thổ Thần, Thổ Địa, Sơn Thần .

Trợ lĩnh: Trợ là giúp đỡ. Trợ lĩnh là giúp đỡ thi hành các mệnh lệnh của cấp trên cho được hiệu quả.

Chơn hồn: Ở đây có nghĩa là Chơn thân, xác thân thiêng liêng, Nhị xác thân. (Xem trở lại C.6 KCHKHH)

Xa lánh: Tránh đi chỗ khác cho xa chỗ đó. **Xác trần:** Thể xác phàm, Đệ nhứt xác thân.

C.1-2: Cầu xin các vị Thần linh trấn nhậm ở địa phương này giúp lĩnh gìn giữ Chơn thân của người chết lánh xa xác phàm.

Câu 3-4: Nam mô Địa Tạng thi ân,
Đưa đường Thiên cảnh, lánh gần Phong đồ.

Nam mô: do tiếng Phạn phiên âm ra, có nghĩa là: Qui y, qui mạng, chí tâm hướng, tức là quyết chí vâng theo lời Phật dạy, nguyện hiến trọn đời mình cho Đạo pháp. Về sau, từ ngữ Nam mô thường dùng làm tiếng khởi đầu cho một câu cầu nguyện.

Địa Tạng: Địa Tạng Vương Bồ Tát, Giáo chủ cõi Âm quang. Khi xưa, thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Ngài là Giáo chủ cõi U Minh hay cõi Phong Đồ, nên gọi Ngài là U Minh Giáo chủ hay Phong Đồ Đại Đế. **Thi ân:** Làm ơn cho người.

Thiên cảnh: Cõi Trời, cõi Thiêng liêng Hằng sống.

Lánh gần: Lánh đi chỗ khác, đừng lại gần.

Phong Đồ: Ở đây chỉ cõi Âm quang do Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát làm Giáo chủ.

C.3-4: *Xin cầu nguyện với Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát ban ơn đưa linh hồn người chết lên đường về cõi Thiêng liêng Hằng sống, lánh xa không cho đến gần cõi Âm quang.*

Câu 5-6: Nam mô Tam Trấn Hư Vô,
Oai Nghiêm độ rỗi Cao đồ qui nguyện.

Tam Trấn: Thường gọi là Tam Trấn Oai Nghiêm, đó là 3 vị cầm quyền Tam giáo trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tam Trấn Oai Nghiêm gồm:

1. **Nhứt Trấn Oai Nghiêm:** Đức Đại Tiên Trưởng Lý Thái Bạch, cầm quyền Tiên giáo, kiêm Giáo Tông ĐĐTKPĐ.
2. **Nhị Trấn Oai Nghiêm:** Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, cầm quyền Phật giáo.
3. **Tam Trấn Oai Nghiêm:** Đức Quan Thánh Đế Quân, cầm quyền Nho giáo.

Hư Vô: Hư là trống không, vô là không. Hư Vô là hoàn toàn trống không, nhưng trong không mà có tất cả. Hư vô là cảnh giới vô cùng mầu nhiệm mà chẳng ai rõ thấu, vì cảnh giới ấy vắng lặng trống không mà lại sanh ra các Pháp.

Oai Nghiêm: Trang nghiêm khiến người khác nể sợ.

Độ rỗi: Độ là cứu giúp, rỗi là cứu vớt khỏi những ràng buộc tội lỗi. Độ rỗi là cứu giúp thoát khỏi những ràng buộc tội lỗi để được siêu thăng.

Cao đồ: Môn đồ của Đấng Cao Đài, tức là tín đồ của Đạo Cao Đài. **Qui nguyện:** Qui là trở về, nguyện là cái gốc khởi sanh ra, đó là Thái Cực, tức là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Qui nguyện là trở về với Đức Chí Tôn.

C.5-6: *Xin cầu nguyện với Tam Trấn Oai Nghiêm nơi cõi Hư Vô mầu nhiệm độ rỗi linh hồn của người tín đồ Cao Đài được trở về với Đức Chí Tôn.*

Câu 7-8: Nam mô Tam giáo diệu huyền,
Tuyệt luân Bát Nhã đưa thuyền độ vong.

Tam giáo: Ba nền tôn giáo lớn ở Á Đông: Phật giáo (Thích giáo), Tiên giáo (Lão giáo), Nho giáo (Khổng giáo).

Diệu huyền: Huyền diệu, huyền là sâu kín, diệu là khéo léo. Huyền diệu là sâu kín khéo léo mà trí phàm không thể biết rõ được.

Tuyệt luân: Tuyệt là dứt, luân là sự luân hồi. Tuyệt luân là dứt luân hồi, tức là không còn luân hồi nữa.

Bát Nhã thuyền: Bát Nhã là trí huệ, tức là sự hiểu biết đạo lý sáng suốt. Bát Nhã thuyền là chiếc thuyền trí huệ đưa các chơn hồn vượt qua biển khổ đến bờ giải thoát. (Xem chi tiết: C.25 PMCK)

Độ vong: Cứu giúp linh hồn người chết.

C.7-8: *Xin cầu nguyện với Ba Đấng Giáo Chủ Tam giáo huyền diệu, xin đem chiếc thuyền Bát Nhã cứu giúp các vong hồn thoát qua biển khổ, dứt khỏi luân hồi.*

Câu 9-10: Nam mô Bạch Ngọc Công Đồng,
Thần Tiên Thánh Phật mở vòng trái oan.

Bạch Ngọc: Bạch Ngọc Kinh, tòa lâu đài làm bằng ngọc trắng, là nơi thường ngự của Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Công Đồng: Công là chung, đồng là cùng nhau.

Bạch Ngọc Công Đồng: là một Đại Hội chư Thần Thánh Tiên Phật tại Bạch Ngọc Kinh để quyết nghị các công việc chung có tính cách quan trọng, dưới quyền chủ tọa của Đức Chí Tôn.

Trái oan: Oan là thù giận, trái là món nợ. Trái oan là món nợ oan nghiệt. Kiếp trước, mình làm cho người ta thù giận mình, tức là mình tạo ra oan trái, nay mình phải đền trả món nợ đó.

C.9-10: *Xin cầu nguyện với các Đấng Thần Thánh Tiên Phật trong Hội Công Đồng nơi Bạch Ngọc Kinh, xin cởi mở ra cho hết vòng oan trái.*

Câu 11-12: Nam mô Thượng Đế Ngọc Hoàng,
Mở cơ tận độ nhẹ nhàng chơn linh.

Tận độ: Tận là hết, độ là cứu giúp. Tận độ là cứu giúp toàn cả chúng sanh, không chừa một người nào cả. **Cơ tận độ:** Cơ quan có nhiệm vụ tận độ chúng sanh. Cơ quan này là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức là Đạo Cao Đài.

Trong Bài Tựa quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, Hội Thánh có viết như sau:

“Đức Quyền Giáo Tông (khi còn tại thế) và Đức Hộ Pháp, trót 10 năm trường, nghĩa là từ ngày mở Đạo, đã nhiều phen dâng sớ cho Đại Từ Phụ và các Đấng Thiêng liêng đặng xin Kinh Tận độ, nhưng mà Chí Tôn cùng chư Thần Thánh Tiên Phật chưa định ban ân cho toàn sanh chúng.

Mãi đến ngày 23 tháng 7 tới ngày mùng 4 tháng 8 năm Ất Hợi (dl 21 đến 31-8-1935) mới giáng cơ ban cho Tân Kinh. Ấy là một giọt nước Cam Lộ của Đức Từ Bi rưới chan đặng gội nhuần cho các đấng linh hồn của toàn thế giới.

Chúng ta thăm xét thì đủ hiểu rằng: Đã trải qua 10 năm, Chí Tôn mới mở Cơ Tận độ. Cơ Tận độ nhen sanh duy kể từ ngày ban Tân Kinh này mà thôi.”

C.11-12: *Xin cầu nguyện với Đức Chí Tôn mở ra cơ quan Tận độ nhen sanh để linh hồn người chết được nhẹ nhàng siêu thăng.*

Câu 13- Cửa Cực Lạc thình thình rộng mở,
14: Rước vong hồn lui trở ngôi xưa.

Cửa Cực Lạc: Cửa đi vào Cực Lạc Thế giới. **Thình thình:** Rộng rãi thênh thang. **Lui trở:** Lui bước trở về.

Ngôi xưa: Ngôi vị cũ nơi cõi Thiêng liêng.

C.13-14: *Cửa CLTG mở rộng thênh thang để rước các vong hồn trở lại ngôi vị cũ.*

Câu 15-16: Tòa sen báu vật xin đưa,
Chơn linh an ngự cho vừa quả duyên.

Tòa sen: Ngôi vị của Phật hay Bồ Tát. **Báu vật:** Vật quý báu. **Chơn linh:** Linh hồn. **An ngự:** An là yên ổn, ngự là ngồi lên một cách trang trọng. An ngự là ngồi lên một cách trang trọng và an ổn. **Cho vừa:** Cho tương xứng.

Quả duyên: Quả là cái kết quả, duyên là cái sức hỗ trợ cho cái Nhân thành cái Quả. Quả duyên là cái kết quả do sự hỗ trợ của cái duyên mà đạt được, tức là cái phẩm vị đạt được do công đức tu hành.

C.15-16: *Xin đưa Chơn linh đến an ngự trên tòa sen quý báu cho tương xứng với công đức tu hành.*

Kinh Hạ Huyệt

- Kinh Hạ Huyệt
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Hạ Huyệt

KINH HẠ HUYỆT*(Giọng Nam ai)*

1. Thức giấc mộng huỳnh lương vừa mãn.
2. Tiếng phồn ba hết thoáng bên tai.
3. Giải thi lánh chốn đọa đày,
4. Chơn linh trong sạch ra ngoài Càn khôn.
5. Phép Giải Oan độ hồn khỏi tội.
6. Phước Tiêu Diêu nắm mối trường sanh.
7. Ôn nhờ hồng phước Chí Linh,
8. Lôi Âm tự toại, Bồng Dinh hưởng nhàn.
9. Nhờ Hậu Thổ xương tàn gìn giữ.
10. Nghĩa Chí Tôn tha thứ tiền khiên.
11. Đưa tay vịn phép diệu huyền,
12. Ngọc Hư lập vị, Cửu tuyển lánh chơn.
13. Ngó Cực Lạc theo hườn Xá lợi.
14. Cửu Trùng Thiên mở lối qui nguyên.
15. Rõ ràng Phật cốt Tiên duyên.
16. Nước Cam lồ rửa sạch thuyên độ nhân.

GIẢI NGHĨA

Kinh Hạ Huyệt do Đức Quan Thế Âm Bồ Tát (Thường Cư Nam Hải Quán Âm Như Lai) giảng cơ ban cho.

Khi đưa linh cửu ra tới huyệt thì vị chứng đàn và đồng nhi đứng trước đầu huyệt, tụng Kinh Hạ Huyệt 3 hiệp, mỗi hiệp cúi đầu, mãn hiệp thứ ba liền tụng tiếp 3 biến Vãng Sanh Thân

Chú. Hễ dứt thì niệm Câu Chú của Thầy 3 lần.

Hạ Huyệt: Hạ là đem xuống, huyệt là cái lỗ đào xuống đất. Hạ huyệt là đem quan tài đặt xuống cái huyệt đã đào sẵn dưới đất để chôn.

Kinh Hạ Huyệt là bài kinh để đồng nhi tụng trước khi đem quan tài đặt xuống huyệt để chôn.

Câu 1: Thức giấc mộng huỳnh lương vừa mãn.

Huỳnh lương: Huỳnh là màu vàng, lương là bắp. Huỳnh lương là bắp vàng, một loại trong ngũ cốc dùng để nấu ăn.

Giấc mộng huỳnh lương: Giấc chiêm bao kéo dài trong thời gian nấu chín nổi bắp vàng.

ĐIỂN TÍCH: Chung Ly Vân Phòng đời nhà Hán, nên thường gọi là Hán Chung Ly, là một vị Đại Tiên, thấy Ông Lữ đồng Tân (thường gọi Lữ đồng Tân) có căn lành nên muốn độ họ Lữ đi tu, liền đến huyện Hàm Đương gặp họ Lữ nói rằng:

– Ta là Chung Ly Vân Phòng tu ở núi Triều Hạc, Ông có muốn đi chơi với ta không?

Lữ đồng Tân có vẻ lưỡng lự vì muốn đi thi Tiến sĩ để dương danh với đời. Chung Ly biết vậy, liền mời Lữ đồng Tân đến bên nổi bắp vàng đang nấu, ngồi chơi, rồi đưa cho một cái gối bảo nằm xuống nghỉ, còn mình thì tiếp tục đun nổi bắp vàng. Đồng Tân kê đầu vào gối nằm xuống giây lát thì chiêm bao thấy mình vác lều chông đi thi, ngang qua một nhà giàu họ, gặp một người con gái rất đẹp thì ướm lời. Nàng họ nói rằng: «Nếu chàng đi thi đậu Trạng Nguyên thì thiếp nguyện nâng khăn sửa đắp.» Lữ đồng Tân vào khoa thi, đậu được Trạng Nguyên, về cưới nàng ấy, sau lại cưới thêm hầu thiếp nữa, được vua bổ làm quan Giám Nghị, lần lần được thăng lên đến chức Tế Tướng, giàu sang tốt bụng, con cháu đầy nhà.

Chẳng may, sau đó bị gian thần hãm hại, vu oan giá họa, vua truyền bắt tội, tịch thu hết gia sản sự nghiệp, rồi đày ra chốn Lãng Viễn, cực khổ vô cùng. Kể giệt mình thức dậy, ngơ ngẩn

tâm thần.

Chung Ly Vân Phòng ngồi kế bên bèn cười lớn, ngâm hai câu thơ:

*Nổi bắp hây còn ngồi,
Chiêm bao đà thấy cháu.*

Lữ đồng Tân lấy làm lạ hỏi rằng:

– Thấy biết sự chiêm bao của tôi sao?
– Chiêm bao 50 năm, công việc cả muôn, thiệt không đầy một lát, đặng chẳng khá mừng, mất không nên thảm, hết vinh tới nhục là lẽ thường.

Lữ đồng Tân nghe Hớn Chung Ly nói thế thì tỉnh ngộ, ngẫm nghĩ lại mà chán ngán cuộc đời, liền từ bỏ mộng công danh, cầu xin Hớn Chung Ly truyền đạo.

Do sự tích nầy, người ta thường dùng các thành ngữ: Giác huỳnh lương, Huỳnh lương mộng, Giác Hàm Đang, là để chỉ giấc mộng của Lữ đồng Tân, ý nói rằng: Cuộc vinh hoa phú quý ở đời, nên xem nó là phù du mộng ảo.

Câu 2: Tiếng phồn ba hết thoảng bên tai.

Phồn ba: Phồn là nhiều; ba là cái hoa. Phồn ba, đồng nghĩa Phồn hoa, là chỉ nơi dân cư đông đúc, mua bán tấp nập, ngựa xe như nước, là trường náo nhiệt đua chen danh lợi.

Thoảng: Thoảng qua, lướt qua một cách nhẹ nhàng trong thời gian rất ngắn, chỉ đủ để cảm nhận được.

C.1-2: *Khi thức tỉnh lại rồi, thấy cuộc đời như là một giấc chiêm bao. Cái âm vang của trường náo nhiệt đua chen danh lợi cũng hết thoảng bên tai.*

Câu 3-4: Giải thi lánh chốn đọa đày, Chơn linh trong sạch ra ngoài Càn khôn.

Giải thi: Giải là cởi bỏ, thi là thi hài thể xác. Giải thi là cởi bỏ thể xác, tức là khi thể xác chết, Chơn thần và Linh hồn xuất ra khỏi thể xác, đi lên cõi Thiêng liêng.

Chốn đọa đày: Chỉ cõi trần, vì cõi trần là cõi đọa.

Chơn linh trong sạch: Chơn linh trong sạch thì Chơn thần phải trong sạch. Muốn cho Chơn thần trong sạch thì phải giữ cho Thể xác trong sạch. Muốn cho Thể xác trong sạch thì phải ăn chay trường, cúng kiếng thường và giữ tư tưởng cho thanh cao. Một Chơn linh trong sạch khi ở trong một Chơn thần trong sạch; một Chơn thần trong sạch khi ở trong một Thể xác trong sạch. Chơn thần trong sạch thì mới nhẹ nhàng, mới bay lên tới cõi Thiêng liêng Hằng sống.

Càn Khôn: Trời Đất, thường nói CKVT. **Ra ngoài Càn khôn:** Bay thoát ra ngoài cõi trần, đi vào CKVT.

C.3-4: *Cởi bỏ thể xác để Linh hồn và Chơn thần bay lên lánh khỏi cõi trần đọa đày. Khi Linh hồn và Chơn thần trong sạch thì mới được nhẹ nhàng, thoát ra ngoài cõi trần, đi vào CKVT.*

Câu 5: Phép Giải Oan độ hồn khỏi tội.

Phép Giải oan: là một phép Bí tích rất huyền diệu của Đạo Cao Đài do Đức Chí Tôn ban cho nhơn loại trong kỳ Đại Ấn Xá nầy, để cởi bỏ hết các oan nghiệt đã gây ra từ nhiều kiếp trước, nhờ đó nhơn sanh dễ tiến bước trên đường tu hành, theo đúng với Cơ Tận độ của Đức Chí Tôn. (Xem: C.30 KGO).

C.5: *Phép Giải oan cứu giúp các linh hồn thoát khỏi các tội tình đã gây ra trong nhiều kiếp trước.*

Câu 6: Phướn Tiêu Diêu năm mỗi trường sanh.

Phướn Tiêu Diêu: Cây phướn của Lục Nương cầm, cũng gọi là Phướn Truy Hồn, để gìn giữ và hướng dẫn Chơn hồn đi lên các tầng Trời của Cửu Trùng Thiên.

Trường sanh: Sống hoài, hằng sống, chỉ cõi TLHS.

C.6: *Cây Phướn Tiêu Diêu của Lục Nương dẫn dắt các chơn hồn lên cõi Thiêng liêng Hằng sống.*

Câu 7-8: Ôn nhờ hồng phước Chí Linh,
Lôi Âm tự toại, Bồng Dinh hưởng nhàn.

Hồng phước: Hồng là to lớn, phước là điều may mắn tốt lành. Hồng phước là điều may mắn tốt lành lớn do Đức Chí Tôn ban cho. (Chữ Hồng dùng để chỉ cái gì to lớn của Đức Chí Tôn hay do Đức Chí Tôn ban cho. Thí dụ: Hồng oai, Hồng từ, Hồng ân, Hồng phước.)

Chí Linh: Rất thiêng liêng, chỉ Đức Chí Tôn.

Lôi Âm: Lôi Âm Tự, chùa Lôi Âm ở tại kinh đô của cõi CLTG, nơi ngự của Đức Phật Thích Ca và Đức A-Di-Đà Phật. Ở đây, Lôi Âm là chỉ cõi CLTG, là nơi hoàn toàn sung sướng và an vui. **Tự toại:** Tự là chính mình, toại là thỏa lòng. Tự toại là lòng dạ thỏa thích, ung dung thơi thới.

Bồng Dinh: Hai hòn đảo: Bồng Lai và Dinh Châu. Tương truyền trong biển Bột Hải nơi cõi Thiêng liêng có 3 hòn đảo tên là: Bồng Lai, Dinh Châu, Phương Trượng, đều có Tiên ở. Trên đảo Bồng Lai có núi Bồng Lai (cũng gọi là Bồng sơn) có 8 động đá là nơi ở của Bát Tiên. Bồng Dinh là chỉ cõi Tiên. Lôi Âm là chỉ cõi Phật.

C.7-8: Nhờ hưởng được ơn phước của Đức Chí Tôn, nên Chơn hồn được ung dung thơi thới nơi cõi Phật, và an nhàn nơi cõi Tiên.

Câu 9: Nhờ Hậu Thổ xương tàn gìn giữ.

Hậu Thổ: Hậu là vua (theo nghĩa xưa), Thổ là đất. Hậu Thổ là vua Đất, tức là vị Thần cai quản đất đai của một nước, làm đầu các vị Thổ Thần. Thổ Thần là vị Thần cai quản một vùng đất nhỏ. **Xương tàn:** Bộ xương còn lại sau khi xác chết thối rã thành nước tan vào đất.

C.9: Xin nhờ thần Hậu Thổ gìn giữ các mảnh xương tàn của người chết gởi tại nơi đây.

Câu 10: Nghĩa Chí Tôn tha thứ tiền khiên.

Nghĩa Chí Tôn: Ôn nghĩa của Đức Chí Tôn. **Tiền khiên:** Lỗi lầm đã gây ra trong các kiếp trước.

C.10: Ôn nghĩa của Đức Chí Tôn tha thứ các lỗi lầm đã gây ra trong các kiếp trước.

Câu 11-12: Đưa tay vịn phép diệu huyền,
Ngọc Hư lập vị, Cửu tuyền lánh chơn.

Phép diệu huyền: Phép Bí tích huyền diệu mà Đức Chí Tôn đã ban cho như: Phép Giải oan, Phép Xác, Phép Đoạn căn, Phép Độ thẳng, vv. **Vịn:** Đặt bàn tay tựa vào cho có thể vững, ý nói dựa vào. **Vịn phép diệu huyền:** Dựa vào các Phép Bí tích huyền diệu.

Ngọc Hư: Ngọc Hư Cung nơi cõi Thiêng liêng, là nơi họp Thiên triều của Đức Chí Tôn Thượng Đế. Hiệp Thiên Đài là hình ảnh của Ngọc Hư Cung tại thế.

Lập vị: Làm nên phẩm vị cho mình.

Cửu tuyền: Tuyền là suối, Cửu tuyền là Chín suối, chỉ cõi Âm phủ. Tương truyền, cõi Âm phủ có 9 dòng suối.

Lánh chơn: Bước đi lánh khỏi chỗ đó.

C.11-12: Dựa vào các Phép Bí tích huyền diệu mà lên Ngọc Hư Cung lập phẩm vị cho mình, và bước đi lánh xa cõi Âm phủ.

KHẢO DỊ:

* Kinh TĐ-TĐ năm 1936:

- Đưa tay định phép.

* Kinh Lễ in bên Pháp năm 1952:

- Đưa tay định phép.

* Kinh TĐ-TĐ năm 1968, 1974, 1975:

- Đưa tay vịn phép.

Câu 13: Ngó Cục Lạc theo hườn Xá lợi.

Ngó: Nhìn. **Cục Lạc:** CLTG, cõi Phật.

Huần: do chữ Hoàn nói trại ra. Hoàn là một viên tròn, một cái hạt. Thí dụ như: Hoàn thuốc.

Xá lợi: Sau khi Đức Phật Thích Ca tịch diệt, thể xác của Phật được hỏa thiêu. Trong mớ tro tàn còn lại có những hạt tròn tròn chiếu sáng như ngọc, gọi là Ngọc Xá lợi. Các hạt Xá lợi này được thu giữ cẩn thận, phân chia ra nhiều chỗ để thờ. Vị Tăng Thống của Phật giáo Tích Lan có đem qua tặng Tòa Thánh Tây Ninh một hạt Ngọc Xá lợi này. Do đó, từ ngữ Huần Xá lợi là chỉ Đức Phật.

C.13: *Nhìn về phía CLTG để theo về với Phật.*

Câu 14: Cửu Trùng Thiên mở lối qui nguyên.

Câu Trùng Thiên: Chín tầng Trời. Cửu là 9, Trùng là nhiều lớp chập chồng lên nhau, Thiên là Trời. (Xem chi tiết về Cửu Trùng Thiên nơi chữ: Chín tầng Trời, Câu 8 bài Kinh Niệm Hương). **Mở lối:** Mở đường.

Qui nguyên: Qui là trở về; Nguyên là cái gốc mà từ đó nó được sanh ra, gốc đó là Thái Cực tức là Đức Chí Tôn Thượng Đế. Qui nguyên là trở về với Đức Chí Tôn.

C.14: *Chín tầng Trời mở ra một con đường để các Chơn hồn trở về với Đức Chí Tôn.*

Câu 15: Rõ ràng Phật cốt Tiên duyên.

Rõ ràng: Sáng ngời một cách đẹp đẽ.

Phật cốt: Cốt cách như Phật. **Tiên duyên:** Có duyên với Tiên, tức là có mối dây ràng buộc với các vị Tiên.

C.15: Cốt cách sáng ngời như Phật, có mối dây ràng buộc với Tiên.

KHÁO DỊ:

* Kinh TĐ-TĐ- năm 1936:

- Rõ ràng Phật cốt Tiên duyên.

* Kinh Lễ 1952, Kinh TĐ-TĐ 1968, 1974, 1975:

- Rõ ràng Phật cốt tiên duyên.

Rõ ràng: Rất rõ, rất minh bạch.

Tiên duyên: Có mối dây ràng buộc từ trước.

Câu 16: Nước Cam lồ rửa sạch thuyền độ nhân.

Nước Cam lồ: Chữ Hán là Cam lồ thủy, Cam là ngọt, Lồ do chữ Lộ đọc trại ra, Lộ là giọt sương. Cam lồ thủy tức là Cam lộ thủy là nước sương ngọt. Đây là chất nước huyền diệu do Đức Quan Âm Bồ Tát luyện thành, có vị ngọt, mùi thơm, công dụng rất linh diệu, giải trừ oan nghiệt, cải tử huần sanh.

Thuyền độ nhân: Chiếc thuyền Bát Nhã cứu độ người.

C.16: *Nước Cam lồ rửa sạch tiên khiến nghiệp chướng, và chiếc thuyền Bát Nhã cứu độ người đưa qua biển khổ.*

VĂNG SANH THẦN CHÚ

- Văng Sanh Thần Chú
- Giải nghĩa chi tiết Văng Sanh Thần Chú

VĂNG SANH THẦN CHÚ

Nam-mô A-Di-Đà Bà-Dạ, Đa-Tha-Già-Đa-Dạ,
Đa-Điệt-Dạ-Tha: A-Di-Rị-Đô-Bà-Tì,
A-Di-Rị-Đa, Tất-Đam-Bà-Tì,
A-Di-Rị-Đa, Tì-Ca-Lan-Đế,
A-Di-Rị-Đa, Tì-Ca-Lan-Đa,
Già-Di-Nị, Già-Già-Na,
Chỉ-Ca-Đa-Lệ, Ta-Bà-Ha.

(Tụng 3 lần rồi niệm Câu Chú của Thầy 3 lần).

GIẢI NGHĨA

Văng sanh: Văng là đã qua, ý nói chết, qua đời; Sanh là sanh ra và sống. Văng sanh là chết ở thế giới ô trược này để linh hồn

chuyển sanh qua một thế giới khác cao hơn, thanh khiết hơn, tốt đẹp hơn, an vui sung sướng hơn.

Thần chú: Thần là thiêng liêng mầu nhiệm, Chú là câu niệm đặc biệt có tác dụng rất huyền diệu.

Vãng sanh Thần chú: là Câu niệm bằng tiếng Phạn đặc biệt của Phật giáo để cầu nguyện với Đức Phật A-Di-Đà cứu độ linh hồn người chết được sanh về cõi CLTG.

Vãng sanh Thần chú gồm 59 chữ, được giải nghĩa theo Phật Học Từ Điển của Ông Đoàn trung Còn như sau:

Nam-mô A-Di-Đà Bà-Dạ: Tiếng Phạn là Namah Amitabhavyuha, nghĩa là: Quý kính Đức A-Di-Đà Phật.

Đa-Tha-Già-Đa-Dạ: Tiếng Phạn là Tathagata, nghĩa là: Như Lai. (Như Lai là một trong 10 hiệu của Phật).

Đa-Điệt-Dạ-Tha: dịch là tức thuyết chú viết, nghĩa là: Liên đọc bài Chú dưới đây.

10 câu tiếp theo: là mật ngữ, đại ý có nghĩa là: Nhỏ bỏ tận gốc các nghiệp chướng.

Ta-Bà-Ha: tiếng Phạn là Swaha. Thường các bài Thần chú đều có 3 chữ chót là Ta-Bà-Ha, có nghĩa là: Thường tựu, kiết tường, tiêu tai tăng phước, viên tịch, vô trụ, kính Phật chứng minh.

Vãng Sanh Thần Chú còn được gọi là: Chú Vãng Sanh, Vãng Sanh Chơn ngôn, Vãng Sanh Quyết định Chơn ngôn.

Kinh Khai Cửu, Đại Tường và Tiểu Tường

- Kinh Khai Cửu, Đại Tường và Tiểu Tường
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Khai Cửu, Đại Tường và Tiểu Tường

KINH KHAI CỬU ĐẠI TƯỜNG & TIỂU TƯỜNG

(Giọng Nam xuân)

1. Đã quá chín từng Trời đến vị.
2. Thần đặng an, Tinh Khí cũng an.
3. Tầng Trời gắng bước lên thang.
4. Trông mây nhìn lại cảnh nhàn buổi xưa.
5. Cõi thâm khổ đã vừa qua khỏi.
6. Quên trần ai, mong mới Động Đào.
7. Ngó chi khổ hải sóng xao,
8. Đoạn tình yếm dục đặng vào cõi Thiên.
9. Giọt lụy của Cửu Huyền dầu đổ,
10. Chớ đau lòng thuận nợ trầm luân.
11. Năm cây huệ kiếm gươm thần,
12. Dứt tan sự thế nợ trần từ đây.

GIẢI NGHĨA

Kinh Khai Cửu, Đại Tường và Tiểu Tường do Đức Quan Âm Bồ Tát giáng cơ ban cho để đồng nhi tụng mở đầu trước khi tụng Kinh Tuân Cửu, Kinh Tiểu Tường hay Đại Tường.

Tuân Cửu: Tuân là khoảng thời gian đều đặn gồm nhiều ngày, Cửu là 9. Tuân Cửu là khoảng thời gian 9 ngày.

Một tín đồ Cao Đài khi chết, được thân nhân làm Tuân Cửu tại Thánh Thất sở tại, với một nghi thức đặc biệt ấn định trong Nghi Lễ của Đạo Cao Đài.

Cứ sau khi chết được 9 ngày thì thân nhân đến Thánh Thất sở tại làm Tuần Nhứt Cửu, rồi tiếp theo đếm 9 ngày nữa thì làm Tuần Nhị Cửu, vv., cho đến Tuần Cửu Cửu mới chấm dứt Tuần Cửu, tổng cộng là 81 ngày.

(Phật giáo thì làm Tuần Thất [Tuần 7 ngày], sau khi chết được 7 ngày thì làm Tuần Thất thứ nhứt, sau 7 ngày nữa thì làm Tuần Thất thứ nhì, vv. và tiếp tục đến Tuần Thất thứ bảy là chấm dứt, tính chung là 49 ngày).

- **Tuần nhứt Cửu:** Ngày chết được kể là 1, đếm tới ngày thứ 9 thì làm Tuần Nhứt Cửu tại Thánh Thất sở tại, tụng Kinh Đệ Nhứt Cửu.
- **Tuần Nhị Cửu:** Tiếp tục đếm tới ngày thứ 18 thì làm Tuần Nhị Cửu, cũng làm tại Thánh Thất sở tại, tụng bài Kinh Đệ Nhị Cửu.
- vv.
- **Tuần Cửu Cửu:** Tiếp tục đếm tới ngày thứ 81 thì làm Tuần Cửu Cửu, là kỳ chót hết, nên gọi là Chung Cửu, cũng làm tại Thánh Thất sở tại y như 8 kỳ Cửu trước và tụng bài Kinh Đệ Cửu Cửu.

Tiểu Tường: Tiểu là nhỏ, Tường là tốt lành. Tiểu Tường là điều tốt lành nhỏ. Đại Tường là điều tốt lành lớn.

Trong nhà có tang, cả nhà đều đau buồn thương xót tưởng nhớ người quá cố. Nhưng thời gian lâu dần xoa dịu nỗi đau thương, cái buồn bớt dần, đem lại cái vui như một điều lành, điều tốt. Vì vậy, Tiểu Tường cũng là Tiểu Kiết Tường.

Theo Tân Luật của Đạo Cao Đài, hôm sau ngày làm Tuần Cửu Cửu, bắt đầu đếm 1, đếm tới ngày thứ 200 thì làm Lễ Tiểu Tường, cũng làm tại Thánh Thất sở tại, tụng bài Kinh Tiểu Tường.

Đại Tường: Hôm sau ngày làm Tiểu Tường, bắt đầu đếm 1, đếm tới ngày thứ 300 thì làm Lễ Đại Tường. Tới Đại Tường là mãn tang, làm Lễ Trừ Phục (đốt áo tang và khăn tang).

Tính từ ngày chết đến ngày Lễ Đại Tường mãn tang là 581 ngày,

tức khoảng 1 năm 7 tháng rưỡi, chưa tới 2 năm.

Câu 1: Đã quá chín tầng Trời đến vị.

Chín tầng Trời: Cửu Trùng Thiên. (Xem chi tiết nơi Câu 8 bài Niệm Hương). Phía trên 9 tầng Trời, là tầng Trời thứ 10, gọi là Hư Vô Thiên, có cõi Cực Lạc Thế Giới, là nơi hoàn toàn an vui sung sướng. Đã quá 9 tầng Trời: Đã đi qua được 9 tầng Trời, tức là đến được tầng Trời thứ 10 có cõi CLTG.

Vị: Ngôi vị. **Đến vị:** Đến chỗ đặt ngôi vị của mình.

C.1: *Đã qua khỏi Chín tầng Trời (Cửu Trùng Thiên) thì đến cõi CLTG là nơi có ngôi vị cũ của mình.*

Câu 2: Thần dạng an, Tinh Khí cũng an.

Thần, Tinh, Khí: Đây là Tam bửu của con người. Tinh là Thể xác, Khí là Chơn thân, Thần là Chơn linh hay Linh hồn.

C.2: *Người chết rồi thì Thể xác nằm yên trong lòng đất, còn Chơn thân và Chơn linh được các Đấng Thiêng liêng cứu giúp nên cũng được yên ổn.*

Câu 3: Tầng Trời gắng bước lên thang.

Các tầng Trời từ thấp dần dần lên cao như những nấc thang, Chơn thân cố gắng bước lên.

Câu 4: Trông mây nhìn lại cảnh nhàn buổi xưa.

Trông thấy các lớp mây thì nhìn lại cái cảnh thong dong nhàn hạ thuở xưa, lúc còn ở cõi TL, chưa đầu kiếp xuống trần.

Câu 5: Cõi thâm khổ đã vừa qua khỏi.

Cõi thâm khổ là cõi trần, Chơn thân đã vừa thoát ra khỏi cõi trần.

Câu 6: Quên trần ai, mong mỗi Động Đào.

Trần ai: Trần là bụi bặm, ai là bụi. Trần ai là chỉ cõi trần, cõi của nhơn loại đang sống, vì cõi này có nhiều bụi bặm ô trước.

Động Đào: chỉ cõi Tiên. (Xem Điển tích C.5 KKV)

C.6: *Quên đi cõi trần đầy bụi bặm ô trọc nầy, hãy mong mới đi lên cõi Tiên.*

Câu 7-8: *Ngó chi khổ hải sóng xao,
Đoạn tình yếm dục đặng vào cõi Thiên.*

Ngó chi: Nhìn làm chi. **Khổ hải:** Biển khổ, chỉ cõi trần. **Sóng xao:** Những làn sóng xao động trên mặt nước.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo Con đường Thiêng liêng Hằng sống, có đoạn nói về Khổ hải sóng xao:

«Chúng ta dòm phía dưới thấy đại hải mênh mông, nước cuộn cuộn xanh như biếc, sóng dợn ba đào, mỗi làn sóng có đề chữ KHỔ, chúng ta chia ra đi trên ấy, chúng ta thấy dợn hào quang nổi lên dữ tợn lắm, mấy chữ lớn là: Sanh, Lão, Bệnh, Tử, làn sóng dợn lên rồi hạ xuống, mỗi làn đều có một chữ KHỔ. Chúng ta thấy đau khổ trong buổi sanh, thấy làn sóng rồi chúng ta thấy khổ nhục, khổ dữ lắm, mỗi làn sóng đều thấy khổ, thử nghĩ đại hải như thế nào thì khổ hải là cả nước chúng ta như thế ấy.»

Đoạn tình: Đoạn là cắt đứt, tình là các thứ tình cảm của con người. Con người có Thất Tình: Hỷ [mừng], Nộ [giận], Ái [thương], Ố [ghét], Ai [buồn], Lạc [vui], Dục [muốn]. Đoạn tình là cắt đứt các thứ tình cảm.

Yếm dục: Yếm là đè nén, dục là ham muốn. Con người có Lục Dục, tức là 6 thứ ham muốn, kể ra: Sắc dục [ham muốn sắc đẹp], Thính dục [ham muốn âm thanh êm tai], Hương dục [ham muốn mùi thơm], Vị dục [ham muốn ăn ngon], Xúc dục [ham muốn da thịt mát mẻ], Ý dục [ham muốn được thỏa mãn ý nghĩ]. Yếm dục là đè nén lòng ham muốn. Lòng ham muốn là của xác thịt nên có xu hướng về đường vật chất, xúi giục con người làm điều sai quấy để nó được thỏa mãn. Cho nên cần phải đè nén lòng dục, và cần chuyển hóa nó vào đường cao thượng.

C.7-8: *Ngó chi khổ hải sóng xao, Đoạn tình yếm dục đặng vào*

cõi Thiên, nghĩa là: Đừng nhìn biển khổ đang dợn sóng ba đào, hãy cắt lia các thứ tình cảm và đè nén lòng ham muốn thì mới vào được cõi Trời (cõi TLHS).

Con người có Thất Tình và Lục Dục. Chúng là mối loạn hằng ngày trong tâm trí. Con người vì bị Thất Tình Lục Dục khiến sai mà hao tổn tinh thần, tiêu mòn khí phách. Chúng luôn luôn xô đẩy con người vào hang sâu vực thẳm.

Làm người phải lập chí cao thượng, đừng để Thất Tình cám dỗ, Lục Dục khiến sai, mình phải có ý chí cương quyết mạnh mẽ làm chủ nó, hướng dẫn nó vào đường đạo đức, chớ đừng yếu ớt lồi thối, mới mong đắc đạo, bước vào Tiên cảnh.

Câu 9-10: *Giọt lụy của Cửu Huyền đầu đổ,
Chớ đau lòng thuận nợ trầm luân.*

Giọt lụy: Giọt nước mắt, chỉ sự đau khổ thương tiếc.

Cửu huyền: Theo nghĩa thông thường thì Cửu Huyền là Tổ Tiên 9 đời trước mình, sanh ra dòng họ nhà mình. Thờ Cửu Huyền là ý nói mình thờ Tổ Tiên 9 đời trước mình. (Xem chi tiết: Cửu Huyền Thất Tổ, C.20 Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu) Nhưng trong Câu Kinh nầy: Giọt lụy của Cửu Huyền đầu đổ, là ý nói những người thân yêu đang chảy nước mắt khóc than thương tiếc cho cái chết của người thân, như thế thì Cửu Huyền ở đây là chỉ những người thân thiết đang còn sống, đang còn hiện tiền, mới khóc than trước cái chết của người thân yêu. Do đó, theo hướng nầy, chúng ta giải thích chữ Cửu Huyền là Cửu Tộc, bởi vì Bốn thị Cửu Tộc tức Hệ thống Cửu Huyền, Cửu Tộc và Cửu Huyền đều có cùng một nguyên lý.

- Theo Tộc chế đời nhà Châu, Cửu Tộc là 9 hạng người có liên hệ thân thuộc với bản thân mình, kể ra như sau:
 1. Những người trong ngũ phục thuộc họ cha.
 2. Cô và con cô.
 3. Chị em gái và con của chị em gái.
 4. Con gái và con của con gái.

Bốn hạng người trên thuộc tộc cha.

5. Cha của mẹ, tức là Ông ngoại.
6. Mẹ của mẹ, tức là Bà ngoại.
7. Chị em gái của mẹ và con của các vị ấy.

Ba hạng người nầy thuộc tộc của mẹ.

8. Cha vợ.
9. Mẹ vợ.

Hai hạng người nầy thuộc tộc của vợ.

- Nếu không căn cứ theo Tộc chế của nhà Châu, mà căn cứ theo sự gần gũi thương yêu, Cửu Tộc là 9 hạng người gần gũi thân thiết nhất của mình có thể được kể ra như sau:

1. Cha ruột.
2. Mẹ ruột.
3. Cha vợ [hoặc Cha chồng].
4. Mẹ vợ [hoặc Mẹ chồng].
5. Vợ [hoặc chồng] của BẢN THÂN.
6. Anh chị ruột.
7. Em ruột trai hay gái.
8. Con.
9. Cháu.

C.9: *Dấu cho những người thân thích trong 9 hạng đổ lệ khóc than thương tiếc cái chết của mình.*

Thuận: Bằng lòng theo. **Trảm luân:** Chìm đắm. **Thuận nợ trảm luân:** Bằng lòng đi theo sự kéo níu tình cảm của những người thân yêu để phải chìm đắm trong vòng luân hồi.

C.9-10: *Giọt lụy của Cửu Huyền dấu đổ, Chớ đau lòng thuận nợ trảm luân. Nghĩa là: Dấu cho những người thân yêu đổ lệ khóc than thương tiếc cái chết của mình, thì mình cũng chớ đau lòng mà trở lại cõi trần để phải chịu chìm đắm trong vòng luân hồi.*

Câu 11-12: **Nắm cây huệ kiếm gươm thân,
Dứt tan sự thế nợ trần từ đây.**

Huệ: Sáng suốt, thông hiểu sự lý, dứt điều mê muội.

Thân: Thiêng liêng huyền diệu.

Huệ kiếm gươm thân: Cây kiếm trí huệ, cây gươm mẫu nhiệm. Đây là cách nói so sánh cho dễ hiểu, bởi vì người chiến sĩ dùng gươm và kiếm để đánh thắng kẻ địch, còn người tu thì dùng cái trí huệ đạt được của mình làm như cây gươm cây kiếm để quyết thắng các tên giặc Lục dục Thất Tình và chặt đứt mọi phiền não, mọi sợi dây ràng buộc con người vào cõi trần, để trở về cõi TLHS. **Dứt tan:** Làm cho mất hẳn. **Sự thế:** Việc đời. **Nợ trần:** Các món nợ oan nghiệt gây ra nơi cõi trần.

C.11-12: *Cầm chặt cây kiếm trí huệ huyền diệu để dẹp tan việc đời và chặt đứt các món nợ oan nghiệt ràng buộc vào cõi trần thì từ đây mới có thể trở về cõi TL.*

Kinh Đệ Nhứt Cửu

- Kinh Đệ Nhứt Cửu
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Đệ Nhứt Cửu

KINH ĐỆ NHỨT CỬU
(*Giọng Nam xuân*)

1. Vườn Ngạn Uyển sanh hoa đã héo.
2. Khối hình hài đã chịu rã tan.
3. Bầy dây oan nghiệt hết ràng,
4. Bợn trần rửa sạch muôn ngàn đau thương.
5. Kìa Thiên cảnh con đường vôi vọi.
6. Ánh Hồng Quân đương chói Ngọc Lầu.
7. Cung Thiềm gắng bước cho mau.
8. Thoát ba Thần phẩm đứng đầu Tam Thiên.
9. Khá tỉnh thức tiền duyên nhớ lại,
10. Đoạn cho rồi oan trái buổi sanh.
11. Dem mình nương bóng Chí Linh,
12. Định tâm chí Thánh mới gìn ngôi xưa.
13. Hồn định tỉnh đã vừa định tỉnh.
14. Phách anh linh ắt phải anh linh.
15. Quân bao Thập ác Lục hình,
16. Giải thi thoát khổ diệt hình đoạt căn.

(Niệm Câu Chú của Thầy 3 lần)

GIẢI NGHĨA

Kinh Đệ Nhứt Cửu do Nhứt Nương DTC giảng cơ ban cho. Nhứt Nương có nhiệm vụ cai quản Vườn Ngạn Uyển của Đức Phật Mẫu, và hướng dẫn các Chơn hồn vừa mới thoát xác, lên tầng Trời thứ nhứt, đến Vườn Ngạn Uyển xem cái hoa của

mình mới vừa héo úa. Các Chơn hồn còn được Nhứt Nương giúp cho định tinh Chơn thân và Chơn linh.

Câu 1: Vườn Ngạn Uyển sanh hoa đã héo.

Ngạn Uyển: Ngạn là bờ cao, Uyển là cái vườn của nhà vua. Ngạn Uyển là cái vườn hoa của Đức Phật Mẫu nơi cõi TL. Trong vườn Ngạn Uyển có trồng đủ 12 sắc hoa khác nhau, tượng trưng 12 con Giáp (Thập nhị Địa Chi). Tuổi của con người nằm trong 12 con Giáp này. Mỗi sanh mạng của con người nơi thế gian đều được tượng hình bằng một cái hoa nở trong vườn. Mỗi khi hoa ấy héo tàn thì người ấy lìa trần trở về cõi TL. Khi người ấy tái kiếp xuống trần thì hoa ấy lại nở ra. Khi người ấy làm điều đạo đức thì sắc hoa tươi thắm, nếu làm điều gian ác thì sắc hoa ủ dột xấu xí.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo Con đường TLHS:

«Trước mắt chúng ta hiện tượng hào quang chiếu diệu một vườn hoa, đẹp đẽ đủ màu. Vườn hoa ở cảnh TL ấy không phải như vườn hoa ở thế gian này đâu! Bông hoa thiêng liêng ấy sẽ sống một triệu lần do nơi huyền năng biến hóa của nó, và nó sẽ hiện tượng biến hóa trước mặt ta vô cùng vô tận vậy. Bởi vì nó thay đổi màu sắc rực rỡ vô biên, cho nên mỗi phen kiếp sanh tại thế này, đường tấn hóa trên con đường trí thức tinh thần, mỗi khi nhơn loại tiến triển lên thì vườn Ngạn Uyển nó sẽ đổi hình đổi tướng một cách đẹp đẽ vô ngần.»

C.1: Một cái hoa được sanh ra ở trong vườn Ngạn Uyển mà héo tàn thì một sanh mạng con người nơi cõi trần đã chết.

Câu 2: Khối hình hài đã chịu rã tan.

Khối hình hài: Thể xác phàm bằng xương bằng thịt.

C.2: Thể xác phàm chết thì sinh thú và rã tan thành đất.

Câu 3-4: Bầy dây oan nghiệt hết ràng,
Bợn trần rửa sạch muôn ngàn đau thương.

Bảy Dây oan nghiệt: Khi con người sống nơi cõi trần, Chơn thần liên lạc với Thể xác qua 7 dòng điện từ [còn gọi là 7 sợi dây từ khí] mà mắt phàm không thấy được.

Nhờ 7 dòng điện từ này mà Chơn thần ra lệnh cho Thể xác phải làm đúng theo lời dạy bảo của Chơn linh, nhưng cũng qua 7 dòng điện từ này mà Xác phàm đòi hỏi Chơn thần phải làm cho nó thỏa mãn. Nếu Chơn linh yếu đuối không ngăn cản nổi thì Chơn thần làm theo sự đòi hỏi của Thể xác, nên mới gây ra nhiều mối oan nghiệt trong kiếp sống. Do đó mới gọi 7 dòng điện từ này là 7 dây oan nghiệt.

Khi ta nằm chiêm bao, Chơn thần xuất khỏi Thể xác, nhưng vẫn nối liền Thể xác bằng 7 dòng điện từ. Khi có tiếng động mạnh, Thể xác nghe được, liền dùng 7 dòng điện từ này kéo Chơn thần trở về lập tức, và liền đó ta giật mình thức dậy.

Bảy dây oan nghiệt ở vào 7 nơi trong cơ thể:

1. Trên đầu [mở ác].
2. Ngay trán.
3. Ngay cổ.
4. Ngay tim.
5. Ngay hông trái,
6. Ngay dạ dưới.
7. Dưới xương khu.

Khi Thể xác chết, 7 dây oan nghiệt vẫn còn kéo níu Chơn thần, ràng buộc Chơn thần không cho xuất ra. Do đó, Đức Chí Tôn ban cho Phép Đoạn Căn để Chức sắc hành pháp cắt đứt 7 dây oan nghiệt, Chơn thần mới xuất ra rời bỏ thể xác, bay lên cõi TL.

Bọn trần: Các thứ dơ bẩn nơi cõi trần làm ô trước bốn tánh tốt đẹp và Chơn thần của con người.

Câu kinh 4 nói về Phép Xác, Chức sắc hành pháp dùng Cam Lộ Thủy tẩy rửa Chơn thần của người chết cho thanh khiết, trước khi hành pháp Đoạn Căn cắt 7 dây oan nghiệt.

C.3-4: 7 sợi dây oan nghiệt đã được cắt đứt rồi, không còn ràng

buộc Chơn thần nữa, đồng thời cũng đã rửa sạch hết các nợ bọn của cõi trần bám vào Chơn thần làm cho Chơn thần đứt hết các nỗi đau thương.

Câu 5: Kia Thiên cảnh con đường vọi vọi.

Thiên cảnh: Cõi Trời, cõi TLHS. **Vọi vọi:** Ở cao quá tầm nhìn của mắt như là không thấy đâu là tận cùng.

C.5: Kia là con đường cao vọi vọi đi lên cõi TLHS.

Câu 6: Ánh Hồng Quân đương chói Ngọc Lâu.

Hồng Quân: Hồng là to lớn, Quân là cái bàn xoay của người thợ nặn đồ gốm. Hồng Quân là cái bàn xoay to lớn dùng để nặn ra các thứ đồ vật, ý so sánh để nói rằng: Đấng Tạo Hóa là Ông Thọ Trời, chuyển vận 2 khí Âm Dương làm như cái bàn xoay to lớn để tạo hóa ra vạn vật. Do đó, Hồng Quân là chỉ Đức Chí Tôn. **Ngọc Lâu:** Tòa lầu đài bằng ngọc, ý nói Bạch Ngọc Kinh, nơi thường ngự của Đức Chí Tôn.

C.6: Ánh hào quang của Đức Chí Tôn đương chiếu sáng rực rỡ Bạch Ngọc Kinh.

Câu 7: Cung Thiêm gặng bước cho mau.

Cung Thiêm: Thiêm là con thiêm thừ, tục gọi là con cóc. Tương truyền trên Cung Trăng có một con thiêm thừ to lớn đẹp đẽ, đã sống được 8000 tuổi, dưới họng có chữ son. Do đó, Cung Thiêm là chỉ Cung Trăng hay Mặt trăng. Nơi đây là Bạch Vân Động của chư Thánh, mà vị đứng đầu là Thanh Sơn Đạo Sĩ, tức là Trạng Trình Nguyễn bình Khiêm.

C.7: Kia là Cung Trăng, Chơn thần cố gặng bước đi cho mau.

Câu 8: Thoát ba Thân phẩm đứng đầu Tam Thiên.

Ba Thân phẩm: 3 bậc Thân: – Địa Thân, – Nhơn Thân, – Thiên Thân. **Tam Thiên:** Tam là thứ 3, Thiên là từng Trời. Tam Thiên là từng Trời thứ 3, đó là từng Thanh Thiên. Theo

Vũ Trụ Quan của Đạo Cao Đài: Tầng Trời thứ nhất có Vườn Ngạn Uyển, Tầng Trời thứ nhì có Vườn Đào Tiên, Tầng Trời thứ ba là Thanh Thiên, Tầng Trời thứ tư là Huỳnh Thiên, vv.

C.8: *Đi lên qua được 3 Thần phẩm thì Chơn hồn đứng đầu ở tầng Trời thứ ba (để chuẩn bị đi lên tầng Trời thứ tư).*

Câu 9-10: **Khá tỉnh thức tiền duyên nhớ lại,
Đoạn cho rồi oan trái buổi sanh.**

Khá: Nên, phải nên. **Tỉnh thức:** Thức tỉnh, tỉnh ra mà biết rõ, không còn mê lầm nữa. **Tiền duyên:** Duyên trước, tức là mối dây ràng buộc được định sẵn từ kiếp trước.

Đoạn: Cắt đứt. **Oan trái:** Oan là thù giận, trái là món nợ. Oan trái là món nợ về thù giận, tức là món nợ oan nghiệt.

Buổi sanh: Lúc còn sống nơi cõi trần.

C.9-10: *Nên thức tỉnh để nhớ lại là mình đã có duyên từ kiếp trước. Cắt đứt cho rồi các món nợ oan nghiệt mà mình đã gây ra lúc còn sống nơi cõi trần.*

Câu 11-12: **Đem mình nương bóng Chí Linh,
Định tâm chí Thánh mới gìn ngôi xưa.**

Nương: Dựa vào, nhờ cậy vào. **Bóng:** Ánh sáng.

Định tâm: Gìn giữ cái Tâm cho được yên ổn, không vọng động. Phép tu Thiên: Giới, Định, Huệ, là để định cái Tâm cho đến khi đạt được trí huệ. **Chí Thánh:** Rất thiêng liêng mẫu nhiệm. Thánh là thiêng liêng mẫu nhiệm. **Ngôi xưa:** Ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng.

C.11-12: *Đem mình nương theo ánh sáng của Đức Chí Tôn mà bước tới. Định cái Tâm cho được thiêng liêng mẫu nhiệm thì mới gìn giữ được ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng.*

Câu 13: **Hồn định tỉnh đã vừa định tỉnh.**

Định tỉnh: Định là sắp đặt yên ổn, tỉnh là không mê, hiểu rõ mọi việc. Định tỉnh là làm cho tinh thần được yên ổn mà

nhận biết rõ mọi việc.

C.13: *Phải giữ cho linh hồn được yên ổn và thức tỉnh.*

Câu 14: **Phách anh linh ắt phải anh linh.**

Phách: Chơn thần. **Anh linh:** Anh là đẹp nhưt, linh là thiêng liêng. Anh linh là cao quý thiêng liêng.

C.14: *Chơn thần vốn cao quý thiêng liêng thì phải giữ cho luôn luôn được cao quý thiêng liêng.*

Câu 15-16: **Quần bao Thập ác Lục hình,
Giải thi thoát khổ diệt hình đoạt căn.**

Quần bao: Chẳng ngại, có sá chi, coi không đáng kể.

Thập ác: Mười điều ác do Thân, Khẩu, Ý của con người gây ra. Thân thì tạo ra 3 điều ác: – Sát sanh, – Du đạo, – Tà dâm. Khẩu thì tạo ra 4 điều ác: – Nói dối, – Nói ác, – Nói chia rẽ, – Nói phù phiếm. Ý thì tạo ra 3 điều ác: – Tham lam, – Sân giận, – Si mê. Khi còn sống nơi cõi trần thì Thân, Khẩu, Ý còn gây ra được 10 điều ác. Nay Thể xác đã chết rồi thì không thể gây ra Thập ác, nên chẳng còn e ngại nữa.

Lục hình: Sáu hình thức phô bày ra nơi cõi trần, Phật giáo gọi là Lục cảnh hay Lục trần, gồm: Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Trong thể xác con người có Lục căn: Nhãn, Nhĩ, Tỹ, Thiệt, Thân, Ý, tức là: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Da thịt, Ý nghĩ. Lục cảnh phô bày trước Lục căn, hấp dẫn Lục căn, làm cho Lục căn ham muốn, sanh ra Lục dục: Sắc dục, Thinh dục, Hương dục, Vị dục, Xúc dục, Ý dục. Chính Lục dục này xúi giục và xô đẩy con người vào vòng vật chất, xa đường đạo đức, tạo ra cho con người biết bao mối oan nghiệt nơi cõi trần.

Khi thân thể con người chết đi thì Lục căn tiêu mất, cho nên dù Lục cảnh (Lục trần hay Lục hình) có cám dỗ thể mấy đi nữa thì cũng chẳng làm gì được.

Giải thi: Giải là cởi bỏ, Thi là thi hài thể xác. Giải thi là cởi bỏ thể xác, tức là thể xác chết vì Chơn thần và Linh hồn đã lia bỏ

thể xác. **Thoát khổ:** Thoát khỏi cảnh khổ não.

Diệt hình: Diệt là làm cho mất đi, tiêu diệt; Hình là hình thể sắc tướng. Diệt hình là tiêu diệt hình thể sắc tướng, mà khi sắc tướng không còn nữa thì chỉ còn cái Vô vi, Vô hình.

Đoạt căn: Đoạt được cái nguồn gốc của mình, tức là đắc đạo, trở về ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng.

C.15-16: *Quần bao Thập ác Lục hình, Giải thi thoát khổ diệt hình đoạt căn. Nghĩa là: Có sáu chi Mười điều ác của Thân Khẩu Ý, Sáu cảnh hấp dẫn phò bày nơi cõi trần, vì nay đã cõi bỏ thể xác rồi, hình hài đã tiêu mất rồi, đã thoát khỏi các cảnh khổ não nơi cõi trần và đoạt được ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng.*

KHẢO DỊ:

* Kinh TĐ-TĐ năm 1936, Kinh Lễ năm 1952:

- đoạt căn.

* Kinh TĐ-TĐ năm 1968, 1974, 1975:

- đoạn căn.

Đoạn căn: là phép cắt đứt 7 Dây oan nghiệt để cho Chơn thân thoát khỏi thể xác, trở về cõi thiêng

Kinh Đệ Nhị Cửu

- Kinh Đệ Nhị Cửu
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Đệ Nhị Cửu

KINH ĐỆ NHỊ CỬU

(Giọng Nam xuân)

1. Tây Vương Mẫu vườn Đào ướm chín.
2. Chén trường sanh có lệnh ngự ban.
3. Tiệc hồng đã dọn sẵn sàng,
4. Chơn thân khá đến hội hàng chư Linh.
5. Đã thấy đủ Thiên đình huyền pháp.
6. Cối giác thân lên đạ Ngân kiều.
7. Đẩu tinh chiếu thấu Nguyên tiêu.
8. Kim quang kiệu đỡ đến triều Ngọc Hư.
9. Khí trong trẻo dường như băng tuyết.
10. Thần im đim dường nét thiếu quang.
11. Xa chùng thể giới Địa hoàn,
12. Cõi Thiên đẹp thấy nhẹ nhàng cao thăng.

(Niệm Câu Chú của Thầy 3 lần)

GIẢI NGHĨA

Kinh Đệ Nhị Cửu do Nhị Nương DTC giảng cơ ban cho. Nhị Nương có nhiệm vụ cai quản Vườn Đào Tiên của Đức Phật Mẫu, và hướng dẫn các chơn hồn từ tầng Trời thứ nhất đi lên tầng Trời thứ hai, đến Vườn Đào Tiên dự tiệc trường sanh.

Câu 1: Tây Vương Mẫu vườn Đào ướm chín.

Tây Vương Mẫu: Một danh hiệu của Đức Phật Mẫu.

Vườn Đào: Vườn Đào Tiên của Đức Phật Mẫu. Trái Đào Tiên còn được gọi là trái Bàn Đào. Cây Đào Tiên không trồng ở thế

gian được vì theo lời Đức Phật Mẫu, đất ở thế gian mỏng lắm. Tương truyền, vườn Đào Tiên của Đức Phật Mẫu có 3600 cây, chia làm 3 phần:

- Đàng trước có 1200 cây, hoa nhỏ trái nhỏ, 3000 năm mới chín, người ăn Đào này thì thân thể nhẹ nhàng.
- Khoảng giữa có 1200 cây, hoa thơm trái ngọt, 6000 năm mới chín, người ăn vào có thể bay bổng lên mây.
- Phía sau có 1200 cây, trái có vỏ vân tím hạt vàng, 9000 năm mới chín, người ăn vào được trường sanh bất lão.

Theo lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, nơi DTC, Đức Phật Mẫu trụ sanh quang lại làm thành một khối gọi là quả Đào Tiên, đủ sự sống vĩnh cửu nơi cõi Hư linh. Người ăn trái Đào Tiên sẽ được mạnh khỏe luôn, trẻ mãi không già.

Đức Phật Mẫu dùng trái Đào Tiên làm phần thưởng cho các Chơn linh đắc đạo trở về đến bái kiến Đức Phật Mẫu.

Ướm chín: Trái cây vừa mới bắt đầu chín, màu hơi ửng lên.

C.1: Vườn Đào Tiên của Phật Mẫu có trái sắp chín.

Câu 2: Chén trường sanh có lệnh ngự ban.

Trường sanh: Sống lâu dài. **Chén trường sanh:** Chén rượu Tiên, uống vào thì được trường thọ. **Ngự ban:** Ý nói Đức Phật Mẫu ban tặng, Ngự là chỉ hành động của vua.

C.2: Chơn hôn lên đến Vườn Đào Tiên thì có lệnh của Đức Phật Mẫu ban cho chén rượu Tiên, để Chơn hôn uống vào được trường sanh.

Câu 3-4: Tiệc hồng đã dọn sẵn sàng,
Chơn thần khá đến hội hàng chư Linh.

Tiệc hồng: Hồng là to lớn. Tiệc hồng là bữa tiệc lớn, long trọng, có nhiều người tham dự. **Khá đến:** Nên đến.

Hội hàng: Hội hè, hội họp. **Chư Linh:** Các Đấng TL. Chư là nhiều vị, Linh là thiêng liêng.

C.3-4: Bữa tiệc lớn đã được dọn sẵn sàng, Chơn thần nên đến

tham dự để hội họp cùng các Đấng Thiêng liêng.

Câu 5: Đã thấy đủ Thiên đình huyền pháp.

Thiên đình: Triều đình của Đức Chí Tôn.

Huyền pháp: Phép thuật biến hóa huyền diệu.

C.5: Đã thấy đủ các phép biến hóa huyền diệu của Thiên đình.

Câu 6: Cối giác thân lên đạp Ngân kiều.

Cối: Bỏ ra. **Giác thân:** Giác là biết, thân là xác thân. Giác thân là xác thân có các cơ quan để nhận biết các sự vật và hiện tượng chung quanh. Đây là xác thân phàm của con người có ngũ giác quan (Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Da). **Cối Giác thân:** Bỏ đi cái xác thân phàm, đừng luyện tiến nó.

Ngân kiều: Ngân là sông Ngân, Ngân Hà; Kiều là cây cầu. Ngân kiều là cây cầu bắc qua Ngân Hà. Ngân Hà là con sông lớn nơi cõi Thiêng liêng, chia cách tình yêu của Ngưu Lang và Chức Nữ, đó là dòng sông đau khổ, nối liền với biển khổ, nên nó cũng được xem như biển khổ.

C.6: Cối bỏ xác thân phàm, Chơn thần nhẹ nhàng đặt chân lên Ngân kiều để chuẩn bị đi qua biển khổ.

Câu 7: Đẩu tinh chiếu thấu Nguyên tiêu.

Đẩu tinh: Tinh là ngôi sao, Đẩu tinh là ngôi sao Bắc Đẩu.

Nguyên tiêu: Nguyên là bắt đầu, thứ nhất; Tiêu là từng Trời. Nguyên tiêu là từng Trời thứ nhất. Ở đây, Nguyên tiêu không có nghĩa là đêm rằm tháng giêng.

C.7: Sao Bắc Đẩu chiếu sáng thấu đến từng Trời thứ nhất.

Câu 8: Kim quang kiệu đỡ đến triều Ngọc Hư.

Kim quang: Làn ánh sáng màu vàng. **Kiệu:** Đồ dùng sang trọng để ngồi trên đó có người khiêng đi. **Kiệu đỡ:** Ngồi lên kiệu có người khiêng đi. **Triều:** Châu vua. **Ngọc Hư:** Ngọc Hư Cung.

C.8: Làn ánh sáng vàng làm như cái kiệu đỡ gót Chơn thần đưa

đến châu Đức Chí Tôn nơi Ngọc Hư Cung.

Câu 9-10: Khí trong trẻo dường như băng tuyết.
Thần im ìm dường nét thiếu quang.

Khí và Thần: Tam bửu của con người là Tinh, Khí, Thần. Tinh là Thể xác, Khí là Chơn thân, Thần là Chơn linh.

Băng tuyết: Băng là nước đông lại thành những tảng lớn, thấy trong suốt. Tuyết là hơi nước gặp lạnh ở dưới 0°C, đông lại thành những hạt nhỏ rơi xuống trắng xóa. Băng tuyết là chỉ sự trong sạch. **Im ìm:** Hoàn toàn im lặng.

Thiếu quang: Thiếu là đẹp, quang là ánh sáng. Thiếu quang là ánh sáng đẹp. Đó là ánh sáng của mùa Xuân.

C.9-10: Chơn thân thì trong trẻo tinh khiết như băng tuyết, còn Chơn linh thì im ìm và đẹp như ánh sáng mùa Xuân.

Câu 11-12: Xa chừng thế giới Địa hoàn,
Cõi Thiên đẹp thấy nhẹ nhàng cao thẳm.

Xa chừng: Chừng là mức độ hạn định một cách đại khái. Xa chừng là đã khá xa chỗ đó. **Địa hoàn:** Địa là đất, hoàn là vùng đất lớn. Địa hoàn là Địa cầu. Thế giới Địa hoàn: Ý nói Địa cầu 68 của Nhơn loại.

C.11-12: Đi đã khá xa cõi trần, thấy cõi TLHS đẹp đẽ, Chơn thần nhẹ nhàng bay lên cao.

Kinh Đệ Tam Cửu

- Kinh Đệ Tam Cửu
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Đệ Tam Cửu

KINH ĐỆ TAM CỬU

(Giọng Nam xuân)

1. Cõi Thanh Thiên lên miền Bồng đảo.
2. Động Thiên Thai Bảy Lão đón đường.
3. Cam lồ rưới giọt nhành dương,
4. Thất tình Lục dục như đường tiêu tan.
5. Cung Đẩu Tốt nhật khoan tiếng nhạc.
6. Đệ lệnh bài cánh hạc đưa linh.
7. Tiêu thiếu lấp tiếng dục tình.
8. Bờ dương bóng phụng đưa mình nâng thân.
9. Cung Như Ý Lão Quân tiếp khách,
10. Hội Thánh Minh giao sách Trường xuân.
11. Thanh quang rờ rờ đòi ngàn.
12. Chơn hồn khoái lạc lên đàng vọng Thiên.

(Niệm Câu Chú của Thấy 3 lần)

GIẢI NGHĨA

Kinh Đệ Tam Cửu do Tam Nương DTC giảng cơ ban cho. Tam Nương có nhiệm vụ hướng dẫn các chơn hồn lên Thanh Thiên, là tầng Trời thứ 3 trong Cửu Trùng Thiên. Gọi là Thanh Thiên vì ở tầng Trời này, ánh sáng đều có màu xanh.

Câu 1-2: Cõi Thanh Thiên lên miền Bồng đảo.
Động Thiên Thai Bảy Lão đón đường.

Bồng đảo: Đảo Bồng Lai. Tương truyền ở biển Bột Hải nơi cõi TL có 3 hòn đảo: Bồng đảo [tức là đảo Bồng Lai], Dinh

đảo [tức là đảo Dinh Châu], Phương đảo [tức là đảo Phương Trượng]. Ba hòn đảo này đều có các vị Tiên đến ở. Trên đảo Bồng Lai có núi Bồng Lai (Bồng sơn) là nơi ở của Bát Tiên. Nước biển chung quanh 3 hòn đảo này thì rất nhẹ, không đỡ nổi hột cải, nên gọi là Nhược Thủy (nước yếu).

Động: Hang đá trong núi. **Thiên Thai:** tên của một hòn núi có Tiên ở. Trong truyện Lưu Thân và Nguyễn Triệu, hai chàng đi lên núi Thiên Thai hái thuốc, bị lạc không biết đường về, xây gặp 2 nàng Tiên từ trong núi đi ra, rồi kết duyên cùng 2 nàng Tiên này. Ở núi Thiên Thai được chừng nửa năm, 2 chàng nhớ quê đòi trở về thăm. Khi về đến nhà thì con cháu đã đến đời thứ 7, không còn ai nhận ra. Hai chàng thất vọng, buồn bã trở lại núi Thiên Thai thì không tìm được đường lên núi, đành chịu chết ở chơn núi.

Bảy Ông Tiên: Bảy Ông Tiên, có lẽ đây là Trúc Lâm Thất Hiền tu thành Tiên. Đây là 7 Ông Hiền ở trong rừng trúc, vào đời nhà Tấn bên Tàu, có tên là: Nguyễn Tịch, Kê Khang, Hưởng Tú, Lưu Linh, Sơn Đào, Nguyễn Hàm, Vương Nhung.

C.1-2: Từ cõi Thanh Thiên đi lên miền đảo Bồng Lai, có 7 Ông Tiên ở động Thiên Thai ra đường đón tiếp.

Câu 3-4: Cam lồ rưới giọt nhánh dương,
Thất tình Lục dục như đường tiêu tan.

Cam lồ: Nước Cam lồ, thứ nước huyền diệu do Đức Quan Âm Bồ Tát chế thành. Thường thấy trên các hình hay tượng Đức Quan Thế Âm, tay trái của Đức Bồ Tát cầm Tịnh bình chứa nước Cam lồ, tay mặt cầm cành dương liễu, để nhúng vào Tịnh bình mà làm phép rải nước Cam lồ.

Giọt nhánh dương: Giọt nước nơi cành dương liễu, đó là giọt nước Cam lồ của Đức Quan Âm Bồ Tát.

C.3-4: Dùng cành cây dương liễu nhúng vào nước Cam lồ, rải lên Chơn thần để làm cho Lục dục và Thất tình tiêu tan.

Hai Câu kinh này là nói về Phép Xác: Vị Chức sắc hành pháp

dùng nước Âm Dương cúng nơi Thiên bàn, đổ chung lại để luyện thành Cam lồ thủy, rồi dùng cành dương liễu nhúng vào nước này rải lên Chơn thần người chết đang nằm trong quan tài, để tẩy rửa Chơn thần cho được tinh khiết. Vị Chức sắc hành pháp phải trụ thần cho có huệ nhãn mới nhìn xuyên qua được lớp ván của quan tài, thấy được Chơn thần của người chết, thì việc hành pháp mới đạt hiệu quả huyền diệu.

Câu 5: Cung Đẩu Tốt nhất khoan tiếng nhạc.

Cung Đẩu Tốt: Đây là Cung Đẩu Suất của Đức Thái Thượng Lão Quân. **Nhất khoan:** Khi nhanh khi chậm.

C.5: Nơi Cung Đẩu Suất của Đức Thái Thượng Lão Quân có tiếng nhạc phát ra khi nhanh khi chậm.

Câu 6: Đệ lệnh bài cánh hạc đưa linh.

Đệ: Đưa lên cấp trên với cử chỉ kính trọng. **Lệnh bài:** Cái thẻ bài dùng làm hiệu lệnh của một vị Bề Trên cấp cho. **Cánh hạc:** Đôi cánh chim hạc. **Đưa linh:** Đưa linh hồn đi lên.

C.6: Trình cái thẻ lệnh bài thì được cõi lên chim hạc để chim hạc đưa chơn linh đi lên.

Câu 7: Tiêu thiếu lấp tiếng dục tình.

Tiêu thiếu: Tiêu là cái ống sáo, thiếu là sáng đẹp. Tiêu thiếu là tên của một khúc nhạc thổi bằng ống sáo nghe rất réo rắt, khiến người nghe có tư tưởng trở nên cao thượng. Tương truyền khúc nhạc Tiêu thiếu này do Bà Nữ Oa chế ra và vua Thuấn học được, đem dạy cho nhạc công trong triều đình.

Dục tình: Lòng ham muốn vật chất hay thú vui xác thịt.

C.7: Tiêu thiếu lấp tiếng dục tình, nghĩa là: Khúc nhạc tiêu thiếu che lấp dục tình, khiến cho tâm hồn con người trở nên cao thượng.

Câu 8: Bờ dương bóng phụng đưa mình nâng thân.

Bờ dương: Cái bờ đất có trồng cây dương. Trong Đạo Đức

Kinh có câu: Dương vô trần nhiễm, Đạo giả như dương. Nghĩa là: Cây dương không nhiễm bụi trần, Đạo thì như cây dương. Do đó, Bồ dương là bồ đạo đức.

Bóng phụng: Hình ảnh của con chim phụng.

Bồ dương bóng Phụng: Do câu Hán văn: Phụng hàm đơn chiếu để dương bạn, nghĩa là: Con chim phụng ngậm sắc lệnh của vua tiến lên bồ đạo đức. (Hàm là ngậm, Đơn chiếu là tờ chiếu đỏ của vua, Đề là tiến lên, Dương bạn là bồ dương).

Nâng thân: Nâng đỡ xác thân thiêng liêng đem lên.

C.8: Chim phụng đưa Chơn thân lên bồ đạo đức.

Câu 9-10: Cung Như Ý Lão Quân tiếp khách,
Hội Thánh Minh giao sách Trường xuân.

C.9-10: Đức Thái Thượng Lão Quân tiếp khách tại Cung Như Ý, Đức Thái Thượng hội chư Tiên và chư Thánh lại gọi là Hội Thánh Minh, giao cho Chơn hồn một quyển sách tên là sách Trường Xuân, để Chơn hồn học tập theo đó mà tu luyện thành bực Thánh, bực Tiên.

Câu 11-12: Thanh quang rõ rõ đòi ngàn.
Chơn hồn khoái lạc lên đàng vọng Thiên.

Thanh quang: Ánh sáng màu xanh. Thanh là màu xanh. Nơi từng Trời Thanh Thiên, ánh sáng đều có màu xanh.

Rõ rõ: Sáng ngời rực rỡ chói lọi.

Đòi ngàn: Đòi là nhiều, ngàn là rừng núi. Đòi ngàn là rừng núi chập chồng.

Vọng Thiên: Vọng là trông mong, Thiên là Trời. Vọng Thiên là trông mong lên Trời châu Đức Chí Tôn.

C.11-12: Thanh quang rõ rõ đòi ngàn, Chơn hồn khoái lạc lên đàng vọng Thiên. Nghĩa là: Ánh sáng màu xanh sáng ngời rực rỡ soi khắp núi rừng, Chơn hồn khoái lạc lên đường, trông mong lên Trời châu Đức Chí Tôn.

KHẢO DỊ:

* Kinh Lễ 1952, Kinh TĐ-TĐ 1968, 1974:

- đòi ngàn.

* Kinh TĐ-TĐ năm 1936, 1975:

- đòi ngàn.

Đôi là hai. **Đòi** là nhiều.

Dùng chữ ĐÔI mới đúng.

Kinh Đệ Tứ Cửu

- Kinh Đệ Tứ Cửu
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Đệ Tứ Cửu

KINH ĐỆ TỨ CỬU*(Giọng Nam xuân)*

1. Sắc huỳnh chiếu roi vàng đường hạc.
2. Cõi Huỳnh Thiên nhẹ thoát chơn Tiên.
3. Năm rông đỡ nổi đầu thuyền,
4. Vào Cung Tuyệt Khổ kiến Huyền Thiên Quân.
5. Trừ quái khí roi thần chớp nhoáng,
6. Bộ Lôi Công giải tán trước quang.
7. Cửa Lầu Bát Quái chun ngang,
8. Hòa tinh Tam muội thiêu tàn oan gia.
9. Đạp Thái sơn nhảy qua Đầu Suất.
10. Vịn Kim câu đến chực Thiên môn.
11. Chơn thần đã nhập Càn khôn.
12. Thâu quyền độ thế bảo tồn chúng sanh.

*(Niệm Câu Chú của Thầy 3 lần)***GIẢI NGHĨA**

Kinh Đệ Tứ Cửu do Tứ Nương DTC giảng cơ ban cho. Tứ Nương có nhiệm vụ hướng dẫn các Chơn hồn lên từng Trời Huỳnh Thiên. Từng Trời này có ánh sáng đều màu vàng, nên được gọi là Huỳnh Thiên. Huỳnh là màu vàng.

Câu 1: Sắc huỳnh chiếu roi vàng đường hạc.

Roi: Lưu lại, roi dẫu. **Đường hạc:** Đường bay của chim hạc.

C.1: Ánh sáng màu vàng chiếu vào làm cho đường bay của chim hạc lưu lại màu vàng.

KHẢO DỊ:

* **Kinh Lễ in bên Pháp 1952:**

- chiếu roi vàng.

* **Kinh TĐ-TĐ năm 1936, 1968, 1974, 1975:**

- chiếu roi vàng.

Roi: Dôi, theo sát, nối theo.

Câu 2: Cõi Huỳnh Thiên nhẹ thoát chơn Tiên.

Nhẹ thoát: Thanh thoát nhẹ nhàng. **Nhẹ thoát chơn Tiên:** Bước chơn đi nhẹ nhàng thanh thoát như Tiên.

C.2: Bước chơn nhẹ nhàng thanh thoát như Tiên đi lên từng Trời Huỳnh Thiên.

Câu 3-4: Năm rông đỡ nổi đầu thuyền,
Vào Cung Tuyệt Khổ kiến Huyền Thiên Quân.

Kiến: Thấy, gặp. Thường nói: Bái kiến là lạy chào, mừng gặp một Đấng Thiêng liêng.

C.3-4: Chơn hồn bước xuống chiếc thuyền có 5 con rông đỡ đầu thuyền nổi lên, đưa Chơn hồn vào Cung Tuyệt Khổ để bái kiến Đức Huyền Thiên Quân.

Đức Huyền Thiên Quân ở Cung Tuyệt Khổ chỉ là một hóa thân của Đấng Thượng Đế, bởi vì theo nấc thang Tiến Hóa với đề mục là chữ Khổ: Bực Hiên thì Tùng Khổ, Thần thì Thảng khổ, Thánh thì Thọ Khổ, Tiên thì Thoát Khổ, Phật thì Giải Khổ, Thượng Đế thì Tuyệt Khổ. (Tuyệt là dứt).

Câu 5-6: Trừ quái khí roi thần chớp nhoáng,
Bộ Lôi Công giải tán trước quang.

Trừ: Loại bỏ, làm mất đi. **Quái khí:** Tà khí, chất khí độc. **Roi thần:** Thần là thiêng liêng huyền diệu. Roi thần là cái roi có phép tắc huyền diệu. **Chớp nhoáng:** Lóe sáng lên rồi tắt, rồi lại lóe sáng lên lại tắt, cứ thế tiếp diễn nhiều lần.

Bộ Lôi Công: Lôi Công là Thần làm Sấm sét. Bộ Lôi Công là cơ quan gồm những vị Thần Sấm sét. Đứng đầu Bộ Lôi Công là Thái Sư Văn Trọng vào thời Phong Thần, tước hiệu Cửu Thiên Cảm Ứng Lôi Thịnh Phổ Hóa Thiên Tôn.

Giải tán: Làm cho tiêu tan mất. **Trực quang:** Trực là đơ bản hơi hám; quang là ánh sáng, ở đây có nghĩa là chất khí. Trực quang là chất khí đơ bản hơi hám.

C.5-6: Cây roi thần quơ lên lóe sáng để tẩy trừ tà khí, và các Thần Sấm sét trong Bộ Lôi Công làm tiêu tan hết các chất ô trực bám vào Chơn thần.

Câu 7-8: Cửa Lầu Bát Quái chun ngang,
Hỏa tinh Tam muội thiêu tàn oan gia.

Lầu Bát Quái: BQĐ nơi cõi TL. **Chun ngang:** Chui qua.

Hỏa tinh: Sao Hỏa, chỉ về lửa. **Tam-muội:** Phiên âm từ tiếng Phạn: Samadhi, nghĩa là Thiên định, Đại định. Hỏa tinh Tam-muội là phép Thiên định lấy Chơn Hỏa của Ngũ Hành trong cơ thể mà luyện thành lửa để tung ra. Phật giáo gọi phép này là: Hỏa diệm Tam-muội hay Hỏa quang Tam muội. Đức Phật Thích Ca có dùng phép này, từ trong thân Ngài xuất ra thứ lửa huyền diệu để hàng phục giống rồng độc.

Đức Cao Thượng Phẩm, trong Luật Tam Thể có nói về Hỏa tinh, trích ra sau đây: “Hỏa tinh, tiếng Pháp gọi là Calorie về Y học, còn gọi là Feu Serpent về khoa Thần Linh học, nó chạy luôn trong tủy và tiết ra bởi các dây thần kinh. Muốn luyện Hỏa tinh, phải tịnh tâm, định trí, trụ Thần (Tam-muội) mà chuyển vận, tức là lấy khí Dương vào cơ thể đó vậy. Phải lấy trí mà điều khiển nó,”

Thiêu tàn: Đốt cho cháy tiêu hết. Thiêu là đốt cháy, tàn là hết. Oan gia: Oan gia là người có thù giận với mình.

C.7-8: Chơn thần chun ngang qua cửa BQĐ, các Đấng dùng lửa Tam-muội đốt cháy tiêu hết các oan gia nghiệp chướng.

Câu 9: Đạp Thái sơn nhảy qua Đầu Suất.

Thái sơn: Núi Thái Sơn nơi cõi Huỳnh Thiên.

Đầu Suất: Cung của Đức Thái Thượng Lão Quân.

C.9: Chơn thần đã có Thần thông, nên đứng trên núi Thái sơn nhảy qua tới Cung Đầu Suất.

Câu 10: Vịn Kim câu đến chực Thiên môn.

Vịn: Dựa vào. **Kim:** Vàng. **Câu:** Bắt giữ, dẫn dắt.

Kim câu: Cái Câu Tiên bài bằng vàng của Đức Thái Thượng, Giáo chủ Đạo Tiên, dùng làm lệnh điều khiển các vị Tiên. Người nào cầm Câu Tiên bài ra lệnh thì mọi người phải tuân theo vì đó là lệnh của Giáo chủ. **Chực:** Chờ sẵn.

C.10: Dựa vào Câu Tiên bài của Đức Thái Thượng Lão Quân, Chơn thần đến chờ sẵn tại cửa Trời.

KHẢO DỊ:

* Kinh Lễ 1952, Kinh TĐ-TĐ 1974, 1975:

- Định Kim câu

* Kinh TĐ-TĐ năm 1936:

- Định Kim câu

* Kinh TĐ-TĐ năm 1968:

- Vịn Kim câu

Định: Sắp đặt để làm, sắp đặt cho yên.

Câu 11-12: Chơn thần đã nhập Càn khôn.
Thâu quyền độ thể bảo tồn chúng sanh.

Thâu: Dem vào, ý nói có. **Độ thể:** Cứu đời, cứu giúp người đời. **Bảo tồn:** Giữ giữ cho còn. **Chúng sanh:** Các loài sanh vật gồm: Thảo mộc, Thú cầm và Nhơn loại.

C.11-12: Chơn thần đã nhập vào CKVT (tức là đắc đạo), nên có quyền trở lại cõi trần để cứu giúp người đời và bảo tồn chúng sanh.

Kinh Đệ Ngũ Cửu

- Kinh Đệ Ngũ Cửu
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Đệ Ngũ Cửu

KINH ĐỆ NGŨ CỬU*(Giọng Nam xuân)*

1. Ánh hồng chiếu đường mây rõ rõ.
2. Cõi Xích Thiên vội mở ải quan.
3. Thiên Quân điều động linh phan.
4. Cả miền Thánh vức nhộn nhàng tiếp nghinh.
5. Đài Chiếu Giám Cảnh Minh nhẹ bước,
6. Xem rõ ràng tội phước căn sinh.
7. Lấn vào Cung Ngọc Diệt Hình,
8. Khai Kinh Vô Tự dựng nhìn quả duyên.
9. Đắc văn sách thông Thiên định Địa,
10. Phép huyền công trụ nghĩa hóa thân.
11. Kỵ Kim quang kiến Lão Quân.
12. Dựa xe Như Ý, Oai Thần tiễn thẳng.

*(Niệm Câu Chú của Thầy 3 lần)***GIẢI NGHĨA**

Kinh Đệ Ngũ Cửu do Ngũ Nương DTC giảng cơ ban cho. Ngũ Nương có nhiệm vụ hướng dẫn các chơn hồn lên từng Trời Xích Thiên. Gọi là Xích Thiên bởi vì ở từng Trời này, ánh sáng đều có màu hồng. Xích là màu hồng.

Câu 1: Ánh hồng chiếu đường mây rõ rõ.

Ánh hồng: Ánh sáng màu hồng. **Chiếu:** Rọi sáng. **Đường mây:** Đường đi trên mây. **Rõ rõ:** Sáng ngời, rục rờ.

C.1: Ánh sáng hồng chiếu rục rờ con đường đi trên mây.

Câu 2: Cõi Xích Thiên vội mở ải quan.

Xích: Màu hồng. **Xích Thiên:** Từng Trời có ánh sáng màu hồng. Đó là từng Trời thứ 5 trong Cửu Trùng Thiên. **Ái quan:** Cửa ải, cửa ngõ ra vào đặt tại biên giới của một nước.

C.2: Cửa ải đi vào từng Trời Xích Thiên vội vàng mở ra.

Câu 3: Thiên Quân điều động linh phan.

Thiên Quân: Vị tướng Trời. **Điều động:** Dao động, chuyển động đưa qua đưa lại một cách đều đặn. **Linh phan:** Cây Phướn linh. Phan là cây Phướn. Linh là thiêng liêng.

C.3: Một vị Thiên Quân cầm cây phướn linh đưa qua đưa lại làm hiệu lệnh.

Câu 4: Cả miền Thánh vức nhộn nhàng tiếp nghinh.

Thánh vức: Vức tức là Vực, là một vùng đất. Thánh vức là vùng đất Thánh. Thánh vức đồng nghĩa với Thánh địa.

Nhộn nhàng: Nhộn nhịp, rộn rịp, đông đảo nhiều người vui vẻ lăng xăng công việc. **Tiếp nghinh:** Đón rước tiếp đãi.

C.4: Cả miền đất Thánh nhộn nhịp đón rước và tiếp đãi.

Câu 5-6: Đài Chiếu Giám Cảnh Minh nhẹ bước,
Xem rõ ràng tội phước căn sinh.

Đài: Nơi xây cao lên. **Chiếu:** Soi rọi. **Giám:** Tắm kiếng, gương soi. **Đài Chiếu Giám:** là một cái đài trên đó có đặt một tấm kiếng lớn mà phép huyền diệu TL cho thấy trở lại tất cả việc làm, lời nói của mỗi Chơn hồn trong suốt kiếp sanh nơi cõi trần, khi Chơn hồn đứng trước tấm kiếng ấy, để cây Càn Công Bình TL cân tội phước mà định phạt: Thặng hay đọa. Đài Chiếu Giám còn được gọi là Minh Cảnh Đài. Minh là sáng, Cảnh còn đọc là Kính: Tắm kiếng dùng làm gương soi.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo nói về Minh Cảnh Đài như sau: «Đài ấy là Tòa Tam Giáo, chúng ta không thấy cái trạng

thái hình thể nó ra sao. Khi chúng ta đến, hào quang chiếu diệu xông lên như ngọn lửa vậy. Lửa ấy chẳng phải lửa thật, nó là hào quang, cho ta thấy trước rồi biến mất đi, kể thấy một cây Cân Công Bình hiện ra trước mắt chúng ta, rồi cũng từ từ biến mất. Chúng ta thấy mình chẳng khác nào như khán giả đứng trước đài kia coi cả kiếp sanh của chúng ta, không điều gì sót, phải chăng nơi ấy Kinh Phật gọi là Minh Cảnh Đài? Trước mặt chúng ta, khi trước chúng ta làm những việc gì, nay nó chiếu lại cho xem, chẳng khác gì như mình xem tuồng hát bóng vậy. Mỗi khi mình hành động gì trong kiếp sanh khi xưa, hôm nay đều ngó thấy trước mặt, và Cân ấy tùy theo nên hư tội phước mà hiện tượng ra hết thấy, quyết đoán một cách công bình, không sai chút nào hết. Phải chăng đó là huyền bí của Tòa TL ấy? Vậy hành tàng đã có trước mặt, Luật Tam giáo chẳng hề sai chạy. Kiếp sanh đã làm gì, Đời hay Đạo, mặt TL không sót một điều.»

Căn sinh: Căn là gốc rễ, sinh là sống. Căn sinh là chỉ tất cả lời nói, việc làm trong suốt một kiếp sống nơi cõi trần.

C.5-6: *Chơn hôn nhẹ nhàng bước lên Đài Chiếu Giám (còn gọi là Minh Cảnh Đài) để xem lại một cách rõ ràng có bao nhiêu tội và phước mà Chơn hôn đã gây ra trong suốt kiếp sống nơi cõi trần.*

Câu 7-8: **Lần vào Cung Ngọc Diệt Hình,**
Khai Kinh Vô Tự dạng nhìn quả duyên.

Lần vào: Đi lần vào trong. **Khai:** Mở ra.

Kinh Vô Tự: Quyển Kinh không chữ. Đây là một quyển Kinh rất huyền diệu nơi cõi thiêng liêng, bởi vì khi Chơn hôn đến đứng trước quyển Kinh ấy, lật ra xem thì chữ bắt đầu hiện ra trên các trang giấy trắng, thấy rõ tên tuổi và tất cả việc làm trong kiếp sanh của Chơn hôn nơi cõi trần.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo Con đường TLHS, nói về Vô Tự Kinh như sau:

«Nếu khi vô được rồi, thân nhân chúng ta dắt chúng ta đến

một Cung có một quyển sách Thiên Thơ gọi là Vô Tự Kinh, để trước mặt chúng ta, dở ra xem, thấy tên mình và kiếp sanh của mình đã làm gì, nó hiện ra đủ hết trong quyển Thiên Thơ ấy. Vị Chưởng quản Cung ấy gọi là Nam Tào Bắc Đẩu. Nơi Nam Tào Bắc Đẩu, không có ai trị ta hết, chính ta trị lấy ta. Sau khi xem xong quyển Vô Tự Kinh, ta thấy hết hành tàng của ta thì ta định kiếp cho ta, chính Chơn thần định án ta, chớ không ai định án ta hết, nên dầu ta muốn chối tội cũng không được. Cái bí mật vô đối cầm quyền cả CKVT là như vậy: Chính mình làm tòa xử lấy mình.»

Quả duyên: Quả là cái kết quả, duyên là cái sức hỗ trợ cho cái Nhân thành thành cái Quả. Quả duyên là cái kết quả do sự hỗ trợ của cái duyên mà đạt được, tức là cái phẩm vị đạt được do công đức tu hành.

C.7-8: *Chơn hôn đi lần vào trong đến Cung Ngọc Diệt Hình, mở quyển Vô Tự Kinh thì chữ mới hiện ra, chép rõ tất cả lời nói, hành vi của Chơn hôn trong suốt kiếp sanh nơi cõi trần, nhờ đó Chơn hôn nhìn thấy được phẩm vị của mình.*

Câu 9: **Đắc văn sách thông Thiên định Địa,**

Đắc: Được. **Văn sách:** Văn là lời văn, sách là quyển sách. Văn sách là lời văn viết trong quyển sách.

Thông Thiên định Địa: Thông suốt các việc ở trên Trời, định rõ các việc ở dưới đất tức là quyết định được các việc nơi cõi trần. Như vậy Chơn hôn đã có được trí huệ và Thần thông.

C.9: *Chơn hôn được một quyển sách, học trong đó thì thông suốt các việc trên Trời và định được các việc nơi cõi trần, tức là Chơn hôn đạt được trí huệ và Thần thông.*

Câu 10: **Phép huyền công trụ nghĩa hóa thân.**

Phép huyền công: Công phu tu luyện đạt được các phép tác biến hóa huyền diệu. Thí dụ như Tể Thiên Đại Thánh trong Truyện Tây Du học được Thất thập nhị Huyền công, tức là

72 phép biến hóa huyền diệu.

Trụ nghĩa: Trụ là ở, còn đây; Nghĩa là điều phải đúng theo đạo lý. Trụ nghĩa là ở nơi điều nghĩa. **Hoá thân:** Biến hóa thân mình bằng cách dùng phép thuật huyền diệu.

C.10: Các phép huyền công biến hóa thân mình được sử dụng ở nơi điều nghĩa.

Câu 11: Kỵ Kim quang kiến Lão Quân.

Kỵ: Cõi. **Kim quang:** Làn ánh sáng vàng. **Kỵ Kim quang:** Cõi trên làn ánh sáng vàng, ý nói đứng trên làn ánh sáng vàng để nó đưa đi. (Giống như C.8 KĐ₂C: Kim quang kiệu đỡ).

Kiến: Thấy, gặp.

C.11: Đứng trên làn ánh sáng vàng để nó đưa mình đến bài kiến Đức Thái Thượng Lão Quân.

Câu 12: Dựa xe Như Ý, Oai Thần tiên thăng.

Xe Như Ý: Chiếc xe Tiên, mà người ngồi trên đó muốn đi đến đâu thì nó sẽ đưa đến đó đúng như ý muốn.

Oai Thần: Các vị Thần oai vệ. **Tiên thăng:** Đưa tiên bay lên. Tiên là đưa lên đường, thăng là bay lên.

C.12: Nhờ chiếc xe Như Ý đưa mình đi lên đúng theo ý muốn, có các vị Oai Thần tiên đưa bay lên.

Kinh Đệ Lục Cửu

- Kinh Đệ Lục Cửu
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Đệ Lục Cửu

KINH ĐỆ LỤC CỬU

(Giọng Nam xuân)

1. Bạch Y Quan mở đàng rước khách,
2. Cõi Kim Thiên nhẹ tách Tiên xa.
3. Vào Cung Vạn Pháp xem qua,
4. Cho tường cửu nghiệp mấy tòa thiên nhiên.
5. Cung Lập Khuyết tìm duyên định ngự.
6. Lãnh Kim sa đặng dự Như Lai.
7. Minh Vương Khổng Tước cao bay,
8. Đem Chơn thần đến tận Đài Huệ Hương.
9. Mùi ngào ngọt thơm luôn Thánh thể,
10. Trừ tiêu tàn ô uế sinh quang.
11. Thiên thiếu trời tiếng nhật khoan,
12. Đưa linh thăng đến Niết Bàn mới thôi.

(Niệm Câu Chú của Thầy 3 lần)

GIẢI NGHĨA

Kinh Đệ Lục Cửu do Lục Nương DTC giảng cơ ban cho. Lục Nương có nhiệm vụ hướng dẫn các Chơn hồn từ tầng Trời Xích Thiên lên tầng Trời Kim Thiên. Kim Thiên là tầng Trời thứ 6 trong Cửu Trùng Thiên.

Câu 1-2: Bạch Y Quan mở đàng rước khách,
Cõi Kim Thiên nhẹ tách Tiên xa.

Bạch Y Quan: Một địa danh nơi tầng Trời Kim Thiên.

Tiên xa: Chiếc xe Tiên, cũng gọi là xe Như Ý.

C.1-2: Nơi Bạch Y Quan, mở cửa đón rước Chơn hồn. Chơn hồn nhẹ nhàng bước xuống rời khỏi chiếc xe Tiên để đi vào cõi Kim Thiên.

Câu 3-4: Vào Cung Vạn Pháp xem qua,
Cho tường tận nghiệp mấy tòa thiên nhiên.

Tường: Rõ ràng, biết rõ. **Cựu:** Xưa, cũ.

Cựu nghiệp: Sự nghiệp cũ, tức là những sự nghiệp đã tạo ra trong nhiều kiếp sống trước nơi cõi trần. **Tòa:** Ngôi nhà lớn.

Thiên nhiên: Cái mà Trời làm ra như thế, không phải do sức người tạo ra. **Tòa thiên nhiên:** Ngôi nhà lớn do Trời tạo ra như thế, để ghi lại sự nghiệp của mỗi Chơn hồn đã tạo ra trong các kiếp sống nơi cõi trần.

C.3-4: Chơn hồn được đưa vào Cung Vạn Pháp để xem qua cho biết rõ ràng sự nghiệp cũ của mình được ghi lại trong mấy Tòa thiên nhiên.

Câu 5: Cung Lập Khuyết tìm duyên định ngự.

Duyên: Cái mối dây ràng buộc được định sẵn từ trước. Ở đây ý nói ngôi vị cũ của mình nơi cõi thiêng liêng.

Định: Có ý làm. **Ngự:** Ngồi lên một cách trang trọng.

C.5: Tại Cung Lập Khuyết, Chơn hồn tìm thấy ngôi vị cũ của mình, định ngự lên (nhưng chưa được).

Câu 6: Lãnh Kim sa đặng dự Như Lai.

Kim sa: Kim là vàng, sa là hạt cát. Kim sa là hạt cát vàng. Những hạt cát vàng này do Phép Phật tạo thành. Kim Sa Đại Điện là tòa nhà lớn làm bằng cát vàng tại kinh đô CLTG, là nơi ngự của Đức Phật Thích Ca.

Như Lai: Một trong 10 danh hiệu của Phật.

C.5: Chơn hồn lãnh một hạt Kim sa đặng đi gặp Phật.

Câu 7-8: Minh Vương Khổng Tước cao bay,
Đem Chơn thần đến tận Đài Huệ Hương.

Minh Vương Khổng Tước: Minh Vương là vua sáng, Khổng Tước là con công.

Theo Phật Học Từ Điển, Minh Vương là những vị Tôn giả hầu cận Đức Phật, thọ giáo lệnh của Đức Phật, hiện thân hàng phục bọn ác ma. Các Tôn giả này có trí huệ và oai đức, đánh phá hết thảy các ma chướng, ủng hộ các nhà tu hành chơn thật. Tuy là người hầu cận Đức Phật, nhưng vâng mệnh cấm giữ giáo lệnh thì quyền uy như một vị Minh Vương.

Minh Vương Khổng Tước là vị Tôn giả hầu cận Đức Phật Chuẩn Đề (Chuẩn Đề Bồ Tát) mà nguyên căn là một con công, sanh vào thời Khai Thiên Lập Địa, được Đức Chuẩn Đề Bồ Tát thân phục vào thời Phong Thần. Khi Đức Chuẩn Đề xuất du thì vị tôn giả này hiện lại nguyên hình là một con công màu đỏ, xòe 2 cánh chiếu hào quang ngũ sắc, chở Đức Chuẩn Đề bay đi.

C.7-8: Vị Minh Vương Khổng Tước chở Chơn thần bay lên cao,
đem đến tận Đài Huệ Hương.

Câu 9-10: Mùi ngào ngọt thơm luôn Thánh thể,
Trừ tiêu tàn ô uế sinh quang.

Mùi ngào ngọt: Mùi rất thơm. **Thánh thể:** Thánh là thiêng liêng huyền diệu, thể là thân thể. Thánh thể là xác thân thiêng liêng, tức là Chơn thần.

Trừ: Làm cho mất đi. **Tiêu tàn:** Làm tiêu mất hẳn.

Ô uế: Ô là dơ bẩn, uế là hôi hám. Ô uế là dơ bẩn hôi hám. **Sinh quang:** Khí Sanh quang, chất khí để nuôi dưỡng sự sống cho các loài sanh vật trong khắp CKVT.

C.9-10: Mùi ngào ngọt thơm luôn Thánh thể, Trừ tiêu tàn ô uế sinh quang. Nghĩa là: Mùi thơm ngào ngọt của Đài Huệ Hương xông thơm Chơn thần, tẩy trừ hết sạch các mùi dơ bẩn hôi hám

lăn vào trong Khí Sanh quang.

Câu 11-12: Thiên thiếu trời tiếng nhật khoan,
Đưa linh thăng đến Niết Bàn mới thôi.

Thiên thiếu: Thiếu là nhạc thiếu, loại nhạc cung đình, nghe rất réo rất êm tai, khiến cho tâm hồn người nghe trở nên cao thượng. Tương truyền Nhạc thiếu do vua Thuấn học được của Bà Nữ Oa. Thiên thiếu là nhạc thiếu của Trời.

Trời tiếng nhật khoan: Khởi lên tiếng nhạc khi nhanh khi chậm, khi nhật khi lơ. **Đưa linh:** Đưa Chơn linh đi lên.

Niết Bàn: Cõi Phật, cõi CLTG hoàn toàn hạnh phúc.

C.11-12: Khúc nhạc thiếu của Trời khởi lên lúc nhanh lúc chậm, đưa Chơn linh thăng lên đến cõi Niết Bàn mới thôi.

KHẢO DỊ:

* Kinh Lễ in bên Pháp 1952:

- Tiêu thiếu.

* Kinh TĐ-TĐ năm 1936, 1968, 1974, 1975:

- Thiên thiếu.

Tiêu thiếu: Khúc nhạc thiếu thổi bằng ống sáo. (Xem C.7 KĐ₃C: Tiêu thiếu lấp tiếng đục tình).

Kinh Đệ Thất Cửu

- Kinh Đệ Thất Cửu
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Đệ Thất Cửu

KINH ĐỆ THẤT CỬU

(Giọng Nam xuân)

1. Nhẹ phơ phới dôi dào không khí,
2. Hạo Nhiên Thiên đã chí môn quan.
3. Đẹp xinh cảnh vật đòi ngàn.
4. Hào quang chiếu diệu khai đàng thẳng Thiên.
5. Cung Chương Pháp xây quyền Tạo Hóa,
6. Kiến Chuẩn Đệ thạch xá giải thi.
7. Đà Lam dẫn nẻo Tây Qui,
8. Kim chung mở lối kịp kỳ kỳ sen.
9. Động Phổ Hiến Thân Tiên hội hiệp.
10. Dỡ kim cô đưa tiếp linh quang.
11. Im lìm kìa cõi Niết Bàn,
12. Lôi Âm trống thúc lên đàng thượng Thiên.

(Niệm Câu Chú của Thầy 3 lần)

GIẢI NGHĨA

Kinh Đệ Thất Cửu do Thất Nương DTC giảng cơ ban cho. Thất Nương có nhiệm vụ dẫn dắt các Chơn hồn từ Kim Thiên đi lên tầng Trời Hạo Nhiên Thiên, là tầng thứ 7 trong Cửu Trùng Thiên, dưới quyền chương quản của Đức Chuẩn Đệ Bồ Tát và Đức Phổ Hiến Bồ Tát. Ngoài ra Thất Nương còn có nhiệm vụ giáo hóa các nữ tội hồn nơi cõi Âm Quang.

Câu 1-2: Nhẹ phơ phới dôi dào không khí,
Hạo Nhiên Thiên đã chí môn quan.

Nhẹ phơ phới: Nhẹ phơ phới, nhẹ nhàng lắm. **Dôi dào không**

khí: Bầu không khí dồi dào khí sanh quang, làm cho Chơn thân được đầy đủ sức sống và nhẹ nhàng.

Đã chí: Đã đến. **Môn quan:** Môn là cái cửa, quan là cửa lớn. Môn quan là cái cửa lớn đi vào một tầng Trời.

C.1-2: *Chơn hồn nhẹ nhàng bay phơi phơi trong bầu không khí dồi dào khí sanh quang, đã đến cái cửa lớn đi vào tầng Trời Hạo Nhiên Thiên.*

KHẢO DỊ:

* Kinh Lễ, Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968, 1974:

- Nhẹ phơi phơi...

* Kinh TĐ-TĐ 1975:

- Nhẹ phơi phơi...

Phơi phơi đồng nghĩa với **Phơi phơi**.

Câu 3-4: **Đẹp xinh cảnh vật đời ngàn.
Hào quang chiếu diệu khai đàng thẳng Thiên.**

Đời ngàn: Đời là nhiều, ngàn là rừng núi. Đời ngàn là rừng núi chập chồng. (Giống như: C.II. KĐ₃C)

Hào quang: Hào là cái lông dài và nhọn, quang là ánh sáng. Hào quang là ánh sáng tỏa ra từ thân thể của một Đấng thiêng liêng. **Chiếu diệu:** Chiếu sáng rực rỡ. **Khai đàng:** Mở đường. **Thẳng Thiên:** Bay lên Trời.

C.3-4: *Cảnh vật rừng núi chập chồng thật là xinh đẹp. Ánh hào quang chiếu sáng rực rỡ mở đường bay lên Trời.*

Câu 5-6: **Cung Chương Pháp xây quyền Tạo Hóa,
Kiến Chuẩn Đề thạch xá giải thi.**

Cung Chương Pháp: Cơ quan chương quản về pháp luật của Trời, giữ gìn an ninh và trật tự trong CKVT. Cung Chương Pháp thuộc tầng Trời Hạo Nhiên Thiên, nên tầng Trời này được gọi là Hạo Nhiên Pháp Thiên.

Xây quyền: Xây dựng quyền hành căn cứ trên Luật pháp. **Tạo**

Hóa: chỉ Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Kiến: Thấy, gặp. **Chuẩn Đề:** Đức Chuẩn Đề Bồ Tát.

Thạch xá: Thạch là đá, xá là nhà. Thạch xá là ngôi nhà bằng đá. **Giải thi:** Giải là cắt nghĩa cho rõ ra, Thi là do chữ Thơ, Thư nói trại ra, nên Thi là quyển sách. Ở đây Thi là Thiên Thi, là quyển sách của Trời ghi chép Thiên điều, tức là ghi chép Luật pháp của Trời. Giải thi là giảng giải Thiên thơ.

GHI CHÚ: Chữ Thi ở đây nằm trong chữ Thiên Thi trong các câu Kinh: “Tam Kỳ khai hiệp Thiên Thi.” (PMCK)

“Hiệp chúng đặng chư Phật tạo định Thiên Thi.” (DLCK)

C.5-6: *Cung Chương Pháp chương quản Pháp luật của CKVT, nên căn cứ trên luật pháp, xây dựng quyền hành của Đức Chí Tôn. Chơn hồn đến gặp Đức Chuẩn Đề Bồ Tát đang giảng giải Thiên thơ trong ngôi nhà đá.*

Câu 7-8: **Dà Lam dẫn nẻo Tây Qui,
Kim chung mở lối kịp kỳ kỳ sen.**

Dà Lam: còn viết là Già Lam, là vị Phật gọi là Phật Già Lam.

Dẫn nẻo: Dẫn đường.

Tây Qui: Một địa danh nơi tầng Hạo Nhiên Thiên.

Kim chung: Cái chuông bằng vàng. **Mở lối:** Mở đường.

Kỳ sen: Kỳ là cõi lên, ý nói đứng trên; Kỳ sen là đứng trên cái bông sen thân (Liên thân) để nó đưa mình bay lên. (Xem: C.5 KKĐCR)

C.7-8: *Đức Phật Già Lam dẫn đường đi đến Tây Qui, có tiếng chuông vàng mở đường cho Chơn hồn kịp bước lên bông sen thân để nó đưa đi.*

Câu 9-10: **Động Phổ Hiền Thân Tiên hội hiệp.
Dỡ kim cô đưa tiếp linh quang.**

Động Phổ Hiền: Cái động đá, nơi Đức Phổ Hiền Bồ Tát cư ngụ. **Kim cô:** Kim là vàng, cô là cái đai. Kim cô là cái đai bằng vàng, đội trên đầu. **Dỡ:** Lấy ra.

Dỡ kim cô: Lấy cái vòng kim cô ra khỏi đầu.

Linh quang: Điểm linh quang, đó là Chơn linh hay Linh hồn.

C.9-10: Đức Phổ Hiền Bồ Tát cùng chư vị Thần Tiên hội họp trong động đá. Dỡ cái kim cô ra để đưa Chơn linh tiếp tục bay lên.

Câu 11-12: Im lìm kia cõi Niết Bàn,
Lôi Âm trống thúc lên đàn thượng Thiên.

Lôi Âm: Lôi là sấm, âm là tiếng. Lôi Âm trống tức là Lôi Âm Cổ, cái trống Lôi Âm, vì tiếng trống phát ra lớn như tiếng sấm. **Thúc** là thúc giục. **Lôi Âm trống thúc** là tiếng trống Lôi Âm thúc giục lên đường.

Thượng Thiên: Thượng là đi lên, Thiên là Trời. Thượng Thiên là đi lên Trời.

C.11-12: Kia là cõi Niết Bàn hoàn toàn yên lặng, tiếng trống Lôi Âm thúc giục Chơn hồn lên đường đi lên Trời.

KHÁO DỊ:

* Kinh TĐ-TĐ 1936, Kinh Lễ 1952:

- thượng tiêu.

* Kinh TĐ-TĐ 1968, 1974, 1975:

- thượng Thiên.

Tiêu từng Trời, **Thượng tiêu** là đi lên các tầng Trời.

Kinh Đệ Bát Cửu

- Kinh Đệ Bát Cửu
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Đệ Bát Cửu

KINH ĐỆ BÁT CỬU

(Giọng Nam xuân)

1. Hơi Tiên từ nức nồng thơm ngọt,
2. Phi Tướng Thiên để gót tới nơi.
3. Mùi trần khi đã xa khơi,
4. Say sưa bầu khí bồi hồi chung phong.
5. Cung Tận Thức thần thông biến hóa.
6. Phổ Đà Sơn giải quả Từ Hàng.
7. Cõi Kim Hẩu đến Tịch san,
8. Đầu vân nương phép Niết Bàn đến xem.
9. Cung Diệt Bửu ngọc rềm đã xử,
10. Nghiệp hữu hình tượng đủ vô vi.
11. Hồ Tiên vội rút tức thì,
12. Nước Cam lồ rửa ai bi kiếp người.

(Niệm Câu Chú của Thầy 3 lần)

GIẢI NGHĨA

Kinh Đệ Bát Cửu do Bát Nương DTC giảng cơ ban cho. Bát Nương có nhiệm vụ dẫn dắt các Chơn hồn từ Hạo Nhiên Thiên đi lên từng Trời Phi Tướng Thiên, là tầng thứ 8 trong Cửu Trùng Thiên, dưới quyền chưởng quản của Đức Từ Hàng Bồ Tát.

Câu 1-2: Hơi Tiên từ nức nồng thơm ngọt,
Phi Tướng Thiên để gót tới nơi.

Tiên từ: Rượu Tiên, loại rượu do các vị Tiên dùng huyền

điều Tiên gia chế thành, có mùi vị thơm ngọt. **Nực nồng:** Mùi rượu mạnh bốc lên nhiều. **Đế gót:** Đặt chơn tới.

C.1-2: Khi đặt chơn tới từng Trời Phi Tưởng Thiên thì đã cảm thấy mùi rượu Tiên nực nồng thơm ngọt.

Câu 3-4: Mùi trần khi đã xa khơi,
Say sưa bầu khí bồi hồi chung phong.

Mùi trần: Cái mùi ô ế của cõi trần. **Xa khơi:** Xa lắm.

Say sưa: Ở trạng thái ngây ngất vì tác dụng của rượu.

Bầu khí: Bầu không khí. **Bồi hồi:** Xao xuyên trong lòng.

Chung phong: Chung là tiếng chuông, phong là gió. Chung phong là tiếng chuông theo gió đưa lại.

C.3-4: Chơn hôn đã đi khỏi rất xa mùi ế trước của cõi trần, cảm thấy say sưa trong bầu không khí nực nồng hơi Tiên tâu, và cảm thấy bồi hồi khi nghe tiếng chuông theo gió đưa lại.

Câu 5: Cung Tận Thức thần thông biến hóa.

Thần thông: Thần là thiêng liêng mầu nhiệm; thông là suốt tới, không chỉ ngăn trở nổi. Thần thông là phép biến hóa huyền diệu, đạt được do công phu tu luyện lâu dài. Theo Phật giáo, khi những vị Tỳ Kheo tu đắc quả A-La-Hán (đối phẩm Thiên Thánh) thì đạt được 6 phép Thần thông, gọi là Lục thông, kể ra:

1. Thiên Nhãn thông: Thấy được những vật rất xa.
2. Thiên Nhĩ thông: Nghe được tiếng nói rất xa.
3. Túc mạng thông: Biết được tất cả chuyện đời quá khứ, hiện tại và tương lai.
4. Tha tâm thông: Biết tư tưởng trong tâm của người.
5. Thần túc thông: Phép đi khắp nơi trong nháy mắt.
6. Lậu tận thông: Phép trong sạch hoàn toàn.

C.5: Nơi Cung Tận Thức, các phép thần thông biến hóa rất huyền diệu.

Câu 6: Phổ Đà Sơn giải quả Từ Hàng.

Phổ Đà Sơn: Núi Phổ Đà ở biển Nam Hải nơi cõi thiêng liêng, là nơi Công Chúa Diệu Thiện tu hành đắc đạo thành Quan Thế Âm Bồ Tát. Công Chúa Diệu Thiện là một chiết linh của Đức Từ Hàng Bồ Tát giáng trần. **Giải quả:** Cởi bỏ cái quả kiếp. **Từ Hàng:** Đức Từ Hàng Bồ Tát. **Giải quả Từ Hàng:** Cởi bỏ cái quả kiếp của Từ Hàng Bồ Tát. Cái quả kiếp ấy là những oan trái của Từ Hàng Bồ Tát, nay Công Chúa Diệu Thiện phải gánh trả. Khi Công Chúa Diệu Thiện tu đắc đạo thành Bồ Tát thì cái quả kiếp của Từ Hàng Bồ Tát đã được cởi bỏ.

C.6: Nơi Phổ Đà Sơn, Công Chúa Diệu Thiện tu hành đắc đạo, nên đã cởi bỏ được cái quả kiếp của Từ Hàng Bồ Tát.

Câu 7-8: Cõi Kim Hẩu đến Tịch san,
Đầu vân nương phép Niết Bàn đến xem.

Kim Hẩu: là con Kim Mao Hẩu, kim là vàng, mao là lông, hầu là một loại sư tử, nói theo âm tiếng Tàu. Kim Mao Hẩu là con sư tử lông vàng, một loại thú linh nơi cõi T.L. Đức Từ Hàng Bồ Tát, mỗi khi du hành, thường cỡi Kim Mao Hẩu.

Khi Đức Phạm Hộ Pháp trấn thần 8 con Kim Mao Hẩu nơi 4 cầu thang lên CTĐ và BQĐ Tòa Thánh, Ngài có giải thích rằng: «Con Kim Mao Hẩu rất mạnh khỏe, tượng trưng cái năng lực tinh thần của người tu, nhờ nó mà qua các tầng Trời và trở về cùng Đức Chí Tôn.»

Đầu vân: Đầu là thỉnh linh vọt lên, vân là mây.

Đầu vân là phép nhảy vọt đi rất lẹ trên mây. Trong truyện Tây Du, Tể Thiên Đại Thánh học được phép Càn Đầu vân (Càn là gân), vận gân cốt và niệm chú rồi nhảy vọt bay đi rất nhanh trên mây, mỗi Càn Đầu vân đi được 18000 dặm.

Nương phép: Dựa vào phép thuật mầu nhiệm.

C.7-8: Chơn hôn cỡi lên con Kim Mao Hẩu để nó đưa đến một hòn núi gọi là Tịch san, rồi nhờ phép Đầu vân, Chơn hôn nhảy vọt bay lên xem cõi Niết Bàn.

Câu 9-10: Cung Diệt Bửu ngọc rềm đã xủ,
Nghịệp hữu hình tượng đủ vô vi.

Ngọc rềm: Tấm rềm bằng ngọc. Rềm là cái tấm để treo che phía trên cửa. **Xủ:** Buông xuống. **Nghịệp hữu hình:** Sự nghiệp hữu hình tạo ra nơi cõi trần. **Vô vi:** Vô hình. (Xem Câu 4 Kinh Tiên giáo). Cõi Vô vi là cõi thiêng liêng vô hình.

C.9-10: Nơi Cung Diệt Bửu, tấm rềm ngọc đã buông xuống. Sự nghiệp hữu hình của mỗi người nơi cõi trần hiện ra đủ hết nơi cõi thiêng liêng.

Câu 11-12: Hồ Tiên vôi rót tức thì,
Nước Cam lồ rửa ai bi kiếp người.

Hồ Tiên: Hồ là cái bầu, Hồ Tiên là cái bầu đựng rượu Tiên. Rượu Tiên hay Tiên tửu có tác dụng rất huyền diệu, giống như nước Cam lồ, nên khi dùng để uống thì gọi là Tiên tửu, khi các vị Tiên dùng làm phép thì gọi là nước Cam lồ.

Ai bi: Bi ai, buồn rầu thê thảm.

C.11-12: Lấy bầu rượu Tiên rót ra tức thì, dùng nước Cam lồ rửa sạch những nỗi bi ai của kiếp người.

Kinh Đệ Cửu Cửu

- Kinh Đệ Cửu Cửu
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Đệ Cửu Cửu

KINH ĐỆ CỬU CỬU

(Giọng nam xuân)

1. Vùng thoại khí Bát hỗn vận chuyển.
2. Tạo Hóa Thiên sanh biến vô cùng.
3. Hội Bàn Đào Diêu Trì Cung,
4. Phục sinh đào hạnh, rượu hồng thưởng ban.
5. Cung Bắc Đẩu xem căn quả số.
6. Học triều nghi vào ở Linh Tiêu.
7. Ngọc Hư Cung sắc lệnh kêu,
8. Thương phong, trừng trị, phân điều đọa thăng.
9. Nơi Kim Bôn vắn vắn ngưng chất,
10. Tạo hình hài các bậc nguyên nhân.
11. Cung Trí Giác trụ Tinh Thần,
12. Huồn Hư mẫu nhiệm thoát trần đăng Tiên.

(Niệm Câu Chú của Thầy 3 lần)

GIẢI NGHĨA

Kinh Đệ Cửu Cửu gồm 12 câu thơ, trong đó, 8 câu thơ đầu do Cửu Nương DTC giảng cơ ban cho, và 4 câu thơ cuối do Đức Phật Mẫu giảng cơ viết tiếp ban cho trọn bài.

Cửu Nương có nhiệm vụ dẫn dắt các Chơn hồn đến từng Trời Tạo Hóa Thiên để bái kiến Đức Phật Mẫu. Tạo Hóa Thiên là từng Trời thứ 9, cao nhất trong Cửu Trùng Thiên.

Câu 1-2: Vùng thoại khí Bát hỗn vận chuyển.
Tạo Hóa Thiên sanh biến vô cùng.

Thoại khí: Thoại, cũng đọc là Thụy, nghĩa là tốt lành, khí là chất khí. Thoại khí là khí lành, nó chính là Hồn nguơn khí, là khí Sanh quang nuôi sống cả vạn linh trong CKVT.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo Con đường TLHS, có đoạn mô tả Bạch Ngọc Kinh ở trong vùng Thoại khí như sau:

«Thoạt tiên, chúng ta ngó thấy phía xa xăm có ánh sáng chói lọi, cũng như mặt trời mọc buổi sáng, đằng xa ngó thấy một ánh sáng chiếu diệu, cũng như một vùng Thoại khí. Khi Pháp xa của Bản đạo đến thấy hào quang chiếu diệu chói vào Pháp xa sáng rõ, dường thể ánh sáng đèn pha ở thế gian này vậy. Lại gần tới còn thấy một vật khác thường quái lạ, nhưng nó là một Tòa Thiên các đẹp đẽ lắm, màu sắc thay đổi sáng rõ, mà cả Thoại khí bao quanh làm như thể vận chuyển hình trạng của nó vậy. Nhà cửa ở thế gian là con vật chết, Bạch Ngọc Kinh là con vật sống, biến hóa thay đổi như thể vận hành, xung quanh Thoại khí bao trùm, từ Nam chí Bắc, từ Đông qua Tây, khối lửa ánh sáng ấy, chúng ta ngó thấy như mặt trời vậy, mà ánh sáng mặt trời thì nóng nực, bức bối, còn ánh sáng nơi Bạch Ngọc Kinh thì lại dịu dàng và huyền bí lắm, sung sướng khoái lạc lắm! Tại sao đài các là con tử vật, mà nó sống? Sống là do nơi đâu? Nếu biết được thì không lạ gì.

Nơi Bạch Ngọc Kinh nó là Hồn Nguơn khí biến hình nó ra. Hồn Nguơn khí là khí Sanh quang của chúng ta đã thờ, đã hô hấp, khí để nuôi cả sanh vật sống, ta cũng do nơi nó xuất hiện, mà biểu làm sao không sống?»

Bát hồn: 8 phẩm chơn hồn: Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Tiên hồn, Phật hồn.

Tạo Hóa Thiên: Tầng Trời thứ 9 ở vị trí cao nhất trong Cửu Trùng Thiên, dưới quyền chưởng quản của Đức Phật Mẫu. Đức Chí Tôn giao cho Đức Phật Mẫu nhiệm vụ tạo hóa, nên tầng Trời này được gọi là Tạo Hóa Thiên. Đức Phật Mẫu thấu lần Sanh quang của ngôi Thái Cực, rồi lấy khí Dương quang phối hợp với Âm quang để tạo hóa Chơn thần cho Vạn linh,

rồi vận chuyển Vạn linh cho đầu kiếp xuống trần thành chúng sanh. **Sanh biến:** Biến hóa sanh ra.

C.1-2: *Vùng thoại khí Bát hồn vận chuyển, Tạo Hóa Thiên sanh biến vô cùng, nghĩa là: Đức Phật Mẫu ở tầng Trời Tạo Hóa Thiên, vận chuyển Bát hồn trong vùng thoại khí (Khí Sanh quang), biến hóa vô cùng để tạo thành chúng sanh.*

Câu 3-4: **Hội Bàn Đào Điều Trì Cung,**
Phục sinh đào hạnh, rượu hồng thưởng ban.

Bàn Đào: Bàn là quanh co, Đào là cây đào. Cây Bàn Đào tức là cây Đào Tiên vì có thân mọc quanh co. Cho nên trái Bàn Đào tức là trái Đào Tiên. **Hội Bàn Đào:** Hội liên hoan gồm chư Thần Thánh Tiên Phật do Đức Phật Mẫu tổ chức tại Điều Trì Cung, trong dịp đúng kỳ Vườn Đào Tiên có trái chín. (Xem: C.1 KĐ2C)

Phục sinh: Phục là trở lại, sinh là sống. Phục sinh là sống trở lại, phục hồi sự sống.

Đào hạnh: Trái đào và trái hạnh.

Rượu hồng: Ý nói Rượu Tiên.

C.3-4: *Đức Phật Mẫu mở Hội Bàn Đào nơi Điều Trì Cung, đãi tiệc là những trái đào và trái hạnh, vì đó là 2 thứ trái quý nơi cõi Tiên có đặc tính phục hồi sự sống, và Đức Phật Mẫu ban thưởng cho uống rượu Tiên.*

Câu 5: **Cung Bắc Đẩu xem căn quả số.**

Căn quả số: Căn là gốc rễ, chỉ các việc làm thiện ác trong kiếp sống trước; Quả là cái kết quả có được theo Luật Nhân quả; số là cái số phận của mỗi người. Căn quả số là cái số phận của mỗi người do nơi căn quả, tức là do nơi kết quả của những việc làm thiện ác trong kiếp sống trước tạo nên.

C.5: *Chơn hồn vào Cung Bắc Đẩu xem căn quả cho biết số phận của mình.*

Câu 6: Học triều nghi vào ở Linh Tiêu.

Triều nghi: Nghi lễ và phép tắc nơi triều đình.

Linh Tiêu: Linh Tiêu Điện trong Ngọc Hư Cung, là nơi họp triều đình của Đức Chí Tôn. (Xem: C.2 TTCĐDTKM)

C.6: *Chơn hôn phải học tập các phép tắc và lễ nghi nơi triều đình để vào Linh Tiêu Điện châu lạy Đức Chí Tôn.*

Câu 7-8: Ngọc Hư Cung sắc lệnh kêu, Thưởng phong, trừng trị, phân điều đọa thăng.

Sắc lệnh: Lệnh của Đức Chí Tôn.

Thưởng phong: Phong thưởng, có công thì được phong thưởng cho những phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật.

Trừng trị: Có tội thì bị trừng phạt cho sợ mà không dám tái phạm. **Phân điều đọa thăng:** Chia ra 2 điều: Đọa đầy xuống cõi thấp kém khổ sở, hoặc là siêu thăng.

C.7-8: *Nơi Ngọc Hư Cung, Sắc lệnh của Đức Chí Tôn gọi Chơn hôn vào để các Đấng xem xét công và tội, phân ra: có công thì được phong thưởng và siêu thăng, có tội thì bị trừng phạt và bị đọa đầy.*

Câu 9-10: Nơi Kim Bồn và vàn ngưng chất, Tạo hình hài các bậc nguyên nhân.

Kim Bồn: Kim Bàn nơi DTC. Kim Bàn hay Kim Bồn là cái chậu bằng vàng nơi DTC mà Đức Phật Mẫu dùng để chứa các nguyên chất. (Xem: C.2 PMCK)

Vàn vàn: do chữ Vạn vạn nói trại ra, vạn là muôn = 10000. Vàn vàn là Vạn vạn, là muôn muôn, chỉ một số lượng nhiều lắm, không thể đếm hết.

Ngưng chất: Nguyên chất, chất khí nguyên thủy, đầu tiên hơn hết, đó là khí Dương quang và khí Âm quang. Đức Chí Tôn chường quản khí Dương quang, và Đức Phật Mẫu chường quản khí Âm quang. Đức Phật Mẫu chứa 2 khí nguyên chất này trong Kim Bàn, rồi thổi lần Sanh quang của ngôi Thái Cực

của Đức Chí Tôn, cho 2 khí Âm Dương ấy phối hợp nhau để tạo ra Chơn thân cho vạn linh trong CKVT.

Hình hài: Ở đây chỉ Xác thân TL, tức Chơn thân.

Nguyên nhân: Những người mà Chơn linh được sanh ra từ lúc Khai Thiên. (Xem: C.7 PG). Đầu tiên, Nguyên nhân chỉ là một Điểm Linh quang của Đức Chí Tôn. Đức Phật Mẫu dùng nguyên chất trong Kim Bàn tạo cho Điểm Linh quang ấy một Chơn thân. Thế là Đức Phật Mẫu tạo thành một nguyên nhân nơi cõi thiêng liêng. Sau đó, Đức Phật Mẫu cho nguyên nhân ấy đầu kiếp xuống cõi trần thì có được hình hài nơi cõi trần và thành một nguyên nhân nơi cõi trần.

C.9-10: *Nơi Kim Bồn và vàn ngưng chất, Tạo hình hài các bậc nguyên nhân, nghĩa là: Nơi Kim Bàn trong DTC, Đức Phật Mẫu chứa rất nhiều nguyên chất. Phật Mẫu dùng các nguyên chất này để tạo Chơn thân cho các nguyên nhân.*

Câu 11-12: Cung Trí Giác trụ Tinh Thần, Huồn Hư mẫu nhiệm thoát trần đăng Tiên.

Trụ: Giữ vững. **Tinh Thần:** Hai Bửu trong Tam Bửu của con người nơi cõi trần. Tam Bửu gồm: Tinh, Khí, Thần. Trong Phép Luyện Đạo, luyện cho Tam Bửu Tinh Khí Thần hiệp nhất là: Luyện Tinh hóa Khí, Luyện Khí hiệp Thần, Luyện Thần huồn Hư thì đạt được Chơn thân huyền diệu, đặc đạo tại thế. Trước khi Luyện Tinh hóa Khí thì phải: Trụ Tinh, Dưỡng Khí, Tồn Thần.

Huồn Hư: Huồn là hoàn trở lại, Hư là Hư Vô, cõi giới rất huyền vi mẫu nhiệm. Huồn Hư là trở nên mẫu nhiệm.

Thoát trần: Thoát ra khỏi cõi trần, tức là được siêu thăng, thoát khỏi luân hồi.

Đăng Tiên: Đăng là lên. Đăng Tiên là lên đường đi lên cõi Tiên, tức là đặc đạo thành Tiên, lên ở cõi Tiên.

C.11-12: *Hai Câu kinh này, Đức Phật Mẫu nói về Phép Luyện Đạo, luyện cho Tam Bửu Tinh Khí Thần hiệp nhất, đặc đạo*

*thành Tiên tại thế: Nơi Cung Trí Giác, luyện cho Tam Bửu
Tinh Khí Thần hiệp nhứt thì tạo được Chơn thần huyền diệu,
đắc đạo thành Tiên, thoát khỏi cõi trần, lên đường về Tiên cảnh.*

Kinh Tiểu Tường

- Kinh Tiểu Tường
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Tiểu Tường

KINH TIỂU TƯỜNG

(Giọng Nam xuân)

1. Tịnh niệm phép Nhiên Đăng tường tín.
2. Hư Vô Thiên đến thính Phật điều.
3. Ngọc Hư Đại Hội ngự triều.
4. Thiếu quang nhị bá Thiên kiều để chơn.
5. Bồ Đề Dạ dẫn hồn thượng tán,
6. Cực Lạc quan đệp phận Tây Qui.
7. Vào Lôi Âm kiến A-Di,
8. Bộ Công Di-Lạc Tam Kỳ độ sanh.
9. Ao Thất Bửu gọi mình sạch tục.
10. Ngôi liên đài quả phúc Đà Lam.
11. Vạn linh trời tiếng mắng thâm.
12. Thiên Thơ Phật tạo độ phàm giải căn.

(Niệm Câu Chú của Thầy 3 lần)

GIẢI NGHĨA

Kinh Tiểu Tường do Đức Phật Mẫu giảng cơ ban cho.

Từ ngày làm Tuần Cửu Cửu (Chung Cửu) đến ngày làm Lễ Tiểu Tường là đúng 200 ngày.

Tiểu Tường cũng được làm tại Thánh Thất sở tại, phải tụng bài Kinh Khai Cửu Đại Tường và Tiểu Tường, rồi kể đó mới tụng Kinh Tiểu Tường.

Câu 1: Tịnh niệm phép Nhiên Đăng tường tín.

Tịnh niệm: Tịnh là trong sạch, niệm là tưởng nghĩ tới. **Tịnh**

niệm phệp là phép tắc giữ lòng trong sạch để tưởng nghĩ tới một Đấng TL.

Nhiên Đăng: Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, Giáo chủ Phật giáo thời Như Kỳ Phổ Độ, chưởng quản từng Trời Hư Vô Thiên.

Tưởng tín: Tưởng là nhớ nghĩ tới, tín là tin. Tưởng tín là tin tưởng.

C.1: *Phép tịnh niệm giữ lòng trong sạch để niệm danh Đức Nhiên Đăng Cổ Phật và tin tưởng nơi Ngài.*

Câu 2: Hư Vô Thiên đến thính Phật điều.

Hư Vô Thiên: Từng Trời thứ 10, ngay bên trên Cửu Trùng Thiên. Trong từng Trời này có Ngọc Hư Cung và CLTG.

Thính: Nghe. **Phật điều:** Những điều Phật dạy.

C.2: *Chon hôn đến từng Trời Hư Vô Thiên để nghe những điều Phật dạy.*

Câu 3: Ngọc Hư Đại Hội ngự triều.

Ngọc Hư: Ngọc Hư Cung, thuộc từng Trời Hư Vô Thiên. **Ngự triều:** Ngự là chỉ hành động của vua. Ngự triều là Đức Chí Tôn đến họp triều đình.

C.3: *Đức Chí Tôn đến Ngọc Hư Cung để họp Đại Hội triều đình.*

Câu 4: Thiểu quang nhị bá Thiên kiều để chon.

Thiểu quang: Thiểu là đẹp, quang là ánh sáng. Thiểu quang là ánh sáng đẹp, ở đây chỉ 1 ngày. **Nhị bá:** 200.

Thiểu quang nhị bá: 200 ngày. Từ ngày làm Tuần Chung Cửu đến ngày làm Tiểu Tường là 200 ngày. **Thiên kiều:** Kiều là cây cầu. Thiên kiều là cây cầu bắc lên Trời.

C.4: *Thiểu quang nhị bá Thiên kiều để chon, nghĩa là: Hai trăm ngày sau, Chon hôn được đặt chon lên cây cầu Thiên kiều.*

Câu 5-6: Bồ Đề Dạ dẫn hôn thượng tấn,
Cực Lạc quan đẹp phận Tây Qui.

Thượng tấn: Thượng là đi lên, tấn là tiến tới. Thượng tấn là tiến lên cao. **Quan:** Cái cổng lớn. **Cực Lạc quan:** Cái cổng lớn đi vào CLTG. **Đẹp phận:** Số phận tốt đẹp.

Tây Qui: Một địa danh nơi cõi CLTG.

C.5-6: *Bồ Đề Dạ hướng dẫn Chon hôn tiến lên cao, đến cái cổng lớn đi vào CLTG, rồi đi đến một chỗ gọi là Tây Qui, là nơi định phận tốt đẹp cho Chon hôn.*

Câu 7-8: Vào Lôi Âm kiến A-Di,
Bộ Công Di-Lạc Tam Kỳ độ sanh.

Vào Lôi Âm: Đi vào Lôi Âm Tự, tức là đi vào Chùa Lôi Âm ở kinh đô của CLTG. **Kiến:** Thấy, gặp.

A-Di: nói tắt của từ ngữ A-Di-Đà Phật. Đức Phật A-Di-Đà là Chương giáo CLTG trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ. Qua thời TKPD, Đức Phật A-Di-Đà vàng lệnh Đức Chí Tôn giao quyền Chương giáo lại cho Đức Di-Lạc Vương Phật, Ngài vào ngự trong Lôi Âm Tự cùng với Đức Phật Thích Ca.

Bộ Công: Bộ là sổ sách ghi chép, Công là công quả. Bộ công là bộ sổ ghi chép công quả. Những người nào có công quả giúp đời giúp Đạo, phổ độ nhơn sanh thì được ghi vào Bộ Công Quả. Trong thời ĐĐTKPD, Đức Chí Tôn lập ra một Trường thi Công quả cho chúng sanh đặc đạo, mà Đức Phật Di-Lạc là Chánh Chủ Khảo nên Đức Di-Lạc lập ra Bộ Công Quả để căn cứ vào đó mà chấm thi đậu rớt.

Độ sanh: Cứu giúp Chon hôn đưa lên sống cõi TLHS.

C.7-8: *Chon hôn đi vào Chùa Lôi Âm để bái kiến Đức Phật A-Di-Đà. Đức Phật Di-Lạc lập ra Bộ Công Quả trong thời ĐĐTKPD để cứu giúp các Chon hôn đưa lên cõi TLHS.*

Câu 9: Ao Thất Bửu gọi mình sạch tục.

Thất bửu: 7 món báu, kể ra: Vàng, Bạc, Ngọc Lưu ly, Ngọc Xà cừ, Ngọc Mã não, Ngọc Hồ phách, Ngọc San hồ.

Ao Thất Bửu: Cái ao nơi cõi CLTG, được xây dựng và trang

trí bằng 7 thứ quý báu đẹp đẽ lạ thường. Đặc biệt nước trong Ao Thất Bửu có đủ 8 công đức nên gọi là Bát Công Đức Thủy. Người nào được ân huệ vào tắm trong Ao Thất Bửu thì trí tuệ được khai thông và chơn thân được trong sáng, vì các thứ ô trược nhiễm vào Chơn thân đã được gội sạch bởi nước 8 công đức trong ao. **Sạch tục:** Rửa sạch hết các thứ dơ bẩn nơi cõi trần đã bám vào Chơn thân. (Tục là chỉ cõi trần).

C.9: Chơn hồn được đến tắm nơi Ao Thất Bửu để gội sạch hết các thứ dơ bẩn của cõi trần đã bám vào Chơn thân.

Câu 10: Ngôi liên đài quả phúc Đà Lam.

Liên đài: Tòa sen, ngôi vị của Phật.

Quả phúc: Kết quả của phước đức. Đó là ngôi vị Tiên, Phật.

Đà Lam: Già Lam, ngôi vị Phật gọi là Phật Già Lam.

C.10: Tòa sen, ngôi vị Phật Đà Lam là kết quả của những phước đức tu hành.

Câu 11: Vạn linh trời tiếng mừng thắm.

Vạn linh: Tất cả các Chơn linh trong CKVT gồm đủ Bát hồn.

Trời tiếng: Cất tiếng nói lên. **Mừng thắm:** Mừng rỡ mà không lộ ra ngoài, mừng kín đáo trong lòng.

C.11: Vạn linh trời tiếng mừng thắm, nghĩa là: Vạn linh đều cất tiếng nói thắm trong lòng là rất vui mừng thấy một Chơn linh đắc đạo vào phẩm vị Phật.

Câu 12: Thiên Thơ Phật tạo độ phạm giải căn.

Thiên thơ: Thơ là sách, Thiên thơ là quyển sách của Trời ghi chép Thiên điều, tức là ghi chép các Luật pháp điều hành sự vận chuyển của CKVT và sự tiến hóa của vạn linh. Thiên thơ được các Đấng Tiên Phật họp tại Ngọc Hư Cung lập ra nên câu kinh mới viết là: Thiên thơ Phật tạo.

Độ phạm: Cứu giúp chúng sanh nơi cõi trần. Độ là cứu giúp, phạm là tầm thường thấp kém, chỉ cõi trần.

Giải căn: Cởi bỏ cái gốc rễ, cái gốc rễ ấy là những việc làm thiện ác trong kiếp sống trước tạo thành các oan nghiệt nơi cõi trần. Giải căn là cởi bỏ các oan nghiệt của chúng sanh nơi cõi trần.

C.12: Thiên thơ Phật tạo độ phạm giải căn, nghĩa là: Chư Phật lập ra Thiên thơ để cứu giúp và cởi bỏ hết các oan nghiệt của chúng sanh nơi cõi trần.

Kinh Đại Tường

- Kinh Đại Tường
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Đại Tường

KINH ĐẠI TƯỜNG*(Giọng Nam xuân)*

1. Hồn Nguơn Thiên dưới quyền Giáo chủ,
2. Di-Lạc đương thâm thủ phổ duyên.
3. Tái sanh sửa đổi chơn truyền.
4. Khai cơ tận độ Cửu tuyền diệt vong.
5. Hội Long Hoa tuyền phong Phật vị.
6. Cõi Tây phang đuổi quỷ trừ ma.
7. Giáng linh Hộ Pháp Di-Đà,
8. Chuyển cây Ma Xử đuổi tà trực tinh.
9. Thâu các đạo hữu hình làm một,
10. Trường thi Tiên Phật duợt kiếp khiên.
11. Tạo đời cải dữ ra hiền,
12. Bảo sanh nắm giữ diệu huyền Chí Tôn.

*(Niệm Câu Chú của Thầy 3 lần)***GIẢI NGHĨA**

Kinh Đại Tường, còn được gọi là Hồn Nguơn Kinh, do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giáng cơ ban cho.

Nội dung bài Kinh này, Đức Phật Thích Ca cho biết Đức Di-Lạc Vương Phật hiện nay đang chưởng quản từng Trời Hồn Nguơn Thiên và làm Giáo Chủ Hội Long Hoa để tuyền phong Phật vị trong thời ĐĐTKPĐ. Đức Phật Di-Lạc còn thay mặt Đức Chí Tôn thực hiện tôn chỉ “Qui nguyên Tam giáo và phục nhứt Ngũ Chi Đại Đạo” để lập đời Thánh đức, tạo ra một xã hội Đại đồng cho toàn nhơn loại.

Câu 1-2: Hồn Nguơn Thiên dưới quyền Giáo chủ, Di-Lạc đương thâm thủ phổ duyên.

Hồn Nguơn Thiên: Theo DLCK, từng Trời Tạo Hóa Thiên là từng thứ 9 cao nhất trong Cửu Trùng Thiên.

- Từng Trời thứ 10 là Hư Vô Thiên, do Đức Nhiên Đăng Cổ Phật Chưởng quản.
- Từng Trời thứ 11 là Hội Nguơn Thiên.
- Từng Trời thứ 12 là Hồn Nguơn Thiên.

Hai từng Trời 11 và 12 đều do Đức Phật Di-Lạc chưởng quản.

Đương: Đắm đương, nhận lãnh gánh vác. **Thâu:** Nhận vào. **Thủ:** Gìn giữ. **Phổ:** Bày ra khắp nơi. **Duyên:** Có mối dây ràng buộc, ý nói có duyên với Phật, có duyên tu hành.

Đương thâm thủ phổ duyên: Nhận lãnh việc thâu nhận và gìn giữ những người có duyên tu hành ở khắp nơi.

C.1-2: Đức Di-Lạc Vương Phật làm Giáo chủ từng Trời Hồn Nguơn Thiên. Ngài đảm đương việc thâu nhận và gìn giữ những người có duyên tu hành ở khắp nơi.

Câu 3: Tái sanh sửa đổi chơn truyền.

Tái sanh: Tái là lập lại một lần nữa. Tái sanh là giáng sanh xuống cõi trần một lần nữa. **Chơn truyền:** Giáo lý chơn thật của một nền tôn giáo do vị Giáo chủ truyền lại, nếu tu hành đúng y theo đó thì nhứt định sẽ được đắc đạo.

C.3: Đức Di-Lạc Vương Phật sẽ giáng sanh xuống cõi trần này một lần nữa để sửa đổi tất cả giáo lý của các tôn giáo xưa, cho đúng chơn truyền, bởi vì giáo lý của các tôn giáo này, qua hơn 2000 năm truyền bá đã bị người đời canh cải làm sai lạc rất nhiều.

Ngũ giáo thất chơn truyền:

Ở Á Đông có Tam giáo: Phật, Lão, Nho; ở Âu Mỹ Châu có Thiên Chúa giáo với 2 chi phái lớn là Chính Thống giáo và Tin Lành; ở Trung Đông có Hồi giáo, cả thảy là 5 tôn giáo lớn trên Thế giới mở ra vào thời Nhị Kỳ Phổ Độ, đã cứu độ nhơn sanh

được hơn 2000 năm nay.

Năm nền tôn giáo lớn này theo thời gian, đã bị những người lãnh đạo sửa cải dần dần, mỗi vị sửa một ít, đến nay thì Chơn truyền đã gần như sai lạc hẳn, cho nên người tu thì nhiều mà đắc đạo thì không có mấy người.

Do đó, Đức Chí Tôn mở ĐĐTKPĐ với tôn chỉ qui nguyên Tam giáo, phục nhứt Ngũ Chi, Đức Di-Lạc Vương Phật là Đấng được Đức Chí Tôn ủy nhiệm thực hiện Cơ Quy Nhứt trọng đại này, đem các nền tôn giáo trở về gốc, sửa đổi giáo lý cho đúng với Chơn truyền của buổi ban đầu.

Câu 4: Khai cơ tận độ Cửu tuyển diệt vong.

Tận độ: Tận là hết, độ là cứu. Tận độ là cứu tất cả nhơn sanh, không chừa một người nào. **Cửu tuyển:** Chín tuổi, chỉ cõi Âm phủ, cõi Địa ngục, bởi vì theo truyền thuyết dân gian thì ở cõi Âm phủ có 9 dòng suối. **Diệt vong:** Diệt là làm cho tiêu hết, vong là mất. Diệt vong là làm cho tiêu mất hết.

C.4: Đức Di-Lạc Vương Phật mở ra cơ quan tận độ nhơn sanh và tiêu diệt cõi Địa ngục.

Câu kinh này đúng theo Thánh ý của Đức Chí Tôn: ĐĐTKPĐ là Đại Ân Xá kỳ ba, để tận độ chúng sanh trước khi chấm dứt một giai đoạn tiến hóa cũ, bắt đầu một giai đoạn tiến hóa mới của nhơn loại nơi quả Địa cầu 68 này.

▪ Vô Địa ngục, vô quỷ quan,

Chí Tôn Đại Xá nhứt trường qui nguyên. (PMCK)

▪ Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên,

Khai đường Cực Lạc, dẫn miền Tây phương. (KGO)

Đây là một nét đặc biệt hết sức mới mẻ của ĐĐTKPĐ mà từ trước tới nay chưa hề có ở bất kỳ một tôn giáo nào.

Người tín đồ Cao Đài phải hằng tâm ghi nhớ để luôn luôn cầu nguyện Đức Chí Tôn cứu rỗi trong hồng ân của Ngài.

Câu 5: Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị.

Hội Long Hoa: Long là rồng, hoa là cái bông. Long Hoa là một cái cây to lớn có hình dáng giống như con rồng, trổ hoa rực rỡ. Đức Di-Lạc Vương Phật sẽ mở Đại Hội tuyển chọn người hiền đức tại cõi cây Long Hoa này, nên Đại Hội ấy được gọi là Đại Hội Long Hoa do Đức Di-Lạc làm Giáo chủ.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo: Nơi Cung Hồn Nguơn Thiên cốt yếu là nơi chung họp cùng các Đấng Chơn hồn cao siêu, trí thức thông minh, kể từ bậc Thiên Tiên cho đến Phật vị, đều đến ở nơi đây, dựng tạo dựng đại nghiệp của mình. Cả toàn thể trong CKVT, hoặc tiêu diệt, hoặc biến sanh, cũng do nơi đó cầm Chơn pháp quyết định. Nơi đây là nơi quyết định chương trình Long Hoa Đại Hội của toàn thể vạn linh trong CKVT.”

Tuyển phong: Tuyển lựa người đầy đủ đạo đức để phong thưởng. **Phật vị:** Ngôi vị Phật.

C.5: Đức Di-Lạc Vương Phật mở Đại Hội Long Hoa tuyển lựa người đầy đủ công đức phong thưởng vào ngôi vị Phật.

Câu 6: Cõi Tây phang đuổi quỷ trừ ma.

Cõi Tây phang: Chữ Phang do chữ Phương nói trại ra. Cõi Tây phang là cõi Tây Phương Cực Lạc, tức là cõi CLTG.

C.6: Nơi cõi Tây phương Cực Lạc, Đức Phật Di-Lạc xưa đuổi và trừ khử ma quỷ không cho lộng hành.

Câu 7-8: Giáng linh Hộ Pháp Di-Đà, Chuyển cây Ma Xứ đuổi tà trục tinh.

Giáng linh: Chơn linh giáng xuống trần. Giáng là đi xuống. Thường thì các Đấng Thiêng liêng chiết chơn linh giáng sanh xuống cõi trần, như Đại Tiên Lý thiết Quả chiết chơn linh giáng sanh xuống trần là Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung. **Di-Đà:** Phiên âm từ tiếng Phạn, nghĩa là Phật.

Hộ Pháp Di-Đà: Đức Phật Hộ Pháp.

Cây Ma Xứ: Nói đầy đủ là Cây Giáng Ma Xứ. Giáng là hàng phục, Ma là loài Ma quỷ, Xứ là cái chày. Giáng Ma Xứ là cái

chày để làm quỷ ma hàng phục. Giáng Ma Xử là bửu pháp của Đức Hộ Pháp, trị tà ma, không cho chúng lộng hành.

Trong truyện Phong Thần, vị Thánh Vi Hộ, với bửu pháp là Giáng Ma Xử, vâng lệnh Thầy là Đạo Hạnh Thiên Tôn, xuống núi giúp Khương Thượng Tử Nha đánh bại các Tiên Triệt giáo. ***Đuổi tà trục tinh:*** Tà tinh là tà ma tinh quái, chỉ chung loài ma quỷ yêu quái. Trục là xua đuổi. Đuổi tà trục tinh là xua đuổi bọn tà ma yêu quái.

C.7-8: Đức Phật Di-Lạc chiết chơn linh giáng trần làm một vị Phật Hộ Pháp, dùng bửu pháp Giáng Ma Xử chuyển động để xua đuổi các loài tà ma yêu quái.

Câu Thâu các đạo hữu hình làm một,
9-10: Trường thi Tiên Phật vượt kiếp khiên.

Các đạo hữu hình: Các tôn giáo hiện có nơi cõi trần.

Các đạo hữu hình gồm 5 nền tôn giáo lớn trên thế giới, như đã kể trong phần Giải thích Câu 3. Các nền tôn giáo nảy do nhiều Đấng Giáo chủ mở ra ở các nước khác nhau, với phong tục tập quán khác nhau, nên xảy ra nhiều sự va chạm và chia rẽ, cho đạo mình là chánh, đạo khác là tà, gây ra nhiều cuộc chiến tranh rất thảm khốc dưới danh nghĩa Thánh chiến.

Ngày nay, Đức Di-Lạc nhận lãnh mạng lệnh của Đức Chí Tôn, nên có đủ quyền pháp tóm thâu các nền tôn giáo nói trên vào một mối duy nhất, do chính Ngài làm Giáo chủ, tạo thành một nền Đại Đạo, để thống nhất tín ngưỡng của nhơn sanh, lập ra thời kỳ Thánh đức, trong một xã hội Đại đồng.

Trường thi Tiên Phật: Đức Chí Tôn lập ra một Trường thi Công quả cho nhơn sanh đặc đạo thành những phẩm vị Tiên hay Phật, mà Đức Di-Lạc Vương Phật làm Chánh Chủ Khảo tuyển lựa và phong thưởng vào Tiên vị hay Phật vị. (Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị).

Duyệt kiếp khiên: Duyệt tức là duyệt, nghĩa là xem xét để đánh giá trị, thường nói Khảo duyệt hay Khảo duyệt, là thử thách để

đánh giá trị cao thấp. Kiếp là một đời sống. Khiên là lỗi lầm. Duyệt kiếp khiên là xem xét những tội lỗi đã gây ra trong kiếp sống nơi cõi trần để chấm điểm cao thấp.

C.9-10: Đức Di-Lạc Vương Phật thâu gom các nền tôn giáo lớn hiện nay vào một mối duy nhất, lập thành một nền Đại Đạo. Đức Chí Tôn lập ra một Trường thi Công quả tuyển phong Tiên vị và Phật vị, giao cho Đức Di-Lạc làm Chánh chủ khảo, duyệt xét tội tình của nhơn sanh để chấm thi đậu rớt.

Câu Tạo đời cải dữ ra hiền,
11-12: Bảo sanh năm giữ diệu huyền Chí Tôn.

Cải dữ ra hiền: Giáo hóa để sửa đổi người hung dữ thành người hiền lành. ***Bảo sanh:*** Gìn giữ sự sống theo đức hạo sanh của Thượng Đế.

C.11-12: Tạo lập đời Thượng nguơn Thánh đức bằng cách giáo hóa người dữ thành người hiền, gìn giữ sự sống cho chúng sanh, năm giữ quyền pháp huyền diệu của Đức Chí Tôn.

Di-Lạc Chơn Kinh

- Di-Lạc Chơn Kinh
- Khai Kinh Kệ,
- Thượng Thiên Hồn Nguơn hữu:
- Hội Nguơn Thiên hữu:
- Hư Vô Cao Thiên hữu:
- Tạo Hóa Huyền Thiên hữu:
- Phi Tướng Diệu Thiên hữu:
- Hạo Nhiên Pháp Thiên hữu:

DI-LẠC CHƠN KINH

Khai Kinh Kệ,
 Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,
 Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ.
 Ngã kim thính văn đắc thọ trì,
 Nguyên giải Tân Kinh chơn thiệt nghĩa.
 Thích Ca Mâu Ni Văn Phật thuyết
 Di-Lạc Chơn Kinh.

Dịch nghĩa:

Kệ mở đầu bài kinh
 Giáo lý của Phật rất cao siêu, rất sâu xa, huyền vi mầu nhiệm.
 Trăm ngàn muôn kiếp khó gặp đặng.
 Ta ngày nay nghe biết được nhận lấy và gìn giữ,
 Nguyên giải thích bài kinh mới với ý nghĩa chơn thật.
 Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật thuyết giảng
 Kinh Di-Lạc chơn thật.

CHÚ THÍCH

Di-Lạc Chơn Kinh, thuộc Kinh Tận Độ, do Đức Phật Thích Ca giảng cơ ban cho.

Khai Kinh Kệ:

Khai là mở đầu, *Kinh* là bài kinh, *Kệ* là bài kệ, tức là một đoạn văn ngắn có vần điệu, có nội dung cho biết ý nghĩa tổng quát của bài kinh.

- *Khai Kinh Kệ* là bài Kệ mở đầu một bài Kinh.

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp:

Vô thượng: Không có cái gì cao hơn, ý nói rất cao siêu.

Thâm thâm: Rất sâu xa. Thậm là rất, thâm là sâu.

Vi diệu: Vi là rất nhỏ, diệu là khéo léo. Vi diệu là huyền vi mầu nhiệm. *Pháp:* Giáo lý của Phật.

- *Giáo lý của Phật rất cao siêu, sâu xa, huyền vi mầu nhiệm.*

Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ:

Bá: Trăm. *Thiên:* Ngàn. *Vạn:* Muôn. *Kiếp:* Một kiếp sống. *Nan:* Khó. *Tao ngộ:* Gặp gỡ tình cờ, không hẹn trước.

- *Trăm ngàn muôn kiếp khó gặp đặng.*

Ngã kim thính văn đắc thọ trì:

Ngã: Ta, tiếng tự xưng của Đức Phật Thích Ca.

Kim: Ngày nay. *Thính:* Nghe. *Văn:* Nghe biết. *Đắc:* Được.

Thọ: Nhận lãnh. *Trì:* Gìn giữ, giữ lấy.

Thọ trì: Nhận lãnh và giữ lấy. Như nghe thuyết pháp thì đem lòng tin mà thọ lãnh rồi niệm nhớ chẳng quên (trì).

- *Ta ngày nay nghe biết, được nhận lãnh và giữ lấy.*

CHÚ Ý: Bên Kinh Phật giáo, Câu kinh này là: «*Ngã kim kiến văn đắc thọ trì.*» Nghĩa là: Ta nay thấy nghe và được thọ trì. Kiến là thấy. Kiến văn là nghe thấy.

Nguyên giải Tân Kinh chơn thiệt nghĩa:

Nguyên: Ý muốn trong lòng. *Giải:* Cắt nghĩa cho rõ ra. *Tân*

Kinh: Kinh mới. Trái với Tân Kinh là Cựu Kinh. Các bài Kinh của ĐĐTKPĐ do các Đấng TL giảng cơ ban cho từ năm Bính Dần (1926) trở về sau được gọi là Tân Kinh. Còn các bài kinh thuộc Nhị Kỳ Phổ Độ, được gọi là Cựu Kinh.

Chơn thiệt nghĩa: Ý nghĩa chơn thật, chánh đáng.

- *Nguyện giải thích rõ ý nghĩa chơn thật của bài Tân Kinh này.*

Thích Ca Mâu Ni Văn Phật thuyết Di-Lạc Chơn Kinh:

Thuyết: Nói rõ ra, thuyết giảng. **Chơn kinh:** Bài kinh chơn thật, đúng chơn lý, do Đức Phật giảng cơ viết ra.

Di-Lạc Chơn Kinh: Bài Kinh chơn thật nói rõ quyền pháp của Đức Phật Di-Lạc trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

- *Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật thuyết giảng Di-Lạc Chơn Kinh.*

Thượng Thiên Hồn Nguơn hữu:

- Brahma Phật,
- Civa Phật,
- Christna Phật,
- Thanh Tịnh Trí Phật,
- Diệu Minh Lý Phật,
- Phục Tướng Thị Phật,
- Diệt Thể Thắng Phật,
- Phục Linh Tánh Phật,

Nhứt thiết chư Phật, hữu giác hữu cảm, hữu sanh hữu tử, tri khổ nghiệp chướng, luân chuyển hóa sanh, năng du Ta-bà Thế giới độ tận vạn linh đặc qui Phật vị.

Dịch nghĩa:

Tùng Trời ở trên hết là Hồn Nguơn Thiên có:

- Brahma Phật,
- Civa Phật,
- Christna Phật,
- Thanh Tịnh Trí Phật,
- Diệu Minh Lý Phật,
- Phục Tướng Thị Phật,
- Diệt Thể Thắng Phật,

– Phục Linh Tánh Phật,

Tất cả các vị Phật, có biết có cảm động, có sanh có chết, biết rõ cái khổ do nghiệp chướng gây ra, luân hồi chuyển kiếp hóa sanh ra, có khả năng đi khắp các cõi trần cứu giúp tất cả Chơn linh, được trở về ngôi vị Phật.

CHÚ THÍCH

Thượng Thiên Hồn Nguơn: Tùng Trời Hồn Nguơn ở trên hết. Thượng là ở trên, Thiên là từng Trời.

Hữu: Có. **Nhứt thiết:** Tất cả. **Chư Phật:** Các vị Phật.

Hữu giác: Có biết. **Cảm:** Mối rung động trong lòng.

Hữu cảm: Có mối rung động trong lòng.

Hữu sanh: Có sanh ra và sống. **Hữu tử:** Có chết.

Tri khổ: Biết rõ những cái khổ nào nơi cõi trần.

Con người có Tứ Khổ: Sanh, Lão, Bệnh, Tử. Ngoài ra, con người còn chịu biết bao nỗi đau khổ khác do Tham, Sân, Si gây ra.

Nghiệp chướng: Nghiệp là cái lực cảm do những việc làm thiện ác trong kiếp sống trước tạo ra để ảnh hưởng lên kiếp sống hiện tại. Thường, chữ “Nghiệp” dùng với ý nghĩa là “Nghiệp dữ” (Ác nghiệp), thì đương nhiên phải chịu lấy hậu quả xấu theo đúng Luật Nhân Quả. Chướng là sự ngăn trở. Nghiệp chướng là sự ngăn trở của nghiệp, nó sẽ gây ra hoạn nạn, bệnh tật, trong kiếp sống hiện tại để ngăn trở, báo đáp lại những việc làm bất thiện đã tạo ra trong kiếp trước.

Luân chuyển hóa sanh: Luân là cái bánh xe, chuyển là xoay vần, hóa sanh là biến hóa sanh ra. Luân chuyển hóa sanh là xoay vòng như cái bánh xe, hết sanh rồi tử, hết tử rồi lại sanh ra. Đó là sự luân hồi chuyển kiếp, khiến con người chìm đắm mãi trong cõi trần, từ kiếp này sang kiếp khác.

Năng du: Năng là có khả năng, du là đi đó đi đây. Năng du là có khả năng đi đó đi đây.

Ta bà Thế giới: Ta bà, do chữ Phạn là Saha phiên âm ra, có

nghĩa là: Nhẫn nhục. Ta bà Thế giới là những cõi mà người tu hành phải nhẫn nhục, vì ở cõi này có nhiều ô trược và ác độc. Ở cõi này rất khó tu hành, nhưng nếu tu được thì công đức rất lớn, chỉ trong một kiếp cũng có thể đạt được phẩm vị cao trọng nơi cõi thiên liêng. Cõi trần của nhơn loại chúng ta đây là một cõi trong Ta bà Thế giới.

Độ tận: Độ là cứu giúp, tận là hết. Độ tận là cứu giúp tất cả nhơn loại, không chừa một người nào, dẫu con nít còn trong bụng mẹ cũng phải độ.

Đức Chí Tôn có nói:

«Chiêu kỳ trung độ dẫn hoài sanh», là nghĩa gì? Dẫu cho trẻ con trong bụng cũng phải độ, sao các con lại đui địt thiện nam tín nữ?» (TNHT. I. 20)

Vạn linh: Tất cả Chơn linh trong CKVT gồm đủ Bát hôn: Kim thạch hôn, Thảo mộc hôn, Thú cầm hôn, Nhơn hôn, Thần hôn, Thánh hôn, Tiên hôn và Phật hôn. Vạn linh đâu kiếp xuống trần làm chúng sanh.

Đắc qui Phật vị: Được trở về ngôi vị Phật. Đắc là được, Qui là trở về, Phật vị là ngôi vị Phật. Dùng chữ Qui là trở về, với ý nghĩa là: Trước đây Chơn linh đã đạt được ngôi vị Phật nơi cõi thiên liêng, nay dẫu kiếp xuống trần, tu hành đắc đạo trở về ngôi lại trên ngôi vị cũ.

Hội Nguơn Thiên hữu:

- Trụ Thiện Phật,
- Đa Ái Sanh Phật,
- Giải Thoát Khổ Phật,
- Diệu Chơn Hành Phật,
- Thắng Giải Ác Phật,

Nhứt thiết chư Phật, tùng lịnh Di-Lạc Vương Phật, năng chiếu diệu quang tiêu trừ nghiệt chướng.

Nhược hữu chúng sanh văn Ngã ứng đương thoát nghiệt, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tùng thị Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ, tất đắc giải thoát luân hồi, đắc lộ Đa-La Tam-Diệu Tam-Bô-Đề thị chi chứng quả Cực Lạc Niết Bàn.

Nhược nhơn đương sanh, nhược nhơn vị sanh, nhược nhơn hữu kiếp, nhược nhơn vô kiếp, nhược nhơn hữu tội, nhược nhơn vô tội, nhược nhơn hữu niệm, nhược nhơn vô niệm, thính đắc Ngã ngôn, phát tâm thiện niệm, tất đắc A-Nậu Đa-La Tam-Diệu Tam-Bô-Đề, tất đắc giải thoát.

Nhược hữu nhơn thọ trì khủng kinh ma chướng, nhứt tâm thiện niệm: Nam mô Di-Lạc Vương Bô-Tát, năng cứu khổ ách, năng cứu tam tai, năng cứu tật bệnh, năng độ dẫn chúng sanh thoát chư nghiệt chướng, tất đắc giải thoát.

Dịch nghĩa:

Từng Trời Hội Nguơn Thiên có:

- Trụ Thiện Phật,
- Đa Ái Sanh Phật,
- Giải Thoát Khổ Phật,
- Diệu Chơn Hành Phật,
- Thắng Giải Ác Phật,

Tất cả các vị Phật, nghe theo mệnh lệnh của Đức Di-Lạc Vương Phật, có khả năng chiếu ánh sáng huyền diệu làm tiêu trừ các nghiệt chướng.

Nếu như có người nào nghe biết lời TA, thì phải thoát khỏi các nghiệp ác, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tùng theo và nhìn nhận là đúng Luật pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ắt được giải thoát khỏi luân hồi, đắc đạo Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ấy là chứng được quả vị nơi cõi Cực Lạc Niết Bàn (Cực Lạc Thế Giới).

Nếu như người đang sống, nếu như người chưa được sanh ra, nếu như người có kiếp sống, nếu như người không có kiếp sống, nếu như người có tội, nếu như người không tội, nếu như người có lòng tưởng niệm, nếu như người không lòng tưởng niệm, nghe được lời nói của TA, phát khởi lòng tưởng nghĩ điều lành, ắt được phẩm vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ắt được giải thoát.

Nếu như có người nhận lãnh và gìn giữ làm theo lời Phật dạy, bị sợ hãi vì ma quỷ cản ngăn, một lòng một dạ tưởng nghĩ điều lành, niệm: Nam mô Di-Lạc Vương Bồ Tát, có khả năng cứu giúp tai nạn khổ sở, có khả năng cứu giúp 3 tai họa lớn, có khả năng cứu được bệnh tật, có khả năng cứu giúp và dẫn dắt chúng sanh thoát khỏi các thứ nghiệt chướng, ắt được giải thoát.

CHÚ THÍCH

Hội Nguơn Thiên: Đây là tầng Trời kế bên dưới Hồn Nguơn Thiên, và ở khoảng giữa Hư Vô Thiên và Hồn Nguơn Thiên. Hư Vô Thiên là tầng Trời thứ 10 (ở ngay phía trên Cửu Trùng Thiên) thì Hội Nguơn Thiên là tầng thứ 11 và Hồn Nguơn Thiên là tầng thứ 12. Hai tầng Trời 11 và 12 đều đặt dưới quyền chưởng quản của Đức Di-Lạc Vương Phật.

Năng chiếu diệu quang: Có khả năng chiếu sáng bằng ánh sáng huyền diệu. **Tiêu trừ:** Diệt trừ cho mất hết.

Nghiệt chướng: Nghiệt là cái mầm ác, nghiệp ác; chướng là ngăn trở. Nghiệt chướng là cái nghiệp ác gây ra nhiều chướng ngại cho kiếp sống hiện tại, như gặp phải hoạn nạn, tai ương, hay bệnh tật. **Nhược:** Nếu như.

Nhược hữu: Nếu như có. **Chúng sanh:** Các loài sanh vật, gồm: Thảo mộc, Thú cầm, Nhơn loại. Nghĩa hẹp của Chúng sanh là nhơn loại. **Văn:** Nghe biết. **Ngã:** Ta, tiếng tự xưng của Đức Phật Thích Ca. **Văn Ngã:** Nghe biết lời Ta.

Ứng dương: Thì phải, nên phải.

Thoát nghiệt: Thoát khỏi các nghiệp ác.

Niệm: Tưởng nghĩ tới, đọc nho nhỏ vừa đủ nghe lời cầu nguyện.

Phật, Pháp, Tăng: Tam Bửu của Đức Chí Tôn.

Đức Chí Tôn là Phật, vị Phật lớn nhất trong các vị Phật. Đức Chí Tôn phân Thái Cực ra Lương Nghi, biến Lương Nghi thành Tứ Tượng, rồi Bát Quái. “Thấy khai Bát Quái mà tác thành CKTG nên mới gọi là Pháp, Pháp có mới sanh ra CKVV rồi mới có người nên gọi là Tăng. Thấy là Phật, chủ cả Pháp và Tăng, lập thành các Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy.” (TNHT. I. 52)

Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng là niệm Đức Chí Tôn.

Tùng thị: Tùng là tuân theo, thị là phải là đúng. Tùng thị là tuân theo vì cho đó là đúng.

Pháp điều: Những điều khoản của Luật pháp.

Tam Kỳ Phổ Độ: ĐĐTKPĐ, nên Đại Đạo do Đức Chí Tôn mở ra lần thứ 3 để cứu độ nhơn sanh.

Tất đắc: Ắt được. **Giải thoát:** Cởi bỏ hết để thoát ra.

Giải thoát luân hồi: Cởi bỏ hết để thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử. **Đắc lộ:** Đắc là được, lộ là đường đi, mà đạo cũng là đường đi, nên Đắc lộ đồng nghĩa Đắc đạo.

Đa-La Tam-Diệu Tam-Bồ-Đề: do phiên âm từ chữ Phạn là: Tara Samyas Sambôdhi, nghĩa là: Tara (Đa-La) là Thượng, ở trên. Samyas (Tam-Diệu) là Chánh đẳng. Sambôdhi (Tam-Bồ-Đề) là Chánh giác. Chánh đẳng là bậc Chơn chánh, Chánh giác là giác ngộ chơn chánh, biết rõ chơn lý, giác ngộ hoàn toàn. *Đa-La Tam-Diệu Tam-Bồ-Đề là Thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là phẩm vị Phật.*

Thị chi: Ấy là, tức là. **Chứng quả:** Nhận thực cái kết quả tu hành, tức là đắc đạo đoạt được ngôi vị.

Cực Lạc Niết Bàn: CLTG hay Tây phương Cực Lạc.

Đương: Đang lúc. **Vị:** Chưa.

Nhược nhơn đương sanh: Nếu như người đang sống.

Nhược nhơn vị sanh: Nếu như người chưa được sanh ra.

Hữu kiếp: Có kiếp sống nơi cõi trần.

Vô kiếp: Không có kiếp sống nơi cõi trần.

Hữu niệm: Có tưởng nghĩ tới.

Thính đắc Ngã ngôn: Nghe được lời nói của Ta.

Phát tâm thiện niệm: Lòng phát khởi tưởng nghĩ điều lành.

Tất đắc giải thoát: Ất được giải thoát khỏi luân hồi.

A-Nậu Đa-La Tam-Diệu Tam-Bồ-Đề: do phiên âm từ chữ Phạn: Anout tara Samyas Sambôdhi, nghĩa là: Anout (A-Nậu): Không, Vô, Tara (Đa-La): Thượng, Samyas (Tam-Diệu): Chánh đẳng, bực chơn chánh. Sambôdhi (Tam-Bồ-Đề): Chánh giác, giác ngộ chơn chánh.

A-Nậu Đa-La Tam-Diệu Tam-Bồ-Đề: Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó là phẩm vị Phật tối cao.

Nhược hữu nhơn: Nếu như có người.

Thọ: Nhận lãnh. **Trì:** Gìn giữ. **Thọ trì:** Nhận lãnh và gìn giữ làm đúng theo lời Phật dạy.

Khủng kinh: Kinh khủng, rất sợ hãi.

Ma chướng: Sự ngăn cản của quỷ ma. Người tu hành luôn luôn bị bọn ma quỷ khuấy phá đủ cách để làm chướng ngại cho bước đường tu, nhưng chính đó cũng là những thử thách cần thiết để nâng cao trình độ tu tiến. Nếu vượt qua được các chướng ngại do quỷ ma gây ra thì mới chứng tỏ người tu có đủ hạnh đức và có thể đắc đạo.

Nhứt tâm thiện niệm: Một lòng một dạ tưởng nghĩ điều lành. Nhất tâm là một lòng một dạ, niệm là tưởng nghĩ.

Di-Lạc Vương Bồ Tát - Di-Lạc Vương Phật:

Vương là vua, người đứng đầu có quyền thống trị tất cả.

Gọi Ngài là Di-Lạc Vương Phật khi Ngài ngự trên ngôi vị, điều khiển chư Phật và cai trị toàn cả CKTG.

Gọi ngài là Di-Lạc Vương Bồ Tát khi Ngài làm nhiệm vụ cứu độ và dẫn dắt chúng sanh tu hành.

Năng cứu: Có khả năng cứu giúp.

Khổ ách: Tai nạn khổ sở. Ách là tai nạn.

Tam tai: 3 thứ tai họa lớn: - Hỏa tai (tai họa do lửa cháy, như cháy nhà, cháy rừng); - Thủy tai (tai họa do nước, như lũ lụt, sóng thần); - Phong tai (tai họa do gió gây ra như bão tố, cuồng phong).

Hư Vô Cao Thiên hữu:

- Tiếp Dẫn Phật,
- Phổ Tế Phật,
- Tây Qui Phật,
- Tuyển Kinh Phật,
- Tế Pháp Phật,
- Chiêu Duyên Phật,
- Phong Vị Phật,
- Hội Chơn Phật,

Như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, tòng linh Nhiên Đăng Cổ Phật, dẫn độ Chơn linh, đắc Pháp đắc Phật, đắc duyên đắc vị, đắc A-Nậu Đa-La Tam-Diệu Tam-Bồ-Đề, chứng quả nhập Cực Lạc Quốc, hiệp chúng đẳng chư Phật, tạo định Thiên Thi, tận độ chúng sanh đắc qui Phật vị.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, tu trì, thính Ngã dục đắc chơn truyền, niệm thử Nhiên Đăng Cổ Phật, thường du Ta bà Thế giới, giáo hóa chơn truyền, phổ tế chúng sanh, giải thoát lục dục thất tình, thoát đọa luân hồi, tất đắc giải thoát.

Dịch nghĩa:

Từng Trời Hư Vô Thiên ở trên cao, có:

- Tiếp Dẫn Phật,
- Phổ Tế Phật,
- Tây Qui Phật,
- Tuyển Kinh Phật,
- Tế Pháp Phật,

- Chiêu Duyên Phật,
- Phong Vị Phật,
- Hội Chơn Phật,

Như vô số các vị Phật ở các cấp, tuân theo mệnh lệnh của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, dẫn dắt và cứu giúp các Chơn linh, đạt được Pháp, đạt được Phật vị, có được duyên, có được ngôi vị, đạt phẩm vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chứng được quả vị, nhập vào cõi CLTG, hiệp với chư Phật các cấp, sắp đặt làm ra Thiên thơ, cứu giúp toàn cả chúng sanh được trở về ngôi vị Phật.

Nếu như người Nam lành, người Nữ lành, gìn giữ việc tu hành, nghe theo Ta, muốn được chơn truyền, hãy niệm thể này: Nam mô Nhiên Đăng Cổ Phật, thường đi du hành đến các cõi trần, giáo hóa giáo lý chơn thật, giúp đỡ chúng sanh khắp nơi, giải thoát khỏi Lục dục và Thất Tình, thoát khỏi sự đọa đày vào vòng luân hồi, ắt được giải thoát.

CHÚ THÍCH

Hư Vô Cao Thiên: Tầng Trời Hư Vô Thiên ở trên cao. Đây là tầng Trời thứ 10, kể bên trên Cửu Trùng Thiên, dưới quyền chưởng quản của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật.

Như thế, như là. Đẳng: Cấp bậc. **Như thị đẳng chư Phật:** Như các vị Phật ở trong các cấp.

Hàng hà: Sông Hằng (sông Gange) ở Ấn Độ. **Sa số:** Số hạt cát. **Hàng hà sa số:** Số hạt cát của sông Hằng, ý nói số lượng nhiều lắm, như cát sông Hằng, không thể đếm hết được.

Dẫn độ: Dẫn dắt và cứu giúp.

Đắc Pháp: Đạt được Pháp, tức là biết rõ Thể pháp và Bí pháp của Đạo. **Đắc Phật:** Đạt được phẩm vị Phật.

Đắc duyên: Duyên là mối dây ràng buộc được định sẵn từ trước. Đắc duyên là có được cái duyên với Phật.

Đắc vị: Đạt được ngôi vị. **Nhập:** Đi vào.

Cực Lạc quốc: Nước Cực Lạc, ý nói cõi CLTG, cõi Cực Lạc

Niết Bàn hay cõi Tây phương Cực Lạc.

Hiệp chúng đẳng chư Phật: Hợp với nhiều cấp bậc của các vị Phật, tức là hợp với nhiều vị Phật ở nhiều đẳng cấp cao thấp khác nhau. **Tạo định:** Sắp đặt làm ra. Định là sắp đặt.

Thiên Thi: Thi tức là Thơ, Thơ là sách. Thiên Thi là quyển sách của Trời, dùng để ghi chép Thiên điều, tức là ghi chép các luật pháp của Trời, điều hành sự vận chuyển CKVT và sự tiến hóa của vạn vật. Thiên điều do chư Phật và chư Tiên hợp Đại Hội tại Ngọc Hư Cung bàn định lập ra. Ngọc Hư Cung ở trong tầng Trời Hư Vô Thiên.

Thiện nam tử: Người Nam lành. Tử là người. Nam tử là chỉ đàn ông con trai. **Thiện nữ nhân:** Người Nữ lành. Nhân là người. Nữ nhân là chỉ đàn bà con gái.

Tu trì: Trì là gìn giữ. Tu trì là gìn giữ sự tu hành.

Dục đắc: Muốn được. Dục là muốn, đắc là được.

Chơn truyền: Giáo lý chơn thật được truyền lại của một nền tôn giáo, mà nếu ai tu đúng theo đó thì chắc chắn đắc đạo.

Niệm: Đọc nho nhỏ vừa đủ nghe. **Thử:** Thế ấy, thế này. Niệm thử là niệm như thế này.

Nhiên Đăng Cổ Phật: là vị Phật đầu tiên trong CKVT, được sanh ra vào thời Hỗn Độn, là Giáo chủ Phật giáo thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, hiện chưởng quản tầng Trời Hư Vô Thiên.

Thường du Ta bà Thế giới: Luôn luôn du hành đến các cõi trần. **Giáo hóa:** Dạy cho biến đổi từ dốt ra biết chữ, từ xấu biến đổi thành tốt.

Phổ tế: Phổ là bày rộng ra khắp nơi, tế là giúp đỡ. Phổ tế là giúp đỡ chúng sanh khắp nơi.

Lục dục: 6 điều ham muốn của con người nơi cõi trần: – Sắc dục (Ham muốn sắc đẹp), – Thính dục (Ham muốn âm thanh êm tai), – Hương dục (Ham thích mùi thơm), – Vị dục (Ham thích ăn ngon), – Xúc dục (Ham muốn xác thân mát mẻ sung sướng), – Ý dục (Ham muốn ý nghĩ được thỏa mãn).

Thất Tình: 7 thứ tình cảm của con người: – Hỷ (mừng), – Nộ

(giận), – Ái (thương), – Ố (ghét), – Ai (buồn), – Lạc (vui), – Dục (muốn). **Thoát đọa luân hồi:** Thoát khỏi sự đày đọa vào vòng luân hồi sanh tử, nghĩa là đắc đạo thành Tiên Phật.

Tạo Hóa Huyền Thiên hữu:

- Quảng Sanh Phật,
- Dưỡng Dục Phật,
- Chương Hậu Phật,
- Thủ Luân Phật,
- dũ Cửu Vị Nữ Phật,

Như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, tòng lĩnh Kim Bàn Phật Mẫu, năng tạo năng hóa vạn linh, năng du Ta bà Thế giới, dưỡng dục quần sanh, qui nguyên Phật vị.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, thính Ngã dục tu phát nguyện: Nam mô Kim Bàn Phật Mẫu dưỡng dục quần linh, nhược hữu sanh, nhược vị sanh, nhược hữu kiếp, nhược vô kiếp, nhược hữu tội, nhược vô tội, nhược hữu niệm, nhược vô niệm, huồn hư thi hình đắc A-Nậu Đa-La Tam-Diệu Tam-Bồ-Đề, xá lợi tử qui nguyên Phật vị, tất đắc giải thoát.

Dịch nghĩa:

Tùng Trời Tạo Hóa Thiên huyền diệu có:

- Quảng Sanh Phật,
- Dưỡng Dục Phật,
- Chương Hậu Phật,
- Thủ Luân Phật,
- cùng với Cửu vị Nữ Phật,

Như vô số các vị Phật ở các cấp, tuân theo mệnh lệnh của Đức Phật Mẫu chương quản Kim Bàn DTC, có khả năng tạo hóa ra vạn linh, có khả năng hành đến các cõi trần, để nuôi dưỡng chúng sanh, trở về nguồn cội là ngôi vị Phật.

Nếu như có người Nam lành, người Nữ lành, nghe lời Ta, muốn tu hành thì phát ra lời nguyện: Nam mô Kim Bàn Phật Mẫu, nuôi dưỡng vạn linh, nếu như có sanh ra, nếu như chưa sanh ra, nếu như có kiếp sống, nếu như không kiếp sống, nếu như có tội, nếu như không tội, nếu như có lòng tưởng niệm, nếu như không lòng tưởng niệm, trở lại cõi Hư Vô, thi hành đúng theo khuôn phép, được phẩm vị Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác, Chơn thần trở về nguồn cội là ngôi vị Phật, ắt được giải thoát.

CHÚ THÍCH

Tạo Hóa Huyền Thiên: Tùng Trời Tạo Hóa Thiên huyền diệu. Đây là tầng thứ 9 cao nhất của Cửu Trùng Thiên, dưới quyền chương quản của Đức Phật Mẫu.

Dũ (chữ Hán) Cùng với.

Cửu Vị Nữ Phật: Cửu Vị Tiên Nương nơi DTC, nhờ công quả phổ độ và giáo hóa các Chức sắc Đại Thiên Phong trong buổi đầu khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nên đã được thăng lên hàng Phật vị, gọi là Cửu Vị Nữ Phật. (Đây là cách hiểu thông thường theo 5 nấc thang tiến hóa của Chơn linh, đạt được phẩm vị Tiên rồi mới tiến lên phẩm vị Phật).

Kim Bàn Phật Mẫu: Kim Bàn hay Kim Bồn là cái bồn bằng vàng đặt tại DTC chứa các nguyên chất để Đức Phật Mẫu tạo Chơn thần cho toàn cả vạn linh. Đức Phật Mẫu chương quản Kim Bàn nên gọi là Kim Bàn Phật Mẫu.

Năng tạo năng hóa: Có đầy đủ khả năng tạo hóa ra CKVT và vạn vật. **Quần sanh:** Đồng nghĩa với chúng sanh. Quần là nhiều người tụ họp đông đảo.

Qui nguyên Phật vị: Trở về nguồn cội là ngôi vị Phật.

Dục tu phát nguyện: Dục tu là muốn tu hành, Phát nguyện là nói ra lời ước nguyện. Dục tu phát nguyện là muốn tu hành nên phát ra lời nguyện. Nếu làm tròn được lời nguyện này thì sẽ đạt được phẩm vị cao trọng nơi cõi thiêng liêng.

Quần linh: Quần là nhiều người tụ họp đông đảo, linh là Chơn

linh. Quân linh đồng nghĩa với Vạn linh, tất cả các Chơn linh trong CKVT. **Vị sanh:** Chứa sanh ra. Vị là chứa.

Huòn Hư: Huòn, do chữ Hoàn nói trại ra, Hoàn là trở lại, trả lại. Hư là trống không, chỉ cõi Hư Vô, là cõi xem như trống không nhưng rất mầu nhiệm vì từ cái Không nảy mà sản xuất ra cái Có. Huòn Hư là trở lại cõi Hư Vô, tức là đắc đạo.

Thi hình: Thi là bày đặt ra, thi hành; hình là cái khuôn bằng đất để đúc đồ vật, chỉ khuôn phép. Thi hình là thi hành khuôn phép tức là áp dụng đúng các giới luật tu hành.

Xá lợi tử: Tử là cái hột. Xá lợi tử là hột Xá lợi. Đây là từ ngữ đặc biệt được dùng trong Phép Luyện đạo, để chỉ cái Chơn thân của người tu đắc đạo. Trong phép Luyện đạo, khi đã luyện được Tinh Khí Thần hiệp nhất thì tạo được Chơn thân huyền diệu, đắc đạo thành Tiên, Phật. Cái Chơn thân này được các nhà tôn giáo gọi bằng nhiều danh từ khác nhau, như Tiên giáo thì gọi nó là Kim đơn, Thánh thai; Phật giáo thì gọi nó là Mâu Ni Châu, Xá lợi tử, Bồ lai diện mục.

Phi Tướng Diệu Thiên hữu:

- Đa Pháp Phật,
- Tịnh Thiện Giáo Phật,
- Kiến Thăng Vị Phật,
- Hiển Hóa Sanh Phật,
- Trục Tà Tinh Phật,
- Luyện Đắc Pháp Phật,
- Hộ Trì Niệm Phật,
- Khai Huyền Cơ Phật,
- Hoán Trước Tánh Phật,
- Đa Phúc Đức Phật,

Như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, tòng linh Từ Hàng Bồ Tát, năng du Ta bà Thế giới, thi pháp hộ trì vạn linh sanh chúng.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, tín Ngã ứng đương phát nguyện: Nam mô Từ Hàng Bồ Tát, năng cứu tật bệnh, năng cứu tam tai, năng độ tận chúng sanh thoát ứ tứ khổ, năng trừ tà ma, năng trừ nghiệt chướng, tất đắc giải thoát.

Dịch nghĩa:

Từng Trời Phi Tướng Thiên huyền diệu có:

- Đa Pháp Phật,
- Tịnh Thiện Giáo Phật,
- Kiến Thăng Vị Phật,
- Hiển Hóa Sanh Phật,
- Trục Tà Tinh Phật,
- Luyện Đắc Pháp Phật,
- Hộ Trì Niệm Phật,
- Khai Huyền Cơ Phật,
- Hoán Trước Tánh Phật,
- Đa Phúc Đức Phật,

Như vô số các vị Phật ở các cấp, tuân theo mạng lệnh của Đức Từ Hàng Bồ Tát, có khả năng du hành đến các cõi trần, thi hành các pháp thuật huyền diệu để che chở, gìn giữ vạn linh và chúng sanh trong CKVT.

Nếu như có người Nam lành, người Nữ lành, tin theo Ta, thì phải phát ra lời nguyện: Nam mô Từ Hàng Bồ Tát, có khả năng cứu được bệnh tật, có khả năng cứu được 3 tai họa lớn, có khả năng tận độ chúng sanh, thoát khỏi nơi Tứ khổ, có khả năng trừ diệt tà ma, có khả năng trừ diệt các nghiệt chướng, ắt được giải thoát.

CHÚ THÍCH

Phi Tướng Diệu Thiên: Diệu là khéo léo, huyền diệu. Phi Tướng Diệu Thiên là từng Trời Phi Tướng Thiên huyền diệu. Đây là từng Trời thứ 8 trong Cửu Trùng Thiên, dưới quyền chưởng quản của Đức Từ Hàng Bồ Tát.

Đức Từ Hàng Bồ Tát có đầy đủ công đức đặc thành vị Phật cao siêu, nhưng Ngài chưa muốn ngự lên ngôi vị Phật, mà muốn làm một vị Bồ Tát để cứu độ chúng sanh.

Thi pháp: Thi là sắp đặt bày ra, thi hành; Pháp là pháp thuật huyền diệu của Phật. Thi pháp là thi hành các pháp thuật huyền diệu để hộ trì người tu hành. **Hộ trì:** Hộ là che chở giúp đỡ, trì là gìn giữ. Hộ trì là che chở giúp đỡ và gìn giữ.

Vạn linh Sanh chúng: Vạn linh là toàn thể các Chơn linh trong CKVT, gồm đủ Bát hôn. Sanh chúng hay Chúng sanh là toàn thể các loài sanh vật trong CKVT, gồm: Thảo mộc, Côn trùng, Thú cầm và Nhơn loại. Vạn linh đầu kiếp xuống trần làm chúng sanh, nên trong Chúng sanh có đủ Bát hôn đầu kiếp vào để học hỏi và tiến hóa.

Ứng đương: Thì phải, nên phải.

Độ tận: Tận độ, cứu giúp toàn cả nhơn sanh, không chừa sót một người nào. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là cơ quan tận độ chúng sanh trong thời mạt kiếp này.

Thoát ư Tứ khổ: Thoát là ra khỏi, ư là ở tại, Tứ khổ là 4 thứ đau khổ mà con người nơi cõi trần phải gánh chịu: Sanh, Lão, Bệnh, Tử. Đức Phật Thích Ca giải rõ Tứ khổ trong Tứ Diệu Đế, giáo pháp căn bản của Phật giáo. Thoát ư Tứ Khổ là thoát ra khỏi nơi có 4 cái khổ, tức là thoát khỏi cõi trần, thoát đọa luân hồi, ắt được giải thoát, trở về cõi TLHS.

Hạ Nhiên Pháp Thiên hữu:

- Diệt Tướng Phật,
- Đệ Pháp Phật,
- Diệt Oan Phật,
- Sát Quái Phật,
- Định Quả Phật,
- Thành Tâm Phật,
- Diệt Khổ Phật,
- Kiên Trì Phật,
- Cứu Khổ Phật,
- Xá Tội Phật,
- Giải Thế Phật,

Như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, từng lịnh Chuẩn Đề Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, thường du Ta bà Thế giới, độ tận vạn linh.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, tín Ngã ứng đương phát nguyện: Nam mô Chuẩn Đề Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, năng trừ ma chướng qui tai, năng cứu khổ ách nghiệt chướng, năng độ chúng sanh qui ư Cực Lạc, ắt đắc giải thoát.

GHI CHÚ: Tụng đến đây thì niệm danh mỗi vị Phật, lạy xuống 1 lạy không gật. Tất cả có 53 lần niệm, lạy 53 lạy. Tiếp theo tụng Câu Chú của Thấy 3 lần, cầu nguyện, xong lạy xuống 3 lạy, mỗi lạy 4 gật, mỗi gật niệm Câu Chú của Thấy.

Dịch nghĩa:

Từng Trời Hạo Nhiên Thiên coi về Pháp luật, có:

- Diệt Tướng Phật,
- Đệ Pháp Phật,
- Diệt Oan Phật,
- Sát Quái Phật,
- Định Quả Phật,
- Thành Tâm Phật,
- Diệt Khổ Phật,
- Kiên Trì Phật,
- Cứu Khổ Phật,
- Xá Tội Phật,
- Giải Thế Phật,

Như vô số các vị Phật ở các cấp, tuân theo mạng lệnh của Đức Chuẩn Đề Bồ Tát và Đức Phổ Hiền Bồ Tát, thường đi du hành đến các cõi trần cứu giúp toàn cả vạn linh.

Nếu như có người Nam lành, người Nữ lành, tin theo Ta, thì phải phát ra lời nguyện: Nam mô Chuẩn Đề Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, có khả năng trừ diệt sự ngăn trở của ma và các tai nạn do quỷ gây ra, có khả năng cứu giúp các tai nạn khổ sở và các nghiệt chướng, có khả năng cứu giúp chúng sanh trở về nơi Cực Lạc Thế Giới, ắt được giải thoát.

CHÚ THÍCH

Hạo Nhiên Pháp Thiên: Từng Trời Hạo Nhiên Thiên coi về Pháp luật, có “Cung Chưởng Pháp xây quyền Tạo Hóa”. Đây là từng Trời thứ 7 trong Cửu Trùng Thiên, dưới quyền chưởng quản của 2 vị Bồ Tát: Đức Chuẩn Đề Bồ Tát và Đức Phổ Hiền Bồ Tát.

Hai vị Bồ Tát này, cũng như Đức Từ Hàng Bồ Tát, là những Đấng có đầy đủ công đức thành những vị Phật cao siêu, nhưng quý Ngài chưa muốn ngự lên ngôi vị Phật, mà muốn làm một vị Bồ Tát để đem lòng từ bi cứu giúp toàn cả chúng sanh nơi cõi trần.

Ma chướng: Chướng là sự ngăn trở che lấp. Ma chướng là sự ngăn trở che lấp của tà ma.

Qui tai: Tai nạn do loài quỷ gây ra.

Ma và Quỷ luôn luôn tìm cách phá hại người tu, làm cho người tu nản lòng mà quay gót trở về thế tục. Người tu phải xem đó là những thử thách để đánh giá trình độ tu hành. Nếu thắng được ma chướng qui tai thì mới có thể đắc đạo, đạt được ngôi vị nơi cõi Thiêng liêng.

Qui ư Cực Lạc: Qui là trở về, ư là ở tại, nơi; Cực Lạc là chỉ Cực Lạc Thế Giới. Qui ư Cực Lạc là trở về cõi CLTG, tức là đắc đạo, đạt được ngôi vị nơi cõi CLTG.

Kinh Sám Hối

- Nguồn gốc bài Kinh Sám Hối
- Nội dung Kinh Sám Hối.
- Chú thích Kinh Sám Hối.
- Câu 1-8: Cuộc danh lợi là phần thưởng quý,...
- Câu 9-16: Việc sanh tử như đường chớp nhoáng,...
- Câu 17-24: Khi vận thối lung lẳng chẳng kể,...
- Câu 25-32: Nếu vội trách người trên thì đọa,...
- Câu 33-40: Trên đầu có bùa giảng Thần Thánh,...
- Câu 41-48: Thấy hình khổ dạ ta đầu nỡ,...
- Câu 49-56: Làm con phải trau giồi hiểu đạo,...
- Câu 57-64: Đừng có cậy giàu sang chẳng nề,...
- Câu 65-72: Người tai mắt đọa nhà khá giữ, ...
- Câu 73-80: Người trung trực lo âu việc nước,...
- Câu 81-88: Đừng gặp việc cầu mâu biếng nhác,...
- Câu 89-96: Chớ quyết ngữ mà khinh kẻ đại...
- Câu 97-104: Làm người phải kính thờ Thần Thánh,...
- Câu 105-112: Chớ lảm tưởng trong hang vắng tiếng,...
- Câu 113-120: Thấy già yếu hẹp đường nhượng tránh,...
- Câu 121-128: Giàu sang ấy Ôn Trên giúp sức,...
- Câu 129-136: Ấy làm phước khỏi hao khỏi tổn,...
- Câu 137-144: Năng làm phải nhứt nhu ngoạt nhiệm,...
- Câu 145-152: Giữ bụi thể giữ sao khỏi vấy,...
- Câu 153-160: Khi gặp chuyện khá dò xét cạn,...
- Câu 161-168: Còn hơi hóp tranh đua bay nhậy,...
- Câu 169-176: Bày chước độc, xúi ra việc quấy,...
- Câu 177-184: Thả tôi tớ thôn lân húng hiếp,...
- Câu 185-192: Còn một nỗi gian dâm đại tội,...
- Câu 193-200: Gái tiết hạnh giữ tròn danh giá,...
- Câu 201-208: Khá tiết kiệm hằng ngày no đủ,...
- Câu 209-216: Nó cũng muốn như mình đặng sống,...

- Câu 217-224: Lại có kẻ hung hoang ác nghiệt,...
- Câu 225-232: Phải hiểu biết máy sâu họa kín,...
- Câu 233-240: Đừng cố oán thâm lo gây họa,...
- Câu 241-248: Đời nhiều kẻ khi Thần thị Thánh,...
- Câu 249-256: Muốn tránh đặng khỏi nơi tội quá,...
- Câu 257-264: Các thơ truyện huê tình xé hủy,...
- Câu 265-272: Thêm những sãi giả nương cửa Phật,...
- Câu 273-278: Chịu cực khổ đặng cay biết mấy,...
- Câu 281-288: Chớ hiểm độc, dạ lang lân lựu,...
- Câu 289-296: Chớ oán chạ, tham lam ngược ngạo,...
- Câu 297-304: Làm mặt phải bạc ngàn cúng Phật,...
- Câu 305-312: Tánh ác độc, tội dư tích trữ,...
- Câu 313-320: Kẻ lỗ mãng chề bai khinh dễ,...
- Câu 321-328: Lúc chung mạng, dứt hơi hồn xuất,...
- Câu 329-336: Con bất hiếu, xay, cưa, đốt, giã,...
- Câu 337-344: Kẻ tham lợi cột mai cột mối,...
- Câu 345-352: Ngục đao kiếm cầm giam phạm ác,...
- Câu 353-360: Móc nhọn vắt treo mình nhông nhảnh,...
- Câu 361-368: Ao nước nóng sôi thì sục sục,...
- Câu 369-376: Phật những kẻ sửa ngay ra vạy,...
- Câu 377-384: Có cộp dữ nhãn răng đưa vấu,...
- Câu 385-392: Để hành kẻ chứa xâu lưỡng cửa,...
- Câu 393-400: Ao rộng sâu chứa đầy giòi tữa,...
- Câu 401-404: Bàn chông nhọn liên liên đánh khảo,...
- Câu 405-412: Thành Uổng Tử cheo leo góm ghiếc,...
- Câu 413-420: Cầu Nại Hà bắc giảng sông lớn,...
- Câu 421-428: Trong núi lửa bay hơi tanh khét,...
- Câu 429-436: Ngặt có kẻ tưởng Trời tin Phật,...
- Câu 437-444: Lời kệ sám duy truyền khuyến thiện,...

KINH SÁM HỐI

I. Nguồn gốc bài Kinh Sám Hối:

Kinh Sám Hối được các Đấng Tiên, Phật giảng cơ ban cho Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu), kể từ ngày 27-3-Ất Sửu (dl 19-4-1925) cho đến ngày mùng 6-10-Ất Sửu (dl 21-11-1925) mới dứt kinh. Thời gian giảng cơ cho Kinh kéo dài hơn 7 tháng. Các Đấng giảng cơ cho Kinh là: Đức Thái Thượng Lão Quân, Đức Quan Âm Bồ Tát, Đức Nam Cực Chưởng Giáo, Đức Quan Thánh Đế Quân, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, Đức Tây Ba Đế Quân, Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát, Đức Khổng Thánh Tiên Sư, Thập Điện Minh Vương, Đức Lữ Tổ, Đức Alfred Aya, Đức Văn Trung Tử.

Mỗi vị giảng cơ ban cho một đoạn kinh, cứ nối tiếp theo hoài cho đến khi dứt kinh.

Ngay sau khi dứt Kinh Sám Hối, Đức Đông Phương Lão Tổ (biệt hiệu của Đức Thái Thượng Đạo Quân) giảng tiếp ban cho Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối. Ấy là trọn vẹn.

Ông Âu Minh Chánh, vị sáng lập Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu) có viết thuật lại như sau (ngày viết 10-6-Đinh Mão, dl 8-7-1925):

«Một khi kia, đến câu kinh giùm một người bằng hữu thọ bệnh tại Thủ Thiêm, có Đức Thái Thượng Lão Quân giảng xuống mà cho một khoản đầu KINH SÁM HỐI.

Sau lần lần, mỗi khi cúng, có Tam Giáo Đạo Chủ hoặc là chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần, hoặc là Thập Điện Minh Vương giảng đàn cho tiếp Kinh Sám Hối.

Cũng tưởng rằng Thần Tiên cho kinh đóặng làm phước giúp người mà thôi, không dè Đức Văn Tuyên Vương giảng dạy chúng tôi phải kiếm một cảnh chùa đặng ngày sóc vọng đến đó đứng hương và Sám Hối.»

Khi mới khai Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn dạy Phật giáo và 5 Chi Minh Đạo dâng Kinh cho ĐĐTKPĐ. Do đó, Hội Thánh

cử phái đoàn gồm Đức Quyển Giáo Tông Lê Văn Trung, Thượng Giáo Sư Vương quan Kỳ, Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm đến Minh Lý Đạo thỉnh bài Kinh này về làm Kinh ĐĐTKPĐ.

Lúc đó Kinh Sám Hối được gọi là Kinh NHƠN QUẢ.

II. Nội dung Kinh Sám Hối.

Kinh Sám Hối gồm 444 câu thơ song thất lục bát, là một áng văn chương tuyệt tác siêu phàm, và đó cũng là một công trình tập thể của nhiều Đấng Phật, Tiên, Thánh, trong Tam Giáo, nhất là có sự tham dự của Thập Điện Diêm Vương nơi cõi Địa Ngục.

Nhờ bài Kinh Sám Hối này, nhơn sanh biết được trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ, những người hung ác nơi cõi trần, khi chết, linh hồn và chơn thân bị Quỷ sứ bắt giam vào Địa ngục, chịu những hình phạt vô cùng thảm khốc để đền bù tội lỗi.

Nhưng khi Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào năm Bính Dần (1926), là kỳ Phổ Độ chót để tận độ chúng sanh trước khi Tận Thế, mở Đại Hội Long Hoa, chấm dứt một chu kỳ tiến hóa của nhơn loại, chuyển qua thời kỳ Thánh đức, Đức Chí Tôn đại khai Ân xá cho các đảng linh hồn, đóng cửa Địa Ngục, giải phóng các tội hồn, cho đi đâu thai trả quả.

Đức Chí Tôn có hứa với Đức Phạm Hộ Pháp là ngày giờ nào Đức Phạm Hộ Pháp thoát xác, trước khi trở về cõi TL, Đức Hộ Pháp sẽ đi qua cõi Địa ngục để giải phóng các chơn hồn oan khức tội tình đặng cho họ, hoặc siêu thăng, hoặc đi đâu thai trả quả. (TĐ.ĐPHP, Con đường TLHS, trang 124).

Đức Phạm Hộ Pháp thoát xác qui Thiên vào ngày 10-4-Kỷ Hợi [1959]. Như thế, cõi Địa ngục được hoàn toàn đóng cửa vào năm này. Từ đây trở về sau, các hồn tội lỗi được đưa đến cõi Âm Quang để học đạo và tịnh tâm xét mình, có Địa Tạng Vương Bồ Tát giáo hóa các Nam tội hồn và Thất Nương DTC giáo hóa các Nữ tội hồn.

III. Chú thích Kinh Sám Hối.

Trong phần chú thích các từ ngữ khó trong Kinh Sám Hối, soạn giả có đối chiếu bản Kinh Sám Hối in trong Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo do Hội Thánh ấn hành, với bản Kinh Nhơn Quả, in trong quyển Kinh Cúng Tử Thời cũng do Hội Thánh ấn hành vào năm 1928, và bản Kinh Sám Hối của Minh Lý Đạo in năm 1973, để điều chỉnh cho đúng chánh tả một vài từ ngữ cho hợp với nghĩa lý của câu Kinh, và soạn giả có ghi trong phần KHẢO DỊ.

Viết tắt trong phần KHẢO DỊ:

- Kinh TĐ-TĐ: Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo.
- KSH. MLĐ: Kinh Sám Hối của Minh Lý 1973.
- Kinh NQ: Kinh Nhơn Quả in năm 1928.

KINH SÁM HỐI

(Giọng Nam xuân)

1. Cuộc danh lợi là phần thưởng quý,
Đấng Hóa Công xét kỹ ban ơn.
Lòng đừng so thiệt tính hơn,
Ngày đêm than thở dạ hờn ích chi.
5. Người sang cả là vì duyên trước,
Kẻ không phần lưỡng ước cầu may.
Sang giàu chẳng khác như mây,
Khi tan khi hiệp đổi xây không thường.

CHÚ THÍCH

SÁM HỐI: Sám là ăn năn những lỗi lầm đã qua và thật lòng muốn sửa đổi, quyết không tái phạm; Hối là tự giận mình đã làm điều sai quấy. Sám hối là ăn năn và tự giận mình về những lỗi lầm do mình gây ra, tự nguyện sửa đổi, quyết không tái phạm. Sách Nho định nghĩa Sám Hối là: «Sám giả sám kỳ tiền khiên,

Hối giả hối kỳ hậu quá.» Nghĩa là: Sám là ăn năn lỗi trước, Hối là chữa bỏ lỗi sau.

Hội Thánh có dặn rằng: «Kinh Sám Hối này nên tụng ngày Sóc Vọng, còn ngày thường lỡ có lầm lỗi điều chi, phải tụng mà xin tội.»

Danh lợi: Danh là tiếng tăm, lợi là lợi lộc. Danh lợi là tiếng tăm và lợi lộc. Đó là 2 thứ mà người đời rất ham thích, muốn đoạt lấy về cho mình càng nhiều càng tốt.

Cuộc danh lợi: Việc danh và lợi trong cuộc sống.

Hóa công: Hóa là tạo hóa, Công là người thợ. Hoá công là ông Thợ Tạo Hóa, tạo ra CKVT và vạn vật. Đó là Ông Trời, là Đấng Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

So thiệt tính hơn: So sánh hơn kém, tính toán lợi hại.

Sang cả: Sang là cao quý, cả là lớn, nhiều. Sang cả là sang trọng lắm, về vang lắm.

Duyên trước: Chữ Hán là Tiên duyên, duyên là mối dây ràng buộc được định sẵn từ trước. Duyên trước là mối dây được định sẵn từ kiếp trước. Nếu kiếp trước mình làm điều lương thiện đạo đức thì tạo được Duyên lành, khiến cho đời sống hiện tại được giàu sang vinh hiển hạnh phúc.

Không phần: Chữ Hán là Vô phần, Phần là cái số phận mà Trời định sẵn cho mình. Vô phần hay Không phần là số phận bạc bẽo, vất vả, đau đớn ê chề. Nói là Trời định, chớ thật ra cái Nghiệp của mình định cho mình. Trời lập ra Luật Nhơn Quả, và cây Càn Công Bình thiêng liêng giữ cho sự báo ứng được đúng phép công bình.

Luống: Nhiều lần. **Luống ước:** Mong ước nhiều lần.

Cầu may: Mong cầu được may mắn.

Hai câu 7-8: Sự giàu sang không bền bỉ, nó chẳng khác gì một đám mây trên bầu Trời, khi tan khi tụ rất mau chóng, không chừng mực.

Muốn cho sự giàu sang được bền bỉ thì phải biết dùng tiền bạc bố thí, giúp đỡ người hoạn nạn nghèo khổ và làm những việc

công đức khác như làm cầu, sửa đường, cất trường học, xây chùa, thì sẽ tạo được phước lành, hưởng được quả lành về sau.

9. Việc sanh tử như đường chớp nhoáng,
Bóng quang âm ngày tháng dập dồn.
Giữ cho trong sạch linh hồn,
Rèn lòng sửa nét, đức tồn hậu lai.
13. Điều họa phước không hay tìm tới,
Tại mình vời nên mới theo mình.
Cũng như bóng nọ tùy hình,
Dữ lành hai lẽ công bình thường răn.

CHÚ THÍCH

Việc sanh tử: Việc sống chết, chỉ một đời sống của con người từ lúc sanh ra cho đến lúc chết.

Đường chớp nhoáng: Đường sáng rạng cửa nhìn thấy trên bầu Trời do sấm sét gây ra, chỉ hiện ra trong giây lát rồi tắt. Ý nói: Khoảng thời gian rất ngắn.

Bóng quang âm: Chỉ ngày và đêm. Bóng là ánh sáng, quang là sáng [ngày], âm là tối [đêm]. **Dập dồn:** Dồn dập.

Trong sạch linh hồn: Linh hồn trong sạch trong một Chơn thần trong sạch, Chơn thần trong sạch trong một thể xác trong sạch. Muốn thể xác trong sạch thì phải giữ cho thân, khẩu, ý trong sạch, và phải ăn chay trường.

Đức tồn hậu lai: Cái đức tồn tại lâu dài về sau.

Bóng nọ tùy hình: Cái hình thể nào thì cái bóng hiện ra thế ấy, ý nói: Nhon nào thì quả nấy, không hề sai chạy.

KHẢO DỊ:

– KSH MLĐ:

- Tại mình vời.

– Kinh NQ, Kinh Lễ, Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968,

1974:

- Tại mình dời.

Vời: Mời đến, triệu đến. **Dời:** Đổi chỗ khác.

17. Khi vận thới lung lẳng chẳng kể,
Lúc suy vi bày lễ khẩn cầu.
Sao bằng ở phải buổi đầu,
Thần minh chánh trực có đầu tư vì.
21. Người làm phước có khi mắc nạn,
Kẻ lẳng loạn đặng mạng giàu sang.
Ấy là nợ trước còn mang,
Duyên kia chưa dứt còn đang thưởng đền.

CHÚ THÍCH

Vận thới: Vận là thời vận, thới hay thái là hanh thông thịnh vượng. Vận thới là thời vận hanh thông, thịnh vượng.

Suy vi: Suy là kém sút dần, vi là thấp hèn. Suy vi là sa sút đến độ nghèo nàn, thấp hèn. **Bày lễ khẩn cầu:** Đem lễ vật bày ra cúng để cầu khẩn Thần linh. **Ở phải:** Ăn ở đúng theo lễ phải, đạo đức. **Thần minh:** Vị Thần sáng suốt.

Chánh trực: Ngay thẳng. **Tư vì:** Tư vị, thiên lệch.

Lẳng loạn: Có hành vi hỗn xược, không tùng phép tắc.

Câu 21-22: Người làm phước có khi mắc nạn là vì việc làm phước trong kiếp hiện tại chưa đủ để đền trả những oan nghiệt đã gây ra trong kiếp trước. Không phải vì làm phước mà mắc nạn. Nếu người đó không làm phước thì tai nạn còn dồn dập tới nhiều hơn nữa, nhờ làm phước như vậy nên tai nạn mới giảm bớt và còn như thế đó.

Kẻ lẳng loạn đặng mạng giàu sang, là vì cái phước đức của nó ở kiếp trước còn, chừng nào phước đức ấy hết thì nó sẽ suy sụp thê thảm. Đừng nghĩ rằng vì nó lẳng loạn mà được giàu sang. Luật Nhơn quả không bao giờ sai chạy.

25. Nếu vội trách người trên thì họa,
Cũng có khi tai họa trả liền.
Đó là báo ứng nhân tiên,
Mau thì mình chịu, lâu truyền cháu con.
29. Lo danh vọng hao mòn thân thể,
Ham làm giàu của để bằng non.
Một mai nhắm mắt đâu còn.
Dem vàng chuộc mạng đổi lòn đặng chằng.

CHÚ THÍCH

Người trên: Người ở bậc cao hơn mình, ở đây chỉ các Đấng Thiêng liêng. **Đọa:** Đày xuống chỗ thấp kém khổ sở.

Báo ứng nhân tiên: Báo ứng là báo đáp lại, nhân tiên là trước mắt nghĩa là xảy ra liền, thấy trước mắt. Báo ứng nhân tiên là báo đáp lại liền, xảy ra ngay trước mắt.

Câu 28: Sự báo ứng xảy ra nhanh thì mình chịu, còn xảy ra lâu, qua kiếp khác thì con cháu mình phải đền trả.

Danh vọng: Danh là tiếng tăm, vọng là ngưỡng mộ. Danh vọng là có tiếng tăm được nhiều người ngưỡng mộ.

Câu 29: Muốn có danh vọng thì phải tính toán trăm phương ngàn kế, làm việc mất ăn mất ngủ mới tạo được, thân thể phải hao mòn, sức khỏe phải suy giảm.

Của để bằng non: Của cải, tiền bạc kiếm được nhiều chất lại thành đống lớn như núi. **Nhắm mắt:** Chết.

Chuộc mạng: Dem vàng bạc đổi lấy mạng sống.

Đổi lòn: Hạ mình luồn cúi để cầu xin trao đổi.

Câu 31-32: Mai kia nhắm mắt chết rồi thì có dem vàng bạc lòn cúi chuộc lại mạng sống của mình đặng chằng?

33. Trên đầu có búa giăng Thần Thánh,
Xét xem người tánh hạnh dữ hiền.
Làm lành đặng hưởng phước duyên,
Trong lòng nham hiểm, lộc quyền giảm thâu.
37. Đừng tính kế độc sâu trong dạ,
Mà gỗ ganh oán chạ thù vợ.
Trái oan nào khác mối tơ,
Rối rối không gỡ, bao giờ cho ra.

CHÚ THÍCH

Búa giăng: Búa là phân rộng ra các phía, giăng là kéo ra theo bề dài. Búa giăng là bao phủ khắp nơi.

Câu 33: Trên đầu của mỗi người lúc nào cũng có chư Thần Thánh hiện diện đầy đủ khắp nơi để xem xét.

Phước duyên: Phước là điều may mắn tốt lành, Duyên là cái sức hỗ trợ cho cái Nhân thành cái Quả. Phước duyên là điều may mắn tốt lành do việc làm lành báo đáp lại. **Nham hiểm:** Độc ác một cách kín đáo, khó phát hiện ra được.

Câu 36: Đối với người nham hiểm sâu độc thì chư Thần Thánh sẽ thâu lợi lộc và quyền hành cho giảm bớt lại.

Gỗ ganh: Gây gỗ vì ganh tỵ. **Oán chạ thù vợ:** Thù oán bậy bạ, không có lý do chánh đáng.

Trái oan: Trái là món nợ, oan là thù giận. Trái oan là món nợ về thù giận. Mình vô cớ làm thiệt hại người thì người ta thù giận mình, mình mắc một món nợ oan nghiệt.

Hai câu 39-40: Oán thù nên gỡ, không nên kết, vì nó như sợi tơ, càng kết càng rối, càng gây thêm đau khổ và phiền não, rồi cứ oan oan tương báo, biết chừng nào mới dứt được.

41. Thấy hình khổ dạ ta đau nỗi,
Khuyên làm lành trừ đỡ tội căn.
Quấy rối phải biết ăn năn,
Ở cho nhân hậu, chế răn lòng tà.

45. Hãy có dạ kính già thương khó,
Chớ đem lòng lấp ngõ tài hiền.
Xót thương đến kẻ tật nguyên,
Đỡ nâng yếu thể, bình quyền mô côi.

CHÚ THÍCH

Hình khố: Hình phạt khổ sở. **Dạ ta:** Lòng dạ của ta.

Đâu nỡ: Không thể ép lòng mà chịu được.

Tội căn: Tội lỗi đã gây ra trong kiếp trước. Căn là gốc rễ, chỉ những việc làm trong kiếp sống trước.

Nhân hậu: Nhân là lòng thương người mền vật, Hậu là dày dặn. Nhân hậu là lòng nhân từ dày dặn.

Chế răn: Kềm chế và dạy bảo cho biết điều sai quấy.

Lòng dạ gian xảo, ham muốn bậy bạ.

Kính già thương khó: Kính trọng người già cả, thương xót người nghèo khó.

Lấp ngõ tài hiền: Lấp ngõ là bít đường. Tài hiền là hiền tài, người có tài đức hơn người. Lấp ngõ tài hiền là chặn đường không cho người tài giỏi tiến thân, vì sợ người đó làm lu mờ danh vọng của mình. Tứ Đại Điều Quy có ghi: Chớ che lấp người hiền, đừng cậy quyền mà yếm tài người.

Tật nguyên: Tàn tật với mức độ lớn, như què, câm, đui.

Bình quyền mô côi: Bình vực quyền lợi của kẻ mô côi.

49. Làm con phải trau dồi hiếu đạo,
Trước là lo trả thảo mẹ cha.
Lòng thành thương tưởng ông bà,
Nước nguồn cây cội mới là tu mi.
53. Giá trong sạch nữ nhi trượng tiết,
Giữ cho tròn trinh liệt mới mầu.
Ở sao đáng phận đạo dâu,
Thờ chồng tiết hạnh mới hâu gái ngoan.

CHÚ THÍCH

Hiếu đạo: Hiếu là hết lòng kính yêu và chăm sóc cha mẹ, đạo là đường lối mà con người có bốn phận phải gìn giữ và tuân theo. Hiếu đạo là nói về bốn phận làm con đối với cha mẹ: Làm con phải có lòng hiếu thảo.

Đạo dâu: Bốn phận làm con dâu trong nhà chồng.

Nước nguồn cây cội: Cây có cội, nước có nguồn, con người có cha mẹ. Ý nói phải nhớ đến nguồn gốc của mình.

Tu mi: Tu là râu, mi là lông mày. Tu mi là râu mày, chỉ đàn ông con trai. **Giá trong sạch:** Con gái có chồng phải giữ lòng trong sạch với chồng. Giá là con gái lấy chồng.

Nữ nhi: chỉ chung đàn bà con gái. Nhi là con trẻ.

Trượng tiết: Trượng là trọng, kính trọng; tiết là khí tiết, lòng dạ cứng cỏi ngay thẳng. Trượng tiết là tôn trọng cái tiết hạnh của mình. **Trinh liệt:** Trinh là lòng ngay thẳng của vợ đối với chồng, liệt là cứng cỏi không chịu khuất.

Mầu: Tài giỏi và có tính cách cao siêu. **Mới mầu:** Mới tài giỏi cao siêu. **Mới hâu:** Mới mong.

57. Đừng có cậy giàu sang chẳng nề,
Không kiêng chồng, khi để công cô.
Ấy là những gái hung đồ,
Xúi chồng tranh cạnh hổ đồ sân si.
61. Tánh ngoan ngạnh không vì cô bác,
Thói lẳng loàn bạn tác khinh khi.
Ngày sau đọa chốn Âm Ty,
Gông kềm khảo kẹp, ích gì rên la.

CHÚ THÍCH

Kiêng: Nể sợ. **Công cô:** Cha mẹ chồng. Công là cha chồng, cô là mẹ chồng. **Hung đồ:** Bọn hung dữ. Đồ là bọn.

Hổ đồ: Không hiểu rõ sự việc phải quấy mà hấp tấp giải quyết khiến nhiều người bất bình phẫn nộ. **Sân si:** Sân là giận, si là

mê muội. Sân si là giận dữ mê muội, mất khôn.

Ngoan ngạnh: Chữ Hán, ngoan là làm càn bậy, ngạnh là ngăn trở. Ngoan ngạnh là bướng bỉnh, càn bậy, không nghe lời khuyên dạy đúng đắn. **Tác:** Tuổi tác. **Bạn tác:** Bạn cùng lứa tuổi. **Âm Ty:** Cơ quan ở cõi Âm phủ. Ty là một cơ quan.

Gông kềm khảo kệp: Dùng gông mang vào cổ, dùng kềm kẹp tay chân, khảo tra hành hình các tội hỗn ở Âm phủ.

KHẢO DỊ:

– KSH. MLĐ:

- khi để ông cô.

– Kinh NQ, Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968, 1974, 1975:

- khi để công cô.

Ông cô đồng nghĩa **Công cô**.

– KSH. MLĐ, Kinh NQ, Kinh TĐ-TĐ 1936, Kinh Lễ:

- mô đồ sân si.

– Kinh TĐ-TĐ 1968, 1974, 1975:

- hồ đồ sân si.

Hồ đồ đồng nghĩa **Mô đồ**. Mô đồ là từ ngữ xưa.

65. Người tai mắt đạo nhà khá giữ,
Nghĩa anh em cư xử thuận hòa.
Vẹn tròn đạo cả giếng ba,
Kính anh mến chị thì là phận em.

69. Trên thương dưới xét xem kẻ nhỏ,
Lúc lâm nạn chớ bỏ tránh xa.
Cũng là một gốc sanh ra,
Gôm bao nâng đỡ, ruột rà thương nhau.

CHÚ THÍCH

Người tai mắt: Người hiểu biết nhiều và có danh vọng.

Đạo nhà: Phép tắc cư xử giữa những người trong gia đình.

Nghĩa anh em: Nghĩa là cách cư xử đúng theo đạo lý. Nghĩa anh em là cách cư xử giữa anh em ruột đúng đạo lý, tức là phải thương yêu đùm bọc và thuận hòa cùng nhau.

Đạo cả: Mọi đạo lớn của con người. Đó là Nhơn đạo, vì Nhơn đạo là căn bản. Có làm tròn Nhơn đạo thì mới tầm lên Tiên đạo được. (Nhơn đạo bắt tu, Tiên đạo viễn hỷ.) Theo Nho giáo, Nhơn đạo của người Nam gồm: Tam cang và Ngũ thường (Ba giếng và Năm hằng), Nhơn đạo của người phụ nữ gồm: Tam tòng và Tứ đức.

Giếng ba: Ba giếng, dịch chữ Tam cang, Tam cang gồm: Quân thân cang [Giếng mối vua tôi], Phụ tử cang [Giếng mối cha con], Phu thê cang [Giếng mối vợ chồng].

Lâm nạn: Lâm là tới, nạn là tai nạn. Lúc lâm nạn là lúc tai nạn tới.

Câu 72: Anh em ruột thịt thì phải bao gồm việc thương yêu và trợ giúp nâng đỡ nhau.

73. Người trung trực lo âu việc nước,
Hưởng lộc vua tìm chức an bang.
Chớ làm con giặc tôi loạn,
Thuế sưu đóng đủ, đừng toan kể tà.

77. Phận làm tở thật thà trung tín,
Với chủ nhà trọn kính trọn ngay.
Áo cơm no ấm hằng ngày,
Của người châu cấp ơn dày nghĩa sâu.

CHÚ THÍCH

Trung trực: Trung là trung thành, trực là ngay thẳng. Trung trực là trung thành và ngay thẳng.

Nợ nước: Nghĩa vụ đối với quốc gia.

Hưởng lộc vua: Vua là biểu tượng của một nước. Hưởng lộc vua là hưởng lộc nước, tức là thọ hưởng quyền tước và lương bổng của quốc gia. **Tim chức:** Tìm ra kế hoạch.

An bang: An là yên ổn, bang là nước. An bang là làm cho nước được yên ổn thái bình.

Con giặc: Người dân làm giặc, chống lại nhà nước.

Tôi loạn: Làm quan mà dấy loạn, phản lại nhà nước.

Thuế sưu: Thuế là tiền phải đóng góp cho nhà nước để dùng vào công ích. Sưu là phần đóng góp bằng sức lực vào các công trình ích nước lợi dân, như đắp đê, làm đường, bắc cầu, làm thủy lợi,... **Toan:** Có ý định.

Kể tà: Mưu kế gian xảo để làm hại người lợi mình.

Trung tín: Trung thành và tín nhiệm.

Châu cấp: Cấp cho đầy đủ, bảo đảm được cuộc sống.

81. ĐỪNG GẶP VIỆC CÂU MÂU BIẾNG NHÁC,
MÀ QUÊN LỜI PHÚ THÁC DẶN DÒ.
TRƯỚC NGƯỜI GIÀ BỘ SIÊNG LO,
SAU LƯNG GIAN TRÁ, SO ĐO TẮC LÒNG,

85. Phải chừa thói loài ong tay áo,
Bớt học đòi khi dạo dòm nhà,
Gìn lòng ngay thẳng thật thà,
Nói năng minh chánh, lời ra phải nhìn.

CHÚ THÍCH

Biếng nhác: Nhác là làm biếng. Biếng nhác là lười biếng. **Phú thác:** Phú là giao cho, thác là gói gắm. Phú thác là giao cho và gói gắm với lòng tin cậy.

Giả bộ: Làm ra bộ tịch như vậy, chớ không thực lòng.

Gian trá: Gian xảo và trá trở. **So đo tắc lòng:** Lòng dạ hẹp hòi, so sánh đo lường hơn thiệt từng ly từng tí.

Loài ong tay áo: Do thành ngữ: Nuôi ong tay áo, nghĩa là: Hễ nuôi con ong trong tay áo thì thể nào cũng bị ong chích. Ý nói: Kẻ phản bội, ăn cơm chủ trở lại hại chủ.

Khi dạo dòm nhà: Do thành ngữ: Nuôi khi dòm nhà. Loài khi có tánh hay bắt chước một cách vô ý thức, thấy chủ nhà

nhúm lửa nấu cơm, khi vắng chủ nhà, nó bắt chước xuống bếp nhúm lửa, làm lửa cháy lên, lan qua thành cháy nhà.

Khỉ dạo là chỉ chung loài khỉ vượn. Khỉ dạo dòm nhà là có ý nói: Cái tánh hay bắt chước vô ý thức rất tai hại.

Minh chánh: Trong sáng và ngay thẳng.

Lời ra phải nhìn: Ý nói: Phải giữ lời hứa, phải nhìn nhận lời nói của mình, không được nuốt lời.

89. Chớ quyết ngữ mà khinh kẻ đại
Đừng gian mưu hãm hại người hiền.
Anh em bằng hữu kết nguyên,
Một lòng tin cậy, phải kiêng phải vì.

93. Chẳng thấy khó mà khi mà thị,
Gặp người giàu mà vị mà nâng.
Dầu khi gặp lúc gian truân,
Cũng đồng giúp ích, chớ đừng mặt ngơ.

CHÚ THÍCH

Quyết ngữ: Quyết là xảo trá, ngữ là lời nói. Quyết ngữ là lời nói xảo trá, gian dối. **Gian mưu:** Mưu kế gian xảo.

Hãm hại: Làm hại người bằng thủ đoạn ám muội.

Người hiền: Người có tài đức hơn người.

Bằng hữu: Bằng là bạn, hữu là bạn, Bằng hữu là bè bạn. **Kết nguyên:** Kết chặt mối dây thân ái bằng lời thề.

Kiêng: Nể sợ. **Vì:** Nể nang. **Khó:** Nghèo khổ.

Mà khi mà thị: Khi thị là lừa dối, khinh thường.

Vị: Nể nang. **Nâng:** Tang bốc, nịnh hót.

Hai câu 93-94: Nói về thói đời ham chuộng bạc tiền vật chất: Hễ thấy ai nghèo khổ thì khinh rẻ, thấy ai giàu có thì theo nịnh bợ. Đừng làm như thế, bởi vì giá trị con người không phải do tiền bạc hay nghèo giàu, mà là do phẩm chất đạo đức và tài năng chơn thực.

Gian truân: Gian là khó khăn vất vả, truân là cực khổ. Gian

truân là vất vả cực khổ.

Mặt ngơ: Ngó lơ làm như không hay biết, vì sợ hao tổn tiền bạc hay công sức giúp đỡ.

97. Làm người phải kính thờ Thần Thánh,
Giữ lời nguyện, tâm tánh tưởng tin.
Hễ là niệm Phật tụng kinh,
Rèn lòng sửa nét, khá in như nguyện.
101. Chừa thói xấu đảo điên trong dạ,
Muôn việc chi chẳng khá sai lời.
Đối người nào khác đối Trời,
Trời đâu dám dối, ra đời ngõ ngang.

CHÚ THÍCH

Lời nguyện: Lời thề. **Tưởng tin:** Tin tưởng.

Niệm Phật: Miệng thì đọc nho nhỏ vừa đủ nghe danh hiệu của chư Phật, còn tâm thì tưởng nghĩ tới chư Phật.

Khá in như nguyện: Phải làm cho đúng y như lời thề.

Đảo điên: Thay đổi lung tung, tráo trở bất thường.

Câu 103: Đối người nào khác đối Trời. Sách Nho có câu: Khi nhơn tức khi tâm, nghĩa là: Lừa dối người tức là lừa dối cái Tâm của mình, mà Tâm là điểm Linh quang do Trời ban cho mỗi người, nên lừa dối người tức là lừa dối Trời. Mà lừa dối Trời có dạng chẳng?

Ngõ ngang: Ngõ là ngạo ngược, ngang là bướng bỉnh. Ngõ ngang đồng nghĩa với Ngõ nghịch, nghĩa là bướng bỉnh, bất chấp lời khuyên dạy của bề trên.

KHẢO DỊ:

– Kinh NQ, Kinh Lễ, Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968,

1974, 1975:

- ra đời ngõ ngang.

– KSH. MLD:

- há đời ngõ ngang.

105. Chớ lằm tưởng trong hang vắng tiếng,
Mà để duôi sanh biển lãng loan.
Con người có trí khôn ngoan,
Tánh linh hơn vật, biết đàng lẽ nghi.
109. Phải cho biết kính vì trên trước,
Đừng buông lời lẩn lướt hồ đồ.
Thuận cùng chú bác cậu cô,
Bà con chòm xóm, ra vô khiêm nhường.

CHÚ THÍCH

Trong hang vắng tiếng: Ý nói nơi kín đáo vắng vẻ, không ai dòm ngó. **Để duôi:** Khi để, xem thường.

Sanh biển: Gây ra điều bất thường không tốt đẹp.

Lãng loan: Hồn xược, không tùng theo khuôn phép.

Tánh linh hơn vật: Con người có tánh linh hơn vạn vật là vì con người có đủ Tam hồn: Sanh hồn, Giác hồn, Linh hồn. Thảo mộc chỉ có Sanh hồn, tiến lên Thú cầm thì có thêm một phần hồn nữa là Giác hồn, Thú cầm tiến hóa lên phẩm Nhơn loại thì có thêm một phần hồn nữa là Linh hồn. Linh hồn là điểm Linh quang của Đức Chí Tôn ban cho, nhờ đó con người linh hơn vạn vật và có thể tu hành thành Tiên, Phật.

Lễ nghi: Lễ là cách bày tỏ ra ngoài lòng kính trọng, Nghi là hình thức tốt đẹp để tượng trưng cái Lễ. Lễ nghi là cách sắp đặt bên ngoài để bày tỏ lòng kính trọng.

Kính vì trên trước: Kính trọng, nể nang người có địa vị cao hay tuổi tác lớn hơn mình. **Buông lời:** Nói ra mà không suy nghĩ cẩn thận. **Bà con chòm xóm:** Những người quen thân ở gần gũi trong xóm của mình.

113. Thấy già yếu hẹp đường nhường tránh,
Đừng chớ đồng bụng tánh quá vui.
Cột người ra dạ dễ duôi,
Sanh điều xích mích, đầu người dạ hờn.
117. Khi tế tự chớ lờn chớ dễ,
Việc quan hôn thủ lễ nghiêm trang.
Gìn lòng chẳng khá lằng loàn,
Lễ nghi vẹn giữ vững vàng chớ quên.

CHÚ THÍCH

Buông tánh: Buông là thả lỏng ra, không kềm giữ chặt chẽ. Buông tánh là để cho cái Tánh buông lung, không kềm giữ nó chặt chẽ thì dễ sanh ra điều sai quấy. **Cột:** Trêu gheo.

Xích mích: Va chạm lật vạt sanh ra phiền lòng.

Đầu người dạ hờn: Không làm giảm bớt lòng hờn giận.

Tế tự: Tế là dâng phẩm vật lên cúng với thể thức long trọng. Tự là thờ cúng. Tế tự là chỉ chung việc tế lễ và thờ cúng.

Chớ lờn chớ dễ: Không được vô lễ, không được khinh thường.

Quan hôn: Quan là cái mũ. Lễ Gia Quan là lễ đội mũ cho con trai khi đến tuổi trưởng thành, đúng 20 tuổi. Lễ này được thực hiện trong các gia đình Nho giáo thuở xưa, nay đã bãi bỏ. Hôn là việc cưới vợ gả chồng. Quan hôn là chỉ chung việc Quan Hôn Tang Tế. **Thủ lễ:** Giữ gìn phép tắc cư xử.

KHẢO DỊ:

- KSH. MLĐ, Kinh NQ, Kinh Lễ, Kinh TĐ-TĐ 1936:
 - Sanh điều chích mích.
- Kinh TĐ-TĐ 1968, 1974, 1975:
 - Sanh điều xích mích.

121. Giàu sang ấy Ôn Trên giúp sức,
Phước ảm no túc thực túc y.
Thấy người gặp lúc tai nguy,
Ra tay tế độ, ấy thì lòng nhơn.
125. Thương đồng loại cũng hơn thí bạc,
Thấy trên đường miếng bát miếng chai.
Hoặc là đình nhọn, chông gai,
Mau tay lượm lấy, đoái hoài kẻ sau.

CHÚ THÍCH

Ôn Trên: chỉ Đức Chí Tôn hoặc các Đấng TL.

Phước ảm no: Điều may mắn tốt lành là được no ấm.

Túc thực túc y: Túc là đủ, Thực là ăn, Y là áo mặc. Túc thực túc y là đủ ăn đủ mặc, ý nói đời sống được no ấm.

Tai nguy: Tai nạn nguy hiểm. **Tế độ:** Tế là giúp đỡ, đem tiền bạc vật thực đến cho; Độ là cứu giúp. Tế độ là cứu giúp, đem tiền bạc vật thực đến giúp đỡ.

Thí bạc: Bỏ thí tiền bạc giúp đỡ người nghèo.

Miếng bát miếng chai: Mảnh vỡ của chén đĩa hay ly tách, cạnh của nó rất bén, đập nhằm thì bị đứt chân chảy máu.

Đoái hoài: Đoái là nghĩ tới, hoài là tưởng nhớ tới. Đoái hoài là tưởng nhớ mà quan tâm đến.

Ba câu 126-127-128: Miếng chén, miếng chai, đình nhọn, chông gai nằm trên đường đi, mình đi trước nhìn thấy thì mau mau lượm lấy, đem bỏ vào một chỗ ít người lui tới, để tránh cho người đi sau khỏi đập nhằm các thứ bén nhọn đó mà bị đứt chân đau đớn. Ấy là làm phước mà chẳng tổn tiền.

129. Ấy làm phước khỏi hao khỏi tốn,
Chẳng có đầu mòn vốn thâm tiền.
Bắc cầu, đắp sửa đường liền,
Kẻ qua người lại bước yên gọn gàng.

133. Thi ân hậu bạc ngàn khó sánh,
Ráng tập thành sửa tánh từ hòa.
Việc lành chẳng khá bỏ qua,
Tuy là nhỏ nhít cũng là công phu.

CHÚ THÍCH

Mòn vốn thâm tiền: Thâm lạm vào tiền vốn, làm cho tiền vốn hao mòn dần, đến lúc nào đó thì hết vốn.

Thi ân hậu: Hậu là dày dặn. Thi ân hậu là làm ơn dày dặn cho người. **Tập thành:** Tập làm nhiều lần để trở nên giỏi.

Từ hòa: Từ là lòng thương người và muốn giúp người; Hòa là êm thuận với nhau. Từ hòa là hơn từ và thuận hòa.

Công phu: Công sức và thì giờ bỏ ra để làm một việc.

Hai câu 135-136: Dù gặp việc lành nhỏ nhít cũng không nên bỏ qua, vì nó cũng là công phu để tạo phước đức.

Sách Minh Tâm Bửu Giám có chép rằng:

Hơn Chiêu Liệt sắc Hậu chủ viết: Vật dĩ ác tiểu nhi vi chi, vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi. Nghĩa là: Vua Hơn Chiêu Liệt dặn Hậu Chủ rằng: Đừng vì việc ác nhỏ mà làm, đừng vì việc lành nhỏ mà không làm.

Việc ác nhỏ, tuy là nhỏ nhưng cũng không nên làm, vì nó là ác. Còn việc thiện, dù là nhỏ cũng nên làm vì nó là thiện. Làm dần dần thì sẽ tích tiểu thành đa, chớ nên bỏ qua.

137. Năng làm phải nhứt nhu ngoạt nhiễm,
Lâu ngày đốn tính đếm có dư.
Phước nhiều, tội quá tiêu trừ,
Phép Trời thưởng phạt, không tư chẳng vì.
141. Thấy lỗi mọn chớ nghi chẳng hại,
Thường dặn làm, tội lại hằng hà.
Vì chưng tỵ thiếu thành đa,
Họa tai báo ứng chẳng qua mảy hào.

CHÚ THÍCH

Nhứt nhu ngoạt nhiễm: Nhứt là ngày, ngoạt là tháng, nhu là thấm ướt, nhiễm là thấm vào. Nhứt nhu ngoạt nhiễm là ngày ngày thấm ướt thì cả tháng nhiễm sâu vào.

Câu 137: Thường làm phải làm lành thì dần dần nhiễm vào chơn tánh trở thành thói quen tốt.

Tội quá: Quá, chữ Hán, nghĩa là lỗi lầm. Tội quá là tội lỗi và lầm lỗi. **Lỗi mọn:** Lỗi nhỏ.

Hằng hà: nói tắt thành ngữ: Hằng hà sa số, nghĩa là nhiều như cát sông Hằng. **Vì chưng:** Vì bởi.

Tỵ thiếu thành đa: Nhóm hợp nhiều cái ít thành ra nhiều. Tỵ là gom nhóm lại. **Báo ứng:** Báo đáp lại theo Luật Nhân quả.

Mảy hào: Mảy là một chút nhỏ, hào là một phần của ly. Mảy hào là chỉ một phần rất nhỏ.

KHẢO DỊ:

– Kinh NQ, Kinh Lễ, Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968, 1974, 1975:

- tỵ thiếu thành đa.

– KSH. MLĐ:

- tỵ thiếu thành đa.

Tỵ là đến, như Tỵ chúc; **Tỵ** là nên, như Thành tỵ.

145. Giữa bụi thế giữ sao khỏi vấy,
Biết ăn năn xét lấy sửa lòng.
Làm người hơn nghĩa xử xong,
Rủ cho gặp lúc long đong chẳng sòn.
149. Hễ biết nghĩa thọ ơn chẳng bội,
Giúp cho người chớ vội khoe ra.
Việc chi cũng có chánh tà,
Làm điều phải nghĩa, lánh xa vạy vò.

CHÚ THÍCH

Câu 145: Ở giữa cõi trần đầy bụi bặm, làm sao giữ mình cho khỏi dính bụi trần. Cõi trần tất nhiễm trần. Ý nói: Đã mang xác phàm sống nơi cõi trần thì tránh sao khỏi lâm lỗi. Vậy là dính chất bản.

Xử xơ: Cư xử cho vẹn toàn.

Long đong: Lưu lạc vất vả, cuộc sống không ổn định.

Chẳng sờn: Chẳng nao núng, ý chí chẳng lung lay.

Thọ ơn chẳng bội: Nhận lãnh ơn huệ của ai thì chẳng nên phản bội người đó, mà phải lo báo đáp.

Chánh tà: Chánh là ngay thẳng đúng đắn, Tà là cong queo sai trái. Chánh Tà luôn luôn đối chọi nhau, tranh giành ảnh hưởng lên nhau, nhưng cuối cùng thì Chánh luôn luôn thắng Tà. Nhờ có Tà mà cái Chánh mới lộ rõ ra, và cũng nhờ cái Tà mà trau dồi cái Chánh. Chánh là theo Tiên Phật, Tà là theo Quỷ Vương.

Điều phải nghĩa: Điều đúng theo lẽ phải và đạo đức.

Vạy vò: Không ngay thẳng chơn chánh.

153. Khi gặp chuyện khá dò xét cạn,
Liệu sức mình cho hẳn sẽ làm.
Chớ đừng thấy của dấy tham.
Giục người làm quấy ắt cam đồng hình.

157. Ở ngay thẳng Thần minh bảo hộ,
Nết xẻo xiên gặp chỗ rạc tù.
Trong đời rất hiếm võ phu,
Lường cân tráo đấu, dối tu cúng chùa.

CHÚ THÍCH

Khá dò xét cạn: Nên dò xét cho rõ rệt đến tận cùng các khía cạnh. **Cho hẳn:** Cho chắc chắn rõ rệt.

Thấy của: Thấy tiền bạc của cải. **Dấy tham:** Nổi lên lòng tham lam. **Ắt cam đồng hình:** Ắt cam đành chịu chung hình phạt.

Thần minh: Vị Thần sáng suốt.

Bảo hộ: Gìn giữ và che chở.

Nết xẻo xiên: Tánh không ngay thẳng, gian trá.

Rạc tù: Rạc là chỗ giam cầm, tù là nhà giam. Rạc tù là chỉ chung nhà tù để giam giữ người có tội.

Rất hiếm: Rất nhiều. Chữ Hiếm có 2 nghĩa: Hiếm là ít có như Cửa hiếm; Hiếm là nhiều như Hiếm tiền, Hiếm chi.

Võ phu: Võ là loại đá giống như ngọc, phu là đá rất đẹp giống như ngọc. Võ phu là ngọc giả, chỉ người giả dối, xảo trá, chuyên đi lừa gạt người.

Lường cân tráo đấu: Cân non để ăn lương, tráo cái đấu khác nhỏ hơn để đong ăn gian.

Dối tu cúng chùa: Đi cúng chùa để giả danh là kẻ tu hành mà để bề gạt người nhẹ dạ.

161. Còn hoi hóp tranh đua bay nhảy,
Nhắm mắt rồi phui thây lợi danh.
Lương tâm thường xét cho rành,
Của không phải nghĩa, chớ sanh lòng tà.

165. Người quân tử chẳng thà chịu khổ,
Đâu làm điều nhục tổ hổ tông.
Đứa ngu thấy của thì mong,
Không gìn tội lỗi, phép công nước nhà.

CHÚ THÍCH

Hoi hóp: Thờ rất yếu, tình trạng hấp hối sắp chết.

Tranh đua bay nhảy: Tranh đấu, hết làm việc nọ tới việc kia để mưu cầu danh lợi, không chịu ngồi yên.

Nhắm mắt rồi: Lúc chết rồi. **Phui thây:** Gạt bỏ tất cả.

Của không phải nghĩa: Tiền của phi nghĩa.

Quân tử: Mẫu người lý tưởng của Nho giáo nêu ra để mọi người học tập noi theo. Người quân tử là người có tài năng và phẩm hạnh hơn người. Người quân tử lúc nào cũng ung

dung thơ thối, ưa làm điều hay việc phải, sẵn sàng giúp ích mọi người, thuận tòng Thiên lý, thường đem Đạo lý khuyên đời cải ác tùng lương, tấm lòng không bao giờ phóng túng bôn chôn theo vật dục để phải bước vào ngõ quấy. Dù gặp bất kỳ cảnh ngộ khó khăn nào, người quân tử cũng tỏ ra bình thản, giữ vững tư cách cao thượng, không để Thất tình loạn động, Lục dục khiến sai, làm điều sai quấy.

Nhục tổ hổ tông: Nhục tổ là làm như nhúc tổ tiên, hổ tông là làm xấu hổ dòng họ mình. **Đứa ngu:** Kẻ tiểu nhân.

Phép công nước nhà: Pháp luật của quốc gia.

169. Bày chước độc, xúi ra việc quấy,
Tổn cho người mà lấy lợi riêng.
Hễ nghe khua động đồng tiền,
Sửa ngay làm vạy, không kiêng chút nào.

173. Người nghèo khổ biết sao than kể,
Kể lẽ nhiều cậy thế ý quyền.
Làm quan tính kế đảo điên,
Gạt thâu gia sản, đất điền của dân.

CHÚ THÍCH

Chước độc: Mưu kế sâu độc để hại người.

Xúi ra việc quấy: Xúi giục làm việc sai quấy.

Tổn cho người: Làm hao tổn tiền bạc của người.

Hai câu 171-172: Hễ nghe nhà nào có nhiều tiền bạc, thì bày vẽ mưu kế ác độc, sửa điều ngay thẳng thành việc sai quấy, để người ta lo sợ mà đem tiền bạc lo lót cho mình. Họ không nể sợ Thần Thánh một chút nào hết.

Lẽ nhiều: Dem tiền bạc hay đồ quý giá dâng cho kẻ quyền thế để cầu xin quyền lợi mà đứng ra pháp luật không cho phép hưởng. **Cậy thế ý quyền:** Cậy vào thế lực của phe đảng mình, lạm dụng quyền hành mình làm điều bất chánh.

Câu 174: Kẻ đem nhiều lễ vật quý giá lo lót cho cấp trên để

cậy thế lực của cấp trên che chở, rồi lạm dụng quyền hành của mình làm điều phi pháp, thâu tóm lợi riêng.

Tính kế đảo điên: Tính toán mưu kế lung tung, tráo trở bất thường, để thâu tóm lợi lộc về mình.

Gia sản: Tài sản của một gia đình. **Gạt thâu gia sản:** Lường gạt người để chiếm đoạt gia sản của người.

177. Thả tôi tớ thôn lân húng hiếp,
Bức gái lành, ép thiếp đòi hầu.
Trong lòng mưu chước rất sâu,
Mai sau suy sụp, đảo đầu ra chi.

181. Gái xướng ky, trai thì du đãng,
Phá tan hoang gia sản suy vi.
Làm người phải khá xét suy,
Của rơi chớ lượm, tham thì phải thâm.

CHÚ THÍCH

Tôi tớ: Người giúp việc trong nhà để chủ nhà sai phái công việc. **Thôn lân:** Thôn là một ấp, lân là một xóm. Thôn lân là thôn xóm trong làng. **Húng hiếp:** Húng là hống hách, hiếp là bắt ép. Húng hiếp là hống hách hiếp đáp người.

Câu 178: Áp bức con gái nhà lành, ép buộc đòi hỏi phải làm hầu thiếp cho mình, tức là buộc làm vợ bé cho mình.

Đảo đầu: Đảo là tới, đầu là chỗ cuối cùng. Đảo đầu là đến lúc cuối cùng.

Xướng ky: Xướng là ca hát, ky tức là kỹ nữ, gái buôn hương bán phấn. Gái xướng ky là con gái làm ả đào, ca hát cho khách nghe, lại bán thân cho khách.

Du đãng: Du là trôi nổi lông bông, đãng là rong chơi lêu lổng. Trai du đãng là những đứa con trai rong chơi phóng túng, thường tụ tập để phá phách, nhậu nhẹt, gây gổ đánh lộn.

Suy vi: Sút kém dẫn đến độ nghèo hèn.

Tham thì phải thâm: Tham lấy món tiền nhỏ, mà bị lạm vào

một món tiền khác lớn hơn. Thành ngữ này có ý chê cười và răn đe những người có tánh tham lam.

185. Còn một nỗi gian dâm đại tội,
Lấy vợ người làm lỗi tiết trinh.
Tuy là Trời Đất rộng thình,
Mắt đường sao nháy chiếu minh lòng người.
189. Lương tâm biết hổ người chừa lỗi,
Mới biệt phân sừng đội lông mang.
Việc lành việc dữ đồn vang,
Tuy là bóng khuất xương tan tiếng còn.

CHÚ THÍCH

Gian dâm: Việc quan hệ xác thịt nam nữ một cách bất chánh, như lấy vợ người hay lấy chồng người. **Đại tội:** Tội lớn, tội nặng. **Tiết trinh:** Tiết là cứng cõi ngay thẳng, trinh là lòng trong sạch của vợ đối với chồng. Tiết trinh là lòng cứng cõi ngay thẳng quyết giữ lòng trong sạch đối với chồng.

Mắt đường sao nháy: Mắt đây là mắt Trời. Mắt Trời sáng như ánh sao, soi rọi khắp nơi, thấy rõ tất cả.

Chiếu minh: Chiếu sáng. **Hổ người:** Cảm thấy xấu hổ. Hổ là tủi thẹn, xấu hổ; người là người. **Biệt phân:** Phân biệt.

Sừng đội lông mang: Chỉ loài thú vật có sừng ở trên đầu (trâu, bò, dê,..), có lông ở thân (mèo, chó,..).

Bóng khuất xương tan: Bóng khuất là hình dạng không còn nhìn thấy nữa, ý nói chết; xương tan là người chết đã lâu, xương đã mục, tan biến thành đất.

KHẢO DỊ:

– KSH, MLĐ, Kinh NQ, Kinh Lẽ, Kinh TĐ-TĐ

1936:

- bóng khuất.

– Kinh TĐ-TĐ 1968, 1974, 1975:

- khuất bóng.

193. Gái tiết hạnh giữ tròn danh giá,
Chớ học đòi mèo mả gà đồng.
Làm điều nhục nhã tổ tông,
Tiếng như giặt rửa biển sông đặng nào.
197. Trai trung hiếu sửa trau ba mối,
Đừng buông lung lằm lổ năm hằng.
Hung hoang tội báo nghiệt căn,
Kẻ chê người thị không bằng cỏ cây.

CHÚ THÍCH

Tiết hạnh: Tánh nết cứng cõi ngay thẳng. **Danh giá:** Tiếng tăm và giá trị. **Học đòi:** Bắt chước những việc không tốt.

Mèo mả gà đồng: Con mèo hoang ngoài mả, con gà hoang ngoài đồng, chỉ đám thanh niên nam nữ không đứng đắn, lên lút hện hò tình tự, chung chạ nhau nơi đồng hoang mả vắng. Đó là hạng người ngoài vòng lễ giáo, đáng khinh bỉ.

Tổ tông: Tổ tiên của dòng họ.

Tiếng như: Tiếng tăm như nhục, nhục nhã.

Ba mối: dịch chữ Tam cang. Cang là giếng mối. Tam Cang gồm: Quân thân cang, Phụ tử cang, Phu thê cang.

Năm hằng: dịch chữ Ngũ thường. Thường là hằng có. Ngũ thường gồm: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

Buông lung: Thả lỏng ra cho hoàn toàn tự do để nó trở nên hung dữ. **Hung hoang:** Hung dữ không ai kềm chế nổi.

Tội báo: Báo đáp lại những tội lỗi đã gây ra lúc trước.

Nghiệt căn: Những việc ác độc (Nghiệt) trong kiếp trước là gốc rễ (Căn) của các tai họa xảy đến trong kiếp này.

201. Khá tiết kiệm hằng ngày no đủ,
Tánh siêng năng lam lũ làm ăn.
Lòng chùa biếng nhác kiêu căng,
Của tiền lương phí không ngần phải tiêu.
205. Lòng Trời Đất thương đều muôn vật,
Đức háo sanh Tiên Phật một màu.
Thượng cầm hạ thú lao xao,
Côn trùng thảo mộc loài nào chẳng linh.

CHÚ THÍCH

Lam lũ: hay Lam lũ, nghĩa là: Cố chịu đựng vất vả nghèo khổ để làm việc. **Biếng nhác:** Lười biếng.

Kiêu căng: Tự đắc cho mình là hơn người nên tỏ ra khinh người. **Không tới:** Không tới mức cần thiết.

Háo sanh: Ưa thích sự sống. Háo sanh là bản chất của Thượng Đế. “Chi chi hữu sanh cũng bởi Chơn linh Thầy mà ra, hễ có sự sống ắt có Thầy. Thầy là Cha của sự sống. Vì vậy là lòng háo sanh của Thầy không cùng tận.” (TNHT. II. 62)

Một màu: Ý nói giống hệt nhau.

Thượng cầm hạ thú: Ở trên thì có loài chim, ở dưới có loài thú vật. **Lao xao:** Rộn lên xen lẫn vào nhau.

KHẢO DỊ:

– KSH. MLĐ, Kinh NQ:

- Khá tiết kiệm.

– Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968, 1974, 1975, Kinh Lễ:

- Thà tiết kiệm.

Khá là nên, phải. **Thà** là đành, cam đành.

Chữ **KHÁ** có ý tác động, chữ **THÀ** có ý thụ động.

209. Nó cũng muốn như mình đặng sống,
Nỡ lòng nào tuyệt giống dứt nòi.
Bền công kinh sách xem coi,
Vô can sát mạng, thiệt thòi rất oan.
213. Chớ kiếm thế gọi ngoan xảo trá.
Lưới rập chim, thuốc cá, đốt rừng.
Thương thay phá noãn lây lừng,
Tội căn báo ứng, biết chừng nào an.

CHÚ THÍCH

Tuyệt giống dứt nòi: Làm cho tiêu mất nòi giống.

Bền công: Làm công việc bền bỉ lâu dài.

Vô can: Không dấn dấp tới. **Sát mạng:** Giết chết mạng sống.

Rất oan: Rất oan uổng vì không cố ý làm.

Câu 212: Nó không làm hại chi đến mình, mà mình giết chết nó thì trái hẳn với đức Háo sanh của Thượng Đế, nên mình phải bị tội tình, thiệt thòi rất oan uổng.

Kiểm thế: Tìm cách nầy cách nọ. **Ngoan:** Khôn ngoan.

Câu 213: Chớ tìm cách xảo trá mà làm để gọi là khôn ngoan.

Lưới rập chim: Cái lưới giăng ra, bỏ mồi cho chim vào ăn rồi giựt lưới cho sập xuống, chim mắc vào lưới đặng bắt. Rập là làm bẫy để bắt. **Thuốc cá:** Bỏ thuốc độc vào nước để cá nhảy ra ngoài mà bắt. **Đốt rừng:** Đốt cháy rừng cho các loài thú chạy ra mà bắt. **Phá noãn:** Phá tổ chim để lấy trứng.

Tội căn báo ứng: Tội lỗi gây ra là cái gốc rễ cho việc báo ứng sau nầy, tức là sẽ có tai họa báo đáp lại.

217. Lại có kẻ hung hoang ác nghiệt,
Cướp giựt rồi chém giết mạng người,
Đoàn năm, lũ bảy đạo chơi,
Hiếp người lương thiện, phá đời hại dân.

221. Tọa khá tướng thương lẫn nòi giống,
 Hãy xét vì mạng sống khó cầu.
 Cũng đừng bài bạc lận nhau,
 Rửa ren rửa quén, lấy xâu ăn đầu.

CHÚ THÍCH

Hung hoang: Hung là dữ tợn, hoang là không được kềm chế. Hung hoang là hung dữ không ai kềm chế nổi.

Ác nghiệt: Độc ác và khắc nghiệt.

Hai câu 219-220: Kết bè thành nhóm năm bảy đứa du đảng rong chơi đàng điếm, hiếp đáp người lương thiện, phá hại dân chúng, làm mất an ninh trật tự trong vùng.

Tọa: Nên, hãy. **Tọa khá:** Hãy nên.

Câu 221: Hãy nên tưởng nghĩ đến mà thương mến nòi giống dân tộc mình.

Câu 222: Hãy suy xét để biết rằng mạng sống con người rất quý báu, một khi mạng sống mất thì không thể cầu xin lấy lại được.

Bài bạc lận nhau: Đánh bài đánh bạc, ăn gian ăn lận nhau. Thường nói: Cờ gian bạc lận.

Lấy xâu: Tổ chức và chứa đám đánh bài để lấy tiền chõ, gọi là lấy tiền xâu.

Ăn đầu: Ăn tiền đầu, tức ăn tiền cò.

225. Phải hiểu biết máy sâu họa kín,
 Thánh Thần đâu tư lệnh bỏ qua.
 Thường ngày tuần khắp xét tra,
 Phạt người hung ác, đọa sa A Tỳ.
229. Sống dương thế, hành thì căn bệnh,
 Xui tai nạn dập dính theo mình.
 Ăn năn khử ám hồi minh,
 Từ bi Trời Phật rộng tình xét cho.

CHÚ THÍCH

Máy sâu: Máy Trời sâu xa huyền diệu.

Họa kín: Tai họa không để lộ ra, chừng tai họa đến thì mới biết. **Tư lệnh:** Tư là có lòng riêng. Tư lệnh là ra lệnh riêng theo ý mình để mưu lợi cho mình.

Đọa sa: Đọa là phạt xuống cõi thấp kém khổ sở, sa là rơi xuống. Đọa sa là phạt rơi xuống cõi Địa ngục.

A Tỳ: Địa ngục đau khổ nhất trong 10 cửa ngục nơi cõi Âm phủ, do Cửu Điện Đô Thị Vương cai quản.

Dương thế: Cõi dương gian, cõi của người sống.

Căn bệnh: Căn là gốc rễ, chỉ cái nghiệp ác được tạo nên bởi những việc làm ác độc trong kiếp sống trước. Căn bệnh là sự bệnh hoạn do nghiệp ác tạo ra, nên còn gọi là Nghiệp bệnh. Bệnh này làm cho người bệnh đau khổ triền miên, không có thuốc nào trị được, nhưng không chết, sống để chịu đau khổ mà trả nghiệp. Nếu biết lo làm âm chất thì mới giải trừ được ác nghiệp, lúc đó mới hết bệnh.

Khử ám hồi minh: Từ bỏ chỗ tối tăm để trở lại chỗ sáng. Ý nói: Từ bỏ đường tà, trở lại đường chánh.

233. Đứng cố oán thâm lo gây họa,
 Đem lòng thù hãm đọa rấp đường.
 Đốt nhà, phá cổng, tháo mương,
 Nước tràn lụt ngập, ruộng vườn tan hoang.
237. Thêm liều mạng đặng toan đồ tội,
 Cho người hiền chịu lỗi vương mang.
 Khi hỗn lia khỏi trần gian,
 Hóa ra nạ qui cơ hàn khổ thân.

CHÚ THÍCH

Cố oán: Cố tâm thù giận. Oán là thù giận.

Câu 233: Đứng cố tâm oán thù người mà âm thầm tìm cách gây ra tai họa cho người.

Ráp đường: Rào bít đường không cho người qua lại.

Tháo cống: Tháo cái cống để cho nước tràn ra ngoài. **Phá mương:** Phá cái mương để nước chảy ra ngoài.

Tan hoang: Tan nát hoang tàn, không còn gì.

Liều mạng: Dù biết việc này nguy hiểm đến tánh mạng nhưng cũng cố làm để thỏa lòng thù hận.

Đổ tội: Đem tội lỗi của mình trút lên đầu người khác.

Người hiền: Người hiền lành, người vô tội.

Vướng mang: Vướng mắc vào.

Nga quỉ: Quỉ đói. Người sống trên cõi trần có tánh độc ác, bôn xén, gian xảo, khi chết, Chơn hồn bị phạt làm Nga quỉ, thân hình xấu xí đầy lông lá, cái bụng lớn như cái trống mà cái miệng thì nhỏ như lỗ kim, ăn không được, chịu đói khát vô cùng. **Trần gian:** Cõi trần, cõi đời.

Cơ hàn: Đói lạnh. Cơ là đói, Hàn là lạnh.

241. Đồi nhiều kẻ khi Thần thị Thánh,
 Âm muội lòng, tánh hạnh gỗ ganh.
 Thấy ai làm phải làm lành,
 Xiêm gièm cho đặng khoe danh của mình.

245. Lại còn có tánh tình hiểm độc,
 Xúi phân chia thân tộc ruột rà.
 Làm cho chồng vợ lìa xa,
 Cả đời nghiệt báo, oan gia chẳng rời.

CHÚ THÍCH

Khi Thần thị Thánh: Khi thị Thần Thánh. Khi thị là khinh rẻ, coi thường. **Âm muội:** Âm là không rõ ràng, muội là tối tăm. Âm muội lòng là lòng dạ đen tối.

Gỗ ganh: Gây gỗ vì ganh tỵ ghen ghét.

Xiêm gièm: Xiêm là đua nịnh, gièm là nói xấu người khác để làm cho người ta mất uy tín. Xiêm gièm hay Gièm siểm là nịnh hót và nói xấu kẻ khác để lợi mình hại người.

Hiểm độc: Nham hiểm độc ác, sâu độc.

Câu 246: Xúi giục làm cho anh em ruột hay bà con ruột thịt gây gỗ đánh nhau, thưa kiện nhau, khiến cho tình ruột thịt phải chia lìa.

Nghiệt báo: Nghiệt là nghiệp ác, báo là đáp lại. Nghiệt báo là cái nghiệp ác báo đáp lại, bằng những tai họa, bệnh tật, đau khổ triền miên.

Oan gia: Oan là thù giận, gia là người. Oan gia là người có mối thù giận với mình.

Câu 248: Suốt đời bị nghiệp ác báo đáp lại, và bị những người thù giận theo phá hại chẳng dứt.

249. Muốn tránh đặng khỏi nơi tội quá,
 Lánh kẻ tà, chẳng khá nên gần.
 Thí tiền thí bạc, chẩn bản,
 Người đau thí thuốc, Thánh Thần phước ban.

253. Đem thanh vắng chớ toan mưu dối,
 Xúi trẻ thơ làm lỗi ngõ ngang.
 Âm đài gông trống sẵn sàng,
 Chờ khi thác xuống, cổ mang hành hình.

CHÚ THÍCH

Tội quá: Quá là lỗi lầm. Tội quá là tội lỗi.

Thí: Đem cho để giúp đỡ. Thường nói: Bố thí.

Thí tiền thí bạc: Đem tiền bạc đến cho để giúp đỡ.

Chẩn bản: Chẩn là cứu giúp, bản là nghèo. Chẩn bản là cứu giúp người nghèo bằng cách đem tiền bạc, vật thực, thuốc men, quần áo, mừng mền đến cho.

Ngõ ngang: Ngõ là ngạo ngược, ngang là bướng bỉnh. Ngõ ngang là bướng bỉnh, làm điều ngược ngạo, sai quấy.

Âm đài: Lâu đài nơi Âm phủ, nơi làm việc của Thập Điện Diêm Vương. Âm đài đồng nghĩa Âm cung, Âm Ty.

Gông trống: Gông là cái khung gỗ nặng để tròng vào cổ tội

nhân. Trống là cái cùm để khóa chân tội nhân.

Cổ mang hành hình: Cho mang gông vào cổ để hành hình tội nhân.

KHẢO DỊ:

– KSH. MLĐ, Kinh NQ, Kinh TĐ-TĐ 1974, 1975:

- cổ mang hành hình.

– Kinh Lễ, Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968:

- hổ mang hành hình.

257. Các thơ truyện huê tình xé hủy,
Kéo để đời làm lụy luân thường.
Nói lời tục tĩu không nhường,
Tội hành cắt lưỡi, trăm đường ghê thay!

261. Lại có kẻ miệng ngay lòng vạy,
Tối làm chùa, dối cây in kinh.
Ăn gian xối bót cho mình,
Dầu qua dương pháp, luật hình Diêm Vương.

CHÚ THÍCH

Truyện huê tình: Sách truyện nói về việc nam nữ tình tự lãng mạn, đôi trụy, ngoài vòng lễ giáo, làm hại nề nếp gia đình. **Kéo:** Chớ bị mắc phải. **Làm lụy:** Làm hại.

Luân thường: Phép tắc cư xử phải tuân theo thì mới hợp lẽ phải và đạo đức. **Tội hành:** Có tội nên bị hành hình.

Tối làm chùa: Đi khuyên người ta đóng góp tiền bạc hay vật liệu để cất chùa, lên cốt Phật, hay ấn tống kinh sách.

Dối cây in kinh: Cây vào việc in kinh sách mà làm điều gian dối, như tiền in có một mà nói lên hai để ăn lời.

Dương pháp: Pháp luật của cõi dương gian.

Luật hình Diêm Vương: Luật pháp về hình phạt của Thập Điện Diêm Vương nơi cõi Âm phủ.

Câu 264: Dù cho có qua mặt được luật pháp nơi thế gian, chớ

làm sao qua được luật pháp của Diêm Vương.

KHẢO DỊ:

– KSH. MLĐ:

- Dầu qua dương pháp, luật hình Diêm Vương.

– Kinh NQ, Kinh Lễ, Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968, 1974, 1975:

- Dầu qua dương pháp, luật hình Diêm Vương.

265. Thêm những sãi giả nương cửa Phật,
Của thập phương châu cấp thê nhi.
Ngày sau đọa lạc Âm Ty,
Thường thường khảo kẹp chẳng khi nào rời.

269. Thấy giấy chữ rớt rơi lượm lấy,
Đốt ra tro bỏ chảy dòng sông.
Thủy triều vận tải biển đông,
Lòng hằng đường ấy, phước đồng ăn chay.

CHÚ THÍCH

Sãi: Thầy chùa, người đàn ông xuất gia tu ở chùa.

Của thập phương: Tiền bạc của bốn đạo khắp nơi (mười phương) dâng cúng cho chùa.

Châu cấp: Giúp cho đầy đủ để bảo đảm cuộc sống.

Thê nhi: Vợ con. Thê là vợ, nhi là con.

Đọa lạc: Đọa là phạt xuống cõi thấp kém khổ sở, lạc là rơi rụng. Đọa lạc là phạt rơi xuống cõi thấp kém khổ sở.

Âm Ty: Ty là cơ quan làm việc. Âm Ty là cơ quan làm việc nơi cõi Âm phủ, chỉ cõi Âm phủ.

Hai câu 269-270: Người xưa quan niệm rằng chữ viết trên giấy là chữ của Thánh Hiền, không được chà đạp hay để rơi rớt vào chỗ dơ dáy. Cần phải lượm gom lại rồi đốt ra tro, đổ tro ấy xuống sông, như vậy mới đặng phước.

Thủy triều: Hiện tượng nước sông hay nước biển lên xuống

hai lần trong 1 ngày đêm. Thủy triều có được là do sức hút của mặt trăng và mặt Trời lên nước biển.

Phước đồng ăn chay: Làm được việc ấy thì có phước đức bằng với việc ăn chay.

273. Chịu cực khổ đắng cay biết mấy,
Cuốc, cày, bừa, gieo, cấy, gặt, đong,
Làm ra lúa gạo dày công,
Dầm mưa dạn nắng kẻ nông nhọc nhằn.
277. Nhờ Viêm Đế đức cao ân nặng,
Tìm lúa khoai, người đặng no lòng.
Ngày ngày vọng niệm chớ vong,
Chẳng nên hủy hoại mới phòng khỏi hoang.

CHÚ THÍCH

Viêm Đế: Hiệu của vua Thần Nông thời cổ nước Tàu. Vua Thần Nông (2737-2697 trước Tây lịch), con của Thiếu Đế và Bà An Đãng. Bà nằm mộng thấy rồng đoanh rôi sanh ra Ngài tại thạch thất trong núi Liệt sơn. Vua Thần Nông có khổ người to lớn, được tôn lên làm vua, lấy Hỏa đức cai trị dân chúng, được thiên hạ phục tùng, long châu hổ báu.

Vua Thần Nông thấy dân giết hại thú vật để ăn thịt quá nhiều, lòng chẳng nở, liền tìm kiếm các giống ngũ cốc, dạy dân cày cấy gieo trồng để dùng làm lương thực.

Vua Thần Nông thấy dân bệnh hoạn, nên ra công tìm kiếm các thảo mộc có vị thuốc trị bệnh cho dân.

Cho nên, vua Thần Nông là tổ sư của nghề nông và cũng là tổ sư của nghề chế tạo thuốc trị bệnh.

Ngài băng tại Trường Sa, thọ 140 tuổi, làm vua 40 năm.

Vọng niệm: Vọng là trông mong, niệm là tưởng nghĩ tới. Vọng niệm là trông mong và tưởng nghĩ tới. **Vong:** Quên.

Mới phòng khỏi hoang: Mới đề phòng khỏi bị lãng phí.

281. Chớ hiểm độc, dạ lang lần lữa,
Nhơn thất mùa, bẽ vừa gặt gao.
Chờ khi lúa phát giá cao,
Khai ra bán mắc, Trời nào dung cho.
285. Ổn trợ giúp khá lo đèn báo,
Giữ vẹn tròn nghĩa đạo với đời.
Túng cùng vay mượn của người,
Vui lòng tính trả vốn lời cho kham.

CHÚ THÍCH

Hiểm độc: Nham hiểm độc ác.

Dạ lang: Lòng dạ hiểm độc như lang sói. Dạ là lòng dạ, lang là con chó sói.

Lần lữa: Kéo dài thời gian để chờ lúc thuận tiện.

Thất mùa: Mất mùa lúa vì bị thiên tai.

Bẽ vừa gặt gao: Đóng cửa vừa lúa một cách khắt khe nghiêm ngặt để tích trữ và đầu cơ lúa gạo.

Bốn câu từ 281 đến 284: Nói về người đầu cơ tích trữ lúa gạo. Đó là người có lòng dạ hiểm độc như lang sói, lần lữa chờ đợi cơ hội, nhân khi dân bị mất mùa, thì đi mua gom lúa gạo giấu vào kho thật kỹ, chờ khi lúa phát giá cao, mở kho bán mắc, thu lãi thật nhiều, ai chết mặc ai, tiền thấy bỏ túi. Người độc ác như vậy, Trời nào dung cho!

Đèn báo: Đèn đáp trở lại.

Nghĩa đạo: Đạo nghĩa, đường lối cư xử hợp đạo đức và lẽ phải.

Kham: Chịu đựng nổi.

289. Chớ oán chạ, tham lam ngược ngạo,
Bội nghĩa ân, trở tráo chước sâu.
Luân hồi thưởng phạt rất mau,
Chuyển thân tái thế, ngựa trâu công đền.

293. Người phú túc vun nền âm đức,
Lấy lòng nơn giúp sức trợ nghèo.
Chớ sanh chước hiểm hẹp eo,
Lời tăng quá vốn, kẻ nghèo xiết than.

CHÚ THÍCH

Oán bạ: Thù oán bậy bạ, không lý do chánh đáng.

Bội: Phẫn bội. **Trở tráo:** Thay đổi đen trắng dễ dàng.

Luân hồi: (Xem C. 6 KGO).

Rất mầu: Rất mầu nhiệm, rất huyền diệu.

Tái thê: Đầu kiếp xuống trần một lần nữa. Tái là làm lại một lần nữa. Thê là đời, cõi trần.

Chuyển thân tái thê: Chuyển qua một xác thân mới để đầu kiếp xuống trần một lần nữa. Ngựa trâu công đền: Làm thân trâu ngựa để lấy công đền tội.

Phú túc: Phú là giàu, túc là đủ. Người phú túc là người giàu có đầy đủ. **Vun:** Bồi đắp thêm.

Âm đức: Việc làm lương thiện tạo ra phước đức mà không khoe khoang, chỉ có Thần Thánh chứng biết.

Lòng nơn: Lòng nơn từ thương người mẫn vật.

Chước hiểm: Mưu kế sâu độc nguy hiểm.

Câu 296: Cho vay tiền với mức lãi quá cao, tiền lời nhiều hơn tiền vốn, kẻ nghèo kêu than không kể hết.

297. Làm mặt phải bạc ngàn cúng Phật,
Ép kẻ nghèo cố đất cắm vườn.
Phật Trời nơn vật đồng thương,
Có đầu hưởng của bất lương mà mời.

301. Phận làm chủ lấy lời nhỏ nhẹ,
Mà nghiêm trừng mấy kẻ tội đòi.
Đừng lòng nham hiểm hẹp hòi,
Buông lời chửi rửa, đòn roi không từ.

CHÚ THÍCH

Làm mặt phải: Làm ra vẻ bề ngoài như là người biết lo làm điều phải, biết mẫn chuộng đạo đức tu hành.

Cố đất cắm vườn: Đem giấy tờ chủ quyền vườn đất giao cho người giàu cầm giữ để xin vay tiền. Nếu quá kỳ hạn không đem tiền đến trả cả vốn lẫn lời thì vườn đất bị mất luôn vào tay chủ nợ.

Câu 298: Ép buộc người nghèo lúc thất ngặt cần tiền thì đem vườn đất cầm cố cho mình. **Nơn vật:** Người và vật.

Câu 299: Trời và Phật đều thương yêu người và loài vật một cách đồng đều như nhau.

Câu 300: Đem của bất lương cúng Phật, Phật đầu có chứng mà mời.

Nghiêm trừng: Trừng trị một cách nghiêm khắc.

Tội đòi: Đầy tớ trong nhà, tức là những người được chủ nhà mướn để chủ nhà sai phái làm công việc trong nhà.

Nham hiểm: Độc ác một cách sâu kín, được che đậy khéo léo, rất khó biết được. **Không từ:** Không chừa ra.

305. Tánh ác độc, tội dư tích trữ,
Chốn Âm Cung luật xử nặng nề.
Đánh đòn khảo kẹp gớm ghê,
Hành hình khổ não chẳng hề nói tay.

309. Miền Âm cảnh nhiều thay hình lạ,
Cõi dương trần tội quá đầy đầy.
Thánh Hiên kinh sách dạy bày,
Lòng người ám muội, lỗi gây ra hoài.

CHÚ THÍCH

Tội dư: Tội lỗi nhiều quá đến độ dư thừa.

Âm Cung: Cung điện ở cõi Âm phủ, nơi làm việc của Thập Điện Diêm Vương cai quản 10 cửa Địa ngục.

Luật xử: Chiếu theo luật pháp mà xét xử và định án.

Hành binh: Thi hành các hình phạt trừng trị tội nhân.

Nơi tay: Nơi lỏng tay ra, ý nói giảm bớt khổ khe.

Câu 308: Ý nói: Nơi Địa ngục Vô gián, tội nhân bị hành hình chẳng hề gián đoạn, hết sống rồi chết, hết chết rồi sống, bị hành khổ não luôn luôn.

Âm cảnh: Cõi Âm phủ. **Hình lạ:** Hình phạt lạ lùng.

Dương trần: Cõi thế gian, cõi của nhơn loại đang sống

Tội quá: Tội lỗi nói chung. Quá là lắm lỗi.

Thánh Hiền: Bực Thánh, bực Hiền. Thánh thì có trí tuệ sáng suốt, Hiền là người có tài đức vượt hẳn mọi người. Đạo Cao Đài có Tam thập lục Thánh (36 vị Phối Sư), Thất thập nhị Hiền (72 vị Giáo Sư).

Ám muội: Ám là tối mờ, không rõ ràng, muội là tối tăm. Ám muội là tối tăm. Lòng ám muội là lòng dạ tối tăm.

313. Kẻ lỗ mãng chê bai khinh dễ,
Rằng thác rồi còn kể ra chi.
Nhân tiên trả quả tức thì,
Tội dư con cháu một khi đến bởi.

317. Chớ quấy tướng luân hồi phi lý,
Mà hung hăng chẳng nghĩ chẳng suy.
Thi hài như gỗ biết gì,
Linh hồn là chủ thông tri việc đời.

CHÚ THÍCH

Hai câu 313-314: Kẻ lỗ mãng, không tin có linh hồn, chê bai khinh rẻ tôn giáo, cho rằng con người chết rồi là hết, không còn gì tồn tại để nói nữa.

Đấng Thượng Đế dùng hiện tượng Cơ Bút mở Đạo Cao Đài kỳ này là để chứng minh cho nhơn loại thấy rằng:

1. Có sự hiện hữu của Thượng Đế, Đấng sáng tạo ra CKVT và vạn vật.
2. Con người có linh hồn. Linh hồn đích thực là chủ

nhân của thể xác. Thể xác chết nhưng linh hồn vẫn tồn tại, xuất ra khỏi thể xác, đi lên cõi thiêng liêng.

3. Có thể giới vô hình, đó là cõi sống của linh hồn và của các Đấng Thần Thánh Tiên Phật.

Nhân tiên: Ngay trước mắt. **Trả quả:** Đền trả cái kết quả báo đáp lại do các việc làm ác độc thuở trước. **Phi lý:** Không có lý.

Thi hài: Thể xác con người. **Thông tri:** Biết rõ.

Câu 316: Đã trả quả rồi mà chưa trừ hết tội, số tội còn dư lại đó thì con cháu phải đền trả đến hết mới thôi.

321. Lúc chung mạng, dứt hơi hồn xuất,
Quỉ Vô thường sẵn chực đem đi.
Dắt hồn đến chốn Âm Ty,
Xét xem công quả chẳng ly mây hào.

325. Người lương thiện ra vào thông thả,
Kể tội nhiều dày đọa rất minh,
Phật Trời phép lạ hiển linh,
Hành cho tan xác, huồn hình như xưa.

CHÚ THÍCH

Chung mạng: Mạng sống chấm dứt, tức là chết.

Dứt hơi hồn xuất: Thể xác chết thì linh hồn xuất ra.

Quỉ Vô thường: Loài quỉ luôn luôn biến đổi hình dạng, có nhiệm vụ dẫn linh hồn người chết xuống cõi Địa ngục cho Diêm Vương tra xét công và tội để xử đoán.

Chẳng ly mây hào: Chẳng lìa ra một chút thật nhỏ, ý nói chẳng sơ sót một chút nào.

Công quả: Những việc làm thiện, giúp người giúp đời, giúp đạo, sẽ hưởng được kết quả tốt đẹp về sau.

Tan xác: Tan là tan nát, xác là xác thân. Tan xác là xác thân tan nát. **Hành cho tan xác:** Hành hình cho đến khi xác thân tan nát mới thôi. (Xem Chú thích Câu 348)

Huồn hình: Cho trở lại hình hài (xác thân TL) như xưa.

KHẢO DỊ:**- KSH. MLĐ:**

- Hành cho tán giác.

- Kinh NQ, Kinh Lễ, Kinh TĐ-TĐ 1936:

- Hành cho tan giác.

- Kinh TĐ-TĐ 1968, 1974, 1975:

- Hành cho tan xác.

Tán giác đồng nghĩa *Tan giác*. Tán hay Tan là tiêu tan, giác là sự hiểu biết..

329. Con bất hiếu, xay, cửa, đốt, giã,
Mổ bụng ra phanh rã tim gan.
Chuyển thân trở lại trần gian,
Sanh làm trâu chó đội mang lông sừng.

333. Kìa những gái lấy lừng hạnh xấu,
Bỏ vạc đồng đốt nấu thắm kinh.
Vì chứng trình tiết chẳng gìn,
Có chồng còn lại ngoại tình với trai.

CHÚ THÍCH

Giã: Bỏ vào cối rồi dùng chày đập cho nát.

Phanh rã: Dùng dao xẻ cho rã ra nhiều miếng nhỏ.

Hai câu 331-332: Cho luân hồi chuyển kiếp trở lại cõi trần, đầu thai làm thân trâu chó đội sừng mang lông để đền bồi tội lỗi.

Lấy lừng: Tiếng tăm vang dội.

Vạc đồng: Cái chảo lớn làm bằng đồng thau.

Thắm kinh: Thắm khốc, kinh khủng, rất ghê sợ.

Vì chưng: Vì bởi, tại vì.

Trình tiết: Tiết là lòng cứng cõi không chịu khuất, trình là lòng trong sạch của vợ đối với chồng. Trình tiết là lòng chung thủy của vợ đối với chồng.

Ngoại tình: Có quan hệ yêu đương bất chánh với người ngoài khi đã có vợ hoặc có chồng.

337. Kẻ tham lợi cột mai cột mối,
Chuốt trau lời giả dối ngọt ngon.
Dễ dành rù quyến gái non,
Làm hư hoại tiết cháu con nhà người.

341. Lòng lang độc vui cười hơn hổ,
Chốn Diêm đình phạt quở trừng răn.
Gông kẽm khảo kẹp lằng xằng,
Hành cho đáng kiếp tội căn đã làm.

CHÚ THÍCH

Cột mai cột mối: Kẻ làm mai làm mối cột buộc vào. Nhà có con gái đẹp mà nghèo thường bị những bà chuyên làm mai mối đến gạ gẫm, nói lời giả dối ngon ngọt, dụ dỗ gả bán cho nhà giàu làm hầu thiếp, để họ được hưởng tiền môi giới.

Rù quyến: Dụ dỗ quyến rũ. **Gái non:** Con gái mới lớn lên chưa đủ khôn ngoan kinh nghiệm.

Làm hư hoại tiết: Làm cho hư hỏng cái khí tiết của con người hay cái tiết trinh của con gái. Hoại là hư hỏng.

Lòng lang độc: Lòng độc ác như lang sói. Lang là chó sói, thường nói là Lang sói.

Diêm đình: Triều đình của Diêm Vương ở cõi Âm phủ.

Phạt quở trừng răn: Quở phạt, trừng trị và răn cấm.

Hành: Trừng phạt làm cho đau đớn khổ sở.

Đáng kiếp: Xứng đáng với cái tội đã làm trong kiếp sống nơi cõi trần, không có gì là oan ức hay quá đáng cả.

Tội căn: Tội lỗi đã gây ra trong kiếp sống trước. Căn là gốc rễ, chỉ những việc làm trong kiếp sống trước.

345. Ngục đao kiếm cầm giam phạm ác,
Tánh gian dâm hành phạt gớm ghê.
Giáo gươm bén nhọn tư bề,
Chém đâm máu chảy tràn trề ngục môn.
349. Hành đến chết hườn hồn sống lại,
Cho đầu thai ở tại thanh lâu.
Ngày đêm đưa rước chục châu,
Cồng bình Thiên đạo, phép mầu Chí Linh.

CHÚ THÍCH

Gian dâm: Quan hệ thể xác một cách bất chánh với người không phải là vợ mình hay chồng mình. **Tư bề:** 4 bên.

Câu 348: Người tội lỗi chết đã bỏ xác phạm nơi cõi trần rồi, chỉ có Chơn thân và linh hồn bị giam vào Địa ngục, sao lại có chém đâm máu chảy tràn trề ngục môn? Giống như còn xác phạm nơi cõi trần? Đây là phép huyền diệu ở Địa ngục, làm cho Chơn thân tội nơn tưởng như có thân thể, ruột gan tim phổi, miệng lưỡi y như nơi cõi trần, biết đói khát, biết đau đớn vì bị đâm chém máu chảy. Sau khi bị hành hình cho đến chết rồi, thì nhờ thứ nước huyền diệu nơi Địa ngục, rưới lên chơn thân thì chơn thân sống trở lại y như lúc trước.

Thanh lâu: Lầu xanh, nơi chứa gái mãi dâm. **Phép mầu Chí Linh:** Phép thuật mầu nhiệm của Thượng Đế.

KHẢO DỊ:

– KSH. MLĐ:

- chục hầu.

– Kinh NQ, Kinh Lễ, Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968,
1974, 1975:

- chục châu.

Chục hầu: Chờ sẵn một bên để hầu hạ. **Chục châu:** Châu chục.

353. Móc nhọn vắt treo mình nhông nhảnh,
Cối đập đồng rất mạnh giã dân.
Ấy là phạt kẻ lường cân,
Đo gian đong thiếu, Thánh Thần chẳng kiềng.
357. Bầy chó dữ mang xiềng chạy đại,
Thấy tội nhân xúm lại phân thây.
Hình nầy phạt kẻ đại ngày,
Khinh khi Tam giáo, đọa đày thế ni.

CHÚ THÍCH

Nhọn vắt: Bén nhọn lăm đến độ gây cảm giác ghê rợn.

Treo nhông nhảnh: Treo tồn teng đưa qua đưa lại.

Cối đập đồng: Cái cối có chày đập bằng đồng. Mỗi lần đập lên cán chày thì chày dờ lên cao rồi rớt xuống, đập mạnh xuống cối.

Giã: Dùng chày đập xuống cho nát ra. **Dấn:** Dùng vật cứng đập nhiều lần cho mềm ra.

Lường cân: Cân thiếu để ăn lường (ăn gian).

Đo gian đong thiếu: Đo thiếu, đong không đủ để ăn gian.

Kiềng: Nể sợ. **Xiềng:** Dây xích.

Chạy đại: Xông thẳng tới không có trật tự chi cả.

Phân thây: Cắn xé thi thể ra làm nhiều mảnh.

Tam giáo: Ba nền tôn giáo lớn ở cõi Á Đông gồm: Phật giáo (Thích giáo), Tiên giáo (Lão giáo), Nho giáo (Khổng giáo).

Thế ni: Thế này. Ni là nầy, tiếng thông dụng ở miền Trung VN.

361. Ao nước nóng sôi thì sục sục,
Dầm cho người rã rục thịt xương.
Cũng vì lòng dạ vô lương,
Đệ huynh bất mục, chẳng thương đồng bào.

365. Nhiều gộp núi như đao chơm chơm,
Thấy dùn mình táng đờm rất ghê,
Thây người máu chảy dầm dề,
Tiếng la than khóc tư bề rùm tai.

CHÚ THÍCH

Dầm: Ngâm lâu vào nước. **Rã rục:** Mềm như tờ ra.

Vô lương: Không tốt, không lương thiện.

Đệ huynh bất mục: Anh em không hòa thuận nhau. Đệ là em, huynh là anh, bất là không, mục là hòa thuận.

Đồng bào: Cùng một bào thai, ý nói anh em ruột cùng một cha mẹ sanh ra. Nghĩa rộng: Đồng bào là chỉ dân tộc VN, do sự tích về nguồn gốc của dân tộc VN do Bà Âu Cơ lấy Lạc Long Quân, sanh ra một bào thai trong đó có 100 trứng, nở ra 100 người con. Bà Âu Cơ là Tiên, dẫn 50 đứa con lên núi ở, còn Lạc Long Quân là Rồng dẫn 50 đứa con đi về phía biển Nam Hải. Số 50 người con đi về biển Nam Hải là thủy tổ của dân tộc VN, nên dân VN mới gọi nhau là đồng bào, và xưng mình là dòng giống Tiên Rồng.

Gộp núi: Mỏm núi nhô ra.

Táng đờm: Mất mật, chỉ sự sợ hãi dữ dội. Táng là mất, đờm hay dầm là mật. Thường nói: Táng đờm kinh hồn.

Tư bề rùm tai: Bốn phía ồn ào âm ĩ làm khó chịu lỗ tai.

369. Phạt những kẻ sửa ngay ra vạy,
Tở phản thây, quan lại bất trung.
Hành rồi giam lại Âm cung,
Ngày đêm đánh khảo, trắng cùm xiềng gông.
373. Hình bào lạc cột đồng vôi vôi,
Đốt lửa hồng ánh giới chói lòa.
Trói người vào đó xát chà,
Vì chưng hung bạo đốt nhà, bắn sắn.

CHÚ THÍCH

Quan lại: Quan là người thay mặt triều đình cai trị dân, Lại là viên chức làm việc dưới quyền các quan.

Hành: Làm cho đau đớn khổ sở bằng những hình phạt.

Đánh khảo: Đánh đập, tra khảo.

Trắng cùm xiềng gông: Trắng còn gọi là cái Trống, cái Cùm, dùng để giam chân tội nhân vào một chỗ nhứt định. Xiềng là sợi dây xích có 2 vòng sắt 2 đầu để khóa vào 2 tay hay 2 chân của tội nhân. Gông là cái khung gỗ nặng có khóa gài để tròng vào cổ tội nhân.

Bào lạc: Một dụng cụ hành hình rất ghê gớm, gồm một cái ống lớn bằng đồng, dựng đứng, bên trong đốt than cho cháy đỏ rực. Tội nhân bị cột vào ống đồng cho chết cháy.

KHẢO DỊ:

– KSH. MLD, Kinh NQ, Kinh Lễ, Kinh TĐ-TĐ

1936:

- quan lại.

– Kinh TĐ-TĐ 1968, 1974, 1975:

- tội lại.

Tôi là bề tôi của vua, tức là các quan của triều đình.

377. Có cộp dữ nhản răng đưa vấu,
Gặp tội nhân quào quấu xé thây.
Ấy vì lòng dạ chẳng ngay,
Giết người lấy của bị nạy hình nầy.

381. Áo rộng lớn chứa đầy huyết phần,
Xô người vào lợi lạn nhòm thây.
Tanh hôi mình mấy vấy đầy,
Trối lên hụp xuống, gậy cây đánh đầu.

CHÚ THÍCH

Đưa vấu: Vấu là móng vuốt. Đưa vấu là giương móng vuốt ra

để chuẩn bị vỏ mối.

Tội nhân: Người có tội.

Quào quàu: Vừa quào vừa bầu vào.

Xé thây: Xé xác, xé thể xác ra nhiều mảnh.

Huyết phần: Máu và phân người.

Nhờm thây: Rất ghê tởm.

Vấy dầy: Dính dầy chất dơ bẩn.

Câu 384: Khi hụp xuống, đầu lút mặt nước thì thôi, hễ ngoi đầu lên dặng thờ thì bị Quỷ sứ cắm cây gậy hờm sẵn đập vào đầu. Đây là hình phạt rất khổ sở để trừng trị kẻ gian ác như 4 câu kệ bên dưới.

385. Để hành kẻ chứa râu lừng của,
Trù ếm người, chửi rửa Tổ tông.
Đồ dơ giặt đổ rạch sông,
Đương khi ướ trước thẳng xông chỗ thờ.

389. Vào bếp núc lúc nhơ không kể,
Phơi áo quần chẳng nể Tam quang.
Buông lời tục tĩu dâm loạn,
Lâu mau nặng nhẹ, chịu mang tội nầy.

CHÚ THÍCH

Chứa râu lừng của: Lập sòng bài để người ta vào đánh bài dặng lấy tiền râu; lừa gạt người để lấy tiền râu của.

Đồ dơ: Chỉ quần áo của phụ nữ lúc có kinh nguyệt bị dính dơ. Người xưa cho rằng, máu kinh nguyệt của phụ nữ là dơ bẩn nhất. **Ướ trước:** Dơ bẩn hôi hám. Ướ là hôi hám.

Bếp núc: Nơi đặt bếp để nấu ăn.

Lúc nhơ: Lúc người phụ nữ bị dơ mình vì kinh nguyệt.

Tam quang: Ba vật sáng trên bầu trời gồm: Nhật, Nguyệt, Tinh (mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao).

Câu 390: Phơi áo quần chẳng nể Tam quang: Người phụ nữ lúc có kinh nguyệt, không nên đem áo quần phơi ở chỗ trống

có ánh sáng của Nhật, Nguyệt, Tinh rọi tới; mà phải phơi ở chỗ nào khuất ánh sáng; nếu không nể Tam quang thì phải mang tội.

KHẢO DỊ:

– KSH. MLĐ:

- Vào bếp núc lúc nhơ không kể.

– Kinh NQ, Kinh Lẽ, Kinh TĐ-TĐ 1936:

- Vào bếp núc chỗ nhơ không kể.

– Kinh TĐ-TĐ 1968, 1974, 1975:

- Vào bếp núc chỗ nhơ không kể.

393. Áo rộng sâu chứa đầy giòi tữa,
Hơi tanh hôi thường bữa lấy lừng.
Gạo cơm hủy hoại quen chừng,
Phật ăn dơ dáy mới ứng tội hình.

397. Cột trời ngược quá kinh rất lạ,
Quỷ Dạ Xoa đánh, vả, kẹp, cưa.
Vì chưng chửi gió mắng mưa,
Kêu tên Thần Thánh chẳng chừa chẳng kiêng.

CHÚ THÍCH

Giòi tữa: Ruồi đẻ trứng tạo thành dế, gọi là tữa. Trứng ruồi nở ra con giòi, sống lúc nhúc trong chỗ dơ bẩn hôi thúi. Giòi tữa là chỉ chung trứng ruồi và giòi nhỏ giòi lớn.

Lấy lừng: (Mùi hôi tanh) xông lên dữ dội.

Câu 395-396: Quen tánh hủy hoại cơm gạo, không quý trọng cơm gạo, loại lương thực căn bản nuôi sống con người, thì mắc tội, bị phạt ăn dơ dáy nơi cõi Âm phủ.

Môi ứng tội hình: Hình phạt nặng nề như thế mới xứng với tội lỗi đã gây ra.

Quá kinh: Quá sợ sệt. Kinh là sợ sệt.

Quỷ Dạ Xoa: Loài quỷ có hình dạng kỳ dị ở cõi Địa ngục, tánh

rất ác, cầm các thứ khí giới để hành hình tội nhân.

Quỳ Dạ Xoa có răng nhọn như gươm, mắt sáng như điện nháng, móng tay như đồng, thường cầm kích đâm vào mắt, miệng hay bụng tội nhân nơi cõi Địa ngục.

Vì chưng: Vì bởi. **Kiêng:** Nể sợ.

Chẳng chừa chẳng kiêng: Không chừa ra, cũng không nể sợ.

401. Bàn chông nhọn liên liên đánh khảo,
Tra tội nhờn gian giảo ngược ngang.
Hành người bế dịch trợ hoang,
Thừa năm hạn đói mưu toan bức nghèo.

CHÚ THÍCH

Tra tội nhờn: Tra tấn người có tội, đánh đập nặng nề để truy tìm sự thật. **Gian giảo:** Gian dối xảo trá.

Bế dịch trợ hoang: Bế là đóng lại, Dịch là nhập cảng lúa gạo, Trợ là giúp, Hoang là mất mùa lúa vì bị Thiên tai. Bế dịch trợ hoang là làm bế tắc việc nhập cảng lúa gạo trợ giúp nạn mất mùa. Dân chúng bị Thiên tai mất mùa, thiếu gạo ăn, cần phải nhập cảng lúa gạo để cứu giúp nạn mất mùa, mà có người cố ý làm cho việc nhập cảng ấy bị bế tắc, mục đích để đầu cơ tích trữ lúa gạo, bán ra thật mắc, thâu lợi thật nhiều.

Thừa năm hạn đói: Thừa là nhân cơ hội, hạn là nắng hoài không mưa làm lúa chết. Thừa năm hạn đói là thừa cơ hội những năm có nạn hạn hán kéo dài, lúa chết hết, dân chúng đói khổ. Mưu toan bức nghèo: Tính toán sắp đặt mưu kế để áp bức dân nghèo.

Hai câu 403-404: có ý nghĩa giống 4 câu số: 281-282-283-284. Cả 2 đoạn kinh trên đều nói về người đầu cơ tích trữ lúa gạo, có tánh tham lam hiểm độc, chờ lúc thất mùa, dân chúng đói khổ, giá lúa tăng cao, mở kho lúa gạo bán ra rất mắc, thâu lợi thật nhiều. Trời nào dung tha.

KHẢO DỊ:

– KSH. MLĐ, Kinh Lễ, Kinh TĐ-TĐ 1936:

- bế dịch trợ hoang.

– Kinh TĐ-TĐ 1968, 1974, 1975:

- bế dịch trợ hoang.

405. Thành Uổng Tử cheo leo gớm ghiếc,
Cầm hồn oan rên siết khóc than.
Dương gian ngộ nghịch lằng lòn,
Liều mình tự vận, không màng thảo ngay.

409. Xuống Địa ngục, đọa đầy hành mãi,
Đúng số rồi, còn phải luân hồi.
Hóa công xem xét đến bởi,
Lành siêu, dữ đọa, thêm nhồi tội căn.

CHÚ THÍCH

Thành Uổng Tử: Uổng tử là chết oan, chết mà chưa đúng số. Thành Uổng Tử là cái thành dùng làm nơi giam giữ các linh hồn của người chết oan do tự tử. **Cầm:** Giam cầm.

Tự vận: Tự là chính mình, vận hay vẫn là đâm vào cổ mà chết. Tự vận hay Tự vẫn là tự tử, tự giết mình.

Đọa đầy hành mãi: Bị đày đọa và hành hình mãi mãi.

Câu 410: Đúng số rồi còn phải luân hồi, nghĩa là: Người tự vận chết oan vì chưa đúng số chết, thí dụ như đúng số chết là 31 tuổi, mà mới 21 tuổi đã liều mình tự tử. Linh hồn bị bắt xuống Thành Uổng Tử, bị đày đọa và hành hình mãi trong suốt 10 năm vì tội ngộ nghịch lằng lòn, cho tới năm đúng số 31 tuổi, thì mới được xét cho đi đầu thai.

KHẢO DỊ:

– KSH. MLĐ:

- Quá công.

– Kinh NQ, Kinh Lễ, Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968,
1974, 1975:

- Hóa công.

Quá công: Quá là tội lỗi, công là công đức.

Hóa công: Ông thợ tạo hóa, đó là Đức Chí Tôn Thượng Đế.

413. Cầu Nại Hà bắc giăng sông lớn,
Tội nhờn qua óc rờn dùn mình.
Hụt chơn ván lại gập ghình,
Nhào đầu xuống đó, cua kinh rĩa thây.

417. Nhiều thứ rắn mặt mày dữ tợn,
Ngóng cổ trông mắt trợn dòm người.
Gắp thây nuốt sống ăn tươi,
Vì bày thưa kiện, móc bươi xúi lời.

CHÚ THÍCH

Cầu Nại Hà: Nại hà có nghĩa là: Làm sao? Theo Phật giáo, ở cõi Địa ngục có con sông lớn, trong nước có: Cua, kinh, rắn, rít, rất lớn và dữ tợn. Tội nhân đi đến đó, không có cách nào lội qua sông cho được an toàn, hoặc dùng thuyền bè qua sông cho được, nên mới nói Nại hà? Làm sao? Phép mầu ở cõi Địa ngục tạo ra một cây cầu mỏng mảnh, ván lót gập ghình, tội nhân buộc phải đi lên cầu để qua sông. Ai phước đức nhiều thì đi qua dễ dàng, ai thiếu phước đức, khi đến giữa cầu, bị lọt xuống sông, làm mối cho cua rắn.

Rĩa thây: Cắn xé từng miếng nhỏ thân thể tội nhân.

Gắp thây: Dùng 2 hàm răng nhọn của cái mỏ dài cắn chặt vào thân thể tội nhân đem đi ăn thịt.

Móc bươi xúi lời: Bươi móc chuyện xấu của người, dùng lời nói xúi giục người làm điều sai quấy.

KHẢO DỊ:

– Kinh Lễ năm 1952:

- Gắp thây.

– KSH. MLD, Kinh NQ, Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968,
1974, 1975:

- Gắp thây.

421. Trong núi lửa bay hơi tanh khét,
Linh hồn người đầy nghệt trong ngoài.
Phạt răn quên gái dụ trai,
Bày ra thuốc độc phá thai tuyệt loài.

425. Người ở thế mấy ai khỏi lỗi,
Biết lạc lăm sám hối tội căn.
Tu tâm sửa tánh ăn năn,
Ba giếng năm chặt, năm hằng chớ lời.

CHÚ THÍCH

Quyển rữ gái non, dụ dỗ trai tơ:

Tuyệt loài: Mất hẳn nòi giống. Tuyệt là dứt.

Câu 424: Bày ra thuốc độc để phá thai, làm mất đi sự sanh sản lưu truyền nòi giống.

Đạo Cao Đài quan niệm việc phá thai là một trọng tội, bởi vì nó phạm tội sát sanh, giết chết một mạng sống đang hình thành và nẩy nở trong bụng mẹ; nhưng không chống lại việc ngừa thai, bởi vì ngừa thai là ngăn ngừa sự thành hình một mạng sống, nên chưa phạm tội sát sanh.

Tội căn: Căn là gốc rễ, chỉ những việc làm trong kiếp trước. Tội căn là tội lỗi đã gây ra trong kiếp trước.

Ba giếng: dịch chữ Tam cang. Tam cang gồm: Quân thần cang [Giếng mối vua tôi], Phu tử cang [Giếng mối cha con], Phu thê cang [Giếng mối vợ chồng]. **Năm hằng:** dịch chữ Ngũ thường.

Ngũ thường gồm: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

429. Ngặt có kẻ tưởng Trời tin Phật,
Mà trong lòng chẳng thật kính thành.
Lâm nguy miệng vái làm lành,
Tai qua rồi lại dạ đành phụ vong.
433. Chớ thái quá, đừng lòng bất cập,
Phép tu hành luyện tập nhiều ngày.
Làm lành, xem phải, nói ngay,
Giữ ba điều ấy thiệt rày phước duyên.

CHÚ THÍCH

Lâm nguy: Đến lúc gặp nguy hiểm. Lâm là tới, đến.

Phụ vong: Phụ là ăn ở bạc bẽo, vong là quên. Phụ vong là ăn ở bạc bẽo và quên hết ơn nghĩa đã thọ lãnh.

Hai câu 431-432: có ý nghĩa giống 2 câu 17-18:

*Khi vận trôi lưng lẳng chẳng kể,
Lúc suy vi bầy lễ khẩn cầu.*

Thái quá: Thái là rất, lắm; Quá là qua. Thái quá là vượt khỏi mức bình thường.

Bất cập: Cập là tới kịp. Bất cập là không tới kịp, tức là chưa đúng mức.

Thái quá và bất cập là 2 trạng thái đối chọi nhau: Một là làm việc quá mức, hai là làm việc lè phè. Cả hai đều có hại và khó đạt đến thành công. Phải giữ lấy Trung Dung làm căn bản, làm việc đều hòa, siêng năng, vừa phải, thì chắc chắn đạt được kết quả tốt đẹp.

Rày: Nay, từ nay về sau.

Phước duyên: Điều may mắn tốt lành có được do cái duyên lành tạo ra từ kiếp trước.

437. Lời kệ sám duy truyền khuyến thiện,
Câu văn từ luận biện thật thà.
Chẳng dùng những tiếng sâu xa,
E không hiểu thấu, diễn ra ích gì!
441. Chớ buông tiếng thị phi khinh để,
Rán làm lành phước để cháu con.
Làm người nhơn nghĩa giữ tròn,
Muôn năm bóng khuất, tiếng còn bay xa.

CHÚ THÍCH

Kệ sám: Kệ là bài văn để ngâm, có nội dung giải thích một bài kinh, Sám là ăn năn những lỗi đã qua và thật lòng muốn sửa đổi. Lời kệ sám là chỉ bài Kinh Sám Hối.

Duy truyền: Duy là chỉ có, truyền là trao lại. Duy truyền là chỉ truyền lại với mục đích nhứt định.

Văn từ: Văn chương chữ nghĩa.

Luận biện: Biện luận, đưa ra lý lẽ bàn bạc đúng sai.

Buông tiếng: Nói ra thiếu suy nghĩ. **Thị phi:** Phải trái.

Câu 441: (Khi đọc bài Kinh Sám Hối này, thấy lời văn giản dị, dùng chữ bình dân), thì nói ra lời thị phi thiếu suy nghĩ, và tỏ ý khinh rẻ câu văn mộc mạc thật thà.

Bóng khuất: Ý nói đã chết, hình bóng khuất rồi.

KHẢO DỊ:

– KSH. MLĐ, Kinh NQ:

- duy truyền.

– Kinh Lễ, Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968, 1974, 1975:

- di truyền.

Di truyền: Di là sót lại, để lại; truyền là trao lại. Di truyền là truyền lại cho thế hệ sau những điểm giống thế hệ trước.

Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối

- Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối
- Giải nghĩa chi tiết Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối

BÀI KHEN NGỢI KINH SÁM HỐI*(Giọng Nam xuân)*

1. Nghe lời khuyến thiện rất may,
2. Nguyện lòng niệm Phật, ăn chay làm lành.
3. Ngày ngày tập sửa tánh thành,
4. Đêm đêm tự tỉnh tu hành ăn năn.
5. Một là hối ngộ tội căn,
6. Hai là cầu đặng siêu thăng Cửu huyền.
7. Đương sanh hạnh hưởng phước duyên,
8. Trong nhà già trẻ miên miên thái bình.
9. Sau dẫu đến chốn Diêm đình,
10. Linh hồn trong sạch nhẹ mình thảnh thơi.
11. Luân hồi trở lại trên đời,
12. Tiền công thì cũng Phật Trời thưởng ban.
13. Cầu xin trăm họ bình an,
14. Nước giàu dân mạnh thanh nhàn muôn năm.

CHÚ THÍCH

Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối do Đức Đông Phương Lão Tổ (một biệt hiệu của Đức Thái Thượng Đạo Quân) giảng cơ bản cho, tiếp nối ngay sau Bài Kinh Sám Hối.

Khuyến thiện: Khuyến người ta làm lành.

Nguyện lòng: Tự hứa chắc với lòng mình.

Niệm Phật: Tụng kinh và niệm danh hiệu các vị Phật.

Ăn chay: Ăn các loại thực phẩm là thảo mộc hay xuất phát từ thảo mộc, hoặc được chế biến từ thảo mộc.

Còn Ăn mặn là ăn các thực phẩm là thịt động vật, hay xuất phát từ động vật, hoặc được chế biến từ động vật. Ăn tôm, cua, sò, ốc, khô mực, trứng gà,... đều là Ăn mặn.

Tánh thành: Tánh nét ngay thẳng thành thật.

Tự tỉnh: Tự mình thức tỉnh để biết điều sai quấy mà sửa chữa.

Tu hành: Tu là sửa, hành là làm. Tu hành là ăn ở, cư xử, làm đúng theo giới luật của tôn giáo.

Hối ngộ: Hối hận và giác ngộ.

Tội căn: Tội lỗi đã gây ra trong kiếp sống trước.

Siêu thăng: Bay vượt lên cao lên cõi TLHS.

Cửu Huyền: (Xem chi tiết: C.20 KCTPĐQL).

Đương sanh: Đang sống nơi cõi trần.

Hạnh hưởng: May mắn được hưởng.

Phước duyên: Hưởng được điều may mắn tốt đẹp do cái duyên lành trong kiếp trước tạo ra.

Miên miên: Lâu dài mãi. Miên là lâu dài.

Diêm đình: Triều đình của Diêm Vương cõi Âm phủ.

Linh hồn trong sạch: (Xem: C.4 KHH).

Luân hồi: (Xem: C.6 KGO).

Tiền công: Tiền là trước, công là công đức, công quả. Tiền công là công đức hay công quả đã làm được trong kiếp sống trước.

Trăm họ: dịch chữ Bá tánh, chỉ dân chúng.

Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần

- Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần
- Giải nghĩa chi tiết Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần

**BÀI XUNG TỤNG CÔNG ĐỨC
PHẬT TIÊN THÁNH THẦN**

(Giọng Nam xuân)

1. Hào quang chiếu chín tầng mây bạc,
2. Thần Thánh Tiên thừa hạc cõi rồng.
3. Phép linh thiết rất chí công,
4. Hóa sanh muôn vật, ngưỡng trông phúc đời.
5. Trên điện ngọc, Vua Trời ngự giáng,
6. Trước đền vàng phán đoán phân minh.
7. Cõi trần, Trung giới thình thình,
8. Phàm gian lao khổ đao binh tai nạn.
9. Lòng Trời cảm cứu an lành thứ,
10. Độ chúng sanh muôn xứ gọi ơn.
11. Đạo Nho truyền dạy nghĩa nhơn,
12. Văn Tuyên Khổng Thánh khuyến dân răn đời.
13. Ghi các sách ngàn lời để lại,
14. Chép vào thơ vịnh đại truyền ra.
15. Tây phương cõi Phật chói lòa,
16. Từ bi Phật Tổ hải hà độ dân.
17. Lòng cảm xót dương trần lận đận,
18. Ra oai linh tiếp dẫn nhơn cầm.
19. Phổ Đà có Phật Quan Âm.
20. Ra công cứu thế, ân thâm đức dày.

21. Nhiều kiếp đã đầu thai biết mấy,
22. Xứng hồng trần khuyến dạy thương sanh.
23. Lão Quân ứng hóa Tam Thanh,
24. Khuyên răn nhơn vật lòng lành chớ xao.
25. Cơ huyền diệu Đạo Cao minh chánh,
26. Hiến phép mầu ma lánh quỷ kiêu.
27. Trừ yêu có Thánh Tể Thiên.
28. Qui y Phật pháp ở miền Tây phương.
29. Oai bốn hướng, Thần nhường quỷ sợ,
30. Đức ba giếng tế trợ thương sanh.
31. Hớn Trào Quan Thánh bia danh,
32. Trung can nghĩa khí háo sanh giúp đời.
33. Tuần ba cửa cõi Trời đều dụng,
34. Xét bốn phương dân chúng dữ lành.
35. Linh Tiêu Thái Bạch Trường Canh,
36. Truyền tâu Đế Khuyết dữ lành nhơn gian.
37. Chí từ huệ giúp an lành thứ,
38. Thông rõ đời nhơn sự kết hung.
39. Đại Tiên ở chốn Thiên cung,
40. Lòng lành thi phú thung dung độ người.
41. Ánh Xá lợi sáng ngời Cực Lạc.
42. Hiện kim thân Bồ Tát hóa duyên.
43. Thiên cung Tinh Tú, Thánh, Tiên,
44. Địa Kỳ, Thần Tướng đàn tiền giáng lâm.
45. Lòng sở vọng lâm đàm tụng niệm,
46. Xin giải nạn Nam Thiệm Bộ Châu.
47. Chúng sanh cảm đức cao sâu,
48. Rèn lòng sửa nết lo âu làm lành.

GIẢI NGHĨA

Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần gồm 48 câu thơ song thất lục bát, do Đức Thái Thượng Lão Quân giảng cơ ban cho 40 câu thơ đầu, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật giảng tiếp cho thêm 8 câu chót là trọn bài, tại đàn cơ Minh Lý Đạo vào đầu năm Ất Sửu (1925).

Thuở Khai Đạo, Đức Chí Tôn dạy Phật giáo và Ngũ Chi Minh Đạo dâng kinh cho ĐĐTKPĐ, nên Hội Thánh đến Minh Lý thỉnh bài Kinh này về làm Kinh Đạo Cao Đài.

Câu 1-2: Hào quang chiếu chín tầng mây bạc,
Thần Thánh Tiên thừa hạc cõi rồng.

Hào quang: Ánh sáng tỏa ra chung quanh, thấy giống như những cái lông nhện tủa ra. Ánh sáng này mát dịu chứ không nóng bức như ánh sáng mặt Trời. **Chín tầng mây bạc:** 9 tầng Trời có mây màu trắng bạc. **Thừa hạc:** Cỡi lên chim hạc.

C.1-2: Ánh hào quang chiếu sáng Chín tầng Trời có mây màu trắng bạc. Chú Thần, Thánh, Tiên, Đấng thì cỡi hạc, Đấng thì cỡi rồng.

Câu 3-4: Phép linh thiết rất chí công,
Hóa sanh muôn vật, ngưỡng trông phước đời.

Phép linh: Cái Pháp thiêng liêng của Đức Chí Tôn.

«Thầy khai Bát Quái mà tác thành CKTG nên mới gọi là Pháp, Pháp có mới sanh ra CKVV rồi mới có người nên gọi là Tăng. Thầy là Phật, chủ cả Pháp và Tăng, lập thành các Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy.» (TNHT. I. 52).

C.3-4: Cái Pháp TL của Đức Chí Tôn rất công bình, hóa sanh ra vạn vật, trông ngóng điều tốt lành cho cõi đời.

Câu 5-6: Trên điện ngọc, Vua Trời ngự giáng,
Trước đền vàng phán đoán phân minh.

Điện ngọc: Cung điện bằng ngọc, đó là Linh Tiêu Điện trong

Ngọc Hư Cung, nơi Đức Chí Tôn họp Thiên triều.

Vua Trời: Đức Chí Tôn. **Ngự giáng:** Đức Chí Tôn đi xuống. **Đền vàng:** Đền của vua làm bằng vàng ròng, đó là Huỳnh Kim Khuyết. (Xem: C.5 KNHTĐ).

C.5-6: Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế từ trên Linh Tiêu Điện đi xuống, đến trước Huỳnh Kim Khuyết xem xét công việc và quyết đoán một cách rõ ràng.

Câu 7-8: Cõi trần, Trung giới thịnh thịnh,
Phàm gian lao khổ đao binh tai nạn.

Trung giới: Trung giới, là cõi trung gian giữa Hạ giới và Thượng giới. Hạ giới là cõi trần, Thượng giới là cõi TLHS.

Ấy là sự phân chia CKVT làm 3 cõi giới một cách tổng quát của các Thánh Hiền xưa. **Đao binh:** chỉ cảnh chiến tranh. Đao là cây đao, vũ khí đánh giặc thời xưa; binh là lính.

C.7-8: Cõi trần và cõi Trung giới rộng lớn mênh mông, nhưn loại nơi cõi trần mệt nhọc khổ sở vì chiến tranh và tai nạn.

Câu 9-10: Lòng Trời cảm cứu an lành thứ,
Độ chúng sanh muôn xứ giới ơn.

Cảm: Mỗi rung động trong lòng. **Lê thứ:** Dàn chúng.

C.9-10: Tấm lòng của Đức Thượng Đế cảm động, giúp đỡ dân chúng được an ổn, cứu giúp chúng sanh ở khắp nơi và ban cho nhiều ơn huệ.

Câu 11-12: Đạo Nho truyền dạy nghĩa nhơn,
Văn Tuyên Khổng Thánh khuyến dân răn đời.

Nghĩa Nhân: 2 điều căn bản trong giáo lý Nho giáo. Nhân là tình thương yêu rộng lớn, nghiêng về tình cảm; Nghĩa là việc làm chánh đáng theo lẽ phải, nghiêng về lý trí. Hai mặt Nhân và Nghĩa cần đi liền nhau, bổ sung cho nhau. Nhân là nơi yên ổn của con người, Nghĩa là con đường chánh của con người: Ở thì theo đạo Nhân, làm thì noi theo đường Nghĩa.

Văn Tuyên: Văn Tuyên Vương, tên thụy của Đức Khổng Tử.

C.11-12: Đức Khổng Thánh, Giáo chủ Đạo Nho, truyền dạy về Nhân và Nghĩa, khuyên răn dân chúng.

- Câu 13- Ghi các sách ngàn lời để lại,
14: Chép vào thơ vạn đại truyền ra.

Thơ: tức là Thư: sách. **Vạn đại:** Muôn đời. Đại là đời.

C.13-14: Các kinh sách xưa để lại, trong đó ghi chép biết bao lời hay ý đẹp của Thánh Hiền, truyền lại muôn đời.

- Câu 15-16: Tây phương cõi Phật chói lòa,
Từ bi Phật Tổ hải hà độ dân.

Tây phương cõi Phật: Cõi CLTG là cõi của chư Phật. **Phật Tổ:** Đức Phật Thích Ca. **Hải hà:** Hải là biển, hà là sông. Hải hà là sông biển, ý nói lòng dạ rộng rãi như sông biển.

C.15-16: Cõi CLTG ở hướng Tây là cõi Phật, ánh hào quang chiếu sáng rực rỡ. Đức Phật Thích Ca, Tổ Sư Phật giáo, có lòng từ bi rộng lớn như sông như biển, cứu giúp dân chúng.

- Câu 17- Lòng cảm xót dương trần lận đận,
18: Ra oai linh tiếp dẫn nhơn cầm.

Cảm xót: Cảm động thương xót. **Dương trần:** Cõi trần, cõi của nhơn loại đang sống. **Nhơn cầm:** Loài người và loài chim, ý nói Chúng sanh nơi cõi trần.

C.17-18: Lòng của Phật cảm động thương xót chúng sanh nơi cõi trần chịu nhiều nỗi khó khăn vất vả, nên Phật dùng oai quyền thiêng liêng để tiếp dẫn chúng sanh.

- Câu 19- Phổ Đà có Phật Quan Âm.
20: Ra công cứu thế, ân thâm đức dày.

Phổ Đà: Phổ Đà Sơn ở biển Nam Hải, là nơi Công Chúa Diệu Thiện tu hành đắc quả, hiệu là Quan Thế Âm Bồ Tát. **Ân thâm đức dày:** Ân đức sâu dày.

C.19-20: Ở Phổ Đà Sơn có Đức Phật Quan Âm đặc đạo, Ngài ra công cứu giúp người đời, ơn đức sâu dày.

- Câu 21- Nhiều kiếp đã đầu thai biết mấy,
22: Xuống hồng trần khuyên dạy thương sanh.

Hồng trần: Bụi đời, chỉ cõi trần. **Thương sanh:** Nhơn sanh. **C.21-22:** Đây là nói về Đức Phật Quan Âm, đã đầu thai xuống cõi trần rất nhiều kiếp để khuyên dạy nhơn sanh.

Đức Phật Quan Âm, Ngài còn muốn làm một vị Bồ Tát để cứu độ chúng sanh, nên Ngài xưng là Quan Thế Âm Bồ Tát, được Đức Chí Tôn giao nhiệm vụ Nhị Trấn Oai Nghiêm của Đạo Cao Đài, cầm quyền Phật giáo thời ĐĐTKPĐ.

- Câu 23- Lão Quân ứng hóa Tam Thanh,
24: Khuyên răn nhơn vật lòng lành chớ xao.

Lão Quân: Đức Lão Tử là một kiếp giáng trần của Đức Thái Thượng Đạo Tổ, mở Tiên giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ, nên được gọi là Thái Thượng Lão Quân.

Ứng hóa: Ứng là hiện ra để đáp lại, hóa là biến hóa. Ứng hoá là biến hóa hiện ra để đáp lại. **Tam Thanh:** Ba Thanh: Thái Thanh, Thượng Thanh và Ngọc Thanh.

C.23-24: Đức Thái Thượng Lão Quân biến hóa và hiện ra Tam Thanh (ý nói pháp thuật rất cao siêu huyền diệu), thường khuyên răn chúng sanh, giữ được tâm lòng lành (Thiện tâm), chớ nên xao lãng.

- Câu 25- Cơ huyền diệu Đạo Cao minh chánh,
26: Hiển phép mầu ma lánh quỷ kiêng.

Cơ huyền diệu: Cơ quan huyền diệu, đó là Thiên cơ, Máy Trời. **Đạo Cao:** Cái Đạo cao siêu. Đạo Cao còn có thể hiểu là Đạo Cao Đài do Đức Chí Tôn sáng lập.

Minh chánh: Sáng tỏ, ngay thẳng. **Hiển:** Hiện ra. **Phép mầu:** Pháp thuật huyền diệu.

C. 25-26: Đạo là cơ quan huyền diệu, cao siêu, sáng tỏ, chơn chánh. Hiện rõ ra các pháp thuật huyền diệu làm cho ma quỷ nể sợ tránh xa.

Câu 27- Trừ yêu có Thánh Tề Thiên.

28: Qui y Phật pháp ở miền Tây phương.

Thánh Tề Thiên: Tề Thiên Đại Thánh. **Qui y Phật pháp:** Qui y theo Đạo Phật. Qui y là nguyện tin và làm đúng theo lời Phật dạy, quyết gởi trọn đời mình cho Đạo pháp.

C.27-28: Trừ diệt yêu quái thì có Tề Thiên Đại Thánh. Ngài đã qui y theo Đạo Phật ở cõi Tây phương Cực Lạc.

Theo truyện Tây Du, Tề Thiên Đại Thánh loạn Thiên Cung, bị Phật Tổ bắt, phạt đày dưới Ngũ Hành Sơn 500 năm.

Nhà sư Tam Tạng đi ngang, được Phật Tổ chấp thuận cho cứu Tề Thiên khỏi nạn núi đê, trâu làm đồ đệ. Tề Thiên bảo hộ Tam Tạng đi Tây phương thỉnh kinh. Nhờ công quả này, Tề Thiên đắc Phật vị, hiệu là Chiến Đấu Thắng Phật.

Câu 29- Oai bốn hướng, Thần nhường qui sợ,

30: Đức ba giếng tế trợ thương sanh.

Bốn hướng: Bốn phương, ý nói khắp nơi. **Tế trợ:** Tế là giúp đỡ, trợ là giúp cho. **Ba giếng:** Tam cang.

C.29-30: Cái oai quyền của Đức Quan Thánh trong khắp 4 phương, Thần phải nhường, qui phải sợ. Cái đức của Ngài là giữ vững Tam cang và cứu giúp nhơn sanh.

Câu 31-32: Hồn Trào Quan Thánh bia danh,

Trung can nghĩa khí háo sanh giúp đời.

Hồn trào Quan Thánh: Ngài là Quan Vân Trường, được nhà Hán phong chức Hồn Thọ Đình Hầu (thời Tam Quốc), khi chết thì hiển Thánh, hiệu là Quan Thánh Đế Quân.

Bia danh: Cái danh tiếng để lại cho đời sau.

Trung can: Trung thành và can đảm.

Nghĩa khí: Lòng dạ cứng cỏi ứa chuộng điều phải, ghét điều sai quấy tà gian. **Háo sanh:** Ưa thích sự sống.

C.31-32: Đức Quan Thánh hiển Thánh vào cuối thời nhà Hồn bên Tàu, để lại danh tiếng cho đời, gồm đủ Trung can Nghĩa khí, có đức Háo sanh giúp đời.

Đức Quan Thánh, sau khi đắc vị Thánh, Ngài dùng oai đức cứu độ chúng sanh, diệt quỷ trừ ma giúp đời. Nhờ công đức này, về sau Ngài đắc quả Cái Thiên Cổ Phật. Trong thời ĐĐTKPĐ, Ngài được Đức Chí Tôn giao cho nhiệm vụ Đệ Tam Trấn Oai Nghiêm, cầm quyền Nho giáo.

Câu 33- Tuần ba cửa cõi Trời đều dụng,

34: Xét bốn phương dân chúng dữ lành.

Hai câu này bắt đầu nói về Đức Lý Thái Bạch:

Nơi cõi Trời, Ngài có nhiệm vụ tuần tra 3 cửa Trời.

Nơi cõi trần, Ngài xem xét việc lành việc dữ của dân chúng khắp bốn phương.

Câu 35- Linh Tiêu Thái Bạch Trường Canh,

36: Truyền tâu Đế Khuyết dữ lành nhơn gian.

Linh Tiêu: Linh Tiêu Điện trong Ngọc Hư Cung, nơi họp triều đình của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Thái Bạch Trường Canh: Sao Thái Bạch, còn được gọi là sao Trường Canh. Đó là Sao Kim hay Kim Tinh, nhập chung lại gọi là Thái Bạch Kim Tinh. Vì sao Thái Bạch có một lần đầu kiếp xuống trần, vào nhà họ Lý, đời Đường bên Tàu. Bà mẹ có thai, chiêm bao thấy sao Thái Bạch rơi vào lòng bà, liền sanh ra Ngài, nên đặt tên Lý Thái Bạch, gọi tắt Lý Bạch.

Hiện nay, thời ĐĐTKPĐ, Đức Lý Thái Bạch là một vị Đại Tiên Trường, lãnh nhiệm vụ Nhứt Trấn Oai Nghiêm, cầm quyền Tiên giáo, và lại được Đức Chí Tôn giao cho kiêm nhiệm chức Giáo Tông ĐĐTKPĐ. Như vậy, Đạo Cao Đài có một vị Giáo Tông đầu tiên là Đức Lý Thái Bạch, ở cõi thiêng liêng,

với Tịch Đạo đầu tiên là Thanh Hương.

Đế Khuyết: Đấng Thượng Đế nơi Huỳnh Kim Khuyết.

C.35-36: Đức Lý Thái Bạch vào Linh Tiêu Điện, tâu bày với Đức Chí Tôn các việc lành dữ của nhơn loại ở thế gian.

Câu 37- Chí từ huệ giúp an lê thứ,
38: Thông rõ đời nhơn sự kiết hung.

Chí: Cái ý muốn mạnh mẽ. **Từ:** Lòng thương yêu chúng sanh. **Huệ:** Lòng nhân ái, thương người. **Lê thứ:** Dân chúng. **Nhơn sự:** Việc người. **Kiết:** Lành. **Hung:** Dữ.

C.37-38: Cái chí của Ngài là thương yêu và giúp nhơn sanh an ổn. Ngài biết rõ việc đời, việc người, việc lành việc dữ.

Câu 39- Đại Tiên ở chốn Thiên cung,
40: Lòng lành thi phú thung dung độ người.

Đức Lý Thái Bạch là một vị Đại Tiên ở Thiên Cung (cõi Trời), với tâm lòng lành, Ngài thành thơ dùng văn chương thi phú dạy dỗ và cứu giúp người đời.

KHẢO DỊ:

- KSH. MLĐ, Kinh Lễ, Kinh TĐ-TĐ 1936:
 - Thiên cung.
- Kinh TĐ-TĐ 1968, 1974, 1975:
 - Tiên cung.

Câu 41- Ánh Xá lợi sáng ngời Cực Lạc.
42: Hiện kim thân Bồ Tát hóa duyên.

Xá lợi: Chơn thân của Đức Phật. (Xem giải nghĩa Xá lợi tử trong DLCK). **Ánh Xá lợi:** Ánh hào quang phát ra từ Chơn thân Đức Phật. **Kim thân:** Minh vàng.

Hóa duyên: Hóa là cầu xin, duyên là mối dây ràng buộc. Hóa duyên là nhà sư đi quyên tiền làm việc công đức như xây chùa, đúc tượng, khiến người ta đóng góp tiền bạc, tức là giúp người

ta kết duyên lành với Phật.

Hóa còn có nghĩa là Giáo hóa. Trong trường hợp này, Hóa duyên là nhân duyên giáo hóa. Phật hay Bồ Tát đến cõi đời này là vì có nhân duyên giáo hóa nhơn sanh. Khi nhân duyên ấy hết thì Phật liền trở về ngay.

C.41-42: Ánh hào quang phát ra từ Chơn thân Đức Phật làm sáng ngời cõi CLTG. Chư vị Bồ Tát hiện ra Kim thân đi giáo hóa những người có duyên lành với Phật.

Câu 43- Thiên cung Tinh Tú, Thánh, Tiên,
44: Địa Kỳ, Thần Tướng đàn tiền giáng lâm.

Thiên cung: chỉ Cõi Trời. **Tinh tú:** Các vì sao, ý nói các vị Tinh Quân. **Địa Kỳ:** Địa là đất, Kỳ là Ông Thần đất. Địa Kỳ là các vị Thần đất. **Thần Tướng:** Các vị Thần làm tướng trấn nhậm ở các địa phương. **Đàn tiền:** Trước đàn cúng tế. **Giáng lâm:** Đi xuống tới. Giáng là đi xuống, lâm là tới.

C.43-44: Nơi Thiên cung, các vị Tinh Quân, các vị Thánh và Tiên, các vị Thần Đất, các vị Thần Tướng, xin giáng lâm trước đàn cúng tế.

Câu 45- Lòng sở vọng lâm đảm tụng niệm,
46: Xin giải nạn Nam Thiệm Bộ Châu.

Sở vọng: Điều quan trọng mà mình hằng mong ước.

Nam Thiệm Bộ Châu: Một Châu lớn trong Tứ Đại Bộ Châu nơi cõi thiêng liêng. Cõi trần, tức là Địa cầu 68 của nhơn loại thuộc về Nam Thiệm Bộ Châu.

C.45-46: Lòng sở vọng mong cầu, lâm râm tụng kinh niệm Phật, cầu xin các Đấng Thiêng liêng giải nạn cho nhơn loại nơi cõi trần thuộc Nam Thiệm Bộ Châu.

Câu 47- Chúng sanh cảm đức cao sâu,
48: Rèn lòng sửa nét lo âu làm lành.

Chúng sanh cảm đội ơn đức cao sâu của Đức Chí Tôn và các

Đấng TL, lo tu tâm sửa tánh, và lo âu làm lành.

Bài Giới Tâm Kinh

- Bài Giới Tâm Kinh
- Giải nghĩa chi tiết Bài Giới Tâm Kinh

GIỚI TÂM KINH

(Giọng Nam xuân)

1. Vọng Thượng Đế chứng lòng thành tín,
2. Chúng sanh đồng bái kính khẩn nguyện.
3. Nguyên cho trăm họ bình yên,
4. Nhà nhà no ấm khỏi phiền khỏi than.
5. Nguyên Khổng Thánh bảo toàn Nho giáo,
6. Lấy nghĩa nhân Đại Đạo truyền ra.
7. Tây phương Phật Tổ, Di-Đà,
8. Nam Hải Phổ Đà có Phật Quan Âm.
9. Lễ báo ứng cao thâm huyền diệu,
10. Cho chúng sanh đặng hiểu răn mình.
11. Đạo Quân đức hóa háo sinh,
12. Rộng quyền máy nhiệm an linh cứu đời.
13. Xin xót thương con người ngậy dại,
14. Phép huyền hư truyền dạy thế gian.
15. Mong nhờ lệnh Đức Thánh Quan,
16. Ra oai tiêu diệt cho tàn ác ma.
17. Trường Canh chói rạng lò Kim Khuyết,
18. Xin ban ơn giải nghiệt cho đời.
19. Tề Thiên Đại Thánh để lời,
20. Thiện nam, Tín nữ nghe thời phải vưng.
21. Chớ tự phụ, cũng đừng khi ngạo,

22. Lẽ Trời hằng quả báo chẳng sai.
 23. Lời khuyên già trẻ gái trai,
 24. Khá tua sữa nết, ăn chay làm lành.
 25. Đấng Tạo Hóa hóa sanh muôn vật,
 26. Phú cho người tánh rất linh thông.
 27. Đặt ra có họ có dòng,
 28. Vua, Thầy, cha mẹ, vợ chồng, cháu con.
 29. Tình huynh đệ tày non tợ biển,
 30. Nghĩa hữu bằng phải kiếng phải tin.
 31. Cang tam Thường ngũ phải gìn,
 32. Chứa đức làm lành, làm phước, làm đoan.
 33. Gặp người đói rách khốn nàn,
 34. Ra tay chẩn cứu cho toàn nghĩa nhân.
 35. Mưa chớ ham giọng đờn tiếng quyến,
 36. Thói dâm phong rù quẩn nguyệt hoa.
 37. Có ngày hư nát cửa nhà,
 38. Xa gần đồn tiếng thúï tha vô cùng.
 39. Trường đồ bác cũng đừng léo tới,
 40. Phường trăng hoa hát bội khá từ.
 41. Những điều nhơ nhục phải chừa,
 42. Hồn hào mắng nhiếc, nói thừa nói thêm.
 43. Nơi Địa ngục gông kẽm sẵn đủ,
 44. Để răn loài dâm phụ gian phu.
 45. Ai ai bền chí mà tu,
 46. Phước đem đổi tội cho phu dễ gì?

Có thơ rằng:

47. Dễ gì lộn kiếp đặng làm người,
 May đặng làm người chớ dễ duôi.
 Lành dữ hai đường vừa ý chọn,
 Lành như tòng, dữ tợ hoa tươi.
 51. Hoa tươi, tòng bá khác nhau xa,
 Tòng bá xơ rơ kém sắc hoa.
 Gặp tiết đông Thiên sương tuyết bùa,
 Chỉ còn tòng bá, chẳng còn hoa.
 55. Còn hoa mà lại ích chi đâu,
 Đẹp dáng tươi màu đặng mấy lâu?
 Thử sánh ngọn đèn cùng bóng nguyệt,
 Gió day đèn tắt, nguyệt lâu lâu.
 59. Lâu lâu một tấm tợ đài gương,
 Trung hiếu, tiết trinh vẹn mọi đường.
 Sang cả mặc người đờng bợ đỡ,
 Hoạnh tài, trơ mắt khỏi tai ương.
 63. Tai ương hoạn họa lưỡng ưu sầu,
 Vì bởi hay bày chước hiểm sâu.
 Lập kế đồ mưu âm hại chúng,
 Kiếp sau mang lấy lột heo trâu.
 67. Heo trâu thân thể mạt hèn thay,
 Mãn kiếp lại còn bị xẻ thây.
 Lộng lộng lưới Trời tuy sếu sáo,
 Thưa mà chẳng lọt mảy lông mày.
 71. Mây râu đứng giữa cõi trần gian,
 Gắng sức chống cho vững miếu đàn.
 Phận gái Tam Tòng cùng Tứ Đức,
 Tề gia, nội trợ vẹn là ngoan.

75. Ngoan ngừ chơn chánh Phật Thần thương,
Chơn chánh liên hòa với thiện lương.
Thần Thánh thành do người chánh thiện,
Thiện lương chơn chánh đức không lường.
79. Không lường kẻ thiện với người hung,
Bợ đỡ giàu sang, phụ khốn cùng.
Ngoài mặt giả tuồng người trượng nghĩa,
Trong lòng dối kết chút tình chung.
83. Tình chung dạng cật thể người sang,
Mượn tiếng khua môi với xóm làng.
Lời dạy Thần Tiên không kể đến,
Đạo mẫu chẳng cứ, cứ khoe khoang.

GIẢI NGHĨA

Bài Giới Tâm Kinh do các Đấng Thiêng liêng giáng cơ ban cho chi Minh Tân, một trong Năm chi Minh Đạo. Hội Thánh đến thỉnh bài kinh này về làm kinh ĐĐTKPĐ.

Giới Tâm kinh: Giới là răn cấm, Tâm là lòng dạ. Giới Tâm Kinh là bài kinh có nội dung dạy người sửa tánh răn lòng.

Câu 1-2: Vọng Thượng Đế chứng lòng thành tín,
Chúng sanh đồng bái kính khẩn nguyện.

Vọng: Trông ngóng. **Bái kính:** Lạy với lòng kính trọng.

Khẩn nguyện: Tha thiết mong ước cầu xin.

C.1-2: Trông mong Đức Chí Tôn chứng lòng thành thật tín ngưỡng. Chúng sanh đồng kính lạy và tha thiết cầu xin.

Câu 3-4: Nguyên cho trăm họ bình yên,
Nhà nhà no ấm khỏi phiền khỏi than.

Câu xin cho dân chúng (Bá tánh) được bình yên, mọi nhà đều được no ấm, không còn phiền não, không còn than van.

Câu 5-6: Nguyên Khổng Thánh bảo toàn Nho giáo,
Lấy nghĩa nhân Đại Đạo truyền ra.

Nghĩa nhân: Nhân là tình thương yêu rộng lớn, Nghĩa là việc làm chánh đáng theo lẽ phải. Nhân là nơi yên ổn của con người, Nghĩa là con đường chánh của con người. Ở thì theo đạo Nhân, làm thì noi theo đường Nghĩa.

Đại Đạo: ĐĐTKPĐ tức Đạo Cao Đài, chủ trương Nho Tông Chuyển Thế, lấy tinh hoa giáo lý Nho giáo để khuyến dạy nhơn sanh, làm cho đời trở nên thuần lương đạo đức.

C.3-4: Cầu xin Đức Khổng Thánh bảo toàn Nho giáo. Đạo Cao Đài với chủ trương Nho Tông Chuyển Thế, lấy 2 điều căn bản Nhân và Nghĩa của Nho giáo truyền rộng ra.

Câu 7-8: Tây phương Phật Tổ, Di-Đà,
Nam Hải Phổ Đà có Phật Quan Âm.

Phật Tổ: Đức Phật Thích Ca là Tổ sư của Phật giáo.

Di-Đà: Đức Phật A-Di-Đà. **Nam Hải Phổ Đà:** Núi Phổ Đà ở biển Nam Hải cõi TL, là nơi Công Chúa Diệu Thiện đác đạo thành Phật hiệu là Quan Thế Âm.

C.7-8: Nơi CLTG, có Đức Phật Thích Ca và Đức A-Di-Đà Phật. Nơi Phổ Đà Sơn biển Nam Hải có Đức Phật Quan Âm.

Câu 9-10: Lễ báo ứng cao thâm huyền diệu,
Cho chúng sanh dạng hiểu răn mình.

Báo ứng: Ứng hiện ra để báo đáp những điều đã làm thưở trước, đúng theo Luật Nhân quả. **Cao thâm:** Cao sâu.

C.9-10: Lễ báo ứng của Trời Đất rất cao sâu huyền diệu, để cho chúng sanh hiểu rõ mà răn mình.

Câu 11-12: Đạo Quân đức hóa háo sinh,
Rộng quyền máy nhiệm an linh cứu đời.

Đạo Quân: Đức Thái Thượng Đạo Quân. **Đức hóa:** Dùng

đức mà cảm hóa lòng người. **Háo sinh:** Ưa thích sự sống. **Máy nhiệm:** Máy Trời mâu nhiệm. **An linh:** An ổn TL.

C.11-12: Đức Thái Thượng Đạo Quân dùng đức cảm hóa nhơn sanh, hạp tánh háo sanh của Thượng Đế, nắm giữ Máy Trời mâu nhiệm, an ổn TL, rộng quyền cứu giúp nhơn sanh.

Câu 13- Xin xót thương con người ngây dại,
14: Phép huyền hư truyền dạy thế gian.

Huyền hư: Huyền là huyền diệu, Hư là trống không, hư vô. **Phép Huyền hư:** Phương pháp luyện đạo huyền diệu, luyện cho đến chỗ huyền hư thì đắc đạo.

C.13-14: Xin xót thương con người còn khờ dại, xin truyền dạy Phép luyện đạo huyền diệu để luyện cho Chơn thần đến chỗ huyền hư đắc đạo.

Câu 15-16: Mong nhờ lệnh Đức Thánh Quan,
Ra oai tiêu diệt cho tàn ác ma.

Cho tàn: Cho hết sạch. Tàn là hết. **Ác ma:** Ma quỷ ác độc.

C.15-16: Mong nhờ Đức Quan Thánh Đế Quân ra oai tiêu diệt cho hết sạch lũ quỷ ma độc ác hại người.

Câu 17- Trường Canh chói rạng lò Kim Khuyết,
18: Xin ban ơn giải nghiệp cho đời.

Trường Canh: Sao Trường Canh là sao Thái Bạch, thường gọi là Thái Bạch Kim Tinh. Đấng ấy hiện nay là một vị Đại Tiên Trường lãnh nhiệm vụ Nhứt Trấn Oai Nghiêm kiêm nhiệm Giáo Tông ĐĐTKPĐ. **Kim Khuyết:** Huỳnh Kim Khuyết, là nơi họp Triều đình của Đức Chí Tôn.

Giải nghiệp: Giải là cởi bỏ ra, Nghiệp là nghiệp ác. Giải nghiệp là cởi bỏ nghiệp ác.

C.17-18: Sao Thái Bạch chiếu sáng Huỳnh Kim Khuyết, ý nói: Đức Lý Thái Bạch vào Huỳnh Kim Khuyết châu Đức Chí Tôn, xin Đức Chí Tôn ban ơn cởi bỏ hết các ác nghiệp cho đời.

Câu 19- Tể Thiên Đại Thánh để lời,
20: Thiện nam, Tín nữ nghe thời phải vưng.

Tể Thiên Đại Thánh để lời bảo các tín đồ Nam Nữ, hãy nghe lời dạy bảo và phải vâng theo.

Câu 21- Chớ tự phụ, cũng đừng khi ngạo,
22: Lẽ Trời hằng quả báo chẳng sai.

Khi ngạo: Khinh rẻ, ngạo mạn, đồng nghĩa Khinh ngạo.

Quả báo: Cái kết quả báo đáp lại. Những việc làm trong kiếp trước là Nhân, tạo ra Nghiệp, để báo đáp lại bằng sự hạnh phúc hay đau khổ trong kiếp nầy gọi là Quả. Đây là Luật Nhân Quả thể hiện sự công bình của Trời Đất.

C.21-22: Chớ nên tự phụ, cũng đừng khinh rẻ ngược ngạo. Luật Trời hằng sắp đặt việc quả báo chẳng hề sai chày.

KHẢO DỊ:

– Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968:

- khi ngạo.

– Kinh Lê, Kinh TĐ-TĐ 1974, 1975:

- khinh ngạo.

Câu 23- Lời khuyên già trẻ gái trai,
24: Khá tua sửa nét, ăn chay làm lành.

Khá: Nên. **Tua:** Phải. Khá tua là phải nên.

C.23-24: Lời khuyên cho tất cả Nam, Nữ, già, trẻ, phải nên sửa đổi tánh nết cho tốt đẹp, phải ăn chay và làm lành.

Câu 25- Đấng Tạo Hóa hóa sanh muôn vật,
26: Phú cho người tánh rất linh thông.

Phú cho: Ban cho. **Linh:** TL. **Thông:** Hiểu biết rõ.

C.25-26: Đấng Thượng Đế sanh ra vạn vật, ban cho con người một cái tánh rất thiêng liêng và hiểu biết rõ.

Đó là nhờ điểm Linh quang của Đức Chí Tôn ban cho, nên con người linh thông hơn vạn vật, đứng vào bậc trên chúng sanh, nên gọi là Thượng đẳng chúng sanh.

Câu 27- Đặt ra có họ có dòng,

28: Vua, Thầy, cha mẹ, vợ chồng, cháu con.

Đặt ra cho mỗi người có dòng họ tổ tiên, có Vua, có Thầy, có Cha mẹ, có vợ chồng, có con cháu.

Câu 29- Tình huynh đệ tày non tợ biển,

30: Nghĩa hữu bằng phải kiếng phải tin.

Tày: Bằng, sánh bằng. **Tợ:** Giống như. **Nghĩa:** Cách cư xử đúng lẽ phải. **Hữu bằng:** Bè bạn. **Kiến:** Kính trọng.

C.29-30: Tình thương yêu giữa anh em ruột thịt nặng như núi, sâu như biển. Cái nghĩa giữa bạn bè là phải kính trọng nhau, tin cậy nhau.

Câu 31-32: Cang tam Thường ngũ phải gìn,

Chứa đức làm lành, làm phước, làm doan.

Cang tam: Tam cang, dịch là Ba giếng. Tam cang gồm: Quân thân cang, Phụ tử cang, Phu thê cang. **Thường ngũ:** Ngũ thường, dịch là Năm hằng. Ngũ thường gồm: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. **Làm doan:** Làm duyên, là làm những việc thiện để tạo duyên lành, hưởng phước về sau.

C.31-32: Phải gìn giữ Tam cang và Ngũ thường. Muốn chứa đức thì phải làm lành, làm phước, làm duyên.

Câu 33- Gặp người đói rách khốn nàn,

34: Ra tay chẩn cứu cho toàn nghĩa nhân.

Chẩn cứu: Chẩn là giúp đỡ bằng cách đem vật thực đến cho. Chẩn cứu là cứu giúp, đem tiền bạc, thực phẩm, thuốc men, quần áo đến phát cho người đang bị hoạn nạn.

C.33-34: Khi gặp người đói rách đang hoạn nạn khổ sở, phải ra

tay chẩn cứu, mời trọn vẹn 2 chữ nhân nghĩa.

Câu 35- Mưa chó ham giọng đồn tiếng quyến,

36: Thói dâm phong rù quên nguyệt hoa.

Mưa: Chớ, tiếng dùng với ý cản ngăn.

Tiếng quyến: Tiếng sáo. **Giọng đồn tiếng quyến:** Tiếng đàn tiếng sáo du dương khiến người ta mê theo. Ý nói: Lời nói ngon ngọt của phụ nữ đẹp dụ dỗ vào đường tình ái bất chánh. **Dâm phong:** Thói quen ham mê thú vui xác thịt nam nữ. Phong là thói quen lâu đời.

Nguyệt hoa: Trăng hoa. Do câu: Nguyệt hạ hoa tiền: Dưới trăng trước hoa, ý nói: việc lén lút tình tự lãng mạn giữa trai gái hẹn hò ngắm trăng xem hoa. Đó là tình yêu lãng mạn vượt ra ngoài lễ giáo, bị người xưa ngăn cấm.

C.35-36: Chớ có ham mê theo lời ngon ngọt, quyến rũ vào thói ăn chơi dâm đảng, đi vào các cuộc tình ái lãng mạn.

Câu 37- Có ngày hư nát cửa nhà,

38: Xa gần đồn tiếng thú tha vô cùng.

Có ngày phải bị hư nhà nát cửa, tiếng xấu đồn vang, xa gần đều biết, thật là thú tha hổ thẹn vô cùng.

Câu 39- Trường đồ bạc cũng đừng léo tới,

40: Phường trăng hoa hát bội khá từ.

Trường: Nơi tụ tập nhiều người. **Đồ bạc:** Đánh bài bạc ăn tiền. **Trường đồ bạc:** Sòng bài, nơi tổ chức cờ bạc. **Léo:** Bén mảng tới gần. **Phường:** Đám, bọn. **Hát bội:** Hát diễn các truyện xưa tích cũ, chỉ việc đồn ca xướng hát. Thời xưa cho rằng, người theo đồn ca xướng hát đều lãng mạn phóng túng, không giữ được nề nếp Nho phong. **Khá từ:** Nên từ bỏ.

C.39-40: Đừng bén mảng tới những nơi cờ bạc. Nên từ bỏ đám trai gái trăng hoa lãng mạn và bọn đồn ca xướng hát.

Câu 41- Những điều nhơ nhuốc phải chừa,
42: Hồn hào mắng nhiếc, nói thừa nói thêm.

Nhơ nhuốc: Xấu xa nhục nhã. **Hồn hào:** Có lời nói hay cử chỉ vô lễ, láo xược, khi dễ người trên.

C.41-42: Phải chừa những điều xấu xa nhục nhã, không được hồn hào mắng nhiếc người trên, không được nói thêm nói bớt cho sai sự thật.

Câu 43- Nơi Địa ngục gông kẽm sẵn đủ,
44: Để răn loài dâm phụ gian phu.

Dâm phụ: Người đàn bà dâm đảng lấy chồng người.

Gian phu: Người đàn ông tà dâm lấy vợ người.

C.43-44: Nơi Địa ngục, có sẵn hai hình cụ là: Gông và Kẽm, để trừng trị những kẻ dâm phụ, gian phu.

Câu 45- Ai ai bền chí mà tu,
46: Phước đem đổi tội cho phu để gì?

Phước: Phước đức. **Phu:** Đủ, thỏa. **Cho phu:** Cho đủ.

C.45-46: Mọi người nên bền chí tu hành. Đem phước đức mà đổi lấy tội tình cho vừa đủ cũng không phải là chuyện dễ dàng gì!

Câu 47- Để gì lộn kiếp đặng làm người,
48: May đặng làm người chớ để duôi.

Lộn kiếp: Quay trở lại cõi trần để đầu thai lên một kiếp sống khác. **Để duôi:** Khinh rẻ, coi thường.

C.47-48: Trở lại đầu thai làm một con người nơi cõi trần, không phải là điều dễ dàng. Đó là một điều may mắn, chớ nên coi thường. Bởi vì theo Luật Tiến hóa, từ loài Thú cầm, tiến hóa lên phẩm Người phải trải qua muôn ngàn kiếp, kéo dài không biết bao nhiêu năm mà kể. Cho nên làm được một con Người thì thật là quý báu. Người là loài Thượng đẳng chúng sanh, có tánh linh hơn vạn vật nên mới có thể tu thành Tiên, Phật.

Câu 49- Lành dữ hai đường vừa ý chọn,
50: Lành như tùng, dữ tựa hoa tươi.

Tùng: Cây tùng, cây thông. Đây là loại cây sống rất lâu năm, chịu được sương tuyết, lá vẫn xanh tươi, thân mọc thẳng đứng, nên được ví với người quân tử.

C.49-50: Con người có lý trí suy nghĩ, nên có 2 con đường: lành và dữ, mà tùy ý chọn lựa. Con đường lành thì bền bỉ như cây tùng; con đường dữ chóng tàn như cái hoa tươi.

Câu 51- Hoa tươi, tùng bá khác nhau xa,
52: Tùng bá xơ rơ kém sắc hoa.

Tùng bá: Cây tùng và cây bá. Cây bá, cũng còn gọi là cây trúc, giống như cây tùng, sống rất lâu năm và chịu được sương tuyết, lá vẫn xanh tươi, trong lúc các cây khác thì bị rụng lá trơ trụi. **Xơ rơ:** Lơ thơ, cành lá thưa thớt.

C.51-52: Đoá hoa tươi và cây tùng cây bá khác nhau xa: tùng bá thì xơ rơ, hoa tươi thì màu sắc rực rỡ.

Câu 53- Gặp tiết đông Thiên sương tuyết bủa,
54: Chỉ còn tùng bá, chẳng còn hoa.

Tiết đông Thiên: Tiết trời mùa đông, có tuyết rơi rất lạnh lẽo. Tiết là thời gian tương ứng với một đặc trưng về khí hậu. **Bủa:** Giăng, bao phủ khắp bầu Trời.

C.53-54: Gặp tiết trời mùa đông, có sương và tuyết bao phủ, cây tùng cây bá thì đứng trơ trơ vững vàng, còn hoa kia thì rơi rụng vì chịu không nổi sương tuyết.

Câu 55- Còn hoa mà lại ích chi đâu,
56: Đẹp dáng tươi màu đặng mấy lâu?

C.55-56: Nếu đoá hoa còn thì có ích lợi gì đâu? Hình dáng và màu hoa tươi đẹp, nhưng kéo dài được bao lâu? Người hung ác thì như cánh hoa kia vậy. Lúc đắc thời thì như

hoa tươi thắm, nhưng tồn tại được bao lâu?

Câu 57- Thử sánh ngọn đèn cùng bóng nguyệt,
58: Gió day đèn tắt, nguyệt lâu lâu.

Gió day: Gió thổi trở qua hướng khác.

Nguyệt lâu lâu: Trăng sáng vàng vạc.

C.57-58: Thử so sánh ngọn đèn với ánh sáng của mặt trăng, khi gió thổi qua hướng khác thì đèn tắt, còn ánh trăng vẫn sáng vàng vạc.

KHẢO DỊ:

– Kinh TĐ-TĐ 1936, Kinh Lễ:

- Gió day.

– Kinh TĐ-TĐ 1968, 1974, 1975:

- Gió lay.

Gió lay: Gió lay động. Lay động là chuyển động nhẹ nhàng qua lại ở một vị trí nhất định.

Câu 59- Lầu lầu một tấm tợ đài gương,
60: Trung hiếu, tiết trinh vẹn mọi đường.

Đài gương: Cái giá gỗ trên đó có đặt một tấm kiếng để làm gương soi. **Gương lầu lầu:** Cái gương được lau thật sạch, không một tí bụi bám vào.

C.59-60: Như một tấm gương soi thật trong sáng, Nam thì trung hiếu, Nữ thì tiết trinh, giữ cho được vẹn toàn mọi bề.

Câu 61- Sang cả mặc người dùng bọ đờ,
62: Hoạch tài, trơ mắt khỏi tai ương.

Sang cả: Sang là quý phái, cả là lớn. Sang cả là sang trọng lắm. **Bọ đờ:** Nịnh hót để cầu lợi. **Hoạch tài:** Hoạch là không hợp lý, tài là tiền bạc. Hoạch tài là có được nhiều tiền bạc một cách không hợp lý, không phải do sức lực của mình làm ra. Thí dụ: Lượm được một gói vàng.

Trơ mắt: Đứng yên, lấy mắt nhìn mà không làm gì cả.

C.61-62: Người ta giàu có sang trọng thì mặc người ta, đừng theo nịnh hót bọ đờ, mình nên giữ lấy phận mình.

Đồng tiền không do công sức mình làm ra một cách chánh đáng, chỉ nên lấy mắt ngó mà thôi, đừng chạm đến, thì khỏi rước lấy tai họa vào thân.

Câu 63- Tai ương hoạn họa lưỡng ưu sầu,
64: Vì bởi hay bày chước hiểm sâu.

Tai ương: Tai là việc hao tổn, ương là họa hại. **Hoạn họa:** Hoạn là mối hại lớn, họa là tai vạ. **Tai ương hoạn họa:** Tai nạn làm tổn hại lớn. **Lưỡng:** Nhiều lần. **Ưu sầu:** Lo lắng buồn rầu. **Chước:** Mưu kế. **Hiểm sâu:** Nham hiểm và sâu độc.

C.63-64: Tai ương hoạn nạn gây ra lắm nỗi lo buồn, là bởi vì hay bày đặt mưu kế nham hiểm sâu độc hại người.

Câu 65- Lập kế đồ mưu âm hại chúng,
66: Kiếp sau mang lấy lột heo trâu.

Lập kế đồ mưu: Sắp đặt lập ra mưu kế. Đồ là sắp đặt. **Âm hại:** Hại người một cách ngầm ngấm, không để lộ ra. **Chúng:** Nhiều người. **Lột:** Hình thức bề ngoài.

C.65-66: Sắp đặt mưu kế để âm thầm hãm hại người thì phải mang tội nặng, khi chết rồi, linh hồn phải đầu kiếp trở lại cõi trần làm thân heo hay trâu mà đền tội.

Câu 67- Heo trâu thân thể mặt hèn thay,
68: Mãn kiếp lại còn bị xẻ thịt.

Mãn kiếp: Hết kiếp sống, tức là chết.

Xẻ thịt: Thân thể bị làm thịt, chặt ra nhiều mảnh.

C.67-68: Mang kiếp làm heo trâu thật là thấp hèn, khi chết rồi thì thân thể còn bị xẻ ra làm thịt.

Câu 69- Lộng lộng lưới Trời tuy sếu sáo,
70: Thừa mà chẳng lọt mây lông may.

Lộng lộng: Cao rộng mênh mông. **Sếu sáo:** Lung lay yếu ớt như sắp hư nát. **Mây lông mày:** Ý nói một vật rất nhỏ như một chút lông mày.

C.69-70: *Lưới Trời cao rộng mênh mông, tuy coi lung lay yếu ớt nhưng một chút nhỏ cũng không qua lọt.*

Hai câu kinh này có ý nghĩa tương tự như câu Hán văn: “Thiên võng khô khô, sơ nhi bất lậu.” Nghĩa là: Lưới Trời lộng lộng, thưa mà không lọt.

Câu 71- Mây râu đứng giữa cõi trần gian,
72: Gắng sức chống cho vững miếu đàn.

Mây râu: Dịch chữ Tu mi, chỉ giới đàn ông con trai.

Miếu đàn: Miếu đường, nơi thờ phượng tổ tiên dòng họ của nhà vua. Miếu đường thường được xây dựng kế bên triều đình, nên từ ngữ Miếu đường dùng để chỉ Triều đình của vua, tức là cơ quan tối cao lãnh đạo quốc gia.

C.71-72: *Phận làm trai đứng giữa cõi trần gian, phải cố gắng ra sức chống chọi cho bền vững nước nhà.*

Câu 73- Phận gái Tam Tùng cùng Tứ Đức,
74: Tề gia, nội trợ vẹn là ngoan.

Tam Tùng: Ba điều phải theo của người phụ nữ, gồm:

- Tại gia tòng phụ: Ở tại nhà thì phải tòng theo cha.
- Xuất giá tòng phu: Có chồng thì phải tòng theo chồng.
- Phu tử tòng tử: Chồng chết thì theo con, tức là ở vậy nuôi con cho khôn lớn và tạo lập sự nghiệp cho con.

Tứ đức: Bốn đức tốt của người phụ nữ, gồm:

- Công: Chăm làm việc nhà: May vá, nấu ăn, nuôi dạy con.
- Dung: Chăm sóc dung nhan cho tốt đẹp.
- Ngôn: Lời nói dịu dàng, mực thước, ngay thẳng.
- Hạnh: Tánh nét hiền hòa, cử chỉ đoan trang.

Tề gia nội trợ: Sắp đặt mọi việc trong gia đình cho được an

ổn, giúp đỡ bên trong gia đình.

C.73-74: *Phận làm đàn bà con gái thì phải giữ Tam Tùng và Tứ Đức. Phải lo việc tề gia nội trợ cho hoàn toàn mới phải là gái ngoan.*

Câu 75- Ngoan ngùy chơn chánh Phật Thân thương,
76: Chơn chánh liên hòa với thiện lương.

Ngoan ngùy: Ngoan ngoan thùy mị, nét na dễ dạy.

Chơn chánh: Chơn thật ngay thẳng.

Liên hòa: Liên kết và hòa hợp. **Thiện lương:** Lành tốt.

C.75-76: *Phật và Thân, nói chung là các Đấng Thiêng liêng đều thương mến những người ngoan ngùy, chơn chánh.*

Sự chơn chánh phải liên kết hòa hợp với sự lương thiện.

Câu 77- Thân Thánh thành do người chánh thiện,
78: Thiện lương chơn chánh đức không lường.

Chánh thiện: Chơn chánh và lương thiện.

Không lường: Không đo lường được, ý nói số lượng rất lớn, rất nhiều.

C.77-78: *Người thiện lương chơn chánh mới có thể đắc thành Thân Thánh. Có thiện lương chơn chánh mới tạo được nhiều phước đức không lường hết được.*

Câu 79- Không lường kẻ thiện với người hung,
80: Bợ đỡ giàu sang, phụ khốn cùng.

Bợ đỡ: Nịnh hót để cầu lợi.

Phụ: Đối xử tệ bạc. **Khốn cùng:** Nghèo túng khổ sở.

C.79-80: *Không thể biết rõ được kẻ nào lành, kẻ nào dữ. Thói thường thì nịnh hót người giàu, phụ bạc kẻ nghèo khổ.*

Câu 81- Ngoài mặt giả tuồng người trượng nghĩa,
82: Trong lòng dối kết chút tình chung.

GIẢI NGHĨA KINH THIÊN ĐẠO

Giả tướng: Giả bộ, giả đò, không thật lòng.

Trọng nghĩa: Trọng nghĩa, xem nặng việc cư xử theo lẽ phải, hợp đạo đức. **Đối kết:** Liên kết với nhau một cách đối trá. **Tình chung:** Tình cảm chung thủy, không thay đổi.

C.81-82: *Bề ngoài thì giả bộ là người trọng nghĩa, nhưng trong lòng thì đối trá làm như là có tình cảm chung thủy.*

Câu 83- Tình chung đặt cậy thế người sang,
84: Mượn tiếng khoe môi với xóm làng.

Cậy thế: Dựa vào thế lực. **Người sang:** Kẻ giàu sang.

Khoe môi: Nói khoác lác khoe khoang.

C.83-84: *Giả bộ có tình cảm chung thủy đặt dựa vào thế lực của kẻ sang giàu, mượn đó đặt khoe khoác lác khoe khoang với những người trong làng trong xóm.*

Câu 85- Lời dạy Thần Tiên không kể đến,
86: Đạo mâu chẳng cứ, cứ khoe khoang.

Lời dạy bảo của các Đấng Thần, Tiên thì không kể đến, con đường Đạo đức mẫu nhiệm thì chẳng theo, mà cứ khoe khoang luôn miệng.

GIẢI NGHĨA KINH THẾ ĐẠO

Kinh Thuyết Pháp

- Kinh Thuyết Pháp
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Thuyết Pháp

KINH THUYẾT PHÁP

(Giọng Nam xuân)

1. Trường Phổ tế khó khăn lắm nổi.
2. Cây Thánh tâm sửa đổi tánh phàm.
3. Dịu đời với sức không kham,
4. Mượn quyền thuyết pháp đặng làm cơ quan.
5. Đại Từ Phụ hồng ân rưới khắp,
6. Trợ giúp con đặng lập nên công.
7. Muốn cho thiên hạ đại đồng,
8. Lấy câu cứu khổ dụ lòng thương sanh.
9. Nguyên lời nói biến hình bác ái,
10. Nguyên chí thành sửa máy tà gian.
11. Nguyên cho Khí tịnh, Thần an.
12. Nguyên xin thánh giả hiểu đàng chơn tu.
13. Nguyên các Đấng đương châu Bạch Ngọc,
14. Giúp thông minh lấu thuộc văn từ.
15. Cảm quang diêu động tâm tu.
16. Khai cơ giải thoát mở tù Phong đô.

(Niệm 1 lần Câu Chú của Thầy)

GIẢI NGHĨA

Thế Đạo: Đạo ở đời, tức là đường lối dạy con người bốn phận làm một người ở đời thế nào cho hợp với lẽ phải và đạo lý. Đó chính là Nhơn đạo.

Thế đạo (Nhơn đạo) ví như nền móng, Thiên đạo ví như nhà

lầu. Không đào móng đục nền cho vững chắc thì cất nhà lầu lên ắt sụp đổ. Cho nên, phải tu xong Nhơn đạo thì mới tiến lên Tiên đạo, kế đó lên Phật đạo, rồi cuối cùng tiến lên Thiên đạo. Sách Nho nói rằng: Dục tu Tiên đạo, tiên tu Nhơn đạo, Nhơn đạo bất tu, Tiên đạo viễn hỹ. Nghĩa là: Muốn tu Tiên đạo, trước tu Nhơn đạo, Nhơn đạo không tu, Tiên đạo xa vời vậy. Kinh Thế đạo là những bài kinh dạy đạo làm người ở đời.

Kinh Thế đạo gồm 19 Bài Kinh, kể ra:

- 10 Bài Kinh đầu, do Đức Phạm Hộ Pháp đặt ra, có câu Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn chính văn lại.
- Kế đó là Bài Kinh Hôn Phối do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ ban cho.
- Sau cùng là 8 Bài Kinh cúng tế trong Tang lễ, do Tiên Nương Đoàn thị Điểm giảng cơ ban cho.

Kinh Thuyết Pháp: Thuyết là giảng giải, Pháp là giáo lý của một tôn giáo. Thuyết Pháp là thuyết giảng giáo lý của một tôn giáo để cho tín đồ hiểu rõ.

Thuyết pháp đồng nghĩa với Thuyết đạo. Trong Đạo Cao Đài, từ ngữ Thuyết đạo được thông dụng hơn.

Kinh Thuyết Pháp là bài Kinh để vị Chức sắc thuyết pháp và đồng nhi tụng trước khi bắt đầu buổi thuyết pháp.

Câu 1: Trường Phổ tế khó khăn lắm nổi.

Trường: Chỗ tụ họp nhiều người. **Phổ tế:** Phổ là bày ra khắp nơi, Tế là cứu giúp. Trường Phổ tế là “Cơ quan để cứu vớt hoặc độ rỗi những người lạc bước thối tâm, cùng an ủi khuyên lơn những kẻ đã bị luật pháp buộc ràng mà phế vong phận sự, hay là độ rỗi những kẻ hữu tâm tâm đạo.”

C.1: Cơ quan Phổ tế như sanh thường gặp phải nhiều nỗi khó khăn vất vả.

Câu 2: Cậy Thánh tâm sửa đổi tánh phàm.

Tâm, Tánh: Tâm là cái mà Trời phú cho mỗi người, nó vốn

tốt đẹp và trọn lành, nên gọi là Lương Tâm. Tánh là cái thể hiện ra bên ngoài của Tâm, nó chính là hình thể của Tâm, cho nên Tâm và Tánh không khác nhau về bản chất.

Thánh tâm: Cái Tâm có tính chất Thánh, tức là cái Tâm thiện lương chơn chánh. Thánh Tâm thì sanh ra Thánh Tánh. Đối ngược với Thánh Tâm là Phàm tâm, Phàm tâm thì sanh ra Phàm tánh hay Tánh phàm. **Cậy:** Nhờ vào, dựa vào.

Tánh phàm: Cái Tánh hẹp hòi ích kỷ, xu hướng theo vật dục, làm cho con người trở nên thấp hèn.

C.2: Khôi dậy cái Thánh Tâm trong mỗi con người để nhờ nó mà sửa đổi cái Tánh phàm.

Câu 3-4: Dịu đời với sức không kham,
Mượn quyền thuyết pháp đặng làm cơ quan.

Sức không kham: Không đủ sức làm nổi.

Cơ quan: Một tổ chức hoạt động đều hòa như bộ máy.

C.3-4: Dẫn dắt người đời, nhắm sức mình không làm nổi, nên phải mượn quyền thuyết giảng giáo lý để làm một cơ quan dịu dẫn người đời.

Câu 5-6: Đại Từ Phụ hồng ân rưới khắp,
Trợ giúp con đặng lập nên công.

Đại Từ Phụ: Đấng Cha lành lớn hơn hết, luôn luôn hết lòng thương yêu các con, mà con cái của Ngài là toàn thể chúng sanh trong CKVT. Đó là Đấng Chí Tôn Thượng Đế.

Lập nên công: Lập nên công nghiệp về thuyết pháp.

C.5-6: Đại Từ Phụ ban bố ơn huệ khắp chúng sanh, xin giúp con lập nên công nghiệp này (giúp con thuyết pháp thành công).

Câu 7-8: Muốn cho thiên hạ đại đồng,
Lấy câu cứu khổ dụ lòng thương sanh.

Thiên hạ: Dưới Trời, chỉ Nhơn loại. Ở trên là Trời, nên gọi là Thiên thượng, dưới Trời là người nên gọi là Thiên hạ.

Đại đồng: Đại đồng là cùng chung một qui mô lớn lao. Đó là cuộc sống lý tưởng của con người, không phân biệt quốc gia, chủng tộc, giai cấp, có cùng chung một tín ngưỡng, cùng nhau làm việc, cùng nhau vui hưởng kết quả làm được.

Dụ: Dỗ dành. **Thương sanh:** Dân chúng, nhơn sanh.

C.7-8: Muốn cho nhơn loại đại đồng thì phải lấy đề tài Cửu Khố Nhơn Sanh ra thuyết giảng để khuyến dụ lòng lành của nhơn sanh.

Câu 9-10: Nguyên lời nói biến hình bác ái,
Nguyên chí thành sửa máy tà gian.

Nguyên: Cầu nguyện, mong muốn cầu xin.

Biến hình: Biến đổi thành hình tượng cụ thể.

Đức Chí Tôn giảng về Bác ái và Chí thành như sau:

«Các con phải biết, Đạo là tại lòng Bác ái và Chí thành. Bác ái là hay thương xót sanh linh hơn thân mình, cho nên kẻ có lòng Bác ái coi mình nhẹ hơn mây lông, mà coi thiên hạ trọng bằng Trời Đất. Còn Chí thành là mỗi việc lấy lòng thành thật mà đối đãi trong đời và trong Đạo. Dù kẻ phú quý đến bậc nào đi nữa mà không có lòng Bác ái và Chí thành thì không làm chi nên việc.» (TNHT. II. 45)

Tà: Cong queo. **Gian:** Đối trá. **Máy tà gian:** Cơ quan hay tổ chức đối trá lập ra có mục đích lừa gạt người đời.

C.9-10: Xin cầu nguyện cho lời nói khéo gợi được lòng bác ái trong mỗi người thể hiện ra một cách cụ thể. Nguyên đem hết lòng thành thật sửa đổi những cơ quan tà mị gian trá.

Câu 11: Nguyên cho Khí tịnh, Thân an.

Khí tịnh, Thân an: Tịnh là trong sạch. An là yên ổn. **Khí và Thân:** Hai bửu trong Tam bửu của con người. Tam bửu là: Tinh, Khí, Thân. Tinh là thể xác, Khí là chơn thân, Thân là linh hồn. Khí tịnh là Chơn thân trong sạch. Thân an là Linh hồn được yên ổn, không vọng động.

C.11: Xin cầu nguyện cho Chơn thân được trong sạch và Linh

hồn được an ổn.

Câu 12: Nguyên xin thánh giả hiểu đàng chơn tu.

Thánh giả: Người nghe. Thánh là nghe, giả là người.

Chơn tu: Tu hành chơn thật, cố đạt được sự giải thoát khỏi luân hồi, không cầu phẩm tước, không cầu danh lợi.

C.12: Nguyên xin các thánh giả hiểu rõ con đường Tu Chơn.

Câu 13- 14: Nguyên các Đấng đương châu Bạch Ngọc,
14: Giúp thông minh lâu thuộc văn từ.

Đương châu Bạch Ngọc: Đương châu Đức Chí Tôn nơi Bạch Ngọc Kinh. **Lâu thuộc:** Học thuộc bài lâu lâu, đọc lên không vấp. **Văn từ:** Lời văn, chỉ về văn chương chữ nghĩa trong kinh sách.

C.13-14: Cầu nguyện với các Đấng Thiêng liêng đương châu Đức Chí Tôn nơi Bạch Ngọc Kinh, giúp cho con được sáng suốt để học thông thuộc văn từ trong kinh sách.

Câu 15: Cảm quang điều động tâm tu.

Cảm: Mối rung động trong lòng. **Quang:** Ánh sáng. Cảm quang là sự rung cảm trong lòng làm phát sinh một lần ánh sáng, giống như một lần sóng điện, gọi là lần điển quang.

Điều động: Dao động, lúc lắc làm cho lay động.

Điều động tâm tu: Lúc lắc làm lay động cái tâm tu hành, tức là kêu gọi cái Tâm tu hành thức tỉnh.

C.15: (Tiếp theo câu 14) Giúp cho con có mối rung cảm trong lòng, tạo ra một lần điển quang để làm thức tỉnh cái Tâm tu hành (của các thánh giả).

Câu 16: Khai cơ giải thoát mở tù Phong đô.

Khai cơ giải thoát: Mở ra một cơ quan giải thoát cho chúng sanh thoát khỏi luân hồi. Cơ quan giải thoát hiện nay chính là ĐĐTKPĐ tức Đạo Cao Đài, bởi vì Đức Chí Tôn đã xác

GIẢI NGHĨA KINH THẾ ĐẠO

định: “TA nói cho chúng sanh biết rằng: Gặp TKPD nầy mà không tu thì không còn trông mong siêu rỗi.” (TNHT. I. 20)

Mở tù Phong đô: Mở cửa các nhà tù nơi cõi Phong Đô Địa phủ để phóng thích các tội hồn, theo lệnh Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn khi mở ĐĐTKPD.

C.16: *Mở ra Đạo Cao Đài là cơ quan giải thoát chúng sanh khỏi luân hồi, và mở cửa Địa ngục nơi cõi Phong đô để phóng thích tất cả tội hồn theo lệnh Đại Ân Xá của Chí Tôn.*

Điều nầy rất rõ, vì Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài cũng là mở Đại Ân Xá Kỳ Ba, để độ tận chúng sanh. Đức Chí Tôn đã ra lệnh đóng cửa Địa ngục, phóng thích tất cả tội hồn, cho đi đâu thai vừa để trả quả, vừa để lập công, đồng thời mở rộng cửa Trời đón rước người tu đắc đạo.

Đạo Cao Đài là cơ quan giải thoát duy nhất trong thời kỳ Mạt kiếp của Hạ Nguơn nầy, để chuẩn bị bước vào thời kỳ Thượng Nguơn Thánh đức, giúp tất cả Chơn linh, dẫu Nguyên nhơn, Hóa nhơn hay Quí nhơn, nếu biết tu hành, lập công bồi đức thì thành đạo, thoát khỏi Luân hồi, trở về cõi TLHS.

Kinh Nhập Hội

- Kinh Nhập Hội
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Nhập Hội

KINH NHẬP HỘI (Giọng Nam xuân)

1. Trên Bạch Ngọc Chí Tôn cao ngự,
2. Giữa Tây phương nắm giữ Thiên điều.
3. Dưới Ngọc Hư kể bao nhiêu,
4. Thiêng liêng các Đấng lập triều trị dân.
5. Một nuôi nấng tinh thần tinh khiết.
6. Hai dạy răn cho biết tội tình.
7. Ba lo trị thế thái bình.
8. Cộng chung pháp luật Thiên đình chí công.
9. Các con vốn trong vòng Thánh thể.
10. Phép tu vi là kế tu hành.
11. Mở đường tích cực oai linh,
12. Cậy phương thuyết giáo vẽ thành Kinh chơn.
13. Đại Từ Phụ ra ơn diu dẫn,
14. Diệt trí phạm: hờn giận, ghét ganh.
15. Để tâm dưới ánh Chí Linh,
16. Soi tường chơn lý, chỉ rành chánh văn.
17. Cơ chuyển thế khó khăn lắm nổi,
18. Mượn Thánh ân xây đổi cơ đời.
19. Thuận nhơn tâm ắt thuận Trời,
20. Câu kinh Vô tự độ người thiện duyên.
21. Nguyện Ôn Trên cho yên trí não,

22. Nguyễn Phật Tiên dạy bảo chơn linh.
 23. Mang danh Hội Thánh đã đành,
 24. Nâng tay nhục thể xây hình Chí Tôn.

(*Niệm 1 lần Câu Chú của Thầy*)

GIẢI NGHĨA

Nhập hội: Nhập là vào, Hội là nhiều người tụ họp lại để bàn luận những vấn đề quan trọng, biểu quyết lấy ý kiến chung. Nhập Hội là vào Hội nghị.

Kinh Nhập Hội là bài Kinh để tất cả thành viên trong Hội Nghị đứng lên tụng trước khi bắt đầu cuộc Hội để cầu nguyện cuộc hội tiến triển tốt đẹp, đúng theo Luật Đạo và thành công.

Câu 1-2: Trên Bạch Ngọc Chí Tôn cao ngự,
Giữa Tây phương nắm giữ Thiên điều.

Bạch Ngọc: Bạch Ngọc Kinh, nơi ngự của Đức Chí Tôn.

Chí Tôn cao ngự: Đức Chí Tôn ngồi ở trên cao.

Tây phương: Cõi CLTG ở về hướng Tây, là cõi của chư Phật.

Thiên điều: Các điều luật pháp của Trời. Thiên điều được chép trong Thiên Thơ. Thiên điều do các Đấng Tiên Phật họp Hội Nghị tại Ngọc Hư Cung lập ra để điều hành sự vận chuyển trong CKVT và sự tiến hóa của vạn linh.

C.1-2: Ở trên hết là Bạch Ngọc Kinh, có Đức Chí Tôn ngự trên cao. Ở giữa là cõi Tây phương CLTG có chư Phật nắm giữ Thiên điều.

Câu 3-4: Dưới Ngọc Hư kể bao nhiêu,
Thiên liêng các Đấng lập triều trị dân.

Ngọc Hư: Ngọc Hư Cung, ở tầng Trời Hư Vô Thiên.

Lập triều trị dân: Thành lập triều đình cai trị toàn cả CKTG và chúng sanh. Chử Dân ở đây, chúng ta phải hiểu theo nghĩa rộng là toàn cả chúng sanh.

C.3-4: Ở phía dưới thì có Ngọc Hư Cung, các Đấng TL họp thành

triều đình để cai trị chúng sanh trong toàn cả CKTG.

Câu 5: Một nuôi nấng tinh thần tinh khiết.

Tinh thần: Phần sáng suốt trong con người để hiểu biết và phân biệt lẽ phải trái. Do đó, tinh thần chính là Chơn thần của con người. **Tinh khiết:** Trong sạch.

Tinh thần tinh khiết: Chơn thần trong sạch. Một Chơn thần trong sạch khi ở trong một xác thân trong sạch. Muốn xác thân trong sạch thì phải: “Ấm thực tinh khiết, Tư tưởng tinh khiết, Tín ngưỡng mạnh mẽ nơi Chí Tôn, Phật Mẫu.”

C.5: Nhiệm vụ thứ nhất của các Đấng TL nơi Ngọc Hư Cung là dạy nhơn sanh biết cách nuôi nấng tinh thần tinh khiết.

Câu 6: Hai dạy răn cho biết tội tình.

Nhiệm vụ thứ nhì là dạy bảo và răn cấm cho biết cái nào là tội lỗi đáng bị trừng phạt.

Câu 7: Ba lo trị thể thái bình.

Trị thể: Thế là đời, chỉ các cõi trần có nhơn loại ở.

Trị thể là cai trị nhơn loại trên các cõi trần.

C.7: Nhiệm vụ thứ ba của các Đấng Thiêng liêng là cai trị nhơn loại trên các cõi trần cho được thái bình.

Câu 8: Cộng chung pháp luật Thiên đình chí công.

Nói chung lại thì các Đấng Thiêng liêng nơi Ngọc Hư Cung thi hành luật pháp của Thiên đình rất công bình.

Câu 9: Các con vốn trong vòng Thánh thể.

Vốn: Nguyên từ trước. **Thánh thể của Đức Chí Tôn:** Những Chức sắc CTĐ từ phẩm Giáo Hữu trở lên.

C.9: Chúng con đây, nguyên từ trước ở trong vòng Thánh thể của Đức Chí Tôn.

Câu 10: Phép tu vi là kế tu hành.

Phép tu vi: Phép là cách thức, phương pháp; Tu là sửa đổi cho tốt đẹp, tu hành; Vi là phần rất nhỏ. Phép tu vi là phương pháp sửa đổi cho tốt đẹp từ những việc rất nhỏ nhặt.

Lưu Bị, một vị vua thời Tam Quốc, hiệu là Hớn Chiêu Liệt, đã dạy con là Thái Tử Lưu Thiện (sau gọi là Hậu chủ) một câu rất nổi tiếng: “Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi, vật dĩ ác tiểu nhi vi chi.” Nghĩa là: Đừng cho việc lành nhỏ mà không làm, đừng cho việc ác nhỏ mà lại làm.

Ý nói: Thấy việc lành nhỏ, cho rằng công đức không đáng kể nên không thêm làm. Trái lại, khi thấy việc ác nhỏ, cho rằng tội lỗi không đáng kể nên lại làm.

Việc gì cũng vậy, luôn luôn bắt đầu từ cái nhỏ nhặt rồi mới đến cái to lớn. Đối với người tu hành, phải bắt đầu tập làm các việc lành nhỏ, thí dụ: lượm miếng chai, đing nhọn, chông gai rơi trên đường đi; nhường ghế cho cụ già; đưa người tàn tật qua đường,... và tránh làm các điều ác nhỏ, thí dụ: bẻ một cành hoa đẹp nơi công viên, giết một con kiến, con dế,...

C.10: Cách thức sửa đổi cho tốt đẹp từ những việc nhỏ. Ấy là kế hoạch tốt nhất của người tu hành.

**Câu 11-12: Mở đường tích cực oai linh,
Cậy phương thuyết giáo vẽ thành Kinh chơn.**

Tích cực: Nghiêng về mặt hành động để đạt được những kết quả cụ thể. **Oai linh:** Oai nghiêm thiêng liêng.

Thuyết giáo: Thuyết giảng giáo lý. **Kinh chơn:** Quyển kinh chép lại đúng y lời giảng dạy của chư Tiên, Phật.

C.11-12: Mở ra con đường tích cực và oai linh. Nhờ vào phương cách thuyết giảng giáo lý, diễn tả ra được Chơn lý, nên tạo thành các quyển Chơn Kinh.

Đức Phật Thích Ca, lúc còn sanh tiền, Ngài chỉ thuyết giảng giáo lý mà Ngài đã chứng ngộ được, chứ Ngài không hề cầm

bút viết ra một quyển kinh sách nào. Sau khi Ngài tịch, các Đại Đệ tử của Ngài họp nhau lại, tạo thành các buổi kết tập kinh điển, đọc lại các lời giảng dạy của Phật, ghi chép thành Tam Tạng Kinh, truyền lại đến ngày nay.

**Câu 13- Đại Từ Phụ ra ơn diu dẫn,
14: Diệt trí phàm: hờn giận, ghét ganh.**

Trí phàm: Cái trí não suy nghĩ hiểu biết còn thấp kém.

Trong mỗi con người đều có 2 phần tương đối trái ngược nhau là: Chánh, Tà; Thánh, Phàm; Phật, Ma. Một bên có khuynh hướng kéo con người đi lên chỗ cao thượng, một bên thì muốn kéo con người đi xuống chỗ thấp kém tối tăm.

Diệt trí phàm là tiêu diệt cái phần phàm của trí não để phần Thánh trí hiện rõ ra, đưa con người lên chỗ cao thượng.

C.13-14: Xin Đức Chí Tôn ban ơn diu dẫn chúng con, giúp chúng con tiêu diệt những sự giận hờn, ganh ghét trong cái phần phàm tục của trí não.

**Câu 15-16: Để tâm dưới ánh Chí Linh,
Soi tường chơn lý, chỉ rành chánh văn.**

Tâm: Chữ Tâm ở đây lấy theo nghĩa bên Phật giáo, là phần vô hình tinh thông linh diệu của con người, mà nếu phân tách ra thì Tâm gồm: Chơn linh và Chơn thần của con người.

Ánh Chí Linh là ánh sáng của Đức Chí Tôn.

Soi tường: Soi rọi rõ ràng. **Chơn lý:** Cái lẽ chơn thật không biến đổi theo thời gian và không gian (Bất biến).

Chánh văn: Văn chương có ý nghĩa ngay thẳng, diễn tả những điều chơn thực, đúng đắn.

C.15-16: Đặt cái Tâm dưới ánh sáng thiêng liêng của Đức Chí Tôn để nhờ ánh sáng ấy soi rọi cho rõ ràng cái Chơn lý bất biến, và chỉ rõ cái văn chương chơn chánh.

Câu 17- Cơ chuyển thể khó khăn lắm nổi,
18: Mượn Thánh ân xây đổi cơ đời.

Chuyển thể: Làm cho đời biến đổi từ xấu thành tốt.

Cơ Chuyển thể: Cơ quan có nhiệm vụ làm cho Đời biến đổi từ xấu thành tốt. Đức Chí Tôn lập Đạo Cao Đài là mở ra một Cơ quan Chuyển thể, với chủ trương NHO TÔNG CHUYỂN THỂ, nghĩa là dùng tinh hoa giáo lý Nho giáo để dạy dỗ nhơn sanh, làm cho cuộc đời hung bạo hiện nay sẽ trở nên thuận lương đạo đức. **Thánh ân:** Ôn huệ của Đức Chí Tôn.

Xây đổi: Xoay chuyển làm cho thay đổi. **Cơ đời:** Bộ máy của đời. Bộ máy này đang hoạt động mạnh mẽ, đưa nhơn loại vào vòng tranh đấu khốc liệt, đi đến chỗ diệt vong.

C.17-18: Cơ quan Chuyển thể của Đức Chí Tôn trong lúc này gặp rất nhiều nỗi khó khăn. Nhờ ơn huệ của Đức Chí Tôn mà xoay chuyển được Cơ Đời, cứu nhơn loại thoát khỏi nạn tiêu diệt.

Câu 19- Thuận nhơn tâm ắt thuận Trời,
20: Câu kinh Vô tự độ người thiện duyên.

Nhơn tâm: Lòng người. **Thiện duyên:** Duyên lành.

Thuận nhơn Tâm ắt thuận Trời, là bởi vì Ý dân là Ý Trời, thuận theo lòng dân thì hạp lòng Trời, cho nên Quyền Vạn Linh mới đổi lại được với Quyền của Đức Chí Tôn.

Câu Kinh Vô tự: Câu Kinh không chữ. Trong trường hợp này, chúng ta có thể hiểu Câu Kinh Vô tự như sau:

Muốn cảm hóa người thì chúng ta phải nói Đạo cho họ nghe mà biết Đạo, biết lẽ chánh lẽ tà, biết con đường tốt đẹp nên theo. Muốn nói Đạo cho hiệu quả thì chúng ta phải học thuộc Thánh Ngôn Thánh giáo, Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, nghiên cứu kỹ lưỡng Giáo lý và Triết lý của Đạo, học cho nhập tâm, rồi mới nói ra bằng lời Thuyết đạo.

Đức Chí Tôn có nói: “Dầu cho sắt đá cỏ cây mà nghe Thánh ngôn của Thầy nơi con nói ra cũng hoan nghinh, hưởng lự

là người.”

Vậy chúng ta có thể xem Lời Thuyết đạo như là những Câu Kinh Vô tự. Dầu cho người dốt nát, không biết chữ nghe cũng hiểu được.

Xưa kia, Đức Lục Tổ Huệ Năng của Phật giáo Trung Hoa, là người hoàn toàn không biết chữ, nhưng khi nghe người ta tụng Kinh Kim Cang đến câu: «Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ Tâm.» thì Ngài liền phát ngộ, rồi lập chí đi tìm Ngũ Tổ Hoàng Nhãn mà thọ truyền Tâm pháp.

C. 19-20: Thuận lòng người thì ắt thuận lẽ Trời.

Những lời thuyết đạo có thể làm giác ngộ những người có duyên lành.

Câu 21- Nguyên Ôn Trên cho yên trí não,
22: Nguyên Phật Tiên dạy bảo chơn linh.

Xin cầu nguyện với Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng giúp cho trí não được an ổn. Xin cầu nguyện chư Phật chư Tiên dạy bảo chơn linh của chúng con.

Câu 23- Mang danh Hội Thánh đã đành,
24: Nâng tay nhục thể xây hình Chí Tôn.

Mang danh: Có được cái danh. **Hội Thánh:** Một tập thể gồm các Chức sắc vào hàng Thánh đồ lên, tức là từ phẩm Giáo Hữu (đổi phẩm Địa Thánh) hoặc tương đương đồ lên.

Mang danh Hội Thánh đã đành: Đã đành mang danh là Chức sắc của Hội Thánh. (Bởi vì phần trên có câu: Các con vốn trong vòng Thánh thể nghĩa là Chúng con vốn là Chức sắc của Hội Thánh). **Nhục thể:** Thể xác phàm bằng xương thịt.

Hình Chí Tôn: Hình thể của Đức Chí Tôn tại thế, đó là Hội Thánh CTĐ. (Xem lại C.9 ở trên)

Nâng tay nhục thể xây hình Chí Tôn: Ý nói dùng đôi cánh tay của thể xác phàm để xây dựng Hội Thánh.

C.23-24: Đã đành mang danh là Chức sắc của Hội Thánh, thì

phải dùng đôi tay phàm ra sức xây dựng Hội Thánh.

KHẢO DỊ:

– Kinh TĐ-TĐ 1936:

- Mạng danh.

– Kinh Lễ, Kinh TĐ-TĐ 1968, 1974, 1975:

- Mạng danh.

Mạng danh: Mệnh danh: gọi tên là, gọi là. Thí dụ: Thấy giáo được mệnh danh là Kỹ sư tâm hồn. Mạng danh Hội Thánh đã đành: Đã đành gọi là Hội Thánh.

Cùng đọc một âm đó, nhưng nếu viết là: Mạn danh, thì có nghĩa là: Mượn danh. Mạn là mượn. Mạn phép là mượn phép.

Kinh Xuất Hội

- Kinh Xuất Hội
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Xuất Hội

KINH XUẤT HỘI

(Giọng Nam xuân)

1. Nhờ Chí Tôn dạy khôn lẽ Đạo,
2. Phật Thánh Tiên nhỏ máu nhiệt thành.
3. Vạn linh đã hiệp Chí linh.
4. Hội xong cây sức công bình thiêng liêng.
5. Đã gây dựng nên quyền giáo hóa,
6. Phòng hiệp vậy trọn cả nguyên nhân.
7. Vẹn toàn phàm thể Thánh thân,
8. Tùng theo chơn pháp độ lẫn chúng sinh.
9. Các con cúi đầu trình Sư Phụ,
10. Gìn từ tâm khuyến nhủ tăng đồ.
11. Đạo hư vô, Sư hư vô.
12. Reo chuông thoát tục, phất cờ tuyệt sinh.
13. Cứ nương dưới máy linh cơ tạo,
14. Gươm huệ đưa trị xảo trừ tà.
15. Cửa Địa ngục chóng lánh xa,
16. Mượn hình Thánh thể cất nhà cõi Thiên.

(Niệm 1 lần Cầu Chú của Thầy)

GIẢI NGHĨA

Kinh Xuất Hội là bài Kinh để toàn thể những người tham dự Hội Nghị tụng lên trước khi bế mạc Hội Nghị ra về.

Câu 1-2: Nhờ Chí Tôn dạy khôn lẽ Đạo,
Phật Thánh Tiên nhờ máu nhiệt thành.

Lẽ Đạo: dịch chữ Đạo lý, nghĩa là Giáo lý của Đạo.

Nhỏ máu: Nhểu xuống từng giọt máu, ý nói hy sinh làm việc cho đạt được kết quả. **Nhiệt thành:** Nhiệt là nóng, thành là thành thật. Nhiệt thành là hăng hái và thành thật.

C.1-2: Nhờ Đức Chí Tôn dạy cho biết Giáo lý của Đạo nên mới được khôn ngoan thêm. Các Đấng Phật, Tiên, Thánh, hy sinh làm việc, hăng hái và thành thật.

Câu 3: Vạn linh đã hiệp Chí linh.

Vạn linh: Tất cả Chơn linh trong CKVT, gồm đủ Bát hỗn: Kim thạch hỗn, Thảo mộc hỗn, Thú cầm hỗn, Nhơn hỗn, Thần hỗn, Thánh hỗn, Tiên hỗn và Phật hỗn. Vạn linh đầu kiếp xuống trần làm chúng sanh. **Chí Linh:** Đức Chí Tôn.

Quyền Vạn linh: Tất cả những điều mà Vạn linh quyết nghị chấp thuận tạo thành Quyền Vạn linh. Quyền Vạn linh được Chí Tôn chấp thuận ngang bằng Quyền của Đức Chí Tôn.

Muốn lập Quyền Vạn linh thì phải quyết nghị qua 3 Hội theo thứ tự là: Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh, Thượng Hội.

- Hội Nhơn Sanh đại diện 5 phẩm Chơn hỗn là: Kim thạch hỗn, Thảo mộc hỗn, Thú cầm hỗn, Nhơn hỗn, Thần hỗn.
- Hội Thánh đại diện cho Thánh hỗn.
- Thượng Hội đại diện cho Tiên hỗn và Phật hỗn.

Ba Hội này lần lượt đồng quyết nghị chấp thuận điều gì thì đó là quyết nghị của Vạn linh, tạo thành Quyền Vạn linh, ngang bằng Quyền của Đức Chí Tôn.

C.3: Quyền Vạn linh đã hiệp cùng Quyền của Đức Chí Tôn.

Như vậy cuộc Hội nghị thành công tốt đẹp vì không có sự xung khắc giữa 3 Hội trong Quyền Vạn linh.

Câu 4: Hội xong cây sức công bình thiêng liêng.

Công bình thiêng liêng: Sự công bình TL có tính cách tuyệt đối, được tượng trưng bằng Cây Cân Công bình thiêng liêng của Đức Chí Tôn, bởi vì nơi cõi Thiêng liêng, không có điều gì gian dối hay khuất lấp mà không bị phát hiện.

C.4: Hội nghị kết thúc rồi thì nhờ sự công bình thiêng liêng để thi hành các quyết nghị.

Câu 5-6: Đã gây dựng nên quyền giáo hóa,
Phòng hiệp vậy trọn cả nguyên nhân.

Giáo hóa: Giáo là dạy, hóa là biến đổi. Giáo hóa là dạy cho biến đổi từ dốt nát ra hiểu biết, từ hung bạo trở nên hiền lương.

Quyền giáo hóa: Theo tổ chức của Đạo Cao Đài thì Quyền giáo hóa và phổ độ nhưn sanh, Đức Chí Tôn giao cho Hội Thánh CTĐ. **Phòng:** Dự bị sẵn để ứng phó kịp thời.

Nguyên nhân: Người mà chơn linh được sanh ra từ lúc khai Thiên. Hiện nay đang còn 92 ức nguyên nhân trầm luân nơi cõi trần. (Xem chi tiết nơi: C.7 PG)

C.5-6: Đức Chí Tôn giao cho Hội Thánh CTĐ quyền giáo hóa nhưn sanh, dự bị qui hiệp tất cả các nguyên nhân vào trong cửa Đạo Cao Đài.

Câu 7-8: Vẹn toàn phạm thể Thánh thân,
Tùng theo chơn pháp độ lần chúng sinh.

Phạm thể: Thể xác phạm nơi cõi trần, ý nói nhưn sanh.

Thánh thân: tức là Thánh thể, ý nói Hội Thánh.

Chơn pháp: Luật pháp chơn truyền của Đạo.

C.7-8: Nhưn sanh và Hội Thánh đều được toàn vẹn, tùng theo Luật pháp chơn truyền của Đạo để lần lần cứu độ nhưn sanh.

Câu 9-10: Các con cúi đầu trình Sư Phụ,
Gìn từ tâm khuyến nhủ tăng đồ.

Sư Phụ: Thầy. Thầy là Đức Chí Tôn, bởi vì khi giảng cơ dạy Đạo, Đức Chí Tôn xưng mình là Thầy và gọi các tín đồ là môn

đệ. **Tăng đồ:** Tăng là người đàn ông xuất gia đi tu, đồ là học trò. Tăng đồ là chỉ chung các tín đồ của tôn giáo.

C.9-10: Các con cúi đầu trình với Đức Chí Tôn, các con xin gìn giữ cái từ tâm để khuyên nhủ các tín đồ.

Câu 11: Đạo hư vô, Sự hư vô.

Hư vô: Trống không, mắt phàm không thấy gì cả, nhưng rất mầu nhiệm, vì từ cái trống không ấy mà sanh ra tất cả cái CÓ hữu hình. **ĐẠO:** Chữ Đạo ở đây, không có nghĩa là Tôn giáo, mà lấy theo nghĩa trong Đạo Đức Kinh của Đức Lão Tử: Đạo là nguồn sanh hóa ra CKVT và vạn vật. Đạo vô hình, vô sắc, vô thanh, vô xú. Đạo chính là Hư Vô chi Khí, mà Hư Vô chi Khí sanh ra Đức Chí Tôn. Khi có Đức Chí Tôn rồi thì Người mới tạo hóa ra CKVT và vạn vật.

TNHT. I. 32: “Khí Hư Vô sanh có một Thầy. Còn mấy Đấng Thầy kể đó ai sanh? Ấy là ĐẠO. Các con nên biết. Nếu không có Thầy thì không có chi trong CKTG này, mà nếu không có Hư Vô chi Khí thì không có Thầy.”

Đạo là vô vi, vô hình. Đạo khác Tôn giáo vì Tôn giáo thì hữu hình. Tôn giáo ví như cái cửa, mỗi người muốn gặp Đạo thì phải đi vào cái cửa ấy.

C.11: Đạo là Hư Vô, Thầy cũng là Hư Vô.

Câu 12: Reo chuông thoát tục, phát cờ tuyệt sinh.

Reo chuông thoát tục: Đánh lên tiếng chuông để như sanh tỉnh giấc mộng trần mà trở lại con đường đạo đức, lo tu hành hầu mong ngày thoát khỏi trần, trở về cõi TLHS.

Tuyệt sinh: Dứt sanh ra. Không có sanh thì không có chết (tử), tức là không còn luân hồi. Tuyệt là dứt.

Phất cờ tuyệt sinh: Giương cao ngọn cờ để hướng dẫn như sanh vào đường đạo đức tu hành, thoát khỏi luân hồi.

Câu 13- 14: Cứ nương dưới máy linh cơ tạo,

14: Gươm huệ đưa trị xảo trừ tà.

Máy linh cơ Tạo: Bộ máy thiêng liêng của Đấng Tạo Hóa. Sự vận chuyển của các quả tinh cầu trong CKVT rất đều hòa và nhịp nhàng như một bộ máy đang hoạt động.

Gươm huệ: Cái trí huệ mà người tu đạt được, sử dụng như một cây gươm để diệt trừ vô minh và phiền não, chặt đứt các dây oan nghiệt, Chơn hồn mới thoát khỏi cõi trần, trở về cõi TL. **Trị xảo trừ tà:** Trừng trị sự xảo trá, diệt trừ tà mị.

C.13-14: Cứ nương tựa dưới sự xây chuyển của Đức Chí Tôn, dùng cái trí huệ làm cây gươm để trừng trị sự xảo trá và diệt trừ tà mị.

Câu 15-16: Cửa Địa ngục chóng lánh xa,

Mượn hình Thánh thể cất nhà cõi Thiên.

Cửa Địa ngục: Ý nói nơi Địa ngục trần gian, tức là những chỗ chứa đầy tội lỗi như: Sòng bài, Ma túy, Mái dâm ...

Mượn hình Thánh thể: Mượn áo mào làm Chức sắc trong Hội Thánh để lập công quả phổ độ như sanh. **Cất nhà cõi Thiên:** Ý nói: Tạo được ngôi vị cao trọng nơi cõi TL.

C.15-16: Mau xa lánh những nơi chứa đầy tội lỗi, nhập vào Thánh thể của Đức Chí Tôn để mượn áo mào Chức sắc mà lập công quả, thì sẽ tạo được ngôi vị cao trọng nơi cõi TLHS.

Kinh Đi Ra Đường

- Kinh Đi Ra Đường
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Đi Ra Đường

KINH ĐI RA ĐƯỜNG*(Giọng Nam xuân)*

1. Thân vận động trong trường thế sự.
2. Đạo nhơn luân cư xử cùng đời.
3. Đòi phen lúc biến khi dờ,
4. Thân như bèo bọt giữa vời linh đình.
5. Dòm thấy cuộc kinh dinh dưới mắt,
6. E trở tâm, tánh bất đổi thay.
7. Con xin nường bóng Cao Đài,
8. Bước ra một bước cảm hoài căn tu.
9. Gót chơn đưa rũi như sát mạng,
10. Vật hữu linh phàm nhân không soi.
11. Xin tha họa gởi tai rơi,
12. Hồn linh nhờ có Ổn Trời chứng minh.
13. Đại Từ Phụ oai linh bảo hộ,
14. Những chông gai quét ngõ ven đường.
15. Đi an khương, về an khương,
16. Cõi Thiên, cảnh tục cũng đường chung nhau.

*(Niệm 1 lần Câu Chú của Thầy)***GIẢI NGHĨA****Câu 1:** Thân vận động trong trường thế sự.**Thân vận động:** Thân thể hoạt động để làm việc.**Trường:** Nơi tụ họp nhiều người. **Thế sự:** Việc đời.**C.1:** *Tấm thân phải hoạt động làm việc để mưu cầu sự sống trong trường đời.***Câu 2:** Đạo nhơn luân cư xử cùng đời.**Đạo:** Đường lối, nguyên tắc mà con người có nhiệm vụ gìn giữ và tuân theo trong cuộc sống trong xã hội.**Nhơn luân:** Luân là cách cư xử theo lẽ phải trong cuộc sống. Nhơn luân là cách cư xử giữa người với người theo lẽ phải. Nho giáo dạy 5 cách đối xử, gọi là Ngũ Luân: Quân thần (Vua quan), Phụ tử (Cha con), Phu phụ (Chồng vợ), Huynh đệ (Anh em), Bằng hữu (Bạn bè).**C.2:** *Học theo đạo Nhơn luân để cư xử với đời.***Câu 3-4:** Đòi phen lúc biến khi dờ,
Thân như bèo bọt giữa vời linh đình.**Đòi phen:** Nhiều lần. Đòi là nhiều. **Dờ:** Xê dịch.**Bèo bọt:** Cánh bèo và cái bọt nước nổi trôi trên mặt nước. Ý nói: Thân phận lênh đênh như cánh bèo trôi, không biết đi về đâu, cũng không bền vững, dễ vỡ tan như bọt nước.**Giữa vời:** Ở giữa vùng nước rộng ngoài xa.**Linh đình:** Lênh đênh, trôi nổi nay đây mai đó.**C.3-4:** *Nhiều lần đổi thay, thân phận con người như cánh bèo, như bọt nước, lênh đênh trên sóng nước mênh mông vô định.***Câu 5-6:** Dòm thấy cuộc kinh dinh dưới mắt,
E trở tâm, tánh bất đổi thay.**Dòm thấy:** Nhìn thấy. **Kinh dinh:** Kinh doanh, tổ chức sản xuất hay mua bán cho sanh lợi. **E:** Sợ, e sợ.**Trở tâm:** Lật ngược cái Tâm. Cái Tâm trước đây tốt, không tham lam, khi lật ngược trở lại thì cái Tâm biến thành xấu, tham lam ích kỷ.**C.5-6:** *Nhìn thấy cuộc kinh doanh dưới mắt sanh nhiều lợi lộc tiền bạc, e rằng lòng tham dấy lên làm thay đổi tánh nết.*

Câu 7-8: Con xin nương bóng Cao Đài,
Bước ra một bước cảm hoài căn tu.

Nương bóng: Nhờ vào sự che chở. Cao Đài: Đức Chí Tôn.
Cảm hoài: Cảm là xúc động trong lòng, hoài là nhớ nhung.
Cảm hoài là xúc động nhớ nhung. **Căn tu:** Cái gốc tu hành,
tức là cái gốc của người đó là kẻ tu hành.

C.7-8: Con xin nương dựa vào sự che chở của Đức Chí Tôn.
Bước ra đường một bước, lòng cảm động nhớ rằng mình vốn là
kẻ tu hành.

Câu 9-10: Gót chơn đưa rũi như sát mạng,
Vật hữu linh phàm nhân không soi.

Sát mạng: Giết chết một mạng sống.

Vật hữu linh: Các loài sinh vật đều có tánh linh, nhưng tánh
linh nầy ít hay nhiều tùy theo loài và đẳng cấp tiến hóa của nó.
Loài Thảo mộc có tánh linh ít hơn Thú cầm, Thú cầm thì tánh
linh ít hơn Nhơn loại. Chỉ có loài người là linh nhiều hơn hết
vì có đủ Tam hồn: Sanh hồn, Giác hồn và Linh hồn.

Phàm nhân: Con mắt bằng thịt của người phàm, nên còn gọi
là Nhục nhãn. Đối lại với Phàm nhãn là Huệ nhãn, con mắt
trí tuệ. **Khôn soi:** Không nhìn thấy rõ.

C.9-10: Bước chơn đi ra ngoài, rũi như đập chết một sinh vật có
tánh linh, là vì mắt phàm không nhìn thấy rõ.

Câu 11-12: Xin tha họa gởi tai rơi,
Hồn linh nhờ có Ổn Trời chứng minh.

Họa gởi tai rơi: Tai họa bất ngờ. **Hồn linh:** Linh hồn của
sinh vật vừa bị đập chết. **Chứng minh:** Chứng thật rõ ràng.

C.11-12: Xin tha thứ, đừng gieo tai họa bất ngờ, xin hồn linh của
sinh vật hiểu giùm, đừng báo oán, vì đây không cố ý sát mạng,
nhờ Đức Chí Tôn chứng minh.

Câu 13- 14: Đại Từ Phụ oai linh bảo hộ,
14: Những chông gai quét ngõ ven đường.

Đại Từ Phụ: Toàn cả chúng sanh đều là con cái của Đức Chí
Tôn, nên gọi Đức Chí Tôn là Đại Từ Phụ.

Oai linh: Oai quyền TL. **Bảo hộ:** Gìn giữ và che chở.

C.13-14: Xin Đại Từ Phụ dùng oai quyền thiêng liêng gìn giữ
và che chở cho con khỏi đập lên những chông gai quét vào ngõ
hay ở ven đường.

Câu 15-16: Đi an khương, về an khương,
Cõi Thiên, cảnh tục cũng đường chung nhau.

An khương: An là yên ổn, khương hay khang là vui vẻ mạnh
khỏe. An khương là yên ổn, vui vẻ, mạnh khỏe. **Cõi Thiên:**
Cõi Trời, cõi TLHS. **Cảnh tục:** Cõi trần. **Cũng đường chung
nhau:** Đường như cũng giống như nhau.

C.15-16: Xin cho con đi được an khương và khi về cũng được an
khương. Đi trên cõi Thiên liêng hay đi trên đường trần cũng
đều được an khương như nhau.

KHẢO DỊ:

– Kinh TĐ-TĐ 1936:

- cũng đường.

– Kinh Lễ, Kinh TĐ-TĐ 1968, 1974, 1975:

- cũng đường.

Đường: Giống như, hình như. **Đường:** Con đường đi.

Kinh Khi Về

- Kinh Khi Về
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Khi Về

KINH KHI VỀ*(Giọng Nam xuân)*

1. Cảm tạ ơn trên đầu diu dờ,
2. Từ khi đi khi trở lộn về.
3. Đặng xong phận sự mọi bề,
4. Tâm tu lại vững chẳng hề lãng xao.
5. Những nhớ bước Động đào buổi trước.
6. Những nhớ khi Hồn rước Diêu Trì.
7. Gân-Ta-Ca đỡ bước đi,
8. Ra thành Phật Tổ gặp kỳ ly cung.
9. Dẩy xe trâu Côn Lôn trời bánh,
10. Lý Lão Quân mong lánh phong trần.
11. Núi Ô-Li-Vê để dấu chân,
12. Gia-Tô Giáo chủ giải phần hữu sanh.
13. Con nguyện xin khuôn linh giúp sức,
14. Bước Ta-bà giục thức huệ quang.
15. Lòn thân dưới phép sâu than,
16. Tìm phương cứu khổ mở đàng giải căn.

*(Niệm 1 lần Câu Chú của Thầy)***GIẢI NGHĨA**

Câu 1-2: Cảm tạ ơn trên đầu diu dờ,
Từ khi đi khi trở lộn về.

Ơn trên đầu: Ơn huệ của Đức Chí Tôn.

C.1-2: Cảm tạ ơn Đức Chí Tôn đã diu dờ và nâng đỡ từ khi bước chân ra đi cho đến khi quay trở về.

Câu 3-4: Đặng xong phận sự mọi bề,
Tâm tu lại vững chẳng hề lãng xao.

C.3-4: Đi làm phận sự xong xuôi trọn vẹn mọi bề.
Cái Tâm tu hành vẫn vững vàng, chẳng hề xao lãng.

Câu 5: Những nhớ bước Động đào buổi trước.

Những hay Nhặng: Chỉ là, mãi. **Những nhớ:** Mãi nhớ.

Động đào: Động là hang núi, đào là cây đào, hoa đào. Động đào là cái hang núi mà đường vào hang có mọc nhiều cây đào, hoa đào rơi xuống trông rất đẹp mắt.

Động đào là chỉ cõi Tiên theo điển tích sau đây:

Điển tích: Trong bài Đào Hoa Nguyên Ký (Bài ghi lại về Suối Hoa Đào), Ông Đào Tiềm kể chuyện về suối hoa đào như sau: Vào khoảng triều vua Hiếu Vũ Đế nhà Tấn (376-396) có một người ở huyện Vũ Lăng tỉnh Hồ Nam làm nghề đánh cá, chèo thuyền theo dòng khe mà đi, quên mất đường xa gần, bỗng gặp một rừng cây đào mọc sát bờ khe mấy trăm bước, không xen loại cây nào khác, cỏ thơm tươi đẹp, hoa rụng rục rờ. Người đánh cá lấy làm lạ, tiến thêm vô, đi đến cuối rừng. Rừng hết thì suối hiện ra và thấy một ngọn núi. Núi có cái hang mờ mờ như có ánh sáng, bèn rời thuyền, rồi theo cửa hang đi vào. Mới đầu, hang rất hẹp, chỉ vừa đi lọt một người đi. Vô hang được vài chục bước thì hang nở rộng ra sáng sủa, mặt đất bằng phẳng trống trải, thấy có nhà cửa tề chỉnh, ruộng tốt, ao đẹp, có cây dâu cây trúc, đường ruộng thông nhau, có tiếng gà gáy chó sủa, người đi lại trông tươm tươm.

Đàn ông đàn bà mặc y phục giống như người bên ngoài. Những cụ già tóc bạc và trẻ nhỏ để tóc trái đào đều hơn hờ vui vẻ.

Họ thấy người đánh cá đi đến thì rất lấy làm lạ, hỏi ở đâu tới? Người đánh cá kể lẽ đầu đuôi. Họ bèn mời về nhà, bày rượu

thịt ra thết đãi. Người trong xóm hay tin đều đến hỏi thăm. Họ bảo tổ tiên của họ trốn loạn đời Tần Thủy Hoàng, dạt vợ con và người trong ấp đến chỗ hiểm trở xa xôi này, rồi không trở ra nữa. Từ đó cách biệt hẳn với người ngoài. Họ hỏi người đánh cá bây giờ là đời nào? Vì họ không biết có đời Hán nữa, đến chỉ đời Ngụy, đời Tấn.

Người đánh cá kể lại đủ cả sự tình. Họ nghe nói đều đau xót. Người đánh cá ở chơi vài ngày rồi từ tạ trở về. Trong bọn họ có người dặn đừng kể lại cho người khác biết.

Người đánh cá ra khỏi hang, trở lại đường cũ, tìm thấy chiếc thuyền, chèo thuyền trở về, đi tới đâu làm dấu chỗ đó, để sau còn biết đường trở lại. Về đến Quận, người đánh cá kể lại hết các việc cho quan Thái Thú nghe. Viên Thái Thú sai anh ta chèo thuyền trở lại, tìm theo chỗ làm dấu mà đi, nhưng các dấu tích đã biến mất, không tìm được đường cũ.

Ông Lưu Tử Kỳ ở đất Nam Dương tỉnh Hà Nam là bậc cao sĩ, nghe kể chuyện, cảm thấy rất hân hoan, tự mình đi tìm nơi đó, nhưng chưa tìm ra thì bị bệnh chết. Từ đó không ai hỏi thăm đường đi nữa.

Từ điển tích này, trong văn chương thường dùng các từ ngữ: Đào nguyên, Nguồn đào, Động đào, là để chỉ cảnh Tiên, nơi đó phong cảnh tuyệt đẹp và người sống rất sung sướng.

Câu 6: Những nhớ khi Hớn rước Diêu Trì.

Hớn rước Diêu Trì: Vua Hớn Võ Đế rước Đức Diêu Trì Kim Mẫu giáng trần nơi Hoa Điện.

Điển tích: Vua Hớn Võ Đế hay Hán Vũ Đế (141-87 trước Tây lịch) là vị vua thứ 5 của nhà Hán, kể từ Hán Cao Tổ Lưu Bang. Hớn Võ Đế là vị vua hùng tài đại lược, nhưng cũng rất tín ngưỡng Trời Phật. Khi Hớn Võ Đế mới lên ngôi, Ngài liền phát nguyện lập một cảnh chùa gọi là Hoa Điện để sùng bái Trời Phật. Gọi là Hoa Điện vì chùa này được chạm khắc các thứ Hoa trên các vật liệu xây dựng, nên thoạt trông vào như

một tòa cung điện làm bằng hoa.

Đến năm Hớn Võ Đế 61 tuổi, Ngài định tổ chức một lễ đào tuế long trọng. Cái sở nguyện của Ngài là cầu Đức Phật Mẫu đến chứng lễ. Vua bèn lập bàn hương án nơi sân Hoa Điện, thành tâm cầu khẩn ngày đêm mà không biết Đức Phật Mẫu ở nơi nào và có thấu biết chăng.

Khi đó, Ông Đông Phương Sóc là vị Tiên mới đắc đạo, trước kia có làm quan tại triều vua Hớn Võ Đế, sau về núi tu luyện, phát động tâm, liền hiểu rõ mọi việc. Ông bèn đi xuống núi, thẳng vào triều, gặp Võ Đế. Nhà vua thuật lại ý nguyện và nhờ Đông Phương Sóc đi thỉnh Đức Phật Mẫu.

Đông Phương Sóc tâu rằng: Nếu Bệ hạ quyết lòng thì thần xin phụng mạng, nhưng thỉnh Phật Mẫu được hay không là do lòng thành của Bệ hạ. Vậy Bệ hạ ra chiếu cho thần đi.

Đông Phương Sóc lãnh chiếu ra đi. Dùng huyền diệu Tiên gia, trong chốc lát, Sóc đến DTC xin vào bái kiến Phật Mẫu, và bạch hết các việc của Hớn Võ Đế sở vọng khẩn cầu.

Đức Phật Mẫu phán rằng: Phật Mẫu sẽ giáng phàm chứng lễ Khánh thọ của Hớn Võ Đế, đem theo 4 vị Tiên đồng Nữ nhạc đờn ngâm bài chúc thọ, và ban cho vua 4 trái Đào Tiên. Khi Phật Mẫu đến có chim Thanh loan báo trước.

Đông Phương Sóc vô cùng mừng rỡ, liền bái tạ Đức Phật Mẫu rồi trở lại trần gian, tâu bày các việc cho Võ Đế rõ.

Nhà vua rất vui mừng, hỏi: – Thanh loan là chim gì?

Đông Phương Sóc đáp: – Thanh loan là con chim loan màu xanh, đó là chim linh của Đức Phật Mẫu, dùng để đưa Phật Mẫu đi du hành các nơi. Xin Bệ hạ chỉnh trang cho long trọng, thanh tịnh, để nghinh tiếp Đức Phật Mẫu vào đêm Trung thu. Trong và ngoài Hoa Điện phải lập bàn hương án trang nghiêm, đều có xông hương khử trừợc.

Đầu giờ Tý đêm Rằm Trung thu, Hớn Võ Đế quì trước Hoa Điện thành tâm cầu khẩn. Xảy thấy chim Thanh loan đáp xuống sân chùa, Đức Phật Mẫu cùng Cửu vị Tiên Nương với

4 Tiên đồng Nữ nhạc giáng lâm trước Hoa Điện. Vô Đế cung nghinh Đức Phật Mẫu vào Chánh điện. Phật Mẫu dạy Tiên đồng trao tặng Vô Đế 4 trái Đào Tiên và ngâm bài Chúc thọ. Sau buổi đó, Hồn Vô Đế cho tạc hình Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương để thờ nơi Hoa Điện.

Sự tích này truyền lại đến ngày nay. Do đó nơi thờ Đức Phật Mẫu thì gọi là Điện, chớ không gọi Đền.

C.5-6: *Mãi nhớ chuyện Động đảo thuở trước, và chuyện vua Hồn Vô Đế rước Đức Phật Mẫu tại Hoa Điện.*

Câu 7-8: **Gần-Ta-Ca** đỡ bước đi,
Ra thành Phật Tổ gặp kỳ ly cung.

Gần-Ta-Ca: còn viết là Càn-Ta-Ca, do phiên âm từ tiếng Phạn: Kantaka, Hán văn dịch là Càn-Trắc mã, nghĩa là con ngựa Càn Trắc. Đây là con ngựa chạy hay nhứt của triều vua Tịnh Phạn, dành riêng cho Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta dùng. Chính con ngựa này đã đưa Thái Tử vượt Hoàng thành lúc nửa đêm để đi vào chỗ rừng núi thanh vắng tu hành.

Phật giáo sử chép rằng: Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta, năm 29 tuổi, đêm mùng 7 tháng 2, gọi quan hầu cận là Xa-Nặc (TChanna) thắt yên cương ngựa Càn Trắc để Thái Tử rời Hoàng cung xuất gia đi tu. Thái Tử cùng với Xa-Nặc cỡi ngựa đi suốt đêm, đến sáng tới một cụm rừng cách Kinh đô Ca-Tỳ-La-Vệ rất xa. Ngài nhảy xuống ngựa và khen rằng: «Con ngựa này rất hay, nó mạnh mẽ và chạy mau như một vị Thiên Thần.» Rồi Ngài cắt tóc, đổi áo, bảo Xa-Nặc dắt ngựa Càn Trắc về triều tâu lại với vua cha là Tịnh Phạn Vương.

Ngựa Càn Trắc trở về Hoàng cung, nhớ chủ, bỏ ăn rồi chết. Linh hồn liền thoát lên cõi Thượng Thiên.

Phật Tổ: Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta tu thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni, mở ra Phật giáo và làm Tổ Sư Phật giáo.

Ly cung: Rời khỏi Hoàng cung.

C.7-8: *Nhắc lại sự tích Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta cỡi ngựa Càn Trắc, rời*

Hoàng cung, vượt Hoàng Thành, vào rừng đi tu thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni, mở ra Phật giáo và làm Tổ Sư Phật giáo.

Câu 9-10: **Dẩy xe trâu Côn Lôn** trời bánh,
Lý Lão Quân mong lánh phong trần.

Dẩy: Cất lên, khởi lên. **Xe trâu:** Chiếc xe trắng có con trâu xanh một sừng (Thanh ngư) kéo đi. Đây là chiếc xe của Đức Lão Tử dùng để du hành các nơi. Người đánh xe là Từ Giáp. **Côn Lôn:** Tên một ngọn núi rất cao, ở về phía Tây nước Tàu, tương truyền trên núi có Tiên ở.

Trời bánh: Bánh xe khởi lên để lăn tới.

Lý Lão Quân: Đức Lão Tử họ Lý, tên là Nhĩ, tự là Bá Đương. Đức Lão Tử là hóa thân của Đức Thái Thượng Đạo Quân nên về sau được gọi là Thái Thượng Lão Quân.

Phong trần: Gió bụi, chỉ những cảnh gian nan vất vả nơi cõi trần.

C.9-10: *Nhắc lại sự tích Đức Lão Tử, sau khi ở ải Hàm Cốc truyền đạo cho Ông Doãn Hỷ, Ngài lên xe trắng trâu xanh, có Từ Giáp đánh xe, đi về phía Tây đến núi Côn Lôn, lánh khỏi cõi trần đầy gió bụi. (Xem: C.12 TG)*

Câu 11-12: **Núi Ô-Li-Vê** để dấu chân,
Gia-Tô Giáo chủ giải phần hữu sanh.

Núi Ô-Li-Vê: Tiếng Pháp là: Mont des Oliviers (núi Oliviers), phiên âm ra: Ô-Li-Vê. Đây là một ngọn núi thấp ở ngoại ô thành Jérusalem nước Do Thái. Đức Chúa Jésus cùng 12 vị Tông đồ thường lên núi này cầu nguyện. Tại đây, Đức Chúa dự ngôn về thành Jérusalem bị tàn phá, về cái chết và sự phục sinh của Ngài. Trước khi Đức Chúa Jésus bị bắt và bị hành hình, Ngài lên núi này cầu nguyện Thượng Đế, xin lấy cái chết của mình để chuộc tội cho loài người.

Để dấu chân: Còn lưu lại cái dấu chân.

Gia-Tô Giáo chủ: Đức Chúa Jésus (phiên âm Gia-Tô) mở ra

Thiên Chúa giáo và làm Giáo chủ tôn giáo ấy.

Giải phần hữu sanh: Giải là nói rõ ra, phần là một phần trong tổng thể, hữu là có, sanh là sống. Giải phần hữu sanh là giải quyết phần đời sống của Nhơn loại, tức là giải quyết về phần Nhơn đạo hay Thế đạo.

Giáo lý của Thiên Chúa giáo chủ yếu về phần Thế pháp và Bí pháp của Thế đạo, cho nên người tu theo Đạo Thiên Chúa đạt phẩm vị cao nhất là Thánh, và Đạo Thiên Chúa thuộc về Thánh đạo trong Ngũ Chi Đại Đạo.

C.11-12: Đức Chúa Jêsus, Giáo chủ Thiên Chúa giáo, từng đặt chân lên núi Oliviers để cầu nguyện xin chuộc tội cho Nhơn loại. Ngài là Đấng giải quyết về phần đời sống của Nhơn loại nên Nhơn loại tôn Ngài là Đấng Cứu Thế.

Câu 13- Con nguyện xin khuôn linh giúp sức,
14: Bước Ta-bà giục thức huệ quang.

Khuôn linh: Khuôn là dụng cụ để đúc ra các vật có hình thể giống hệt nhau, Linh là thiêng liêng. Khuôn linh là chỉ Đấng Tạo Hóa, tức là Đức Chí Tôn. Khuôn linh đồng nghĩa với: Khuôn thiêng, Khuôn hồng, Hồng Quân.

Ta-bà: do phiên âm từ tiếng Phạn: Saha, nghĩa là nhẫn nhục. Cõi Ta-bà là cõi mà người tu phải nhẫn nhục, vì cõi này có nhiều ô trược và ác độc, nhưng nếu tu được thì rất mau thành chánh quả. Cõi Ta-bà chính là cõi trần .

Bước Ta-bà: Bước đi cùng khắp trên cõi trần .

Giục thức: Thức giục cho thức tỉnh.

Huệ quang: Ánh sáng của trí huệ. Trí huệ là sự thông suốt hiểu biết rõ ràng các sự việc của bậc đặc đạo.

C.13-14: Con nguyện xin Đức Chí Tôn giúp sức cho con đi khắp các nẻo đường trần để thức giục Nhơn sanh thức tỉnh, khơi dậy cái trí huệ của Nhơn sanh.

Câu 15-16: Lòn thân dưới phép sâu than,
Tìm phương cứu khổ mở đàng giải căn.

Lòn thân: Dem thân lòn cúi, ý nói hạ mình chịu nhục.

Phép sâu than: Pháp luật hà khắc của đời làm cho dân chúng sâu khổ kêu than.

Giải căn: Giải là cởi bỏ ra, căn là gốc rễ, chỉ những việc làm gian ác tạo thành oan nghiệt của kiếp trước. Giải căn là cởi bỏ hết các oan nghiệt của kiếp trước, vì nó tạo thành nghiệp ác làm cho kiếp sống này phải bị tai ương, phiền não.

C.15-16: Hạ mình lòn cúi dưới pháp luật hà khắc của đời để tìm ra phương pháp cứu khổ Nhơn sanh, và mở ra con đường đạo đức để giải trừ oan nghiệt cho Nhơn sanh.

Kinh Khi Đi Ngủ

- Kinh Khi Đi Ngủ
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Khi Đi Ngủ

KINH KHI ĐI NGỦ*(Giọng Nam xuân)*

1. Các vật dục xảy ra một buổi,
2. Cả hành vi lầm lỗi khôn ngừa.
3. Sắp mình cúi lạy xin thưa, (lạy)
4. Ôn trên Từ Phụ cho chừa tội khiên.
5. Trong giấc mộng nghĩ yên hôn phách,
6. Đấng Thiêng liêng năng mách bảo giùm.
7. Bồng Lai, Cự Lạc chỉ chừng,
8. Đẩy đưa xác tục, dựa gần cõi linh.

*(Niệm 1 lần Câu Chú của Thầy)***GIẢI NGHĨA**

Câu 1-2: Các vật dục xảy ra một buổi,
Cả hành vi lầm lỗi khôn ngừa.

Vật dục: Lòng ham muốn vật chất do đòi hỏi của thể xác. **Khôn ngừa:** Không phòng giữ trước.

C.1-2: Các ham muốn vật chất xảy ra trong một buổi, khiến cho hành vi gây lầm lỗi mà không ngăn ngừa trước được.

Câu 3-4: Sắp mình cúi lạy xin thưa,
Ôn trên Từ Phụ cho chừa tội khiên.

Sắp mình: Cúi mình lạy xuống. **Ôn trên Từ Phụ:** Xin Đại Từ Phụ ban ơn cho. **Tội khiên:** Tội lỗi. Khiên là lầm lỗi.

C.3-4: Con cúi mình kính lạy Đại Từ Phụ, xin Đại Từ Phụ ban ơn cho con để con chừa được các tội lỗi.

Câu 5-6: Trong giấc mộng nghĩ yên hôn phách,
Đấng Thiêng liêng năng mách bảo giùm.

Giấc mộng: Giấc chiêm bao. **Hôn phách:** Hôn là Linh hồn, Phách là Chơn thân. Khi ngủ say, ta nằm chiêm bao, lúc đó Chơn thân và Linh hồn xuất ra khỏi thể xác để đi lên giao tiếp với các Đấng Thiêng liêng, nhờ đó mới được các Đấng mách bảo cho những điều cần thiết. Khi ta giật mình thức dậy thì Chơn thân và Linh hồn liền nhập trở lại vào Thể xác.

C.5-6: Trong khi con nằm chiêm bao, thể xác nghỉ yên, nhưng Chơn thân và Linh hồn xuất ra, xin các Đấng Thiêng liêng thường mách bảo cho con biết những điều cần thiết.

Câu 7-8: Bồng Lai, Cự Lạc chỉ chừng,
Đẩy đưa xác tục, dựa gần cõi linh.

Bồng Lai: chỉ cõi Tiên. **Cự Lạc:** CLTG, là cõi Phật.

Cõi linh: Cõi của các Đấng Thiêng liêng.

Đẩy đưa xác tục dựa gần cõi linh: Đưa đẩy thể xác phàm đến nương tựa vào các Đấng Thiêng liêng, tức là để cho Chơn thân đến gần gũi các Đấng TL, nhờ các Đấng dạy bảo.

Chúng ta vào Tòa Thánh hay Thánh Thất để châu lễ Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng, cũng như khi chúng ta quì cúng trước Thiên Bàn tại tư gia, đó là những hình thức «Đẩy đưa xác tục dựa gần cõi linh».

Do đó mà chúng ta cần phải cúng kiếng thường, bởi vì: «Lễ bái thường hành tâm đạo khởi», và «Tập cho Chơn thân được gần gũi các Đấng Thiêng liêng cho rạng sáng lạn.»

C.7-8: Xin chỉ chừng cho biết cõi Bồng Lai là cõi Tiên, cõi CLTG là cõi Phật, để con đưa đẩy xác thân phàm cho Chơn thân đến gần gũi nương tựa vào các Đấng Thiêng liêng.

Kinh Khi Thức Dậy

- Kinh Khi Thức Dậy
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Khi Thức Dậy

KINH KHI THỨC DẬY*(Giọng Nam xuân)*

1. Vừa mở mắt giựt mình thức dậy,
2. Con mang ơn cúi lạy Từ Bi.
3. Tử sanh, sanh tử là chi?
4. Gẫm trong giấc mộng cũng bì như nhau.
5. Đây tới sáng xôn xao với thế,
6. Nhặng đua chen kiếm kế sanh nhai.
7. Có thân giữa chốn đọa đày,
8. Đếm ba vạn sáu ngàn ngày khó khăn.
9. Xin Từ Phụ ra ân cứu độ,
10. Tăng huyền linh giác ngộ chí thành.
11. Rõ phước đức, biết tội tình,
12. Nắm tâm đập vưng mặt thành Càn Khôn.
13. Trên nhờ có Chí Tôn che chở,
14. Thần Thánh Tiên Phật hộ thân hèn.
15. Đường tu nổi bước cho quen,
16. Xa trần tẩm tối, cận đèn thiêng liêng.

*(Niệm 1 lần Câu Chú của Thầy)***GIẢI NGHĨA**

Câu 1-2: Vừa mở mắt giựt mình thức dậy,
Con mang ơn cúi lạy Từ Bi.

C.1-2: Vừa mở mắt giựt mình thức dậy, con mang ơn Đức Chí

Tôn và xin cúi lạy Đức Chí Tôn. (Từ Bi là chỉ Đức Chí Tôn).

Câu 3-4: Tử sanh, sanh tử là chi?
Gẫm trong giấc mộng cũng bì như nhau.

Tử sanh: Sự chết và sự sống, ý nói một đời người.

Gẫm: Suy nghĩ kỹ. **Bi:** So sánh bằng nhau.

C.3-4: Một đời người từ lúc sanh ra cho đến lúc chết là chi? Ngẫm nghĩ lại thì cũng giống như một giấc mộng.

Đối với các Đấng Thiêng liêng, cuộc đời này là một trường mộng ảo, và kiếp sống của con người chẳng qua chỉ là một Giấc mộng trần, hay một Giấc Huỳnh lương.

Câu 5-6: Đây tới sáng xôn xao với thế,
Nhặng đua chen kiếm kế sanh nhai.

Xôn xao: Rộn rịp. **Nhặng đua chen:** Mãi đua chen. **Kiểm kế:** Tìm cách. **Sanh nhai:** Làm ăn sanh sống.

C.5-6: Từ đây cho tới sáng phải rộn rịp với đời, mãi lo đua chen tìm phương làm ăn sanh sống.

Câu 7-8: Có thân giữa chốn đọa đày,
Đếm ba vạn sáu ngàn ngày khó khăn.

Chốn đọa đày: Chỉ cõi trần, vì cõi trần là cõi đọa.

Ba vạn sáu ngàn ngày = 36.000 ngày, tức là 100 năm. Ít có người sống hơn 100 tuổi.

C.7-8: Có được cái xác thân sống giữa cõi trần này, kéo dài được 100 năm thì thật là khó khăn.

Câu 9-10: Xin Từ Phụ ra ân cứu độ,
Tăng huyền linh giác ngộ chí thành.

Từ Phụ: Đại Từ Phụ. **Tăng:** Thêm. **Huyền linh:** Huyền diệu TL. **Giác ngộ:** Tỉnh ra mà biết rõ chơn lý. Giác là biết, ngộ là tỉnh ra mà biết rõ. **Chí thành:** Rất thành thật.

C.9-10: Xin Đại Từ Phụ ban ơn cứu độ con, gia tăng huyền diệu

GIẢI NGHĨA KINH THẾ ĐẠO

TL để giúp con giác ngộ cho được chí thành.

Câu 11-12: Rõ phước đức, biết tội tình,
Nắm tâm đắp vũng mặt thành Càn Khôn.

Nắm tâm: Nắm giữ chặt, Tâm là cái Tâm của mình. Nắm tâm là giữ chặt cái tâm, bởi vì Đức Phật nói: Tâm viên ý mã; cái tâm như con khỉ, luôn luôn nhảy nhót; cái ý như con ngựa, luôn luôn muốn chạy đi. Cho nên phải kềm giữ chặt chẽ cái Tâm, không cho nó phóng túng vọng động, giữ cho nó ở trạng thái không không. **Càn Khôn:** Hai quẻ trong Bát quái, tượng trưng Âm Dương, mà nguyên lý Âm Dương là Đạo. **Mặt thành Càn Khôn:** Ý nói nền Đạo do Đức Chí Tôn lập ra.

C.11-12: *Biết rõ phước đức và tội tình. Kềm giữ cái Tâm cho tốt đẹp để xây đắp vũng bền nền Đại Đạo của Chí Tôn.*

Câu 13- 14: Trên nhờ có Chí Tôn che chở,
Thần Thánh Tiên Phật hộ thân hèn.

C.13-14: *Trên hết nhờ Đức Chí Tôn che chở, kể đó nhờ chư Phật, Tiên, Thánh, Thần phò hộ cho tấm thân hèn mọn của con.*

Câu 15-16: Đường tu nổi bước cho quen,
Xa trần tẩm tối, cận đèn thiêng liêng.

Cận đèn thiêng liêng: Ý nói: Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Gần được các Đấng Thiêng liêng thì Chơn thần được trong sáng và học được nhiều điều bổ ích cho linh hồn.

C.15-16: *Để cho con nổi bước trên đường tu hành được quen dần, Chơn thần và Linh hồn thoát ra khỏi cõi trần tẩm tối, và đến gần được các Đấng Thiêng liêng.*

Kinh Vào Học

- Kinh Vào Học
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Vào Học

KINH VÀO HỌC (Giọng Nam xuân)

1. Đại Từ Phụ xin thương khai khiếu,
2. Giúp trẻ thơ học hiểu văn từ.
3. Gần điều nên, lánh lẽ hư,
4. Nương gương thần huệ đặng trừ nghiệt căn.
5. Dò đường Thánh khó khăn chẳng ngại,
6. Tùng khuôn hồng nhỏ dại lớn khôn.
7. Buộc yêu thương bạn đồng môn,
8. Nghĩa nhân vẹn giữ xác hồn trăm năm.
9. Nguyệt Tam Cang gìn tâm trọn đạo,
10. Nguyệt Ngũ Thường hiểu thảo làm khuôn.
11. Nguyệt nên hương hỏa tông đường,
12. Nguyệt thương lễ thứ trong trường công danh.
13. Cầu khẩn Đấng Chơn linh nhập thể,
14. Đủ thông minh học lễ học văn.
15. May duyên gặp hội Long vân,
16. Thuyền thơ ngọn gió Các Đấng xuôi đưa.

(Niệm 1 lần Câu Chú của Thầy)

GIẢI NGHĨA

Kinh Vào Học được tất cả học sinh trong lớp tụng lên trước mỗi buổi học. Khi tụng kinh, các học sinh phải đứng nghiêm trang, tay bắt Ấn Tý đặt trước ngực.

Câu 1-2: Đại Từ Phụ xin thương khai khiếu,
Giúp trẻ thơ học hiểu văn từ.

Đại Từ Phụ: Đức Chí Tôn. **Khai khiếu:** Khai là mở ra, Khiếu là khả năng tài giỏi đặc biệt về một phương diện, nên còn được gọi là năng khiếu. Khai khiếu là mở ra cái khiếu thông minh sáng suốt để học hỏi và phát huy.

Văn từ: Văn là văn chương, từ là lời nói, lời văn. Văn từ là nói chung về văn chương chữ nghĩa.

C.1-2: Xin Đại Từ Phụ thương con mà khai khiếu thông minh cho con, giúp cho con học mau hiểu biết văn từ.

Câu 3-4: Gân điều nên, lánh lẽ hư,
Nương gương thân huệ đặng trừ nghiệt căn.

Điều nên: Điều phải, điều đúng theo đạo đức.

Lẽ hư: Điều hư hỏng, xấu xa, trái đạo đức.

Nương gương: Nương là dựa vào, Gương là cây gương.

Thần huệ: Thần là huyền diệu thiêng liêng; Huệ là trí huệ, trí não sáng suốt thông hiểu sự lý, dứt điều mê muội.

Gương thần huệ: đồng nghĩa với: Huệ kiếm gương thân trong Câu 11, Kinh Khai Cửu, Đại Tường, Tiểu Tường. Gương thần huệ là cây gương trí huệ huyền diệu.

Người tu khi đạt được trí huệ thì phải dùng cái trí huệ này như là một cây gương mẫu nhiệm để diệt trừ Lục tặc (6 tên cướp công đức, ấy là Lục dục), Tam độc (3 tên ác độc: Tham, Sân, Si), đồng thời chặt đứt mọi phiền não và mọi dây oan nghiệt ràng buộc con người vào vòng luân hồi. Lúc đó, linh hồn và chơn thần mới được thong thả đi về cõi Thiêng liêng Hằng Sống.

Kinh Duy Ma Cật có câu: «Dĩ trí huệ kiếm phá phiền não tặc.» Nghĩa là: Lấy kiếm trí huệ phá tan giặc phiền não.

Nghiệt căn: Nghiệt là ác độc, nghiệp ác; căn là gốc rễ, chỉ những việc làm trong kiếp sống trước. Nghiệt căn là những việc làm ác trong kiếp sống trước, tạo thành nghiệp ác, theo

báo ứng trong kiếp sống này, gây ra bệnh tật tai ương. Nếu trừ bỏ Nghiệt căn thì không còn gặp hoạn nạn tai ương nữa.

C.3-4: Gân điều tốt để học tập bất chước, xa lánh điều sai quấy hư hỏng. Dựa vào cái trí huệ mà sử dụng như một cây gương để diệt trừ các oan nghiệt đã gây ra trong kiếp trước.

KHÁO DỊ:

– Kinh Lễ năm 1952:

- nghiệp căn.

– Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968, 1974, 1975:

- nghiệt căn.

Nghiệp thì có Thiện nghiệp và Ác nghiệp.

Nghiệt có nghĩa rõ ràng là Ác nghiệp. Do đó dùng chữ Nghiệt căn thì đúng nghĩa hơn.

Câu 5-6: Dò đường Thánh khó khăn chẳng nại,
Tùng khuôn hồng nhỏ đại lớn khôn.

Đường Thánh: Con đường Nho học do các bậc Thánh Nho thuở xưa lập ra, ý nói con đường học vấn trau dồi trí thức tinh thần. **Chẳng nại:** Chẳng nề hà khó nhọc. **Tùng:** Theo, tuân theo. **Khuôn hồng:** Khuôn là dụng cụ dùng để đúc ra các vật giống nhau, hồng là to lớn. Khuôn hồng là cái khuôn to lớn để sản xuất ra vạn vật. Do đó, khuôn hồng là chỉ Đức Chí Tôn, hay khuôn luật của Đức Chí Tôn. Khuôn hồng đồng nghĩa với: Hồng quân, Khuôn thiêng, Khuôn linh. **Nhỏ đại lớn khôn:** Anh lớn khôn ngoan diu dặt đàn em nhỏ đại.

C.5-6: Lăn theo con đường học vấn, dù gặp khó khăn cũng chẳng nệ hà. Tùng theo khuôn luật của Đức Chí Tôn, anh lớn khôn ngoan diu dặt đàn em nhỏ đại.

Câu 7-8: Buộc yêu thương bạn đồng môn,
Nghĩa nhân vẹn giữ xác hồn trăm năm.

Bạn đồng môn: Đồng là cùng; môn là cái cửa, ý nói trường

học. Bạn đồng môn là bạn cùng học một trường.

Nghĩa nhân: Hai điều quan trọng của Nho giáo. Nghĩa là cách đối xử theo lễ phải và đạo đức; Nhân là lòng thương người thương vật, thương khắp chúng sanh. Ở thì phải theo đạo Nhân, hành động thì phải noi theo đường Nghĩa.

Xác bốn trăm năm: Một người nơi cõi trần gồm có thể xác và linh hồn, sống được 100 năm là nhiều lắm. Xác bốn trăm năm là ý nói suốt một đời người nơi cõi trần.

C.7-8: *Bắt buộc phải thương yêu các bạn cùng học một trường. Phải gìn giữ toàn vẹn Nhân Nghĩa trong suốt đời mình.*

Câu 9-10: *Nguyện Tam Cang gìn tâm trọn đạo,
Nguyện Ngũ Thường hiếu thảo làm khuôn.*

Nguyện: Mong muốn và quyết tâm thực hiện.

Tam Cang: Ba giếng mối gồm: Quân thân cang [Giếng mối vua tôi], Phụ tử cang [Giếng mối cha con], Phu thê cang [Giếng mối vợ chồng]. Đối với học sinh, Tam Cang là Trung, Hiếu, Kính, bởi vì tuổi học trò chưa có vợ chồng, chỉ có thầy học. Trung là trung với nước, Hiếu là hiếu với cha mẹ ông bà, Kính là kính bậc thầy và người trên trước. **Gìn tâm:** Gìn giữ lòng dạ mình không được mơ tưởng điều sai quấy.

Trọn đạo: Đạo là đường lối và nguyên tắc phải gìn giữ và tuân theo để cho lời nói và việc làm hợp lễ phải và đạo đức. Trọn đạo là vẹn toàn đạo nghĩa ở đời.

Ngũ Thường: Năm hằng gồm: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Nhân và Nghĩa đã giải nơi Câu 8, Lễ là sự tôn nghiêm trật tự trong ý nghĩ và việc làm, Trí là sự hiểu biết phân biệt lễ phải quấy, Tín là lòng tin cậy nhau, không dối trá lừa gạt.

Làm khuôn: Làm thành phép tắc.

C.9-10: *Nguyện xin hết lòng gìn giữ Tam Cang cho trọn đạo ở đời, Nguyện xin lấy Ngũ Thường và sự hiếu thảo làm phép tắc phải theo.*

Câu 11-12: *Nguyện nên hương hỏa tông đường,
Nguyện thương lê thứ trong trường công danh.*

Hương hỏa: Hương là thơm, chỉ cây nhang, vì khi đốt nhang cháy lên thì nhang tỏa mùi thơm; Hỏa là lửa, chỉ cây đèn. Hương hỏa là nhang đèn, chỉ sự thờ cúng tổ tiên.

Tông đường: Tông là dòng họ, đường là cái nhà. Tông đường là nhà thờ tổ tiên của dòng họ.

Lê thứ: Lê là màu đen, thứ là đồng đảo. Lê thứ là dân chúng. Lê thứ đồng nghĩa với Lê dân, dân chúng.

Trường: Nơi nhiều người tụ tập đồng đảo để tranh đua. **Công danh:** Công là công nghiệp, danh là tiếng tăm. Công danh là chỉ việc ra làm quan để có sự nghiệp và tiếng tăm với đời. **Trường công danh:** Nơi đua chen công danh, chỉ con đường làm quan.

C.11-12: *Nguyện xin gìn giữ sự thờ cúng tổ tiên, nguyện thương xót dân chúng khi đua chen trong trường quan lại.*

Câu 13- 14: *Câu khấn Đấng Chơn linh nhập thể,
Đủ thông minh học lễ học văn.*

Đấng Chơn linh: Linh hồn của mỗi người. Dùng chữ Đấng cho có tính cách long trọng để chỉ vị Chủ nhơn của thể xác và chơn thân, bởi vì Chơn linh ấy là Điểm Linh quang do Đức Chí Tôn chiết ra từ khối Đại Linh Quang ban cho mỗi người, nên nó trọn lành trọn tốt.

Nhập thể: Nhập vào thể xác. **Đấng Chơn linh nhập thể:** Linh hồn đã nhập vào thể xác và làm chủ thể xác.

Học lễ học văn: Thành ngữ: Tiên học lễ, hậu học văn, nghĩa là: Trước tiên là phải học lễ, sau đó mới học đến văn. Học Lễ là học đạo đức, luân lý ở đời để nâng cao phẩm hạnh con người. Học văn là học văn chương hay khoa học để nâng cao trí thức con người. Người xưa chú trọng nhất là về đạo đức, rồi thứ nhì mới đến văn hóa, bởi vì một nhà trí thức giỏi mà không đạo đức là một mối nguy cho xã hội.

C.13-14: *Câu khấn Đấng Chơn linh nhập thể, Đủ thông minh*

học lễ học văn, Nghĩa là: Cầu khẩn với Đấng Chơn linh đang ngự trị trong thể xác sớm biến lộ sự thông minh sáng suốt để học lễ học văn được kết quả tốt đẹp.

Đức Chí Tôn có dạy rằng: “Thầy đã nói rằng, nơi thân phàm các con mỗi đứa Thầy đều cho một Chơn linh gìn giữ cái chơn mạng sanh tồn. Thầy tưởng chẳng cần nói, các con cũng hiểu rõ rằng: Đấng Chơn linh ấy vốn vô tư, mà lại đặng phép giao thông cũng cả chư Thần Thánh Tiên Phật và các Đấng Trọn lành nơi Ngọc Hư Cung, nhứt nhứt điều lành và việc dữ đều ghi chép không sai, đặng dâng vào Tòa Phán xét, bởi vậy nên một mây không qua, dữ lành đều có trả. Lại nữa, các Chơn linh ấy, tánh Thánh nơi mình, đã chẳng phải gìn giữ các con mà thôi, mà còn dạy dỗ các con, thường nghe đời gọi lộn Lương tâm là đó.” (TNHT. II. 66)

Cái Chơn linh của một học sinh đã nhập vào thể xác của học sinh đó từ lúc nó mới lọt lòng mẹ, chớ không phải chờ đến tuổi đi học nó mới nhập vào thể xác. (Theo TĐ. ĐPHP. về Bí Pháp, trang 34, ngày 29-7-Kỷ Sửu 1949).

Nhưng ở đây, đứa học sinh đọc câu kinh: Cầu khẩn Đấng Chơn linh nhập thể, không có nghĩa là Đấng Chơn linh ấy ở bên ngoài, chưa nhập vào thể xác, bây giờ cầu khẩn đấng Đấng Chơn linh ấy mới chịu nhập vào thể xác. Nhưng đây là hình thức thúc giục Chơn linh ấy đang ngự trong thể xác, sớm trở dậy làm Chủ như ông một cách mạnh mẽ, làm chủ Lục dục Thất tình, không cho chúng nó dẫn dắt con người vào đường vật dục xấu xa, mà hướng chúng nó vào nẻo cao thượng. Như thế là Chơn linh đã thi hành đúng chức năng giáo hóa mà Đức Chí Tôn đã phú thác.

Câu 15-16: *Mây duyên gặp hội Long vân,
Thuyền thơ ngọn gió Các Đàng xuôi đũa.*

Long vân: Long là rồng, vân là mây. Long vân là Rồng mây. Kinh Dịch có câu: “Vân tòng long, phong tòng hổ, Thánh nhân tác nhi vạn vật đổ.” Nghĩa là: Mây theo rồng, gió theo

cop, bậc Thánh nhân dấy lên mà vạn vật được thấy. Do đó, từ ngữ Long vân có ý nói người bề tôi tài giỏi gặp được vua hiền đức, thành ra Chúa Thánh tôi hiền, mặc sức vẫy vùng thi thố tài năng an bang tế thế.

Hội Long vân: Hội rồng mây, là hội thi để tuyển lựa người tài giỏi có đức hạnh ra giúp dân giúp nước.

Thuyền thơ: Thơ là sách. Thuyền thơ là chiếc thuyền chở sách, ý nói chiếc thuyền đang chở người có văn tài lỗi lạc, lâu thông kinh sử.

Các Đàng: Các là cái lâu, Đàng là Đàng Vương, vương hiệu của Lý nguyên Anh đời Đường bên Tàu. Các Đàng là cái Lầu Đàng Vương, được xây dựng ở Hàng Châu, để kỷ niệm công nghiệp của Đàng Vương Lý nguyên Anh, nên thường gọi là Đàng Vương Các.

Câu kinh: Thuyền thơ ngọn gió Các Đàng xuôi đũa, lấy ý nghĩa trong **Điển tích:** Vương Bột đời nhà Đường.

Sau khi làm bài Hịch ca tụng đá gà (Đấu kê hịch) cho 2 vị Vương tử Bái Vương Hiễn và Chu Vương Hiễn, Vương Bột bị vua Đường Cao Tông quở trách tại sao không can ngăn việc đá gà mà còn làm bài hịch ca ngợi đá gà, nên vua giận, đuổi Vương Bột đi khỏi kinh thành.

Vương Bột buồn bã, mượn thuyền đi thăm thân phụ đang làm Thứ sử Giao Châu. Vì sóng to gió lớn, nên thuyền phải dừng lại, đậu tại chơn núi Mã Dương. Đêm ấy trời quang đặng, trăng thu vằng vặc, Vương Bột lên bờ ngắm xem cảnh vật, bỗng thấy một cụ già râu tóc bạc phơ đang ngồi trên một tảng đá, vẫy Bột đến mà nói rằng:

– Cậu sao không đến Đàng Vương Các? Sáng ngày mai là Tết Trùng Dương, ở Đàng Vương Các có tiệc lớn, nếu cậu đến dự, làm một bài văn thôi cũng đủ để tên tuổi với đời hơn là làm Đấu kê hịch mà bị phạt.

Vương Bột thưa rằng:

– Từ đây đến Đàng Vương Các ở Hàng Châu có đến sáu bảy

trăm dặm đường, há một tối mà đến đó được sao?

Cụ già liền đáp:

– Cả thủy phủ của vùng Trung nguyên này đều do Ta cai quản. Nếu cậu quyết chí, Ta giúp cậu một cơn gió đưa thuyền đi đến Hàng Châu ngay tối nay.

Vương Bột liền chấp tay tạ ơn. Bỗng chẳng thấy Cụ già đâu nữa, Bột biết là chàng may mắn được Thần Tiên giúp đỡ, nên liền trở về thuyền, ra lệnh tức khắc nhổ neo, căng buồm đi Hàng Châu ngay. Gió mát đẩy buồm, thuyền đi nhanh như tên bắn, chẳng bao lâu thì tới Hàng Châu, tất cả phu thuyền đều hết sức kinh ngạc. Bột rất lấy làm đắc ý.

Lúc này Vũ văn Quân vừa thôi giữ chức Châu Mục Giang Châu, nhân biết Đô Đốc Diêm Bá Tự có người con rể là Ngô Tử Chương, một bậc thiếu niên anh tuấn, vốn đã làm sẵn văn bài, mong để phô trương tại Đền Vương Các, nên Vũ văn Quân tổ chức một Hội thơ văn tại gác Đền Vương, mời những người có văn tài đến dự để Ngô Tử Chương trở tài làm hài lòng quan Đô Đốc.

Vương Bột trước đây có quen biết với Vũ văn Quân, nên Bột liền đến viếng Vũ văn Quân, được Quân mời dự tiệc tại Đền Vương Các.

Sau khi cùng các thiếu niên khác vái chào, Bột liền ngồi xuống ghế. Vì Bột nhỏ tuổi nhất, mới 14 tuổi, nên phải ngồi ở cuối bàn tiệc. Đàn sáo rộn ràng, rượu được vài tuần thì Vũ văn Quân lên tiếng nói rằng:

– Nhớ xưa Đền Vương Lý nguyên Anh đánh Đông dẹp Bắc, gây dựng công nghiệp vẻ vang một đời, sau làm Thứ sử vùng này, dưới chân dân, trên kính kẻ sĩ, trăm họ chưa quên đức tốt, nên mới xây gác Đền Vương này để làm dấu tích lưu niệm. Nhưng chỉ tiếc danh thắng bậc này mà chưa có người hiền tài làm một bài văn hay, tạc vào bia đá, cho cảnh thêm toàn bích. Nay nhân bữa tiệc hội tụ các anh tài, xin hãy trở hết anh hoa, ghi lại chuyện này, liệu có nên chăng?

Vũ văn Quân nói rồi liền sai kẻ tả hữu đem văn phòng tứ bảo đến cho mỗi người.

Ai này đều ngầm hiểu là việc này sắp sẵn cho Ngô Tử Chương trở tài, nên dùng lời lẽ khác nhau mà từ tạ. Riêng Vương Bột, vì mới đến nên không biết và cũng nổi tánh khí anh hùng, cũng muốn thi thử tài năng, liền nhận lãnh giấy mực, mọi người thấy vậy đều ái náy giùm cho.

Diêm Bá Tự trong lòng thầm nghĩ: Nực cười thay cho kẻ thiếu niên chẳng thấu lẽ đời! Hãy xem hần thi thử ra sao?

Liền ra lệnh cho một viên lại đến đứng cạnh Vương Bột, xem Bột viết được câu nào thì báo vào trong.

Vương Bột trải tờ giấy lên mặt bàn, cầm bút viết ngay:

*Quận cũ Nam Xương, phủ mới Hồng Đô,
Giữa khoảng hai sao Dực, Chấn,
Tiếp giáp hai sông Hành, Lư,
Do Tam giang mà nối với Ngũ Hồ,
Mở Di Kinh mà dẫn về Âu Việt.*

..... vv.

*Chiếc cò bay với rạn xa,
Sông thu cùng với Trời xa một màu.*

Diêm Bá Tự nghe xong, hết sức kinh ngạc, khen rằng:

– Thăng bé này hay lạ! Thật là Thiên tài! Mau đem chén lớn ra đây, rót thêm hứng cho văn thi nào.

Lát sau, bài văn của Vương Bột viết xong, tả hữu đọc to lên cho mọi người nghe, ai này đều khen ngợi. Bỗng Ngô Tử Chương đứng lên nói:

– Bài văn này đâu phải xuất phát từ đại tài của Vương huynh, mà lại là sự giả mạo, nếu không tin thì Tử Chương xin đọc lại, một chữ cũng không sai.

Mọi người hết sức kinh ngạc. Tử Chương liền đọc một mạch từ đầu đến cuối bài văn của Vương Bột không sót chữ nào. Đọc xong, Tử Chương nói:

– Vậy xin các Ngài xét cho.

Ai nấy đều sợ hãi, không biết xử trí ra sao.

Bổng Vương Bột lên tiếng nói:

–Ngô huynh có trí nhớ thật phi thường, đọc qua là nhớ liền, không sót một chữ. Nhưng sau bài văn, tiểu đệ còn một bài thơ nữa, không rõ Ngô huynh có đọc được không?

Ngô Tử Chương không biết trả lời làm sao, đành xấu hổ ngồi xuống. Vương Bột liền viết một mạch xong bài thơ:

Gác Đẳng cao ngắt bãi sông thu,
Ngọc múa vàng reo nay thấy đâu?
Nam phố mây mai quanh nóc vẽ,
Tây sơn mưa tối cuốn rèm châu.
Mây vờn nước cuốn bao năm lụn,
Vật đổi sao dời mấy lúc sầu.
Đẳng Các nay nhìn lòng chạnh nhớ,
Sông nước ngoài hiên chẳng đổi màu.

Diêm Bá Tự và Vũ Văn Quân xem xong đều hết lời ca ngợi từng câu từng chữ của bài văn, liền tặng ngay cho Vương Bột 500 tấm lụa.

Tài danh của Vương Bột từ đó càng ngày càng nổi, cưới được vợ giàu, và được vua ban cho tước lộc vinh hiển.

Về sau, Tô Đông Pha đọc lại chuyện này, cảm tác viết ra câu thơ: “Thời lai phong tống Đẳng Vương Các.”, nghĩa là: Thời vận đến thì gió đưa tới gác Đẳng Vương.

C.15-16: *May duyên gặp hội Long vân, Thuyền thơ ngọn gió Các Đẳng xuôi đưa. Nghĩa là: Duyên may gặp được cơ hội tuyển lựa hiển tài ra giúp nước, thì quyết đem tài năng ra thi thố như Vương Bột thuở xưa ở Đẳng Vương Các vậy.*

GHI CHÚ: Phân biệt: Các Đẳng và Cát đẳng.

– Các Đẳng là nói tắt của Đẳng Vương Các, nghĩa là cái gác Đẳng Vương. Các là cái gác.

– Cát đẳng là dây cát, dây đẳng, là 2 thứ dây leo. Dây cát là dây sắn, dây đẳng là dây bìm. Hai thứ dây leo này phải tựa vào một cây khác cứng cáp để leo lên. Do đó, cát đẳng để chỉ

thân phận của người đàn bà yếu mềm, phải sống nương tựa vào người chồng.

Kinh Vào Ăn Cơm

- Kinh Vào Ăn Cơm
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Vào Ăn Cơm

KINH VÀO ĂN CƠM

(Giọng Nam xuân)

1. Giữa vạ vật con người một giống,
2. Phải uống ăn nuôi sống thân phàm.
3. Từ Bi ngũ cốc đã ban,
4. Dưỡng nuôi con trẻ châu toàn mảnh thân.
5. Công Thần Nông hóa dân buổi trước,
6. Dạy khôn ngoan học chước canh điền.
7. Nhớ ơn bảo mạng Huyền Thiên,
8. Con mong mượn xác đoạt quyền vĩnh sanh.

(Niệm 1 lần Câu Chú của Thầy)

GIẢI NGHĨA

Câu 1-2: Giữa vạ vật con người một giống,
Phải uống ăn nuôi sống thân phàm.

Một giống: Một loài. **Thân phàm:** Thể xác phàm.

C.1-2: Con người là một loài sanh vật, sống giữa vạ vật, phải cần ăn uống để nuôi sống thể xác phàm.

Câu 3-4: Từ Bi ngũ cốc đã ban,
Dưỡng nuôi con trẻ châu toàn mảnh thân.

Từ Bi: chỉ Đức Chí Tôn. **Ngũ cốc:** Năm thứ hạt ăn được dùng làm lương thực, kể ra: Đạo (lúa gạo), Lương (lúa nếp), Thúc

(đậu), Mạch (lúa mì), Tắc (kê).

Châu toàn: Châu hay Chu là đến nơi đến chốn, toàn là trọn vẹn. Châu toàn là cung cấp đầy đủ cho đời sống.

C.3-4: Đức Chí Tôn đã ban cho con người 5 thứ bột dùng làm lương thực để nuôi dưỡng xác thân của toàn thể con cái của Ngài được đầy đủ.

Câu 5-6: Công Thần Nông hóa dân buổi trước,
Dạy khôn ngoan học chước canh điền.

Thần Nông: Vị vua sáng lập nghề nông và nghề làm thuốc trị bệnh. (Xem: Viêm Đế, C.277 KSH). **Hóa dân:** Giáo hóa dân chúng, tức là dạy cho dân từ dốt nát trở thành hiểu biết. **Học chước:** Học cách thức. **Canh điền:** Cày ruộng.

C.5-6: Công của vua Thần Nông giáo hóa dân chúng thuở trước, dạy dân khôn ngoan biết cách làm ruộng.

Câu 7-8: Nhớ ơn bảo mạng Huyền Thiên,
Con mong mượn xác đoạt quyền vĩnh sanh.

Bảo mạng: Bảo vệ mạng sống. **Huyền Thiên:** Ý nói Cửu Thiên Huyền Nữ, một danh hiệu của Đức Phật Mẫu.

Mượn xác: Mượn cái xác phàm để tu hành, lập công đức và luyện đạo. Luyện đạo là luyện cho Tinh, Khí, Thần hiệp nhất. Nếu không có xác phàm thì không có Tinh, mà không có Tinh thì không thể luyện đạo. Cho nên, muốn thành Tiên thì Chơn linh phải đầu kiếp xuống trần để có xác phàm, nhờ xác phàm mới lập công quả và có Tinh để luyện đạo.

Vĩnh sanh: Sống hoài, hằng sống. **Đoạt quyền vĩnh sanh:** Đoạt quyền Hằng sống, tức là đắc đạo thành Tiên.

C.7-8: Chúng con nhớ ơn Đức Phật Mẫu đã bảo vệ mạng sống cho chúng con (vì Mẹ nuôi con). Con mong mượn xác phàm này để tu hành, đắc đạo trở về cõi TLHS.

Kinh Khi Ăn Cơm Rồi

- Kinh Khi Ăn Cơm Rồi
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Khi Ăn Cơm Rồi

KINH KHI ĂN CƠM RỒI

(Giọng Nam xuân)

1. Nguyễn nhớ ơn nông canh nhần nhọc,
2. Nguyễn ơn người lúa thóc già xay.
3. Ngậm cơm, ơn ngậm hằng ngày,
4. Nên người, con nguyện ra tài lợi sanh.
5. Con cầu xin mảnh hình tráng kiện,
6. Giúp nên công xây chuyển cơ đời.
7. Trên theo pháp luật đạo Trời,
8. Dưới thương sanh chúng một lời đình ninh.

(Niệm 1 lần Câu Chú của Thầy)

GIẢI NGHĨA

Câu 1-2: Nguyễn nhớ ơn nông canh nhần nhọc,
Nguyễn ơn người lúa thóc già xay.

Nguyễn: Mong muốn và quyết tâm thực hiện.

Nông canh: Canh nông, chỉ việc cày ruộng trồng lúa.

Lúa thóc: chỉ chung về lúa gạo. Miền Nam gọi là lúa, miền Bắc gọi là thóc.

Giã xay: Xay lúa và giã gạo. Thuở xưa chưa có nhà máy xay lúa, người ta dùng cối làm bằng nan tre để xay lúa cho tróc vỏ, ta được gạo lức, dùng chày gỗ giã gạo lức cho tróc chất cám, ta được gạo trắng dùng để nấu cơm.

C.1-2: Nguyễn nhớ ơn người làm ruộng nhọc nhằn vất vả, Nguyễn nhớ ơn người xay lúa gạo.

Câu 3-4: Ngậm cơm, ơn ngậm hằng ngày,
Nên người, con nguyện ra tài lợi sanh.

Ngậm cơm: Ngậm hột cơm trong miệng để ăn.

Ơn ngậm: Ngậm ơn, tức là mang ơn.

Nên người: Trở thành người lớn có trách nhiệm.

Ra tài lợi sanh: Đem tài sức ra làm việc để đem lại lợi ích cho nhơn sanh.

C.3-4: Ngậm miếng cơm ăn trong miệng hằng ngày thì nhờ ơn người làm ra lúa gạo. Khi lớn lên, con nguyện đem tài sức ra làm việc đem lại lợi ích cho nhơn sanh.

Câu 5-6: Con cầu xin mãnh hình tráng kiện,
Giúp nên công xây chuyển cơ đời.

Mãnh hình: Tầm thân. **Tráng kiện:** Mạnh khỏe.

Giúp nên công: Giúp tay vào để làm nên công việc.

Xây chuyển: Làm cho thay đổi. **Cơ đời:** Bộ máy của đời, tức là tất cả các hoạt động của dân chúng trong xã hội.

Xây chuyển cơ đời là làm cho đời thay đổi từ tình trạng đạo đức luân lý suy đồi trở nên thuần lương chơn chánh. Đó là Chuyển Thế, một chủ trương rất tích cực của Đạo Cao Đài.

C.5-6: Con cầu xin tầm thân con được tráng kiện, để con giúp sức vào công cuộc chuyển thế được kết quả tốt đẹp.

Câu 7-8: Trên theo pháp luật đạo Trời,
Dưới thương sanh chúng một lời đĩnh ninh.

Đạo Trời: Nền đạo do Đức Chí Tôn lập ra. Đó là Đạo Cao Đài. **Đĩnh ninh:** Nhứt định không thay đổi.

C.7-8: Trên thì tùng theo luật pháp của Đạo Cao Đài, dưới thì thương yêu chúng sanh, một lời không thay đổi.

Kinh Hôn Phối

- Kinh Hôn Phối
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Hôn Phối

KINH HÔN PHỐI

(Giọng Nam xuân)

1. Cơ sanh hóa Càn Khôn đào tạo,
2. Do Âm Dương hiệp đạo biến thiên.
3. Con người nắm vững chủ quyền,
4. Thay Trời tạo thế giữ giềng nhơn luân.
5. Ở trước mắt Hồng Quân định phận,
6. Đạo vợ chồng đã xứng nợ duyên.
7. Trăm năm khá nhớ hương nguyên,
8. Chồng hay trọn nghĩa, vợ hiền trọn trinh.
9. Đã cùng gánh chung tình hòa ái,
10. Tua đút cơm, sửa dải làm duyên.
11. Dưới trăng bóng ngọc còn nguyên.
12. Ôm bình, bao tóc sang hèn cũng cam.
13. Đường tổ nghiệp nữ nam hương lửa,
14. Đốt cho nồng từ bữa ba sanh.
15. Giữa đèn để một tấc thành
16. Đồng sanh đồng tịch đã đành nương nhau.

(Niệm 3 lần Câu Chú của Thầy)

GIẢI NGHĨA

Kinh Hôn Phối do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ ban cho, để tụng trong khi vị Chức sắc làm Phép Hôn Phối cho đôi Tân hôn trong Nội điện Tòa Thánh.

Hôn Phối: Hôn là việc lấy vợ lấy chồng, phối là hiệp lại. Hôn

phối là việc con trai con gái phối hợp thành vợ chồng.

Câu 1-2: Cơ sanh hóa Càn Khôn đào tạo,
Do Âm Dương hiệp đạo biến thiên.

Cơ sanh hóa: Cơ là bộ máy, hóa là sanh ra. Cơ sanh hóa là bộ máy của Trời hóa sanh vạn vật. **Càn Khôn:** CKVT.

Đào tạo: Đào là nhồi nắn; tạo là làm ra. Đào tạo là nhồi nắn làm ra. **Âm Dương:** Hai chất khí Âm quang và Dương quang, do Thái cực biến hóa sanh ra. Đức Chí Tôn làm chủ Dương quang, và Đức Phật Mẫu làm chủ Âm quang.

Hiệp đạo: Hiệp là hợp lại, đạo là con đường. Hiệp đạo là hai con đường hợp lại. **Biến thiên:** Thay đổi.

C.1-2: Cơ sanh hóa của Đức Chí Tôn đào tạo ra CKVT và vạn vật là do 2 Khí Âm quang và Dương quang hợp lại và biến hóa sanh ra.

Câu 3-4: Con người nắm vững chủ quyền,
Thay Trời tạo thế giữ gìn như luân.

Tạo thế: Tạo lập ra cõi đời. **Nhơn luân:** Luân là cách cư xử theo lẽ phải trong cuộc sống. Nhơn luân là phép tắc để con người cư xử với nhau cho hợp lẽ phải và đạo đức.

C.3-4: Con người được Đức Chí Tôn giao cho cái chủ quyền thay thế Đức Chí Tôn tạo ra cõi đời, và phải gìn giữ gìn mối như luân.

Câu 5-6: Ở trước mắt Hồng Quân định phận,
Đạo vợ chồng đã xứng nợ duyên.

Hồng Quân: Hồng là to lớn, Quân là cái bàn xoay của người thợ nặn đồ gốm. Hồng Quân là cái bàn xoay to lớn để nặn ra các thứ đồ vật, ý so sánh để nói rằng Đấng Tạo Hóa đã chuyển vận 2 Khí Âm Dương làm như cái bàn xoay để sản xuất ra vạn vật. Trong Văn Tuyển có câu: “Hồng Quân đào vạn loại, Địa khối bầm quần sanh.” Nghĩa là: Trời nhào nặn ra muôn vật,

Đất nười sống chúng sanh.

Vậy Hồng Quân là Ông Trời, Hóa Công, Thượng Đế.

Định phận: Sắp đặt cái số phận cho mỗi người.

Đạo vợ chồng: Phép tắc cư xử giữa vợ chồng. **Nợ duyên:** Duyên nợ, mỗi dây ràng buộc thành vợ chồng do nợ nần với nhau từ kiếp trước.

C.5-6: Ở trước mắt Đức Chí Tôn, Ngài sắp đặt số phận 2 người thành vợ chồng, cư xử cho xứng duyên nợ với nhau.

KHẢO DỊ:

– Kinh Lễ năm 1952:

- Ở trước mặt.

– Kinh TD-TD 1936, 1968, 1974, 1975:

- Ở trước mặt.

Câu 7-8: Trăm năm khá nhớ hương nguyên,
Chồng hay trọn nghĩa, vợ hiền trọn trinh.

Trăm năm: Một đời người, suốt đời. **Hương nguyên:** Đốt nhang khấn vái thể nguyện với nhau. **Chồng hay:** Chồng tài giỏi. **Trọn nghĩa:** Tròn vẹn trong việc cư xử đúng lẽ phải. **Trọn trinh:** Giữ trọn lòng ngay thẳng trong sạch với chồng.

C.7-8: Suốt đời phải ghi nhớ buổi đốt nhang khấn vái thể nguyện với nhau. Chồng tài giỏi giữ trọn nghĩa thì người vợ hiền phải giữ trọn tiết trinh.

Câu 9-10: Đã cùng gánh chung tình hòa ái,
Tua đút cơm, sửa dải làm duyên.

Cùng gánh: Cùng nhau gánh vác.

Chung tình: Tình yêu chung thủy.

Hòa ái: Thương yêu hòa thuận nhau. **Tua:** Phải, nên.

ĐÚT CƠM: Đút cho ăn từng miếng cơm. Chồng đút cơm cho vợ ăn, theo điển tích Tống Hoàng:

Dưới triều vua Quang Vũ nhà Hậu Hán, có quan Đại Phu là Tống Hoàng, tánh chánh trực và lại có tình nghĩa.

Tống Hoàng có một người vợ chẳng may bị bệnh phải mù lòa. Hằng ngày, ngoài giờ làm việc quan, Tống Hoàng săn sóc vợ và đút cơm cho vợ ăn. Dù vợ bị mù lòa nhưng Tống Hoàng vẫn một lòng thương yêu chung thủy.

Vua Quang Vũ có chị là Hồ Dương Công Chúa sớm góa chồng, rất ái mộ Tống Hoàng và thường nói: Nếu ai được như Tống Hoàng thì Công Chúa mới chịu ưng làm chồng. Vua Quang Vũ biết vậy nên gọi riêng Tống Hoàng đến ướm lời:

– Ngạn vân: Quý dịch giao, phú dịch thê, hữu chư?

(Ngạn ngữ nói rằng: Sang đổi bạn, giàu đổi vợ, có chăng?)

Tống Hoàng tâu rằng:

– Thần văn: Bản tiện chi giao mạc khả vong, tao khang chi thê bất khả hạ đường. (Thần nghe: Bạn bè lúc nghèo hèn chớ nên quên, người vợ tấm cám chớ để nhà sau.)

Hán Quang Vũ và Công Chúa nghe Tống Hoàng nói thế thì bỏ ngay ý định của mình và rất kính phục Tống Hoàng.

«Tống Hoàng chí trượng phu không đổi,
Giữ như luân, sợ lỗi đạo hằng.
Từ duyên Công Chúa giao thân,
Đút cơm vợ quáng ân cần dưỡng nuôi.»

(Trích NTTP của Đoàn thị Điểm)

SỬA DẢI: Dải là cái băng dài bằng vải hay lụa, cột thòng xuống nơi áo lễ hay nơi mũ, gọi là dải áo hay dải mũ. Sửa dải là người vợ sửa dải áo hay dải mũ trong bộ triều phục của chồng trước khi chồng vào triều chầu vua, ý nói: Người vợ chăm nom săn sóc chồng.

Sự tích sửa dải của Vợ Châu Công như sau:

Châu Công Đán, thường gọi là Châu Công, là con thứ tư của vua Văn Vương, là em của Võ Vương, phò Võ Vương làm đến tước Hầu. Khi Châu Công vào triều chầu vua, vợ Châu Công

thường cột dải áo và dải mũ cho chồng. Khi chồng trở về thì ra săn sóc chồng, tháo dải áo và dải mũ ra cất, với một tình thương yêu đậm đà, lại còn lo tế gia nội trợ, lo việc canh cửi làm gương cho dân, chớ không ý mình là mệnh phụ của triều đình mà kiêu hãnh.

*“Vợ Châu Công đình thần mạng phụ,
Ở thôn quê lam lũ làm ăn.
Chồng thì triều nội cao sang.
Vợ lo canh cửi cơ hàn khổ thân.
Giúp chồng dựng ân cần nhiếp chánh,
Cho nên trang Chúa Thánh tôi hiền.
Vợ không tham những bạc tiền,
Chồng lo trọn đạo nắm quyền chấn dân.”*

(Trích trong NTTP của Đoàn thị Điểm)

C.9-10: Đã cùng gánh chung tình hòa ái, Tựa đút cơm sửa dải làm duyên, nghĩa là: Đã cùng nhau xây dựng gia đình thì phải giữ lòng chung thủy thương yêu hoà thuận cùng nhau, săn sóc nhau lúc hoạn nạn như Tống Hoàng đút cơm cho vợ mù lòa, như vợ Châu Công sửa dải áo và dải mũ cho chồng tạo nên cái duyên dáng của vợ đối với chồng.

Câu 11: Dưới trăng bóng ngọc còn nguyên.

Bóng ngọc: Bóng dáng của người con gái đẹp.

C.11: Dưới ánh trăng, bóng dáng của người con gái đẹp vẫn còn giữ được nguyên vẹn.

Điển tích: Có một vị quan sanh được một đứa con gái rất đẹp, lại có tài văn học. Khi đến tuổi cập kê, ông muốn chọn rể đồng sàng cho vừa ý con gái, bằng cách cho con gái thử thách tài nghệ các chàng trai đến dạ hỏi.

Vào một đêm trăng, ông cho trải chiếu giữa sân để con gái cùng cậu trai đàm thuyết thử tài nhau, nhưng không đặt làm điều sai phép giữa nam và nữ. Chàng trai giữ đúng tư cách lễ nghi, lại có tài văn học, nên được chọn làm rể. Hai vợ chồng ăn ở

rất tương kính và hạnh phúc.

Câu 12: Ôm bình, bao tóc sang hèn cũng cam.

Ôm bình: Ôm giữ tấm bình phong, ý nói lấy được vợ đẹp, giàu sang, theo sự tích sau đây:

Trước thời nhà Đường, Ông Đậu Nghị là một quan lớn có người con gái rất đẹp vừa đến tuổi lấy chồng. Ông muốn chọn rể có tài cung kiếm (vì đang thời loạn lạc), ông ra điều kiện cho các chàng trai đến gắm ghé: Trong nhà có treo tấm bình phong, trên đó có vẽ đôi chim sẻ rất đẹp, lay động theo làn gió nhẹ. Chàng trai nào bắn trúng mắt chim sẻ thì được nhận làm rể. Nhiều cậu đến bắn nhưng không trúng, tới phiên Lý Uyên đến bắn thì trúng ngay mắt chim nên được nhận làm rể. Về sau, Lý Uyên trở thành vua Đường Cao Tổ, mở ra nhà Đường và vợ trở thành Đậu Hoàng Hậu. Hai vợ chồng vẫn giữ mãi tấm bình phong để làm kỷ niệm mối duyên vợ chồng.

Bao tóc: Bao kín mái tóc lại, ý nói giữ lòng chung thủy với chồng dù khi gặp hoạn nạn, theo điển tích sau đây:

Vào đời nhà Đường có Ông Giả Trực Ngôn đang làm quan, vì mang tội với vua nên bị vua đày đi xuống Lĩnh Nam 20 năm. Giả Trực Ngôn về than với vợ: Tôi chẳng may bị vua bắt tội, đày vào Lĩnh Nam 20 năm, không biết sống chết lẽ nào. Vậy nay tôi không ràng buộc nàng làm vợ tôi nữa, để nàng tự do chọn tấm chồng khác nương nhờ tấm thân về sau.

Người vợ nghe nói vậy thì khóc rống lên, rồi đi lấy lụa trắng vấn tóc lại thật chặt, xong bảo chồng lấy viết đề lên đó mấy chữ: “Phi quân thủ bất giải” (Không phải tay chồng không được gỡ ra). Ý vợ của Ngôn quyết giữ lòng chung thủy, chờ ngày chồng mãn hạn lưu đày trở về đoàn tụ.

C.12: *Đã kết thành vợ chồng với nhau thì phải giữ lòng chung thủy đến trọn đời, nếu giàu sang thì cùng hưởng, nếu hoạn nạn thì cùng chung chịu.*

Câu 13- Đường tổ nghiệp nữ nam hương lửa,
14: Đốt cho nông tử bữa ba sanh.

Tổ nghiệp: Sự nghiệp của Tổ Tiên để lại. **Đường tổ nghiệp:** Con đường nối tiếp sự nghiệp của Tổ Tiên.

Hương lửa: Hương lửa là nhang đèn, chỉ sự đốt nhang khấn vái thể nguyện kết thành chồng vợ. **Nữ Nam hương lửa:** Tình nghĩa thắm thiết giữa vợ chồng. **Ba sanh:** Ba kiếp sống, đã thể nguyện kết hợp với nhau thì nội trong 3 kiếp thế nào cũng phải gặp nhau. Ba sanh là ý nói duyên nợ tiền định.

C.13-14: *Để nối tiếp sự nghiệp của Tổ tiên, vợ chồng phải thương yêu nhau, ăn ở nông thắm với nhau, vì việc vợ chồng là duyên nợ tiền định.*

Câu 15-16: Giữa đèn để một tác thành,
Đồng sanh đồng tịch đã đành nương nhau.

Giữa đèn: Giữa đèn thờ Đức Chí Tôn. **Tác thành:** Tấm lòng thành thật. Đồng sanh đồng tịch: Do câu thơ cổ: “Sanh đồng tịch đồng sàng, thác đồng quan đồng quách.” Nghĩa là: Sống thì cùng ăn trên một chiếc chiếu, cùng nằm trên một chiếc giường, chết thì cùng nằm trong một cái hòm. (Tịch là chiếc chiếu, Sàng là cái giường).

C.15-16: *Giữa đèn thờ Đức Chí Tôn, hãy bày tỏ tấm lòng thành thật. Vợ chồng sống chung với nhau thì phải giữ lòng chung thủy, nương dựa và chung chịu với nhau suốt đời.*

Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà

- Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà

KINH TỤNG KHI VUA THĂNG HÀ*(Giọng Nam ai)*

1. Ôn tắc đất ngọn rau nên nặng,
2. Đạo quân vương chữ dặn nơi lòng.
3. Thượng Hoàng sánh đức Chí Công,
4. Mặc phò lê thứ khỏi vòng lao lung.
5. Giúp xả tắc tội trung ra mặt,
6. Dẩy xa thơ trở nhật văn minh.
7. Giúp dân hưởng chữ thái bình,
8. Văn ban vô bá triều đình đặc an.
9. Nay gần đặng Ngọc Hoàng Thượng Đế,
10. Tìm Chí Linh trị thế cứu đời.
11. Thiên tào Thánh ngự an ngôi,
12. Cầu cho dân chúng khỏi hồi can qua.
13. Bốn ngàn năm quốc gia đã lập,
14. Cõi Nam Châu bồi đắp giang san.
15. Trụ tâm nâng đỡ quốc hồn,
16. Giữ bền danh nghiệp vĩnh tồn hậu lai.
17. Kia Chí Tôn Cao Đài đương ngự,
18. Rưới hồng ân chặt giữ biên cương.
19. Sống thì định bá đồ vương,
20. Qui Thiên dựng lại miếu đường thuở xưa.

GIẢI NGHĨA

Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà và 7 bài Kinh tế lễ tiếp theo

do Bà Đoàn thị Điểm giáng cơ ban cho.

Bà, nguyên là một Nữ Tiên Diêu Trì Cung, đầu kiếp xuống trần, tên là Đoàn thị Điểm (1705- 1748). Bà là một Nữ sĩ nổi tiếng nhất trong số Nữ sĩ Việt Nam với thi phẩm CHINH PHỤ NGÂM ĐIỂN NÔM.

Trước khi Tiên Nương Đoàn thị Điểm giáng cơ ban cho 8 bài Kinh Thế Đạo để tế lễ này, Bà đã giáng cơ ban cho một tác phẩm vô cùng giá trị là NỮ TRUNG TÙNG PHẬN có mục đích giáo hóa các Tín đồ Nữ phái của Đạo Cao Đài, theo đúng chủ trương Nho Tông Chuyển Thế mà Đức Chí Tôn đã đề ra.

Thăng hà: Thăng là bay lên, hà là xa xôi. Thăng hà là vua chết. Thăng hà đồng nghĩa với Bàng hà, nói tắt là Bàng.

Theo sách Xuân Thu của Đức Khổng Tử, vua một nước lớn chết thì gọi là Thăng hà hay Bàng hà; vua một nước chư Hầu hay một nước nhỏ chết thì gọi là Hoảng; đối với một ông vua cướp ngôi tiếm vị khi chết gọi là Tổ.

Theo quan niệm của thời Quân chủ, vua là chủ của đất nước, và cũng là chủ của dân chúng. Vua thay Trời để cai trị muôn dân, nên vua xưng là Thiên tử (Con Trời). Đất đai, sông biển, núi rừng, đến cây cối, rau cải, cũng đều là của vua, và người dân cư ngụ trong nước đều phải biết ơn vua. Đối với thời dân chủ hiện nay thì quan niệm này không còn thích hợp nữa.

Câu 1-2: Ôn tắc đất ngọn rau nên nặng,
Đạo quân vương chữ dặn nơi lòng.

Đạo Quân vương: Phép tắc qui định bốn phạm của dân đối với vua và bốn phạm của vua đối với dân.

C.1-2: Tắc đất, ngọn rau đều là của vua, mà mình dùng thì phải mang nặng ơn vua, mình phải có bốn phạm đối với vua, phải dặn lòng luôn luôn nhớ như vậy.

Câu 3-4: Thượng Hoàng sánh đức Chí Công,
Mặc phò lê thứ khỏi vòng lao lung.

Thượng Hoàng: Hoàng Thượng, tiếng gọi vua khi nói chuyện với vua. **Chi Công:** Rất công bình, chỉ Đức Chí Tôn.

Mặc: Yên lặng. **Phò:** Giúp đỡ. **Lê thứ:** Dân chúng.

Lao lung: Lao là cái chuồng, lung là cái lồng. Lao lung là chỉ sự giam cầm tù tội, mất tự do.

C.3-4: *Ơn đức của vua sánh bằng Trời, yên lặng mà giúp đỡ dân chúng khỏi vòng tù tội.*

Câu 5-6: Giúp xả tắc tội trung ra mặt,
Dẩy xa thơ trời nhật văn minh.

Xả tắc: Xả là nơi để thờ Thần Đất, Tắc là nơi để thờ Thần Nông. Ngày xưa, vua dựng nước lấy dân làm trọng, dân cần đất, vua ban cấp đất đai cho dân cày cấy, và lập đền thờ Thần Đất và Thần Nông để tế lễ cầu nguyện Thần Đất và Thần Nông phò hộ dân chúng được mùa. Do đó, từ ngữ Xả tắc dùng để chỉ quốc gia, và thường nói: Sơn hà Xả tắc.

Dẩy: Khởi đi lên. **Xa thơ:** Xe và sách. Sách Trung Dung viết: “Kim thiên hạ, xa đồng qui, thơ đồng văn.” Nghĩa là: Ngày nay, trong dân chúng, xe thì cùng một cỡ trục bánh, sách thì cùng một thứ chữ viết. Xa thơ là chỉ nền văn hóa của một nước.

Trời nhật: Khởi lên đi nhanh tới. **Văn minh:** Văn là vẻ đẹp, minh là vẻ sáng. Văn minh là trình độ phát triển nền văn hóa của một dân tộc về vật chất và tinh thần.

C.5-6: *Các bề tôi trung thành trở mặt ra giúp nước, đưa nền văn hóa dân tộc cất lên nhanh chóng đến chỗ văn minh.*

Câu 7-8: Giúp dân hưởng chữ thái bình,
Văn ban võ bá triều đình đặc an.

Văn ban: Các quan lo về việc văn. **Võ bá:** Bá là trăm. Võ bá là trăm quan võ, tức là các quan lo về việc võ bị. **Triều đình:** Nơi các quan vào chầu vua để bàn việc nước, chỉ cơ quan tối cao ở trung ương, điều hành việc nước, do vua đứng đầu. **Đặc an:** Đặc biệt an ổn.

C.7-8: *Giúp cho dân chúng hưởng cảnh thái bình. Các quan văn võ giúp cho triều đình được đặc biệt an ổn.*

KHẢO DỊ:

– Kinh Lễ năm 1952:

- triều đình đặc ân.

– Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968, 1974, 1975:

- triều đình đặc an.

Đặc ân: Hưởng được ơn huệ.

Câu 9-10: Nay gần dựng Ngọc Hoàng Thượng Đế,
Tìm Chí Linh trị thế cứu đời.

Chí Linh: Rất thiêng liêng, chỉ Đức Chí Tôn. **Tìm Chí Linh:** Ý nói đến yết kiến Đức Chí Tôn. **Trị thế:** Trị là sắp đặt cho yên, thế là đời. Trị thế là sắp cho đời được an ổn.

C.9-10: *Nay vua đã thăng hà, linh hồn trở về gần gũi với Đức Chí Tôn, đến giúp Đức Chí Tôn trị thế cứu đời.*

Câu 11-12: Thiên tào Thánh ngự an ngôi,
Câu cho dân chúng khỏi hồi can qua.

Thiên tào: Cơ quan chuyên môn nơi cõi Trời. Mỗi Thiên tào là một tầng Trời, có 36 cõi Thiên tào, tức có 36 tầng Trời (Tam thập lục Thiên). **Thánh ngự:** Vua ngồi lên ngôi vị. Thánh là chỉ vua, ngự là ngồi một cách trang trọng.

Can qua: Can là cái khiên, qua là ngọn giáo. Can qua là khiên và giáo, là 2 thứ cần thiết trang bị cho người lính đánh giặc thời xưa, nên Can qua chỉ việc chiến tranh.

C.11-12: *Vua đã ngồi yên trên ngôi vị nơi Thiên tào, cầu xin vua giúp cho dân chúng tránh khỏi việc chiến tranh.*

Câu 13-14: Bốn ngàn năm quốc gia đã lập,
14: Cõi Nam Châu bồi đắp giang san.

Nam Châu: Nam là hướng Nam, Châu là Giao Châu. Giao

Châu là tên của nước VN dưới thời Thái Thú Sĩ Nhiếp, nội thuộc nước Tàu. Nam Châu là nước VN ở về phía Nam nước Tàu. **Giang sơn:** Núi sông, chỉ một nước.

C.13-14: Nước VN từ ngày lập quốc đến nay đã hơn 4000 năm. Tại xứ Giao Châu người VN bắt đầu bồi đắp giang sơn.

KHẢO DỊ:

– Kinh Lễ năm 1952:

- Cối Năm Châu.

– Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968, 1974, 1975:

- Cối Nam Châu.

Năm Châu: 5 Châu lớn trên Thế giới: Á Châu, Âu Châu, Phi Châu, Mỹ Châu, Úc Châu.

Câu 15-16: Trụ tâm nâng đỡ quốc hồn,
Giữ bền danh nghiệp vĩnh tồn hậu lai.

Trụ tâm: Giữ vững cái tâm. **Quốc hồn:** Hồn nước, cái tinh thần đặc biệt của một dân tộc.

Danh nghiệp: Danh hay Đỉnh là cái vạc 3 chân, nghiệp là sự nghiệp. Ngày xưa, vua Hạ Võ trị thủy xong thì đúc ra Cửu đỉnh (9 cái vạc lớn) tượng trưng Cửu Châu để trấn quốc. Từ đó, chữ Đỉnh nghiệp dùng để chỉ sự nghiệp to lớn hiển hách của một ông vua. **Vĩnh tồn:** Tồn tại lâu dài. **Hậu lai:** Thời gian tới sau, tức là thời gian sắp tới.

C.15-16: Giữ vững cái tâm để nâng đỡ hồn nước. Giữ bền sự nghiệp hiển hách của vua cho tồn tại lâu dài về sau.

KHẢO DỊ:

– Kinh Lễ năm 1952:

- danh nghiệp.

– Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968, 1974, 1975:

- danh nghiệp.

Danh nghiệp: Tiếng tăm và sự nghiệp.

Câu 17- Kia Chí Tôn Cao Đài đương ngự,
18: Rưới hồng ân chặt giữ biên cương.

Cao Đài: Cái Đài Cao tại Linh Tiêu Điện Ngọc Hư Cung, nơi ngự của Đức Chí Tôn mỗi khi họp Thiên triều.

Biên cương: Biên là chỗ giáp với nước khác; cương là bờ cõi. Biên cương là biên giới bờ cõi của một nước.

C.17-18: Kia Đức Chí Tôn đang ngự trên ngôi Cao Đài, ban rải ơn huệ cho dân gìn giữ chặt chẽ biên giới nước nhà.

Câu 19- Sống thì định bá đồ vương,
20: Qui Thiên dựng lại miếu đường thuở xưa.

Định bá đồ vương: Định là sắp đặt, đồ là mưu tính, Bá là vua của một nước mạnh có một số nước chư Hầu tùng phục, Vương là vua của một nước lớn cai trị tất cả các chư Hầu. Hầu chịu dưới quyền của Bá; Bá chịu dưới quyền của Vương. Định bá đồ vương là sắp đặt mưu kế để làm bá làm vương.

Qui Thiên: Ý nói chết, linh hồn trở về cõi Trời.

Miếu đường: Nhà thờ tổ tiên dòng họ của nhà vua. Miếu đường thường được cất ngay bên cạnh triều đình, nên miếu đường chỉ triều đình của vua. Miếu đường là nơi ngự của linh hồn các vị vua đời trước, nên Miếu đường cũng chỉ hồn nước, quốc hồn, bởi vì vua tượng trưng cho nước.

C.19-20: Khi sống thì lo sắp đặt mưu kế để làm Bá làm Vương. Khi chết rồi, linh hồn trở về cõi Trời, xin vua giúp xây dựng lại hồn nước cho hùng mạnh như thuở xưa.

Kinh Tụng Khi Thấy Qui Vị

- Kinh Tụng Khi Thấy Qui Vị
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Tụng Khi Thấy Qui Vị

KINH TỤNG KHI THẤY QUI VỊ*(Giọng Nam ai)*

1. Đường công danh càng nhìn quảng đại,
2. Nghĩa thầy trò nghĩ lại khó quên.
3. Vái cùng sư phụ linh thiêng,
4. Chứng lòng đệ tử đáp đền ơn xưa.
5. Dầu hoạn lộ chưa vừa sở nguyện,
6. Dầu cửa quyền trọng tiếng chần dân.
7. Ơn cha sanh hóa ra thân,
8. Ơn thầy giáo huấn cũng gần như nhau.
9. Khoa Võ môn dầu nhào qua khỏi,
10. Trương vi rộng học hỏi nơi ai?
11. Đẹp mình với vẻ cân đai,
12. Công thầy tô điểm từ ngày ấu xuân.
13. Côi Hư vô nay gần phước Thánh,
14. Xin châu toàn đường hạnh môn sinh.
15. Côi Thiên xin gởi chút tình,
16. Rót chung ly hận gặt mình đưa thương.

GIẢI NGHĨA

Qui vị: Qui là trở về, vị là ngôi vị nơi cõi Thiêng liêng. Qui vị là trở về ngôi vị cũ nơi cõi TL, ý nói chết rồi, linh hồn xuất ra khỏi thể xác, bay trở về ngôi vị cũ nơi cõi TL.

Câu 1-2: Đường công danh càng nhìn quảng đại,
Nghĩa thầy trò nghĩ lại khó quên.

Công danh: Công nghiệp và tiếng tăm, chỉ việc ra làm quan để có được sự nghiệp và tiếng tăm vinh hiển với đời.

C.1-2: Con đường công danh càng nhìn càng thấy rộng rãi. Tình nghĩa thầy trò suy nghĩ lại, thật khó mà quên được.

Câu 3-4: Vái cùng sư phụ linh thiêng,
Chứng lòng đệ tử đáp đền ơn xưa.

Vái: Chắp tay cúi đầu cầu nguyện. **Sư phụ:** Thầy dạy học.

C.3-4: Nguyên vái cùng thầy, linh thiêng xin chứng cho lòng thành đệ tử muốn đền đáp ơn xưa của thầy.

Câu 5-6: Dầu hoạn lộ chưa vừa sở nguyện,
Dầu cửa quyền trọng tiếng chần dân.

Hoạn lộ: Con đường làm quan. Hoạn là việc làm quan.

Sở nguyện: Điều quan trọng mà mình mong ước.

Cửa quyền: Cửa quan. **Chần dân:** Cai trị dân chúng.

C.5-6: Dầu con đường làm quan chưa vừa sở nguyện; Dầu nơi cửa quan quyền được kính trọng là người cai trị dân.

Câu 7-8: Ơn cha sanh hóa ra thân,
Ơn thầy giáo huấn cũng gần như nhau.

Sanh hóa: Sanh ra và nuôi dưỡng cho lớn lên.

C.7-8: Công cha sanh ra và nuôi dưỡng tâm thân này, công thầy dạy dỗ, hai công ơn ấy cũng gần bằng nhau.

KHÁO DỊ:

– Kinh TĐ-TĐ 1936, Kinh Lễ 1952:

- Ơn thầy huấn giáo.

– Kinh TĐ-TĐ 1968, 1974, 1975:

- Ôn thầy giáo huấn.

Huấn giáo đồng nghĩa *Giáo huấn*: Dạy bảo học sinh.

Câu 9-10: Khoa Võ môn đấu nhào qua khỏi,
Trương vi rỗng học hỏi nơi ai?

Võ môn: Môn là cái cửa, Võ là vua Hạ Võ bên Tàu, nối đời vua Thuấn, làm vua nước Tàu, mở ra nhà Hạ. Võ môn là cái cửa do vua Hạ Võ làm ra ở thượng lưu sông Hoàng Hà, giữa huyện Hà Tân tỉnh Sơn Tây và huyện Hàn Thành tỉnh Thiểm Tây. Tại đây có cái mồm đá nhô ra giống như cái cửa. Vua Hạ Võ khi trị thủy đã đục phá mồm đá này cho rộng thêm ra làm thành một cái cửa lớn cho thông đường nước chảy, và gọi đó là Võ môn. Theo sách Tam Tần Ký, tại Võ môn thường có sóng dữ. Hằng năm, vào tháng 3 các thứ cá chép tụ hội về đây để thi vượt Võ môn. Con nào vượt qua được thì hóa thành rồng. Do đó, Võ môn được các nhà văn dùng để chỉ trường thi cử. Vượt qua Võ môn, cá chép hóa rồng, ví như thi đậu Trạng Nguyên.

Khoa Võ môn: Kỳ thi tuyển lựa người tài giỏi.

Trương: Giương cao. **Vi rỗng:** Cái vây hay cái kỳ của con rồng.

Trương vi rỗng: Con rồng giương cái kỳ ra cho mọi người nhìn thấy, tỏ ý khoe khoang tự đắc. Người đi thi, đậu được Trạng Nguyên, ví như cá chép vượt qua Võ môn hóa thành rồng, rồi giương cái kỳ ra để khoe mình tài giỏi, còn quan Trạng thì được vua cấp cho áo mào, xe ngựa, quân hầu đi khoe Trạng khắp kinh thành và cho về quê vinh qui bái tổ.

C.9-10: Thi đậu được Trạng Nguyên, giương danh khoe giỏi với đời, vậy chỗ nhờ học hỏi nơi ai?

KHẢO DỊ:

– Kinh Lễ năm 1952:

- Khóa Võ môn đấu nhào.
Trương vi rỗng.

– Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968, 1974, 1975:

- Khoa Võ môn đấu nhào.
Trương vi rỗng.

Câu 11-12: Đẹp mình với vẻ cân đai,
Công thầy tô điểm từ ngày ấu xuân.

Cân đai: Cân là cái khăn bịt đầu, ý nói cái mào; đai là cái vòng cứng choàng ngang bụng trong bộ triều phục của các quan lớn thời xưa. Cân đai là chỉ phẩm phục của các quan nơi triều đình.

Ấu xuân: Ấu là bé nhỏ non nớt, xuân là thời niên thiếu. Ấu xuân là tuổi trẻ thời niên thiếu.

C.11-12: Thân mình đẹp đẽ với áo mào triều đình là do công ơn của thầy dạy dỗ chăm sóc từ lúc tuổi còn niên thiếu.

Câu 13- 14: Côi Hư vô nay gần phước Thánh,
14: Xin châu toàn đường hạnh môn sinh.

Côi Hư vô: Côi trống không, xem không thấy gì cả, nhưng rất mầu nhiệm. Côi Hư vô là côi TLHS. **Đường hạnh:** Con đường đức hạnh, con đường đạo đức. **Môn sinh:** Học trò.

C.13-14: Nay linh hồn thầy ở nơi côi TLHS, được gần gũi với các vị Thánh mà hưởng phước, xin thầy giúp cho các học trò đi trọn vẹn trong con đường đạo đức.

Câu 15-16: Côi Thiên xin gửi chút tình,
Rót chung ly hận gặt mình đưa thương.

Chung ly hận: Chung là cái chén nhỏ dùng để uống rượu, ly là xa cách, hận là giận hờn vì thương tiếc, chỉ sự thương tiếc. Chung ly hận là chung rượu biệt ly và thương tiếc.

Gặt mình: Cúi mình lạy xuống.

Đưa thương: Tiễn đưa với tấm lòng thương nhớ.

C.15-16: Xin gửi chút tình cảm đến thầy nơi côi TLHS, xin rót chung rượu biệt ly và thương tiếc, kính lạy đưa tiễn thầy với tấm

lòng thương nhớ.

Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu

- Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu

KINH CẦU TỔ PHỤ ĐÃ QUI LIỄU

(Giọng Nam ai)

1. Giọt máu mủ lưu truyền tại thế,
2. Con nhặng mong truyền kể lửa hương.
3. Nguyên cùng Thất Tổ xin thương,
4. Cho bên gan tấc noi đường thảo ngay.
5. Xưa chẳng đặng phước may gặp Đạo,
6. Nay phò trì con cháu tu tâm.
7. Dâng gương huệ kiếm xin cầm,
8. Chặt lia trái chủ đặng tằm ngôi Thiên.
9. Dầu tội chướng ở miền Địa giải,
10. Dầu oan gia ở ngoại Càn Khôn,
11. Dầu mang xác tục hay hồn,
12. Nhớ cầu Từ Phụ Chí Tôn cứu nàn.
13. Dầu đoạt vị ở an Thiên cảnh,
14. Dầu tái sanh mở cảnh siêu phàm.
15. Nường thuyền Bát Nhã cho an,
16. Dìu chừng con cháu vào đàng nghĩa nhân.
17. Kia lối bóng hồng ân bao phủ,
18. Cả thế gian đầy đủ đạo mâu.
19. Âm dương đôi nẻo như nhau,
20. Cửu Huyền Thất Tổ giữ câu thọ trì.
21. Chốn Tây phương đường đi thông thả,

22. Cõi Diêm Cung tha quả vong căn.
 23. Tiêu diêu định tánh nắm phan,
 24. Dò theo Cực Lạc đôn đường siêu thăng.
 25. Nhớ nổi hiếu khó ngăn nét thâm,
 26. Tưởng nguồn ân đốt nắm tâm hương.
 27. Tắc lòng đòi đoạn đau thương,
 28. Chơn mây vái với hương hồn hiển linh.

(Tụng tiếp KINH CỨU KHỔ)

GIẢI NGHĨA

Kinh Cầu Tổ Phụ Đả Qui Liễu dùng để đồng nhi tụng khi cúng tế Cửu Huyền Thất Tổ, hay khi Cáo Từ Tổ trong Tang lễ.

Tổ phụ: Tổ là người sanh ra một dòng họ, phụ là cha. Tổ phụ là chỉ chung tổ tiên. Trong một trường hợp khác, Tổ phụ có nghĩa là Ông Nội, Tổ mẫu là Bà Nội.

Qui liễu: Qui là trở về, liễu là xong việc. Quy liễu là xong việc thì trở về. Ý nói: Sự chết nơi cõi trần, linh hồn xuất ra khỏi xác bay trở về cõi thiêng liêng.

Đạo Cao Đài quan niệm rằng, con người sanh ra nơi cõi trần đều có lãnh một sứ mạng TL do Đức Chí Tôn giao phó. Sau khi làm xong công việc thì linh hồn xuất ra khỏi xác phàm, bay trở về cõi TL phục lịnh. Ở cõi trần gọi đó là chết.

Câu 1-2: Giọt máu mủ lưu truyền tại thế,
 Con nhặng mong truyền kể lửa hương.

Máu mủ: Chỉ sự quan hệ huyết thống trong thân tộc.

Giọt máu mủ: Ý nói: Đứa con của dòng họ.

Lưu truyền: Để trao lại cho đời sau. **Nhặng:** Chỉ là.

Truyền kể: Trao lại để có sự tiếp nối liên tục. **Lửa hương:** Hương hỏa. Hương là cây nhang, lửa là chỉ cây đèn. Hương hỏa là nhang đèn, chỉ sự thờ cúng tổ tiên.

C.1-2: Đứa con của dòng họ còn lưu truyền nơi cõi đời, con chỉ mong tiếp nối sự thờ cúng tổ tiên.

Câu 3-4: Nguyên cùng Thất Tổ xin thương,
 Cho bền gan tấc noi đường thảo ngay.

THẤT TỔ: 7 vị Tổ của một dòng họ. Thất Tổ gồm:

7. Thất Tổ: Thi Tổ Tỷ Khảo.
6. Lục Tổ: Cao Cao Tổ Tỷ Khảo.
5. Ngũ Tổ: Viễn Tổ Tỷ Khảo.
4. Tứ Tổ: Tiên Tổ Tỷ Khảo.
3. Tam Tổ: Cao Tổ Tỷ Khảo. (Ông Sơ Bà Sơ đã chết)
2. Nhị Tổ: Tăng Tổ Tỷ Khảo. (Ông Cố Bà Cố đã chết)
1. Nhất Tổ: Nội Tổ Tỷ Khảo. (Ông Nội Bà Nội đã chết)

Chỉ kể 7 vị Tổ của dòng họ mà không kể lên đến các vị Tổ lớn hơn nữa là vì Lễ Nghi xưa của Nho giáo qui định rằng:

- Thứ dân chỉ được thờ tới Nhất Tổ.
- Quan Đại phu được thờ tới Tam Tổ.
- Vua Chư Hầu được thờ tới Ngũ Tổ.
- Hoàng Đế thờ Thất Tổ.

Những Linh vị của các vị Tổ đứng trên hàng Thất Tổ được đem đốt, lấy tro đổ vào một cái hủ đặt ngay giữa bàn thờ Thất Tổ gọi là Hủ tro Mộc chủ.

Gan tấc: Gan biểu thị ý chí mạnh mẽ bền bỉ, không lùi bước trước khó khăn nguy hiểm; tấc là chỉ tấm lòng. Cho bền gan tấc là giữ ý chí và lòng dạ bền vững dù gặp nguy hiểm.

C.3-4: Cầu nguyện Thất Tổ xin thương con, phò hộ con cho ý chí được bền vững để noi theo con đường thảo ngay.

Câu 5-6: Xưa chẳng dạng phước may gặp Đạo,
 Nay phò trì con cháu tu tâm.

Gặp Đạo: Gặp ĐĐTKPĐ tức là gặp Đạo Cao Đài để nhập môn tu hành. Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài kể từ ngày 15-10-

Bính Dân (1926). Những vị nào chết trước ngày nầy thì không có phước may gặp Đạo, để hưởng được thời kỳ Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn cứu rỗi.

Phò tri: Phò là giúp đỡ, tri là gìn giữ. Phò tri là giúp đỡ và gìn giữ. **Tu tâm:** Sửa lòng, sửa đổi cái Tâm cho tốt đẹp.

C.5-6: *Thuở xưa, Thất Tổ khôngặng phước may gặp Đạo Cao Đài, nay xin giúp đỡ và gìn giữ con cháu tu tâm trong cửa Đạo Cao Đài.*

Câu 7-8: Dâng gương huệ kiếm xin cầm,
Chặt lia trái chủặng tâm ngôi Thiên.

Huệ kiếm: Gương trí huệ. (Xem: C.4 KVH)

Trái chủ: Người chủ nợ. Trái là món nợ. Nợ đây là nợ oan nghiệt. Mình là con nợ, người ta là chủ nợ. Lúc nào đó, người ta sẽ buộc mình phải trả món nợ oan nghiệt ấy.

Ngôi Thiên: Ngôi vị nơi cõi TLHS.

C.7-8: *Dâng lên cây gương trí huệ, xin cầm lấy để chặt cho đứt lia các dây oan nghiệt mà các chủ nợ ràng buộc, thì mới lên được cõi TLHS, tìm về ngôi vị cũ.*

Ý nói: Xin dùng cái trí huệ diệt trừ các oan nghiệt đã gây ra nơi cõi trần thì mới được trở về ngôi vị cũ nơi cõi TL.

Câu 9-10-11-12:

Dâu tội chướng ở miền Địa giải,
Dâu oan gia ở ngoại Càn Khôn,
Dâu mang xác tặc hay hôn,
Nhớ cầu Từ Phụ Chí Tôn cứu nần.

Dâu: Mặc dù. **Tội chướng:** Những tội lỗi đã gây ra trong kiếp sống trước tạo thành nghiệp cảm xấu làm cho kiếp nầy phải chịu nhiều trở ngại khó khăn. Chướng là trở ngại.

Địa giải: Thế giới địa cầu, tức là địa cầu 68 của nhơn loại chúng ta đang ở, thường được gọi là cõi trần.

Oan gia: Oan là thù giận, gia là người. Oan gia là người thù giận mình. **Ở ngoại:** Ở bên ngoài nơi mình ở, tức là ở bên ngoài cõi trần. **Càn Khôn:** CKVT. **Ở ngoại Càn Khôn:** Ở bên ngoài cõi trần, trong CKVT. **Xác tặc:** Thế xác phạm nơi cõi trần. **Hôn:** Linh hôn. **Cứu nần:** Cứu giúp các tai nạn.

Bốn câu: 9-10-11-12:

- Mặc dù đã gây ra các tội chướng nơi cõi trần,
- Mặc dù gặp phải các oan gia ở bên ngoài cõi trần,
- Mặc dù còn mang xác phạm hay chỉ còn linh hôn,
- Phải nhớ cầu khẩn Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ cứu nần.

Ý nói: Dù trong bất cứ cảnh ngộ nào, bất cứ ở đâu, phải luôn luôn ghi nhớ là cầu khẩn Đức Chí Tôn cứu giúp.

Câu 13-14-15-16:

Dầu đoạt vị ở an Thiên cảnh,
Dầu tái sanh mở cảnh siêu phạm.
Nường thuyền Bát Nhã cho an,
Điу chừng con cháu vào đàng nghĩa nhơn.

Đoạt vị: Chiếm được ngôi vị. **Thiên cảnh:** Cõi Trời, cõi TLHS.

Tái sanh: Sanh lại một lần nữa, tức là dầu thai xuống cõi trần một lần nữa. Tái sanh đồng nghĩa với Tái kiếp.

Siêu phạm: Siêu là vượt lên trên, phạm là tâm thường thấp kém. Siêu phạm là vượt lên trên cái tâm thường. **Mở cảnh siêu phạm:** Mở ra một sự nghiệp phi thường.

Thuyền Bát Nhã: Chiếc thuyền đưa người phước đức vượt qua biển khổ, đến cõi TLHS. **Điу chừng:** Điу dắt và coi chừng. **Đàng nghĩa nhơn:** Con đường đạo đức, con đường Đạo.

Bốn câu 13-14-15-16:

- Dù đã đoạt được ngôi vị và ở yên nơi cõi TLHS,
- Dù đã tái kiếp xuống cõi trần và mở ra một sự nghiệp phi thường,
- Xin nường dựa vào chiếc thuyền Bát Nhã để vượt qua biển khổ cho được yên ổn,

– Xin diu dắt và coi chừng tất cả con cháu đi trọn vẹn trong con đường đạo đức.

Câu 17- Kia lối bóng hồng ân bao phủ,
18: Cả thế gian đầy đủ đạo mầu.

Lối bóng: Ánh sáng lộ ra. **Hồng ân:** Ôn huệ của Đức Chí Tôn. **Đạo mầu:** Đạo pháp mầu nhiệm.

C.17-18: Kia là ánh sáng hiện ra chứa đầy ơn huệ của Chí Tôn, bao phủ khắp cả thế gian, đầy đủ Đạo pháp mầu nhiệm.

Câu 19- Âm dương đôi nẻo như nhau,
20: Cửu Huyền Thất Tổ giữ câu thọ trì.

Âm Dương: Cõi Âm và cõi Dương, tức là cõi của người sống và cõi của người chết. **Đôi nẻo:** Hai đường.

Thọ trì: Nhận lãnh và gìn giữ. Thọ là nhận lãnh, trì là gìn giữ.

Giữ câu thọ trì: Nhận lãnh và gìn giữ những lời dạy bảo của Đức Chí Tôn để thi hành.

C.19-20: Nơi cõi của người sống và nơi cõi của người chết, 2 con đường đều như nhau. Xin Cửu Huyền Thất Tổ nhận lấy và gìn giữ các lời dạy bảo của Đức Chí Tôn để thi hành.

Giải thích Cửu Huyền Thất Tổ:

CỬU HUYỀN: Tổ tiên 9 đời. Thờ Cửu Huyền, ý nói mình là cháu 9 đời, thờ các bậc Tổ tiên 9 đời trước mình. Còn khi nói bà con dòng dõi 9 đời là nói Cửu Tộc.

Cách gọi tên các bậc trong Cửu Huyền thì lấy Bản thân làm gốc mà đặt ra: Từ Bản thân kể lên 4 đời và kể xuống 4 đời, gộp chung lại là 9 đời, kể ra như sau:

1. Cao Tổ (Ông Sơ)
2. Tằng Tổ (Ông Cố)
3. Tổ phụ (Ông Nội)
4. Phụ thân (Cha)
5. **Bản thân**
6. Trưởng tử (Con trai lớn)

7. Đích tôn (Cháu nội)
8. Tằng tôn (Cháu cố) (Chắt)
9. Huyền tôn (Cháu sơ) (Chích)

Gọi như vậy thì thờ Cửu Huyền, cúng lạy Cửu Huyền là cúng lạy cả con cháu của Bản thân mình hay sao?

Điều này có thể được giải thích bằng nhiều lẽ sau đây:

* 1) Vấn đề là dùng danh từ để đặt tên cho dễ hiểu: Có Bản thân, có Tổ phụ, có tử tôn; lên 4 đời, xuống 4 đời; trong đó có người đã chết, người đang sống, và người chưa sanh ra, tức là có đủ lẽ Âm Dương.

* 2) Gọi như thế để chỉ 3 đời (Tam thế): Đời quá khứ là Tổ tiên, đời hiện tại là mình, đời tương lai là con cháu.

* 3) Gọi như thế là có ý chỉ rằng có sự đầu thai chuyển kiếp trong dòng họ, có thể có những vị Tổ đầu thai trở lại làm con cháu mình để thực hiện Nhân Quả, và chính Bản thân mình cũng có thể là một vị Tổ đời trước đầu kiếp trở lại.

* 4) Gọi như thế để thể hiện sự vay trả: Mình đứng giữa, vay lớp trên 4 đời, trả cho lớp dưới 4 đời. Công đức hay tội lỗi do Bản thân mình gây ra trong kiếp sống hiện tại có ảnh hưởng đến Tổ tiên 4 đời trước và con cháu 4 đời sau.

Công đức do mình làm ra thì cả Cửu Huyền đều thọ hưởng, tức là 4 đời Tổ có hưởng và con cháu 4 đời sau có hưởng; còn tội lỗi do mình gây ra thì 4 đời Tổ trước mình phải chịu khổ tâm nơi cõi Thiêng liêng, và con cháu 4 đời sau mình phải lo đền trả nếu Bản thân mình chưa trả hết.

Thờ cúng Cửu Huyền Thất Tổ là kính trọng các bậc tiền nhân, Tổ tiên chúng ta, trong buổi sanh tiền, đã giáo hóa cử chỉ hành động, công án việc làm, sao cho tốt đẹp, hợp đạo lý để phát huy sự nghiệp của Tổ tiên, làm rạng rỡ Tổ tiên.

Ngoài ra, Cửu Huyền Thất Tổ có thể được giải thích chung trong một hệ thống sau đây:

Hệ Thống CỬU HUYỀN:

- | | | | |
|-----------------------|--------------|---------|---------|
| 1. Ông Sơ của Ông Sơ | (Thi Tổ) | Thất tổ | THẤT TỔ |
| 2. Ông Cố của Ông Sơ | (Cao Cao Tổ) | Lục tổ | |
| 3. Ông Nội của Ông Sơ | (Viễn Tổ) | Ngũ tổ | |
| 4. Cha của Ông Sơ | (Tiên Tổ) | Tứ tổ | |
| 5. Ông Sơ | (Cao Tổ) | Tam tổ | |
| 6. Ông Cố | (Tàng Tổ) | Nhị Tổ | |
| 7. Ông Nội | (Nội Tổ) | Nhứt Tổ | |
| 8. Cha | (Phụ thân) | | |
| 9. Bản thân | | | |

Trong Hệ thống Cửu Huyền, Bản thân mình là cháu 9 đời, suy lên Ông Tổ 9 đời là Ông Sơ của Ông Sơ.

Còn Thất Tổ, Cha của mình chưa được liệt vào Thất Tổ, Ông Nội của mình là Nội Tổ mới bắt đầu được liệt vào Thất Tổ. Cho nên, Thất Tổ bao gồm từ Ông Nội (Nội Tổ) lên đến Ông Sơ của Ông Sơ. Thất Tổ hợp với Cha mình và Bản thân mình, gồm 9 đời, tạo thành Hệ Thống Cửu Huyền.

- Câu 21- Chấn Tây phương đường đi thông thả,
22: Côi Diêm Cung tha quả vong căn.

Chấn Tây phương: Côi Tây phương Cực Lạc, tức là côi CLTG.
Diêm Cung: Cung Điện của các vị Diêm Vương. Côi Diêm Cung là côi Địa ngục.

Tha quả vong căn: Tha là bỏ qua không bắt tội, vong là quên, căn quả là những tội lỗi trong kiếp trước làm cho kiếp nầy phải bị quả báo xấu là hoạn nạn và tai ương. Tha quả vong căn là tha thứ và quên đi cái căn quả xấu nơi kiếp trước.

C.21-22: Côi Tây phương CLTG, đường đi đến đó rất thông thả. Côi Địa ngục, các vị Diêm Vương tha thứ và quên đi các căn quả (do thời kỳ Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn: Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên).

- Câu 23- Tiêu điều định tánh năm phan,
24: Dò theo Cực Lạc đôn đường siêu thăng.

Tiêu điều: Cây phướn Tiêu điều, còn gọi là Phướn Truy hồn, do Lục Nương DTC cầm giữ, để hướng dẫn các chơn hồn đi lên DTC bái kiến Đức Phật Mẫu. **Định tánh:** Làm cho yên ổn cái tánh. Tánh là thể hiện của Tâm. Tâm là Chơn linh thì Tánh là Chơn thân. Định tánh là làm cho Chơn thân được yên ổn. **Phan:** Cây phướn để dẫn đường.

Đôn đường: Hỏi thăm dò cho biết đường đi.

C.23-24: Giữ cho Chơn thân được yên ổn để đi theo cây phướn Tiêu Điều, dò theo con đường đi lên côi CLTG mà bay thẳng lên cao.

- Câu 25- Nhớ nổi hiếu khó ngăn nét thăm,
26: Tưởng nguồn ân đốt nếm tâm hương.

Nổi hiếu: Nổi niềm hiếu thảo đối với Ông bà Cha mẹ.

Nét thăm: Cái vẻ biểu lộ ra ngoài lòng sâu thăm, ý nói khóc chảy nước mắt vì sâu thăm. **Nguồn ân:** Cái ơn huệ của Tổ phụ, vì Tổ phụ là nguồn gốc của mình. **Nắm:** Một bó nhỏ vừa nắm gọn trong bàn tay. **Nắm tâm hương:** Bó hương lòng, tức là lấy lòng thành làm bó hương dâng lên khẩn nguyện.

C.25-26: Nhớ đến nổi niềm hiếu thảo mà không ngăn được dòng lệ. Nhớ tưởng đến ơn huệ của Tổ Tiên, xin đốt dâng lên nắm tâm hương.

- Câu 27- Tắc lòng đòi đoạn đau thương,
28: Chơn mây vãi với hương hồn hiển linh.

Tắc lòng: Tắc lòng, Dừng chữ Tắc là để tỏ ý khiêm nhượng.
Đòi đoạn: Đòi là nhiều, đoạn là khúc. Đòi đoạn là cắt ra làm nhiều khúc. **Tắc lòng đòi đoạn đau thương:** Lòng đau đớn dữ dội như ruột bị cắt ra làm nhiều khúc. **Chơn mây:** Ở phía dưới các đám mây, ý nói ở côi Trời. **Hương hồn:** Hồn thơm. Từ ngữ này dùng để gọi linh hồn người chết với ý kính trọng

và mong mỗi linh hồn người chết được siêu thăng.

Hiển linh: Hiện ra một cách thiêng liêng.

C.27-28: Tấm lòng của con cháu vô cùng đau đớn thương tiếc, nguyện vái với hương hồn của Tổ phụ nơi cõi Trời hiển linh xin chứng.

Kinh Cứu Khổ

- Kinh Cứu Khổ
- Nam mô Đại Từ Đại Bi Quảng Đại Linh Quan Thế Âm Bồ Tát,
- Nhược hữu nhơn tụng đắc nhưt thiên biến,
- Tự ngôn Quan Thế Âm anh lạc bát tu giải,

KINH CỨU KHỔ

Nam mô Đại Từ Đại Bi Quảng Đại Linh Quan Thế Âm Bồ Tát, (3 lần)

Nam mô Cứu Khổ Cứu Nạn Quan Thế Âm Bồ Tát, bá thiên vạn ức Phật, hằng hà sa số Phật, vô lượng công đức Phật.

Phật cáo A-Nan ngôn, thử kinh Đại Thánh, năng cứu ngục tù, năng cứu trọng bệnh, năng cứu tam tai, bá nạn khổ.

Dịch nghĩa:

Xin cầu nguyện với Đức Đại Từ Đại Bi Quảng Đại Linh Quan Thế Âm Bồ Tát, (tụng 3 lần)

Xin cầu nguyện với Đức Quan Thế Âm Bồ Tát Cứu Khổ Cứu Nạn, trăm ngàn muôn ức Phật, vô số Phật, chư Phật có công đức nhiều không thể đo lường hết được.

Lời của Phật bảo Ông A-Nan, quyển kinh này của vị Đại Thánh (Phật), có khả năng cứu khỏi ngục tù, có khả năng cứu khỏi bệnh nặng, có khả năng cứu được 3 tai họa lớn, và trăm thứ tai nạn khổ sở.

CHÚ THÍCH

Kinh Cứu Khổ là bài kinh tụng lên để cầu nguyện với Đức Quan Thế Âm Bồ Tát thị hiện đến cứu khổ cứu nạn khi gặp tai nạn hiểm nghèo không phương tự giải thoát.

Nam mô: Xin cầu nguyện với. (Xem: C.1 NN).

Quảng đại: Lòng dạ rộng rãi. **Linh:** Thiêng liêng.

Quan Thế Âm Bồ Tát: Quan, cũng đọc là Quán: Xét thấu, xem xét rõ biết hết, Thế là cõi trần, Âm là tiếng nói, âm thanh, Bồ Tát là phẩm vị Bồ Tát. Quan Thế Âm Bồ Tát là vị Nữ Bồ Tát có pháp lực vô biên, có thể hiện ra 11 cái mặt, 1000 cánh tay, 1000 con mắt, để xem xét, nghe biết tiếng kêu cứu của chúng sanh khắp nơi trên cõi trần. Hễ ai thành tâm niệm tưởng và cầu cứu đến Ngài thì Ngài liền nghe biết và hiện đến cứu giúp cho tai qua nạn khỏi. Công đức của Ngài nhiều vô kể, xứng đáng đặc thành vị Phật cao siêu, nhưng Ngài vẫn muốn làm một vị Bồ Tát để thực hành Đại nguyện Cứu khổ Cứu nạn cho chúng sanh.

Thời ĐĐTĐKPĐ, Đức Quan Âm Bồ Tát vâng lệnh Đức Chí Tôn giữ chức Nhị Trấn Oai Nghiêm, cầm quyền Phật giáo.

Bá thiên vạn ức: Trăm, ngàn, muôn, 10 muôn, chỉ một số lượng nhiều lắm, không đếm hết được.

Hàng hà sa số: Nghĩa đen là: Số cát sông Hằng bên Ấn Độ. Nghĩa bóng là nhiều lắm, không đếm hết được.

Vô lượng công đức: Vô lượng là không đo lường được. Vô lượng công đức là công đức nhiều đến nỗi không thể đo lường hết được. **Phật cáo:** Đức Phật bảo cho biết.

Phật cáo A-Nan ngôn: Lời của Phật bảo Ông A-Nan.

A-Nan: Tiếng Phạn là Ananda. Ông A-Nan là 1 trong 10 Đại đệ tử của Đức Phật Thích Ca, sau được Như Lai Tổ Ma-Ha Ca-Điếp truyền Y Bát để làm Nhị Tổ Phật giáo Ấn Độ.

Ông A-Nan nổi tiếng là người đa văn quảng kiến và có một trí nhớ tuyệt vời. Khi Đức Phật Thích Ca thuyết pháp, ông chú ý lắng nghe và nhớ được tất cả, có thể lập lại lời Phật mà không sai một tiếng. Do đó, sau khi Đức Phật tịch diệt, trong Đại Hội 500 A-La-Hán kết tập kinh điển lần thứ nhất, ông A-Nan lên diễn đàn đọc lại tất cả lời Phật dạy một cách trung thực, ghi chép lại thành Kinh Tạng của Phật giáo.

Trong các ngôi chùa VN, trên điện thờ Phật, có đặt tượng ông

A-Nan bên trái, biểu tượng bậc Thánh xem xét hư thực đúng sai trong các việc tổ chức đàn chay tại chùa.

Thử: Nảy, ấy. **Thử kinh:** Kinh nảy.

Đại Thánh: Bực Thánh lớn. Từ ngữ nảy dùng để gọi: bực Phật, bực Đại Tiên. Trong các bài Kinh PG, TG, NG, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Đức Khổng Tử đều được gọi là Đại Thánh. Ở đây, Đại Thánh là chỉ Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. **Năng cứu:** Có khả năng cứu giúp.

Trọng bệnh: Bệnh nặng. **Tam tai:** 3 thứ tai họa lớn, gồm: Hoả tai, Thủy tai, Phong tai. **Bá nạn khổ:** Trăm nạn khổ.

Nhược hữu nhơn tụng đặc nhứt thiên biến, nhứt thân ly khổ nạn, tụng đặc nhứt vạn biến, hiệp gia ly khổ nạn.

Nam mô Phật lực oai, Nam mô Phật lực hộ, sử nhơn vô ác tâm, linh nhơn thân đắc độ.

Hồi Quang Bồ Tát, Hồi Thiện Bồ Tát, A-Nậu Đại Thiên Vương Chánh Điện Bồ Tát, Ma Kheo Ma Kheo, Thanh Tịnh Tỳ Kheo, quan sự đặc tán, tụng sự đặc hưu.

Chư Đại Bồ Tát, Ngũ Bá A La Hôn, cứu hộ(1)... .. ly khổ nạn.

(1) * Nếu Cầu Bệnh thì đọc là: “*đệ tử .(họ tên của bệnh nhân). nhứt thân*”

* Nếu cầu cho Cứu Huyền Thất Tổ thì đọc là: “*Cứu Huyền Thất Tổ thoát*”

* Nếu tụng Cầu An thì đọc là: “*Chúng sanh thoát*”

Dịch nghĩa:

Nếu như có người tụng được một ngàn biến kinh thì một mình lìa xa tai nạn khổ sở; tụng được một vạn biến kinh thì trọn nhà lìa xa tai nạn khổ sở.

Xin cầu nguyện với oai lực của Phật, xin cầu nguyện với sức hộ trì của Phật, làm cho tâm con người không còn ác, khiến cho con người thân được độ.

Hôi Quang Bồ Tát, Hôi Thiện Bồ Tát, A Nậu Đại Thiên Vương Chánh Điện Bồ Tát, chư Đại Tỳ Kheo, Thanh Tịnh Tỳ Kheo, việc phiền phức ở cửa quan được tiêu tan, việc thưa kiện được bãi bỏ.

Chư vị Đại Bồ Tát, năm trăm vị Thánh A-La-Hán cứu giúp che chở ... (t)... ... lia xa các tai nạn khổ sở.

CHÚ THÍCH

Nhuộc: Nếu như. **Hữu:** Có. **Nhơn:** Người. **Tụng:** Tụng kinh.

Đắc: Được. **Nhứt thiên:** Một ngàn (1000).

Biển: Một lượt. Một biển kinh là tụng một lượt kinh.

Nhứt thiên biển: Tụng bài kinh 1000 lần.

Tụng đắc nhứt vạn biển: Tụng được một vạn lần bài kinh này. **Nhứt thân:** Một tấm thân.

Ly khổ nạn: Lìa xa tai nạn khổ sở.

Hiệp gia: Hiệp là gộp cả, gia là nhà. Hiệp gia là cả nhà, trọn nhà, nghĩa là tất cả những người trong một nhà.

Phật lực oai: Cái sức mạnh oai quyền của Phật.

Phật lực hộ: Cái sức hộ trì (che chở) của Phật.

Sử nhơn: Sử là sai khiến, làm cho. Sử nhơn là sai khiến người, làm cho người. **Vô ác tâm:** Cái tâm không ác.

Linh nhơn: Linh là khiến cho. Linh nhơn là khiến cho người.

Thân: Tấm thân, thân mình. **Đắc độ:** Được cứu giúp.

Đường Bất tri can đảm hưng thù thị,

thi: Linh nhơn khước ức Bình Nguyên Quân.

Nghĩa Chẳng biết gan mặt cùng ai tỏ,

là: Khiến người lại nhớ Bình Nguyên Quân.

Hôi: Trở về. **Hôi quang:** Ánh sáng phản chiếu trở lại.

Hôi thiện: Trở về điều lành.

A-Nậu: Nói đầy đủ là A-Nậu-Đa-La, do phiên âm từ tiếng Phạn: Anouddara, nghĩa là Vô Thượng, cao hơn hết.

Ma Kheo: Nói tắt của từ ngữ: Ma-ha Tỳ-kheo. Ma-ha là đại, lớn. Ma Kheo là vị Đại Tỳ Kheo.

Tỳ Kheo: Tiếng Phạn là Bhiksu, phiên âm ra là: Bật-sô hay Tỳ Kheo. Đó là nhà sư Phật giáo giữ hạnh thanh tịnh và giữ 250 điều giới luật. Từ ngữ Tỳ Kheo có 4 nghĩa: – Tịnh khát thực, – Phá phiền não, – Tịnh trì giới, – Năng bố ma (có sức làm cho tà ma sợ sệt). Phụ nữ xuất gia tu theo hạnh Tỳ Kheo được gọi là Tỳ Kheo Ni. **Thanh tịnh:** Hoàn toàn trong sạch. Thanh và tịnh đều có nghĩa là trong sạch.

Quan sự: Việc quan, những việc rắc rối của dân đem đến công đường nhờ quan giải quyết hay phân xử.

Đắc tán: Được tiêu tan hết. **Tụng sự:** Việc thưa kiện. Tụng là thưa kiện. **Đắc hữu:** Được bãi bỏ. Hữu là thời, bỏ.

Ngũ bá A-La-Hôn: 500 vị A-La-Hán.

A-La-Hôn: hay A-La-Hán, nói tắt là La-Hán, do tiếng Phạn là Arahata, có nghĩa là: dứt phiền não, dứt sạch lỗi lầm, chẳng còn sanh ra ở cõi thế gian nữa. Đó là phẩm Thánh thứ 4 của Phật giáo. Muốn thành Bồ Tát, phải đắc La Hán trước.

Khi Đức Phật Thích Ca còn sống, Ngài chỉ thuyết pháp chớ không viết sách. Sau khi Ngài mất, Nhứt Tổ Ma-ha Ca- Diếp họp Đại hội 500 Thánh tăng học rộng, hiểu sâu, giới đức đầy đủ, đắc quả A-La-Hán, họp tại động Tất-Ba-La, gần thành Vương Xá, cử hành lễ kết tập kinh điển lần đầu tiên, tạo thành 3 Tạng kinh: Kinh, Luật, Luận. Đó là 500 vị A-La-Hán đầu tiên của Phật giáo.

Tự ngôn Quan Thế Âm anh lạc bất tu giải, cần đọc thiên vạn biến, tai nạn tự nhiên đặc giải thoát.

Tín thọ phụng hành, tức thuyết Chơn ngôn viết:

Kim-Ba Kim-Ba-Đế, Cầu-Ha Cầu-Ha-Đế,
Đa-La-Ni-Đế, Ni-Ha-La-Đế,
Tì-Lê-Ni-Đế, Ma-Ha-Dà-Đế,
Chơn-Lăng-Càn-Đế, Ta-Bà-Ha.

(Tụng xong KCK 3 lần rồi niệm Câu Chú của Thầy 3 lần)

Dịch nghĩa:

Lời nói của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát tự nó trong sáng an vui, không cần phải giải thích thêm, siêng năng tụng ngàn muôn lần bài kinh, thì tai nạn tự nhiên được giải thoát.

Hãy tin theo, nhận lãnh và vâng lệnh thi hành, liền nói rõ câu Thần Chú là: Kim-Ba Kim-Ba-Đế,v.v...Ta-Bà-Ha.

CHÚ THÍCH

Tự: Chính mình. **Ngôn:** Lời nói. **Tự ngôn Quan Thế Âm:** Tự lời nói ấy của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

Anh lạc: Anh là trong sáng như ngọc, lạc là vui. Anh lạc là trong sáng an vui.

Bất tu giải: Bất là không, tu là cần thiết, giải là giải thích cho rõ ra. Bất tu giải là không cần thiết phải giải thích.

Cần đọc: Cần là siêng năng, đọc là tụng kinh.

Thiên vạn biến: Ngàn muôn biến kinh. Biến là một lượt kinh.

Tự nhiên: Tự nó như thế. **Đắc:** Được.

Tín thọ phụng hành: Tín là tin theo, Thọ là nhận lãnh, Phụng là vâng theo, Hành là làm. Tín thọ là tin theo và thọ lãnh giáo pháp mà mình nghe được. Phụng hành là vâng lệnh thi hành. Tín thọ phụng hành là tin theo và thọ lãnh giáo pháp mà mình đã nghe Phật thuyết pháp, rồi vâng lệnh thi hành đúng như lời Phật dạy. Thành ngữ “Tín thọ phụng hành” thường đặt ở sau chót của mỗi bài kinh mà Phật giảng thuyết.

Tức thuyết: Tức là liền ngay, thuyết là giảng rõ ra. Tức thuyết là liền giảng rõ ra. **Viết:** Nói rằng.

Chơn ngôn: Chơn là thật, ngôn là lời nói. Tiếng Phạn: Đà-La-Ni (D'hàrani) được người Tàu dịch ra là: Chơn ngôn, Thần chú, nghĩa là: những câu huyền bí có tác dụng rất linh diệu khi nhà đạo đọc ra, vừa đọc vừa bắt ấn. Những vị đạt được Chơn truyền, trong khi vừa bắt ấn vừa niệm Thần chú thì tâm của họ nhập cảnh Phật, đồng hóa với Phật.

Các Câu Chơn ngôn hay Thần chú đều bằng tiếng Phạn, và là mật ngữ, ý nghĩa rất bí mật, không thể giải thích bằng văn tự, nhưng khi đọc lên, âm ba phát ra có tác dụng rất huyền diệu về phương diện thiêng liêng vô hình, như: Trừ tà, giải bệnh, được sức hộ trì của chư Phật.

Các câu Chơn Ngôn hay Thần Chú thường có 3 chữ cuối cùng là: Ta-Bà-Ha. **Ta-Bà-Ha** có nghĩa là: thành tựu, kiết tường, tiêu tai tăng phước, kính Phật chứng minh.

Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu

- Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu

KINH TỤNG CHA MẸ ĐÃ QUI LIỄU*(Giọng Nam ai)*

1. Ôn cúc dục cù lao mang nặng,
2. Lỡ thân côi mưa nắng khôn ngừa.
3. Âm Dương cách bóng sớm trưa,
4. Thon von phận bạc không vừa hiếu thân.
5. Đầu cúi lạy . . . (1) . . . linh hiển,
6. Lễ muối dưa làm miếng hiếu tâm.
7. Ven Trời gởi chút tình thâm,
8. Động lòng thương nhớ tuôn dầm lệ sa.
9. Xin có tưởng ruột rà máu mủ,
10. Côi Hư linh bao phủ ân hồng.
11. Cảnh Thiên nơi bước Hóa Công,
12. Năm phan Tiếp Dẫn vào vòng Như Lai.
13. Chốn hư linh chờ ngày hội hiệp,
14. Dầu căn xưa quả kiếp đường bao.
15. Thà cam vui chốn Động Đào,
16. Đừng vì nhớ trẻ trở vào phàm gian.
17. Nuốt tiếng than đôi hàng lá chã,
18. Tưởng đến điều nhơn quả mà đau.
19. Xem thân tuổi hạc càng cao,
20. E ra tử biệt Thiên Tào định phân.
21. Nối hương lửa nhơn luân đạo trọng,

22. Con gìn câu chết sống trọn nghi.
23. Sấp mình cúi lạy Từ Bi,
24. Tiên khiên phụ mẫu, Tam Kỳ xá ân.
25. Xin . . . (2) . . . định thần định tánh,
26. Noi khuôn linh nẻo Thánh đưa chơn.
27. Thông dong cõi thọ nương hồn,
28. Chờ con lập đức giúp huờn ngôi xưa.
29. Chung ly biệt con đưa tay rót,
30. Mối thương tâm chưa ngớt đeo sầu.
31. Cha ở đâu, mẹ nơi đâu?
32. Tâm tang kính gởi một bầu lệ châu.

*(1) Song thân, hoặc phụ thân hay mẫu thân đã qui liễu.**(2) Cha mẹ, hay lịnh cha, hoặc lịnh mẹ đã qui liễu.***GIẢI NGHĨA**

Câu 1-2: Ôn cúc dục cù lao mang nặng,
Lỡ thân côi mưa nắng khôn ngừa.

Cúc dục: Cúc là nâng đỡ, dục là nuôi nấng dạy dỗ. Cúc dục là nâng đỡ nuôi nấng dạy dỗ, chỉ công ơn cha mẹ.

Cù lao: Cù là siêng năng, lao là khó nhọc. Cù lao là sự siêng năng khó nhọc nuôi dưỡng con cái.

Thường nói: Cửu tự Cù lao: 9 chữ Cù lao. Cửu tự Cù lao gồm: – Sanh (sinh đẻ), – Cúc (nâng đỡ), – Phủ (vuốt ve triu mến), – Súc (cho bú), – Trưởng (nuôi cho lớn khôn), – Dục (nuôi nấng dạy dỗ), – Cố (trông nom), – Phục (ôm ấp), – Phúc (bảo vệ).

Thân côi: Côi là mồ côi, mất cha hay mất mẹ. Thân côi là tấm thân mồ côi. **Khôn ngừa:** Không phòng giữ trước.

C.1-2: Con mang ơn sanh dưỡng và dạy dỗ của cha mẹ rất nặng. Lỡ tấm thân mồ côi, không ai phòng giữ giùm trước những cơn mưa nắng.

KHẢO DỊ:**– Kinh Lễ năm 1952:**

- Lo thân côi.

– Kinh TĐ-TĐ năm 1936, 1968, 1974, 1975:

- Lỡ thân côi.

Câu 3-4: Âm Dương cách bóng sớm trưa,
Thon von phận bạc không vừa hiếu thân.

Âm Dương: Âm là côi Âm, côi của người chết; Dương là côi Dương, côi của người sống. **Bóng:** Hình ảnh.

Thon von: Có vẻ héo hắt hiu quạnh.

Phận bạc: Số phận mỏng manh, bạc bẽo.

Hiếu thảo: Hiếu thảo với cha mẹ. Thân là gần gũi thương yêu, chỉ cha mẹ.

C.3-4: Cha (hay mẹ) đã chết, linh hồn đi đến côi Âm, còn con thì ở côi Dương, hai bên cách mặt sớm trưa hằng ngày. Con phải chịu cảnh hiu quạnh, số phận bạc bẽo, không thỏa mãn tấm lòng hiếu thảo của con đối với cha mẹ.

Câu 5-6: Đầu cúi lạy . . . (1) . . . linh hiển,
Lễ muối dưa làm miếng hiếu tâm.

Song thân: Cha mẹ. **Phụ thân:** Cha ruột. **Mẫu thân:** Mẹ ruột.

Linh hiển: Hiện ra một cách thiêng liêng. **Lễ muối dưa:** Lễ dâng cúng bằng các món chay thanh đạm như: muối và dưa.

Hiếu tâm: Tấm lòng hiếu thảo.

C.5-6: Đầu cúi lạy linh hiển, xin dâng lễ cúng là các món chay thanh đạm để bày tỏ tấm lòng hiếu thảo của con.

Câu 7-8: Ven Trời gửi chút tình thâm,
Động lòng thương nhớ tuôn dầm lệ sa.

Ven Trời: Bên mé bầu Trời, ý nói nơi côi Trời.

Tình thâm: Tình thương yêu sâu đậm. **Động lòng:** Lòng cảm

thấy. **Tuôn dầm:** Tuôn rơi là tả dầm dề. **Lệ sa:** Lệ là nước mắt, sa là rơi xuống. Lệ sa là nước mắt rơi xuống.

C.7-8: Gửi đến cha (hay mẹ, hay cả cha mẹ) đang ở nơi côi Trời, tình cảm thương yêu sâu đậm của con. Lòng con cảm thấy thương nhớ cha mẹ nên nước mắt tuôn rơi dầm dề.

Câu 9-10: Xin có tướng ruột rà máu mũ,
Côi Hư linh bao phủ ân hồng.

Ruột rà máu mũ: Ý nói quan hệ máu thịt với nhau.

Côi Hư linh: Côi hư vô thiêng liêng, thấy trống không nhưng rất huyền diệu. Đó là côi TLHS. **Bao phủ:** Bao bọc phủ kín khắp bề mặt. **Ân hồng:** Hồng ân, ơn huệ của Đức Chí Tôn.

C.9-10: Xin cha mẹ tưởng nhớ đến tình máu thịt. Nơi côi TLHS, ơn huệ của Đức Chí Tôn bao phủ khắp nơi.

Câu 11-12: Cảnh Thiên noi bước Hóa Công,
Năm phan Tiếp Dẫn vào vòng Như Lai.

Cảnh Thiên: Côi Trời, côi TLHS.

Noi bước: Đi theo. **Hóa Công:** Thợ tạo hóa, Ông Trời.

Phan: Cây phướn. **Phan Tiếp Dẫn:** Cây phướn của vị Phật gọi là Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, để hướng dẫn các chơn hồn đến côi CLTG ở phía Tây. **Như Lai:** Phật. (Xem: C.6 KĐ6C).

Vào vòng Như Lai: Đi vào côi Phật, tức vào côi CLTG.

C.11-12: Nơi côi TLHS, xin noi bước theo Đức Chí Tôn. Năm cây phướn Tiếp Dẫn của vị Phật Tiếp Dẫn Đạo Nhơn để đi vào côi CLTG.

Câu 13- 14: Chốn hư linh chờ ngày hội hiệp,
14: Dâu căn xưa quả kiếp dường bao.

Hội hiệp: Tự hội để hiệp mặt nhau.

Căn xưa: Căn là gốc rễ, Căn xưa là chỉ những việc làm lành hay dữ trong kiếp trước, vì nó là gốc rễ tạo nên hạnh phúc hay tai ương trong kiếp sống hiện tại. **Quả kiếp:** Cái kết quả trong

kiếp sống do sự báo đáp theo Luật Nhân Quả.

Dường bao: Đường như nhiều thế nào chẳng nữa.

C.13-14: Nơi cõi TLHS, xin chờ ngày hội hiệp cùng nhau, dù cho căn xưa và quả kiếp có nhiều thế nào chẳng nữa.

Câu 15-16: Thà cam vui chốn Động Đào,
Đừng vì nhớ trẻ trở vào phạm gian.

Thà cam: Thà là đành lòng, cam là chấp nhận chịu đựng vì không biết làm sao khác hơn. Thà cam là đành chịu.

Động Đào: chỉ cõi Tiên. (Xem điển tích: C.5 KKV)

Phạm gian: Cõi phàm trần, cõi thế gian.

C.15-16: Xin cha mẹ đành chịu ở hưởng sự vui sướng nơi cõi Tiên, đừng vì thương nhớ con trẻ mà trở lại cõi trần.

Câu kinh 15, dùng chữ “Thà cam” là để nói lên tình thương yêu của cha mẹ đối với con cái thật là to lớn, vì người con biết rằng, khi cha mẹ nhìn lại cõi phàm trần, thấy con cái khổ sở nghèo khó thì không đành lòng an hưởng được sự sung sướng nơi cõi Tiên, mà muốn hy sinh để trở lại cõi trần chia sẻ và giúp đỡ con cái.

Câu 17- Nuốt tiếng than đòi hàng lá chã,
18: Tưởng đến điều hơn quả mà đau.

Nuốt tiếng than: Đè nén sự đau khổ trong lòng, không để cho tiếng than phát ra.

Đòi hàng lá chã: Hai dòng nước mắt tuôn rơi không dứt.

Tưởng: Nghĩ tới. **Điều Hơn quả:** Luật Nhân Quả.

C.17-18: Đè nén sự đau khổ trong lòng mà hai hàng nước mắt cứ tuôn rơi không ngừng. Tưởng nghĩ tới Luật Nhân Quả mà thêm đau xót.

Câu 19- Xem thân tuổi hạc càng cao,
20: E ra tử biệt Thiên Tào định phân.

Thân: Gắn gũi thương yêu, chỉ cha mẹ.

Tuổi hạc: Hạc là loài chim sống rất lâu, đến cả ngàn năm. Tuổi hạc là chỉ tuổi thọ của cha mẹ, có ý mong muốn cha mẹ sống lâu như chim hạc. **E ra:** Sợ rằng, ngại rằng. **Tử biệt:** Chết rồi thì biệt ly. Tử là chết, biệt là xa cách hẳn.

Thiên Tào: Cơ quan chuyên môn của Trời. Mỗi Thiên Tào là một tầng Trời. 36 cõi Thiên Tào là 36 tầng Trời.

Định phân: Sắp đặt và chia ra.

C.19-20: Xem cha mẹ tuổi thọ lại càng cao. Con sợ rằng chết thì biệt ly, nhưng số mạng con người do các Đấng nơi Thiên Tào phân định.

Câu 21- Nổi hương lửa hơn luân đạo trọng,
22: Con gìn cầu chết sống trọn nghi.

Hương lửa: Hương hỏa, nhang đèn, chỉ sự thờ cúng tổ tiên. Nổi hương hỏa là nổi tiếp sự thờ cúng tổ tiên.

Nhơn luân: Luân là phép tắc ở đời đúng theo lẽ phải. Nhơn luân là những phép tắc mà con người phải tuân theo trong việc cư xử ở đời cho đúng theo lẽ phải.

Đạo trọng: Trọng là nặng, quan trọng. Đạo trọng là phép tắc cư xử ở đời rất quan trọng.

Chết sống: Dù chết hay dù sống, tức là dù trong bất cứ cảnh ngộ nào đi chẳng nữa. **Nghi:** Nghĩa. **Trọn nghi:** Trọn nghĩa. Nghĩa là cách cư xử đúng theo lẽ phải và đạo đức.

C.21-22: Nổi tiếp sự thờ cúng Tổ tiên, cái đạo hơn luân rất quan trọng. Dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, con phải giữ trọn nghĩa.

Câu 23- Sấp mình cúi lạy Từ Bi,
24: Tiền khiên phụ mẫu, Tam Kỳ xá ân.

Sấp mình: Cúi rạp mình xuống để lạy.

Từ Bi: chỉ Đức Chí Tôn. **Tiền khiên:** Lỗi lầm đã gây ra trong kiếp sống trước. Khiên là lỗi lầm. **Phụ mẫu:** Cha mẹ.

Tam Kỳ: Kỳ thứ 3. **Xá ân:** Ban ơn tha tội.

Tam Kỳ Xá ân là Đại Ân Xá kỳ ba của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ

Độ. Khi Đức Chí Tôn khai ĐĐTKPĐ, Đức Chí Tôn mở ra thời kỳ Đại Ân Xá cho toàn cả chúng sanh, nếu biết hồi đầu hướng thiện, nhập môn cầu đạo, lo việc tu hành, thì sẽ hưởng được ơn huệ lớn lao do Đức Chí Tôn ban cho, là những tội lỗi của họ đã gây ra trong các kiếp trước được Ôn Trên bôi xóa để cho họ làm một “Tân dân” trong cửa Đạo. Nhờ vậy, người nhập môn vào đạo mới rảnh nợ tiền khiên, lo hành đạo, lập công bồi đức, chỉ trong một kiếp tu cũng có thể đắc đạo.

C.23-24: *Con cúi mình lạy Đức Chí Tôn, xin tha thứ tội lỗi của cha mẹ con ở kiếp sống trước trong Đại Ân Xá kỳ 3 này.*

Câu 25- Xin (2)định thần định tánh,
26: Noi khuôn linh nẻo Thánh đưa chơn.

Định Thần định tánh: Định là sắp đặt cho yên. Thần là một bửu trong Tam bửu của con người, Thần là Chơn linh. Tánh là biểu thị của Tâm. Tâm là Chơn linh thì Tánh là Chơn thần. Định Thần định tánh là sắp đặt cho Chơn linh và Chơn thần được yên ổn. **Lịnh cha:** Từ dùng để gọi cha mình với ý kính trọng. **Noi:** Theo. **Khuôn linh:** Khuôn thiêng, đồng nghĩa với: Khuôn hồng, Hồng Quân, chỉ Đức Chí Tôn. (Xem: C.6 KVH). **Nẻo Thánh:** Con đường đi lên cõi Thánh, tức là đi lên cõi Thiêng liêng Hằng sống.

C.25-26: *Xin cha mẹ (hoặc lịnh cha hoặc lịnh mẹ) định yên Chơn linh và Chơn thần, noi theo Đức Chí Tôn để bước chân vào con đường đi lên cõi TLHS.*

Câu 27- Thong dong cõi thọ nương hồn,
28: Chờ con lập đức giúp huồn ngôi xưa.

Thong dong: Thung dung nhàn hạ.

Cõi thọ: Thọ là sống lâu. Cõi thọ là ý nói cõi vô hình mà linh hồn người chết đến đó ở.

Lập đức: Một phần trong Tam Lập. Tam Lập gồm: Lập đức, Lập công, Lập ngôn. Lập đức là làm những việc giúp đời giúp người, hy sinh thân mình để phụng sự chúng sanh. Sự lập đức

thường lấy sự Bỏ thí làm phương tiện. Bỏ thí gồm: Thí tài, thí công, thí ngôn, thí pháp. Thí tài là đem tiền bạc giúp người, Thí công là đem sức lực ra làm việc giúp người, Thí ngôn là dùng lời nói chỉ dẫn hay an ủi người, Thí pháp là đem lý đạo nói ra để cảm hóa người trở về đường lành. Chỉ có Thí pháp thì công đức nhiều hơn cả.

Huồn: do chữ Hoàn nói trại ra. Huồn là trở lại tình trạng cũ.

Ngôi xưa: Ngôi vị cũ nơi cõi TLHS.

C.27-28: *Xin linh hồn cha mẹ nương mình nơi cõi thọ, chờ đợi con lập đức nơi cõi trần dâng lên cha mẹ, để giúp cha mẹ được trở lại ngôi vị cũ nơi cõi TLHS.*

Một người, dù Nam hay Nữ, nếu quyết chí tu hành, phế bỏ việc đời, trọn hiến thân hành đạo, lo lập công bồi đức, thì nhất định cứu được cha mẹ và cả Cửu Huyền Thất Tổ được siêu thăng nơi cõi TLHS.

Điều này rất rõ trong bài Thánh ngôn sau đây của Đức Chí Tôn, dạy Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu ngày 7-1-Bính Dần (1926). Đức Chí Tôn dạy Bà đi hành đạo, phổ độ nhơn sanh.

«Bà Cư (Hương Hiếu) bạch với Thầy rằng:

– Má con mắc ở xa, làm sao con đi độ được?

Thầy: – Hiếu! Con biết một lòng tu niệm đạo đức của con đủ cứu Cửu Huyền Thất Tổ, hưởng là mẹ con, để Thầy định đoạt, con đừng lo buồn.» (Đạo Sử I, tr 36, NĐS Hương Hiếu)

Câu 29- Chung ly biệt con đưa tay rót,
30: Mỗi thương tâm chưa ngớt đeo sầu.

Chung ly biệt: Chung rượu để bày tỏ sự biệt ly.

Thương tâm: Mỗi đau thương trong lòng.

Chưa ngớt: Chưa giảm bớt. **Đeo sầu:** Mang buồn.

C.29-30: *Con xin đưa tay rót chung rượu biệt ly dâng lên cha mẹ. Mỗi đau thương trong lòng con chưa giảm bớt mà còn mang thêm sầu muộn.*

Câu 31-32: Cha ở đâu, mẹ nơi đâu?
Tâm tang kính gởi một bầu lệ châu.

Tâm tang: Tâm là lòng dạ, tang là lễ tế và chôn cất người chết. Tâm tang là cái tang ở trong lòng.

Lệ châu: Lệ là nước mắt, châu là hạt ngọc. Lệ châu là giọt nước mắt long lanh như hạt ngọc. **Một bầu lệ châu:** Một bầu nước mắt, ý nói đau đớn và thương tiếc nhiều lắm.

C.31-32: Cha ở nơi đâu? Mẹ ở nơi đâu? Cái tang trong lòng con, kính gởi đến cha mẹ một bầu nước mắt.

Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cố Hữu Đã Qui Liễu

- Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cố Hữu Đã Qui Liễu
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cố Hữu Đã Qui Liễu

**KINH CẦU BÀ CON THÂN BẰNG
CỐ HỮU ĐÃ QUI LIỄU**

(Giọng Nam ai)

1. Khi dương thế không phân phải quấy,
2. Nay hư linh đã thấy hành tàng.
3. Chí Tôn xá tội giải oan,
4. Thánh Thần Tiên Phật cứu nàn độ căn.
5. Đã từng chịu khó khăn kiếp sống,
6. Định tâm thần giải mộng Nam Kha.
7. Càn khôn để bước Ta-bà,
8. Đoạt cơ thoát tục tạo nhà cõi Thiên.
9. Ởn Tạo Hóa tha tiền khiên trước,
10. Đưa linh phan tiếp rước nguyên nhân.
11. Tiên phong phủi ngọn phát trần.
12. Liền đài đỡ gót đến gần Tây phương.
13. Cửa Cực Lạc đôn đường thẳng tới,
14. Tâm Không môn đợi đợi Như Lai.
15. Hào quang chiếu diệu Cao Đài,
16. May duyên nay đã gặp ngày siêu sanh.
17. Trụ nguyên tánh hồn linh nhàn lạc,
18. Cõi Đào nguyên cõi hạc thừa long.
19. Lánh xa trước chất bụi hồng,
20. Cung Tiên sớm tối vui vòng thung dung.

21. Nơi Cung ngọc học thông đạo cả,
 22. Chốn Hư vô Tạo Hóa tìm cơ.
 23. Trên đường Thánh đức lần dò,
 24. Trường sanh mẫu nhiệm nơi lò Hoá Công.
 25. Khá từ bỏ xa dòng bể khổ,
 26. Diệt trần tình Cam lộ tẩy nhơ.
 27. Ngân kiều Bát Nhã qua bờ,
 28. Đưa duyên để bước kịp giờ siêu thăng.

GIẢI NGHĨA

Bà con: Những người có quan hệ họ hàng hay thân thiết gần gũi. **Thân bằng:** Bạn thân. **Cố hữu:** Bạn cũ. Cố là xưa, cũ; hữu là bạn. **Qui liễu:** Ý nói chết.

Câu 1-2: Khi dương thế không phân phải quấy,
 Nay hư linh đã thấy hành tàng.

Dương thế: Dương là cõi của người sống, thế là cõi đời. Dương thế là cõi trần, cõi của nhơn loại đang sống.

Hư linh: Hư là hư vô, trống không, xem không thấy gì cả nhưng rất huyền diệu; linh là TL. Hư linh là cõi Hư vô TL, tức là cõi TLHS. **Hành tàng:** Hành là làm với hành động cụ thể thấy rõ, tàng là những việc làm giấu kín. Hành tàng là tất cả việc làm thấy rõ hay còn ẩn kín. Sách Luận Ngữ có câu: Dụng chi tắc hành, xử chi tắc tàng. Nghĩa là: Dùng thì ra làm (ý nói ra làm quan), không dùng thì ẩn kín (ý nói đi ở ẩn).

C.1-2: Khi sống nơi cõi trần, còn mang xác phàm nên trí não mê mờ, không phân được lẽ phải và lẽ quấy. Nay linh hồn cõi bỏ xác phàm, trở về cõi Thiêng liêng thì đã thấy rõ mọi việc làm hiện ra hay còn ẩn kín.

Câu 3-4: Chí Tôn xá tội giải oan,
 Thánh Thần Tiên Phật cứu nàn độ căn.

Xá tội: Tha tội. **Giải oan:** Cởi bỏ hết các oan nghiệt.

Đây là thời kỳ Đại Ân Xá, Đức Chí Tôn xá tội và giải oan cho tất cả người nào biết hối đầu hướng thiện, nhập môn cầu đạo, lo việc tu hành. **Độ căn:** Độ là cứu giúp; căn là gốc rễ, chỉ những việc làm sai quấy trong kiếp trước tạo ra nghiệp ác gây ảnh hưởng xấu trong kiếp sống này. Độ căn là cứu giúp thoát khỏi các nghiệp ác.

C.3-4: Đức Chí Tôn tha tội và cởi bỏ hết các oan nghiệt trong kỳ Đại Ân Xá này. Chư Thần Thánh Tiên Phật cứu giúp thoát khỏi các tai nạn và ác nghiệp.

Câu 5-6: Đã từng chịu khó khăn kiếp sống,
 Định tâm thần giải mộng Nam Kha.

Đã từng chịu: Đã từng gánh chịu. **Định:** Sắp đặt cho yên ổn. **Tâm thần:** Tâm là chơn linh, thần là chơn thân. Định tâm thần là sắp đặt cho chơn linh và chơn thân được yên ổn. **Giải:** Phân tích cho hiểu rõ.

Mộng Nam Kha: **Điển tích:** Ông Lý công Tá, đời nhà Đường, làm sách Nam Kha, có chép một truyện sau đây:

Thuần Vu Phần nằm mộng thấy đi tới nước Hòe An, được vua nước này đem lòng thương mến gả công chúa cho, rồi bổ làm Thái Thú đất Nam Kha, công danh thật là hiển hách. Sau đó, Thuần Vu Phần được lệnh vua cầm quân đi đánh giặc, chẳng may bị thua; ở nhà công chúa lại đau bệnh chết. Vua nghi ngờ rồi cất chức đuổi đi. Thuần Vu Phần quá thất vọng và buồn rầu, liền giết mình thức dậy, thấy mình đang nằm ngủ quên dưới cội cây Hòe, nơi cành cây phía nam, có một con kiến chúa đang nằm trong tổ kiến.

Thuần Vu Phần nhớ lại giấc chiêm bao của mình, so sánh với thực tế chung quanh, thì chợt hiểu rằng: Cây Hòe là nước Hòe

An, cảnh cây phía nam là đất Nam Kha, và vua nước Hòe An là con kiến chúa.

Ông lấy làm chán nản, thấy rõ cuộc đời chẳng khác chi một giấc mộng, không có chi là trường cửu, nên ông tìm đường lên núi học đạo tu Tiên.

Từ điển tích này, người ta rút ra các thành ngữ: Giấc Nam Kha, Mộng Nam Kha, Giấc Hòe, để chỉ cuộc đời là giả tạm, công danh phú quý như giấc chiêm bao.

Mộng Nam Kha đồng nghĩa với Huỳnh lương mộng.

C.5-6: *Đã từng chịu nhiều nỗi khó khăn vất vả trong kiếp sống. Hãy định cho yên ổn chơn linh và chơn thần để hiểu rõ công danh phú quý nơi cõi trần chỉ là giấc mộng.*

Câu 7-8: **Cần khôn để bước Ta-bà,**
Đoạt cơ thoát tục tạo nhà cõi Thiên.

Cần khôn: CKVT. **Ta-bà:** chỉ các cõi trần. (Xem: Ta-bà Thế giới DLCK). **Đế bước Ta-bà:** Đi xuống cõi trần, ý nói đầu kiếp xuống cõi trần để làm một người nơi cõi trần.

Thoát tục: Thoát khỏi cõi trần. **Đoạt cơ thoát tục:** Đoạt được cơ quan mẫu nhiệm của Đức Chí Tôn thì đặc đạo, linh hồn thoát khỏi cõi trần, trở về cõi TLHS.

Tạo nhà cõi Thiên: Ý nói tạo được ngôi vị cao trọng nơi cõi TLHS. (Giống C.16 KXH: Mượn hình Thánh Thể cất nhà cõi Thiên.)

C.7-8: *Trong CKVT, các chơn linh phải đầu kiếp xuống cõi trần để có xác thân phàm, nhờ nó mà lập được công quả và tu luyện, đoạt được cơ quan mẫu nhiệm của Đức Chí Tôn, đặc đạo, thoát khỏi cõi trần, tạo được ngôi vị nơi cõi TLHS.*

Câu 9-10: **Ỗn Tạo Hóa tha tiền khiên trước,**
Đưa linh phan tiếp rước nguyên nhân.

Ỗn Tạo Hóa: Ỗn của Đức Chí Tôn. **Tha tiền khiên trước:** Tha thứ các lỗi lầm đã gây ra trong kiếp sống trước.

Linh phan: Phướn linh, cây phướn thiêng liêng.

Nguyên nhân: Những người mà chơn linh của họ được sanh ra từ lúc khai Thiên. Hiện nay còn 92 ức nguyên nhân đang trầm luân nơi cõi trần. Đạo Cao Đài có nhiệm vụ cứu vớt hết số nguyên nhân này. (Xem: C.7 PG).

C.9-10: *Đức Chí Tôn đại khai ân xá, tha thứ các lỗi lầm trong các kiếp sống trước, đưa cây phướn linh để rước các nguyên nhân trở về cõi Thiêng liêng.*

Câu 11-12: **Tiên phong phủi ngọn phát trần.**
Liên đài đỡ gót đến gần Tây phương.

Tiên phong: Dáng dấp của Tiên, chỉ các vị Tiên.

Phủi: Đập nhẹ cho bụi rơi xuống. **Ngọn Phát trần:** Cái đầu của cây Phát trần. Phát là quét, trần là bụi bặm. Phát trần là cây chổi Tiên để quét sạch các thứ bụi bặm dơ bẩn bám vào chơn thần, để chơn thần được thanh nhẹ bay trở về cõi Thiêng liêng. Phát trần còn được gọi là Phát chủ.

Liên đài: Đài sen. Trong câu này, Liên đài đồng nghĩa với Liên thần trong C.5 KKĐCR: Dưới chín lớp liên thần đưa bước. Khi chơn hồn bước lên đứng trên liên đài này thì liên đài bay lên đưa chơn hồn đến cõi CLTG.

Tây phương: chỉ cõi CLTG ở về hướng Tây.

C.11-12: *Các vị Tiên dùng cây Phát chủ quét sạch bụi bặm bám vào chơn thần, để chơn thần được trong sạch nhẹ nhàng, đứng trên liên đài để liên đài đưa lên cõi CLTG.*

Câu 13- 14: **Cửa Cực Lạc đơn đường thẳng tới,**
Tâm Không môn dạng đợi Như Lai.

Đơn đường: Hối thăm đường đi. **Tâm:** Tìm kiếm.

Không môn: Cửa Không, ý nói cửa Phật, vì giáo lý của Phật chủ trương tất cả đều không: Ngã không, Pháp không, Sắc không, vv. **Như Lai:** Phật.

C.13-14: *Hối thăm đường đi thẳng tới cửa CLTG, tìm cửa Phật*

đặng chờ đợi gặp Phật.

Câu 15-16: Hào quang chiếu diệu Cao Đài,
May duyên nay đã gặp ngày siêu sanh.

Hào quang: Ánh sáng tỏa ra từ chơn thân của một Đấng Thiêng liêng. **Chiếu diệu:** Chiếu sáng rực rỡ.

Cao Đài: Danh xưng của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế trong ĐĐTKPĐ. **May duyên:** Cơ hội may mắn.

Siêu sanh: Siêu là vượt lên trên, sanh là sống. Siêu sanh là vượt lên trên cõi trần để lên sống nơi cõi TLHS.

C.15-16: *Ánh hào quang của Đức Chí Tôn chiếu sáng rực rỡ, cơ hội may mắn cho các chơn hồn được siêu thăng, lên sống nơi cõi Thiêng liêng Hằng sống.*

Câu 17- Trụ nguyên tánh hồn linh nhàn lạc,
18: Cõi Đào nguyên cõi hạc thừa long.

Trụ: Giữ vững. **Hồn linh:** Linh hồn.

Nguyên tánh: Nguyên là nguồn gốc, khởi đầu. Nguyên tánh là cái bản tánh của con người. Cái bản tánh ấy vốn lành (Nhơn chi sơ, tánh bổn thiện). Vậy, nguyên tánh là cái bản tánh lành của con người. Trụ nguyên tánh là giữ vững cái tánh lành của mình. **Nhàn lạc:** Nhàn hạ và vui vẻ.

Đào nguyên: chỉ cảnh Tiên. (Xem điển tích: C.5 KKV)

Cõi hạc thừa long: Cõi lên chim hạc, hoặc cõi lên con rồng. Thừa là cõi. Long là con rồng.

C.17-18: *Giữ vững cái bản tánh lành của mình để cho linh hồn được an nhàn vui vẻ, được cõi lên chim hạc hoặc cõi lên con rồng đi chơi nơi cảnh Tiên.*

Câu 19- Lánh xa trước chất bụi hồng,
20: Cung Tiên sớm tối vui vòng thung dung.

Trước chất: Các chất khí dơ bẩn.

Bụi hồng: Bụi đỏ, do chữ Hồng trần, chỉ chung các thứ dơ bẩn

ô trước nơi cõi trần. **Cung Tiên:** chỉ cõi Tiên. **Vui vòng thung dung:** Vui vẻ trong cảnh thanh thoi nhàn hạ.

C.19-20: *Nên lánh xa cõi trần có nhiều thứ dơ bẩn, đi lên cõi Tiên, sớm tối vui vẻ trong cảnh thanh thoi nhàn hạ.*

Câu 21- Nơi Cung ngọc học thông đạo cả,
22: Chốn Hư vô Tạo Hóa tìm cơ.

Cung ngọc: Cung điện bằng ngọc, chỉ cõi Tiên. **Học thông:** Học tập cho biết rõ. **Đạo cả:** Cả là lớn. Đạo cả là mối đạo lớn, tức là nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn. **Chốn Hư vô:** Cõi trống không, thấy không có gì cả nhưng rất huyền diệu.

Tạo Hóa: chỉ Đức Chí Tôn. **Tìm cơ:** Tìm cho ra cơ quan mẫu nhiệm của Đức Chí Tôn để được đắc đạo.

C.21-22: *Nơi cõi Tiên, học tập thông suốt nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn, để tìm ra cơ quan mẫu nhiệm nơi cõi Hư vô.*

Câu 23- Trên đường Thánh đức lặn dò,
24: Trường sanh mẫu nhiệm nơi lò Hoá Công.

Thánh đức: Cái đức của bậc Thánh. **Đường Thánh đức:** Ý nói con đường đạo đức. **Lặn dò:** Dò dẫm lần đi từng bước.

Trường sanh: Sống lâu dài, hằng sống.

Mẫu nhiệm: Huyền diệu, như có phép lạ, không thể giải thích được bằng lý lẽ thông thường. **Lò Hoá Công:** Cái lò sản xuất của Ông thợ tạo hóa, chỉ Đức Chí Tôn.

C.23-24: *Từ từ lần bước trên con đường đạo đức thì sẽ được hằng sống nơi cõi TL mẫu nhiệm của Đức Chí Tôn.*

Câu 25- Khá từ bỏ xa dòng bể khổ,
26: Diệt trần tình Cam lộ tẩy nhơ.

Diệt trần tình: Tiêu diệt những tình cảm xấu của con người, bằng cách chuyển hóa nó vào đường cao thượng. (Xem chi tiết: C.14 KKĐCR). **Cam lộ:** Cam là ngọt, lộ là giọt sương. Cam lộ hay Cam lộ là nước sương ngọt, là thứ nước huyền diệu do

các Đấng Tiên, Phật chế luyện, dùng để tẩy rửa chơn thân cho trong sạch. **Tẩy nhơ:** Rửa cho mất hết các vết dơ bẩn.

C.25-26: *Khá nên từ bỏ và xa lánh biển khổ, tiêu diệt các thứ tình cảm xấu và nhờ nước Cam lồ tẩy sạch chơn thân.*

Câu 27- Ngân kiều Bát Nhã qua bờ,
28: Đưa duyên để bước kịp giờ siêu thăng.

Ngân kiều: Cây cầu bắc qua sông Ngân Hà nơi cõi TL. Ngân Hà nối liền với biển khổ, qua được Ngân Hà là qua biển khổ, đến cõi TLHS. **Bát Nhã:** do phiên âm chữ Phạn: Prajnâ, dịch là Trí huệ, nghĩa là sự hiểu biết hoàn toàn sáng suốt về Đạo lý. Người đạt được trí huệ thì đắc đạo. **Đưa duyên:** Đưa người có duyên phần. **Siêu thăng:** Bay lên cõi TLHS.

C.27-28: *Người đắc đạo dùng trí huệ mới bước lên được Ngân kiều, đi qua Ngân Hà, đến được bờ bên kia; đưa người có duyên phần kịp giờ siêu thăng lên cõi TLHS.*

Kinh Tụng Huynh Đệ Mãn Phần

- Kinh Tụng Huynh Đệ Mãn Phần
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Tụng Huynh Đệ Mãn Phần

KINH TỤNG HUYNH ĐỆ MÃN PHẦN

(Giọng Nam ai)

1. Niềm thù túc đã đành vĩnh biệt,
2. Càng nhớ nhau càng tiếc tình nồng.
3. Thân nhau từ buổi lọt lòng,
4. Chén cơm miếng cá cũng đồng chia nhau.
5. Câu chọc ruột còn đau đớn bấy,
6. Hướng Âm Dương hết thấy mặt nhau.
7. Rẻ phân cốt nhục đồng bào,
8. Cảnh Thiên cội tục lẽ nào không thương.
9. Thương những thuở huyên đường ôm ấp,
10. Thương những khi co đắp chung mền.
11. Thương hồi thơ bé tuổi tên,
12. Thương cơn khôn lớn giữ bền nghĩa nhau.
13. Rủi Thiên số Nam Tào đã định,
14. Giải căn sinh xa lánh trần ai.
15. Khá tua theo bóng Cao Đài,
16. Nương mây thoát tục ra ngoài Càn khôn.
17. Khởi tình ái hương hỗn dẫu nhớ,
18. Tránh oan gia giải nợ trầm luân.
19. Viếng thăm hôm sớm ... (1)...
20. Trọn câu thân tình, ân cần cung Tiên.
21. Gởi Tổ phụ .. (2).. hiến cung phụng,

22. Gởi sắp em còn sống nơi đời.
 23. Rót chung ly biệt lừng vơi,
 24. Mảnh lòng tha thiết đưa người bạn xưa.
 (1) Song thân, hoặc phụ thân, hay mẫu thân đã qui vị.
 (2) Anh hay Chị mẫn phần.

GIẢI NGHĨA

Huynh đệ: Anh em. Huynh tỷ là anh chị. **Mẫn phần:** Mẫn là hết, phần là cái số phận mà Trời dành cho mỗi người. Mẫn phần là chết, đồng nghĩa với: Qui liễu, Qui vị.

Kinh Tụng Huynh Đệ Mẫn Phần là bài kinh dùng tụng lên cho em quì tế lễ Anh ruột hay Chị ruột mới chết.

Câu 1-2: Niềm thủ túc đã đành vĩnh biệt,
 Càng nhớ nhau càng tiếc tình nồng.

Niềm: Tiếng dùng để chỉ tâm trạng hay tình cảm.

Thủ túc: Tay chơn. Thủ là tay, túc là chơn. Thủ túc là chỉ anh em ruột. Ca dao: Anh em như thể tay chơn. **Vĩnh biệt:** Xa cách vĩnh viễn. **Tình nồng:** Tình thương yêu nồng nàn.

C.1-2: Tình cảm giữa anh chị em ruột đành xa cách nhau mãi mãi. Càng nhớ nhau càng luyến tiếc tình thương yêu nồng nàn.

Câu 3-4: Thân nhau từ buổi lọt lòng,
 Chén cơm miếng cá cũng đồng chia nhau.

C.3-4: Anh chị em ruột gần gũi thương mến nhau ngay từ buổi mới lọt lòng mẹ, cùng chia sẻ cho nhau từ chén cơm miếng cá.

Câu 5-6: Câu chọc ruột còn đau đớn bấy,
 Huống Âm Dương hết thấy mặt nhau.

Câu chọc ruột: Ý nói: Anh chị em ruột gây gổ với nhau làm cho đau đớn ruột gan như bị cây chọc vào ruột.

Bấy: Từ để chỉ mức độ nhiều. **Huống:** Phương chi.

Âm Dương: Côi Âm và côi Dương, tức là côi của người chết và côi của người sống.

C.5-6: Anh chị em ruột gây gổ nhau còn cảm thấy đau đớn lắm thay, huống chi bây giờ người còn sống và người đã chết, chia lìa hết thấy mặt nhau !

Câu 7-8: Rẻ phân cốt nhục đồng bào,
 Cảnh Thiên côi tục lệ nào không thương.

Cốt nhục: Xương thịt. Cốt là xương, nhục là thịt. Ý nói: Anh chị em ruột thịt với nhau.

Đồng bào: Cùng một bọc sanh ra, ý nói: Anh chị em ruột với nhau. **Cảnh Thiên:** Cõi Trời. **Côi tục:** Côi trần. **Cảnh Thiên côi tục:** Người thì lên cõi Trời, người thì ở lại cõi trần.

C.7-8: Anh chị em ruột cùng một mẹ sanh ra, nay phải chia lìa, người lên cõi Trời, người ở lại cõi trần, lệ nào không thương nhớ nhau?

Câu 9-10: Thương những thuở huyên đường ôm ấp,
 Thương những khi co đắp chung mền.

Huyên đường: dịch ra là Nhà huyên, chỉ mẹ hiền. (Xem: Từ Huyên, C.37 PMCK). **Ôm ấp:** Mẹ âu yếm ôm con vào lòng với tình thương yêu thâm thiết.

Co đắp chung mền: Khi Trời lạnh, anh em nằm co, đắp chung một cái mền.

C.9-10: Thương nhớ hồi lúc còn thơ bé, mẹ hiền ôm ấp thương yêu mấy anh chị em, thương nhớ những khi Trời lạnh anh chị em nằm co đắp chung một cái mền.

Câu 11-12: Thương hồi thơ bé tuổi tên,
 Thương cơn khôn lớn giữ bền nghĩa nhau.

C.11-12: Thương nhớ hồi còn thơ bé, anh em gọi tên gọi tuổi nhau, thương nhớ lúc khôn lớn nên người, anh em giữ bền việc đối xử tốt đẹp với nhau.

Câu 13- Rủi Thiên số Nam Tào đã định,
14: Giải căn sinh xa lánh trần ai.

Thiên số: Số tuổi thọ do Trời định trước cho mỗi người.

Nam Tào: Vị Tiên ngự nơi sao Nam Tào. Thường nói Nam Tào, Bắc Đẩu, đó là 2 vị Tiên, một ngự nơi sao Nam Tào, một ngự nơi sao Bắc Đẩu, có nhiệm vụ coi Bộ Sanh và Bộ Tử của nhơn loại. **Giải:** Cởi bỏ ra. **Căn sinh:** Căn là gốc rễ, chỉ những oan nghiệt đã gây ra trong kiếp sống trước; sinh là sống. **Căn sinh:** Những oan nghiệt đã gây ra trong kiếp sống trước. Giải căn sinh là cởi bỏ hết những oan nghiệt đã tạo ra trong kiếp sống trước.

Trần ai: Trần là bụi, ai cũng là bụi. Trần ai là chỉ cõi trần, cõi của nhơn loại đang sống, cõi ô trược đầy bụi bặm.

C.13-14: Rủi là vị Tiên Nam Tào đã định số tuổi thọ rồi, nay đúng kỳ phải cởi bỏ hết các oan nghiệt và xa lánh cõi trần.

Câu 15-16: Khá tua theo bóng Cao Đài,
Nương mây thoát tục ra ngoài Càn khôn.

Khá tua: Nên phải. **Bóng:** Ánh sáng. **Cao Đài:** Danh xưng của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế trong thời ĐĐTKPĐ.

Nương mây: Dựa vào các đám mây. **Thoát tục:** Thoát ra khỏi cõi trần. **Ra ngoài Càn khôn:** Đi ra bên ngoài cõi trần (là nơi mình ở), để vào Càn Khôn Vũ Trụ.

C.15-16: Nên phải theo ánh sáng của Đức Chí Tôn, nương theo các đám mây mà thoát ra khỏi cõi trần, đi ra bên ngoài, vào CKVT.

Câu 17- Khối tình ái hương hồn dẫu nhớ,
18: Tránh oan gia giải nợ trầm luân.

Khối tình ái: Ý nói tình thương yêu nhiều lắm, cả một khối thương yêu. **Hương hồn:** Hồn thơm, từ ngữ dùng để gọi linh hồn người chết với ý kính trọng.

Oan gia: Người có mối thù giận mình.

Giải nợ: Cởi bỏ các món nợ oan nghiệt. **Trầm luân:** Chìm đắm. Trầm là chìm, luân là chìm mất.

C.17-18: Khối thương yêu, hương hồn dẫu nhớ tới, nên tránh xa các oan gia, cởi bỏ hết các món nợ oan nghiệt đã làm cho linh hồn chìm đắm nơi cõi trần.

Câu 19- Viếng thăm hôm sớm ... (1)...
20: Trọn câu thần tình, ân cần cung Tiên.

Hôm sớm: Buổi tối và buổi sáng.

Trọn câu Thần tình: Làm cho tròn câu “Hôn định thần tình” trong Kinh Thi. Hôn là buổi tối, định là yên ổn, thần là buổi sáng, tình là thăm hỏi. Hôn định thần tình là buổi tối đến săn sóc cha mẹ đến lúc ngủ yên, buổi sáng đến thăm hỏi cha mẹ có được khỏe không, ý nói: Ân cần săn sóc cha mẹ.

C.19-20: Sớm hôm viếng thăm (cha mẹ, hoặc cha, hoặc mẹ, người nào đã chết), và làm cho tròn bốn phận ân cần chăm sóc cha mẹ nơi cõi Tiên.

KHẢO DỊ:

– Kinh Lễ, Kinh TĐ-TĐ 1936, 1968:

- Trọn câu thần tình.

– Kinh TĐ-TĐ 1974, 1975:

- Trọn câu thần tình.

Trọn: Toàn vẹn. **Trọng:** Coi nặng.

Câu 21- Gởi Tổ phụ .. (2).. hiển cung phụng,
22: Gởi sắp em còn sống nơi đời.

Tổ phụ: Tổ tiên của dòng họ. **Hiển:** Lành. Anh hiển hay Chị hiển: dịch chữ Hiên huynh hay Hiên tỷ.

Cung phụng: Cung là dâng, phụng là kính dâng. Cung phụng là cung cấp đầy đủ những thứ cần thiết cho người trên.

Sắp em: Đám em út. Sắp là bọn, đám.

C.21-22: Nhờ (anh hay chị mới chết) cung phụng Tổ tiên nơi cõi thiêng liêng, và xin gởi gắm đám em út đang còn sống nơi cõi trần.

Câu 23- Rót chung ly biệt lừng với,
24: Mảnh lòng tha thiết đưa người bạn xưa.

Chung ly biệt: Chung rượu bày tỏ sự biệt ly.

Lừng với: Không đầy. **Mảnh lòng:** Tấm lòng.

Bạn xưa: Người bạn cũ thuở trước. Lúc đầu kiếp xuống trần thì làm anh chị em ruột với nhau, nhưng thuở trước lúc còn ở cõi thiêng liêng thì là bạn bè với nhau, cho nên mới gọi là “bạn xưa”.

C.23-24: Xin rót chung rượu không đầy để tiễn biệt người bạn xưa với tấm lòng thương nhớ tha thiết.

Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị

- Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị

KINH TỤNG KHI CHỒNG QUI VỊ

(Giọng Nam ai)

1. Niềm ân ái thân hòa làm một,
2. Nghĩa sơ giao khắc cốt ghi xương.
3. Nhấn mưa gởi gió đưa thương,
4. Từ đây thiệp tử đoạn trường với ai?
5. Càng nhớ đến những ngày hội ngộ,
6. Càng ngổn ngang mối nợ tình chung.
7. Đã đành bẻ gãy chữ đồng,
8. Hiển linh chứng chiếu tấm lòng tiết trinh.
9. Dầu sống sót cũng đành gọi thác,
10. Vui chi còn man mác tơ duyên.
11. Thiệt thòi cam phận thuyên quỳên,
12. Chứa chan giọt lệ cửu tuyền cuộn trôi.
13. Chàng đã dựng phũ rồi nợ thế,
14. Xin hiển linh giúp kẻ góa thân.
15. Chớ che khỏi kiếp phong trần,
16. Gìn gương liệt nữ hồng quần để soi.
17. Chàng dầu dựng thành thơi cảnh trí,
18. Hộ dàu con giữ kỹ nhơn luân.
19. Chàng dầu vinh hiển cảnh Thần,
20. Gởi trong giấc mộng dựng gần cùng nhau.
21. Chàng dầu hưởng Thiên Tào huyền phép,

22. Đỡ đường trần chật hẹp thân côi.
 23. Chàng dầu cung ngọc an ngôi,
 24. Xin thương thân thiệp nợ đời còn mang.
 25. Gởi hôn phách cho chàng định số,
 26. Gởi kiếp căn chàng mở dây oan.
 27. Thiếp cam bao tóc thờ chàng,
 28. Rót chung ly biệt đôi hàng lụy sa.

GIẢI NGHĨA

Câu 1-2: Niềm ân ái thân hòa làm một,
 Nghĩa sơ giao khắc cốt ghi xương.

Niềm ân ái: Nhớ tới sự thương yêu ăn ở hòa hợp hạnh phúc giữa vợ chồng. **Nghĩa:** Cách cư xử tốt đẹp đúng theo lễ phải. **Sơ giao:** Sơ là lúc đầu, giao là tiếp xúc. Sơ giao là tiếp xúc lần đầu, tức là lúc mới quen nhau. **Khắc cốt ghi xương:** Ý nói nhớ hoài, không bao giờ quên.

C.1-2: Nhớ tới sự thương yêu ăn ở hòa hợp hạnh phúc giữa vợ chồng, hai người như hòa chung làm một, sự đối đãi tốt đẹp lúc mới quen nhau làm nhớ mãi trong lòng.

Câu 3-4: Nhấn mưa gởi gió đưa thương,
 Từ đây thiệp tỏ đoạn trường với ai?

Nhấn gởi: Nhờ một trung gian nói lại giùm để gởi tin tức đến người khác. **Đưa thương:** Trao lại nỗi niềm thương nhớ.

Đoạn trường: chỉ sự đau đớn dữ dội như ruột bị cắt ra làm nhiều khúc. Đoạn là cắt đứt nhiều khúc, trường là ruột.

C.3-4: Nhấn với mưa, gởi theo gió, nỗi niềm thương nhớ đến chàng. Từ đây thiệp biết bày tỏ đoạn trường với ai?

Câu 5-6: Càng nhớ đến những ngày hội ngộ,
 Càng ngổn ngang mối nợ tình chung.

Hội ngộ: Gặp gỡ nhau. Hội là họp nhau, ngộ là gặp.

Tình chung: Tình yêu chung thủy giữa vợ chồng.

C.5-6: Càng nhớ đến những ngày gặp nhau thuở trước, lòng càng bối rối cho mối nợ tình chung thủy.

Câu 7-8: Đã đành bề gãy chữ đồng,
 Hiện linh chứng chiếu tấm lòng tiết trinh.

Chữ đồng: Đồng là cùng chung. Chữ đồng là chỉ cái nghĩa vợ chồng, bởi vì là vợ chồng thì cái gì cũng chung nhau tất cả, chung nhau về cuộc sống, chung nhau về quyền lợi và trách nhiệm. **Bề gãy chữ đồng:** Ý nói, vợ chồng mà có một người chết. **Hiện linh:** Hiện ra một cách linh thiêng.

Chứng chiếu: Nhận thực và soi rọi. **Tiết trinh:** Lòng ngay thẳng và trong sạch của người vợ đối với chồng.

C.7-8: Đã đành là chàng đã chết, xin chàng linh hiển chứng thực và soi rọi tấm lòng tiết trinh của thiếp.

Câu 9-10: Dầu sống sót cũng đành gọi thác,
 Vui chi còn man mác tơ duyên.

Sống sót: Hai người mà chết một người, còn sống một người.

Thác: Chết. **Man mác:** Tâm trạng lằng lằng buồn.

C.9-10: Dù thiệp còn sống sót nơi đây, nhưng cũng đành coi như đã chết. Còn vui gì nữa! Lòng buồn man mác cho tình duyên gãy đổ.

Câu 11-12: Thiệt thời cam phận thuyên quỳên,
 Chứa chan giọt lệ cữu tuyền cuộn trôi.

Cam phận: Đành chấp nhận số phận.

Thuyên quỳên: Người con gái xinh đẹp dịu dàng.

Cửu tuyền: dịch ra là Chín suối, nghĩa đen là 9 dòng suối, nghĩa bóng là chỉ cõi Âm phủ, bởi vì truyền thuyết cho rằng ở

cõi Âm phủ có 9 dòng suối. Chữ Cửu tuyền ở đây được dùng cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

C.11-12: *Đánh chịu thiệt thòi cho số phận của người phụ nữ phải chịu đau khổ khóc than tràn đầy giọt lệ, đến 9 dòng suối mới cuốn trôi đi hết.*

Ý nói: Người vợ có chồng mới chết, phải chịu phận thiệt thòi và nhiều nỗi đau đớn, khóc than không kể hết, linh hồn người chồng nơi cõi vô hình có biết chăng?

Câu 13- Chàng đã dựng phũ rồi nợ thế,
14: Xin hiển linh giúp kẻ góa thân.

Phũ rồi nợ thế: Phũ sạch nợ đời, ý nói chết.

Góa thân: Tắm thân góa bụa, vì chồng mới chết.

C.13-14: *Chàng đã chết rồi thì coi như đã phũ sạch nợ đời, xin chàng hiển linh giúp đỡ kẻ góa bụa này.*

Câu 15-16: Chở che khỏi kiếp phong trần,
Gìn gương liệt nữ hồng quần để soi.

Phong trần: Gió bụi, chỉ những nỗi khó khăn vất vả ở đời.

Kiếp phong trần: Kiếp sống khó khăn vất vả.

Liệt nữ: Liệt là cứng cõi ngay thẳng, không chịu khuất; nữ là phụ nữ. Liệt nữ là người phụ nữ có khí tiết anh hùng.

Gương liệt nữ: Người phụ nữ có khí tiết anh hùng dùng làm mẫu mực cho người đời noi theo.

Hồng quần: Cái quần màu đỏ. Thời xưa ở bên Tàu, các nhà giàu đều cho con gái mặc quần màu đỏ. Do đó, Hồng quần là chỉ chung giới phụ nữ. **Soi:** Nhìn vào.

C.15-16: *Xin chàng che chở cho thiếp khỏi phải khó khăn vất vả trong cuộc sống. Thiếp xin gìn giữ để làm người liệt nữ nêu gương tốt cho phụ nữ soi chung.*

Câu 17- Chàng dẫu dựng thành thơi cảnh trí,
18: Hộ dẫu con giữ kỹ nhơn luân.

Cảnh trí: Trí là sự sáng suốt hiểu biết. Cảnh trí là cảnh của những người sáng suốt hiểu biết, ý nói cảnh của bậc Thánh, tức là cõi Thánh. **Hộ:** Gìn giữ và che chở. **Dấu con:** Các con trai gái và các con dẫu.

Nhơn luân: Những phép tắc mà con người phải tuân theo để cư xử với mọi người cho hợp lẽ phải và đạo đức.

C.17-18: *Chàng dẫu dựng thành thơi nơi cõi Thánh, xin chàng phò hộ các con và dẫu giữ gìn kỹ lưỡng đạo nhơn luân.*

Câu 19- Chàng dẫu vinh hiển cảnh Thần,
20: Gởi trong giấc mộng dặng gần cùng nhau.

Cảnh Thần: Cõi của chư Thần.

C.19-20: *Chàng dẫu dặng vẻ vang và có danh vọng nơi cõi Thần, nhưng thiếp với chàng chỉ còn có thể gặp dặng nhau trong giấc mộng mà thôi.*

Câu 21- Chàng dẫu hưởng Thiên Tào huyền phép,
22: Đỡ đường trần chật hẹp thân cõi.

Thiên Tào: Cơ quan có nhiệm vụ chuyên môn của Thiên triều. Mỗi Thiên Tào là một tầng Trời.

Huyền phép: Phép thuật huyền diệu. **Đỡ:** Giúp đỡ. **Đường trần chật hẹp:** Ý nói cuộc sống nơi cõi trần đầy khó khăn vất vả. **Thân cõi:** Tắm thân lễ loi.

C.21-22: *Chàng dẫu hưởng được huyền pháp nơi cõi Thiên Tào, xin chàng giúp đỡ tắm thân lễ loi của thiếp đang bước trên đường đời đầy khó khăn vất vả.*

KHẢO DỊ:

– Kinh Lễ, Kinh TĐ-TĐ 1936:

- Thiên Tào huyền phép.

– Kinh TĐ-TĐ 1968, 1974, 1975:

- Thiên Tào quyền phép.

Quyền phép: Quyền hành và pháp thuật.

Câu 23- Chàng dầu cung ngọc an ngôi,
24: Xin thương thân thiếp nợ đời còn mang.

Cung ngọc: Cung điện làm bằng ngọc, đó là Cung Tiên, chỉ cõi Tiên. **An ngôi:** Yên ổn trên ngôi vị của mình.

Nợ đời: Những món nợ mà người sống trong cõi đời đều phải gánh chịu như: Nợ đối với cha mẹ, nợ đối với con cái, nợ đối với xã hội, .

C.23-24: Chàng dầu dựng an ổn trên ngôi vị nơi cõi Tiên, xin chàng xót thương thân thiếp còn mang nhiều món nợ đời.

Câu 25- Gởi hồn phách cho chàng định số,
26: Gởi kiếp căn chàng mở dây oan.

Hồn phách: Linh hồn và thể xác. Hồn là linh hồn, Phách: nghĩa thông thường là cái vía, tức chơn thần, nhưng trong trường hợp đặc biệt này, phách có nghĩa là thể xác.

Định số: Sắp đặt cái số phận.

Kiếp căn: Cái gốc rễ của kiếp sống. Theo Luật Nhơn quả, kiếp sống hiện tại được sung sướng hay vất vả là do cái gốc rễ từ kiếp trước, tức là những việc làm thiện hay ác trong kiếp sống trước. Kiếp căn là ý nói tất cả việc làm thiện hay ác trong kiếp sống trước. Chính những việc làm ác tạo thành các sợi dây oan nghiệt ràng buộc con người vào vòng luân hồi nơi cõi trần. **Dây oan:** Các sợi dây oan nghiệt.

C.25-26: Gởi chàng cả linh hồn và thể xác của thiếp, để chàng định đoạt số phận cho thiếp, gởi cả kiếp căn của thiếp cho chàng để nhờ chàng cởi mở các mối dây oan nghiệt.

Câu 27- Thiếp cam bao tóc thờ chàng,
28: Rót chung ly biệt đôi hàng lụy sa.

Bao tóc: Bao kín mái tóc lại, ý nói: Giữ lòng chung thủy với chồng suốt đời. (Xem điển tích: C.12 KHP).

Chung ly biệt: Chung rượu bày tỏ sự biệt ly.

Đôi hàng lụy sa: Hai hàng nước mắt rơi.

C.27-28: Thiếp đành giữ trọn lòng chung thủy thờ chàng, Xin rót chung rượu ly biệt dâng lên chàng với hai dòng nước mắt rơi.

KHẢO DỊ:

– Kinh Lễ 1952:

- Thiếp cam bao tóc.

– Kinh TD-TD 1936,1968,1974,1975:

- Thiếp cam bao tóc.

Theo điển tích “Bao tóc”, dùng chữ cam không chính xác.

Cam là giữ vật gì trong bàn tay.

Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu

- Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu
- Giải nghĩa chi tiết Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu

KINH TỤNG KHI VỢ QUI LIỄU

(Giọng Nam ai)

1. Tưởng tơ tóc cùng nhau trọn đạo,
2. Theo tùng phu sửa áo nâng khăn.
3. Âm Dương đôi nẻo chia phân,
4. Túy sơn Vân mộng mới gần đặn nhau.
5. Khi để bước phòng đào lạnh ngắt,
6. Mảnh tàn y dường nhắc nghi dung.
7. Thấy cơn tử biệt nào nùng,
8. Hương thể tắt ngọn, lạnh lòng tơ duyên.
9. Càng nhớ đến lời nguyên buổi trước,
10. Thẹn non sông chưa ngớt tình nồng.
11. Phụ phàng chi bấy, Hóa Công,
12. Lòng nào mà lại cắt lòng không đau.
13. Nối Tông tổ biết bao nghĩa trọng,
14. Cơ nghiệp còn lưu mộng tang du.
15. Mập mờ nhẵn nguyệt đêm thu,
16. Kể còn người mất, ai sầu hơn ai?
17. Vói nhẵn khách dạ đài có tưởng,
18. Vậy bóng hình để tưởng nơi nao?
19. Hay là lạc bước nguồn đào,
20. Để thương cho mặt anh hào đeo mang.
21. Ngồi quạnh quẽ đèn tàn một bóng,

22. Chịu góa thân tuyệt đống song thu.
23. Bước Tiên nằng đã ngao du,
24. Đoái tình thương kẻ ôm cầu khóc duyên.
25. Hay nằng đặng nhập miền Cực Lạc,
26. Đoái tưởng người chưa thoát trầm luân.
27. Ngược trông níu ngọn phất trần,
28. Chối Tiên quét sạch nợ nần oan gia.
29. Dâng mảnh tâm gọi là cửa lễ,
30. Chén ly tình là lệ ái ân.
31. Dầu chi cũng nghĩa chí thân,
32. Khổ tình còn có một lần đẩy thôi.

GIẢI NGHĨA

Câu 1-2: Tưởng tơ tóc cùng nhau trọn đạo,
Theo tùng phu sửa áo nâng khăn.

Tưởng: Nhớ nghĩ tới. **Tơ tóc:** Nói tắt thành ngữ: Xe tơ kết tóc, ý nói: kết thành chồng vợ. Xe tơ là lấy sợi tơ hồng cột chặt chân 2 người Nam Nữ cho thành vợ chồng.

Diễn tích: Vi Cố và Nguyệt Hạ Lão Nhân. Theo sách Tục U Quái Lục, Vi Cố là người đời Đường, nhân qua chơi Tống thành, gặp một ông lão ngồi dưới ánh trăng đang kiểm tra sổ sách, bên cạnh có một túi đựng chỉ đỏ. Vi Cố hỏi thì ông Lão đáp: Đây là cuốn sổ Hôn nhân của những người ở cõi trần, còn cuộn chỉ đỏ là để buộc chân Nam Nữ cho thành vợ chồng, dù 2 bên có thù hằn hay ở xa cách nhau cũng phải gặp nhau để thành vợ chồng.

Kết tóc: Thuở xưa, con trai và con gái đều để tóc dài bới lên đầu. Trong đêm tân hôn, tóc của dâu rể được các nữ tỳ buộc vào nhau. Cho nên kết tóc là ý nói kết thành vợ chồng.

Trọn đạo: Trọn vẹn đạo vợ chồng. **Tùng phu:** Theo chồng.

Sửa áo nâng khăn: Ý nói: Vợ lo lắng sẵn sóc chồng.

C.1-2: Nhờ tôi việc kết duyên thành chồng vợ thì phải sống với nhau cho trọn đạo, vợ theo chồng và chăm sóc chồng.

Câu 3-4: Âm Dương đôi nẻo chia phân,
Túy sơn Vân mộng mới gần đặng nhau.

Âm Dương đôi nẻo: Hai con đường, một về cõi Âm của người chết, một về cõi Dương của người sống.

Túy sơn Vân mộng: **Điển tích:** Trong Thánh Thi Sư Tập gồm các bài thi phú do các Đấng thiêng liêng giảng cơ ban cho khoảng năm 1930, có một bài phú nhan đề “Túy san Vân mộng”, chỗ ghi tên tác giả thì đề là “Vị tường danh thị”, nội dung kể lại một câu chuyện xảy ra vào năm Long Đức thứ 4 đời vua Lê Thuần Tông (1732-1735).

Vào tiết Trung thu, chàng nho sĩ đất Thanh Hóa, có vợ được 5 năm thì vợ chết, chàng buồn bã đi chơi chùa Non Nước, ngày say rượu, ngồi ngủ quên nơi mái hiên chùa, liền chiêm bao thấy người vợ cũ đi đến.

*“Mặt nhìn mặt, trăm chiều sâu tuôn lã chã,
Tay cầm tay, mấy nỗi thâm lụy ngập ngừng.*

.....
*Nay gặp chàng thoát tới chốn này,
Đặng cho thiếp thờ than duyên cũ.
Thôi thôi ! xin nhớ mấy lời tâm sự,
Kính đưa hai chữ bình yên.
Ngậm ngùi tả bức huê tiên,
Bồn lạy già từ trần thế.
Lã chã đôi hàng lụy ngọc,
Chín trùng trở chốn Tiên đồ.”*

Túy sơn Vân mộng là chỉ nỗi nhớ thương của chồng đối với vợ đã chết, mơ màng gặp vợ trong giấc chiêm bao.

C.3-4: Hai nẻo Âm Dương chia cách nhau, người chồng nhớ thương vợ, chỉ có thể gặp vợ trong giấc chiêm bao mà thôi.

Câu 5-6: Khi để bước phòng đào lạnh ngắt,
Mảnh tàn y đường nhắc nghi dung.

Phòng đào: Đào là chỉ con gái đẹp. Phòng đào là ý nói phòng của người vợ. **Lạnh ngắt:** Lạnh lẽo đến mức có cảm giác không một chút hơi ấm nào.

Tàn y: Tàn là còn sót lại. Tàn y là cái áo còn sót lại của người vợ đã chết. **Nghi dung:** Dáng dấp và vẻ mặt. Nghi là dáng dấp, dung là vẻ mặt.

C.5-6: Khi đặt chân đến phòng của vợ thấy căn phòng lạnh ngắt, tấm áo còn sót lại dường như nhắc nhở đến dáng dấp và vẻ mặt của nàng.

Câu 7-8: Thấy cơn tử biệt nào nùng,
Hương thể tắt ngọn, lạnh lùng tơ duyên.

Cơn: Sự diễn tiến của một hiện tượng.

Tử biệt: Chết là biệt ly. **Nào nùng:** Đau buồn sâu đậm.

Hương thể: Cây nhang đốt lên để hai người thể nguyện kết thành chồng vợ. **Hương thể tắt ngọn:** Nhang thể đã tắt, việc thể nguyện gãy đổ, vì có một người mới chết.

C.7-8: Thấy rõ cơn tử biệt buồn thảm vô cùng. Lời thể đã gãy, người vợ đã chết, phải chịu cảnh lạnh lùng chiếc bóng.

Câu 9-10: Càng nhớ đến lời nguyện buổi trước,
Thẹn non sông chưa ngọt tình nồng.

Lời nguyện: Lời thể hẹn. **Thẹn non sông:** Hổ thẹn với núi sông, bởi vì trước đây, hai người chỉ núi mà thể, chỉ sông mà hẹn, ngày nay người vợ đã chết, lời thể hẹn gãy đổ, nên cảm thấy thẹn mặt với núi sông. **Chưa ngọt:** Chưa dứt.

Tình nồng: Tình thương yêu nồng nàn.

C.9-10: Càng nhớ đến lời thể nguyện buổi trước, nay phải thẹn mặt với núi sông vì tình yêu nồng nàn chưa dứt được.

Câu 11-12: Phụ phàng chi bẩy, Hóa Công,
Lòng nào mà lại cắt lòng không đau.

Phụ phàng: Bạc bẽo, gây đau khổ mà không chút thương cảm.

Chi bẩy: Làm chi mà nhiều như vậy.

C.11-12: Bạc bẽo và đau đớn biết bao, Trời có thấu chăng? Người vợ thương yêu như ruột thịt mà chết đi, lòng dạ nào mà không cảm thấy đau đớn?

Câu 13- 14: Nối Tông tổ biết bao nghĩa trọng,
Cơ nghiệp còn lưu mộng tang du.

Nối Tông tổ: Người vợ sanh con để nối dõi tông đường.

Cơ nghiệp: Sự nghiệp đã tạo dựng được. Cơ là nền tảng, nghiệp là của cải làm ra. **Lưu:** Để lại. **Mộng:** Mơ ước.

Tang du: Tang là cây dâu, du là cây du giống như cây bưởi. Tương truyền cây tang cây du mọc ở góc biển Tây, khi mặt Trời đến đó thì lặn. Do đó, tang du là chỉ tuổi già sắp chết.

Mộng tang du: Mơ ước sống đến tuổi già.

C.13-14: Người vợ sanh con để nối dõi Tông đường, nên có biết bao ơn nghĩa nặng nề. Tạo lập ra cơ nghiệp còn lưu lại nơi đây, là để mơ ước cùng nhau sống đến tuổi già.

Câu 15-16: Mập mờ nhẵn nguyệt đêm thu,
Kẻ còn người mất, ai sầu hơn ai?

Mập mờ: Ánh trăng mờ nhạt, không thấy rõ ràng.

Nhẵn nguyệt: Nhẵn hoi Hằng Nga nơi cung trăng.

C.15-16: Ánh trăng đêm thu mờ nhạt, nhẵn hoi chị Hằng nơi cung trăng rằng: Kẻ còn người mất, ai sầu hơn ai?

Câu 17- 18: Với nhẵn khách dạ đài có tưởng,
Vậy bóng hình để tướng nơi nao?

Với nhẵn: Nói với người đứng ở khoảng cách xa.

Dạ đài: Dạ là đêm thuộc về Âm, đài là lầu đài. Dạ đài là lầu

đài nơi cõi Âm. **Khách dạ đài:** Người khách mới nơi cõi Âm, ý nói người vợ mới chết.

Tưởng: Nhớ tới. **Tướng:** Hình dáng bên ngoài.

C.17-18: Nhẵn với người vợ vừa mới chết, có nhớ tưởng đến người còn ở lại đây chăng? Vậy bóng hình nàng hiện ra ở tại nơi nào?

Câu 19- 20: Hay là lạc bước nguồn đào,
Để thương cho mặt anh hào đeo mang.

Lạc bước: Đi lạc, đi lầm qua chỗ khác.

Nguồn đào: dịch 2 chữ Đào nguyên, chỉ cõi Tiên. (Xem Động đào C.5 KKV)

Anh hào: Anh là đẹp nhưt, hào là trội nhưt. Anh hào là người có tài năng và khí phách hơn người. Ở đây, anh hào là chỉ người chồng. **Đeo mang:** Mang lấy.

C.19-20: Hay là nàng đã lạc bước vào cõi Tiên, để cho người chồng phải mang lấy nhiều nỗi thương nhớ.

Câu 21- 22: Ngồi quạnh quẽ đèn tàn một bóng,
Chịu góa thân tuyết đóng song thu.

Quạnh quẽ: Vắng vẻ yên lặng làm cho cảm thấy trống trải cô đơn. **Đèn tàn:** Cái đèn dầu sắp tắt vì hết dầu.

Một bóng: Một mình một bóng trước ngọn đèn dầu.

Tuyết đóng: Tuyết rơi đóng lại thành băng, khí Trời rất lạnh, ý nói: Cảm giác lạnh lẽo, cô đơn. **Song:** Cái cửa sổ.

Thu: Cảnh mùa thu lá rơi, gợi cảnh buồn rầu chia ly.

C.21-22: Một bóng người ngồi gần cửa sổ, yên lặng cô đơn bên chiếc đèn dầu leo lét sắp tàn, chịu cảnh góa vợ, lòng cô đơn, lạnh lẽo, buồn rầu vì cảnh biệt ly.

Câu 23- 24: Bước Tiên nàng đã ngao du,
Đoái tình thương kẻ ôm cầu khóc duyên.

Bước Tiên: Bước lên cõi Tiên. **Ngao du:** Đi chơi khắp đó đây. Ngao là đi rong chơi, du là đi chơi đó đây.

Đoái tình: Tưởng nhớ lại tình thương yêu thuở trước.

Ôm cầu: Ôm giữ trái tú cầu. Tú cầu là quả cầu tròn bằng vải thêu rất đẹp để cho công chúa kén chồng.

Vua Hán Vũ Đế, mỗi khi kén chọn phò mã, thường cho công chúa lên ngồi trên lầu cao, cầm sẵn trái tú cầu. Các vương tôn công tử hay khách anh hùng, ai muốn làm phò mã thì tụ tập đứng dưới lầu. Công chúa chọn được người vừa ý thì gieo tú cầu xuống ngay người đó. Người đó bắt lấy tú cầu, được quan dẫn vào trình vua, được vua công nhận làm phò mã và gả công chúa cho. **Kẻ ôm cầu:** chỉ người chồng.

Khóc duyên: Khóc cho tình duyên gãy đổ.

C.23-24: Hay là nàng đã ngao du nơi cõi Tiên. Nàng có đoái tưởng thương nhớ người chồng đang khóc lóc cái chết của nàng, làm cho tình duyên gãy đổ.

Câu 25- Hay nàng dạng nhập miền Cực Lạc,
26: Đoái tưởng người chưa thoát trầm luân.

Nhập: Đi vào. **Miền Cực Lạc:** Cõi CLTG, là cõi Phật.

Trầm luân: Chìm đắm trong biển khổ hay trong vòng luân hồi. Trầm là chìm, luân là chìm mất.

C.25-26: Hay là nàng đã đi vào cõi CLTG. Nàng có tưởng nhớ trở lại người chồng đang chưa thoát khỏi sự chìm đắm trong biển khổ.

Câu 27- Ngược trông níu ngọn phất trần,
28: Chối Tiên quét sạch nợ nần oan gia.

Phất trần: Phất là quét, trần là bụi bặm. Phất trần là cây chổi Tiên dùng để quét sạch các chất bẩn bám vào chơn thân, làm cho chơn thân được thanh nhẹ. Phất trần còn được gọi là Phất chủ. (Xem: Phất chủ, C.43 PMCK). **Níu ngọn Phất trần:** Nắm lấy cây chổi Tiên.

Nợ nần: Chỉ chung các món nợ. **Oan gia:** Người đang thù giận mình. Oan là thù giận, gia là người.

C.27-28: Ngược nhìn lên, nàng nên nắm lấy cây Phất trần, đó

là cây chổi Tiên dùng để quét sạch các nợ nần và oan trái đã gây ra nơi cõi trần.

Câu 29- Dâng mảnh tâm gọi là của lễ,
30: Chén ly tình là lệ ái ân.

Mảnh tâm: Tấm lòng. **Của lễ:** Phẩm vật dâng lên tế lễ. **Chén ly tình:** Chung rượu chia ly tình yêu. **Lệ ái ân:** Khóc than khi nhớ lại lúc vợ chồng còn sống hạnh phúc với nhau.

C.29-30: Dâng lên tấm lòng này để làm phẩm vật tế lễ nàng, Chung rượu chia ly tình yêu cũng là nước mắt khóc than thương nhớ nàng.

Câu 31-32: Dầu chi cũng nghĩa chí thân,
Khởi tình còn có một lần đẩy thôi.

Chí thân: Rất thân thiết. **Khởi tình:** Tình yêu tương tư bị thất vọng tụ lại thành một khối, gọi là khởi tình.

Diễn tích: Trương Chi và My Nương.

Anh thuyền chài Trương Chi có giọng hát rất hay, nhưng gương mặt rất xấu xí. My Nương là nàng con gái đẹp con quan Tế Tướng, thường ngày nghe giọng hát của Trương Chi mà phải lòng chàng, nhưng không thổ lộ được, sanh bệnh tương tư càng lúc càng nhiều, thuốc thang không khỏi. Quan Tế Tướng dò biết được bệnh của con gái, liền gọi Trương Chi đến cho con gái gặp mặt. My Nương trông thấy gương mặt quá xấu xí của Trương Chi thì tình mộng, dần dần hết bệnh.

Nhưng về phần Trương Chi, kể từ khi giáp mặt My Nương thì đâm ra say mê nàng, ấp ủ mối tình tuyệt vọng thành bệnh tương tư, đành ôm mối tình tuyệt vọng đem xuống tuyến đài. Xóm giếng chôn cất thi thể Trương Chi. Sau có việc phải cải táng, người ta thấy trong hòm, xương thịt của Trương Chi đã tiêu tan mất hết, chỉ còn lại một khối tròn lớn gọi là khởi tình. Người ta đem khối đó tạc thành một cái chén, mỗi khi đổ nước vào chén và nhìn vào thì thấy hình ảnh của Trương

GIẢI NGHĨA KINH THỂ ĐẠO

Chi đang ngồi buồn câu cá. Người ta gởi chén nầy đến cho My Nương. Nàng cầm lên xem, thấy hình ảnh của Trương Chi thì cảm động, úp mặt vào chén khóc nức nở. Nước mắt của nàng rơi vào chén, làm cho chén vỡ tan từng mảnh.

C.31-32: *Dầu sao, vợ chồng chúng ta cũng đã ăn ở, đối xử với nhau rất thân thiết. Khối tình tương tư của tôi đối với nàng còn có một lần tế lễ nầy mà thôi.*

HƯỚNG DẪN

Tìm nghĩa các chữ khó trong Kinh
(Sắp theo thứ tự A, B, C, ...)

Công thức viết tắt:

A-Di-Đà: C.2 KCS

Ý nghĩa: Chữ A-Di-Đà, tìm nghĩa nơi:
Câu 2 Kinh Câu Siêu.

A

- A-Di-Đà: C.2 KCS
- A-Nan: KCK
- A-Nậu-Đa-La Tam-Diệu Tam-Bồ-Đế: DLCK
- A Tỳ: C.228 KSH
- Ác nghiệt: C.217 KSH
- Ai bi: C.12 KĐ8C
- Ải quan: C.2 KĐ5C
- Ám muội: C.242 KSH
- An bang: C.74 KSH
- An khương: C.15 KĐRD
- An linh: C.12 GTK
- An ngữ: C.16 KĐLC
- Anh hào: C.20 KTKVQL
- Anh lạc: KCK
- Anh linh: C.14 KĐ1C
- Anh nhi: C.38 PMCK
- Ánh Xá lợi: C.41 BXTCĐPTTT
- Ao Thất bửu: C.9 KTTg

Â

- Âm cảnh: C.8 KCS

- Âm chất: C.3 NG
- Âm cung: C.306 KSH
- Âm dương: C.6 PMCK & C.3 KTCMDQL
- Âm đài: C.255 KSH
- Âm đức: C.293 KSH
- Âm hại: C.65 GTK
- Âm quang: C.17 PMCK
- Âm ty: C.63 KSH
- Ân sinh: C.4 BDR
- Ân Thiên: C.4 BDH
- Ấu xuân: C.12 KTKTQ

B

- Ba mối: C.197 KSH
- Ba nhánh: C.10 KK
- Ba sanh: C.14 KHP
- Ba vạn sáu ngàn ngày: C.8 KKTD
- Bá tánh: C.4 BDR
- Bá thiên vạn ức: KCK
- Bác ái: C.9 KTP
- Bạch Ngọc Công Đồng: C.9 KĐLC
- Bạch Ngọc Kinh: C.6 KNHTĐ
- Bài bạc: C.223 KSH

- Bàn Cổ: C.15 TG
- Bàn đào: C.1 KĐ2C & C.3 KĐ9C
- Bạu tác: C.62 KSH
- Bao hàm: C.29 PMCK
- Bao la: C.19 TG
- Bao tốc: C.12 KHP
- Báo ứng nhân tiên: C.27 KSH
- Báo hộ: C.157 KSH
- Báo mạng: C.7 KVẮC
- Báo sanh: C.8 NG
- Báo tồn: C.40 TTCĐDTKM
- Bất hôn: C.8 PMCK
- Bất Nhã: C.25 PMCK
- Bất quái: C.12 PMCK
- Bất Quái Đài: C.2 KKĐCR
- Bất Vu: C.43 PMCK
- Bảy dây oan nghiệt: C.3 KĐ1C
- Bảy Lão: C.2 KĐ3C
- Bắc Đẩu: C.21 KCHKHH
- Băng tuyết: C.9 KĐ2C
- Bất cập: C.433 KSH
- Bất diệt: C.5 PG
- Bất khả tri: C.2 TG
- Bất mục: C.364 KSH
- Bất ngôn: C.8 KNHTĐ
- Bất tu giải: KCK
- Bất tức: C.11 KNHTĐ
- Bảy chừ: C.4 KKĐCR
- Bế dịch trợ hoang: C.403 KSH
- Bí chí: C.14 PG
- Biển: KCK
- Biển hóa: C.27 KNHTĐ
- Biển sanh: C.6 PMCK
- Biển thiên: C.2 KHP
- Biển trấn khố: C.1 KK
- Biếng nhạc: C.81 KSH
- Bóng hồng: C.21 KCHKHH
- Bóng khuất xương tan: C.192 KSH
- Bóng ngọc: C.11 KHP
- Bồ báo: C.10 NH
- Bộ Công: C.8 KTTg
- Bối: C.13 TG
- Bông Dinh: C.8 KHH
- Bông đào: C.1 KĐ3C
- Bông Lai: C.7 KKĐN
- Bờ dương: C.8 KĐ3C
- Bũa giảng: C.33 KSH
- Bụi hồng: C.19 KCBCTBCHĐQL
- Bụi thế: C.145 KSH
- Buồm trương: C.38 TTCĐDTKM
- Bước Ta-bà: C.14 KKV & C.7 KCBCTBCHĐQL
- Bửu kinh: C.28 KNHTĐ
- Bửu tương: C.2 BD

C

- Các Đẳng: C.16 KVH
- Cái dũ: C.11 KĐT
- Cam lộ: C.16 KHH
- Cam lộ: C.26 KCBCTBCHĐQL
- Cầm hoài: C.8 KĐRĐ
- Cầm quang: C.15 KTP
- Can qua: C.12 KTKVTH
- Càn Khôn: C.2 PG
- Càn kiện: C.14 KNHTĐ
- Canh điền: C.6 KVẮC
- Cảnh thẳng: C.16 KGO
- Cảnh Thần: C.19 KTKCQV
- Cảnh trí: C.17 KTKCQV
- Cảnh tục: C.16 KĐRĐ
- CAO ĐÀI: C.20 PMCK

- Cao đo: C.6 KĐLC
- Cao minh: C.14 KNHTĐ
- Cao ngự: C.1 KNH
- Cao siêu: C.6 KGO
- Cao thẳng: C.11 PMCK
- Căn bệnh: C.229 KSH
- Căn quả số: C.5 KĐ9C
- Căn sinh: C.6 KĐ3C
- Căn tu: C.8 KĐRĐ
- Căn xưa: C.11 KTT
- Căn đai: C.11 KTKTQV
- Cầu chọc ruột: C.5 KTHĐMP
- Cầu Chú của Thầy: NH
- Cầu đảo: C.14 KCHKHH
- Cầu nguyện: C.4 NH
- Cầu siêu: KCS
- Côi đạo: C.3 KKĐCR
- Côi linh: C.8 KKĐN
- Côi thẳng: C.12 KCHKHH
- Côi thọ: C.27 KTCMĐQL
- Con giặc: C.75 KSH
- Cổ đất cắm vườn: C.298 KSH
- Cổ hữu: KCBCTBCHĐQL
- Cổ mang hành hình: C.256 KSH
- Cổ ngưỡng: C.21 KNHTĐ
- Côn Lôn: C.9 KKV
- Công binh: C.4 KXH
- Công cô: C.58 KSH
- Công đức: TTCĐDTKM
- Công phu: C.136 KSH
- Công quả: C.324 KSH
- Công tham: C.12 PG
- Cốt nhục: C.7 KTHĐMP
- Cơ chuyển thế: C.17 KNH
- Cơ đời: C.18 KNH
- Cơ hàn: C.240 KSH
- Cơ nghiệp: C.14 KTKVQL
- Cửa thập phương: C.266 KSH
- Cúc dục cù lao: C.1 KTCMĐQL
- Cung âm: C.15 KGO
- Cung ngọc: C.21 KCBCTBCHĐQL
- Cung phụng: C.21 KTHĐMP
- Cung thêm: C.7 KĐ1C
- Cung Tiên: C.15 KCS
- Cửa quyền: C.6 KTKTQV
- Cửa tội: C.12 KGO
- Cục Lạc quan: C.6 KTTg
- Cục Lạc quốc: DLCK
- Cường khai: C.40 PMCK
- Cửu độ: C.9 KKTD
- Cửu Hoàng: C.20 TG
- Cửu Huyền (Cửu Tộc): C.9 KKĐTTT
- Cửu Huyền Thất Tổ: C.20 KCTPĐQL
- Cửu thập nhị tào: C.7 PG
- Cửu Tiên: C.28 PMCK
- Cửu Trùng Thiên: C.14 KHH
- Cửu tuyền: C.47 PMCK
- Cửu vị Nữ Phật (Cửu vị Tiên Nương): TTCĐDTKM
- Cựu nghiệp: C.4 KĐ6C
- Cựu vị: C.25 KGO

Ch

- Chánh nhứt: C.24 TG
- Chánh tà: C.27 KGO
- Chánh thiện: C.77 GTK
- Chánh trực: C.20 KSH
- Chánh văn: C.16 KNH
- Chấn dân: C.6 KTKTQV
- Chấn bản: C.251 KSH

- Chấn cứu: C.34 GTK
- Châu cấp: C.80 KSH
- Châu toàn: C.4 KVÁC
- Chế cải: C.10 KCS
- Chế rắn: C.44 KSH
- Chết sống: C.22 KTCMĐQL
- Chí chơn: C.44 PMCK
- Chí công: C.16 PMCK
- Chí cực: C.23 TG
- Chí Linh: C.21 PMCK
- Chí tâm qui mạng lễ: PG
- Chí thành: C.10 KTP
- Chí thân: C.31 KTKVQL
- Chí tôn: C.23 TG
- Chiếu diệu: C.21 KCHKHH
- Chiếu minh: C.188 KSH
- Chín lớp: C.5 KKĐCR
- Chín tầng Trời: C.8 NH
- Chối Tiên: C.28 KTKVQL
- Chơn hỗn: C.6 KCHKHH
- Chơn linh: C.4 PMCK
- Chơn lý: C.16 KNH
- Chơn mây: C.28 KCTPĐQL
- Chơn ngôn: KCK
- Chơn pháp: C.8 KXH
- Chơn thần: C.18 PMCK
- Chơn truyền: C.3 KĐT
- Chơn tu: C.12 KTP
- Chớp nhoáng: C.5 KĐ4C
- Chủ Tế: C.2 PG
- Chung ly hận: C.16 KTKTQV
- Chung mạng: C.321 KSH
- Chung phong: C.4 KĐ8C
- Chung tình: C.9 KHP
- Chúng sanh: C.2 NN
- Chuyển luân: C.11 PMCK

- Chuyển thân tái thế: C.292 KSH
- Chư Linh: C.4 KĐ2C
- Chứng chiếu: C.8 KTKCQV
- Chứng quả: DLCK
- Chứng tri: C.8 NH
- Chúc từu: C.2 BDR
- Chướng Âm: C.28 PMCK
- Chướng giáo: C.24 TG
- Chướng pháp: C.5 KĐ7C
- Chướng thiện quả: C.2 NG

D

- Đà Lam: C.10 KTTg
- Dạ đài: C.11 KCS
- Dạ lang: C.281 KSH
- Danh vọng: C.29 KSH
- Dâm phong: C.36 GTK
- Dâm phụ: C.44 GTK
- Dẫn độ: C.4 KK
- Dây oan: C.11 KGO
- Dây oan nghiệt: C.1 KTL
- Dãy xe trâu: C.9 KKV
- Di-Đà: C.7 GTK & C.7 KĐT
- Dịch sử: C.10 KNHTĐ
- Diêm cung: C.22 KCTPĐQL
- Diêm đình: C.9 BKNKSH
- Diêm Vương: C.264 KSH
- Diệt vong: C.4 KĐT
- Điều động: C.3 KĐ5C & C.15 KTP
- Điều Trì: C.2 PMCK
- Diệu diệu: C.5 KNHTĐ
- Diệu hóa: C.6 TG
- Diệu huyền: C.10 TG
- Đốc kiểm diệu huyền: C.19 KTT
- Đối cày in kinh: C.262 KSH

- Đối kết: C.82 GTK
- Đối tu cúng chùa: C.160 KSH
- Du hành: C.11 KNHTĐ
- Dục tình: C.7 KĐ3C
- Dục tu: DLCK
- Duợt: C.10 KĐT
- Duy truyền: C.437 KSH
- Dương gian: C.407 KSH
- Dương pháp: C.264 KSH
- Dương thế: C.1 KCBCTBCHĐQL
- Dương tụng: C.21 TG
- Dương dục: C.3 PMCK
- Dương sanh: C.50 PMCK
- Dương tánh: C.9 KK
- Đại xá: C.36 PMCK
- Đảm bảo: C.50 PMCK
- Đạm bạc: C.48 TTCĐDTKM
- Đàn tiền: C.44 BXTCĐPTTT
- Đánh nghiệp: C.16 KTKVTH
- Đào binh: C.8 BXTCĐPTTT
- Đào hạnh: C.4 KĐ9C
- Đào nguyên: C.18 KCBCTBCHĐQL
- Đào tạo: C.1 KHP
- Đào Tiên: C.14 PMCK
- Đảo đầu: C.180 KSH
- Đảo cáo: C.9 NH
- Đảo ngũ cung: BDH
- ĐẠO: TG
- Đạobế-Đạokhai: C.26 TTCĐDTKM
- Đạo cả: C.67 KSH & C.21 KCBCTBCHĐQL
- Đạo đức: C.11 TG
- Đạo giáo: TG
- Đạo nhưn luân: C.2 KĐRĐ
- Đạo pháp: C.6 PG & C.19 TG
- Đạo trọng: C.21 KTCMĐQL
- Đạo Trời: C.7 KKẮCR
- Đắc duyên: DLCK
- Đắc hứu: KCK
- Đắc lộ: DLCK
- Đắc tán: KCK
- Đắc vị: DLCK
- Đạc an: C.8 KTKVTH
- Đấng Tiên: C.12 KĐ9C
- Đấng Chơn linh: C.13 KVH
- Đầu vọng bài: C.1 KCS
- Đầu Suất: C.9 KĐ4C
- Đầu tình: C.7 KĐ2C
- Đầu vản: C.8 KĐ8C
- Đê đầu: C.47 TTCĐDTKM

Đ

- Đa-la Tam-diệu Tam-bồ-đề: DLCK
- Đa thi: C.15 PG
- Đài Chiếu giám: C.5 KĐ5C
- Đài gương: C.59 GTK
- Đài LinhTiêu: C.2 TTCĐDTKM
- Đại Ân Xá: PMCK
- Đại bi: C.33 KNHTĐ
- Đại Đạo: C.4 BDT
- Đại đồng: C.7 KTP
- Đại hóa: C.8 KNHTĐ
- Đại La: C.1 KNHTĐ
- Đại nguyện: C.33 KNHTĐ
- Đại tạo: C.33 KNHTĐ
- Đại Thánh: C.33 KNHTĐ
- Đại thiên Thế giới: C.21 TG
- Đại Thiên Tôn: C.36 KNHTĐ
- Đại từ: C.16 PG
- Đại Từ Phụ: C.20 KNHTĐ
- Đại tướng: KKCĐTTT

- Đê Khuyết: C.36 BXTCĐPTTT
- Đê Quán: C.13 NG
- Đê huynh bát mục: C.364 KSH
- Đê tử: C.7 NH
- Đền vàng: C.6 BXTCĐPTTT
- Địa Chi: C.30 PMCK
- Địa giái: C.9 KCTPĐQL
- Địa hoàn: C.11 KĐ2C
- Địa Kỳ: C.44 BXTCĐPTTT
- Địa ngục: C.35 PMCK & C.15 KXH
- Địa Tạng Vương Bồ Tát: C.5 KCS
- Điển chiếu: C.9 KKĐCR
- Đinh chung: C.19 TTCĐDTKM
- Định bá đồ vương: C.19 KTKVTH
- Định phân: C.20 KTCMĐQL
- Định phạt: C.5 KHP
- Định phép: C.31 TTCĐDTKM
- Định tâm: C.12 KĐ1C
- Định thân: C.4 KCHKHH
- Định thân định tánh: C.25 KTCMĐQL
- Định tinh: C.13 KĐ1C
- Định vị: C.16 PMCK
- Đọa lạc: C.4 KCS
- Đọa sa: C.228 KSH
- Đoái hoài: C.128 KSH
- Đoái tình: C.24 KTKVQL
- Đoạn tình: C.8 KKĐTTT
- Đoạn trưởng: C.22 TTCĐDTKM
- Đoạt vị: C.13 KCTPĐQL
- Đồi đoạn: C.27 KCTPĐQL
- Đồi ngạn: C.11 KĐ3C
- Đồi phen: C.17 TTCĐDTKM
- Đơn đàng: C.24 KCTPĐQL
- Đỗ mưu: C.65 GTK
- Đỗ nghiệp: C.9 PMCK
- Đỗ bác: C.39 GTK
- Độ cân: C.4 KCBCTBCHĐQL
- Độ nhân: C.16 KHH
- Độ phạm: C.12 KTTg
- Độ rồi: C.6 KĐLC
- Độ sanh: C.28 KGO
- Độ tận: DLCK
- Độ thể: C.12 KĐ4C
- Độ vong: C.20 KCHKHH
- Đốc: C.6 NG
- Đồi lớn: C.32 KSH
- Đông Nhạc Đế Quân: C.9 KCS
- Đông bào: C.364 KSH
- Đông mạch: C.41 PMCK
- Đông môn: C.7 KVH
- Đông sanh đồng tịch: C.16 KHP
- Động đảo: C.5 KKV
- Đơn tích: C.14 TG
- Đút com: C.10 KHP
- Đức hóa: C.11 GTK
- Đức hoán: C.7 TG
- Đức tồn hậu lai: C.12 KSH
- Dương sanh: DLCK
- Đường hạnh: C.14 KTKTQV
- Đường Thánh: C.5 KVH
- Đường Tổ nghiệp: C.13 KHP

G

- Gan tặc: C.4 KCTPĐQL
- Gân-ta-ca: C.7 KKV
- Gắng ghi: C.9 NH
- Gật mình: C.16 KTKTQV
- Gia-Tổ Giáo chủ: C.12 KKV
- Giá ngự: C.1 BDH
- Giá trong sạch: C.53 KSH

- Giã xay: C.2 KKĂCR
- Giác ngộ: C.10 KKTĐ
- Giác thân: C.6 KĐ2C
- Giác thể: C.28 KNHTĐ
- Giải căn: C.4 KCHKHH & C.16 KKV
- Giải nghiệp: C.18 GTK
- Giải oan: KGO
- Giải phần hữu sanh: C.12 KKV
- Giải quả: C.6 KĐ8C
- Giải tán: C.6 KĐ4C
- Giải thi: C.3 KHH & C.6 KĐ7C
- Gian dâm: C.185 KSH
- Gian phu: C.44 GTK
- Gian truân: C.95 KSH
- Giáng lâm: C.44 BXTCĐPTTT
- Giáng linh: C.7 KĐT
- Giáng sanh: C.9 TG
- Giáo hóa: C.46 PMCK
- Giáo huấn: C.8 KTKTQV
- Giáo xiển: C.9 PG
- Giới tâm: GTK
- Giọt máu mù: C.1 KCTPĐQL
- Giục thúc: C.14 KKV
- Góa thân: C.14 KTKCQV
- Gổ ganh: C.38 KSH
- Gông trống: C.255 KSH
- Gươm huệ: C.14 KXH
- Gươm thần huệ: C.4 KVH
- Hải kinh: C.14 KCHKHH
- Hành: C.344 KSH
- Hành hình: C.308 KSH
- Hành tàng: C.2 KCBCTBCHĐQL
- Hạnh hưởng: C.7 BKNKSH
- Hào quang: C.4 KĐ7C
- Háo sanh: C.206 KSH
- Hạo kiếp: C.16 TG
- Hạo Nhiên Thiên: C.2 KĐ7C
- Hằng hà sa số: DLCK
- Hằng sanh: C.24 TTCĐDTKM
- Hậu lai: C.16 KTKVTH
- Hậu Thiên: C.20 KNHTĐ
- Hậu Thổ: C.9 KHH
- Hiếm: C.159 KSH
- Hiện hiện: C.20 KTT
- Hiện linh: C.28 KCTPĐQL
- Hiệp đạo: C.2 KHP
- Hiệp gia: KCK
- Hiếu thân: C.4 KTCMĐQL
- Hình hài: C.14 KGO
- Hòa ái: C.9 KHP
- Hòa hảo: C.11 TTCĐDTKM
- Hóa công: C.2 KSH
- Hóa dân: C.5 KVĂC
- Hóa dục: C.3 KNHTĐ
- Hóa duyên: C.42 BXTCĐPTTT
- Hóa sanh: C.4 TTCĐDTKM
- Hóa thân: C.10 KĐ5C
- Hóa trưởng: C.30 PMCK
- Hóa tinh Tam-muội: C.8 KĐ4C
- Họa gởi tai rơi: C.11 KĐRĐ
- Họa kín: C.225 KSH
- Họa phước: C.17 KNHTĐ
- Hoạn lộ: C.5 KTKTQV
- Hoạn tài: C.62 GTK

H

- Hạ chỉ: C.2 TTCĐDTKM
- Hạ huyết: KHH
- Hạ ốc: C.19 KNHTĐ
- Hải hà: C.16 BXTCĐPTTT

- Hoảng khai: C.1 NN
- Hoi hóp: C.161 KSH
- Hồ Tiên: C.11 KĐ8C
- Hộ trì: DLCK
- Hồi môn: C.15 PMCK
- Hồi phục: C.28 PMCK
- Hồi ngộ: C.5 BKNKSH
- Hội hàng: C.4 KĐ2C
- Hội ngộ: C.5 KTKCQV
- Hội người: C.21 PMCK
- Hôn phối: KHP
- Hôn hài: C.50 PMCK
- Hôn pháp: C.5 KKĐN & C.25 KTKCQV
- Hôn độn: C.1 PG
- Hôn Ngươn Thiên: KĐT
- Hồng ân: C.21 KGO
- Hồng oai Hồng tử: C.31 KNHTĐ
- Hồng phúc: C.7 KHH
- Hồng Quân: C.6 KĐ1C
- Hồng quân: C.16 KTKCQV
- Hồng trần: C.17 KTT
- Hồn rước Điều Trì: C.6 KKV
- Huấn chúng: C.21 PMCK
- Huệ tình: C.257 KSH
- Huệ duyên: C.2 BDH
- Huệ đấng: C.5 PG
- Huệ đức: C.22 TG
- Huệ kiểm gương thần: C.11 KKCDTTT
- Huệ quang: C.27 KGO
- Huệ trạch: C.15 PG
- Huôn hôn: C.27 PMCK
- Huôn hư: C.12 KĐ9C
- Huôn Xá lợi: C.13 KHH
- Huyền đường: C.9 KTHĐMP
- Huyền công: C.10 KĐ5C
- Huyền Khung: C.34 KNHTĐ
- Huyền linh: C.9 PMCK
- Huyền phạm: C.16 KNHTĐ
- Huyền pháp: C.5 KĐ2C
- Huyền quan khiêu: C.13 PG
- Huyền Thiên: C.7 KVÁC
- Huyền vi: C.1 PMCK
- Huỳnh Kim Khuyết: C.5 KNHTĐ
- Huỳnh lương: C.1 KHH
- Huỳnh Thiên: KĐ4C
- Hư hoại tiết: C.340 KSH
- Hư linh: C.9 PG
- Hư Vô: C.12 PMCK
- Hư Vô Thiên: C.2 KTTg
- Hưng Nho: NG
- Hương hỏa: C.11 KVH
- Hương hôn: C.28 KCTPĐQL
- Hương lửa: C.13 KHP
- Hương nguyên: C.7 KHP
- Hương thế: C.8 KTKVQL
- Hữu duyên: C.46 PMCK
- Hữu hạnh: C.46 PMCK
- Hữu hạp: C.6 PMCK
- Hữu hình: C.7 PMCK
- Hữu thi: C.5 TG
- Hữu vi: C.6 TTCĐDTKM
- Hựu tội: C.35 KNHTĐ
- Hỷ xả: C.54 PMCK

K

- Kệ sám: C.437 KSH
- Kết nguyên: C.91 KSH
- Kiếp căn: C.26 KTKCQV
- Kiếp hòa căn: C.10 PMCK

- Kiếp khiên: C.10 KDT
- Kiệt hung: C.38 BXTCDPTTT
- Kim Bàn: C.2 PMCK
- Kim Bồn: C.9 KĐ9C
- Kim câu: C.10 KĐ4C
- Kim chung: C.8 KĐ7C
- Kim cô: C.10 KĐ7C
- Kim hầu: C.7 KĐ8C
- Kim Mẫu: C.46 TTCĐDTKM
- Kim ngưng: C.21 KNHTĐ
- Kim quang: C.8 KĐ2C
- Kim sa: C.6 KĐ6C
- Kim thân: C.42 BXTCDPTTT
- Kim Thiên: C.2 KĐ6C
- Kinh chơn: C.12 KNH
- Kinh Cúng Tử thời: NH
- Kinh đình: C.5 KĐRĐ
- Kinh lễ: C.3 BDH
- Kỳ kim quang: C.11 KĐ5C
- Kỳ sen: C.8 KĐ7C
- Khi đạo dóm nhà: C.86 KSH
- Kinh kinh: C.11 KKĐCR
- Khoa môn: C.24 PMCK
- Khoa Vô môn: C.9 KTKTQV
- Khố ách: DLCK
- Khố hải: C.28 TTCĐDTKM & C.7 KKCDTTT
- Khôi mịch: C.26 KNHTĐ
- Khối tình: C.32 KTKVQL
- Khối vật chất: C.5 KTL
- Khôn soi: C.10 KĐRĐ
- Không môn: C.14 KCBCTBCHĐQL
- Không Tử: NG
- Không tước: C.7 KĐ6C
- Khúc nôi: C.22 TTCĐDTKM
- Khủng kinh: DLCK
- Khuôn hồng: C.6 KVH
- Khuôn linh: C.13 KKV
- Khử ám hồi minh: C.231 KSH
- Khử quỷ trừ ma: C.26 KGO
- Khương ninh: C.18 KCS

Kh

- Khá tua: C.15 KTHĐMP
- Khai giải: C.8 KCS
- Khai hóa: C.12 NG
- Khai khiêu: C.1 KVH
- Khai kinh: KK
- Khai minh: C.4 BDT
- Khai tông: C.49 PMCK
- Khấn nguyện: C.7 NH
- Khẩu bá: C.47 TTCĐDTKM
- Khẩu cung: C.3 BDR
- Khêu đước: C.43 TTCĐDTKM
- Khi thị: C.241 KSH
- Khí Hư Vô: C.3 TTCĐDTKM

L

- Lạc hứng: C.3 BDR
- Làm đoan: C.32 GTK
- Lang độc: C.341 KSH
- Lao lung: C.4 KTKVTH
- Lão Đàm: C.32 KGO
- Lão Quân: C.11 KĐ5C
- Lão Tử: TG
- Lâu thuộc: C.14 KTP
- Lâm nân: C.70 KSH
- Lân mãn: C.3 KCS
- Lấp ngõ tài hiển: C.46 KSH
- Lấp đức: C.28 KTCMĐQL

- Lập phân: C.17 KNHTĐ
- Lập vị: C.12 KHH
- Lê đạo: C.1 KXH
- Lê thứ: C.12 KVH
- Lễ nghi: C.108 KSH
- Lễ triều: C.16 KKĐCR
- Lễ châu: C.32 KTCMĐQL
- Lễ sa: C.8 KTCMĐQL
- Liên đài: C.31 KGO & C.12 KCBCTBCHĐQL
- Liên hòa: C.76 GTK
- Liên thân: C.5 KKĐCR
- Liệt nữ: C.16 KTKCQV
- Linh cữu: KDLC
- Linh đài: C.39 PMCK
- Linh đình: C.4 KĐRD
- Linh hiển: C.10 KCHKHH
- Linh nhơn thân: KCK
- Linh oai: C.29 KNHTĐ
- Linh phan: C.3 KĐ5C
- Linh quang: C.14 KCS
- Linh thông: C.26 GTK
- Linh Tiêu Điện: C.20 PMCK
- Lịnh bài: C.6 KĐ3C
- Long Hoa: C.22 PMCK & C.5 KĐT
- Long vân: C.15 KVH
- Lòng đơn: C.13 TTCĐDTKM
- Lôi Âm: C.7 KTTg
- Lôi Công: C.6 KĐ4C
- Lộn kiếp: C.47 GTK
- Lộng lộng: C.69 GTK
- Lợi sanh: C.30 KNHTĐ
- Lũ truyền: C.28 KNHTĐ
- Luân chuyển: DLCK
- Luân hồi: C.6 KGO
- Luân thường: C.258 KSH

- Lục dục: C.12 KGO
- Lục hình: C.15 KĐ1C
- Lục long: C.11 KNHTĐ
- Luy tiết: C.13 KCS
- Luy sa: C.28 KTKCQV
- Lữ ngọc: C.3 NH
- Lương cân tráo đầu: C.160 KSH
- Lương nghi: C.3 TTCĐDTKM
- Lưu sa: C.12 TG
- Ly cung: C.8 KKV
- Lý sâu: C.11 KK

L

- Lạc hứng: C.3 BDR
- Làm doan: C.32 GTK
- Lang độc: C.341 KSH
- Lao lung: C.4 KTKVTH
- Lão Đam: C.32 KGO
- Lão Quân: C.11 KĐ5C
- Lão Tử: TG
- Lâu thuộc: C.14 KTP
- Lâm nà: C.70 KSH
- Lân mẫn: C.3 KCS
- Lấp ngõ tài hiển: C.46 KSH
- Lập đức: C.28 KTCMĐQL
- Lập phân: C.17 KNHTĐ
- Lập vị: C.12 KHH
- Lê đạo: C.1 KXH
- Lê thứ: C.12 KVH
- Lễ nghi: C.108 KSH
- Lễ triều: C.16 KKĐCR
- Lễ châu: C.32 KTCMĐQL
- Lễ sa: C.8 KTCMĐQL
- Liên đài: C.31 KGO & C.12 KCBCTBCHĐQL

- Liên hòa: C.76 GTK
- Liên thân: C.5 KKĐCR
- Liệt nữ: C.16 KTKCQV
- Linh cữu: KDLC
- Linh đài: C.39 PMCK
- Linh đình: C.4 KĐRD
- Linh hiển: C.10 KCHKHH
- Linh nhơn thân: KCK
- Linh oai: C.29 KNHTĐ
- Linh phan: C.3 KĐ5C
- Linh quang: C.14 KCS
- Linh thông: C.26 GTK
- Linh Tiêu Điện: C.20 PMCK
- Lịnh bài: C.6 KĐ3C
- Long Hoa: C.22 PMCK & C.5 KĐT
- Long vân: C.15 KVH
- Lòng đơn: C.13 TTCĐDTKM
- Lôi Âm: C.7 KTTg
- Lôi Công: C.6 KĐ4C
- Lộn kiếp: C.47 GTK
- Lộng lộng: C.69 GTK
- Lợi sanh: C.30 KNHTĐ
- Lũ truyền: C.28 KNHTĐ
- Luân chuyển: DLCK
- Luân hồi: C.6 KGO
- Luân thường: C.258 KSH
- Lục dục: C.12 KGO
- Lục hình: C.15 KĐ1C
- Lục long: C.11 KNHTĐ
- Luy tiết: C.13 KCS
- Luy sa: C.28 KTKCQV
- Lữ ngọc: C.3 NH
- Lương cân tráo đầu: C.160 KSH
- Lương nghi: C.3 TTCĐDTKM
- Lưu sa: C.12 TG
- Ly cung: C.8 KKV

- Lý sâu: C.11 KK

M

- Ma chương: DLCK
- Ma-ha thủy: C.30 KGO
- Ma kheo: KCK
- Ma Xứ: C.8 KĐT
- Mạc trác: C.29 KNHTĐ
- Mai xuân: C.1 BDT
- Mạng căn: C.16 KTT
- Máy linh cơ tạo: C.13 KXH
- Máy sâu: C.225 KSH
- Máy hào: C.144 KSH
- Mặc phò: C.4 KTKVTH
- Mật thành Càn khôn: C.12 KKTD
- Mẫu nhiệm: C.12 KĐ9C
- Mẫu Hậu: C.49 PMCK
- Mẫu Nghi: C.13 TTCĐDTKM
- Mê đồ: C.30 KGO
- Mê tân: C.38 TTCĐDTKM
- Miền miền: C.8 BKNKSH
- Miễn lễ: C.3 BDR
- Miếu đảng: C.20 KTKVTH & C.72 GTK
- Minh Cảnh Đài: C.5 KĐ5C
- Minh thệ: C.12 KCHKHH
- Minh Vương Khổng tước: C.7 KĐ6C
- Mộ khang: C.52 PMCK
- Môn quan: C.2 KĐ7C
- Môn sinh: C.14 KTKTQV
- Môn thiền: C.1 BDH
- Mộng trần gian: C.2 KCHKHH
- Mựa: C.35 GTK
- Mỹ miếu: C.8 KKĐCR

N

- Nãi: C.23 KNHTĐ
- Nại hà: C.413 KSH
- Nam ai: NH
- Nam Châu: C.14 KTKVTH
- Nam Kha: C.6 KCBCTBCHĐQL
- Nam mô: NH
- Nam Tào: C.22 KCHKHH
- Nam Thiêm Bộ Châu: C.46 BXTCDPTTT
- Nam xuân: NH
- Nào nùng: C.7 KTKVQL
- Năm hằng: C.198 KSH
- Nắm tâm: C.12 KKTD
- Nắm tâm hương: C.26 KCTPĐQL
- Năng lai năng khứ: C.11 KKĐCR
- Nẻo Thánh: C.26 KTCMĐQL
- Niệm hương: NH
- Niết Bàn: C.12 KĐ6C
- Nương Nương: C.47 TTCĐDTKM

Ng

- Ngã Càn Khôn: C.2 KGO
- Nga qui: C.240 KSH
- Ngan Uyển: C.1 KĐ1C
- Ngao du: C.23 KTKVQL
- Ngao trụ: C.5 NG
- Ngán hà: C.28 KGO
- Ngán kiều: C.6 KĐ2C
- Nghi dung: C.6 KTKVQL
- Nghĩa nhân: C.11 BXTCDPTTT
- Nghiệp chướng: KCHKHH
- Nghiệp hồng: C.15 PMCK
- Nghiệp báo: C.248 KSH
- Nghiệp căn: C.199 KSH

- Nghiệp chướng: C.13 KCHKHH
- Nghiệp trần: C.30 TTCĐDTKM
- Ngoài Càn khôn: C.16 KTHĐMP
- Ngoan ngành: C.61 KSH
- Ngoan ngũ: C.75 GTK
- Ngọc Hư: C.31 TTCĐDTKM
- Ngọc lầu: C.6 KĐ1C
- Ngọc rềm: C.9 KĐ8C
- Ngô kỳ: C.24 PMCK
- Ngổ ngang: C.104 KSH
- Ngồi Thiên: C.8 KCTPĐQL
- Ngũ bá A-la-hơn: KCK
- Ngũ cốc: C.3 KVÁC
- Ngũ nguyện: NN
- Ngũ thường: C.10 KVH
- Nguồn ân: C.26 KCTPĐQL
- Nguồn đào: C.19 KTKVQL
- Ngươn chất: C.9 KĐ9C
- Ngươn linh: C.32 PMCK
- Nguy nguy: C.6 KNHTĐ
- Nguyên căn: C.8 KKĐCR
- Nguyên nhơn - Hóa nhơn: C.7 PG
- Nguyên tánh: C.17 KCBCTBCHĐQL
- Nguyên tiêu: C.7 KĐ2C
- Nguyệt súc: C.1 BDT
- Nguyệt hoa: C.36 GTK
- Ngự ban: C.2 KĐ2C
- Ngự triều: C.3 KTTg
- Ngưỡng vọng: C.3 BDT

Nh

- Nhân tiền: C.27 KSH
- Nhật khoan: C.5 KĐ3C
- Nhân hậu: C.44 KSH
- Nhãng: C.17 KGO

- Nhập hội: KNH
- Nhập thế: C.13 KVH
- Nhiên Đẳng Cổ Phật: PG
- Nhiệt thành: C.2 KXH
- Nho giáo: NG
- Nho tông: C.12 NG
- Nhơn cảm: C.18 BXTCDPTTT
- Nhơn chủng: C.22 PMCK
- Nhơn luân: C.2 KĐRĐ
- Nhơn quả: C.5 KGO
- Nhơn vật: C.15 TG
- Như lệnh: C.37 PMCK
- Nhục thể: C.24 KNH
- Nhục tổ hổ tông: C.166 KSH
- Như Lai: C.6 KĐ6C
- Như thị đấng: DLCK
- Nhược hữu: KCK
- Nhược thiết: C.7 KNHTĐ
- Nhứt khí: C.3 PG & C.6 TG
- Nhứt tâm: DLCK
- Nhứt thiên biến: KCK
- Nhứt thiết: DLCK
- Nhứt toán: C.17 KNHTĐ
- Nhứt vãng nhứt lai: C.18 PMCK
- Nhứt nhu ngoạt nhiễm: C.137 KSH
- Nhứt tụng: NH

O Ô O

- Oai thần: C.12 KĐ5C
- Oan gia: C.18 KCHKHH
- Oan nghiệt: C.4 KGO
- Oan trái: C.13 PMCK
- Oán chạ thù vợ: C.38 KSH
- Oát triển: C.13 KNHTĐ
- Oát vận: C.17 TG

- Ô-li-vê: C.11 KKV
- Ô trước: C.13 KGO
- Ô uế: C.10 KĐ6C
- Ốc trần huồn: C.4 PG
- Ôm bình: C.12 KHP
- Ôm cầu: C.24 KTKVQL
- Ở ngoại: C.10 KCTPĐQL

P

- Phách: C.14 KĐ1C
- Phái vàng: C.32 TTCĐDTKM
- Phạm nhân: C.10 KĐRĐ
- Phạm thế: C.7 KXH
- Phạm trần: C.6 NH
- Phan Tiếp Dẫn: C.12 KTCMĐQL
- Pháp: C.6 PG & TG
- Pháp điều: DLCK
- Pháp hóa tướng tông: C.12 TG
- Phát nguyện: DLCK
- Phân tánh: C.9 TG
- Phận bạc: C.4 KTCMĐQL
- Phát chủ: C.43 PMCK
- Phát cờ: C.12 KXH
- Phát trần: C.11 KCBCTBCHĐQL
- Phát cốt: C.15 KKĐCR
- Phát duyên: C.24 PMCK
- Phát điều: C.2 KTTg
- Phát lực oai: KCK
- Phát Mẫu: PMCK
- Phát Pháp Tăng: DLCK
- Phát tánh: C.45 PMCK
- Phát Tổ: C.1 KCS
- Phát xứ: C.20 PMCK
- Phép công: C.168 KSH
- Phép huyền công: C.10 KĐ5C

- Phép huyền hư: C.14 GTK
- Phép sâu than: C.15 KKV
- Phép Tiên đạo: C.9 KK
- Phi thường: C.23 TTCĐDTKM
- Phò trị: C.6 KCTPDQL
- Phong đồ: C.16 KGO
- Phong trần: C.15 KGO
- Phòng đảo: C.5 KTKVQL
- Phố Đà Sơn: C.6 KĐ8C
- Phố độ: C.2 NN
- Phố tế: C.22 KNHTĐ
- Phần ba: C.2 KHH
- Phơ phối: C.1 KĐ7C
- Phu: C.46 GTK
- Phù ba: C.18 KTT
- Phú thác: C.82 KSH
- Phú túc: C.293 KSH
- Phủ phước: C.6 KKĐCR
- Phủ phàng: C.11 KTKVQL
- Phủ vong: C.432 KSH
- Phúc hậu: C.222 KCHKHH
- Phục hồi: C.10 KTL
- Phục sinh: C.4 KĐ9C
- Phục vị: C.31 PMCK
- Phục vụ lãnh: C.4 NG
- Phục vụ liên: C.19 PMCK
- Phước duyên: C.35 KSH
- Phước địa: C.16 KCS
- Phước Tiên điều: C.6 KHH
- Phước Truy hồn: C.39 TTCĐDTKM
- Phương Sóc: C.13 TG

Q

- Quả báo: C.13 KCHKHH
- Quả căn: C.33 PMCK

- Quả duyên: C.16 KĐLC
- Quả kiếp: C.14 KTCMĐQL
- Quả phúc: C.10 KTTg
- Quái khí: C.5 KĐ4C
- Quan hôn: C.118 KSH
- Quan lại: C.370 KSH
- Quan sự: KCK
- Quan Thế Âm: C.3 KCS & KCK
- Quang âm: C.10 KSH
- Quảng đại: C.16 KNHTĐ
- Quảng khai: C.48 PMCK
- Quảng truyền: C.11 TG
- Quân tử: C.165 KSH
- Quân Vương: C.2 KTKVTH
- Quân chơn: C.5 TG
- Quân linh: C.10 KNHTĐ
- Quân nhi: C.3 PMCK
- Quân sanh: C.3 KNHTĐ
- Quân Thánh: C.8 TG
- Quê xưa: C.2 KCHKHH
- Quế thọ: C.3 NG
- Qui căn: C.6 KTL
- Qui liễu: KCTPDQL
- Qui nguyên: C.12 PMCK
- Qui Thiên: C.20 KTKVTH
- Qui ư Cục Lạc: DLCK
- Qui vị: KTKTQV
- Quý y: C.28 BXTCĐPTTT
- Quỷ Dạ Xoa: C.398 KSH
- Quỷ khí: C.47 PMCK
- Quỷ quan: C.35 PMCK
- Quỷ tai: DLCK
- Quỷ Vô thường: C.322 KSH
- Quốc hôn: C.15 KTKVTH
- Quốc mạch: C.7 NG
- Quyền Vạn linh: C.3 KXH

- Quyết sách: C.42 PMCK
- Quyết ngữ: C.89 KSH

Q

- Quả báo: C.13 KCHKHH
- Quả căn: C.33 PMCK
- Quả duyên: C.16 KĐLC
- Quả kiếp: C.14 KTCMĐQL
- Quả phúc: C.10 KTTg
- Quái khí: C.5 KĐ4C
- Quan hôn: C.118 KSH
- Quan lại: C.370 KSH
- Quan sự: KCK
- Quan Thế Âm: C.3 KCS & KCK
- Quang âm: C.10 KSH
- Quảng đại: C.16 KNHTĐ
- Quảng khai: C.48 PMCK
- Quảng truyền: C.11 TG
- Quân tử: C.165 KSH
- Quân Vương: C.2 KTKVTH
- Quân chơn: C.5 TG
- Quân linh: C.10 KNHTĐ
- Quân nhi: C.3 PMCK
- Quân sanh: C.3 KNHTĐ
- Quân Thánh: C.8 TG
- Quê xưa: C.2 KCHKHH
- Quế thọ: C.3 NG
- Qui căn: C.6 KTL
- Qui liễu: KCTPDQL
- Qui nguyên: C.12 PMCK
- Qui Thiên: C.20 KTKVTH
- Qui ư Cục Lạc: DLCK
- Qui vị: KTKTQV
- Quý y: C.28 BXTCĐPTTT
- Quỷ Dạ Xoa: C.398 KSH

- Quỷ khí: C.47 PMCK
- Quỷ quan: C.35 PMCK
- Quỷ tai: DLCK
- Quỷ Vô thường: C.322 KSH
- Quốc hôn: C.15 KTKVTH
- Quốc mạch: C.7 NG
- Quyền Vạn linh: C.3 KXH
- Quyết sách: C.42 PMCK
- Quyết ngữ: C.89 KSH

R

- Rạc tù: C.158 KSH
- Roi thần: C.5 KĐ4C
- Roi vàng: C.1 KĐ4C
- Rỡ ràng: C.15 KHH
- Rỡ rờ: C.11 KĐ3C
- Ruổi dong: C.5 NH

S

- Sách phụ: C.11 NG
- Sạch giữ: C.2 KTL
- Sãi: C.265 KSH
- Sám hối: KSH
- Sang cả: C.5 KSH
- Sanh biến: C.2 KĐ9C
- Sanh hóa: C.7 KTKTQV
- Sanh nhai: C.6 KKTD
- Sanh quang: C.3 PMCK
- Sanh sanh: C.20 KTT
- Sánh tài: C.51 PMCK
- Sát mạng: C.212 KSH
- Sắc không: C.9 KNHTĐ
- Sắc lịnh: C.7 KĐ9C
- Sắp minh: C.23 KTCMĐQL
- Sếu sáo: C.69 GTK

- Siêu đạo: C.33 PMCK
- Siêu phẩm: C.14 KCTPĐQL
- Siêu sanh: C.16 KCBCTBCHDQL
- Siêu thăng: C.19 PMCK
- Song thu: C.22 KTKVQL
- Song thủ: C.4 PG
- Sóng trần: C.28 TTCĐDTKM
- Số căn: C.13 KCHKHH
- Sơ giao: C.2 KTKCQV
- Sơ khai: C.1 TTCĐDTKM
- Sơ nguyện: C.17 KCS
- Sơ vọng: C.9 NH
- Sư Hư vô: C.11 KXH
- Sư phụ: C.9 KXH
- Sử nhơn: KCK
- Sửa dài: C.10 KHP
- Sùng đội: C.190 KSH
- Tam tai: DLCK
- Tam tài: C.14 PG
- Tam Thanh: C.6 TG
- Tam thập lục Thiên: C.18 KNHTĐ
- Tam Thiên: C.8 KĐ1C
- Tam thiên Thế giới: C.18 KNHTĐ
- Tam Trấn Oai Nghiêm: C.5 KĐLC
- Tam Tùng: C.73 GTK
- Tàn y: C.6 KTKVQL
- Tán tụng: TTCĐDTKM
- Tang du: C.14 KTKVQL
- Tang thương: C.40 TTCĐDTKM
- Táng đờm: C.366 KSH
- Tánh thành: C.3 BKNKSH
- Tao ngộ: DLCK
- Tạo định: DLCK
- Tạo hóa: C.1 KTT
- Tạo Hóa Thiên: C.1 PMCK
- Tạo thế: C.4 KHP
- Tày non: C.29 GTK
- Tầm Thánh: KTT
- Tăng đồ: C.10 KXH
- Tắc thành: C.15 KHP
- Tâm hương: C.26 KCTPĐQL
- Tâm tạng: C.32 KTCMDQL
- Tâm thần: C.6 KCBCTBCHDQ
- Tân kinh: NH
- Tấn hóa: C.1 KGO
- Tấn liệt: KTL
- Tận độ: C.12 KĐLC
- Tập thành: C.134 KSH
- Tất đặc: DLCK
- Tất kiến: C.15 KNHTĐ
- Tất Viên: C.13 TG
- Tây độ: C.12 TG
- Tây phương: C.24 KGO

T

- Ta-bà-ha: VSTC
- Ta-bà Thế giới: DLCK
- Tà gian: C.10 KTP
- Tà mị: C.18 TTCĐDTKM
- Tà pháp: C.40 PMCK
- Tài mắt: C.65 KSH
- Tài ương: C.10 KCS
- Tái sanh: C.3 KĐT
- Tam bửu: Dàng Tam Bửu Hoa, Rượu, Tr
- Tam canh: C.9 KVH
- Tam giáo: C.5 KK
- Tam hôn: C.3 KTT
- Tam kỳ Phổ Độ: DLCK
- Tam-muội: C.8 KĐ4C
- Tam quang: C.390 KSH

- Tày Vương Mẫu: C.1 KĐ2C
- Tế bặt: C.6 KCS
- Tế độ: C.124 KSH
- Tế tự: C.117 KSH
- Tích cực: C.11 KNH
- Tích phúc: C.35 KNHTĐ
- Tiệc hồng: C.3 KĐ2C
- Tiên cung: C.20 PMCK
- Tiên duyên: C.15 KHH
- Tiên gia: C.4 NH
- Tiên phong: C.15 KKĐCR
- Tiên sư: NG
- Tiên Thiên: C.20 KNHTĐ
- Tiên tửu: C.1 KĐ8C
- Tiên xa: C.2 KĐ6C
- Tiên công: C.12 BKNKSH
- Tiên duyên: C.9 KĐ1C
- Tiên khiên: C.22 KGO
- Tiên thăng: C.12 KĐ5C
- Tiếng quyền: C.35 GTK
- Tiếp Dẫn Đạo Nhơn: C.7 KCHKHH
- Tiệt dòng thiên: C.53 GTK
- Tiệt hạnh: C.56 KSH
- Tiêu điều: C.6 KKĐCR
- Tiêu tàn: C.10 KĐ6C
- Tiêu thiếu: C.7 KĐ3C
- Tiểu tướng: KKĐTTT
- Tín thọ phụng hành: KCK
- Tinh thần: C.23 KNHTĐ & C.5 KNH
- Tinh chung: C.6 KTKCQV
- Tinh nồng: C.2 KTHĐMP
- Tinh thức: C.9 KĐ1C
- Tịnh dục: C.20 KNHTĐ
- Tịnh niệm: C.1 KTTg
- Tòa sen: C.15 KĐLC
- Tòa Thiên nhiên: C.4 KĐ6C
- Tổ nghiệp: C.13 KHP
- Tổ phụ: KCTPĐQL
- Tổ Sư: C.3 KK
- Tổ tông: C.195 KSH
- Tồi loạn: C.75 KSH
- Tồi linh: C.3 KTT
- Tội báo: C.18 KCHKHH
- Tội căn: C.216 KSH
- Tội chương: C.9 KCTPĐQL
- Tội khiên: C.4 KKĐN
- Tội quá: C.139 KSH
- Tội tình: C.11 KCHKHH
- Tôn nghiêm: C.26 KNHTĐ
- Tôn sư: C.1 PG
- Tông đường: C.11 KVH
- Tông tổ: C.13 KTKVQL
- Tổng pháp tông: C.22 KNHTĐ
- Tơ tóc: C.1 KTKVQL
- Tờ làm chùa: C.262 KSH
- Tu chơn: C.9 KK
- Tu hành: C.4 BKNKSH
- Tu luyện: C.16 KCS
- Tu mi: C.52 KSH
- Tu trí: DLCK
- Tu vị: C.10 KNH
- Tự thiếu thành đa: C.143 KSH
- Tua khá: C.221 KSH
- Tuần Cửu: KKĐTTT
- Túc thực túc y: C.122 KSH
- Tục kiếp: C.13 PMCK
- Tục lự: C.24 KCHKHH
- Tùng phu: C.2 KTKVQL
- Tùng thị: DLCK
- Tụng sự: KCK
- Tuổi hạc: C.19 KTCMDQL

- Túy sơn Vân mộng: C.4 KTKVQL
- Tuyển phong: C.5 KĐT
- Tuyệt giống đứt nối: C.210 KSH
- Tuyệt loài: C.424 KSH
- Tuyệt luân: C.4 KKĐCR
- Tuyệt sinh: C.12 KXH
- Tư lịnh: C.226 KSH
- Tư lộc: C.13 NG
- Từ ân: C.21 TG
- Từ Bi: C.1 BDH
- Từ hòa: C.134 KSH
- Từ huệ: C.37 BXTCĐPTTT
- Từ Huyền: C.37 PMCK
- Từ Đại Bộ Châu: C.19 KNHTĐ
- Từ đức: C.73 GTK
- Từ khổ: DLCK
- Từ thời: NH
- Từ tượng: C.12 KNHTĐ
- Từ biệt: C.20 KTCMĐQL
- Từ khí Đông lai: C.11 TG
- Tự lời: C.4 NG
- Tự ngôn: KCK
- Tự thứ: C.6 KTL
- Tự tinh: C.4 BKNKSH
- Tự toại: C.8 KHH
- Tự vận: C.408 KSH
- Túc thuyết: KCK
- Tướng tín: C.1 KTTg
- Ty kheo: KCK
- Ty Tổ: C.20 TG
- Thái: BDH
- Thái Bạch Trường Canh: C.35 BXTCĐPTTT
- Thái cực: C.2 KNHTĐ
- Thái dương: C.2 KK
- Thái quá, Bất cập: C.433 KSH
- Tham thì thâm: C.184 KSH
- Thanh bạch: C.9 KTT
- Thanh bường: C.4 BDT
- Thanh lâu: C.350 KSH
- Thanh quang: C.11 KĐ3C
- Thanh Thiên: C.1 KĐ3C
- Thanh tịnh: KCK
- Thành tín: C.1 NH
- Thánh ân: C.18 KNH
- Thánh đức: C.5 KGO
- Thánh hình: C.4 PMCK & C.9 KTT
- Thánh Hoàng: C.2 KNHTĐ
- Thánh kinh: C.12 KK
- Thánh tâm: C.2 KTP
- Thánh thân: C.7 KXH
- Thánh thất: C.5 NN
- Thánh thể: C.25 KGO
- Thánh võ: C.10 NG
- Thánh vức: C.4 KĐ5C
- Thăng hà: KTKVTH
- Thăng Thiên: C.4 KĐ7C
- Thâm thâm: DLCK
- Thân bằng: KCBCTBCHĐQL
- Thân biến: C.10 TG
- Thân chú: VSTC
- Thân minh: C.20 KSH
- Thân Nông: C.5 KVÁC
- Thân thông: C.5 KĐ8C
- Thân tinh: C.20 KTHĐMP
- Thân văn: C.10 NG

Th

- Tha quả vong căn: C.22 KCTPDQL
- Thác địa: C.11 PG
- Thạc xá: C.6 KĐ7C

- Thập ác: C.15 KĐ1C
- Thập điện Từ Vương: C.11 KCS
- Thập nhị Địa Chi: C.29 PMCK
- Thập Thiên Can: C.29 PMCK
- Thất thập nhị Địa: C.19 KNHTĐ
- Thất tình: C.12 KGO
- Thất Tổ: C.3 KCTPDQL
- Thây phàm: C.2 KVÁC
- Thê nhi: C.266 KSH
- Thế đạo: NH & KTP
- Thế giá: C.3 PG
- Thi ân: C.3 KĐLC
- Thi ân hậu: C.133 KSH
- Thi hình: DLCK
- Thi pháp: DLCK
- Thi Thần: C.30 KNHTĐ
- Thi thơ chi phố: C.2 NG
- Thi bạc: C.125 KSH
- Thị chi: DLCK
- Thị Không thị Sắc: C.9 KNHTĐ
- Thích già: C.32 KGO
- Thích giáo: PG
- Thiên ân: C.1 BDR
- Thiên cảnh: C.9 KTL
- Thiên cung: C.5 PMCK
- Thiên đạo: NH
- Thiên Đê: C.1 KNHTĐ
- Thiên điều: C.7 KGO
- Thiên đình: C.5 KĐ2C
- Thiên hạ: C.4 NN
- Thiên Hậu: C.1 PMCK
- Thiên kiều: C.4 KTTg
- Thiên lương: C.42 PMCK
- Thiên mạng: C.17 PMCK
- Thiên môn: C.31 PMCK
- Thiên số: C.13 KTHĐMP
- Thiên tạo: C.1 KKĐCR
- Thiên Thai: C.2 KĐ3C
- Thiên thi: C.23 PMCK
- Thiên thiêu: C.11 KĐ6C
- Thiên thơ: C.12 KTTg
- Thiên Tôn: C.36 KNHTĐ
- Thiển minh: C.1 BDH
- Thiệt Nam tử: DLCK
- Thiệt Nữ nhân: DLCK
- Thiệt niệm: C.45 TTCĐDTKM
- Thiêng liêng Hằng sống: C.1 KCHKHH
- Thiệu tàn: C.8 KĐ4C
- Thiệu quang: C.10 KĐ2C
- Thiệu quang nhị bá: C.4 KTTg
- Thịnh thịnh: C.13 KĐLC
- Thịnh giá: C.12 KTP
- Thọ khảo: C.23 KTT
- Thọ tri: DLCK
- Thoại khí: C.1 KĐ9C
- Thoát trần: C.12 KĐ9C
- Thon von: C.4 KTCMĐQL
- Thông dong: C.27 KTCMĐQL
- Thổ khí: C.10 PG
- Thông Thiên định Địa: C.9 KĐ5C
- Thông truyền: C.8 NH
- Thông ngự: C.4 KNHTĐ
- Thời thừa: C.11 KNHTĐ
- Thủ giải: C.14 PMCK
- Thủ lễ: C.118 KSH
- Thủ túc: C.1 KTHĐMP
- Thuận căn thuận mạng: C.24 KTT
- Thủy từ mẫn khổ: C.8 NG
- Thuyền Bát Nhã: C.25 PMCK
- Thuyền quyền: C.11 KTKCQV
- Thuyền thơ: C.16 KVH

- Thuyết giáo: C.12 KNH
- Thuyết pháp: KTP
- Thừa hạc: C.2 BXTCĐPTTT
- Thừa long: C.18 KCBCTBCHDQL
- Thương sanh: C.18 KCS
- Thương tâm: C.30 KTCMDQL
- Thường du: DLCK
- Thượng chương: C.18 KNHTĐ
- Thượng Hoàng: C.3 KTKVTH
- Thượng tấn: C.5 KTTg
- Thượng Thiên: C.12 KĐ7C
- Thượng trình: C.3 KTL

Tr

- Trái căn: C.4 KGO
- Trái chủ: C.17 KGO
- Trái oan: C.22 KGO
- Trại tịch: C.25 KNHTĐ
- Trăng cùm: C.372 KSH
- Trầm luân: C.28 TTCĐDTKM
- Trần ai: C.6 KKCDTTT
- Trần duyên: C.13 PMCK
- Trần tình: C.14 KKĐCR
- Trần Thần linh: C.1 KĐLC
- Tri khổ: DLCK
- Trí phạm: C.14 KNH
- Trị thế: C.7 KNH
- Triều tịch: C.52 PMCK
- Triều nghi: C.6 KĐ9C
- Trinh liệt: C.54 KSH
- Trở tâm: C.6 KĐRĐ
- Trợ lịnh: C.1 KĐLC
- Trụ căn: C.47 PMCK
- Trụ nghĩa: C.10 KĐ5C
- Trụ tâm: C.15 KTKVTH

- Trung dung: C.7 KK
- Trung giới: C.7 BXTCĐPTTT
- Trùng hườn: C.31 PMCK
- Trữ binh: C.4 NG
- Trừng: C.14 NG
- Trước khí: C.12 KTL
- Trước quang: C.6 KĐ4C
- Trương vi rống: C.10 KTKTQV
- Trường Canh: C.17 GTK
- Trường lưu: C.6 PG
- Trường sanh: C.6 KHH
- Trường thế sự: C.1 KĐRĐ
- Trường tôn: C.14 PMCK
- Trường Xuân: C.2 BDR
- Trường tiết: C.53 KSH

U U

- U hiển: C.18 KCS
- Uế trước: C.388 KSH
- Uổng tử: C.405 KSH
- Ứng dương: DLCK
- Ứng hóa: TG
- Ứng mộng: C.8 NG

V

- Vàn vàn: C.9 KĐ9C
- Vạn đại: C.14 BXTCĐPTTT
- Vạn linh: C.5 PMCK
- Vạn tượng: C.29 PMCK
- Vãng lai: C.18 PMCK
- Vãng sanh Thần chú: VSTC
- Văn ban võ bá: C.8 KTKVTH
- Văn Tuyên: C.13 NG
- Văn từ: C.14 KTP
- Vạn thói: C.17 KSH

- Vận trừ: C.42 PMCK
- Vận từ: C.15 PMCK
- Vật dục: C.1 KKĐN
- Vật hữu linh: C.10 KĐRĐ
- Vi diệu: DLCK
- Vị sanh: DLCK
- Viêm Đế: C.277 KSH
- Vinh kiếp: C.22 TG
- Vinh sanh: C.8 KVẮC
- Vinh tôn: C.16 PMCK
- Vinh trưởng: C.23 KTT
- Vô môn: C.9 KTKTQV
- Vô phu: C.159 KSH
- Vong hồn: C.1 KGO
- Vòng xây chuyển: C.1 KGO
- Vọng niệm: C.279 KSH
- Vọng Thiên: C.12 KĐ3C
- Vô can: C.212 KSH
- Vô cực: C.32 KNHTĐ
- Vô hồn viết từ: C.5 KTL
- Vô lượng công đức: KCK
- Vô siêu đọa: C.33 PMCK
- Vô thượng: C.32 KNHTĐ
- Vô Tự Kinh: C.8 KĐ5C
- Vô vi: C.4 TG
- Với: C.14 KSH
- Vương tân: C.11 NG

X

- Xa thơ: C.6 KTKVTH
- Xá lợi: C.13 KHH
- Xá Lợi tử: DLCK
- Xả tác: C.5 KTKVTH
- Xang Thiên: C.10 PG
- Xây quyền: C.5 KĐ7C

- Xe Như ý: C.12 KĐ5C
- Xe Tiên: C.6 NH
- Xích Thiên: C.2 KĐ5C
- Xiển giáo: C.18 PG
- Xuân Thu: C.43 PMCK
- Xương tàn: C.9 KHH
- Xương danh: C.20 PMCK
- Xương kỵ: C.181 KSH

Y

- Ý từ: C.5 NG
- Yếm dục: C.8 KKCDTTT
- Yếu thế: C.48 KSH

HẾT

KINH THIÊN-ĐẠO VÀ THẾ-ĐẠO

Giải Nghĩa
Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng